

OSHO

ĐI TÌM ĐIỀU HUYỀN BÍ

Tập 2

HÀ NỘI - 6/2010

OSHO

IN SEARCH OF THE MIRACULOUS

Volume 2

Mục lục

Giới thiệu	iii
1. Giúp đỡ bên ngoài cho sự tăng trưởng năng lượng kundalini	1
2 Chín muồi của thiền nhân trên con đường	49
3 Con đường kundalini: chân thực và tự do	91
4 Bí ẩn của bảy thể và bảy luân xa	139
5 Bí ẩn huyền nhiệm của tôn giáo	191
6 Shaktipat: bí ẩn của điện thân thể	245
7 Kundalini: kỉ luật siêu việt	279
8 Chiều hướng bí truyền của mật tông	321
9 Chiều sâu huyền bí của kundalini và tâm linh	365
Về Osho	409

Giới thiệu

"Có, không và Ồi chao là những từ duy nhất mà chúng ta thực sự cần..." Viên ngọc này được truyền lại cho tôi nhiều năm trước đây như một người bạn khi tôi đã lặn lội một cách kinh hoàng qua dãy núi Colorado Rockies, và tôi thường nhớ tới nó trong tuần cuối khi tôi vật lộn để viết lời giới thiệu cho cuốn sách này.

Cho nên... ỒI CHAO! Bây giờ tôi cảm thấy khá hơn và có thể đảm đương được việc kể một câu chuyện nhỏ. Quãng hai năm trước đây, khi tôi đi tìm những dẫn chứng từ Osho nói về rèn luyện thân thể trong Thư viện Nghiên cứu, tay tôi cảm thấy tựa như có từ lực hút về một bản thảo huyền bí gọi là Kinh nghiệm Huyền bí mà trong đó Osho giới thiệu về Thiền Động và thảo luận về việc chuyển năng lượng Kundalini trong thân thể theo một cách chính xác và chi tiết như nhà khoa học có thể mô tả về chuyển động của điện tử trong vụ nổ nguyên tử.

Tôi ngời mê mãi hết cả ngày còn lại, khi Osho trút ra hết sáng suốt này đến sáng suốt khác về các luật của "sự bùng nổ bên trong". Thế rồi tôi chạy đến những người trong Bộ phận Xuất bản để hỏi tại sao một tài liệu quý giá như thế lại không có sẵn trong hiệu sách của Công xã. "Có đấy, có đấy," nhân viên Xuất bản nói, chín chương đầu đã được xuất bản dưới tên Đi tìm điều huyền bí, Tập Một và phần còn lại đã được lên lịch xuất bản...

Và thế là chúng tôi đi tới khoảnh khắc hiện tại, và phát hiện ra Osho đang nói về những chủ đề "bí truyền" nhất theo một cách thức hoàn toàn thực tiễn và trần tục...

"Kundalini của bạn là năng lượng đang ngủ. Biên giới của nó trải rộng từ trung tâm dục tới não..."

"Điều đáng quan tâm nhất là sự kiện rằng giữa hai cực đoan này bạn không thể nghỉ ở bất kì đâu được, bạn không thể tạm dừng ở bất kì đâu được..."

"Nấn ná lại giữa chừng là không đúng, không tự nhiên không có nghĩa. Điều ấy tựa như một người trèo lên thang rồi dừng lại lưng chừng. Với người đó chúng ta sẽ nói, "Làm một trong hai điều này: trèo lên hoặc tụt xuống đi, vì thang không phải là nhà, dừng ở giữa là vô nghĩa." Không thể nào có người vô dụng hơn là người đang dừng ở lưng chừng thang. Bất kì điều gì người đó phải làm, người đó cũng chỉ có thể làm ở trên đỉnh thang hay dưới chân thang mà thôi.

"Cho nên cột sống là chiếc thang, cứ nói như vậy đi. Trong chiếc thang này, mỗi đốt sống là một bậc thang. Kundalini bắt đầu từ trung tâm thấp nhất và đạt tới chính đỉnh. Nếu nó đạt tới trung tâm cao nhất, bùng nổ là điều không thể tránh khỏi. Nếu nó vẫn còn tại trung tâm thấp nhất, chắc chắn là nó lấy dạng phát tiết dục. Bùng nổ là không tránh khỏi trong trường hợp thứ nhất và phát tiết ra là trong trường hợp thứ hai. Hai điều này nên được hiểu rõ."

Làm sao trèo lên thang được? Cuốn sách này là bản lộ trình, sách hướng dẫn tới khoa học về giả kim thuật bên trong.

Việc nhận shaktipat từ thầy ngụ ý nghĩa gì? Ân huệ là gì? Làm sao năng lượng kundalini khác biệt trong đàn

ông và đàn bà? Nó biểu lộ ra như thế nào khi nó đi qua bấy lâu xa? Việc nói tới sự hội nhập với người đàn ông bên trong, người đàn bà bên trong thực sự ngụ ý gì? Ý nghĩa của Mật tông là gì, và làm sao những người yêu nhau có thể giúp lẫn nhau để đi từ trung tâm thấp nhất tới trung tâm cao nhất?

Và tất cả qua điều đó, lặp đi lặp lại, Osho nhắc nhở chúng ta rằng đi tìm điều huyền bí là việc tìm kiếm bên trong, và không trở nên bị lạc trong người khác, dù đó là người yêu hay thầy.

"Hãy mang lời hướng dẫn này từ bất kì chỗ nào bạn nhận được nó: nhiều lần nó sẽ mất. Nó không thể vĩnh hằng được, vì nó đến từ người khác... Do đó, hãy im lặng mang điều bạn nhận được, biết ơn và đi tiếp. Và nếu bạn cảm thấy rằng cái gì đó tới nhưng rồi lại mất đi, thế thì tìm đến ngọn nguồn bên trong mà tại đó nó không bao giờ mất đi cả. Thế thì không có cách nào mất đi, vì kho báu của riêng bạn là vô hạn. Cái được người khác ban tặng cho bạn đều đứng trước khả năng trở nên bị mất đi. Đừng là kẻ ăn xin, người cứ hỏi xin từ người khác. Cái bạn nhận được từ người khác nên khiến bạn bắt đầu việc tìm kiếm riêng của mình."

Vâng, thưa Osho, vâng.

Ma Deva Nirvesha

1

Giúp đỡ bên ngoài cho sự tăng trưởng năng lượng kundalini

Thầy đã nói tại trại thiền Nargol rằng nghĩa của shaktipat - việc truyền năng lượng thiêng liêng - là ở chỗ năng lượng của điều thiêng liêng giáng xuống thiền nhân. Sau đó Thầy lại nói rằng có khác biệt giữa shaktipat và ân huệ. Hai phát biểu này dường như mâu thuẫn nhau. Xin thầy giải thích.

Có hơi khác biệt giữa hai điều này và cũng có chút ít tương tự giữa hai điều này nữa. Thực tại trường của điều này lẫn sang điều kia. Shaktipat là năng lượng của điều thiêng liêng. Thực tế, không có năng lượng nào khác ngoại trừ năng lượng của điều thiêng liêng. Tuy nhiên, trong shaktipat, con người vận hành như một trung gian. Mặc dầu chung cuộc, người này cũng là một phần của

điều thiêng liêng, nhưng trong giai đoạn đầu, cá nhân vận hành như một trung gian.

Cũng hết như sét loé ngang bầu trời và ánh sáng điện làm sáng nhà: chúng là như nhau nhưng ánh sáng chiếu trong nhà được đem tới qua trung gian và bàn tay con người hiển nhiên có đằng sau nó.

Sét loé lên trong cơn mưa cũng là cùng năng lượng của điều thiêng liêng nhưng nó không do con người mang tới. Nếu con người trở nên tuyệt chủng, sét vẫn cứ tiếp tục loé sáng ngang bầu trời, nhưng bóng đèn điện sẽ không làm việc nữa. Shaktipat giống như bóng đèn điện trong đó con người là trung gian; ân huệ là sét trên bầu trời xảy ra không cần sự trợ giúp của trung gian.

Người đạt tới mức độ năng lượng này, người có tiếp xúc với điều thiêng liêng, có thể vận hành như trung gian vì người đó là phương tiện tốt hơn bạn cho điều này xảy ra. Người đó quen với năng lượng này và cách làm việc của nó. Năng lượng này có thể đi vào bạn nhanh chóng hơn khi qua người đó. Bạn còn hoàn toàn chưa quen biết, chưa chín muồi; người này là phương tiện đã chín muồi. Nếu năng lượng đi vào bạn qua người đó, nó tới dễ dàng vì người đó là một trung gian có hiệu quả.

Điều thứ hai, người đó là một kênh hẹp qua đó bạn sẽ nhận năng lượng, nhưng chỉ theo khả năng của bạn thôi. Bạn có thể ngồi dưới ánh sáng điện trong nhà và đọc vì nó là ánh sáng đều đặn; bạn không thể đọc dưới tia sét trong bầu trời vì nó không theo cách đều đặn.

Nếu bỗng nhiên, bởi may mắn, một người ở vào trạng thái mà ân huệ có thể giáng xuống người đó hay một tình huống bất thần được tạo ra mà shaktipat xảy ra cho người đó không qua trung gian, thế thì có mọi khả năng người

đó hoảng sợ hay trở thành mất trí. Năng lượng đã giáng xuống người đó có thể quá nhiều mà khả năng giữ lại của người đó quá nhỏ; do đó người đó có thể bị tan tành hoàn toàn. Thế thì những kinh nghiệm chưa biết, không quen thuộc của vui vẻ sẽ trở thành đau đớn và không thể chịu đựng nổi.

Điều này cũng tựa như một người đang ở trong bóng tối trong nhiều năm bỗng nhiên được đem ra ánh sáng ban ngày: đen tối sẽ còn sâu sắc hơn bao giờ hết và người đó sẽ không thể nào thấy được ánh sáng mặt trời. Mắt người đó đã quen nhìn trong bóng tối, cho nên chúng không thể chịu được ánh sáng chói lòa và sẽ phải nhắm lại.

Cho nên đôi khi sự việc xảy ra là một tình huống như thế có thể xuất hiện bên trong bạn, trong đó năng lượng vô hạn của ân huệ vô tình giáng xuống bạn; nhưng tác động của nó có thể là tai họa, hủy diệt, nếu bạn chưa sẵn sàng. Bạn đã bị mắc trong vô ý thức cho nên biến cố có thể trở thành thảm họa. Vâng, ân huệ cũng có thể trở thành có hại và mang tính hủy diệt.

Trong trường hợp của shaktipat, những cơ hội cho tai nạn là rất ít, gần như không, vì có người vận hành như trung gian, như phương tiện. Truyền qua trung gian, năng lượng trở thành nhẹ nhàng và ôn hòa, và người trung gian cũng có thể điều chỉnh cường độ của năng lượng. Người đó có thể cho phép chỉ một lượng năng lượng nào đó được chảy vào bạn mà bạn có thể giữ lại được. Nhưng nhớ lấy, người trung gian chỉ là phương tiện và không phải là cội nguồn của năng lượng này.

Cho nên nếu một người nói rằng người đó đang làm shaktipat, rằng người đó đang làm việc truyền năng lượng, thế thì người đó sai. Điều ấy cũng hệt như là bóng

đèn tuyên bố rằng nó là người đem cho ánh sáng. Vì ánh sáng bao giờ cũng được phát ra qua bóng đèn, bóng đèn có thể bị ảo tưởng rằng nó là đang sáng tạo ra ánh sáng. Điều này không phải là như vậy. Nó không phải là nguồn sáng chủ chốt mà chỉ đơn thuần là trung gian để biểu lộ ánh sáng. Cho nên một người tuyên bố rằng mình có thể thực hiện shaktipat là đang trong cùng ảo tưởng như bóng đèn vậy.

Năng lượng được truyền qua bao giờ cũng là năng lượng của điều thiêng liêng. Nhưng nếu một người trở thành trung gian, thế thì chúng ta có thể gọi điều đó là shaktipat. Nếu không có trung gian và năng lượng này giáng xuống bất thần, nó có thể có hại. Nhưng nếu một người đã chờ đợi đủ lâu, nếu một người đã thiên với sự kiên nhẫn vô hạn, thế thì shaktipat nữa cũng có thể xảy ra dưới dạng ân huệ. Thế thì sẽ không có trung gian, nhưng thế thì sẽ không có tai nạn. Chờ đợi vô hạn của người đó, kiên nhẫn vô hạn của người đó, thành tâm không dao động của người đó, quyết tâm vô tận của người đó, đã làm phát triển khả năng của người đó để cho phép điều vô hạn. Thế thì sẽ không có tai nạn. Và biến cố có thể xảy ra theo cả hai cách - có hay không có trung gian. Nhưng khi thiếu trung gian người đó sẽ không cảm thấy nó như shaktipat mà như ân huệ từ cõi bên kia.

Cho nên có những điểm tương đồng cũng như những điểm khác biệt giữa hai điều này. Tôi thiên về ân huệ mỗi khi điều ấy là có thể; mỗi khi có thể, không nên qua trung gian. Nhưng trong một số trường hợp điều này là có thể và trong một số trường hợp khác điều này là không thể. Cho nên đáng lẽ với loại người đang lang thang vô hạn kiếp, một người nào đó có thể được làm thành trung gian để đem năng lượng thiêng liêng xuống cho họ. Chỉ người đó mới có thể là người trung gian, tuy nhiên, người đó

phải không còn là một bản ngã cá thể nữa. Thế thì mối nguy hiểm là gần như không, vì một người như thế trong khi trở thành người trung gian, không trở thành guru: không có người nào còn lại để trở thành guru. Hiểu khác biệt này cho rõ.

Khi một người trở thành guru, người đó trở thành guru trong qui chiếu với bạn; khi một người trở thành trung gian, người đó trở thành như thế trong quan hệ với bản thể vũ trụ; thế thì người đó chẳng có liên quan gì tới bạn cả. Bạn có hiểu khác biệt này không?

Bản ngã không thể tồn tại trong bất kì trạng thái nào được sinh ra trong mối quan hệ với bạn. Cho nên guru thực là người không trở thành guru. Định nghĩa về *sadguru*, thầy hoàn hảo, là người không trở thành guru. Điều này có nghĩa là tất cả những ai tự gọi mình là guru đều không đủ phẩm cách là guru. Không có gì mất tư cách lớn hơn việc tuyên bố về mình là guru; điều đó chỉ ra sự hiện diện của bản ngã trong người như thế, và điều đó là nguy hiểm.

Nếu một người bỗng nhiên đạt tới trạng thái hư không, trạng thái bản ngã đã biến mất hoàn toàn, người đó có thể trở thành trung gian. Thế thì shaktipat có thể xảy ra gần người đó, trong sự hiện diện của người đó, và không có khả năng nguy hiểm. Không có nguy hiểm gì cho bạn hay cho người trung gian mà qua đó năng lượng tuôn chảy.

Và vậy mà về cơ bản tôi thiên về ân huệ. Khi bản ngã đã chết và người đó không còn là một cá nhân nữa, khi những điều kiện này được đáp ứng, shaktipat gần như trở thành ân huệ.

Nếu cá nhân đó không tự ý thức về trạng thái này, thế thì shaktipat là rất gần với ân huệ. Thế thì chỉ ở gần người đó cũng có thể đem lại biến cố. Người này xuất hiện với bạn như một người nhưng thực tế người đó đã trở thành một với điều thiêng liêng. Tốt hơn là nên nói rằng người đó đã trở thành bàn tay của điều thiêng liêng chìa ra cho bạn. Người đó gần bạn. Bây giờ một người như thế hoàn toàn là công cụ. Nếu người đó nói theo ngôi thứ nhất trong trạng thái ý thức như thế, chúng ta có khuynh hướng hiểu lầm người đó. Khi một người như vậy nói 'tôi' người đó ngụ ý cái ta tối cao - nhưng thật khó cho chúng ta hiểu ngôn ngữ của người đó.

Đó là lí do tại sao Krishna có thể nói với Arjuna, "Bỏ tất cả các cái khác và buông xuôi nơi ta." Trong hàng nghìn năm chúng ta sẽ dẫn đo về đây là loại người nào mà nói, "Buông xuôi nơi ta." Phát biểu của ông ấy dường như xác nhận sự hiện diện của bản ngã. Nhưng người này có thể nói điều đó theo cách này đơn giản vì người đó không còn là bản ngã nữa. Bây giờ cái 'ta' của người đó là bàn tay của ai đó được chìa ra, và chính ai đó đang ở đằng sau người đó nói, "Buông xuôi nơi ta - cái một duy nhất." Những lời này, cái một duy nhất là vô giá. Krishna nói, "Buông xuôi nơi ta, cái một duy nhất." Cái 'ta' không bao giờ là cái một duy nhất - nó là nhiều. Krishna đang nói từ nơi mà cái 'ta' là cái một duy nhất, và điều này không phải là ngôn ngữ của bản ngã.

Nhưng chúng ta chỉ hiểu ngôn ngữ của bản ngã; do đó, chúng ta cảm thấy rằng Krishna đã đưa ra một tuyên bố đầy bản ngã bằng việc bảo Arjuna phải buông xuôi nơi ông ấy. Nhưng đây là sai lầm. Chúng ta bao giờ cũng có hai cách nhìn vào mọi vật: một là qua quan điểm riêng của chúng ta, từ nơi chúng ta thường xuyên bị lừa dối; và cách kia là từ quan điểm của điều thiêng liêng, từ nơi

không có vấn đề về lừa dối. Cho nên biến cố có thể xảy ra thông qua một người như Krishna, người mà bản ngã cá nhân không còn đóng vai trò gì nữa.

Cả hai biến cố, shaktipat và ân huệ, là rất mâu thuẫn ở ngoại vi; cả hai là rất gần nhau tại trung tâm. Tôi thiên về không gian đó nơi khó phân biệt được giữa shaktipat và ân huệ. Một mình điều đó là hữu dụng; một mình điều đó là có giá trị.

Một sư ở Trung quốc thường kỉ niệm ngày sinh của guru của mình bằng lễ hội lớn. Mọi người hỏi ông ấy đang mở hội cho ngày sinh của ai, vì ông ấy bao giờ cũng nói rằng ông ấy không có guru và rằng không cần guru. Thế thì tất cả những điều này là về gì vậy? Ông ấy cầu xin họ đừng hỏi về ông ấy, nhưng họ cứ nài nỉ, "Hôm nay là ngày của guru - thầy có guru không?"

Sư nói, "Đừng làm khó cho ta. Tốt hơn cả là ta im vậy."

Nhưng ông ấy càng im lặng người ta lại càng nài nỉ nhiều, "Vấn đề là gì vậy? Có gì mà thầy phải mở hội? - vì đây là ngày mở hội thầy. Thầy có thầy không?"

Sư nói, "Nếu các ông cứ nài nỉ thế thì ta phải nói đôi điều về việc đó. Hôm nay ta nhớ tới một người đã từ chối làm guru của ta, vì nếu người đó đã chấp nhận ta như đệ tử, ta sẽ đi lạc lối. Ngày đó khi ông ấy từ chối ta, ta đã rất giận ông ấy, nhưng hôm nay ta muốn cúi mình trước ông ấy với lòng biết ơn lớn lao. Nếu mà ông ấy muốn, ông ấy đã có thể là guru của ta rồi, vì chính ta đã cầu xin ông ấy chấp nhận ta, nhưng ông ấy đã không đồng ý."

Thế là mọi người hỏi, "Thế thì thầy việc gì phải cảm ơn ông ấy khi ông ấy đã từ chối thầy?"

Sư nói, "Phải nói rằng bằng việc không trở thành guru của ta mà con người này đã làm cho ta điều mà không guru nào có thể làm được. Do đó, nghĩa vụ của ta gấp đôi. Nếu như ông ấy đã là guru của ta, sẽ có cái gì đó cho và nhận từ cả hai phía. Ta sẽ chạm vào chân ông ấy, cúng dường tôn kính và kính trọng của mình, và vấn đề đã được chấm dứt. Nhưng con người này đã không yêu cầu phải kính trọng và ông ấy đã không trở thành guru ta. Do đó nghĩa vụ của ta đối với ông ấy gấp đôi lên. Điều này hoàn toàn là một phía: ông ấy cho và ta thậm chí không thể cảm ơn ông ấy được, bởi vì ông ấy đã không để lại chỗ nào cho điều đó cả."

Bây giờ trong tình huống như thế này sẽ không còn bất kì khác biệt nào giữa shaktipat và ân huệ cả. Khác biệt càng lớn bạn càng phải tránh xa nó; càng ít khác biệt càng tốt hơn. Do đó, tôi nhấn mạnh vào ân huệ. Cái ngày shaktipat tới rất gần với ân huệ, gần đến mức bạn không thể phân biệt được giữa shaktipat và ân huệ, biết rằng biến cố đúng đắn đã xảy ra. Khi điện trong nhà bạn trở thành tựa như tia chớp tự nhiên và không cản trở trên bầu trời và trở thành một phần của năng lượng vô hạn, khoảnh khắc đó bạn nên biết rằng nếu shaktipat xảy ra, nó cũng tương đương với ân huệ. Nhớ điều tôi vừa nói.

Tại trại thiền Nargol Thầy đã nói rằng hoặc năng lượng dâng lên từ bên trong và đạt tới điều thiêng liêng, hoặc năng lượng của điều thiêng liêng hạ

xuống và hội nhập vào bên trong. Thầy đã nói rằng trường hợp thứ nhất là việc dâng lên của kundalini; còn trường hợp thứ hai là ân huệ của điều thiêng liêng. Thế rồi về sau Thầy lại nói rằng khi năng lượng ngủ bên trong gặp gỡ với năng lượng khổng lồ của cái vô hạn, việc bùng nổ xảy ra, mà đó chính là samadhi. Liệu sự hợp nhất của kundalini được thức tỉnh và của ân huệ phải chăng là tuyệt đối cần thiết cho việc đạt tới samadhi? Hay liệu tiến hoá của kundalini cho tới sahasrar có tương tự như việc xảy ra của ân huệ thiêng liêng không?

Bùng nổ chẳng bao giờ xảy chỉ với một năng lượng. Bùng nổ là việc hợp nhất của hai năng lượng. Nếu bùng nổ có thể có với một năng lượng, thế thì nó đã xảy ra từ lâu rồi.

Hệt như là nếu bạn có hộp diêm và bạn đặt một que diêm gần nó: chúng có thể nằm như vậy vô hạn định và chẳng có ngọn lửa nào phát sinh cả. Dù khoảng cách giữa hai vật này nhỏ đến đâu - nửa xăng ti mét hay một phần tư xăng ti mét cũng chẳng khác biệt gì - vẫn chẳng có kết quả nào. Để có được bùng nổ, việc cọ xát giữa hai vật này là cần thiết; chỉ thế thì bạn mới có lửa. Lửa bị dẫu kín trong cả hai nhưng không có cách nào tạo ra nó với chỉ một trong hai vật này.

Bùng nổ xảy ra khi hai năng lượng này gặp nhau. Vậy, lực đang ngủ bên trong một cá nhân phải dâng lên tới sahasrar và chỉ thế thì hợp nhất, bùng nổ, mới có thể. Không thể có hợp nhất ngoại trừ tại điểm sahasrar. Điều này giống như cửa nhà bạn vẫn đóng và mặt trời đang chiếu sáng bên ngoài. Ánh sáng ở bên ngoài cửa nhà bạn. Bạn đi bên trong nhà cho tới cửa, nhưng bạn sẽ không

gặp ánh sáng mặt trời. Chỉ khi cửa mở ra bạn mới đi vào tiếp xúc với ánh sáng mặt trời.

Cho nên điểm tối thượng của kundalini là sahasrar. Đó là cánh cửa nơi ân huệ đang đợi chúng ta. Điều thiêng liêng bao giờ cũng đợi tại cánh cửa này. Chính bạn không ở cửa: bạn bao giờ cũng ở đâu đó bên trong. Bạn phải đi đến cánh cửa ấy. Tại đó hợp nhất sẽ xảy ra, và hợp nhất đó sẽ có dạng bùng nổ. Nó được gọi là bùng nổ bởi vì thế thì bạn sẽ lập tức biến mất; bạn sẽ không còn nữa. Que diêm đã cháy trong bùng nổ nhưng hộp diêm vẫn còn đó. Que diêm chính là bạn, biến thành tro và hội nhập vào cái vô hình.

Trong biến cố đó bạn sẽ không còn nữa. Bạn sẽ mất đi; bạn sẽ vỡ ra và tan tành; bạn sẽ không còn đó nữa. Bạn sẽ không còn là cái bạn đã từng là đằng sau cánh cửa đóng lại. Tất cả những cái đã từng là, bạn sẽ mất đi. Chỉ cái một đang đợi bên ngoài cánh cửa là còn lại, và bạn sẽ trở thành một phần của nó. Điều này không thể xảy ra cho một mình bạn được, bởi bản thân bạn được. Để có được bùng nổ này bạn cần phải đạt tới năng lượng vũ trụ vô hạn. Năng lượng đang ngủ bên trong phải được thức tỉnh và làm cho dâng lên tới sahasrar nơi năng lượng vũ trụ chờ đợi mãi mãi. Cuộc hành trình của kundalini bắt đầu từ trung tâm đang ngủ của bạn và kết thúc ở chỗ, ở biên giới, nơi bạn biến mất.

Cho nên có một biên giới thuộc về tầng vật lí, điều chúng ta coi là đương nhiên đã có. Nhưng đây không phải là biên giới lớn hơn. Nếu tay tôi bị chặt đi cũng chẳng có mấy khác biệt đối với tôi. Nếu chân tôi bị chặt đi, thân thể sẽ không chịu đau nhiều, vì tôi vẫn còn. Nói cách khác, tôi vẫn còn mặc những thay đổi bên trong các giới hạn này. Thậm chí cả mắt và tai mà không có, tôi vẫn còn.

Cho nên biên giới thực tại của bạn không phải là biên giới của thân thể; biên giới thực tại của bạn là trung tâm sahasrar, sau nơi đó bạn không còn nữa. Ngay khi bạn lần sang biên giới này, bạn đã mất rồi; bạn không thể còn lại được.

Kundalini của bạn là năng lượng đang ngủ của bạn. Biên giới của nó trải rộng từ trung tâm dục tới đỉnh đầu. Đó là lí do tại sao chúng ta liên tục nhận biết rằng chúng ta có thể không đồng nhất mình với các bộ phận khác của thân thể, nhưng chúng ta không thể phá vỡ được sự đồng nhất mình với khuôn mặt, với cái đầu. Dễ dàng nhận ra rằng "tôi có thể không phải là cái tay", nhưng nhìn vào mặt mình trong gương mà quan niệm rằng "tôi không phải là khuôn mặt này", là rất khó khăn. Khuôn mặt và cái đầu là giới hạn. Do đó, con người sẵn sàng để mất mọi thứ trừ trí tuệ mình.

Có lần Socrates nói về mãn nguyện, ông ấy nói rằng đó là kho báu vĩ đại. Ai đó hỏi ông ấy liệu ông ấy thích là một Socrates không hài lòng hay là con lợn thoả mãn. Socrates đáp, "Tôi thích là một Socrates không hài lòng hơn là con lợn thoả mãn, bởi vì con lợn thoả mãn không có tri thức gì về sự mãn nguyện của nó cả. Một Socrates không thoả mãn ít nhất cũng có ý thức về cái không thoả mãn của mình." Con người này, Socrates, đang nói rằng con người sẵn sàng mất tất cả, trừ trí tuệ của mình - cho dù nó là trí tuệ không được thoả mãn.

Trí tuệ cũng rất gần với trung tâm sahasrar, luân xa thứ bảy và cuối cùng. Nói đại thể chúng ta có hai biên giới. Một là trung tâm dục; dưới trung tâm này thế giới của tự nhiên bắt đầu. Tại trung tâm dục không có khác biệt giữa cây cối, chim chóc, muông thú và bản thân chúng ta. Trung tâm này là giới hạn tối hậu cho chúng,

trong khi đối với con người nó là điểm đầu tiên, tuyến xuất phát. Khi chúng ta dựa vào trung tâm dục, chúng ta nữa cũng là con vật. Giới hạn kia của chúng ta là trí tuệ. Nó ở gần đường biên thứ hai của chúng ta mà vượt ra ngoài nữa là điều thiêng liêng. Bên ngoài điểm này chúng ta không còn là bản thân mình; thế thì chúng ta là điều thiêng liêng. Đây là hai đường biên của chúng ta, và giữa hai đường biên này năng lượng chúng ta chuyển động

Bây giờ, kho dự trữ nơi tất cả các năng lượng của chúng ta đang nằm ngủ là ở gần trung tâm dục. Đó là lí do tại sao chín mươi chín phần trăm ý nghĩ, mơ mộng và hoạt động của con người đều dành cho xung quanh kho dự trữ này. Dù chúng ta có biểu lộ mức độ văn hoá như thế nào, cũng chẳng thành vấn đề, dù cho xã hội có thể viện ra những cơ giả tạo thế nào, con người vẫn sống và ở đây một mình: người đó sống quanh trung tâm dục. Nếu người đó kiếm tiền, đây là vì dục; nếu người đó xây nhà, đây là vì dục; nếu người đó kiếm danh vọng, người đó cũng làm như vậy vì dục. Tại gốc rễ của nó tất cả chúng ta sẽ thấy dục.

Những người đã hiểu đều nói về hai mục đích - dục và giải thoát. Hai mục đích khác, của cải và tôn giáo, chỉ là phương tiện. Của cải là nguồn tài nguyên của dục; do đó, thời đại càng nhiều dục, nó lại càng hướng của cải. Thời đại càng nhiều tìm kiếm giải thoát, nó lại càng khát khao tôn giáo. Tôn giáo chỉ là phương tiện như của cải là phương tiện. Nếu bạn khao khát giải thoát, tôn giáo trở thành phương tiện. Nếu bạn muốn có thoả mãn dục, của cải là phương tiện. Cho nên có hai mục tiêu và hai phương tiện - vì chúng ta có hai biên giới.

Điều thú vị là giữa hai cực điểm này bạn không thể nghỉ được ở bất kì đâu, bạn không thể dừng ở bất kì chỗ

nào. Nhiều người thấy mình gặp khó khăn lớn vì họ không có ham muốn về giải thoát, và nếu bởi lí do nào đó họ trở nên đối kháng với dục, họ thấy mình trong tình thế khó chịu khủng khiếp. Họ bắt đầu ra xa khỏi trung tâm dục, nhưng họ lại chẳng đi đâu tới gần trung tâm giải thoát. Họ rơi vào hoài nghi và bất định, và điều đó rất khó khăn, rất đau đớn, và thực sự là địa ngục. Cuộc sống của họ đầy những rối loạn bên trong.

Nấn ná ở lưng chừng là không đúng không tự nhiên mà cũng vô nghĩa. Cứ dường như một người trèo lên thang rồi dừng lại nửa chừng. Với người đó chúng ta sẽ nói, "Làm một trong hai điều này: hoặc trèo lên hoặc tụt xuống, vì thang không phải là nhà, dừng ở giữa là vô nghĩa." Không thể nào có người vô ích hơn là người đang dừng ở lưng chừng thang. Bất kì điều gì người đó phải làm, người đó có thể làm nó hoặc ở trên đỉnh thang hay dưới chân thang.

Cho nên cột sống là chiếc thang, cứ nói như vậy. Trên chiếc thang này, mỗi đốt sống là một bậc thang. Kundalini bắt đầu từ trung tâm thấp nhất và đạt tới chính đỉnh. Nếu nó đạt tới trung tâm cao nhất, bùng nổ là không thể tránh khỏi. Nếu nó vẫn còn tại trung tâm thấp nhất, nó chắc chắn lấy dạng phát tiết dục, xuất tinh. Hai điều này phải được hiểu rõ.

Nếu kundalini ở tại trung tâm thấp nhất, việc phát tiết của năng lượng dục là không tránh khỏi. Nếu nó đạt tới trung tâm cao nhất bùng nổ là chắc chắn. Cả hai đều là bùng nổ và cả hai đều yêu cầu sự tham gia của người khác. Trong phát tiết dục người khác là cần có, cho dù đây là người khác tưởng tượng. Nhưng tất cả năng lượng của bạn không nên bị rải rác tại đây, vì đây chỉ là điểm bắt đầu của bản thể bạn. Bạn còn hơn thế nhiều, và bạn đã

tiến bộ nhiều từ đây. Con vật tràn đầy thỏa mãn tại điểm này và do đó không tìm kiếm giải thoát.

Nếu con vật có thể viết kinh sách, kinh sách được viết cho chúng chỉ nổi bật với hai mục đích: của cải và dục. Của cải sẽ là dạng thích hợp cho thế giới loài vật. Con vật béo tốt hơn, mạnh khỏe hơn, sẽ là kẻ giàu có hơn. Nó sẽ chiến thắng các con vật khác trong việc đua tranh dục; nó sẽ quần tụ được hàng chục con cái quanh nó. Và đây cũng là một dạng của cải. Lớp mỡ phụ bên trong thân thể nó là của cải của nó.

Con người cũng có giàu sang mà có thể được chuyển thành "mỡ" bất kì lúc nào. Một ông vua có thể có hàng nghìn mỹ nữ phi tần. Đã có thời của cải của người ta được đo bằng số vợ người đó có. Nếu một người là nghèo, làm sao người đó đảm đương được bốn vợ? Tiêu chuẩn ngày nay về giáo dục và số dư tài khoản là sự phát triển mới hơn nhiều. Ngày xưa số vợ là tiêu chuẩn duy nhất về của cải. Đây là lí do tại sao trong khi ca tụng về giàu có của các anh hùng cổ đại chúng ta đã thổi phồng số đàn bà của họ, và điều này nhiều lần là giả.

Chẳng hạn, mười sáu nghìn vợ của Krishna. Vào thời của Krishna, không có cách nào khác để diễn tả sự vĩ đại của ông ấy: "Nếu Krishna là người vĩ đại, thế thì ông ta có bao nhiêu vợ?" Cho nên chúng ta phải gọi lên con số khổng lồ mười sáu nghìn - thế thì đây là con số ấn tượng, mặc dầu ngày nay nó dường như không được ấn tượng đến thế do bùng nổ dân số. Vào những ngày đó không có nhiều người thế. Ở châu Phi thậm chí cho đến giờ còn có những cộng đồng chỉ có ba người. Cho nên nếu họ được nghe kể rằng một người có bốn vợ, đây sẽ là con số không thể được vì họ không biết gì bên ngoài số ba.

Trong cõi dục, hiện diện của người khác là cần thiết. Nếu người khác không hiện diện, ngay cả việc tưởng tượng về người khác cũng tạo ra hiệu quả cần thiết. Đó là lí do tại sao người ta tin rằng nếu Thượng đế hiện diện ngay cả trong tưởng tượng, bùng nổ có thể xảy ra. Do đó, một truyền thống lâu dài về *bhakti*, con đường của sùng kính, đã phát triển mà trong đó tưởng tượng được dùng như phương tiện cho bùng nổ. Nếu việc xuất tinh là có thể xảy ra qua tưởng tượng, tại sao bùng nổ năng lượng không thể xảy ra theo cùng cách tại sahasrar? Điều này làm nảy sinh khả năng gặp gỡ Thượng đế trong đầu thông qua việc dùng tưởng tượng. Nhưng điều này không thực sự có thể có. Xuất tinh là có thể trong tưởng tượng vì nó thực tế đã được kinh nghiệm; do đó nó có thể được tưởng tượng. Nhưng chúng ta chưa từng gặp Thượng đế; do đó không thể tưởng tượng được ngài. Chúng ta chỉ tưởng tượng được điều mà mình đã kinh qua.

Nếu một người đã kinh nghiệm một loại vui thú nào đó, người đó bao giờ cũng có thể ngồi lại, nhớ lại kinh nghiệm đó và tận hưởng nó lần nữa. Người điếc không thể nghe được trong giấc mơ dù người đó có cố gắng đến đâu đi chăng nữa; người đó thậm chí không thể nào tưởng tượng được âm thanh. Tương tự, người mù không thể nhìn thấy ánh sáng được. Nhưng nếu một người bị mất mắt, người đó bao giờ cũng có thể mơ được về ánh sáng. Hơn thế, bây giờ người đó chỉ thấy ánh sáng trong giấc mơ của mình, vì người đó không còn mắt để thấy nữa. Cho nên chúng ta có thể nhìn vào kinh nghiệm của mình, nhưng không có cách nào để tưởng tượng điều chưa bao giờ được kinh nghiệm cả.

Bùng nổ không phải là kinh nghiệm của chúng ta, do đó tưởng tượng không có tác dụng ở đây. Chúng ta thực tế phải đi vào trong, và thế thì biến cố thực tại có thể xảy

ra. Cho nên luân xa sahasrar là biên giới tối thượng của bạn, nơi bạn kết thúc.

Như tôi đã nói trước đây, con người là chiếc thang. Lời của Nietzsche trong hoàn cảnh này là rất quý giá. Ông ấy nói, "Con người là chiếc cầu bắc qua hai sự vĩnh hằng." Có một vĩnh hằng - đó là tự nhiên, cái không có kết thúc - và có một vĩnh hằng khác, về điều thiêng liêng, cũng vô hạn, vô giới hạn. Con người là cây cầu bắc giữa hai điều này. Do đó con người không phải là chỗ nghỉ. Người ta hoặc tiến lên hoặc lùi lại. Không có chỗ để xây nhà trên chiếc cầu này. Bất kì ai cố định cư trên nó đều phải hối hận, vì cầu không phải là nơi để xây nhà; nó chỉ có nghĩa để đi qua từ đầu này sang đầu kia.

Tại Fatehpur Sikri, Akbar đã cố gắng dựng nên một ngôi đền dành cho mọi tôn giáo. Ông ấy đã mơ về một tôn giáo, mà ông ấy gọi là Deen-e Ilahe - tinh hoa của mọi tôn giáo. Thế là ông ấy cho khắc một câu trên cửa lối vào, chính là lời của Jesus Christ. Nó nói là: Thế giới này chỉ là chỗ nghỉ và không phải là nhà vĩnh viễn. Bạn có thể dừng lại ở đây một khoảng thời gian nào đó, nhưng bạn không thể dừng lại mãi mãi. Đây chỉ là nơi nghỉ trên cuộc hành trình của bạn. Nó là mảnh đất cắm trại, nhà gỗ dựng tạm của lữ khách, nơi người ta có thể ở qua đêm và lại lên đường đi tiếp vào buổi sáng. Chúng ta dừng ở đây chỉ để cho chúng ta có thể nghỉ lại đêm và bắt đầu vào ngày mới. Không có mục đích gì khác. Chúng ta không dừng ở đây mãi mãi.

Con người là chiếc thang phải được trèo qua; do đó người đó bao giờ cũng căng thẳng. Nói rằng con người căng thẳng là không đúng; thay vì thế thì con người là sự căng thẳng. Cây cầu bao giờ cũng căng thẳng; nó là cây cầu bởi vì nó là căng thẳng. Nó là cái nằm giữa hai cực

đoan. Con người là sự căng thẳng không tránh khỏi; do đó con người chẳng bao giờ an bình, chẳng bao giờ an bình cả. Chỉ khi người đó trở thành giống như con vật người đó mới kinh nghiệm được một chút an bình, hay ngược lại người đó đạt được an bình hoàn hảo khi người đó trở thành điều thiêng liêng. Căng thẳng lỏng dần khi người đó trở thành con vật; thế thì người đó đã bước xuống chiếc thang để đứng trên đất nền, chỗ người đó đã từng quen thuộc trong hàng nghìn kiếp. Người đó đã làm giảm nhẹ cho mình bớt lo âu về căng thẳng. Cho nên con người tìm kiếm tự do khỏi căng thẳng trong dục, hay trong những kinh nghiệm khác có liên quan tới dục như rượu, ma túy, vân vân, cái có thể đem người đó vào vô ý thức tạm thời. Nhưng bạn có thể ở đó chỉ trong một khoảng ngắn ngủi; cho dù bạn muốn, bạn cũng không thể ở lại trong trạng thái con vật mãi mãi được. Ngay cả một người với phẩm chất tồi tệ nhất cũng chỉ có thể ở trong trạng thái con vật trong một khoảng ngắn ngủi mà thôi.

Người phạm tội giết người làm điều đó trong khoảnh khắc khi người đó trở thành con vật. Nếu như người đó chờ đợi một khoảnh khắc lâu hơn, có lẽ người đó có thể không làm được việc đó. Việc trở thành giống con vật của chúng ta là điều gì đó tựa như việc con người nhảy: trong một khoảnh khắc người đó trong không trung; thế rồi người đó rơi trở lại mặt đất. Cho nên người tồi tệ nhất trong con người không phải là tồi mãi mãi; người đó không thể thế được. Người đó chỉ như thế trong các khoảnh khắc; ngoài ra, người đó bình thường giống như bất kì người nào khác. Trong một khoảnh khắc người đó thấy thoải mái, vì người đó rơi trở lại vào cái nền đã biết nơi không có căng thẳng. Đây là lí do tại sao chúng ta thấy không có căng thẳng trong con vật.

Nhìn vào trong mắt chúng: không có căng thẳng. Con vật chẳng bao giờ phát điên hay tự tử; nó chẳng bị đau tim. Nhưng tất cả những điều này trở thành có thể đối với con vật đang bị con người cầm tù - khi nó phải kéo xe cho con người hay trở thành con vật nuôi trong nhà của người đó. Khi con người cố gắng kéo con vật qua chiếc cầu đó, sự phức tạp bắt đầu.

Bây giờ nếu một con chó lạc đi vào căn phòng này, nó sẽ đi lung tung theo ý thích, nhưng nếu một con chó nuôi đi vào, nó sẽ đi và ngồi tại nơi nó được ra lệnh. Bây giờ con chó nuôi này đã đi vào thế giới loài người và bỏ lại thế giới loài vật của nó đằng sau. Nó chắc chắn đưa nó vào rắc rối rồi. Nó là con vật bị bắt trải qua sự căng thẳng của con người. Vậy, nó mãi mãi trong lo âu. Nó năng nổ chờ đợi mệnh lệnh để chạy ra khỏi phòng này.

Con người có thể rơi lại vào trạng thái con vật chỉ trong thoáng chốc. Đây là lí do tại sao chúng ta nói rằng tất cả những niềm vui của mình đều ngắn ngủi. Niềm vui cũng có thể vĩnh hằng, nhưng nơi chúng ta tìm nó, đây chỉ là trạng thái nhất thời. Chúng ta cố tìm ra hạnh phúc trong trạng thái con vật, và điều này có thể chỉ có trong thoáng chốc rất ngắn. Chúng ta không thể vẫn còn trong trạng thái con vật lâu được. Khó mà quay lại trạng thái tồn tại trước đây của chúng ta. Nếu bạn muốn quay lại ngày hôm qua, bạn có thể nhắm mắt và quán tưởng - nhưng được bao lâu? Khi bạn mở mắt ra bạn sẽ thấy bản thân mình ở nơi bạn vẫn đang ở đấy.

Bạn không thể đi ngược lại. Bạn có thể bó buộc làm điều đó trong khoảnh khắc, nhưng rồi bạn bao giờ cũng ăn năn. Do đó, mọi vui thú nhất thời đều đem tới ăn năn trong quá trình của nó. Bạn bị bỏ lại với cảm giác là những cố gắng của bạn đều phù phiếm, nhưng sau vài

ngày bạn quên mất và lại rơi vào cũng sai lầm đó. Niềm vui nhất thời có thể đạt tới ở mức độ con vật, nhưng niềm vui vĩnh hằng, chỉ đạt tới khi hội nhập với điều thiêng liêng. Cuộc hành trình này phải được hoàn tất bên trong bản thể riêng của bạn. Bạn phải đi qua từ đầu cầu này sang đầu cầu kia; chỉ thế thì biến cố thứ hai mới xảy ra.

Do đó, tôi coi dục và samadhi là tương đương. Có lý do cho điều này. Thực tế, đây chỉ là hai biến cố tương đương nhau. Trong dục chúng ta ở tại một đầu cầu, bậc thang thấp nhất của chiếc thang, nơi chúng ta là một với tự nhiên; trong samadhi chúng ta ở đầu kia của cây cầu, bậc thang cao nhất của chiếc thang, nơi chúng ta là một với điều thiêng liêng. Cả hai đều là việc hợp nhất; cả hai đều là bùng nổ theo một cách nào đó. Trong cả hai trường hợp bạn đều làm mất bản thân mình theo một nghĩa đặc biệt: trong dục bạn mất bản thân mình trong thoáng chốc, còn trong samadhi, mất mãi mãi. Trong cả hai trường hợp bạn đều dừng tồn tại. Trường hợp trước là bùng nổ rất nhất thời, và sau đó bạn kết tinh lại, vì nơi bạn đã qua là trạng thái thấp hơn mà bạn không thể trở lại được. Nhưng một khi bạn hội nhập với điều thiêng liêng, bạn không thể kết tinh lại được nữa.

Việc đảo ngược này là không thể được để cho cái một đi vào trạng thái con vật. Điều đó tuyệt đối không thể được. Nó cũng hết như việc trông đợi người lớn chui được vào trong bộ quần áo trẻ sơ sinh. Bạn đã trở thành một với cái tuyệt đối, cho nên bạn không thể trở lại với cái cá thể. Bây giờ cái ngã cá thể đã trở thành nơi chật hẹp và ít ý nghĩa đến độ bạn không thể đi vào đó được nữa. Bây giờ bạn thậm chí không thể nào hình dung được làm sao bạn có thể vào trong nó. Vấn đề của cá thể kết thúc ở đây.

Để cho bùng nổ xảy ra, phải cần tới hai điều: cuộc hành trình bên trong của bạn phải đạt tới điểm của sahasrar và gặp gỡ với ân huệ ở đó...

Tại sao chúng ta gọi trung tâm này là sahasrar cần phải được giải thích. Cái tên này không phải là điều trùng hợp, mặc dầu ngôn ngữ bao giờ cũng phát triển một cách ngẫu nhiên và bởi việc sử dụng thường xuyên. Chúng ta dùng từ cái cửa: bất kì cái tên nào khác đều cũng có thể dễ dàng được dùng để kí hiệu cho cùng một thứ. Có hàng nghìn ngôn ngữ trên thế giới và phải có hàng nghìn từ có nghĩa cái cửa và có thể truyền đạt cùng ý nghĩa đó. Nhưng khi một thứ không ngẫu nhiên thì có xuất hiện sự tương tự trong mọi ngôn ngữ. Cho nên nghĩa của cái cửa, hay *dwar*, truyền đạt ý nghĩa của cái mà qua đó chúng ta đi vào và đi ra. Cho nên trong mọi ngôn ngữ từ được dùng cho cái cửa sẽ chuyển vận ý nghĩa này, vì đây là một phần của kinh nghiệm và không phải là sự bố trí trùng hợp. Ý tưởng về không gian mà qua đó lối vào và lối ra là có thể được đều được truyền đạt qua từ cái cửa này.

Vậy từ sahasrar đã được đặt ra như kết quả của các kinh nghiệm, và nó không phải là ngẫu nhiên. Ngay khi bạn đạt tới kinh nghiệm này, bạn cảm thấy dường như hàng nghìn nụ hoa nở rộ bên trong bạn một cách bất thần. Chúng ta nói một nghìn, nhưng ngụ ý vô hạn, và chúng ta ví nó với hoa vì kinh nghiệm này tựa như việc nở hoa. Cái gì đó bên trong đã từng khép lại như nụ chồi đã mở ra. Từ hoa được dùng trong ngữ cảnh của việc nở hoa. Và không chỉ một hay hai thứ nở ra - vô hạn thứ cùng nở ra.

Cho nên việc gọi chứng nghiệm này là "nở ra của hoa sen một nghìn cánh" là tự nhiên. Bạn đã từng thấy hoa sen nở ra dưới tia sáng mặt trời buổi sáng chưa? Quan sát

cẩn thận vào. Lại gần ao hoa sen và im lặng quan sát khi nụ hoa sen từ từ mở cánh ra. Thế thì bạn có thể quán tưởng điều cảm nhận sẽ là thế nào nếu hoa sen một nghìn cánh nở ra theo cách này trong đầu. Thế thì bạn sẽ có thể tưởng tượng về kinh nghiệm này theo cách nào đó.

Còn có một kinh nghiệm tuyệt vời khác: đó là dục. Những người đi sâu vào trong kinh nghiệm dục cũng cảm thấy việc nở hoa này, nhưng nó là kinh nghiệm lướt qua rất nhanh. Cái gì đó bên trong mở ra, nhưng nó khép lại gần như ngay tức khắc.

Nhưng có khác biệt giữa hai kinh nghiệm này. Trong kinh nghiệm dục hoa được cảm thấy treo xuống, trong khi trong samadhi cánh hoa nở được cảm thấy nở lên. Khác biệt này chỉ có thể thấy được bằng cách trải qua cả hai kinh nghiệm đó. Điều tự nhiên là hoa nở xuống nối bạn với thực tại thấp hơn, trong khi hoa nở lên nối bạn với thực tại cao hơn. Thực tế, việc nở hoa này là việc mở ra làm cho bạn thành mong manh với thực tại khác. Nó là cánh cửa mở ra - cánh cửa qua đó cái gì đó đi vào bên trong bạn để cho sự bùng nổ xảy ra.

Vậy, cả hai điều này đều cần tới. Bạn sẽ du hành lên trên cho tới sahasrar và có ai đó bao giờ cũng đợi bạn. Nói ai đó sẽ đến đó khi bạn tới là không đúng; phải nói là ai đó đã có ở đây rồi đang đợi cho biến cố xảy ra trong bạn.

*Liệu biểu lộ kundalini hướng về sahasrar chỉ có được bằng cách thông qua shaktipat không? Chỉ thế thì bùng nổ mới xảy ra chăng?
Nếu là như vậy, thế thì điều đó có nghĩa là có thể đạt tới samadhi qua ai đó khác không?*

Điều này cần phải được hiểu cho đúng. Trong sự tồn tại, trong cuộc sống, không có biến cố nào đơn giản đến mức bạn có thể hiểu nó chỉ bởi một khía cạnh về nó; nó phải được xem xét theo nhiều chiều. Bây giờ nếu tôi đập cánh cửa bằng búa và cửa mở ra, tôi có thể nói rằng cửa được mở ra bởi cú đập búa của tôi. Theo một nghĩa nào đó điều này đúng: nếu tôi không đập cửa, cửa sẽ không mở ra. Bây giờ cũng với cái búa đó tôi đập vào cánh cửa khác, nhưng búa có thể bị gãy mà cửa lại không mở - thế thì, ... Thế thì một nhân tố nữa bước vào tri thức của chúng ta: khi tôi đập cánh cửa thứ nhất và nó mở ra, đây không phải hoàn toàn do chiếc búa. Cánh cửa đã sẵn sàng mở rồi. Nó có thể đã cũ kỹ, nó có thể đã suy yếu, nhưng dù bất kì điều gì, nó đã sẵn sàng mở. Cho nên cánh cửa cũng là một nhân tố như chiếc búa cho điều này xảy ra. Trong trường hợp này chiếc búa đập vào và cửa mở ra; trong trường hợp kia, búa gãy mà cửa, không mở.

Cho nên khi biến cố xảy ra trong shaktipat, đây không hoàn toàn là do shaktipat. Tại đầu kia, thiền nhân phải trong hoàn cảnh đã có chuẩn bị bên trong và với sự sẵn sàng, vậy một cú xô khẽ cũng trở nên có hiệu quả. Nếu cú xô này không do shaktipat gây ra, thiền nhân có thể mất thời gian lâu hơn để đạt tới sahasrar. Cho nên kundalini không đạt tới sahasrar chỉ bởi vì shaktipat; chính yếu tố thời gian bị giảm đi - không gì nhiều hơn. Thiền nhân đẳng nào cũng sẽ đạt tới.

Giả sử tôi không đập búa đập cửa, nhưng cánh cửa này cũ quá và sập sập: thế thì nó có thể sập xuống bởi một cơn gió mạnh. Mà dù cho không có gió, trong quá trình thời gian nó cũng sẽ sập đổ theo cách của nó. Thế thì sẽ khó giải thích được tại sao và bằng cách nào nó đổ xuống, vì nó đã chuẩn bị cho sự sụp đổ vào mọi lúc. Cho nên nhiều nhất, khác biệt cũng chỉ là khoảng thời gian.

Chẳng hạn, thoáng nhìn về điều thiêng liêng đã xảy ra cho Swami Vivekananda khi ở gần Ramakrishna. Nếu Ramakrishna một mình chịu trách nhiệm biến cố trong Vivekananda, thế thì điều ấy cũng có thể đã xảy ra cho những người khác tới với ông. Ông ấy có hàng trăm đệ tử. Nếu Vivekananda một mình chịu trách nhiệm, điều đó đáng phải xảy ra cho ông ta từ trước đó lâu rồi. Ông ta đã tới nhiều bậc thầy khác trước khi tới Ramakrishna, mà biến cố đã không xảy ra. Cho nên Vivekananda đã sẵn sàng theo cách của mình và Ramakrishna có khả năng theo cách của ông ấy.

Khi sự sẵn sàng và khả năng này gặp gỡ nhau vào một điểm đặc biệt, lỗ hồng thời gian cho biến cố được rút ngắn lại. Có thể là nếu Vivekananda không gặp Ramakrishna vào khoảnh khắc đặc biệt đó, biến cố cũng có thể xảy ra chậm hơn một năm, hai năm, hay có thể ở lần sinh tiếp của ông ta, hay có thể sau mười kiếp nữa. Thời gian là không quan trọng. Nếu một người đã sẵn sàng thế thì biến cố sẽ xảy ra chẳng chóng thì chầy.

Lỗ hồng thời gian có thể được rút ngắn. Và điều quan trọng cần hiểu rằng thời gian là hư huyền, tựa giấc mơ; do đó nó chẳng có giá trị gì mấy. Thực tế thời gian là hiện tượng tựa như giấc mơ tới mức nó chẳng có giá trị gì mấy. Bạn có thể chớp mắt và một vài phút trôi qua, nhưng trong quãng thời gian ngắn ngủi đó bạn có thể thấy

một giấc mơ suốt từ thời thơ ấu của mình cho tới tuổi già của bạn, với đủ mọi biến cố, sự kiện. Nhưng trong trạng thái thức thật khó mà tin được rằng giấc mơ dài thế lại kéo dài không quá một phút. Thực tại, chiều thời gian trong trạng thái mơ là rất khác biệt. Thời gian mơ có khả năng bao lấy nhiều, nhiều sự kiện trong một khoảng rất ngắn; do đó đây là ảo tưởng.

Bây giờ, có những loài côn trùng sinh ra vào buổi sáng và chết đi lúc tối. Chúng ta nói "Loài vật này thật đáng thương!" - nhưng ta đâu có biết rằng trong khoảng thời gian đó loài côn trùng đó đã sống cuộc sống của nó trong sự toàn bộ của nó, và nó kinh nghiệm tất cả những điều chúng ta kinh nghiệm trong bảy mươi năm. Không có gì khác biệt cả: loài côn trùng như thế xây nhà, tìm vợ, có con, đánh nhau với kẻ khác, và thậm chí còn đạt tới trạng thái sannyas - tất cả trong vòng vắn có mười hai tiếng đồng hồ. Nhưng cảm nhận của chúng về thời gian có khác. Chúng ta thương hại chúng vì chúng được ban cho cuộc sống quá ngắn ngủi, còn chúng thương hại chúng ta vì chúng ta phải mất đến bảy mươi năm để làm tất cả những cái mà chúng có thể làm trong thời kỳ mười hai tiếng đồng hồ. Theo chúng, chúng ta phải đần độn làm sao!

Thời gian phụ thuộc vào tâm trí; nó là thực thể tâm trí. Chiều dài thời gian thăng giáng theo trạng thái tâm trí chúng ta. Khi bạn hạnh phúc, thời gian thành ngắn ngủi. Khi bạn lo âu hay đau khổ, thời gian thành đằng đằng. Khi bạn ngồi cạnh giường chết của người thân, đêm dường như chẳng bao giờ chấm dứt; dường như mặt trời chẳng bao giờ mọc. Cứ dường như là đây là đêm cuối cùng của thế gian và nó sẽ chẳng bao giờ kết thúc, mặt trời sẽ chẳng bao giờ mọc.

Nỗi buồn kéo dài thời gian. Trong buồn bạn muốn thời gian trôi qua nhanh chóng. Bạn càng trông đợi thời gian qua mau, dường như nó lại bò hơn, chậm hơn, bởi vì đây là kinh nghiệm tương đối, mặc dầu thời gian thực tế cứ trôi qua với tốc độ bình thường của nó. Khi một người đợi người yêu mình tới, người đó cảm thấy cô ấy mất quá nhiều thời gian để tới trong khi thực sự cô ấy vẫn bước theo nhịp thông thường của cô ấy. Người đó muốn cô ấy có tốc độ máy bay.

Cho nên thời gian dường như chậm chạp trong nỗi buồn. Khi bạn hạnh phúc, khi bạn gặp bạn mình hay người yêu mình, bạn để cả đêm nói chuyện rồi đến sáng bạn tự hỏi sao đêm trôi qua chóng thế. Cảm nhận thời gian thật khác biệt trong những khoảnh khắc hạnh phúc hay buồn bã.

Thời gian phụ thuộc vào tâm trí; do đó, có thể đem đến thay đổi về thời gian bằng cách tác động vào tâm trí bởi tác nhân bên ngoài. Nếu tôi lấy gậy đập vào đầu bạn, tự nhiên đầu bạn đau. Thân thể bạn có thể bị đánh từ bên ngoài, tâm trí bạn cũng vậy. Nhưng bạn không thể nào bị đánh bởi lực bên ngoài nào đó, vì bạn không là thân thể mà cũng không là tâm trí. Nhưng ngay bây giờ bạn đang nghĩ rằng bạn là thân thể và tâm trí, cho nên thân thể và tâm trí có thể bị ảnh hưởng. Và bằng việc tác động vào thân-tâm bạn, tỉ lệ thời gian có thể được thay đổi theo những cách khác nhau; hàng thế kỉ có thể được thu lại trong vài khoảnh khắc, và ngược lại.

Khoảnh khắc thức tỉnh xảy ra cho bạn, bạn sẽ rất ngạc nhiên. Tới giờ đã hai nghìn năm kể từ khi Jesus chết, năm nghìn năm từ Krishna, và rất nhiều thời gian đã trôi qua kể từ khi Zarathushtra và Moise. Nhưng bạn sẽ ngạc nhiên rằng khoảnh khắc bạn thức tỉnh, bạn sẽ nói:

"Trời, họ cũng vừa mới thức tỉnh!" Lỗi hồng thời gian dừng lại hoàn toàn. Bây giờ nhiều nghìn năm này trở thành tựa như thời gian mơ.

Cho nên khi người ta thức tỉnh, tất cả đều thức tỉnh. Thậm chí không có khác biệt tới một khoảnh khắc. Điều này khó hiểu. Khoảnh khắc bạn thức tỉnh, bạn trở thành đương đại với Phật, Christ, Mahavira và Krishna. Họ sẽ ở quanh bạn dường như họ cũng vừa mới thức tỉnh với bạn. Không có khác biệt một khoảnh khắc - không thể thể được.

Bây giờ nếu chúng ta vẽ ra một hình tròn và nhiều đường nối từ tâm ra chu vi, ta sẽ thấy rằng tại chu vi khoảng cách giữa bất kì hai đường nào cũng là lớn nhất. Thế rồi, khi bạn đi theo các đường này vào tâm, khoảng cách giữa hai đường trở nên ngày càng nhỏ đi, đến tại điểm tâm không còn khoảng cách nữa. Tất cả các đường trở thành một tại điểm đó. Cho nên khi một người đạt tới tâm của kinh nghiệm sâu sắc đó, khoảng cách đã từng hiện diện ở chu vi - về hai nghìn năm, năm nghìn năm - tan biến. Nhưng thật khó cho người như vậy để giải thích kinh nghiệm của mình, vì người nghe của người đó vẫn còn ở phần ngoại vi và ngôn ngữ của họ cũng là ngôn ngữ của phần ngoại vi. Đó là lí do tại sao có khả năng bị hiểu sai sâu xa.

Một người tới tôi. Người đó là người tôn sùng Jesus. Người đó hỏi tôi: "Thầy nghĩ gì về Jesus?"

Tôi đáp, "Nói ra ý kiến về chính mình là không thích hợp"

Người đó nhìn tôi ngạc nhiên. "Có lẽ thầy không hiểu tôi," người đó nói. "Tôi hỏi ý kiến của thầy về Jesus cơ."

Tôi nói, "Tôi cũng cảm thấy rằng bạn đã không nghe tôi. Tôi đã nói rồi, 'Đưa ra ý kiến về chính mình là không thích hợp.' Người đó trông hoang mang. Thế rồi tôi giải thích cho người đó, 'Bạn có thể lí thuyết hoá về Jesus chừng nào bạn chưa biết về ông ấy. Khoảnh khắc bạn biết, sẽ không khác biệt gì giữa bạn và ông ấy cả. Làm sao bạn còn có ý kiến được?'"

Một hôm, một nghệ sĩ đem tới cho Ramakrishna xem bức tranh người đó đã vẽ về Ramakrishna. Ông ấy hỏi Ramakrishna có thích bức tranh ấy không, nhưng ông ấy thấy rằng Ramakrishna cúi rạp mình trước tấm tranh và chạm trán vào chân người trong tranh. Người có mặt ở đó nghĩ rằng chắc có nhân lần, lẫn lộn gì đó. Có lẽ Ramakrishna không nhận ra rằng đây là chân dung mình. Cho nên hoạ sĩ đã nhắc ông ấy rằng ông ấy đang cúi lạy trước bức chân dung của chính mình.

"Tôi quên mất điều ấy," Ramakrishna trả lời. Bức tranh này thật là sâu lắng trong samadhi - làm sao đây lại có thể là tranh của tôi được? Nếu samadhi có đây, không có 'tôi' mà cũng chẳng có 'anh'. Cho nên tôi cúi mình trước samadhi. Cũng tốt là ông đã nhắc tôi nếu không người ta sẽ cười." Nhưng mọi người đều đã cười rồi.

Ngôn ngữ của chu vi không phải là ngôn ngữ của trung tâm. Cho nên khi Krishna nói: "Chính ta là Rama", và khi Jesus nói: "Ta đã tới trước và đã nói với ông", và khi Phật tuyên bố: "Ta sẽ trở lại nữa", họ đều nói ngôn ngữ của trung tâm, và điều này thật khó cho chúng ta hiểu. Phật tử vẫn chờ đợi sự quay trở lại của Phật lần nữa trên thế gian. Sự thật là ở chỗ ông ấy đã trở tới nhiều lần

rồi. Cho dù ông ấy tới, ông ấy cũng chẳng được thừa nhận, vì không có cách nào tới trong cùng dạng lần nữa. Khuôn mặt đó là một hiện tượng tựa giấc mơ, và nó đã mất đi mãi mãi.

Cho nên tại trung tâm không có lỗ hổng thời gian. Do đó, thời gian được ngụ ý cho việc xảy ra chứng ngộ có thể được tăng tốc lên hay làm chậm đi; nó có thể được tăng tốc lên rất nhiều. Điều đó có thể được thực hiện bởi shaktipat.

Và trong phần cuối câu hỏi của bạn, bạn đang hỏi về người khác tham gia vào việc xảy ra samadhi.

Người khác dường như là người khác bởi nín bảm dai đẳng của bạn vào biên giới của bản ngã riêng mình. Do vậy Vivekananda sẽ nghĩ rằng chứng ngộ xảy ra là do Ramakrishna. Nếu Ramakrishna nghĩ theo cách đó thì sẽ là xuẩn ngốc. Với Ramakrishna điều đó xảy ra theo cách khác. Cũng tựa như là tay phải đau và tay trái đặt thuốc lên. Bây giờ, tay phải có thể nghĩ rằng ai đó khác đang chữa chạy cho nó và có thể cảm ơn hay từ chối việc chữa chạy ấy. Tay phải có thể nói, "Tôi không nhận sự giúp đỡ từ người khác; tôi độc lập." Nhưng thế thì nó không biết rằng cùng năng lượng ấy đang làm việc thông qua tay trái, cũng làm việc thông qua tay phải. Cho nên khi một người được người khác giúp đỡ, đây không thực là người khác đâu; đây chính là sự sẵn sàng của riêng bạn đã kêu gọi sự giúp đỡ này từ phần khác của chính cái ta riêng của bạn.

Có một cuốn sách cổ đại ở Ai cập trong đó có nói, "Đừng bao giờ đi tìm thầy. Thầy sẽ xuất hiện tại cửa nhà bạn vào khoảnh khắc bạn đã sẵn sàng." Nó cũng nói: "Cho dù bạn có lên đường đi tìm thầy, làm sao bạn tìm được? Làm sao bạn nhận ra được thầy? Nếu bạn đã có đủ

phẩm chất để nhận ra thầy, thế thì chẳng cái gì thiếu trong bạn."

Do đó, bao giờ cũng là thầy nhận ra đệ tử. Đệ tử không bao giờ có thể nhận ra được thầy. Không có khả năng nào, không có cách nào. Vì bạn vẫn không thể nào nhận ra được bản thể bên trong riêng của mình, làm sao bạn nhận ra thầy được? Cái ngày mà bạn sẵn sàng, một bàn tay nào đó, mà thực sự là bàn tay của riêng bạn, sẽ hiện diện như người hướng dẫn của bạn để giúp bạn. Bàn tay đó là bàn tay của người khác chừng nào bạn vẫn còn chưa biết. Cái ngày bạn biết, bạn thậm chí sẽ không chờ đợi đưa ra lời cảm ơn nữa.

Có một lệ trong các thiền viện ở Nhật bản. Khi thiền nhân tới thiền viện để học thiền, người đó đem theo chiếc chiếu của mình, trải nó ra trên đất và ngồi lên nó. Hàng ngày người đó thiền trên chiếc chiếu và rồi để nó ở đấy. Cái ngày việc thiền của người đó hoàn tất, người đó sẽ cuộn chiếu và ra đi. Thế thì thầy hiểu rằng việc thiền của người đó đã hoàn thành. Thầy không trông đợi lời cảm ơn, vì nhu cầu ở đâu? Mà ai cảm ơn ai? Thiền nhân không nói một lời. Thầy thấy thiền nhân cuộn chiếu và ông ấy hiểu. Thời điểm đã tới để cuộn chiếu. Thế là tốt. Chẳng cần gì mà giữ hình thức cảm ơn cả. Ai được cảm ơn? Và nếu thiền nhân phạm phải sai lầm này, thầy có thể lấy thiền trượng đánh người đó khi ra lệnh cời chiếu ra vì việc thiền vẫn còn chưa xảy ra.

Cho nên ý tưởng về người khác chỉ là do dốt nát của chúng ta; nếu không, lấy đâu ra người khác? Chỉ có một mình bản thân mình trong vô số hình dạng; chỉ có bản thân mình trên vô số cuộc hành trình; chỉ có bản thân mình trong vô hạn tấm gương. Dứt khoát chỉ có một mình

bản thân mình đang trong gương, mặc dầu điều người ta thấy là khác với bản thân mình.

Có một câu chuyện Sufi. Một con chó lạc lối trong một lâu đài. Tường và trần của lâu đài này đều làm bằng gương, cho nên con chó gặp khó khăn lớn. Bất kì chỗ nào nó nhìn cũng toàn chó là chó. Nó trở nên rất phân vân: nhiều chó khắp xung quanh thế! Nó có mỗi mình vậy mà bị bao quanh bởi lắm chó thế. Không có cách nào thoát ra được, vì cửa cũng bằng gương cho nên nó thấy chó cả ở đấy nữa. Thế rồi nó bắt đầu sửa, nhưng tất cả các con chó trong gương cũng bắt đầu sửa với nó. Và khi tiếng sửa của nó tràn ngập trong phòng, nó chắc chắn nỗi sợ của nó không phải là không có căn cứ và rằng cuộc sống nó đang lâm nguy. Nó cứ tiếp tục sửa và tất cả các con chó khác cũng sửa còn to hơn. Nó chạy lăng xăng để đánh nhau với chúng; chó trong gương cũng làm hết như vậy. Cả đêm nó kiệt sức vì sửa và đánh nhau với những con chó trong gương, mặc dầu nó chỉ có mỗi mình ở đó! Đến sáng lính gác thấy nó chết bên trong lâu đài. Con chó chết vì chạy, sửa và đánh nhau với hình phản xạ, mặc dầu chỉ có mình nó ở đấy. Khi nó chết, mọi tiếng động cũng lắng xuống; các tấm gương trở nên im lặng.

Có nhiều tấm gương, và khi chúng ta nhìn người khác, đấy chỉ là sự phản chiếu của riêng chúng ta trong các tấm gương khác nhau; do đó, người khác là ảo tưởng. Ý niệm rằng chúng ta đang giúp người khác là ảo tưởng, và ý niệm rằng chúng ta đang nhận sự giúp đỡ từ người khác cũng là ảo tưởng nốt. Thực tại, người khác, như họ vậy, là ảo tưởng.

Một khi điều này được nhận ra, cuộc sống trở thành đơn giản. Thế thì bạn không làm cái gì đó cho người

khác, mà coi người đó là người khác, bạn cũng không để người khác làm điều gì đó cho bạn mà cảm thấy người đó là người khác. Thế thì đây chính là bản thân bạn được mở rộng ra cả hai đầu. Thế thì nếu bạn đưa tay giúp đỡ ai đó trên đường tức là bạn đã giúp cho chính mình rồi. Nếu ai đó khác đưa tay giúp bạn, thế thì người đó cũng chỉ giúp chính họ thôi. Nhưng điều này đến trong hiểu biết của chúng ta chỉ sau kinh nghiệm tối thượng. Trước lúc đó, người khác dứt khoát là người khác.

Có lần thầy đã ngụ ý rằng shaktipat tỏ ra là có hại cho Vivekananda.

Không phải shaktipat là có hại cho Vivekananda mà điều xảy ra sau đó. Nhưng ý tưởng về được và mất cũng đi đôi với trạng thái mơ; nó không phải là vượt ra ngoài mơ.

Với giúp đỡ của Ramakrishna, Vivekananda có một thoáng thấy samadhi mà lẽ ra ông ta sẽ có trên cơ sở sức mạnh của riêng mình, nhưng muộn hơn nhiều. Bây giờ, điều ấy tựa thế này: Tôi đập cửa bằng búa và cửa đổ ra, nhưng tôi có thể dựng cửa dậy lần nữa bằng cách đóng đinh vào nó cũng cùng với cái búa ấy. Búa có thể đánh đổ cửa mà cũng có thể chữa lại nó - nhưng chính là cùng một chiếc búa có tác dụng trong cả hai trường hợp.

Ramakrishna có khó khăn nên ông ấy cần dùng Vivekananda để giải quyết chúng. Ramakrishna là con người hoàn toàn mộc mạc, vô học, vô giáo dục. Kinh

nhệm của ông ấy sâu sắc nhưng ông ấy không có phương tiện để diễn đạt nó, truyền đạt nó. Ông ấy cần phải sử dụng người khác như phương tiện, như trung gian để làm cho thế giới biết tới kinh nghiệm của ông ấy. Nếu điều này không phải là như vậy, bạn sẽ chẳng bao giờ biết tới Ramakrishna. Chính là từ lòng từ bi của ông ấy mà ông ấy mới cố gắng truyền đạt cho bạn về kinh nghiệm của mình thông qua người khác.

Nếu tôi phát hiện ra kho báu nào đó trong nhà tôi và nếu tôi là người què, và tôi trèo lên vai người khác để giao kho báu đó sang nhà bạn, tôi sẽ phải dùng đôi vai của người này. Người đó sẽ phải chịu đôi chút bất tiện và khó nhọc bởi việc cõng tôi, nhưng ý định của tôi chỉ là để trao kho báu cho bạn. Nhưng bởi vì tôi bị què, còn kho báu, có thể chưa bao giờ được yêu cầu tới, tôi thậm chí không thể đi ra và trao tin đó được.

Vấn đề này có đầy đôi với Ramakrishna; vấn đề không phải như vậy đối với Phật. Trong cá tính của Phật cả Ramakrishna lẫn Vivekananda đều cùng hiện diện. Phật có thể diễn đạt điều ông ấy biết; Ramakrishna không thể diễn đạt điều ông ấy biết. Ông ấy cần người khác, người có thể là phương tiện cho việc diễn đạt của ông. Cho nên ông ấy để lộ cho Vivekananda thoáng thấy kho báu bên trong, nhưng ngay lập tức bảo Vivekananda rằng ông ấy giữ chìa khoá bên mình và ông ấy sẽ trao chìa khoá đó lại cho Vivekananda ba ngày trước cái chết của ông ấy.

Vivekananda bắt đầu khóc lóc và van xin Ramakrishna đừng tước đi những cái ông ấy cho mình. Ramakrishna bảo ông ấy: "Ông có công việc khác phải làm. Nếu ông đi vào samadhi ông sẽ mất hút mãi mãi và công việc của ta sẽ bị ảnh hưởng. Điều tốt là ông không

kinh nghiệm samadhi trước khi công việc của ta kết thúc, vì ông chỉ có thể làm được việc đó trước khi đạt tới samadhi." Ramakrishna không biết rằng người ta làm được việc đó cả sau samadhi. Ông ấy có thể không biết tới điều đó, vì bản thân ông ấy không thể nào làm được bất kì điều gì sau samadhi.

Thông thường chúng ta được hướng dẫn bởi kinh nghiệm của riêng mình. Sau kinh nghiệm của mình về samadhi, Ramakrishna không thể làm được việc gì. Ông ấy không thể nói lâu được - việc nói là rất khó cho ông ấy. Ngay cả nếu ai đó nói ra từ Ram, ông ấy sẽ đi vào ngay trong cơn mê. Ai đó tới chào ông ấy, "Jai Ramji" và thế là ông ấy sẽ bị lạc khỏi thế giới. Đối với ông ấy, rất khó để vẫn còn có ý thức dù chỉ nhắc tới danh xưng của Thượng đế, như Ram. Nó ngay lập tức nhắc nhở ông ấy về thế giới khác. Ai đó nói "Allah!" và ông ấy sẽ biến mất. Nếu ông ấy thấy ngôi đền Hồi giáo, ông ấy sẽ mất hút vào samadhi; ông ấy không thể ra khỏi chỗ đó được. Ông ấy mà nghe thấy bài ca tụng kính khi đang bước trên đường, ông ấy sẽ đổ sập vào cơn mê, ngay tại chỗ ấy lúc ấy.

Cho nên theo kinh nghiệm riêng của mình, ông ấy là đúng khi nghĩ rằng cùng điều đó thế xảy ra cho Vivekananda. Do đó, ông ấy đã bảo Vivekananda, "Ông còn nhiệm vụ rất lớn lao cần phải thực hiện, và sau đó, ông có thể đi vào samadhi." Toàn bộ cuộc sống của Vivekananda đã trôi qua mà không đạt tới samadhi, và điều này gây ra cho ông ấy nỗi đau lớn.

Nhưng nhớ lấy, đau là thuộc về thế giới mơ. Cũng tựa như một người mơ giấc mơ xấu. Ba ngày trước khi chết ông ấy được trao cho chìa khoá, nhưng mãi cho đến lúc đó vẫn cứ là một nỗi đau lớn lao. Những bức thư mà ông

ấy viết cho đến quãng năm đến bảy ngày trước khi ông chết đều đầy những đau đớn và khổ não, và lại ngày một tăng thêm với khao khát khắc khoải về điều mà ông ấy mới chỉ có được thoáng nhìn.

Khát khao của bạn chưa đến mức mãnh liệt thế bởi vì bạn chẳng có ý tưởng nó là gì cả. Thoáng nhìn trong khoảnh khắc và thế là khao khát sẽ bắt đầu. Bạn có thể hiểu điều đó theo cách này: bạn đang đứng trong bóng tối với những viên đá cuội trong tay, cứ đinh ninh chúng là kho báu đá quý. Bạn rất hạnh phúc. Rồi một tia chớp loé lên và bạn thấy rằng có các mỏ kim cương ở phía trước trong khi bạn đang cầm đá cuội trong tay. Rồi tia chớp tắt đi, nhưng nó để lại một thông báo đằng sau rằng bạn phải báo cho những người khác cũng đang đứng đây cầm đá cuội trong tay họ, rằng một kho báu vô giá đang đợi họ. Rồi ánh chớp không loé lên cho bạn nữa, và bạn phải thực hiện nhiệm vụ kể cho mọi người về kho báu đang nằm phía trước mặt. Vậy Vivekananda bị buộc phải thực hiện một nhiệm vụ đặc biệt, là bổ sung thêm cho Ramakrishna và cũng là điều cần thiết cho ông ấy; điều bị thiếu trong Ramakrishna ông ấy phải bù thêm thông qua một người khác.

Điều như thế này vẫn xảy ra nhiều lần. Nếu một người không thể thực hiện được một nhiệm vụ đặc biệt, thì sẽ phải cần tới ba hay bốn người khác. Đôi khi thậm chí cần có năm đến mười người để giúp lan truyền thông điệp của một người. Cho nên Ramakrishna đã làm điều đó do lòng từ bi, nhưng việc ấy tạo ra khó khăn nào đó cho Vivekananda.

Cho nên tôi nói tránh shaktipat nhiều nhất có thể được. Nhiều nhất có thể được, cố gắng vì ân huệ. Chỉ shaktipat đó mới có ích, cũng tốt như ân huệ, không có

sợi dây nào được gắn vào, không có điều kiện nào cùng nó, tuyệt đối vô điều kiện, với điều đó không ai có thể nói, "Tôi đang giữ chìa khoá trong một thời kì nào đó."

Shaktipat phải xảy ra không có người trung gian ngay cả để truy vấn điều đã xảy ra. Nếu bạn muốn cảm ơn người đó, thậm chí bạn cũng sẽ không biết chỗ tìm người đó; thế thì sẽ dễ dàng cho bạn. Nhưng nhiều lúc, khi một người như Ramakrishna cần giúp đỡ của người khác, không có cách nào khác để thu được điều đó như cách này; nếu không, kinh nghiệm của Ramakrishna sẽ bị mất, không được diễn đạt. Ông ấy cần người trung gian để diễn đạt điều đó và Vivekananda đã hoàn thành việc đó.

Đây là lí do tại sao Vivekananda bao giờ cũng nói rằng bất kì cái gì ông ấy đang nói, đều không thuộc về ông ấy. Khi ông ấy được tôn vinh ở Mỹ ông ấy nói rằng ông rất đau đớn bởi vì vinh dự thuộc về một người mà mọi người khác chẳng ai biết đến cả. Và khi ai đó gọi ông ấy là người vĩ đại, ông nói, "Tôi thậm chí không xứng đáng được là hạt bụi dưới chân của con người vĩ đại chính là thầy tôi." Nhưng sự kiện vẫn còn là giá mà Ramakrishna qua Mỹ, ông sẽ bị nhốt vào nhà thương điên cho người mất trí; ông ấy sẽ bị đưa vào điều trị tâm thần. Chẳng ai sẽ nghe nói về ông nữa; thay vì thế thì ông ấy dứt khoát bị công bố là điên.

Chúng ta chưa thể nào thấy được khác biệt giữa điên thường và điên thiêng liêng, cho nên ở Mỹ cả hai kiểu điên này đều bị tống vào nhà thương điên. Ramakrishna sẽ bị giam giữ để chữa trị trong khi Vivekananda nhận được mọi tôn vinh - vì điều Vivekananda nói có thể hiểu được bằng lí trí. Bản thân ông ấy không trong trạng thái điên thiêng liêng. Ông ấy chỉ đơn thuần là sứ giả, bưư tá

mang bức thư của Ramakrishna và đọc nó cho người ở nước ngoài. Nhưng ông ấy có thể đọc hay.

Mulla Nasrudin là người có học duy nhất trong làng - và bạn có thể tưởng tượng anh ấy là người có học thức thế nào trong trường hợp đó - cho nên mọi người trong làng phải nhờ tới anh ta viết thư của họ. Một người tới ông ấy để nhờ viết thư. Nasruddin nói anh ta không viết vì chân anh ta bị đau. Người này nói, "Chân anh thì liên quan gì tới việc viết thư? Anh không viết bằng tay à?"

Nasruddin nói, "Ông không biết đấy thôi. Khi tôi viết thư, chỉ mỗi tôi mới có thể đọc thư. Cho nên tôi phải đi sang làng khác để đọc nó. Tôi sẽ viết lá thư đó nhưng ai sẽ đọc nó? Chân tôi lại đau quá. Chẳng nào mà tôi còn chưa thể bước đi được, tôi sẽ không viết bức thư nào đâu."

Cho nên nếu một người như Ramakrishna viết một bức thư, một mình người đó có thể đọc được nó, vì người đó đã quên mất ngôn ngữ của bạn và ngôn ngữ người đó nói ra là vô nghĩa đối với bạn. Chúng ta gọi những người như thế là điên. Cho nên những người như thế phải tìm kiếm và chọn lấy một sứ giả trong chúng ta, người có thể viết theo ngôn ngữ chúng ta. Người như vậy không hơn gì một bưư tá. Do đó, thận trọng về Vivekananda. Ông ấy không có kinh nghiệm của riêng mình. Điều ông ấy nói là kinh nghiệm của người khác. Ông ấy thành thạo trong nghệ thuật của mình, ông ấy là chuyên gia trong việc dùng từ, nhưng đấy không phải là kinh nghiệm của ông ấy.

Chính bởi lí do này mà chúng ta thấy sự cả tin trong các bài nói của Vivekananda. Ông ấy nhấn mạnh vào quan điểm của mình quá mức cần thiết, và điều này lại tạo nên khiếm khuyết. Bản thân ông ấy cũng nhận biết được sự kiện là điều ông đang nói không xuất phát từ kinh nghiệm riêng của ông ấy. Tuy nhiên người trí huệ bao giờ cũng ngại ngùng: người đó sợ; người đó có thể không nêu ra được kinh nghiệm của mình rõ ràng như người đó cảm thấy nó. Người đó sẽ suy ngẫm hàng nghìn cách trong đầu trước khi nói ra, ấy thế mà người đó vẫn còn băn khoăn rằng điều mình nói có thể không hoàn toàn là điều mình muốn diễn đạt. Người không biết cứ xông bừa lên và nói điều người đó phải nói. Người đó không cảm thấy ngại ngùng gì, vì người đó biết đích xác tất cả những điều người đó phải nói.

Nhưng điều này rất khó cho người đã chứng ngộ như Phật. Ông ấy không đưa ra câu trả lời cho một số câu hỏi. Ông ấy hay nói, "Khó trả lời được những câu hỏi này." Cho nên mọi người hay nói, "Có những người giỏi hơn trong làng ta, họ trả lời được mọi câu hỏi của chúng ta. Họ còn khôn ngoan hơn Phật. Chúng ta hỏi họ liệu có Thượng đế hay không, và họ trả lời một cách tự tin hoặc có hoặc không. Phật không trả lời vì ông ấy không biết."

Nhưng với Phật, rất khó trả lời có hay không, cho nên ông ấy ngần ngại và nói, "Hỏi câu hỏi khác đi, không phải câu hỏi này." Điều đó tự nhiên làm cho mọi người nói rằng ông ấy không biết và rằng ông ấy nên thừa nhận về dốt nát của mình. Nhưng điều này Phật cũng không thể không nói được, vì ông ấy biết. Thực tế Phật nói ngôn ngữ hoàn toàn khác với chúng ta và đây là điều gây ra khó khăn.

Cho nên điều đã xảy đi xảy lại nhiều lần là việc nhiều người như Ramakrishana rời khỏi thế giới này không để lại thông điệp của họ. Họ không thể làm được điều đó. Rất hiếm người tổ hợp được cả hiểu biết và khả năng truyền đạt. Khi việc tổ hợp hãn hữu này xảy ra, chúng ta gọi người như thế là tirthankara, avatar, nhà tiên tri, vân vân. Cho nên số người đã chứng ngộ không hạn chế chỉ vào những người đã nói ra. Còn nhiều người khác không thể chuyển giao thông điệp của họ.

Ai đó hỏi Phật, "Thầy có mười nghìn khất sĩ bhikkus ở đây, và trong suốt bốn mươi năm qua thầy đã thuyết giảng cho mọi người. Bao nhiêu người đã đạt được cùng mức độ tâm thức như thầy đang vậy?"

Phật nói: "Nhiều người đã đạt tới."

Người này hỏi, "Thế thì tại sao chúng tôi không thể nhận ra được họ như chúng tôi có thể nhận ra thầy?"

Phật nói, "Ông không thể nhận ra được họ do khác biệt ở chỗ ta có thể nói còn họ không thể nói. Nếu ta cũng giữ im lặng, ông sẽ không biết ta. Ông chỉ nhận biết lời nói; ông không thể nhận ra chứng ngộ. Ngẫu nhiên mà ta biết và cũng có thể nói về nó."

Cho nên có khó khăn với Vivekananda mà ông ấy phải chinh lại các kiếp sống sắp tới. Nhưng khó khăn này là không tránh khỏi. Do đó Ramakrishna, vì rất cần, đã đem điều đó tới cho ông. Vivekananda cảm thấy mất mát nhưng cái mất của ông ấy thuộc về thế giới mơ. Nhưng dù cho là thế thì tại sao người ta phải trải qua mất mát ngay cả trong cõi tựa giấc mơ? Nếu chúng ta cần giấc mơ thế thì tại sao lại không có giấc mơ hay?

Có một câu chuyện ngụ ngôn của Aesop:

Ngày xưa một con mèo đang ngủ mơ dưới bóng cây. Một con chó đi qua đó và cũng nằm dài ra dưới cây. Con mèo dường như đang mơ một giấc mơ rất thích thú, và con chó tò mò muốn biết nó đang mơ gì.

Khi mèo tỉnh dậy, chó bèn hỏi mèo mơ gì. Mèo ta nói, "Ôi, thật là một giấc mơ đáng yêu làm sao, trời đổ chuột xuống."

Con chó khinh khỉnh nhìn và nói, "Ngốc ơi là ngốc! Làm gì có chuyện trời mưa ra chuột. Chúng tớ cũng mơ đấy, mà bao giờ chúng tớ cũng chỉ thấy xương rơi xuống - và kinh sách của chúng tớ cũng nói rằng trời toàn mưa ra xương thôi. Chuột không rơi xuống như mưa đâu, đồ mèo ngốc ạ! Nếu cậu phải mơ, mơ về xương ấy."

Với chó, xương mới có nghĩa. Tại sao nó phải mơ về chuột? Nhưng với mèo, xương là vô dụng.

Cho nên tôi nói với bạn: Nếu bạn phải mơ, sao lại mơ giấc mơ xấu? Và nếu bạn định thức tỉnh, thế thì dùng tối đa khả năng của bạn, sức mạnh riêng của bạn, quyết tâm riêng của bạn - và đừng đợi người khác đến giúp bạn. Giúp đỡ sẽ tới, nhưng đây là vấn đề khác. Bạn không nên chờ đợi và mong đợi giúp đỡ, vì bạn càng trông đợi, quyết tâm của bạn sẽ càng trở nên yếu hơn. Chấm dứt suy nghĩ theo đường hướng đó. Trông đợi chẳng ích gì và nỗ lực toàn bộ, luôn nhớ rằng bạn chỉ có một mình. Giúp đỡ sẽ tới từ nhiều nguồn khác nhau - nhưng đây lại là vấn đề khác rồi.

Do đó, nhấn mạnh của tôi là vào sức mạnh ý chí của riêng bạn, để cho không cản trở nào được tạo ra cho bạn.

Và khi bạn nhận được cái gì đó từ ai đó, nó bao giờ cũng phải không do bạn đã yêu cầu hay trông đợi. Nó nên đến tựa cơn gió, và thế thì nó có thể ra đi tựa cơn gió.

Đây chính là lí do tại sao tôi nói rằng Vivekananda phải chịu mất mát, và chừng nào ông ấy còn sống, ông ấy còn phải nhận biết sâu sắc về điều đó. Thính giả của Vivekananda ngồi nghe mê mẩn; họ nhận được thoáng nhìn từ điều ông ấy nói. Nhưng Vivekananda tự mình biết rõ là điều ấy đã không xảy ra cho mình. Sẽ là điều khủng khiếp đối với tôi nếu phải đem đến cho bạn tin tức về hương vị của cái gì đó và bản thân tôi chẳng có kinh nghiệm gì về hương vị của nó cả. Tôi có thể có một lần đã nếm trải nó, nhưng trong mơ mà nay đã tan vỡ. Tưởng tượng nếu sau đó tôi được bảo, "Bây giờ ông sẽ chẳng còn mơ gì về nó nữa đâu, nhưng cứ đi và nói cho mọi người về nó đi." Cho nên đây là trường hợp đối với Vivekananda. Ông ấy có thử thách gay go riêng. Nhưng ông ấy là một người mạnh mẽ; ông ấy có khả năng chịu đựng được thử thách này. Đây là một phần của lòng từ bi, nhưng điều này không có nghĩa là bạn nữa cũng phải chịu đựng những thử thách như vậy.

Vivekananda đã có kinh nghiệm về samadhi qua tiếp xúc với Ramakrishna. Liệu nó có phải là kinh nghiệm đích thực không?

Đúng hơn nên gọi nó là kinh nghiệm sơ bộ. Vấn đề chân thực không quan trọng ở đây. Đây hoàn toàn là kinh nghiệm sơ bộ mà trong đó người ta chỉ có được thoáng nhìn. Thoáng nhìn này không thể rất sâu sắc hay tâm linh.

Biến cố này xảy ra tại đường biên nơi tâm trí kết thúc và linh hồn bắt đầu. Tại chiều sâu này nó chỉ là kinh nghiệm tâm lý; do đó thoáng nhìn đã bị mất đi. Nhưng trong trường hợp của Vivekananda, chẳng ích gì mà đi quá sâu vì Ramakrishna sợ. Ông ấy đã không cho phép điều đó được đi quá sâu; bằng không, con người này sẽ chẳng còn tác dụng gì cho ông ấy nữa. Ramakrishna quan tâm sâu sắc về linh ảnh của mình đến mức chẳng bao giờ ông ấy nghĩ quan niệm của ông ấy về kinh nghiệm này làm cho một người thành vô dụng vì thế giới này không phải là một trăm phần trăm đúng đắn.

Phật đã nói trong bốn mươi năm sau chứng ngộ của ông ấy; tình huống cũng tương tự với Jesus và Mahavira. Họ không có khó khăn gì. Nhưng với Ramakrishna, vấn đề lại khác. Ông ấy có khó khăn này; khó khăn bao giờ cũng trong tâm trí riêng của ông ấy. Do đó, ông ấy đã cho Vivekananda chỉ thoáng nhìn lướt nhanh. Nó là chân thực khi xảy ra, nhưng nó cũng sơ cấp. Nó không đi đủ sâu; bằng không, Vivekananda có lẽ đã thấy khó mà quay lại được.

Liệu có thể có kinh nghiệm bộ phận về samadhi không?

Không phải bộ phận mà là sơ bộ. Có khác biệt giữa hai điều này. Kinh nghiệm về samadhi không thể mang tính bộ phận được, nhưng có thể có thoáng nhìn tâm trí về samadhi. Kinh nghiệm này mang tính tâm linh, thoáng nhìn mang tính tâm trí. Nếu tôi đứng trên đỉnh núi và nhìn ra biển, tôi nhất định sẽ thấy biển, nhưng từ khoảng cách

xa. Tôi sẽ không đứng trên bờ cát; tôi sẽ không chạm vào hay ném nước biển; tôi sẽ không chìm đắm vào hay tắm trong nó. Tôi đã thấy biển từ đỉnh núi. Bạn có gọi kinh nghiệm này là bộ phận được không?

Không. Và mặc cho sự kiện là tôi không chạm tới một giọt nước đại dương, bạn cũng không thể gọi kinh nghiệm của tôi là không chân thực được. Tôi đã thấy đại dương từ trên đỉnh núi cho dù tôi không trở thành một với nó. Theo cùng cách này bạn có thể thấy được linh hồn từ đỉnh cao nhất của thân thể bạn.

Thân thể cũng có đỉnh của nó - các kinh nghiệm đỉnh của nó. Nếu bạn có kinh nghiệm rất sâu sắc về thân thể, bạn cũng có thể có được thoáng nhìn về linh hồn trong nó. Nếu bạn hoàn toàn mạnh khỏe và kinh nghiệm cái cảm nhận khỏe mạnh ấy, nếu thân thể tràn ngập với sức khỏe tốt, bạn có thể đạt tới chiều cao của thân thể mà từ đó bạn có thể có thoáng nhìn về linh hồn. Bạn sẽ kinh nghiệm rằng bạn không phải là thân thể và rằng bạn là cái gì đó khác. Bạn sẽ không biết linh hồn là gì nhưng bạn sẽ đạt tới chiều cao tối thượng của thân thể.

Tâm trí cũng có chiều cao của nó. Chẳng hạn, khi bạn ở sâu trong tình yêu - không trong dục, vì dục là khả năng duy nhất của thân thể. Nhưng ngay cả trong dục, nếu bạn đạt tới đỉnh của kinh nghiệm dục, bạn sẽ có thoáng nhìn về linh hồn. Tuy nhiên, nó sẽ là thoáng nhìn xa xôi - thoáng nhìn từ điểm cuối xa nhất. Nhưng nếu bạn có kinh nghiệm sâu sắc về tình yêu, nếu bạn ngồi cạnh người mình yêu trong một khoảnh khắc mà không thốt ra một lời phá vỡ im lặng, chỉ với tình yêu chuyển qua lại giữa hai bạn, không làm hay ham muốn gì mà chỉ có sóng tình yêu đi từ người nọ sang người kia, trong khoảnh khắc tình yêu đó bạn sẽ đạt tới chiều cao mà từ đó bạn sẽ có thoáng

nhìn về linh hồn. Cho nên những người yêu nhau cũng có được thoáng nhìn về linh hồn.

Nghệ sĩ vẽ bức tranh. Người đó bị cuốn hút trong việc vẽ đến mức trong khoảnh khắc đó người đó trở thành Thượng đế, sáng tạo, vì người đó kinh nghiệm cùng trạng thái mà Thượng đế phải đã cảm thấy khi ngài tạo ra thế giới. Nhưng chiều cao này là của tâm trí. Trong khoảnh khắc của thoáng nhìn ấy, người này cảm thấy giống sáng tạo. Nhiều lần người đó phạm phải sai lầm nghĩ rằng kinh nghiệm này là đủ. Kinh nghiệm này có thể có từ âm nhạc, từ thơ ca, từ cái đẹp tự nhiên và từ những vật khác như vậy. Nhưng tất cả những cái đó đều là các đỉnh xa xôi. Khi bạn đã hoàn toàn tan biến trong samadhi, việc nhận biết xảy ra. Từ bên ngoài có nhiều đỉnh mà từ đó bạn có thể có thoáng nhìn về linh hồn.

Cho nên kinh nghiệm này của Vivekananda đã xảy ra tại mức độ của tâm trí, vì như tôi đã bảo với bạn, người khác có thể đi vào trong bạn tới đỉnh của tâm trí và có thể nâng bạn lên đỉnh đó

Nhìn điều đó theo cách này: tôi đặt một đứa bé lên vai mình và nó nhìn khắp xung quanh. Rồi tôi hạ nó xuống - vì vai tôi không thể là vai riêng của nó. Chân nó vẫn còn nhỏ và nó sẽ phải cần một khoảng thời gian dài để lớn lên đến chiều cao như tôi. Nhưng được nâng lên trên vai tôi nó đã thấy, và bây giờ nó có thể đi tới người khác và nói rằng nó đã thấy điều gì đó. Mọi người có thể không tin vào nó; họ có thể nói rằng với chiều cao của nó, điều ấy là không thể được. Nhưng nó có thể trèo lên vai của người khác và có cái nhìn. Tất cả những điều này đều là khả năng của tâm trí; do đó, nó không phải là tâm linh.

Tất cả đều như nhau, nó không phải là không chân thực; nó là sơ cấp. Kinh nghiệm sơ cấp có thể xảy ra hoặc

trong thân thể hoặc trong tâm trí. Và nó không phải là bộ phận; nó là đầy đủ, nhưng nó bị giới hạn vào cõi của tâm trí. Nó không phải là của linh hồn, vì trong kinh nghiệm này về linh hồn, không có quay lại. Tại mức độ đó không ai có thể giữ được chìa khoá của bạn; không ai có thể nói rằng khi người đó đưa lại chìa khoá, chỉ lúc ấy điều đó mới xảy ra. Không ai khác có bất kì lời nào ở đó được. Nếu nhiệm vụ nào đó còn đang được trông đợi cần được hoàn thành bởi người trung gian, thế thì người đó phải bị chặn lại trước điểm siêu việt; bằng không, khó khăn sẽ nảy sinh.

Chúng tôi có thể nói rằng Ramakrishna đã khai thác Vivekananda được không?

Có thể nói thế nhưng mà lại không nên nói thế thì vì từ này truyền đạt ý tưởng kết án đằng sau nó. Ramakrishna đã không lợi dụng Vivekananda để thu được cái gì đó ích kỉ cho bản thân mình; ý tưởng của ông ấy là ở chỗ qua Vivekananda người khác sẽ được lợi. Ông ấy khai thác ông này chỉ theo nghĩa ông ấy sử dụng ông này. Có khác biệt lớn giữa khai thác và sử dụng. Khi tôi giải quyết cái gì đó hay dùng cái gì đó với mục đích của bản ngã tôi, thế thì điều đó trở thành khai thác. Nhưng khi tôi làm điều gì đó cho thế giới, cho vũ trụ, cho mọi người, không có vấn đề khai thác.

Bên cạnh đó, liệu có chắc chắn rằng nếu Ramakrishna không chỉ cho ông này thoáng nhìn ấy, Vivekananda tự mình có được nó trong cuộc đời không? Điều này có thể được quyết định chỉ bởi những người đã chứng ngộ. Tôi

cảm thấy đây chắc là trường hợp này, nhưng chúng ta không thể đưa ra bất kì bằng chứng nào cho sự việc như thế. Khi Ramakrishna bảo Vivekananda rằng ba ngày trước cái chết của mình, ông này sẽ có được chìa khoá, điều đó chỉ có thể có nghĩa là theo Ramakrishna, Vivekananda sẽ đạt tới samadhi ba ngày trước khi chết như kết quả của nỗ lực riêng của mình. Bây giờ, khi có liên quan tới việc đưa lại chìa khoá, Ramakrishna đã chết, nhưng chìa khoá đã được trao lại đích xác như đã được nói.

Điều này là có thể vì bạn không biết cá tính riêng của mình như người đã đi sâu vào bên trong cái ta. Từ chiều sâu của riêng mình người này có thể biết được tiềm năng của bạn. Người này thậm chí còn có thể nói được khi nào bạn sẽ đạt tới chứng ngộ nếu bạn có thể bước theo nhịp của riêng mình.

Chúng ta lấy thí dụ, bạn đã bắt đầu trên cuộc hành trình và có một trái núi trên con đường của bạn. Bây giờ tôi biết con đường và các bước đi qua núi, phải mất bao lâu để đi qua nó và những khó khăn gì bạn sẽ gặp phải. Tôi thấy bạn đang trèo lên núi, và tôi có thể nói rằng bạn sẽ mất, chẳng hạn, ba tháng để vượt qua nó. Tôi có thể biết được từ tốc độ bước đi của bạn và cách thức bạn du hành mà bạn phải mất ngần ấy thời gian. Nếu tôi định đón bạn trên đường và cho cho bạn thoáng nhìn về đỉnh núi, rồi bỏ bạn lại nơi bạn đang ở đó, hứa với bạn rằng trong vòng ba tháng bạn sẽ tìm thấy mục đích, điều này về căn bản không thể được coi như việc tôi dùng bạn được. Mọi thứ bên trong, tinh tế và phức tạp đến mức bạn không thể biết được nó từ bên ngoài.

Chẳng hạn, hôm qua Nirmala về nhà và ai đó bảo cô ấy rằng cô ấy sẽ chết vào độ tuổi năm mươi ba. Bây giờ,

tôi đưa ra lời đảm bảo rằng cô ấy sẽ không chết vào tuổi năm ba. Không phải là tôi sẽ thực hiện lời đảm bảo này: tự nó sẽ hoàn thành theo cách riêng của nó. Cho nên bây giờ nếu cô ấy không chết ở độ tuổi năm ba, cô ấy sẽ cho là điều đó là do tôi.

Vivekananda nói rằng chìa khoá đã được trao ba ngày trước cái chết của ông ấy - nhưng ai có đó để mà trao lại chìa khoá?

Có thể là Ramakrishna biết rằng Vivekananda phải trải qua một thời kì gian khổ trong nỗ lực tâm linh với những thất bại và đau đớn, và do vậy, từ lòng từ bi, ông ấy đã cho ông này thoáng nhìn để nuôi dưỡng hi vọng của ông này chăng?

Đừng bao giờ nghĩ dưới dạng ngôn ngữ này, rằng "Có thể là..." vì điều này không có mục đích và không có nghĩa trong đó. Theo cách này bạn sẽ cứ nghĩ ngợi chẳng liên quan gì. Chỉ cần nghĩ dưới dạng điều gì đích xác là có thể và không nhiều hơn, vì bằng không đó là những con đường vô nghĩa có thể dẫn bạn đi lạc lối. Trong hình mẫu suy nghĩ này bạn sẽ bị hại nhiều lắm, vì bạn sẽ cứ bỏ lỡ cái đang đó. Cho nên bao giờ cũng thấy sự kiện như nó đang đó, và nếu bạn muốn biết một vật như nó đang đó, cắt bỏ tất cả những cái có thể đã là. Nếu bạn không biết đích xác sự kiện, thế thì biết rằng bạn quả là không biết, nhưng đừng cố che đậy dốt nát của bạn với giả thiết khôn ngoan về "Nó có thể là." Đây là cách chúng ta che đậy nhiều thiếu sót của mình. Tốt hơn cả là phanh lại từ đây.

|

|

2

Chín muôi của thiên nhân trên con đường

Trong một bài nói trước đây, Thầy đã nói rằng việc giáng xuống đột nhiên và trực tiếp của ân huệ đôi khi có thể trở thành thảm họa. Người này có thể bị hại hay bị điên hay thậm chí chết. Câu hỏi tự nhiên nảy sinh: Liệu ân huệ có phải bao giờ cũng có lợi không? Ân huệ không giữ cân bằng của nó sao? Rủi to cũng có thể do sự kiện là người nhận chưa đủ khả năng. Trong trường hợp đó, làm sao ân huệ có thể giáng xuống một người chưa đủ phẩm chất?

Thượng đế không phải là người mà là năng lượng. Điều này ngụ ý rằng năng lượng không xét tới người; bất kì cái gì xảy ra cho từng người, cũng đều xảy ra một cách không thiên vị.

Chẳng hạn, cây cối bên bờ sông nhận được nuôi dưỡng từ dòng nước chảy qua; nó sẽ đâm hoa kết quả và trở nên cao lớn và mạnh mẽ. Nhưng cây rơi vào trong cùng dòng nước đó, sẽ bị cuốn đi xa cùng dòng nước trôi nhanh. Bây giờ sông chẳng có liên can gì tới những cây này. Nó không quan tâm tới việc nuôi dưỡng cây trước mà cũng chẳng quan tâm tới việc phá huỷ cây sau. Sông chỉ chảy thôi. Sông là năng lượng chảy, nó không phải là người.

Chúng ta bao giờ cũng phạm phải sai lầm về việc coi Thượng đế là người. Do đó, mọi suy nghĩ của chúng ta về Thượng đế đều dường như là ngài là một người. Chúng ta nói ngài rất tốt; chúng ta nói ngài đầy khoan dung; chúng ta nói ngài ban phúc cho chúng ta. Đây chỉ là mong đợi và ham muốn chúng ta áp đặt lên Thượng đế. Mặc dầu chúng ta có thể áp đặt mong đợi của mình lên một người và nếu mong đợi không được đáp ứng, chúng ta đổ cho người đó trách nhiệm về việc ấy, chúng ta không thể làm điều này cho năng lượng được. Cho nên bất kì khi nào chúng ta coi năng lượng như là người, chúng ta nhất định đi lạc lối, vì thế thì chúng ta bị lạc trong mơ. Nếu chúng ta giải quyết với năng lượng, kết quả sẽ hoàn toàn khác.

Chẳng hạn, lực hấp dẫn: bạn có thể bước trên đất bởi vì lực này, nhưng lực này không chỉ ngụ ý làm cho bạn bước được. Đừng tưởng lầm rằng nếu bạn không bước, lực hấp dẫn sẽ không tồn tại. Nó đã có đấy khi bạn còn chưa có trên trái đất và nó vẫn còn đấy ngay cả sau khi bạn không còn nữa. Nếu bạn bước theo cách thức sai, bạn

có thể bị ngã và gãy chân. Điều này cũng là do lực hấp dẫn; nhưng với điều này bạn sẽ không thể nào đi kiện bất kì ai vì không có ai để trách cả. Hấp dẫn là luồng năng lượng. Bạn phải cẩn thận với luật vận hành của nó nếu bạn muốn đối phó với nó. Nhưng nó chẳng nghĩ chút nào về cách đối phó với bạn.

Năng lượng của Thượng đế không vận hành cho riêng bất kì ai. Thực tế, nói rằng "năng lượng của Thượng đế", cũng không đúng, thay vì thế ta nên nói "Thượng đế là năng lượng." Thượng đế không nghĩ về cách hành xử với bạn; nó có luật vĩnh hằng của riêng nó và luật vĩnh hằng này là tôn giáo. Tôn giáo có nghĩa là luật của hành vi của năng lượng, cái là Thượng đế.

Nếu bạn ứng xử một cách sáng suốt, hiểu biết và tuân theo năng lượng này, nó trở thành ân huệ cho bạn - không phải ân huệ của riêng nó mà là vì bạn đầy thôi. Nếu bạn làm điều ngược lại, nếu bạn đi ngược lại các luật của năng lượng, nó trở thành cái bạn phát điều không ân huệ cho bạn. Trong trường hợp này, Thượng đế không phải là không cho ân huệ; nó là vậy bởi vì bạn.

Cho nên sẽ là sai lầm nếu coi Thượng đế như người. Thượng đế không phải là người mà là năng lượng; do đó, cầu nguyện và tôn thờ chẳng mang nghĩa nào. Trông đợi từ Thượng đế là vô nghĩa. Nếu bạn muốn rằng năng lượng thiêng liêng này trở thành phúc lành, ân huệ cho bạn, thế thì bạn phải làm điều gì đó cho cái ta của riêng bạn; do đó thực hành tâm linh có nghĩa, cầu nguyện không có nghĩa. Thiên có nghĩa, tôn thờ không có nghĩa. Hiểu khác biệt này cho rõ ràng.

Trong lời cầu nguyện, bạn đang làm điều gì đó với Thượng đế: bạn cầu xin, bạn nài nỉ, bạn trông đợi, bạn đòi hỏi. Trong thiên bạn đang làm việc cho cái ta riêng của

mình. Trong tôn thờ bạn đang làm điều gì đó với Thượng đế; trong nỗ lực tâm linh bạn đang làm điều gì đó cho bản thân bạn. Nỗ lực cho trưởng thành tâm linh nghĩa là bạn đang làm biến đổi bản thân mình theo cách mà bạn không còn trong bất hoà với sự tồn tại, với tôn giáo. Khi dòng sông chảy bạn không bị dòng nước cuốn đi. Thay vì vậy, bạn ở trên bờ, nơi nước sông làm mạnh thêm gốc rễ của bạn chứ không cuốn nó đi. Khoảnh khắc chúng ta thấy Thượng đế như năng lượng, toàn bộ cấu trúc tôn giáo thay đổi.

Chính với lí do này mà tôi đã nói rằng nếu ân huệ bất thần và trực tiếp giáng xuống, đôi khi nó trở thành thảm hoạ.

Điều khác bạn đã hỏi là: "Người không đủ năng lực liệu có thể nhận được ân huệ không?"

Không, ân huệ không bao giờ giáng xuống cho người không đủ phẩm chất với nó. Nó bao giờ cũng giáng xuống cho người đã được chuẩn bị về nó. Nhưng đôi khi một người không đủ năng lực bỗng nhiên phát triển các phẩm chất cần thiết, và bản thân người đó lại không biết về điều này. Điều xảy ra bao giờ cũng xảy ra dưới những điều kiện đúng, hết như ánh sáng là thấy được chỉ với những người có mắt và là không thấy được với người mù. Nhưng nếu người mù đã được điều trị thuốc thang để cho người đó có thể thấy được, rồi người đó ra khỏi bệnh viện và nhìn trực tiếp vào mặt trời, người đó sẽ bị tai hại trầm trọng. Người đó phải đeo kính râm trong một hay hai tháng và chờ đợi.

Nếu người không nhạy cảm bỗng nhiên trở thành nhạy cảm, nhất định sẽ có rủi ro. Trong trường hợp người mù, mặt trời đâu đáng trách. Người đó phải phát triển sức mạnh của mắt để chịu đựng được ánh sáng mặt trời nếu

không sẽ có nguy hiểm là người đó trở thành mù hoàn toàn. Cái mù lần đầu là có thể chữa được, nhưng bây giờ sẽ khó mà chữa cho cái mù lần thứ hai của người đó.

Hiểu điều này cho kỹ: kinh nghiệm chỉ tới cho những người xứng đáng. Nhưng đôi khi có khả năng một người không xứng đáng bỗng nhiên phát triển các phẩm chất cần thiết do hoàn cảnh mà bản thân người đó lại chẳng biết gì về điều đó cả. Thế thì bao giờ cũng có nỗi sợ về thảm họa, vì năng lượng giáng xuống bất thân và bạn, lại không trong điều kiện chịu đựng được nó.

Chẳng hạn: một người bỗng nhiên có được món tiền lớn. Thông thường, điều ấy chẳng hại gì, nhưng nếu nó tới một cách đột ngột nó có thể nguy hiểm. Hạnh phúc đột ngột cũng có thể tạo ra tai nạn, vì chúng ta cần một khả năng nào đó để chịu đựng nó. Chúng ta trở nên có khả năng chịu đựng nó nếu nó tới dần dần. Nếu phúc lạc tới dần dần, chỉ có thể chúng ta mới trở nên được chuẩn bị cho nó.

Việc được chuẩn bị này, khả năng chịu đựng này, tùy thuộc vào biết bao nhiêu nhân tố. Thân kinh trong bộ não, tình trạng sung sức về thể chất, khả năng tinh thần - tất cả đều có những giới hạn của chúng, và năng lượng chúng ta đang nói tới là vô giới hạn. Nó cũng tựa như cả đại dương rơi vào trong một giọt nước: nếu giọt nước không được chuẩn bị theo cách nào đó để đón nhận đại dương, nó đơn thuần sẽ chết; nó sẽ bị phá huỷ và nó sẽ chẳng đạt tới cái gì cả.

Nói cho chính xác, có một loạt hành động kếp cần cho sự phát triển tâm linh. Chúng ta phải đưa bản thân mình lên con đường và trở thành hài hoà với nó. Nhưng trước khi đó chúng ta phải phát triển khả năng của mình để hấp thu nó. Đây là hai nhiệm vụ cần phải được người

tìm kiếm thực hiện. Một mặt chúng ta phải mở cửa và cải thiện thị lực của mình, và mặt khác chúng ta phải đợi thậm chí đến sau khi thị lực đã được cải thiện để cho mắt có thể chịu đựng được sự rực rỡ của ánh sáng; bằng không quá nhiều ánh sáng sẽ đem tới bóng tối còn tối hơn. Đây là giải quyết một chiều - ánh sáng chẳng liên quan gì tới nó cả. Trách nhiệm hoàn toàn ở phía chúng ta và chúng ta không thể trách bất kì ai về điều đó được.

Cuộc hành trình của cuộc đời người trải rộng qua nhiều kiếp, và người đó làm nhiều thứ trong mỗi kiếp sống. Nhiều lần điều xảy ra là người đó chết ngay khi người đó sắp có thể nhận được ân huệ. Với cái chết này người đó mất đi tất cả kí ức về cuộc đời này. Làm việc với bản thân mình qua nhiều kiếp bạn có thể đạt tới chín mươi chín bậc trưởng thành; chết đi bạn sẽ quên mất tất cả thành tựu của mình - nhưng những yếu tố tồn tại của sự trưởng thành bên trong sẽ được mang sang kiếp sống tiếp.

Có người khác, ngồi cạnh bạn, mới chỉ hoàn thành một bậc phát triển trong kiếp sống quá khứ của mình. Người đó cũng quên tất cả về nó. Cả hai bạn đều thiện: cả hai bạn đều thuộc về mức độ phát triển hoàn toàn khác nhau. Bây giờ, nếu một mức độ phát triển xảy ra, người kia sẽ đạt tới chỉ mức độ thứ hai của sự phát triển và ân huệ không giáng xuống người đó. Nhưng với thêm một mức độ trưởng thành nữa *bạn* sẽ đạt tới điểm một trăm bậc và ân huệ đột nhiên sẽ giáng xuống bạn. Điều này sẽ là đột nhiên cho bạn vì bạn chẳng có ý tưởng gì là bạn đã ở bậc thứ chín mươi chín. Và do vậy cõi trời có thể rơi vào bạn, tất cả mọi sự chuẩn bị đúng đắn và đột nhiên cần phải được tiến hành cho điều này.

Khi tôi nói rủi ro, tôi chỉ nói tới việc xảy ra mà với nó chúng ta không được chuẩn bị. Rủi ro không nhất thiết có nghĩa là biến cố xấu hay đau đớn; nó chỉ có nghĩa là sự xuất hiện của biến cố đó mà chúng ta chưa sẵn sàng. Bây giờ nếu một người trúng xổ số một triệu đô la, đây không phải là biến cố xấu. Nhưng người đó có thể chết. Một triệu đô la! - tìm người đó có thể ngừng đập. Cho nên rủi ro nghĩa là sự xuất hiện của một biến cố mà chúng ta chưa được chuẩn bị.

Điều đối lập cũng có thể xảy ra. Nếu một người được chuẩn bị cho cái chết của mình và nó tới, không nhất thiết cái chết của người đó là biến cố xấu. Nếu một người như Socrates được chuẩn bị để gặp gỡ cái chết và đón mừng nó với vòng tay rộng mở, thế thì với người như vậy cái chết trở thành samadhi. Người đó chấp nhận cái chết với tình yêu và niềm vui đến mức người đó sẽ thấy rằng thực tại chẳng bao giờ chết.

Chúng ta tiếp cận tới cái chết với nhiều buồn khổ đến mức chúng ta trở nên vô ý thức trước cái chết. Chúng ta không kinh nghiệm cái chết một cách có ý thức. Đây là lí do tại sao, cho dù ta đã chết đi nhiều lần rồi, chúng ta vẫn không biết về quá trình chết. Một khi bạn biết cái chết là gì, thế thì chính ý tưởng là bạn có thể chết sẽ chẳng bao giờ nảy sinh nữa. Thế thì biến cố chết sẽ xảy ra và bạn sẽ đứng sang bên quan sát nó. Nhưng điều này phải xảy ra với ý thức hoàn toàn.

Cho nên cái chết có thể là vận may tốt cho người này và ân huệ có thể là tai họa cho người khác. Do đó sự trưởng thành tâm linh cũng có hai mặt: chúng ta phải kêu gọi, cầu khẩn, tìm kiếm và đi, và đồng thời chúng ta phải chuẩn bị bản mình cho biến cố này để cho khi ánh sáng lan tới cánh cửa mình, chúng ta không bị loá vì nó. Nếu

bạn ghi nhớ những điều tôi đã nói với bạn ngay từ đầu, sẽ không có khó khăn nào cả. Nếu bạn coi Thượng đế là người, bạn sẽ thấy bản thân mình gặp khó khăn lớn; nếu bạn coi ông ấy như năng lượng, sẽ chẳng có khó khăn gì.

Khái niệm này về Thượng đế như người đã gây ra rất nhiều khó khăn. Tâm trí ham muốn ngài là người để cho chúng ta có thể truyền mọi trách nhiệm cho ông ấy, và làm cho ngài chịu trách nhiệm, chúng ta bắt đầu đặt gánh nặng của mọi thứ nhỏ nhoi lên ngài. Nếu một người tìm được việc, người đó cảm ơn Thượng đế; nếu người đó mất việc, người đó trở nên giận Thượng đế. Nếu một người bị vết phỏng rộp, người đó nghi ngờ điều đó là việc làm của Thượng đế; nếu vết phỏng lành, người đó cảm ơn Thượng đế. Chúng ta chẳng bao giờ xem xét cách chúng ta sử dụng Thượng đế; chúng ta thậm chí còn chưa nghĩ đến thái độ này ích kỉ làm sao, mà với nó ta cứ giả sử rằng Thượng đế phải lo lắng đến cả vết phỏng rộp mình.

Nếu chúng ta đánh mất một đồng xu và rồi ngẫu nhiên tìm thấy nó, ta nói, "Nhờ ơn trời mình tìm thấy nó rồi." Chúng ta muốn Thượng đế trông giữ tài khoản cho chúng ta tới từng đồng ru pi cuối cùng. Ý tưởng này thoả mãn cho tâm trí chúng ta vì thế thì chúng ta có thể đứng ở trung tâm thế giới. Thế thì cách giải quyết của chúng ta với Thượng đế cũng tương tự như cách đối xử của người hầu trước ông chủ. Chúng ta trông đợi ông ấy đứng gác trước cửa nhà ta và chăm nom của cải của ta cho tới đồng xu cuối cùng. Ưu điểm của việc coi Thượng đế như người là ở chỗ trách nhiệm có thể dễ dàng đẩy sang cho ngài.

Nhưng người tìm kiếm nhận trách nhiệm về bản thân mình. Thực tế, là người tìm kiếm nghĩa là không coi ai khác ngoài bản thân mình chịu trách nhiệm cho mọi thứ. Nếu có nỗi buồn trong đời tôi, tôi chịu trách nhiệm, và

nếu có hạnh phúc trong đời tôi, tôi cũng chịu trách nhiệm. Nếu tôi yên bình, chính tôi chịu trách nhiệm; nếu tôi bất ổn, đây là việc làm của riêng tôi thôi. Không có ai ngoài bản thân tôi chịu trách nhiệm cho bất kì trạng thái nào tôi đang trong đó. Nếu tôi ngã và gãy chân, đây là lỗi của tôi và tôi không thể trách lực hấp dẫn được. Nếu đây là thái độ của tâm trí, thế thì bạn đã hiểu đúng rồi đấy. Thế thì ý nghĩa của rủi ro sẽ khác đi.

Bởi lí do này, tôi nói rằng ân huệ là có ích lợi và là phúc lành cho người đã chuẩn bị chu đáo cho điều đó. Thực tế mọi thứ đều có thời của nó cả. Có một khoảnh khắc đặc biệt cho từng việc xảy ra, và bỏ lỡ khoảnh khắc này là thảm kịch lớn.

Trong một trong những bài nói của Thầy, Thầy đã nói rằng tác động của shaktipat giảm đi dần dần; vậy người tìm kiếm phải duy trì tiếp xúc đều đặn với người trung gian. Điều này chẳng có nghĩa là sự phụ thuộc vào một người nào đó dưới dạng một guru hay sao?

Điều này có thể trở thành phụ thuộc. Nếu ai đó nôn nóng là guru và nếu ai đó nôn nóng có được guru, trạng thái phụ thuộc này có thể xảy ra. Cho nên đừng phạm sai lầm mà trở thành đệ tử hay làm cho ai đó thành guru của bạn. Nhưng nếu không có vấn đề về guru hay đệ tử, chẳng phải lo sợ gì về phụ thuộc cả. Thế thì người mà bạn nhận sự giúp đỡ đơn giản là một phần của chính cái ta riêng của bạn, người đã đi trước trên con đường này. Thế thì ai là guru và ai là đệ tử?

Tôi thường kể câu chuyện rằng Phật đã kể về một trong những kiếp trước của ông ấy. Ông ấy nói, "Ta là kẻ đốt nát trong kiếp trước của mình. Một người trí huệ đã đặt tới chứng ngộ, cho nên ta đến gặp người đó. Ta cúi đầu chạm chân người đó trong sùng kính. Nhưng ngay khi ta vừa ngừng đây, ta rất đỗi ngạc nhiên là ông già đã cúi người chạm chân ta.

"‘Thầy làm cái gì thế này!’ Ta buột kêu lên. ‘Tôi phải chạm vào chân thầy là phải và đúng, nhưng thầy chạm chân tôi thì không hợp chút nào!’

"Ông già nói, ‘Nếu anh chạm chân ta mà ta lại không chạm chân anh, đó sẽ là sai lầm lớn, vì ta chẳng là gì ngoài một phần của anh, bước vài bước trước anh thôi. Và khi ta cúi đầu chạm chân anh là ta nhắc anh rằng anh đã làm đúng khi chạm chân ta. Nhưng chớ hiểu lầm rằng anh và ta là hai. Cũng vậy, đừng sai lầm nghĩ rằng ta trí huệ còn anh đốt nát. Đây chỉ là vấn đề thời gian thôi. Chỉ cần thêm chút thời gian nữa và anh cũng sẽ được chứng ngộ. Cũng hết như khi chân phải của ta tiến lên, chân trái còn lại phía sau: thực tại, chân trái còn lại phía sau để cho chân phải có thể tiến lên."

Mối quan hệ của guru và đệ tử là có hại. Tuy nhiên, việc đặt mối quan hệ vô quan hệ giữa guru và đệ tử, lại rất ích lợi. Vô quan hệ nghĩa là không có hai; quan hệ là nơi có hai. Chúng ta có thể hiểu nếu đệ tử cảm thấy guru là thực thể phân tách khỏi người đó, vì đệ tử là đốt nát. Nhưng nếu guru cũng cảm thấy cùng điều đó, thế thì quá lắm. Thế thì điều đó nghĩa là kẻ mù đang dẫn lối cho kẻ

mù - và người mù dẫn đường còn nguy hiểm hơn, vì người mù thứ hai hoàn toàn tin cậy vào người đó.

Chẳng có ý nghĩa tâm linh nào đối với mối quan hệ guru-đệ tử cả. Thực tại, mọi mối quan hệ đều là mối quan hệ quyền lực. Tất cả chúng đều là mối quan hệ về chính trị quyền lực. Ai đó là bố, ai đó là con; nếu đây là mối quan hệ tình yêu, nó sẽ là vấn đề khác. Thế thì người bố sẽ không ý thức về việc mình là bố, mà người con cũng không ý thức mình là con. Thế thì con sẽ là dạng có trước của bố và bố sẽ là dạng tiếp sau của con - và điều này là chân lí của vấn đề.

Chúng ta gieo hạt mầm và cây mọc lên. Thế rồi cây này sinh ra hàng nghìn hạt. Đây là mối quan hệ giữa những hạt này và chiếc hạt đầu tiên? Hạt này đến trước rồi các hạt khác theo sau. Chính cuộc hành trình của cùng một hạt, rơi xuống đất, đâm chồi và tan biến trong đất. Người bố là mối nổi đầu tiên và đứa con là mối nổi thứ hai trong cùng một dây chuyền. Nhưng thế thì có dây chuyền, không phải là những con người cá thể. Thế thì nếu con chạm vào chân bố nó tức là nó biểu hiện sự kính trọng của mình đối với mối nổi trước đó. Nó đang biểu lộ sự thành tâm của mình với cái đang diễn ra, vì không có bố, nó không thể tới thế giới này được. Nó đã đi vào sự tồn tại thông qua người bố.

Và nếu người bố nuôi dưỡng con mình, cho nó ăn và mặc, người đó không bỏ công sức cho ai đó khác; chính mở rộng của riêng người đó mà người đó đang nuôi dưỡng. Nếu ta nói rằng người bố trở thành thanh niên lần nữa trong đứa con mình, chúng ta cũng không sai. Thế thì vấn đề không phải là vấn đề về quan hệ nữa; đây là một việc hoàn toàn khác. Đây là tình yêu, không phải là quan hệ.

Nói chung chúng ta thấy mối quan hệ giữa bố và con là mối quan hệ chính trị. Bố mạnh và con yếu, cho nên bố chi phối con. Bố cố gắng làm cho con cảm thấy, "Mày chẳng là gì cả, tao là mọi thứ." Nhưng ông ấy không nhận ra rằng chẳng mấy chốc thời gian sẽ tới khi đứa con thành người mạnh mẽ. Thế thì nó sẽ chi phối người bố theo hết như vậy.

Mối quan hệ giữa thầy và đệ tử, giữa vợ và chồng đều bị bóp méo... Nếu không, tại sao phải có bất kì mối quan hệ nào giữa chồng và vợ? Hai người đã cảm thấy cái một giữa họ, cho nên họ cùng nhau. Nhưng không, điều này không như vậy. Chồng chi phối vợ theo cách riêng của mình; vợ chi phối chồng theo cách riêng của mình. Cả hai đều chơi với sức mạnh riêng của mình như trò chính trị quyền lực với nhau.

Điều hết như vậy cũng là trường hợp với guru và đệ tử. Guru áp bức đệ tử, còn đệ tử, đợi đến khi thầy chết để cho mình có thể trở thành guru. Nếu guru chậm chết, sẽ có âm mưu và mưu đồ chống lại ông ta. Cho nên khó mà tìm được guru có đệ tử không nổi loạn chống lại ông ta hay trở thành kẻ thù của ông ta. Đại đệ tử chắc chắn là kẻ thù của thầy. Cho nên người ta phải cẩn thận trong việc chọn đại đệ tử. Điều này gần như không tránh khỏi, vì sức ép quyền lực bao giờ cũng gặp với nổi loạn. Tâm linh chẳng liên quan gì với nó cả.

Tôi có thể hiểu người bố đang gây sức ép lên đứa con: đây là trường hợp của hai người dốt nát, và họ có thể được tha thứ. Điều ấy không tốt nhưng có thể lượng thứ được. Chồng áp bức vợ và ngược lại là điều thông thường - không tốt nhưng rất thông thường. Nhưng khi guru đàn áp đệ tử của mình, điều ấy trở thành khó khăn. Lĩnh vực

này ít nhất cũng không nên có mọi lời tuyên bố rằng "Ta biết còn anh không biết."

Mối quan hệ này giữa guru và đệ tử là gì vậy? Một người là người yêu sách: người này nói, "Ta biết, anh không biết. Anh đốt nát, ta trí huệ. Kẻ đốt nát phải cúi lạy người trí huệ." Nhưng loại người trí huệ nào nói ra "Anh phải cúi lạy trong tôn kính"? Người đó là người đốt nát nhất. Người đó biết vài bí mật được kế thừa, người đó đã nghiên cứu một số kinh sách và người đó có thể lặp lại chúng từ kí ức. Người đó chẳng có gì nhiều hơn điều này.

Có lẽ bạn còn chưa được nghe câu chuyện này:

Có một con mèo đã trở thành kẻ biết tất. Nó trở nên nổi tiếng trong các con mèo - nổi tiếng đến mức nó sắp được coi như một *tirthankara*. Lí do cho việc trở thành kẻ biết tất là ở chỗ nó đã tìm ra cách rúc vào trong thư viện. Nó biết mọi điều về thư viện này. Với mọi điều là tôi muốn ngụ ý cách vào và ra khỏi thư viện, chồng sách nào là dễ chịu nhất để rúc vào, cuốn sách nào ấm áp nhất trong mùa đông và cuốn nào, mát mẻ nhất trong mùa hè, vân vân.

Cho nên lời đồn đại trong các con mèo là nếu ai muốn có hiểu biết gì về thư viện, con mèo biết tất đó có thể đưa ra câu trả lời. Một cách tự nhiên, chẳng có hoài nghi gì về một kẻ như thế biết mọi điều về thư viện, phải là đáng toàn năng. Con mèo này thậm chí phải có tín đồ nữa. Nhưng sự kiện còn lại là ở chỗ nó chẳng biết gì. Tất cả những cái nó biết về sách chỉ là liệu nó có thể nằm sau sách đó một cách thoải mái, sách nào có đóng bằng vải, ấm, còn sách nào không. Nhiều hơn nữa, nó không biết.

Nó chẳng có ý tưởng nào về cái gì bên trong sách. Mà làm sao mèo có thể biết cái gì bên trong sách?

Có những con mèo biết tất như thế trong loài người nữa đấy, những người biết che chắn cho mình bằng sách vở. Bạn tấn công họ còn họ, lập tức trú ngụ trong Ramayana và cố gắng kìm hãm bạn với lời kinh trong đó. Hay họ sẽ nói, "Gita nói như thế đấy."

Bây giờ ai dám cãi với Gita đây? Nếu tôi định nói, "Đây là điều tôi nói,", bạn có thể tranh luận với tôi. Nhưng nếu tôi đem Gita ra, tôi an toàn rồi. Tôi lần đàng sau Gita. Gita toả hơi ấm trong giá lạnh; nó cho tôi nghề nghiệp và trở thành lá chắn bảo vệ chống lại kẻ thù. Nó thậm chí còn trở thành đồ trang trí và có thể nô đùa, nhưng một người làm điều này, chỉ biết nhiều nhất là Gita cũng như mèo trong thư viện; người đó cũng chẳng biết nhiều hơn con mèo biết.

Có thể là bởi kết giao lâu dài mà con mèo có khả năng đi tới biết điều bên trong cuốn sách, nhưng các guru thông thái này sẽ chẳng biết gì cả. Họ càng học thuộc lòng nhiều, họ càng ít cần phải biết. Thế thì họ sẽ bị ảo tưởng rằng họ biết tất cả những cái phải biết.

Bất kì khi nào một người công bố thẩm quyền về việc biết, biết rằng đây chỉ là cái đốt nát đã trở nên được nói ra, vì việc khẳng định là đốt nát rồi. Nhưng khi một người ngần ngại thậm chí nhắc đến rằng mình biết, thế thì biết rằng người đó đã bắt đầu nhận được thoáng nhìn, tia sáng của trí huệ. Tuy nhiên một người như vậy sẽ không trở thành guru đâu, người đó thậm chí cũng chẳng mơ thành guru, vì với việc trở thành guru, thẩm quyền về tri thức sẽ tới. Ý nghĩa của guru là người biết: người đó chắc chắn

rằng mình biết, và bây giờ bạn không cần biết nữa; người đó có thể truyền đạt lại tri thức của mình cho bạn.

Cho nên công bố và thẩm quyền này giết chết ý nghĩa của việc truy tìm và truy vấn trong người khác. Thẩm quyền không thể tồn tại mà không có đàn áp, vì người sử dụng thẩm quyền, bao giờ cũng sợ phát kiến của bạn về chân lí. Thế thì quyền lực của người đó sẽ trở thành thế nào? Cho nên người đó sẽ chặn bạn không cho phát hiện ra. Người đó sẽ thu thập tin đồn và đệ tử quanh mình, và bên trong các đệ tử cũng sẽ có phân cấp các đại đệ tử và các đệ tử thường. Điều này lần nữa lại là cái mạng nhện chính trị và nó chẳng liên quan gì tới tâm linh cả.

Khi tôi nói rằng điều xảy ra tựa như shaktipat - sự giáng xuống của năng lượng của điều thiêng liêng - xảy ra dễ dàng trong sự hiện diện của một người đặc biệt, tôi không có ý rằng bạn nên níu bám và gắn chặt với người này; mà tôi cũng không nói rằng bạn nên phụ thuộc vào người đó hay làm cho người đó thành guru. Tôi cũng không nói rằng bạn nên dừng việc tìm kiếm của mình. Ngược lại, bất kì khi nào biến cố này xảy ra qua một người trung gian, bạn sẽ cảm thấy rằng nếu kinh nghiệm này qua một nguồn gián tiếp mà có thể đem tới vui sướng đến thế thì, việc kinh nghiệm sự giáng xuống *trực tiếp* của năng lượng thiêng liêng sẽ phải sung sướng đến dường nào! Sau rốt, khi một điều tới qua ai đó, nó quả có mất đi một chút tươi mát; nó trở thành cũ đi một chút.

Tôi ra vườn và tôi tràn ngập với hương thơm của hoa, và rồi bạn tới gặp tôi và bạn cảm thấy hương thơm của hoa qua tôi. Bạn sẽ thấy rằng hương thơm ấy sẽ còn trộn lẫn cả với mùi của tôi nữa, và bởi thế nó cũng sẽ trở nên mờ nhạt.

Cho nên khi tôi nói shaktipat ban đầu rất có ích, điều tôi ngụ ý là ở chỗ trước hết bạn nên nhận lấy tin tức là có một khu vườn và có hoa để cho bạn có thể được động viên khởi hành cuộc hành trình. Nhưng nếu bạn kiếm được một guru bạn sẽ trì trệ, cho nên đừng dừng lại tại cột cây số. Cột cây số nói cho ta còn nhiều điều hơn người mà ta gọi là guru. Chúng cho ta biết ta còn bao xa so với đích. Không guru nào có thể cho được thông tin chính xác như thế. Vậy mà chúng ta cũng chẳng tôn thờ cột cây số hay ngồi gần chúng. Nếu chúng ta làm như vậy, chúng ta sẽ tự chứng tỏ mình còn kém hơn cả hòn đá, vì hòn đá có đó để chỉ ra cuộc hành trình còn bao xa nữa. Nó không đứng đó để chặn bạn lại.

Nếu cột cây số biết nói, nó nữa cũng sẽ cất tiếng gọi, "Anh đi đâu đấy? Ta đã trao cho anh thông tin cần thiết. Anh đã đi được mười dặm đường và anh còn phải đi thêm hai mươi dặm nữa. Bây giờ anh biết rồi, vậy anh chẳng cần phải đi thêm nữa. Làm đệ tử của ta; theo ta." Nhưng hòn đá lại không nói được, cho nên nó không thể trở thành guru.

Con người nói được; do đó ông ta trở thành guru. Ông ta nói, "Ta đã chỉ cho anh bao nhiêu thứ; phải biết ơn ta chứ. Anh phải biểu lộ lòng biết ơn của mình, hàm ơn của mình đối với ta." Nhớ lấy, ông ta người yêu cầu sự biết ơn ấy, chẳng có gì cho bạn cả. Ông ta đơn thuần cho bạn một mẫu tin hết như cột cây số. Cột cây số chẳng biết gì về cuộc hành trình. Chỉ có một mẫu thông tin khắc trên nó mà nó đem trao cho mọi người đi ngang qua thế thôi.

Giống vậy, nếu lòng biết ơn được trông đợi và đòi hỏi, hãy đề phòng. Đừng bị dính mắc vào cá thể. Vượt ra ngoài tính cá thể hướng về cái vô hình, cái vĩnh cửu, cái vô hạn. Tuy nhiên, thoáng nhìn là có thể có được thông

qua một người, vốn chỉ là một phương tiện, vì cuối cùng cá nhân cũng thuộc vào điều thiêng liêng. Giống như đại dương có thể được biết tới thông qua chiếc giếng, cho nên cái vô hạn có thể được biết thông qua cá nhân. Nếu thoáng nhìn có thể xảy ra cho bạn, thế thì việc nhận ra cũng có thể xảy ra. Nhưng đừng phụ thuộc vào bất kì ai hay bị nô lệ vào bất kì cái gì.

Mọi quan hệ đều là gắn dính, dù đây là chồng và vợ, bố và con, hay guru và đệ tử. Nơi nào có quan hệ, nơi đó có cảnh nô lệ. Cho nên người tìm kiếm tâm linh phải không tạo ra quan hệ. Nếu người đó giữ mối quan hệ chồng và vợ, không có hại gì; đây không phải là cản trở vì quan hệ này là không liên quan. Nhưng điều trở trêu nằm ở sự kiện là người đó từ bỏ và vứt bỏ các mối quan hệ chồng-vợ, bố-con để tạo ra quan hệ guru-đệ tử mới. Điều này là rất nguy hiểm.

Ý tưởng về mối quan hệ tâm linh chẳng có ý nghĩa gì cả. Tất cả các mối quan hệ đều thuộc về thế gian trần tục. Quan hệ như thế là trần tục. Nếu nói rằng mối quan hệ là thế gian này, điều ấy cũng không sai. Bạn một mình, không kết giao. Đây không phải là phát biểu ích kỉ vì người khác cũng một mình và không kết giao. Ai đó bước trước bạn hai bước; nếu bạn nghe thấy tiếng bước chân, thế thì bạn đã biết về hướng của cuộc hành trình xa của bạn. Có một số người đang bước hai bước sau bạn, có một số người khác đi cùng với bạn. Cho nên vô số linh hồn đang du hành trên con đường. Trong cuộc hành trình này tất cả chúng ta đều là bạn đồng hành; khác biệt duy nhất là ở chỗ ai đó đi trước một chút hay đi sau một chút. Tận dụng tối đa ưu điểm của những người đi trước bạn, nhưng đừng biến điều đó thành một loại cảnh nô lệ nào đó.

Tránh xa khỏi phụ thuộc và các mối quan hệ, và đặc biệt xa khỏi mối quan hệ "tâm linh" - bao giờ cũng vậy. Mối quan hệ trần tục không nguy hiểm, vì thế gian như nó thế *đã là* mối quan hệ rồi. Nó không phải là vấn đề. Đón nhận thông điệp và chỉ dẫn bất kì chỗ nào chúng có sẵn. Tôi không ngụ ý bạn không nên cảm ơn chúng.

Điều này không nên tạo ra bất kì phức tạp nào trong tâm trí bạn. Điều tôi đang nói là ở chỗ nếu lòng biết ơn được yêu cầu, nó là sai, nhưng nếu bạn không biết ơn, đây lại cũng là sai tương đương. Chúng ta nên cảm ơn cột cây số vì cho ta thông tin, dù nó có nghe thấy hay không.

Khi chúng ta nói rằng guru không nên yêu cầu hay trông đợi vào biết ơn, điều đó đánh lừa người nghe và nuôi dưỡng cho bản ngã của người đó. Người đó nghĩ, "Điều này tuyệt đối đúng. Thậm chí chẳng cần cảm ơn ông ấy!" Thế là chúng ta phạm phải sai lầm, vì thế thì chúng ta lại hiểu lời phát biểu từ cực đối lập. Tôi không nói rằng bạn thậm chí không cần phải tỏ ra biết ơn. Điều tôi ngụ ý là ở chỗ guru không nên *đòi hỏi* lòng biết ơn. Cho nên nếu bạn không biết ơn, điều đó cũng sai tương đương về phần bạn. Bạn phải biết ơn, nhưng lòng biết ơn này sẽ không gắn dính bạn, vì cái gì chưa bao giờ được yêu cầu, sẽ chẳng bao giờ gắn dính. Nếu tôi cảm ơn bạn mà không có việc yêu cầu từ bạn, điều đó chẳng gắn dính gì. Nhưng nếu bạn yêu cầu có cảm ơn, dù tôi có cảm ơn bạn hay không, điều ấy sẽ gắn dính bạn và tạo ra rắc rối.

Nhận lấy hướng dẫn hay thoáng nhìn từ bất kì đâu bạn có được nó. Nó sẽ biến mất qua lần này lần nọ. Nó không thể thường hằng vì nó đến từ người khác. Chỉ cái là của bạn mới kéo dài mãi.

Cho nên bạn sẽ phải trải qua việc xảy ra của spaktipat lặp đi lặp lại. Nếu bạn sợ mất tự do của mình, tìm kiếm

kinh nghiệm của riêng mình đi. Không ích gì mà phải sợ cảnh tù túng, vì nếu tôi dính tôi với bạn, đây là tù túng, còn nếu tôi trốn chạy khỏi bạn với nỗi sợ bị bám dính, thế thì tôi cũng bị móc nối vào và do đó bị dính vào bạn.

Cho nên nhận những gì bạn được một cách im lặng; biết ơn và đi tiếp. Và nếu bạn cảm thấy điều gì đó đã từng tới nhưng đã từng mất nhiều lần, thế thì tìm kiếm cội nguồn bên trong, từ nơi nó không bao giờ bị mất. Không có cách nào làm mất đi được, vì kho báu của riêng chúng ta là vô tận. Với những cái có nguồn gốc từ người khác, có cơ là nó sẽ bị mất.

Đừng là kẻ ăn xin cứ hỏi xin từ người khác mãi. Cái bạn nhận được từ người khác phải làm cho bạn bắt đầu việc tìm kiếm riêng của mình. Và điều này trở thành có thể chỉ khi bạn không bị mắc kẹt trong việc có mối quan hệ. Cảm nhận, đưa ra lời cảm ơn, và đi tiếp.

Thầy đã nói rằng Thượng đế là năng lượng không thiên vị và thuần khiết. Thượng đế không quan tâm đặc biệt tới cuộc sống con người mà cũng chẳng có nghĩa vụ với cuộc sống con người. Trong Kath Upanishad có một lời kinh hàm nghĩa, "Thượng đế tới gặp người mà Thượng đế yêu mến." Đây là cơ sở và lí do cho ưa thích này?

Thực tại, tôi không nói rằng Thượng đế không quan tâm tới bạn: nếu như ngài không quan tâm, bạn đã chẳng có rồi. Mà tôi cũng không nói ngài dừng đứng với bạn: ngài không thể thế được vì bạn không xa rời khỏi ngài. Bạn là mở rộng của ngài. Điều tôi nói là ở chỗ ngài không

có bất kì mối quan tâm *đặc biệt* nào tới bạn. Có khác biệt giữa những phát biểu này.

Năng lượng, mà là Thượng đế, không có mối quan tâm đặc biệt nào tới bạn theo nghĩa nó sẽ không vi phạm luật lệ của mình vì bạn. Nếu bạn đập đầu vào đá, bạn nhất định bị thương; tự nhiên sẽ chẳng quan tâm đặc biệt gì tới bạn - mặc dầu khi bạn đập đầu và máu bắt đầu chảy ra, máu cứ chảy vì Thượng đế có tham dự vào việc xảy ra. Khi bạn chết đuối trong dòng sông, thế nữa tự nhiên cũng đang chơi phần của nó - phần làm bạn chết đuối. Nhưng không có mối quan tâm đặc biệt nào theo nghĩa là nó sẽ cứu bạn khi các luật lệ của nó là làm bạn chết đuối. Luật là ở chỗ nếu bạn ngã từ trên mái, bạn sẽ gãy xương; tự nhiên chẳng quan tâm đặc biệt gì tới việc bạn phải không bị gãy xương.

Những người tin Thượng đế là người đã thêu dệt ra nhiều câu chuyện mang hương vị thiêng liêng - chẳng hạn như Pralad không bao giờ bị bỏng bởi lửa hay bị thương khi ông ấy bị ném từ trên núi xuống. Những câu chuyện này là suy nghĩ mong ước của chúng ta; chúng ta muốn rằng sự việc phải như vậy. Chúng ta ước rằng Thượng đế có quan tâm đặc biệt tới chúng ta, rằng chúng ta phải là trung tâm sự chú ý của ông ấy.

Vận hành của năng lượng bao giờ cũng tuân theo luật. Mối quan tâm của con người có thể là đặc biệt; con người có thể thiên vị. Nhưng năng lượng, bao giờ cũng vô tư, vô tư là mối quan tâm duy nhất của nó; do đó nó sẽ làm những điều bên trong luật của nó và không bao giờ ra khỏi luật đó. Không có phép màu nào về phần của Thượng đế.

Bây giờ về Kath Upanishad - ý nghĩa của nó là rất khác. Nó nói, "Ngài chỉ gặp những người trong chọn lựa

của ngài, gặp những ai mà ngài thấy hạnh phúc và những ai mà ngài thích." Một cách tự nhiên bạn sẽ nói điều này nghĩa là ngài có mối quan tâm đặc biệt tới một số người. Điều này không phải như vậy. Thực tại, rất khó giải thích những việc như thế thì vì khi chân lý được đem ra giải thích, người ta phải giải quyết với rất nhiều khía cạnh.

Những người đã đạt tới Thượng đế luôn luôn nói, "Chúng ta là ai và nỗ lực của chúng ta có giá trị nào cơ chứ? Chúng ta không là ai cả và giá trị của chúng ta, thậm chí cũng chẳng bằng một hạt bụi; vậy mà chúng ta đã đạt tới ngài. Và nếu chúng ta thiên một chút, giá trị lớn lao nào so sánh được với kho báu vô giá này mà chúng ta đã đạt được? Chẳng có gì so sánh được giữa nỗ lực của chúng ta và cái thu được của chúng ta." Cho nên những người đã đạt tới chứng ngộ đều xác nhận rằng nó không phải là kết quả của nỗ lực của họ. "Đây là ân huệ của ngài, đây là mong ước của ngài để ban phúc cho chúng ta; bằng không, liệu chúng ta có thể tìm thấy ngài được không?" họ bao giờ cũng hỏi.

Đây là phát biểu của người vô ngã, người đã hiểu về nguy nga và vĩ đại trong việc đạt tới này của mình. Tuy nhiên, nếu điều này trở thành cách nghĩ của những người còn chưa chứng ngộ, nó sẽ rất nguy hiểm. Khi điều này tới từ những người đã chứng ngộ, phát biểu này là khớp và chuyển tải một dấu hiệu phân biệt về cái tinh xảo của cảm giác.

Những người như vậy xác nhận, "Chúng ta là ai mà chúng ta đã đạt tới ngài? Sức mạnh của chúng ta, khả năng của chúng ta là gì? Quyền của chúng ta là gì? Chúng ta đã thỉnh cầu gì về ngài? Thế mà do từ bi của ngài, ngài đã ban phúc cho chúng ta gặp ngài." Với những người đã đạt tới, phát biểu này là đúng. Điều họ ngụ ý là ở chỗ họ

không coi việc đạt tới của mình là kết quả trực tiếp của nỗ lực của họ. Điều đó không là thành tựu của bản ngã; nó là món quà, ân huệ.

Điều họ nói là đúng, nhưng đọc Kath Upanishad, bạn sẽ gặp khó khăn. Đọc bất kì kinh sách nào con người cũng trong khó khăn lớn, vì kinh sách là phát biểu của những người biết và được đọc bởi những người không biết. Họ nhận nó tương ứng theo việc hiểu của mình và nói, "Được. Nếu Thượng đế chỉ gặp người ngài muốn gặp, theo cái thích riêng của ngài, sao chúng ta phải bận tâm? Tại sao chúng ta phải làm cái gì?" Thế thì tuyên bố của người vô ngã trở thành việc bảo vệ cho trạng thái lơ phờ của chúng ta.

Có khác biệt bao la giữa hai loại người này - giống như giữa trời và đất. Các phát biểu khiêm tốn và vô ngã của người đã chứng ngộ trở thành việc bảo vệ cho cái đồ dẫn và lừa nhác của chúng ta. Thế thì chúng ta nói, "Được, Thượng đế chỉ gặp những ai mà ngài muốn gặp và ngài không gặp những ai mà ngài không muốn gặp."

Có một phát biểu tương tự của thánh Augustine nói tới cái gì đó tựa thế này: "Những người mà Thượng đế muốn, ngài làm cho họ điều lành; những người mà ngài muốn, ông ấy làm cho họ điều xấu." Đây dường như là một phát biểu rất nguy hiểm. Nếu điều này là như vậy - rằng Thượng đế làm cho một số người xấu và làm cho một số người tốt theo tính đồng bóng của mình - thế thì mọi sự phát rồ! Thế thì ngài phải là Thượng đế mất trí!

Khi bạn đọc điều này bạn có thể gán một ý nghĩa rất tiêu cực cho nó. Nhưng điều Augustine ngụ ý hoàn toàn khác. Ông nói với người tốt, "Chớ có kiêu ngạo rằng ông là tốt, vì những người mà Thượng đế muốn, ông ấy làm cho họ tốt." Còn với người xấu ông nói, "Chớ có nản chí,

đừng lo âu. Những người mà Thượng đế muốn, ông ấy làm cho họ xấu."

Ông ấy đang dứt ra cái kiêu căng trong bản ngã của người tốt và ông đang dứt bỏ cái chua cay trong điều hối tiếc của người xấu. Phát biểu này đến từ người biết. Nhưng người xấu nghe điều này và người đó nói, "Nếu sự việc là như vậy, tôi chẳng có quyền hành gì trong đó - vì những người mà Thượng đế muốn là xấu, là xấu." Cuộc hành trình của người tốt cũng bị chệch mảng đi, người này nói, "Còn gì phải làm nữa nào? Những người Thượng đế chọn làm tốt, ông ấy làm tốt, còn những người ông ấy chọn không làm tốt, ông ấy không làm tốt." Cuộc sống người đó trở nên vô nghĩa và trì trệ.

Đây là điều các kinh sách đã làm cho toàn thế giới. Kinh sách là lời của những người đã chứng ngộ. Tuy nhiên, những người biết không cần đọc kinh sách, còn những người không biết lại đọc chúng; thế thì khác biệt trong việc hiểu biết là các cực xa nhau. Ý nghĩa mà chúng ta trao cho lời của họ chính là của riêng chúng ta và không phải là ý nghĩa thực tại.

Tôi đã đi tới cảm giác rằng nên có hai loại kinh sách - lời của những người đã chứng ngộ nên được giữ tách biệt, và nên có những kinh sách tách biệt đặc biệt được chuẩn bị cho những người chưa chứng ngộ. Kinh sách chứa lời của người đã chứng ngộ nên hoàn toàn bị dấu kín với người dốt nát, bởi vì người này nhất định sẽ suy diễn ý nghĩa riêng của mình và thế thì mọi thứ trở thành xoắn xuýt và méo mó. Cứ theo cách này, mọi trí huệ của chúng ta đều bị méo mó hết. Bạn có hiểu điều tôi đang nói không?

Thầy đã nói rằng shaktipat, việc truyền năng lượng sống, xảy ra qua trung gian của người vô ngã và rằng người nói, "Ta có thể làm shaktipat," chắc chắn là giả và shaktipat sẽ không xảy ra qua người đó. Nhưng tôi biết nhiều người vẫn thực hành shaktipat và năng lượng kundalini bắt đầu đi lên và phát triển như vẫn được viết trong các kinh sách. Đây có phải là các quá trình giả không? Nếu có, nó là thế nào và tại sao?

Đây cũng là một điểm quan trọng cần phải hiểu. Thực tế không có gì trong thế giới này không có phản đối xứng giả của nó. Tiền giả tồn tại trong mọi chiều hướng của cuộc sống. Và bao giờ tiền giả cũng có vẻ sáng loáng hơn tiền thật. Nó phải là như vậy, bởi vì chính sự sáng loáng ấy làm cho nó hấp dẫn; nó là vô dụng trong thực tại của nó. Đồng tiền thực có tác dụng cho dù nó không sáng loáng. Tiền giả tạo ra lời tuyên bố hùng hồn vì nó phải bù lại, và bởi vì cái vô giá trị của nó, nó dễ dàng có sẵn.

Tất cả thành tựu tâm linh đều có phần giả tương ứng của chúng và không một kinh nghiệm nào không có thành phần giả. Nếu có kundalini thực, cũng có kundalini giả. Nếu có các *luân xa* thật, cũng có các *luân xa* giả. Nếu có phương pháp đúng của yoga, cũng có các phương pháp giả nữa. Khác nhau giữa hai điều này là ở chỗ kinh nghiệm thật xuất hiện trên bình diện tâm linh, trong khi cái giả xuất hiện trên bình diện tâm lí, tâm trí.

Chẳng hạn, nếu một người đi vào thiền sâu và tới gần hơn bản thể mình, người đó sẽ bắt đầu kinh nghiệm nhiều điều. Người đó có thể kinh nghiệm hương thơm mà mình chưa bao giờ biết trước đây; người đó có thể nghe thấy

âm nhạc bên ngoài thế giới này; người đó có thể thấy những màu sắc mà không thấy có trên thế gian. Nhưng tất cả những kinh nghiệm này cũng có thể được tạo ra bởi thôi miên, nhanh chóng và chẳng khó khăn gì. Màu sắc có thể được tạo ra; giai điệu có thể được tạo ra; hương và vị có thể được tạo ra. Và với tất cả những điều này chẳng cần phải trải qua thiền sâu và biến đổi bên trong gì cả. Tất cả điều bạn cần là trở thành vô ý thức qua thôi miên; thế thì bất kì cái gì được gợi ý từ bên ngoài cũng có thể xảy ra bên trong. Những kinh nghiệm này là đồng tiền giả cả.

Bất kì cái gì xảy ra trong thiền cũng đều có thể xảy ra qua thôi miên nhưng nó sẽ không phải là tâm linh. Đây là trạng thái được gây ra; nó giống như giấc mơ. Nếu bạn yêu người đàn bà trong trạng thái tỉnh, bạn cũng có thể yêu cô ấy trong mơ nữa - và người đàn bà trong mơ sẽ đẹp hơn. Nếu người đàn ông không tỉnh thức và giữ việc mơ của mình, người này sẽ chẳng bao giờ biết cô gái trong mơ là thực hay ảo tưởng. Làm sao mà người đó biết được? Chỉ khi mơ bị phá vỡ, người đó mới biết rằng đó là mơ.

Cho nên có những phương pháp mà qua đó mọi loại mơ đều có thể được tạo ra bên trong bạn. Mơ về kundalini có thể được tạo ra; mơ về luân xa có thể được tạo ra; nhiều kinh nghiệm có thể được tạo ra. Bạn sẽ ham mê thích thú trong những mơ này; chúng dễ chịu đến mức bạn sẽ không muốn chúng biến mất đi. Chúng là những mơ mà thật khó để gọi chúng là mơ được, bởi vì chúng xảy ra trong khi bạn đang thức, trong khi bạn đang hoạt động. Chúng là mơ ngày. Chúng có thể được thực hành và bạn có thể trải qua cả đời trong chúng, nhưng đến cuối cùng bạn sẽ thấy bạn chẳng đạt tới đâu cả; bạn đã thấy một giấc mơ dài. Có những phương tiện và phương pháp để tạo ra những giấc mơ này. Người khác có thể đưa

chúng vào trong bạn và bạn sẽ không bao giờ có khả năng phân biệt nổi giữa giả và thật, bởi vì bạn không có ý tưởng nào về kinh nghiệm thật cả.

Nếu một người chưa bao giờ thấy tiền thực và bao giờ cũng chỉ dùng tiền giả, làm sao người đó sẽ biết rằng đồng tiền của mình là giả? Để biết cái giả, cái thật phải được biết. Cho nên chỉ khoảnh khắc mà kundalini biểu lộ chính nó, người ta mới có thể thấy hai kinh nghiệm này cách nhau bao xa. Kundalini thực là một kinh nghiệm khác hẳn.

Nhớ lấy, nhiều mô tả về kundalini trong kinh sách là giả, và có lí do cho điều này. Bây giờ tôi sẽ nói cho bạn về một bí mật của kinh sách. Tất cả các hiền nhân và nhà tiên tri đã từng sống trên trái đất này đều để lại một cách có chủ ý một số lỗi lầm cơ bản trong từng kinh sách với mục đích để đánh giá sự tiến bộ và độ chân thực của đệ tử. Bây giờ, chẳng hạn, tôi có thể bảo bạn từ bên ngoài ngôi nhà này rằng có năm buồng bên trong, nhưng tôi biết có sáu. Một hôm bạn có thể tới và nói, "Tôi đã thấy ngôi nhà từ bên trong và chỉ có năm buồng như thầy nói." Thế thì tôi sẽ biết rằng bạn đã đến thăm lâu đài nào khác - lâu đài ảo tưởng - chứ không phải là ngôi nhà tôi đã nói tới.

Theo cách này một phòng đã bị bỏ bớt; điều này cho thông tin liệu bạn có thực sự kinh nghiệm hay không, liệu kinh nghiệm của bạn là thật hay không. Nếu kinh nghiệm của bạn hoàn toàn tương ứng với kinh sách, đấy là đồng tiền giả, bởi vì cái gì đó bao giờ cũng đã bị bỏ đi trong kinh sách; rất cần phải làm như vậy.

Nếu kinh nghiệm của bạn phù hợp với sách vở, biết rằng tri thức sách vở ấy là được phóng chiếu. Khoảnh khắc kinh nghiệm của bạn tới theo cách thức khác, cách thức mà trong đó chúng có thể trùng với kinh sách ở chỗ

này và không trùng ở chỗ khác, thế thì biết rằng bạn đang trên con đường đúng - những điều đang xảy ra là chân thực và rằng bạn không đơn thuần phóng chiếu những mô tả mà bạn đã đọc trong kinh sách.

Cho nên khi kundalini thức tỉnh một cách chân thực, bạn sẽ biết chỗ nào trong kinh sách mọi thứ đã được phát minh ra để đánh giá độ chân thực của kinh nghiệm của thiên nhân. Nhưng trước điều này bạn không thể biết được nó. Mọi kinh sách đều cần phải bỏ đi thông tin nào đó; bằng không, sẽ khó mà đánh giá được độ chân thực của chúng nghiệm.

Có một thầy giáo của tôi. Ông ấy là một giáo sư đại học. Bất kì sách nào tôi nói tới ông ấy đều nói là ông ấy đã đọc nó. Một hôm tôi nhắc tới một cuốn sách hư cấu và tên tác giả của nó. Tôi nói, "Thầy đã đọc cuốn sách vậy chưa? Một cuốn sách tuyệt vời."

Ông ta nói, "Có, tôi đọc rồi."

"Bây giờ, hoặc thầy tạo ra sách đó hoặc tất cả những lời tuyên bố trước đây của thầy về việc đọc sách đều phải bị huỷ bỏ," tôi bảo ông ta, "Chẳng có cuốn sách như thế mà cũng chẳng có tác giả như thế!"

Ông ta ngạc nhiên, "Anh định nói gì vậy? Không có cuốn sách như thế à?" ông ấy nói.

"Không!" tôi nói, "Không có cách nào khác để đánh giá độ chân thực lời thầy nói."

Những người biết sẽ lập tức tìm ra. Nếu kinh nghiệm của bạn là đúng đắn như đã được đặt trong kinh sách, bạn sẽ bị bắt, bởi vì có những lỗ hổng bị bỏ lại trong kinh

sách; đôi khi cái giả đã được thêm vào, đôi khi cái thật bị bỏ ra, và tất cả những điều này là tuyệt đối cần thiết vì nếu không sẽ khó mà nói được cái gì xảy ra cho ai.

Những kinh nghiệm được mô tả trong kinh sách có thể được bịa ra; mọi thứ đều có thể được bịa ra, bởi vì khả năng của tâm trí con người nhiều thế. Và trước khi người ta đi vào cốt lõi bên trong nhất của bản thể, tâm trí lừa dối người ta theo cả nghìn cách. Và nếu bạn muốn tự lừa mình thế thì điều ấy rất là dễ dàng.

Cho nên tôi nói vấn đề về các mô tả trong kinh sách hay ai đó tự xưng là làm shaktipat hay các kĩ thuật tạo ra kinh nghiệm giả, không phải là điều thật có ý nghĩa. Cốt lõi bản chất của vấn đề là cái gì đó khác. Có nhiều cách khác để tìm ra tính chân thực của kinh nghiệm của bạn.

Một người đang uống nước ban ngày và cơn khát của người đó được dịu đi; người đó uống nước trong mơ nhưng cơn khát của người đó không dịu đi. Buổi sáng người đó thấy cổ họng khô rang và đôi môi khô ráo, bởi vì việc uống nước trong mơ không thể làm dịu cơn khát. Chỉ nước thực mới làm dịu cơn khát. Liệu nước là thực hay không thực có thể được tìm ra từ cơn khát của bạn - liệu cơn khát có được dịu đi hay là không.

Cho nên với những người mà bạn đang nói tới, những người cứ tuyên bố đánh thức kundalini của mọi người hay người nói ít nhất kundalini của họ đã trở nên được đánh thức cũng vẫn là đang tìm kiếm thôi. Họ nói họ đã kinh nghiệm nhiều điều, vậy mà việc tìm kiếm của họ vẫn tiếp tục. Họ xác nhận họ đã tìm thấy nước, ấy vậy mà họ chẳng có ý tưởng về cái hồ!

Mới hôm kia thôi một người bạn tới và nói anh ta đã đạt tới trạng thái vô ý nghĩ, và anh ta đã tới để hỏi về

phương pháp thiền. Bây giờ phải nói gì cho người như thế đây! Một người nói kundalini của mình đã thức tỉnh nhưng tâm trí anh ta vẫn bất ổn; người khác, nói rằng kundalini đã thức tỉnh nhưng anh ta vẫn còn bị hành hạ bởi dục! Có những phương sách trung gian để phát hiện ra tính chân thực của kinh nghiệm của bạn.

Nếu kinh nghiệm là thực, việc tìm kiếm chấm dứt. Thế thì cho dù Thượng đế tới và mời chào an bình hay phúc lạc, người này sẽ từ chối một cách lễ phép và yêu cầu Thượng đế cứ giữ lấy nó cho mình; người này không cần nó. Cho nên để tìm ra cái chân thực của kinh nghiệm nhìn sâu vào nhân cách của người này về một số triệu chứng khác của biến đổi.

Một người nói rằng người đó đi vào samadhi, vào siêu tâm thức. Người đó chôn mình dưới đất trong sáu ngày rồi chui ra vẫn sống. Nhưng nếu bạn để tiền trong ngôi nhà, người này sẽ ăn cắp; nếu người này thấy có cơ hội, người đó sẽ say sưa trong việc uống rượu. Nếu bạn không biết về lời tuyên bố của người đó về samadhi, bạn sẽ chẳng thấy cái gì có giá trị trong người đó cả. Không hương thơm, không toả sáng, không ân huệ nào trong nhân cách người đó cả; người đó chỉ là người thường.

Không, người đó không đi vào samadhi: người đó đã học thủ đoạn về samadhi giả. Người đó đã làm chủ thủ đoạn ở dưới đất trong sáu ngày bằng *pranayam*; người đó đã học cách kiểm soát hơi thở để cho bên trong vùng đã định của chỗ nghỉ ngơi của mình, người đó có thể dùng một lượng ô xi tối thiểu. Do vậy người đó có thể ở dưới đất trong sáu ngày. Người đó gần như ở trong trạng thái con gấu Siberi ngủ đông dưới tuyết trong sáu tháng. Người đó không ở trong bất kì loại samadhi nào cả. Đến cuối mùa mưa, ếch vẫn nằm chôn vùi dưới đất trong tám

tháng: chúng không trong samadhi. Người này đã học cùng kĩ thuật, không gì hơn.

Bây giờ, nếu bạn chôn một người dưới đất, người đã đạt tới trạng thái samadhi chân thực, người này rất có thể chết, vì samadhi chẳng liên quan gì tới việc bị chôn vùi dưới đất. Nếu Mahavira hay Phật bị cho nằm xuống dưới đất theo cách này, hầu như không có khả năng họ ra mà vẫn sống. Nhưng người này sẽ ra vẫn sống, bởi vì thành tựu này chẳng liên quan gì tới samadhi. Samadhi là chuyện khác hẳn. Nhưng người này sẽ hấp dẫn quần chúng. Nếu Mahavira thất bại mà người này thành công, người này sẽ dường như là một tirthankara thực còn Mahavira sẽ dường như là giả.

Cho nên những đồng tiền tâm lí giả này có lời tuyên bố giả dối của riêng chúng, và nhiều phương pháp đã được tiến triển để làm cho chúng thành thuyết phục. Do vậy một thế giới tách biệt đã được tạo ra quanh họ chẳng liên quan gì tới thực tại. Những người như vậy, người đang tham dự vào việc buôn bán các đồng tiền giả, đã lạc mất con đường chân chính nơi biến đổi thực sự xảy ra. Ở sáu ngày hay sáu tháng dưới đất chẳng liên quan gì tới việc tự nhận ra. Nhưng cái gì là phẩm chất bên trong của người như thế? Người này có được bao nhiêu an bình và im lặng bên trong? Người này có phúc lạc bên trong không? Nếu người này mất một đồng tiền, người đó sẽ không ngủ đêm được nhưng người đó lại có thể ở thoải mái dưới đất trong sáu ngày. Tất cả những điều này phải được xem xét và ý nghĩa thực đằng sau nó cần phải được tìm ra.

Cho nên những người tuyên bố có khả năng làm shaktipat, *có thể* làm như vậy, nhưng đây không phải là shaktipat chân thực. Về bản chất, đây là một loại thôi

miên. Sâu phía dưới bằng cách nào đó họ đã học được những kỹ năng đùa vớ từ lực. Cũng không chắc là họ biết toàn bộ khoa học về chủ đề này. Họ chẳng biết về khoa học của quá trình này mà họ cũng không nhận biết về cái giả trong tuyên bố của mình. Họ là đồng lộn xộn lớn.

Bạn thấy một nhà ảo thuật đường phố ở Ấn Độ đang trình diễn các thủ đoạn của mình. Ông ta trải tấm vải và bảo một đứa trẻ nằm vào trong đó. Ông ta để một món nữ trang rẻ tiền vào ngực đứa bé. Rồi ông ấy hỏi đứa bé số tiền trong ví một người xem. Đứa bé sẽ nói ra con số. "Đồng hồ của người đang đứng kia chỉ mấy giờ rồi?" Đứa bé lại trả lời đích xác thời gian. "Tên người này là gì?" Đứa trẻ sẽ nói cho ông ta cái tên. Mọi người đang xem đều bị thuyết phục bởi ảo thuật của món nữ trang này.

Thế rồi ông ta bỏ món nữ trang khỏi ngực đứa bé và lặp lại câu hỏi. Đứa bé nằm im: nó không thể nào trả lời được. Bây giờ nhà ảo thuật làm việc kinh doanh thuận lợi với đồ nữ trang này - mỗi món đồ nữ trang bán một đồng ru pi! Bạn đem nó về nhà: bạn có thể để nó lên ngực mình trong cả đời mình mà chẳng có gì sẽ xảy ra. Không phải là đứa bé kia đã được nhà ảo thuật dạy để nói khi món đồ nữ trang này đang trên ngực nó và phải im lặng khi nó bị lấy đi, cũng không phải có phẩm chất gì đặc biệt trong bản thân món đồ nữ trang này. Thủ đoạn này tinh vi hơn và bạn có lẽ sẽ ngạc nhiên mà biết điều đó.

Quá trình này được gọi là gợi ý hậu thôi miên. Một người được thôi miên thành vô ý thức, và trong trạng thái mê thôi miên này người đó được bảo phải nhìn kỹ vào món nữ trang. Người đó cũng được bảo rằng ngay khi món nữ trang này được đặt lên ngực mình, người đó phải trở thành vô ý thức.. Thế rồi, trong trạng thái vô ý thức ấy, người đó có thể được làm cho đọc được số các tờ tiền

hay nói về thời gian trên đồng hồ. Không có gì giả trong đó cả. Ngay khi đứa trẻ được cho nằm trên tấm chăn trong trạng thái thôi miên và đồ nữ trang được đặt lên ngực nó, nó đi vào cơn mê thôi miên. Bây giờ nó có thể nói về số tờ bạc nếu được nhà ảo thuật hỏi. Cả đứa trẻ lẫn nhà ảo thuật đều chẳng biết rõ cái gì đang được xảy ra bên trong.

Nhà ảo thuật đã học được một thủ thuật: một người được đặt vào trong cơn mê thôi miên và thế rồi khi được chỉ cho thấy một thứ người này sẽ được bảo, "Bất kì khi nào vật này được đặt trước anh, anh sẽ lập tức trở thành vô ý thức, rơi vào trong cơn thôi miên lần nữa." Phương pháp này làm việc hoàn hảo - nhà ảo thuật chỉ biết đến thế này thôi. Cả hai chẳng ai biết cơ chế bên trong, tính năng động của hiện tượng năng lượng. Nếu như họ có biết, họ sẽ không thực hiện thủ đoạn này bên lề đường. Việc biết tính năng động của quá trình này là một chủ đề sâu sắc cho dù nó chỉ là hiện tượng tâm lí. Ngay cả Freud hay Jung cũng chẳng biết nó. Ngay cả ngày nay các nhà tâm lí vĩ đại nhất của thế giới cũng không biết đến tính năng động của của năng lượng thân thể trong tính toàn bộ của nó. Nhưng nhà ảo thuật này bằng cách nào đó đã vớ được thủ đoạn này mà ông ta dùng để kiếm sống.

Bật công tắc điện lên, điều đó không cần bạn phải biết điện là gì, nó được tạo ra như thế nào, hay kĩ nghệ điện tất cả là gì. Bạn đơn giản nhấn nút và điện bắt đầu chạy. Bất kì ai cũng đều có thể nhấn nút được.

Nhà ảo thuật trên phố đã học được nghệ thuật gợi ý hậu thôi miên và ông ta dùng nó để bán đồ nữ trang rẻ tiền. Bạn mua món đồ trang sức rẻ tiền, đem nó về nhà, nhưng nó sẽ vô dụng cho bạn. Đồ nữ trang có tác dụng với một quá trình nào đó về gợi ý hậu thôi miên. Bạn đặt

nó lên ngực mình và chẳng cái gì xảy ra cả. Thế thì bạn cảm thấy rằng bạn bị sai sót ở đâu đó, bởi vì bạn đã *thấy* đồ nữ trang này có tác dụng.

Cho nên nhiều kinh nghiệm giả và giả mạo có thể được tạo ra. Giả và giả mạo không theo nghĩa là chúng không tồn tại mà theo nghĩa là chúng không tâm linh; chúng chỉ là các quá trình tinh thần. Mọi kinh nghiệm tâm linh đều có cái song song về tinh thần. Do đó, các tương xứng tinh thần có thể được tạo ra bởi những người chưa tâm linh, người đưa ra tuyên bố về khả năng tinh thần của họ. Nhưng chẳng có gì so sánh được với kinh nghiệm tâm linh xác thực.

Người tâm linh đích thực không tuyên bố về điều gì cả. Người đó không nói, "Tôi đang làm shaktipat; tôi đang làm cái này cái nọ. Và khi điều ấy xảy ra, bạn sẽ trở nên tham dự và gắn bó với tôi." Người đó đã trở thành không ai cả, cái không. Chỉ bởi ở gần người đó mà cái gì đó bắt đầu xảy ra cho bạn. Nhưng người đó tuyệt đối không có ý *làm* nó.

Có một câu chuyện cổ La mã về một hiền nhân vĩ đại. Hương thơm của bản thể ông ấy và tia sáng từ trí huệ của ông ấy lan tỏa nhiều đến mức chúng đạt tới các vị thần trên trời. Họ tới gặp ông và nói, "Ông cầu xin ân huệ đi. Chúng ta đã được chuẩn bị để ban cho ông bất kì cái gì ông muốn."

Thánh nhân đáp, "Cái phải xảy ra, đã xảy ra rồi; chẳng còn gì nữa để ham muốn. Xin đừng đẩy tôi vào khó khăn bởi việc hỏi tôi ham muốn gì. Đừng làm tôi bối rối với đề nghị của các ông. Sẽ là cách cư xử không hay nếu tôi không hỏi, nhưng sự kiện là ở chỗ chẳng còn lại gì để

tôi hỏi cả. Mọi thứ đã xảy ra cho tôi, ngay cả cái mà tôi chưa bao giờ nghĩ tới."

Các thần thậm chí còn bị ấn tượng hơn bởi lời của ông ấy, bởi vì hương thơm của ông trở nên mạnh hơn với sự kiện là ông ấy đã vượt ra ngoài ham muốn. "Ông phải yêu cầu điều gì đó," các thần nài nỉ. "Chúng tôi sẽ không đi mà không ban ân huệ cho ông."

Thánh nhân bị lâm vào tình thế khó khăn. "Tôi sẽ yêu cầu cái gì đây? Tôi không thể nghĩ được cái gì cả," ông ấy nói với các vị thần. "Các ông cho tôi bất kì cái gì các ông thích; tôi sẽ lấy nó."

"Chúng ta sẽ cho ông quyền năng. Chỉ cái chạm của ông sẽ đem người chết về cuộc sống và người ốm thành khoẻ mạnh," họ bảo ông ấy.

"Điều này thật tốt, sự giúp đỡ lớn lao," ông ấy nói, "nhưng về tôi thì sao? Tôi sẽ bị rắc rối lớn, vì tôi có thể có ý tưởng rằng tôi đang chữa lành người ốm, rằng tôi đưa người chết về với sự sống. Nếu bản ngã tôi quay lại từ cửa sau, thế thì tôi bị kết thúc rồi, thế thì tôi bị lạc trong bóng tối. Xin cứu tôi với; từ bi với tôi; làm điều gì đó để cho tôi không biết đến những phép màu này."

Thế là các thần đồng ý. Họ nói, "Bất kì chỗ nào bóng ông phủ tới, nó sẽ đem người chết về với cuộc sống."

"Điều ấy thật tốt," hiền nhân nói. "Bây giờ xin cho tôi ân huệ cuối cùng. Xin ban cho cổ tôi trở thành cứng nhắc để cho tôi không thể nào quay lại sau để thấy tác động của cái bóng của tôi."

Ân huệ được ban ra. Cổ của hiền nhân bị cứng ngắt. Ông ấy đi từ thị trấn nọ sang thị trấn kia. Khi cái bóng ông ấy phủ lên hoa héo, chúng bắt đầu nở hoa, nhưng rồi

ông ấy lại đi lên trước; cổ ông ấy không cho phép ông ấy ngoái nhìn lại. Ông ấy chẳng bao giờ đi tới biết. Khi ông ấy chết ông ấy hỏi các thần liệu món quà của họ có kết quả không, bởi vì ông ấy chẳng bao giờ biết về điều đó. Tôi cảm thấy câu chuyện này rất đáng yêu.

Khi shaktipat xảy ra, nó xảy ra hết như thế này. Nó xảy ra với cái bóng và cái cổ cứng ngắc. Người trung gian, qua người đó năng lượng tuôn chảy, phải là hư không hoàn toàn bằng không đầu của người đó có thể quay lại. Nếu có dù chỉ một dấu vết của bản ngã, sẽ có thôi thúc nhìn lại và xem liệu việc xảy ra có tới hay không. Nếu nó tới, thế thì cảm giác về "Ta đã làm nó," sẽ tới. Sẽ khó tránh cảm giác này.

Cho nên bất kì khi nào một người trở thành trống rỗng và im lặng, shaktipat sẽ xảy ra với thoải mái lớn quanh người đó, hết như mặt trời lên và hoa nở, hay như sông chảy và cây được nuôi dưỡng. Sông chưa bao giờ tuyên bố rằng nó đã tưới nước cho biết bao nhiêu cây cối và biết bao nhiêu cây cối đang nở hoa vì nó. Sông thậm chí không biết tất cả những điều này. Vào lúc hoa nở, nước nuôi dưỡng cây đó đã ra tới đại dương. Thời gian đâu để nó đợi mà thấy được? Không có cách nào nhìn lại cả. Khi sự kiện xảy ra trong những điều kiện như thế thì nó có một giá trị tâm linh. Nhưng nơi có bản ngã, có người làm, khi ai đó nói rằng "Ta là người làm đây," thế thì đây là hiện tượng tâm trí và nó chẳng gì nhiều hơn việc thôi miên.

Không có khả năng của thôi miên và ảo tưởng trong phương pháp Thiên động mới của thầy chú? Với nhiều người tham dự mà chẳng có gì xảy ra cả; họ có trên đường đúng không? Có những người khác trong nhiều quá trình đang xảy ra; họ có trên đường đúng không? Liệu một số trong những người này có khoe mẽ không?

Có hai hay ba điều cần phải hiểu cho đúng. Thôi miên là một khoa học và nó có thể dễ dàng được dùng để tạo ra lừa dối. Tuy nhiên, thôi miên cũng có thể có ích để giúp bạn. Khoa học bao giờ cũng là lưỡi kiếm hai cạnh.

Năng lượng nguyên tử có thể tạo ra lúa mì trên các cánh đồng; nó cũng có thể xoá đi toàn bộ loài người chỉ trong một cú. Cả hai khả năng đều có đó. Dòng điện làm quay quạt máy trong nhà bạn cũng có thể giết chết bạn, nhưng bạn sẽ không coi điện chịu trách nhiệm về điều đó. Nếu một kẻ bản ngã dùng thôi miên, người đó sẽ làm như vậy ấy để đàn áp, phá huỷ và lừa dối người khác. Nhưng việc đối lập của điều này cũng là có thể.

Thôi miên là năng lượng trung tính; nó là một khoa học. Nó có thể được dùng để phá vỡ giấc mơ cứ diễn ra bên trong bạn, và những ảo tưởng bắt rễ sâu xa của bạn cũng có thể bị nó nhổ bật đi.

Phương pháp tôi đang dùng là thôi miên ở pha khởi đầu, nhưng điều này được gắn với một yếu tố nền tảng sẽ bảo vệ bạn khỏi việc bị thôi miên - và đó là chứng kiến. Đây là khác biệt duy nhất giữa thôi miên và thiền, nhưng đây là khác biệt rất lớn. Khi bạn bị thôi miên, bạn bị làm trở thành vô ý thức. Chỉ thế thì bạn mới có thể bị làm cho làm việc. Tuy nhiên, tôi nói rằng thôi miên thiền là có ích,

nhưng chỉ khi bạn trở thành người quan sát. Thế thì bạn tỉnh thức và tỉnh táo, và bạn biết điều đang xảy ra vào mọi lúc. Thế thì chẳng điều gì có thể được làm chống lại ý chí bạn; bạn bao giờ cũng hiện diện. Trong thời miên những lời gợi ý có thể được dùng để làm cho bạn thành vô ý thức và những lời gợi ý có thể được dùng để phá vỡ vô ý thức của bạn.

Cho nên các bước khởi đầu của điều tôi gọi là thiền động toàn là thời miên, và chúng nhất định là như thế bởi vì bất kì cuộc hành trình nào hướng về cái ta đều chỉ bắt đầu từ tâm trí. Điều này là vì bạn sống trong tâm trí; đó là chỗ bạn đang ở, cho nên cuộc hành trình bắt đầu từ đó. Nhưng cuộc hành trình này có thể thuộc hai loại: hoặc nó có thể đưa bạn trên con đường tròn bên trong tâm trí nơi bạn sẽ cứ đi lòng vòng mãi như con bò kéo cối xay, chẳng bao giờ có khả năng đi ra, hoặc nó có thể đưa bạn tới bờ của tâm trí mà từ đó bạn có thể nhảy ra. Trong cả hai trường hợp, những bước khởi đầu sẽ phải được lấy từ bên trong tâm trí.

Cho nên dạng khởi đầu của thời miên là giống hệt như dạng khởi đầu của thiền, nhưng dạng cuối cùng là khác nhau và mục tiêu cũng khác nhau. Và trong cả hai quá trình này một phần tử cơ bản là khác nhau. Thời miên lập tức đòi hỏi vô ý thức, ngủ; do đó, tất cả các gợi ý của nó đều bắt đầu với ngủ, ngủ lơ mơ, và thế rồi phần còn lại theo sau. Trong thiền, lời gợi ý bắt đầu với sự tỉnh thức, và sau đó nhấn mạnh là vào trạng thái chứng kiến. Nhân chứng trong bạn là việc thức tỉnh, cho nên không tác nhân bên ngoài nào có thể ảnh hưởng tới bạn. Và bạn cũng nhớ rằng bất kì cái gì xảy ra bên trong bạn, bạn tràn đầy ý thức về nó.

Bây giờ, cái gì là khác biệt giữa những người mà mọi thứ đang xảy ra và những người mà mọi thứ không xảy ra? Những người mà với họ chẳng có gì xảy ra, đều có sức mạnh ý chí yếu hơn. Họ sợ hãi, hoảng hốt. Họ thậm chí còn sợ rằng điều đó có thể xảy ra! Con người kì lạ làm sao! Họ đã tới để thiền; họ đã tới để cho việc thiền xảy ra, nhưng bây giờ họ lại sợ rằng điều đó có thể thực sự xảy ra. Và khi họ thấy mọi sự xảy ra cho người khác, họ lại tự hỏi liệu đây có phải là làm ra bộ hay không. Đây là cách thức đề phòng của họ. Họ nói, "Chúng ta không yếu đuối đến mức trở thành bị ảnh hưởng đâu. Những người này là những người yếu đuối." Theo cách này họ thoả mãn bản ngã của mình, không biết rằng quá trình này không thể nào xảy ra cho người yếu đuối được. Họ cũng không biết rằng điều này xảy ra chỉ cho người thông minh và không cho người không thông minh.

Người ngốc, không thể bị thời miên mà cũng chẳng thể nào được đưa vào trong thiền. Cả hai đều không thể được. Tương tự, người khủng không thể nào bị bắt làm việc được. Người càng thiên tài, càng nhanh chóng bị thời miên. Người càng kém thiên tài, càng cần thời gian dài hơn để thời miên người đó.

Làm sao mọi người có thể hợp lí hoá về việc thiếu thông minh, ý chí và thiên tài? Họ sẽ nói theo đề phòng của mình, "Đường như là những người này đơn thuần biểu diễn. Họ mang tâm trí yếu đuối và bị ảnh hưởng từ bên ngoài."

Gần đây tại Amritsar một người tới gặp tôi. Người đó là một ông già có học - một tiến sĩ về hưu. Ông ấy tới vào ngày thực nghiệm thiền thứ ba. Ông ấy nói, "Tôi đã tới để xin thầy tha thứ cho ý nghĩ tội lỗi đã tới trong tâm trí tôi."

"Có chuyện gì vậy?" tôi hỏi ông ta.

Ông ta đáp, "Ngày thứ nhất khi tôi tới thiền, tôi cảm thấy thầy đã tổ chức mọi người của thầy ăn mặc và đóng vai trong việc trình diễn này, và có một số người với tâm trí yếu đuối theo đuổi họ một cách mù quáng. Thế là tôi nói, 'Để mình xem lần thứ hai.' Ngày thứ hai tôi thấy hai hay ba người bạn mình, cũng là tiến sĩ đang tham dự hoàn toàn vào thực nghiệm thiền. Tôi tới nhà họ để hỏi. Tôi bảo họ, 'Không thể nào có việc anh đã được chuẩn bị cho điều này. Điều đó phải chẳng đã thực sự xảy ra cho anh hay là anh giả vờ?'"

"Họ đáp lại, 'Cần gì phải giả vờ để làm cái gì? Mãi cho tới hôm qua tôi cũng nghĩ giống thế đấy, nhưng hôm nay việc ấy đã xảy ra cho chúng tôi.'"

Thế rồi đến ngày thứ ba, khi điều đó xảy ra cho ông ta, ông ấy tới xin lỗi. Ông ấy nói, "Hôm nay điều ấy đã xảy ra cho tôi, và bây giờ ảo tưởng của tôi tất cả đã biến mất; bằng không, tôi đã không tin vào nó. Tôi cũng đã nghi ngờ các bạn tiến sĩ của tôi. Thầy chẳng bao giờ có thể nói những ngày này người ta sẽ làm gì. Có thể họ đã có một hợp đồng biểu diễn với thầy! Tôi biết họ, nhưng ai nói được? - họ có thể tới dưới quyền rũ thoi miên của thầy. Nhưng hôm nay điều đó đã xảy ra cho tôi. Hôm nay khi tôi về nhà, cậu em tôi, người cũng là tiến sĩ, đã hỏi, 'Cuộc trình diễn thế nào? Điều gì đó đã xảy ra cho anh chưa?', tôi bảo nó, 'Này em, tha lỗi cho anh, anh không thể gọi điều đó là trình diễn nữa. Trong hai ngày anh đã chế giễu toàn bộ thực nghiệm, nhưng hôm nay điều đó đã xảy ra cho anh. Và anh không giận gì em, vì mới hôm qua thoi bản thân anh còn chỉ trích hết như em.'"

Con người này lần nữa lại xin tôi tha thứ cho những ý nghĩ tiêu cực của mình.

Đây là các biện pháp đề phòng của chúng ta. Những người không thấy gì xảy ra cho mình sẽ tìm ra cách thức và phương tiện để bảo vệ bản ngã họ. Nhưng chỉ có một khoảng cách rất nhỏ giữa người mà điều đó xảy ra và người mà điều đó không xảy ra. Chỉ thiếu một chút ít cương quyết nữa. Nếu người ta thu được lòng dũng cảm, cương quyết hơn và vứt bỏ tất cả các cảm đoán, sự kiện sẽ xảy ra.

Hôm nay một người đàn bà tới tôi và bảo tôi rằng bạn cô ấy gọi điện cho cô ấy và bảo cô ấy rằng "Trong những thực nghiệm này một số người cởi trần ra, một số người làm những điều kì lạ. Làm sao các quý bà của các gia đình tử tế tham gia vào những điều đó được?"

Một số người có ảo tưởng thuộc về gia đình "tử tế", còn số khác, thuộc về các gia đình "không đức hạnh". Đây tất cả đều là các biện pháp đề phòng. Người đàn bà nghĩ mình thuộc về gia đình tử tế bây giờ sẽ bỏ lỡ thực nghiệm này và tự hạn chế mình vào ngôi nhà mình. Nếu cô ấy bị rắc rối bởi người khác trở nên ở trần, thế thì cô ấy không thuộc vào gia đình tử tế. Cô ấy phải làm gì với người đó?

Cho nên tâm trí chúng ta tạo ra những cái có kì lạ. Nó nói, "Đây tất cả đều là tình trạng lộn xộn và một đồng hỗn độn, và điều đó không thể xảy ra cho tôi được. Tôi không phải là người yếu đuối - tôi có tâm trí mạnh mẽ." Nếu điều này quả là như vậy, nếu bạn quả thực là người mạnh mẽ và thông minh, thế thì sự việc sẽ phải xảy ra.

Dấu hiệu của người thông minh là ở chỗ người đó không ra quyết định gì trước khi thử một việc. Người đó thậm chí sẽ không nói rằng điều người khác làm là sai.

Người đó sẽ nói, "Tôi là ai để mà bình luận về người đó? Chụp mũ người khác sai là không tốt. Bạn là ai mà quyết định rằng ai đó khác là sai?" Những quyết định sai như vậy đã gây ra rất nhiều khó khăn.

Mọi người không tin rằng cái gì đã xảy ra cho Jesus; bằng không, họ đã không treo ông ấy lên cây thánh giá. Họ nói, "Con người này dở hơi và nguy hiểm; hẳn ta nói toàn điều ngớ ngẩn!" Mọi người sẽ không ném đá vào Mahavira nếu họ không nghĩ rằng ông ấy đã gây ra rối loạn bởi việc ở trần. Họ nói rằng chẳng cái gì đã xảy ra cho Mahavira.

Dựa trên thẩm quyền nào mà chúng ta có thể quyết định điều gì đang xảy ra bên trong cho người khác? Đây là triệu chứng của người thông minh - rằng người đó không diễn đạt ý kiến chừng nào người đó còn chưa tự mình thử sự việc. Nếu không cái gì xảy ra cho tôi, tôi phải tìm xem liệu tôi có tiến hành các hướng dẫn về thực nghiệm ấy đầy đủ chưa. Nếu tôi chưa làm được nó đầy đủ, làm sao cái gì có thể xảy ra được?

Gần đây ở trại thiền Porbander tôi đã nói rằng nếu một người còn chưa tự mình cố gắng một trăm phần trăm, cho dù nỗ lực của người đó đã lên tới chín mươi chín phần trăm, người đó vẫn thất bại.

Một người bạn tới và nói, "Tôi cứ ung dung nghĩ rằng việc ấy sẽ cần thời gian lâu thêm chút ít để xảy ra. Nhưng hôm nay tôi nhận ra rằng nó sẽ chẳng bao giờ xảy ra theo cách này. Cho nên tôi sẽ tự mình cố gắng hôm nay hoàn toàn, và nó đã xảy ra."

Nếu bạn có thái độ này để làm thực nghiệm chậm chạp, thế thì tại sao làm nó? Theo cách này chúng ta muốn giương buồm trong hai thuyền một lúc, nhưng

người đặt từng chân lên từng thuyền khác nhau thấy mình gặp khó khăn lớn. Một thuyền thì tốt; thế thì cho dù nó có đi xuống địa ngục ít nhất bạn cũng trong một con thuyền. Nhưng chúng ta là những người kì lạ; chúng ta đặt một chân lên thuyền đi tới cõi trời còn chân kia, lên thuyền xuống địa ngục!

Thực tế, tâm trí bị lẫn lộn về nơi đi tới. Nó sợ hãi và không quyết định được liệu nó sẽ hạnh phúc trên cõi trời hay trong địa ngục. Đặt một chân lên hai thuyền bạn sẽ chẳng đạt tới đâu cả; bạn sẽ chết vẫn trên sông. Đây là công việc của tâm trí vào mọi thời điểm. Đây là tinh thần phân liệt. Chúng ta sẽ nỗ lực để đi rồi dừng mình lại nữa. Điều này rất có hại.

Tiến hành thực nghiệm này với toàn bộ sự mãnh liệt của mình, và đừng hình thành ý kiến nào về người khác. Nếu người ta trải qua thực nghiệm đầy đủ, mọi thứ chắc chắn sẽ xảy ra. Tôi đang nói về những điều rất khoa học, không phải là cái gì đầy thuộc vào mê tín tôn giáo.

Chính sự kiện khoa học là ở chỗ với toàn bộ nỗ lực, kết quả nhất định xảy ra. Không có cách khác, bởi vì Thượng đế là năng lượng và năng lượng này là vô tư. Tại đây, cầu nguyện hay tôn thờ, hay sự kiện được sinh ra trong gia đình đẳng cấp cao hay trên mảnh đất Ấn Độ, đều không có tác dụng. Đây là vấn đề khoa học thuần túy. Nếu một người trải qua điều này một cách chân thành, ngay cả Thượng đế cũng chẳng thể nào ngăn cản anh ta thành công. Và cho dù không có Thượng đế cũng chẳng thành vấn đề. Thấy rằng bạn đang đặt toàn bộ năng lượng của mình vào trong thực nghiệm thiền. Và bao giờ cũng ra quyết định theo kinh nghiệm bên trong của mình, không phải là từ đáng vẻ bên ngoài của biến cố; bằng không, bạn sẽ đi sai đường.

3

Con đường kundalini: chân thực và tự do

Trong bài nói hôm qua, Thầy đã nói rằng kinh nghiệm giả về kundalini có thể được phóng chiếu điều Thầy coi không phải là tâm linh mà là tâm trí. Tuy nhiên, trong bài nói ban đầu, Thầy đã nói rằng kundalini chỉ là tâm trí. Điều này có nghĩa là, theo Thầy, có hai trạng thái kundalini - tâm trí và tâm linh. Xin thầy giải thích điều này.

Để cho bạn hiểu điều này, cần phải nói thêm chi tiết về cấu trúc của các thể tinh tế đa dạng.

Cá nhân có thể được chia thành bảy thể. Thể thứ nhất là thể vật lý mà tất cả chúng ta đều biết. Thể thứ hai là thể ê te, và thể thứ ba - bên ngoài thể thứ hai này - là thể vía.

Thể thứ tư - bên ngoài thể này - là thể trí hay hôn; còn thể thứ năm - lại ở ngoài thể này - là thể tâm linh. Thể thứ sáu ở ngoài thể thứ năm, và nó được gọi là thể vũ trụ. Thể rồi thể thứ bảy và là thể cuối cùng là nirvana sharir, hay thể niết bàn, thể vô thể. Một chút ít thông tin thêm về bảy thể này sẽ làm cho bạn có thể hiểu được kundalini đầy đủ.

Trong bảy năm đầu của cuộc sống, *sthul sharir* - thể vật lý một mình được hình thành. Các thể khác còn đang ở dạng hạt mầm. Chúng có tiềm năng cho sự trưởng thành nhưng chúng nằm ngủ trong lúc bắt đầu cuộc sống. Cho nên bảy năm đầu là những năm của giới hạn. Không có trưởng thành trí tuệ, xúc cảm hay ham muốn trong những năm này. Chỉ thể vật lý phát triển trong thời kì này. Một số người chưa bao giờ trưởng thành vượt ra ngoài bảy năm này; họ trì trệ tại giai đoạn này và không hơn con vật. Con vật chỉ phát triển trong thể vật lý; các thể khác vẫn còn không được động chạm tới bên trong chúng. Trong bảy năm tiếp sau - tức là từ bảy cho tới mười bốn tuổi - *bhawa sharir*, thể ê te, phát triển. Bảy năm này là những năm trưởng thành về xúc cảm của cá nhân. Đây là lí do tại sao sự chín muồi dục, vốn là dạng mạnh mẽ nhất của xúc cảm, được đạt tới vào độ tuổi mười bốn. Bây giờ một số người còn trì trệ ở giai đoạn này. Thể vật lý của họ phát triển nhưng họ bị mắc kẹt với hai thể đầu.

Trong thời kì bảy năm thứ ba, giữa độ tuổi mười bốn và hai mươi một, *shukshma sharir*, thể vía, phát triển. Trong thể thứ hai xúc cảm được phát triển; trong thể thứ ba lập luận, tư duy và trí tuệ được phát triển. Đây là lí do tại sao không toà án luật pháp nào buộc trẻ con phải chịu trách nhiệm về hành động của nó cho đến bảy tuổi, bởi vì trẻ con chỉ có thể vật lý. Chúng ta đối xử với trẻ con giống như cách ta đối xử với con vật; chúng ta không thể buộc nó có trách nhiệm được. Cho dù trẻ con có phạm

phải tội ác, điều đó vẫn được coi rằng nó phạm tội dưới hướng dẫn của ai đó - rằng tội phạm thực là ai đó khác.

Sau khi phát triển thể thứ hai, người ta đạt tới tuổi trưởng thành. Nhưng đây là tuổi trưởng thành về dục. Công trình của tự nhiên được hoàn chỉnh với sự phát triển này, và đây là lí do tại sao tự nhiên trao cộng tác hoàn toàn cho tới giai đoạn này. Nhưng tại giai đoạn này con người không phải là con người theo nghĩa hoàn toàn của từ này. Thể thứ ba, nơi năng lực lập luận, trí tuệ và tư duy phát triển, là kết quả của giáo dục, văn minh và văn hoá. Đây là lí do tại sao quyền bỏ phiếu được cấp cho một người khi người đó hai mươi một tuổi. Mặc dầu điều này là phổ biến trên khắp thế giới, một số nước đang tranh cãi xem liệu có cho phép người mười tám tuổi có quyền đi bầu hay không. Điều này là tự nhiên, bởi vì con người đang trở nên ngày càng tiến hoá hơn, khoảng thời gian bảy năm cho việc trưởng thành của mỗi thể đang trở nên ngày một ngắn hơn.

Trên khắp thế giới con gái đạt tới tuổi dậy, vào độ tuổi mười ba hay mười bốn. Từ ba mươi năm qua độ tuổi cho điều này đang ngày một trở nên thấp dần. Thậm chí con gái mười một tuổi cũng đạt tới dậy thì. Việc hạ thấp độ tuổi đi bầu xuống mười tám là một chỉ dẫn rằng con người bây giờ hoàn tất công việc của hai mươi một năm trong mười tám năm. Tuy nhiên, thông thường hai mươi một năm là cần thiết cho trưởng thành của thể thứ ba, và đại đa số mọi người đều không phát triển hơn điều này. Trưởng thành của họ dừng lại ngay với phát triển của thể thứ ba, và không có phát triển thêm nữa cho phần còn lại cuộc sống của họ.

Điều tôi có thể gọi là hồn là ở thể thứ tư - *manas sharir*. Thể này có những kinh nghiệm kì diệu riêng của

nó. Bây giờ một người có trí tuệ không phát triển thì không thể có khả năng quan tâm tới hay thích thú toán học, chẳng hạn. Toán học có cái đẹp của riêng nó, và chỉ Einstein mới có thể bị cuốn hút vào nó như nhạc sĩ trong âm nhạc hay hoạ sĩ trong màu sắc. Với Einstein toán học không phải là công việc mà là trò chơi, nhưng trí tuệ phải đạt tới đỉnh phát triển này để biến toán học thành trò chơi được.

Với mỗi thể đã phát triển đều có vô hạn khả năng mở ra trước chúng ta. Người có thể ê te không phát triển, người trì trệ sau bảy năm phát triển đầu tiên, không có mối quan tâm gì trong cuộc sống ngoài ăn và uống. Cho nên văn hoá của những nền văn minh mà tại đó đại đa số mọi người phát triển chỉ tới thể đầu tiên, vẫn xoay vòng quanh những chồi nụ ăn uống của họ. Nền văn minh mà đại đa số mọi người bị mắc kẹt ở thể thứ hai sẽ đọng vào dục. Nhân cách của họ, văn chương của họ, âm nhạc, phim ảnh, sách vở của họ, thơ ca và hội hoạ của họ, thậm chí nhà cửa và xe cộ của họ, đều sẽ đặt trọng tâm vào dục, vào dâm dục: tất cả những điều này sẽ được rót đầy bằng dục, bằng dâm dục.

Trong nền văn minh mà trong đó thể thứ ba phát triển đầy đủ, mọi người sẽ mang tính trí tuệ và suy tư. Bất kì khi nào việc phát triển thể thứ ba trở thành rất quan trọng trong xã hội hay trong quốc gia, nhiều cuộc cách mạng trí tuệ xảy ra. Tại Bihar, đại đa số mọi người mang phẩm chất này vào thời của Phật và Mahavira. Đây là lí do tại sao tám người có tầm vóc của Phật và Mahavira đã được sinh ra trong tỉnh Bihar nhỏ bé này. Bên cạnh đó, có hàng nghìn người khác vào thời đó, những người được trời phú thiên tài. Đó cũng là hoàn cảnh ở Hi Lạp vào thời Socrates và Plato; đó cũng là hoàn cảnh ở Trung quốc vào thời Lão Tử và Khổng tử. Điều thậm chí còn kì diệu hơn và cần

lưu ý là sự kiện rằng tất cả những con người chói sáng này đều tồn tại trong thời kì năm trăm năm. Trong năm trăm đó sự phát triển của thể thứ ba trong con người đã đạt tới đỉnh của nó. Nói chung con người dừng lại tại thể thứ ba. Đại đa số mọi người không phát triển sau hai mươi một tuổi.

Có những kinh nghiệm bất thường về thể thứ tư. Thôi miên, viễn cảm, thiên nhãn tất cả đều là tiềm năng của thể thứ tư. Người này có thể có liên hệ với người khác mà không bị cản trở bởi thời gian hay nơi chốn; họ có thể đọc được ý nghĩ của người khác mà không phải hỏi hay họ có thể phóng chiếu ý nghĩ lên người khác. Không có bất kì sự giúp đỡ bên ngoài nào người ta vẫn có thể truyền dẫn hạt mầm ý nghĩ vào người khác. Người ta có thể du hành bên ngoài thân thể mình; người đó có thể phóng chiếu thể vía và tự biết mình bên ngoài thể vật lí.

Có những khả năng lớn trong thể thứ tư, nhưng chúng ta thông thường không phát triển thể này vì có nhiều mạo hiểm cũng như lừa dối. Khi mọi thứ bắt đầu trở nên ngày một tinh tế, khả năng lừa dối cũng tăng thêm. Bây giờ khó mà tìm ra liệu một người có thực bước ra khỏi thân thể mình hay không. Người đó có thể mơ rằng mình bước ra khỏi thân thể mà người đó cũng có thể thực tại đã làm như vậy nữa, và trong cả hai trường hợp không có nhân chứng nào khác hơn bản thân người đó. Cho nên có mọi khả năng lừa dối.

Thế giới bắt đầu từ thể thứ tư mang tính chủ quan, trong khi thế giới trước đó mang tính khách quan. Nếu tôi có đồng ru pi trong tay, tôi có thể thấy nó, bạn có thể thấy nó, năm mươi người khác cũng có thể thấy nó. Đây là thực tại chung mà trong đó tất cả chúng ta có thể dự phần, và người ta có thể nghiên cứu liệu đồng ru pi có đó hay

không. Nhưng trong địa hạt suy nghĩ của tôi, bạn không thể là đối tác, mà tôi cũng không thể là đối tác trong địa hạt suy nghĩ của bạn. Từ đây thế giới cá nhân bắt đầu với tất cả những may rủi của nó; không qui tắc bên ngoài nào về tính hợp thức của chúng ta có thể dùng được ở đây. Cho nên thế giới thực của sự lừa dối bắt đầu từ thể thứ tư. Tất cả mọi lừa dối của ba thể đầu đều có thể thấy được.

Nguy hiểm lớn nhất là ở chỗ không nhất thiết kẻ lừa dối nhận biết được sự kiện rằng mình đang lừa dối. Người đó có thể lừa dối một cách không chủ ý - cả bản thân mình cũng như người khác. Mọi việc đều tinh tế, hiểm hoi và cá nhân trên bình diện này đến mức người ta chẳng có phương tiện nào để kiểm tra tính hợp thức của kinh nghiệm của người đó. Cho nên người đó không thể nói được liệu mình đang tưởng tượng mọi thứ hay liệu chúng thực sự xảy ra cho người đó.

Cho nên chúng ta bao giờ cũng cố gắng cứu loài người khỏi thể thứ tư này, và những người đã dùng thể thứ tư này, bao giờ cũng bị kết án và vu cáo. Hàng trăm đàn bà đã bị đóng dấu sắt nung là phù thủy và bị thiêu sống ở châu Âu bởi vì họ đã dùng các khả năng của thể thứ tư. Hàng trăm người thực hành mật tông đã bị giết ở Ấn Độ bởi thể thứ tư. Họ biết một số bí mật dường như là nguy hiểm cho con người. Họ biết điều xảy ra trong tâm trí bạn; họ biết nơi các thứ được cất giấu trong nhà bạn mà chẳng cần phải bước tới đó. Cho nên địa hạt thể thứ tư bị xem như nghệ thuật "đen" trên toàn thế giới, vì người ta chẳng bao giờ biết cái gì có thể xảy ra. Chúng ta bao giờ cũng cố gắng hết sức để chặn tiến bộ không cho đi xa hơn nữa từ thể thứ ba, bởi vì thể thứ tư bao giờ cũng dường như là rất nguy hiểm.

Có những may rủi, nhưng cùng với những điều này cũng có những cái lợi kì diệu. Cho nên thay vì dừng lại, nghiên cứu là cần thiết. Thế thì chúng ta có thể tìm ra cách thức để kiểm tra tính hợp lệ của kinh nghiệm của mình. Bây giờ có những công cụ khoa học, và quyền năng hiểu biết của con người cũng tăng lên. Cho nên có thể tìm ra những cách thức hết như trong trường hợp của nhiều khám phá khác đã được thực hiện trong khoa học.

Người ta không biết liệu con vật có mơ hay không. Làm sao điều này có thể chắc chắn được khi mà con vật không nói? Chúng ta biết điều ta mơ bởi vì ta dậy vào buổi sáng và nói rằng chúng ta đã mơ. Sau những nỗ lực và kiên nhẫn lớn, bây giờ người ta đã tìm ra cách thức. Một người đã làm việc nhiều năm với khi để tìm ra về điều này, và cách thức người này tiến hành thực nghiệm này cũng đáng để hiểu. Người này bắt đầu bằng việc chiếu phim cho khi xem. Ngay khi phim được bắt đầu, con khi được đem vào thực nghiệm sẽ bị gây một cú sốc điện. Một nút được đặt trên ghế của con khi và nó được dạy để nhấn nút này khi nó cảm thấy sốc. Cho nên hàng ngày nó được đặt ngồi trên ghế, và khi phim bắt đầu, nó cảm thấy sốc. Thế là nó ấn nút để tắt đi.

Điều này tiếp diễn trong vài ngày; thế rồi nó được gây ngủ trong ghế. Bây giờ khi nó bắt đầu mơ, nó sẽ bắt đầu cảm thấy không thoải mái, bởi vì với nó phim trên màn ảnh và phim trong giấc mơ của nó là một và như nhau. Nó lập tức ấn nút. Nhiều lần lặp đi lặp lại nó ấn phím, và điều này chứng tỏ rằng nó đang mơ. Theo cách này, con người bây giờ có thể thâm nhập vào thế giới mơ bên trong của các con vật cảm. Các thiền nhân cũng đã tìm ra cách thức để kiểm tra kinh nghiệm về thể thứ tư từ bên ngoài, và bây giờ người ta có thể chứng minh liệu điều xảy ra là đúng hay sai. Kinh nghiệm về kundalini

trên thể thứ tư có thể là về hồn, nhưng điều đó không làm cho chúng thành giả. Có những trạng thái hồn chân thực và trạng thái hồn giả. Khi tôi nói rằng kundalini có thể chỉ là kinh nghiệm tâm trí, điều đó không nhất thiết có nghĩa là đây là kinh nghiệm giả. Kinh nghiệm tâm trí có thể là giả cũng như chân thực.

Bạn thấy một giấc mơ ban đêm. Bây giờ giấc mơ này là sự kiện bởi vì nó đã xảy ra. Nhưng khi tỉnh dậy vào buổi sáng, bạn có thể nhớ ra một giấc mơ nào đó mà bạn không thực đã mơ; thế nhưng bạn vẫn cứ khẳng định rằng đây là điều bạn đã mơ. Thế thì đây là giả. Một người có thể dậy vào buổi sáng và nói mình chẳng hề mơ. Nhiều người tin họ không mơ. Họ có mơ: cả đêm dài họ mơ, và điều này đã được chứng minh một cách khoa học. Nhưng vào buổi sáng họ khẳng định họ chưa hề mơ. Cho nên điều họ nói là tuyệt đối sai, mặc dầu họ không biết về nó. Thực tế, họ không nhớ các giấc mơ. Điều hoàn toàn đối lập cũng xảy ra: bạn nhớ những giấc mơ mà bạn chưa hề mơ. Điều này cũng sẽ là giả.

Mơ là không giả; chúng có thực tại của riêng chúng. Nhưng mơ có thể là thực cũng như không thực. Mơ thực là những giấc mơ thực tế đã được mơ. Điều rắc rối cũng là ở chỗ bạn không thể nào kể lại giấc mơ của mình một cách chính xác khi tỉnh dậy. Bởi lí do này, ngày xưa bất kì ai có thể kể lại giấc mơ của mình một cách rõ ràng và chính xác đều được quý trọng cao. Rất, rất khó để báo cáo lại một giấc mơ cho đúng. Trình tự giấc mơ là một điều khi bạn mơ nó và là điều đối lập lại khi bạn nhớ nó. Nó cũng tựa như cuộn phim. Khi chúng ta xem phim, câu chuyện trải ra từ đầu phim. Tương tự, cuộn phim về vở kịch mơ cuộn theo một chiều trong giấc ngủ và bắt đầu tháo ra theo chiều ngược lại trong trạng thái tỉnh, cho nên chúng ta nhớ phần cuối của giấc mơ trước hết rồi đi

ngược để nhớ lại. Điều ta mơ đầu tiên trở thành điều cuối cùng được nhớ lại. Điều này cũng giống hệt như ai đó cố gắng đọc một cuốn sách từ cuối ngược lên; từ đảo ngược sẽ gây ra những lộn xộn như vậy. Cho nên nhớ lại giấc mơ và đưa ra cách biểu diễn đúng cho nó là một nghệ thuật lớn. Nói chung, khi chúng ta nhớ lại giấc mơ, chúng ta hồi tưởng những sự kiện mà chúng ta chưa hề mơ tới. Chúng ta bỏ phần lớn của mơ thực và sau đó bỏ phần lớn phần còn lại.

Mơ xảy ra cho thể thứ tư, và thể thứ tư có tiềm năng lớn. Bất kì cái gì *siddhis* được nói tới trong yoga cũng đều đạt được trong thể này. Yoga không ngừng cảnh báo cho thiền nhân đừng đi vào trong chúng. Nguy hiểm lớn nhất là việc đi lạc lối. Cho dù bạn đi vào trạng thái hôn, nó cũng chẳng có giá trị tâm linh nào.

Cho nên khi tôi nói kundalini là hôn, điều tôi muốn nói là ở chỗ nó thực tại là điều xảy ra cho thể thứ tư. Đây là lí do tại sao các nhà sinh lí học không thể nào phát hiện ra kundalini bên trong thân thể con người. Cho nên cũng là điều tự nhiên mà họ từ chối sự tồn tại của kundalini và luân xa và gọi chúng là tưởng tượng. Chúng là những sự kiện của thể thứ tư. Thể thứ tư tồn tại, nhưng nó rất tinh tế; nó không thể tới bên trong việc hiểu thấu của chúng ta. Chỉ thể vật lí mới có thể được hiểu thấu. Nhưng có những điểm tương ứng giữa thể thứ nhất và thể thứ tư.

Nếu chúng ta đặt bảy tờ giấy chồng lên nhau, xuyên một lỗ qua chúng bằng chiếc đinh ghim để cho tất cả các tờ giấy đều bị xuyên thủng, thể thì cho dù lỗ hồng biến mất trong tờ đầu, nó vẫn mang một dấu hiệu tương ứng với lỗ hồng trong các tờ giấy còn lại. Thế thì mặc dầu tờ giấy đầu tiên không có lỗ hồng, nó vẫn có một điểm tương ứng trực tiếp với các lỗ hồng trên các tờ giấy khác

khi nó được đặt lên chúng. Cho nên luân xa, kundalini, vân vân không thuộc vào thể thứ nhất nhưng có những điểm tương ứng trong thể thứ nhất. Cho nên nhà sinh lí học cũng không sai nếu ông ta phủ định chúng. Luân xa và kundalini là trong các thể khác, nhưng các điểm tương ứng với chúng có thể thấy trên thể vật lí.

Vậy kundalini là việc xảy ra ở thể thứ tư và đó là phần hồn. Và khi tôi nói rằng phần hồn này có hai loại - một thật và một giả - thể thì bạn sẽ hiểu điều tôi muốn nói. Nó sẽ là giả khi nó là sản phẩm của trí tưởng tượng của bạn, bởi vì tưởng tượng cũng là một đặc trưng của thể thứ tư. Con vật không có quyền năng tưởng tượng, cho nên chúng có rất ít kỉ ức về quá khứ và không có ý tưởng nào về tương lai. Con vật được tự do khỏi lo âu vì lo âu bao giờ cũng là về tương lai. Con vật thấy nhiều cái chết xảy ra, nhưng chúng chưa bao giờ tưởng tượng rằng chúng cũng có thể chết; do đó, chúng không sợ chết. Trong con người cũng có nhiều người không bị bận tâm bởi việc sợ chết. Người như vậy bao giờ cũng liên kết cái chết với người khác chứ không với chính mình. Lí do là ở chỗ quyền năng tưởng tượng trong thể thứ tư còn chưa phát triển đầy đủ để nhìn vào tương lai.

Điều này có nghĩa là tưởng tượng cũng có thể thật hoặc giả. Tưởng tượng thật nghĩa là chúng ta có khả năng thấy trước tương lai, nghĩa là chúng ta có thể quán tưởng cái còn chưa tới. Nhưng tưởng tượng điều gì đó sẽ xảy ra mà không thể nào xảy ra được, cái không tồn tại, lại là tưởng tượng giả. Khi tưởng tượng được dùng theo đúng hoàn cảnh của nó, nó trở thành khoa học; khoa học chủ yếu chỉ là tưởng tượng.

Từ hàng nghìn năm con người đã mơ bay lượn. Những người đã mơ theo cách này đều phải rất giàu trí

tưởng tượng. Nếu con người chưa bao giờ mơ về việc bay, sẽ không thể nào có chuyện anh em nhà Wright làm máy bay đầu tiên. Họ đã làm cho ham muốn bay của con người thành cái gì đó cụ thể. Ham muốn này cần thời gian để thành hình; thế rồi thực nghiệm đã được tiến hành, và cuối cùng con người đã thành công trong việc bay.

Cũng thế từ hàng nghìn năm nay con người đã muốn lên tới mặt trăng. Trước hết đây chỉ là tưởng tượng của con người; dần dần nó thu được mảnh đất, và bây giờ nó được hoàn thành. Bây giờ, những tưởng tượng này là chân thực: tức là, chúng không phải trên con đường giả. Những tưởng tượng này đang trên con đường hiện thực mà có thể được khám phá vào thời gian sau. Cho nên các nhà khoa học cũng tưởng tượng, và người điên cũng làm như vậy.

Nếu tôi nói rằng khoa học là việc tưởng tượng và điện không cũng là tưởng tượng, chớ nghĩ rằng chúng là một và cùng một thứ. Người điên tưởng tượng những thứ không tồn tại và không có quan hệ gì với thế giới vật lí. Nhà khoa học cũng tưởng tượng: ông ta tưởng tượng những thứ có quan hệ trực tiếp với thế giới vật lí. Và nếu điều ấy ban đầu không dường như là vậy thì vẫn có khả năng đầy đủ cho sự hiện hữu của chúng trong tương lai.

Trong số những khả năng của thể thứ tư bao giờ cũng có cơ hội đi sai. Thế thì thế giới giả bắt đầu. Đây là lí do tại sao tốt nhất chúng ta đừng nuôi dưỡng bất kì trông đợi nào trước khi đi vào thể này. Thể thứ tư này là thể hồn. Bây giờ, chẳng hạn, nếu tôi muốn đi xuống tầng đất của ngôi nhà này, tôi sẽ phải tìm thang máy hoặc cầu thang để đi xuống. Nhưng nếu tôi muốn đi xuống trong ý nghĩ của mình, chẳng cần thang máy hay cầu thang. Tôi có thể ngồi ngay đây và đi xuống.

Mối nguy của tưởng tượng và ý nghĩ là ở chỗ người ta chẳng phải làm gì ngoại trừ việc tưởng tượng hay suy nghĩ, và do vậy bất kì ai cũng đều có thể làm điều đó. Hơn nữa, nếu bất kì ai đi vào cõi này với những ý tưởng và trông đợi định trước, thế thì người đó lập tức đi vào những điều này, bởi vì thế thì tâm trí cũng sẽ sẵn lòng hợp tác với điều đó. Nó sẽ nói, "Mình muốn thức tỉnh kundalini ư? Được thôi! Nó đang lên đây... nó đã lên rồi." Thế thì bạn sẽ bắt đầu tưởng tượng kundalini đang lên, và tâm trí sẽ động viên bạn trong cái cảm giác giả tạo này cho tới cuối cùng bạn sẽ cảm thấy rằng nó hoàn toàn được thức tỉnh và rằng các luân xa đều đã được kích hoạt hết. Nhưng có một cách để kiểm tra tính hợp lệ của nó, và đó là ở chỗ với việc mở từng luân xa sẽ có sự thay đổi rõ rệt trong nhân cách của bạn. Sự thay đổi này bạn không thể tưởng tượng hay nghĩ trước, bởi vì sự thay đổi này xảy ra trong thế giới vật chất.

Cho nên, chẳng hạn, khi kundalini thức tỉnh, bạn không thể uống chất say được; điều ấy là không thể được. Thể trí bị ảnh hưởng bởi rượu còn rất nhanh chóng vì nó rất tinh tế. Đây là lí do tại sao - và bạn sẽ ngạc nhiên mà biết điều này - khi đàn bà uống rượu, cô ấy trở nên còn nguy hiểm hơn đàn ông làm việc đó. Điều này là vì thể trí của cô ấy còn tinh tế hơn, và nó bị ảnh hưởng nhanh chóng đến mức mọi thứ tuột ra ngoài sự kiểm soát của cô ấy. Đây là lí do tại sao đàn bà đã được bảo vệ khỏi nguy cơ này bởi một số luật lệ trong xã hội. Đây là một chỗ mà đàn bà không tìm kiếm sự bình đẳng với đàn ông, mặc dầu không may là về sau, cô ấy lại cố gắng làm điều đó. Cái ngày cô ấy khẳng định sự bình đẳng của mình trong lĩnh vực này và cố gắng vượt trội hơn đàn ông trong điều đó, cô ấy sẽ gây ra tác hại cho bản thân mình mà chưa

bao giờ hành động của đàn ông gây ra lại gây tác hại được đến thế.

Trong thể thứ tư việc thức tỉnh của kundalini không thể được chứng minh bởi việc bạn nói về kinh nghiệm này, bởi vì, như tôi đã nói trước đây, bạn có thể tưởng tượng giả về việc thức tỉnh và kinh nghiệm kundalini nữa. Nó chỉ có thể được đánh giá qua những nét vật lí của bạn: liệu có biến đổi triệt để nào đã xảy ra trong nhân cách của bạn hay không. Ngay khi năng lượng này được thức tỉnh, lập tức sẽ có những dấu hiệu về thay đổi trong bạn. Đây là lí do tại sao tôi bao giờ cũng nói rằng hành vi là tiêu chuẩn bên ngoài và không phải là nguyên nhân bên trong. Nó là tiêu chí cho điều đã xảy ra bên trong. Với từng nỗ lực, một số điều bắt đầu xảy ra không tránh khỏi. Khi năng lượng thức tỉnh, thiên nhân trở nên không thể nào uống được bất kì chất say nào. Nếu người đó vẫn còn say mê ma túy và rượu còn, thế thì biết rằng kinh nghiệm của người đó tất cả là tưởng tượng, bởi vì điều ấy là tuyệt đối không thể được.

Sau khi thức tỉnh kundalini, khuynh hướng bạo hành biến mất hoàn toàn. Thiên nhân không chỉ không bạo hành, mà người này còn không cảm thấy bạo hành bên trong mình nữa. Thôi thúc để bạo hành, thôi thúc làm hại người khác, chỉ có thể tồn tại khi sinh lực đang ngủ. Khoảnh khắc nó thức tỉnh, người khác dùng là người khác và do vậy bạn không thể muốn làm hại người đó. Thế thì bạn sẽ không phải kìm nén bạo hành bên trong bản thân mình bởi vì thế thì bạn không thể là bạo hành được.

Nếu bạn thấy rằng bạn phải kìm nén cảm giác bạo hành, thế thì biết rằng kundalini còn chưa thức tỉnh đâu. Nếu sau khi mắt mở ra bạn vẫn phải dò đường bằng gậy,

thế thì biết rằng mắt vẫn chưa thể thấy được, dù bạn có nói gì khác cũng chẳng thành vấn đề - bởi vì bạn vẫn chưa vút được cây gậy đi. Việc người ngoài có thấy liệu bạn có thể thấy được hay không là tùy ở hành động của bạn. Gậy của bạn, dò dẫm của bạn và bước đi loạng choạng của bạn chứng tỏ rằng mắt bạn vẫn còn chưa mở.

Cho nên sẽ có thay đổi triệt để trong hành vi của bạn với việc thức tỉnh, và tất cả các lời thề tôn giáo đều giống như lời thề của mahavrata - không bạo hành, không ăn cắp, không sở hữu, vô dục và đầy nhận biết - sẽ trở thành tự nhiên và dễ dàng cho bạn. Thế thì biết rằng kinh nghiệm của bạn là chân thực. Tuy nó là phần hồn, nhưng tất cả đều là chân thực như nhau. Bây giờ bạn có thể tiến thêm nữa. Bạn có thể tiến lên nếu con đường của bạn là chân thực nhưng không có điều ngược lại. Bạn không thể ở yên mãi mãi trong thể thứ tư vì đây không phải là mục đích. Còn có các thể khác cần phải đi qua.

Như tôi đã nói, chúng ta thấy rằng rất ít người có khả năng phát triển thể thứ tư. Đó là lí do tại sao có những người thực hiện phép màu trong thế giới ngày nay. Nếu thể thứ tư trong mọi người đều được phát triển, phép màu sẽ tan biến ngay khỏi trái đất này. Nếu như có xã hội của những người mà sự phát triển của họ đã bị đình trệ sau độ tuổi mười bốn, thế thì người đã phát triển thêm một chút nữa, người có thể cộng hay trừ, sẽ được coi như thực hiện được phép màu.

Hàng nghìn năm trước đây, khi một người tuyên bố về ngày tháng của nhật thực, điều đó được coi như một phép màu mà chỉ những người rất thông thái mới có thể thực hiện nổi. Ngày nay chúng ta biết rằng thậm chí máy cũng có thể cho chúng ta thông tin này. Đây là vấn đề tính toán và chẳng cần đến một nhà thiên văn hay nhà tiên

tri hay người có học nào cả. Một máy tính có thể cho thông tin không chỉ về một nhật thực mà còn hàng triệu nhật thực. Nó thậm chí còn có thể dự đoán ngày mà mặt trời sẽ lạnh đi - vì có tất cả các tính toán. Máy có thể tính ngày tháng từ số lượng năng lượng mà mặt trời phát ra hàng ngày, chia cho tổng số năng lượng của mặt trời để thu được số năm mặt trời sẽ kéo dài.

Nhưng tất cả những điều này bây giờ đối với chúng ta không giống như phép màu nữa vì bây giờ tất cả chúng ta đều đã phát triển tới thể thứ ba. Một nghìn năm trước đây, nó đã là phép màu lớn nếu một người tiên đoán được rằng năm tới, trong tháng này, trong đêm này, sẽ có nguyệt thực. Người đó sẽ được coi là siêu nhân. 'Phép màu' đó bây giờ xảy ra thường xuyên - bùa mê ảo thuật, tro thả từ khung tranh - tất cả đều là sự kiện thông thường của thể thứ tư. Nhưng vì chúng ta không biết nên nó thành phép màu với chúng ta.

Cũng hết như bạn đứng dưới gốc cây còn tôi đang ngồi trên cây, và chúng ta hai người cùng nói. Bây giờ tôi thấy một chiếc xe đang chạy từ xa và tôi bảo bạn rằng trong một giờ nữa xe sẽ tới và dừng dưới cây. Bạn sẽ nói, "Thầy có là nhà tiên tri không đấy? Thầy nói điều bí ẩn thế. Chẳng có xe nào ở đâu quanh đây cả. Tôi không tin vào điều thầy nói." Nhưng sau một giờ, chiếc xe lăn bánh tới cái cây, và tất yếu bạn phải chạm chân tôi và nói, "Thưa thầy kính yêu, tôi kính trọng thầy. Thầy đúng là nhà tiên tri." Khác biệt chỉ là thể này thôi, đó là tôi ngồi cao hơn bạn một chút - trên cây - từ đó có thể thấy được chiếc xe một giờ trước khi bạn cũng thấy được. Tôi không nói về tương lai, tôi đang nói chính về hiện tại. Nhưng có khoảng cách một giờ giữa thời hiện tại của bạn và của tôi bởi vì tôi ở mức cao hơn. Với bạn, nó sẽ thành hiện tại sau một giờ, nhưng với tôi nó là hiện tại bây giờ.

Người càng đứng sâu hơn bên trong bản thể mình, người đó càng trở thành phép màu lớn hơn đối với những người vẫn ở tầng bề mặt. Thế thì tất cả những việc làm của người đó sẽ trở thành phép màu với chúng ta bởi vì chúng ta không có cách nào phán đoán những điều xảy ra này vì chúng ta không biết luật của thể thứ tư. Đây là cách thức ảo thuật và phép màu xảy ra: chúng là sự trưởng thành hơn của thể thứ tư. Cho nên nếu chúng ta muốn phép màu chấm dứt trong thế giới này, nó sẽ không xảy ra bởi việc thuyết giảng cho quần chúng. Cũng hết như việc chúng ta trao dạy dỗ cho một người về thể thứ ba và làm cho người đó hiểu được ngôn ngữ và toán học, bây giờ chúng ta phải trao cho người đó việc huấn luyện về thể thứ tư. Mỗi người đều phải có đủ khả năng tương ứng, bởi vì chỉ thể thì phép màu mới dừng lại; bằng không, ai đó hay người khác bao giờ cũng sẽ lợi dụng điều này. Thể thứ tư phát triển cho tới hai tám tuổi - tức là, cho bảy năm nữa. Nhưng rất ít người có thể phát triển được nó.

Atma sharir - thể thứ năm, còn được gọi là thể tâm linh - có giá trị lớn. Nếu trưởng thành trong cuộc sống còn tiếp tục theo cách thức đúng đắn, đến độ tuổi ba mươi năm thể này phải được phát triển hoàn toàn. Nhưng đây là ý tưởng xa xôi bởi vì thậm chí thể thứ tư cũng chỉ được phát triển ở rất ít người. Đây là lí do tại sao linh hồn và những điều như vậy là chủ đề thảo luận duy nhất cho chúng ta; không có nội dung đằng sau từ này. Khi chúng ta nói atman, đây đơn thuần chỉ là từ; chẳng có gì đằng sau nó cả. Khi chúng ta nói bức tường, không chỉ có từ mà còn có cả chất liệu đằng sau từ này; chúng ta biết "tường" nghĩa là gì. Nhưng không có ý nghĩa đằng sau từ atman, vì chúng ta không có tri thức, không có kinh nghiệm về atman. Đây là thể thứ năm của chúng ta, và chỉ

nếu kundalini thức tỉnh trong thể thứ tư, lối vào thể thứ năm mới thành có thể; bằng không, chúng ta không thể vào được. Chúng ta không nhận biết về thể thứ tư cho nên thể thứ năm cũng vẫn còn là điều không được biết tới.

Rất ít người phát hiện ra thể thứ năm; họ là những người mà chúng ta gọi là người tâm linh. Những người này coi điều này là chỗ kết thúc cuộc hành trình và tuyên bố, "Đạt tới atman là đạt tới tất cả." Nhưng cuộc hành trình vẫn chưa kết thúc. Tuy nhiên, những người dừng lại ở thể thứ năm đều phủ nhận Thượng đế. Họ nói, "Không có brahman; không có paramatman," cũng hết như người trì trệ ở thể thứ nhất sẽ phủ nhận sự tồn tại của atman. Cũng hết như người duy vật nói, "Thân thể là mọi thứ; khi thân thể chết, mọi thứ đều chết," cho nên người tâm linh tuyên bố, "Không có gì bên ngoài atman: atman là mọi thứ; nó là trạng thái cao nhất của hiện hữu." Nhưng đây chỉ là thể thứ năm.

Thể thứ sáu là *brahman sharir* - thể vũ trụ. Khi một người tiến hoá ra ngoài atman của mình, khi người đó sẵn lòng mất nó đi, người đó đi vào thể thứ sáu. Nếu loài người phát triển một cách khoa học, sự phát triển tự nhiên của thể thứ sáu sẽ xảy ra vào độ tuổi bốn mươi hai, và sự phát triển của *nirvana sharir* - thể thứ bảy - vào độ tuổi bốn mươi chín. Thể thứ bảy là thể niết bàn, thể vô thể - trạng thái vô thể. Đây là trạng thái tối thượng nơi chỉ cái hư không còn lại - thậm chí không có cả brahman, thực tại vũ trụ, mà chỉ có cái trống rỗng. Cái không còn lại; mọi thứ đã biến mất.

Cho nên khi bất kì ai hỏi Phật, "Cái gì xảy ra ở đó?", ông ấy đáp, "Ngọn lửa mất rồi." "Thế thì cái gì xảy ra?" người ta sẽ lại hỏi ông ấy. "Khi ngọn lửa mất đi, ông không hỏi, 'Nó đã đi đâu? Ngọn lửa bây giờ đâu rồi?' Nó

mất đi, có vậy thôi." Từ niết bàn hàm ý sự tiêu tan của ngọn lửa. Do đó, Phật nói, niết bàn xảy ra.

Trạng thái của moska được kinh nghiệm trong thể thứ năm. Giới hạn của bốn thể đầu bị siêu việt lên và linh hồn trở thành hoàn toàn tự do. Cho nên giải thoát là kinh nghiệm của thể thứ năm. Cõi trời và địa ngục đi đôi với thể thứ tư, và người dừng lại đây sẽ kinh nghiệm chúng. Với những người dừng lại các thể thứ nhất, thứ hai và thứ ba, cuộc sống giữa sinh và tử trở thành mọi thứ; không có cuộc sống bên ngoài cái chết cho họ. Nếu một người vượt ra ngoài đi vào thể thứ tư, sau cuộc đời này người đó kinh nghiệm cõi trời và địa ngục, nơi có những khả năng vô hạn của hạnh phúc và khổ.

Nếu người đó đạt tới thể thứ năm, có cánh cửa của giải thoát, và nếu người đó đạt tới thể thứ sáu, có khả năng của trạng thái nhận ra Thượng đế. Thế thì không có vấn đề về giải thoát hay không giải thoát; người đó trở thành một với cái đang đây. Lời tuyên bố về "Aham Brahmasmi" - Ta là Thượng đế - là của bình diện này. Nhưng có một bước nữa, là bước nhảy cuối cùng - nơi không có aham và không có Brahman, nơi cái ta và người là hoàn toàn không tồn tại, nơi đơn thuần không có gì - nơi chỉ có cái hư không toàn bộ và tuyệt đối. Đó là niết bàn.

Đây là bảy thể được phát triển trong thời kì bốn mươi chín năm. Đây là lí do tại sao điểm giữa của năm mươi năm đã được biết tới như điểm cách mạng. Trong hai mươi năm năm đầu có một hệ thống cuộc sống. Trong thời kì này nỗ lực được tiến hành để phát triển bốn thể đầu; thế rồi việc giáo dục của người đó được coi như hoàn thành. Thế rồi người đó được coi như sẽ đi tìm các thể năm, sáu bảy của mình trong phần còn lại của cuộc

sống mình, và trong phần hai mươi năm năm còn lại người đó được trông đợi đạt tới thể thứ bảy. Do đó, độ tuổi năm mươi được xem như tuổi trọng yếu. Vào lúc này con người trở thành *wanaprasth*, điều chỉ có nghĩa là bây giờ người đó nên quay cái nhìn về rừng rậm - rằng bây giờ người đó nên quay mắt ra khỏi mọi người, xã hội và phố thị.

Độ tuổi bảy mươi năm lại là một điểm cách mạng nữa - khi con người đã trở nên được điểm đạo có tính sannyas. Quay hướng về rừng rậm có nghĩa là loại bỏ bản thân mình khỏi đám đông và mọi người; sannyas nghĩa là bây giờ thời điểm đã đến để nhìn ra ngoài bản ngã, siêu việt lên trên bản ngã. Trong rừng rậm cái 'tôi' sẽ cần phải đi cùng với người đó mặc dầu người đó đã từ bỏ tất cả những điều khác, nhưng tại độ tuổi bảy mươi năm, cái 'tôi' này nữa cũng phải bị từ bỏ.

Tuy nhiên, điều kiện là ở chỗ trong cuộc đời người ta như một người quản gia, người ta phải trải qua và phát triển tất cả bảy thể để cho phần còn lại của cuộc hành trình trở thành tự phát và vui vẻ. Nếu điều này không được tiến hành, sẽ rất khó khăn, bởi vì với mọi chu kỳ bảy năm đều được gắn với một trạng thái phát triển đặc biệt. Nếu thể vật lý của đứa trẻ không trưởng thành đầy đủ trong bảy năm đầu cuộc sống của nó, nó bao giờ cũng ốm yếu. Nhiều nhất chúng ta có thể thấy trong đó là nó không còn ốm - nhưng nó sẽ không bao giờ khoẻ bởi vì nền tảng mạnh khoẻ cơ sở của nó mà đáng phải hình thành trong bảy năm đầu đã bị lung lay. Cái mà đáng phải trở nên mạnh mẽ và vững chắc, đã bị rối loạn, và đó là thời gian cho việc phát triển nó.

Cũng giống hệt như việc làm móng cho ngôi nhà: nếu nền móng yếu, sẽ khó - không, phải nói là không thể được

- để sửa chữa nó một khi đã lên tới mái. Tại giai đoạn nền móng này chỉ có thể làm việc đặt nền móng cho vững. Cho nên trong bảy năm đầu này, nếu có sẵn những điều kiện đúng đắn cho thể thứ nhất, thân thể sẽ phát triển đúng đắn. Bây giờ nếu thể thứ hai và các xúc cảm không phát triển đầy đủ trong bảy năm tiếp, một số hư hỏng dự sẽ phát sinh. Thế thì sẽ rất khó để sửa chữa những điều này về sau. Cho nên thời kì phát triển cho một thể đặc biệt là chủ chốt nhất.

Tại mỗi bước của cuộc sống, mỗi thể đều có thời kì phát triển định sẵn của nó. Có thể có hơi khác biệt đây đó, nhưng đây là vấn đề phụ. Nếu một đứa trẻ không phát triển về mặt dục trong mười bốn năm, toàn bộ cuộc sống của nó trở thành cuộc thử thách lâu dài. Nếu trí tuệ không phát triển vào lúc nó hai mươi một tuổi, rất ít có cơ hội cho việc phát triển của nó vào thời kì về sau. Nhưng cho đến nay chúng ta đều đồng ý: chúng ta chăm sóc cho thể thứ nhất, thể rồi chúng ta chăm nom gửi trẻ con tới trường để phát triển trí tuệ của chúng nữa. Nhưng chúng ta quên mất rằng phần các thể còn lại cũng có thời gian được chia phần của chúng mà nếu bị mất đi, sẽ đẩy chúng ta vào khó khăn.

Con người phải mất năm mươi năm để phát triển thân thể mà người đó đáng phải phát triển trong hai mươi một năm. Hiển nhiên là người đó không có nhiều sức mạnh vào độ tuổi năm mươi như khi người đó ở độ tuổi hai mươi một, cho nên người đó phải đổ ra rất nhiều cố gắng. Thế thì điều đáng ra dễ dàng hơn để hoàn thành vào độ tuổi hai mươi một sẽ trở thành dài và gay go.

Còn có khó khăn khác mà người đó gặp phải: tại độ tuổi hai mươi một người đó ở đúng cánh cửa nhưng người đó đã bỏ lỡ nó. Bây giờ, ba mươi năm qua, người đó đã ở

biết bao nhiêu chỗ đến mức người đó mất cái nhìn về lối mở đúng. Sự lang thang của người đó bây giờ làm cho người đó không thể nào định vị được nơi mà người đó đã đứng ở tuổi hai mươi một tuổi và cái được cần để hơi đây là mở ra.

Do đó, cần có hoàn cảnh được tổ chức tốt cho trẻ con chừng nào chúng còn chưa đạt tới độ tuổi hai mươi năm. Điều đó nên được lập kế hoạch chu đáo để đưa chúng tới mức thể thứ tư. Sau thể thứ tư phần còn lại là dễ dàng. Thế thì nền tảng sẽ được đặt chu đáo; bây giờ chỉ quả là còn phải phát triển. Cây đã được hình thành cho tới thể thứ tư; thế rồi quả bắt đầu xuất hiện từ thể thứ năm và lên tới cao trào ở thể thứ bảy. Chúng ta có thể phải cho phép một chút xíu chỗ này chỗ nọ, nhưng chúng ta phải rất đề tâm tới những nền tảng.

Theo khía cạnh này một vài điều nữa cũng nên được lưu tâm. Có khác biệt giữa đàn ông và đàn bà qua bốn thể đầu. Chẳng hạn, nếu một cá nhân là đàn ông, thể vật lí của anh ta là thể nam tính. Nhưng thể thứ hai của anh ta - thể ê te, nằm sau thể vật lí - lại là nữ tính, bởi vì không cực âm hay cực dương nào có thể tự mình tồn tại cả. Một thể nam tính và một thể nữ tính, dưới dạng điện, là các thể dương và âm.

Thể vật lí của đàn bà là âm tính; do đó, cô ấy không bao giờ năng nổ trong vấn đề dục. Cô ấy có thể chịu đựng bạo hành của đàn ông trong phương diện này, nhưng tự mình không thể bạo hành. Cô ấy không thể làm gì với người đàn ông mà không có sự bằng lòng của người này. Thể đầu tiên của đàn ông là dương tính - năng nổ. Anh ta có thể, do đó, làm điều gì đó năng nổ với đàn bà mà chẳng cần sự bằng lòng của cô ấy; anh ta có thể thứ nhất là năng nổ. Nhưng bởi vì âm tính không có nghĩa là số

không hay thiếu vắng. Dưới dạng điện, âm tính có nghĩa là tiếp nhận, dự trữ. Trong thân thể đàn bà, năng lượng nằm dưới dạng dự trữ; nhiều năng lượng nằm trong dự trữ. Nhưng nó không hoạt động; nó bất hoạt.

Đây là lí do tại sao đàn bà không sáng tạo ra cái gì. Cô ấy không làm thơ, không tạo ra bức hoạ lớn, không áp ủ nghiên cứu khoa học. Điều này là bởi vì cần phải có năng nổ cho nghiên cứu hay công việc sáng tạo nào đó. Cô ấy chỉ có thể đợi; đó là lí do tại sao cô ấy chỉ có thể tạo ra trẻ con.

Đàn ông có thể dương tính, nhưng bất kì ở đâu có thể dương tính, cũng đều phải có thể âm tính đằng sau nó bằng không nó không thể kéo dài được. Cả hai phải cùng hiện diện; thế thì vòng tròn là đầy đủ. Cho nên thể thứ hai của đàn ông là nữ tính, trong khi thể thứ hai của đàn bà là nam tính. Đây là lí do tại sao - và đây cũng là sự kiện thú vị - đàn ông trông và là rất mạnh, khi thể vật lí bắt đầu. Nhưng đằng sau sức mạnh bề ngoài đó là thể nữ tính yếu đuối thường trực. Đây là lí do tại sao anh ta xoay xở bày tỏ sức mạnh chỉ cho vài khoảnh khắc mỗi lúc. Trong hoạt động dài anh ta thua bàn tay đàn bà, bởi vì thể đằng sau thể nữ tính yếu đuối của cô ấy là thể nam tính mạnh.

Đây là lí do tại sao sức mạnh chịu đựng của đàn bà, khả năng của cô ấy về chịu đựng, lại lớn hơn khả năng của đàn ông. Nếu đàn ông và đàn bà cùng chịu đựng một bệnh tật, đàn bà có thể chịu đựng được lâu hơn đàn ông. Đàn bà tạo ra trẻ con. Nếu đàn ông phải tạo ra trẻ con, họ sẽ hiểu cực nhọc phải bị trải qua. Thế thì có lẽ sẽ không cần phải có kế hoạch hoá gia đình nữa - bởi vì đàn ông không thể nào chịu đựng được biết bao đau đớn trong thời gian lâu như thế. Trong một hay hai lúc anh ta có thể phiêu diêu trong giận dữ, có thể đánh gỏi, nhưng anh ta

không thể mang một đứa trẻ trong bụng suốt trong chín tháng, cũng chẳng thể kiên nhẫn ôm bế nó trong nhiều năm sau. Nếu nó khóc cả đêm, anh ta có thể bóp chết nó. Anh ta sẽ không thể nào tha thứ cho sự quấy nhiễu. Anh ta có sức mạnh phi thường, nhưng đằng sau anh ta là thể ẽ te tinh tế, ẻo lả. Bởi vì điều này anh ta không thể chịu được đau đớn hay không thoải mái.

Đây là lí do tại sao đàn bà lại ít ốm đau hơn đàn ông, khoảng sống của họ dài hơn của đàn ông. Bởi lí do này mà chúng ta nên giữ khác biệt năm năm giữa con trai và con gái vào lúc hôn nhân, bằng không, thế giới sẽ đầy những bà goá. Nếu con trai hai mươi tuổi, chúng ta nên chọn con gái hai mươi bốn hay hai mươi năm cho anh ta. Khoảng sống của đàn ông ít hơn đàn bà bốn hay năm năm, cho nên khác biệt này sẽ làm quân bình mọi thứ và cả hai sẽ đồng bộ với nhau.

Một trăm mười sáu con trai được sinh ra để ứng với một trăm con gái được sinh ra. Khác biệt về số lượng khi sinh là mười sáu, nhưng về sau con số này bằng nhau. Mười sáu đứa con trai chết đi trước lúc chúng đạt tới tuổi mười bốn và do vậy con số thành bằng nhau. Nhiều con trai chết đi dễ dàng hơn con gái. Điều này là bởi vì con gái có sức mạnh chịu đựng lớn hơn qua thể nam tính thứ hai.

Bây giờ thể thứ ba của con trai - tức là thể vĩa - sẽ lại là nam tính, và thể thứ tư hay thể hồn sẽ lại là nữ tính. Đảo ngược lại sẽ là trường hợp của con gái. Phân chia nam tính và nữ tính này chỉ tồn tại tới thể thứ tư; thể thứ năm vượt ra ngoài giới tính. Do đó, ngay khi đạt tới atman, không còn con trai con gái nữa - nhưng chưa đạt tới lúc đó thì vẫn còn.

Có một điều nữa cần tính tới trong mối liên quan này. Vì mọi nam đều có thể nữ tính bên trong mình và mọi nữ đều có thể nam tính bên trong mình, cho nên nếu ngẫu nhiên một người đàn bà lấy được người chồng đồng nhất với thể nam tính bên trong của mình, hay nếu người đàn ông lấy người đàn bà có thể nữ tính đồng nhất với thể nữ tính bên trong của mình, chỉ thế thì hôn nhân mới thành công; ngoài ra thì không.

Đây là lí do tại sao chín mươi chín phần trăm hôn nhân thất bại: bởi vì qui tắc bản chất cho thành công là chưa được biết tới. Chừng nào chúng ta không thể chắc chắn được liên minh đúng giữa các thể năng lượng tương ứng của hai người, hôn nhân nhất định thất bại dù ta có tiến theo hướng nào đi chăng nữa. Hôn nhân thành công chỉ có thể có nếu các chi tiết khoa học tuyệt đối rõ ràng có liên quan tới các thể bên trong khác nhau này được đạt tới. Con trai hay con gái đã đạt tới điểm thức tỉnh kundalini sẽ thấy rất dễ dàng chọn đúng bạn tình trong cuộc sống. Với tri thức đầy đủ về tất cả thể của mình bên trong, người ta có thể chọn đúng ở bên ngoài. Trước điều này là rất khó khăn.

Do đó, những người biết đều nhấn mạnh rằng trẻ con nên để cho phát triển bốn thể đầu trước trong hai mươi năm đầu đời bởi việc duy trì brahmacharya- vô dục, và chỉ thế thì nó mới có thể xây dựng gia đình - bởi vì nó sẽ lấy ai? Nó sẽ muốn dành cả phần còn lại cuộc sống với ai? Nó sẽ tìm kiếm ai? Người đàn bà tìm người đàn ông nào? Cô ấy tìm người đàn ông bên trong mình. Nếu ngẫu nhiên mà các ghép nối đúng được tạo ra, thế thì cả hai đàn ông và đàn bà đều được thoả mãn; bằng không, sự không thoả mãn vẫn cứ còn và hàng nghìn hư hỏng nảy sinh từ điều này. Thế thì đàn ông đi tới nhà thổ hay tìm kiếm đàn bà hàng xóm. Thất vọng của anh ta lớn lên hàng

ngày, và khổ sở này nhất định tăng lên với sự tăng lên của trí tuệ con người.

Nếu sự trưởng thành của một người dừng lại tại tuổi mười bốn, người đó sẽ không phải chịu đựng nỗi khổ này, bởi vì tất cả mọi đau khổ đều bắt nguồn từ sự trưởng thành của thể thứ ba. Nếu chỉ có hai thể đầu là phát triển, con người sẽ được thoả mãn bởi dục. Cho nên có hai cách: hoặc trong hai mươi năm năm đầu, trong thời kì brahmacharya - vô dục, chúng ta nên phát triển trẻ con cho tới thể thứ tư, hoặc bằng không, khuyến khích chúng xây dựng gia đình. Tảo hôn có nghĩa là hôn nhân trước khi phát triển trí tuệ để cho người ta tri trệ tại dục; thể thì không có rắc rối gì khi mối quan hệ vẫn hoàn toàn trên bình diện con vật. Mối quan hệ của tảo hôn là mối quan hệ dục thuần túy; không có khả năng của tình yêu trong nó.

Bây giờ những nơi như Mỹ, nơi mà giáo dục đã có tiến bộ lớn và nơi mà thể thứ ba đã phát triển hoàn toàn, hôn nhân tan vỡ. Chúng nhất định phải tan vỡ, bởi vì thể thứ ba nổi loạn ở mối quan hệ bạn tình sai. Cho nên li dị xảy ra như kết quả, bởi vì không thể nào kéo lê hôn nhân như vậy lâu được.

Hình thức đúng đắn của giáo dục là ở chỗ phát triển bốn thể đầu. Giáo dục đúng đắn là ở chỗ nó đem bạn tới thể thứ tư. Tại đó công việc giáo dục là hoàn chỉnh. Không giáo dục nào có thể giúp bạn đi vào thể thứ năm; bạn phải tự mình đi tới đó. Giáo dục đúng có thể dễ dàng đưa bạn tới thể thứ tư. Sau điều này sự trưởng thành của thể thứ năm bắt đầu, điều rất có giá trị và mang tính cá nhân. Kundalini là tiềm năng của thể thứ tư; đây là lí do tại sao kundalini là hiện tượng hôn. Tôi hi vọng điều này bây giờ rõ ràng cho bạn.

Liệu có khả năng gắn bó hôn giữa thiện nhân và người trung gian trong shaktipat không? Liệu nó có thể bất lợi cho thiện nhân hay nó có ích cho người này?

Mối liên hệ gắn bó không bao giờ có thể ích lợi, bởi vì gắn bó bản thân nó là xấu. Càng gắn bó sâu sắc, lại càng tồi tệ hơn. Gắn bó hôn là một điều rất xấu. Nếu ai đó trói buộc tôi bằng xích, chỉ có thể vật lí của tôi là bị ảnh hưởng, nhưng nếu ai đó trói buộc tôi bằng dây xích tình yêu, nó thâm sâu hơn và khó phá vỡ hơn. Nếu ai đó gắn bó tôi bằng dây xích shraddha, niềm tin, nó còn đi sâu hơn nữa. Thế thì việc phá vỡ dây xích này sẽ là "tội lỗi." Cho nên tất cả xiềng xích đều xấu, và xiềng xích hôn thậm chí còn xấu hơn thế.

Người hành động như người trung gian trong shaktipat, đáng phải không bao giờ ràng buộc với bạn. Nếu người đó làm như vậy, người đó không đáng là người trung gian. Nhưng rất có thể là bạn bị gắn chặt với người đó. Bạn có thể ôm lấy chân người đó và thế không bao giờ rời bỏ người đó bởi vì ân huệ rất lớn đã được dành cho bạn. Cần phải rất tỉnh táo vào khoảnh khắc đó. Thiện nhân nên tự bảo vệ mình khỏi gắn bó. Tuy nhiên, nếu vấn đề trở nên rõ ràng với thiện nhân rằng tất cả những gắn bó đều tỏ ra là gánh nặng trong cuộc hành trình tâm linh, thế thì cảm giác biết ơn sẽ không phải là lực ràng buộc mà là lực giải thoát. Nếu tôi cảm ơn bạn về điều gì đó, vấn đề gắn bó là ở đâu? Thực tế, nếu tôi không

bầy tỏ lòng biết ơn của mình, sự kiện này sẽ vẫn còn như sự tù túng bên trong: rằng thậm chí tôi đã không bầy tỏ lòng biết ơn của mình. Nhưng việc cảm ơn này hoàn chỉnh vấn đề.

Biết ơn không phải là lệ thuộc. Ngược lại, nó là việc bầy tỏ tự do tối hậu. Nhưng khuynh hướng trở nên bị lệ thuộc bao giờ cũng ở bên trong chúng ta bởi vì có nỗi sợ bên trong. Chúng ta chưa bao giờ chắc chắn liệu chúng ta sẽ có khả năng tự đứng một mình hay không; do đó mới có thói thúc nứu bám vào ai đó. Nói gì tới việc nứu bám vào ai đó - khi một người đi qua phố tối trong đêm, người này hát to bởi vì âm thanh của chính người đó làm khuây khoả đi nỗi sợ. Nếu đây là tiếng nói của người khác, thế nữa nó cũng sẽ là cái gì đó để nứu bám vào, nhưng về cơ bản người đó tập trung sức mạnh và lòng can đảm từ tiếng nói của riêng mình. Con người hoảng sợ cho nên người đó nắm giữ vào bất kì cái gì; đó là lí do tại sao nếu người chết đuối vớ phải cọng rơm, người đó sẽ giữ chặt nó cho dù điều này chẳng bảo vệ được người đó khỏi chết chìm. Thay vì thế cọng rơm cũng chìm cùng với người đó. Cho nên từ nỗi sợ mà tâm trí có khuynh hướng ôm giữ ai đó, cái gì đó, dù đó là guru hay bất kì ai hay bất kì cái gì khác. Bằng việc làm như vậy chúng ta muốn bảo vệ lấy chính mình. Nỗi sợ là gốc rễ của mọi loại nứu bám.

Thiền nhân bao giờ cũng phải thận trọng về an ninh. An ninh là mạng nhện gắn bó lớn nhất cho thiền nhân. Nếu người này tìm kiếm an ninh dù chỉ một khoảnh khắc thôi, nếu người này cảm thấy rằng mình có sự hỗ trợ của ai đó mà với bảo vệ của người đó anh ta chẳng có gì phải sợ và do vậy anh ta bây giờ sẽ không đi lạc lối, nếu anh ta đang nghĩ rằng mình sẽ chẳng đi đâu cả và đang ở dưới đôi cánh của thầy mãi mãi, thế thì anh ta đã lạc đường rồi. Với người tìm kiếm không có an ninh; không an ninh là

phúc lành cho người tìm kiếm. Không an ninh càng lớn, cơ hội cũng càng lớn cho linh hồn người đó mở rộng và trở nên bạo dạn và không sợ hãi. Càng được bảo vệ, người đó càng trở nên yếu đuối theo cùng tỉ lệ. Nhận sự trợ giúp là một điều, nhưng cứ giữ bị phụ thuộc lại là điều hoàn toàn khác.

Bạn được trao cho sự hỗ trợ để cho bạn có thể đứng vững mà không cần hỗ trợ. Nó được trao cho với chủ định rằng chẳng mấy chốc bạn sẽ không cần nó nữa. Bạn có để ý rằng khi người bố đang giúp đứa con mình tập bước, người đó giữ tay con chứ không phải là đứa trẻ giữ tay không? Trong thời gian vài ngày nó học bước đi, và rồi người bố bỏ tay mình ra. Nhưng ban đầu đứa trẻ nắm lấy tay bố vì tin cậy. Cho nên nếu đứa trẻ cứ nắm lấy tay bố nó, điều đó có nghĩa là mặc dầu nó đã học bước đi nhưng nó sẽ không bỏ việc nắm tay đó. Nếu người bố giữ tay đứa trẻ, thế thì biết rằng đứa trẻ vẫn còn chưa biết đi và sẽ nguy hiểm để cho nó đi theo kiểu của nó. Người bố muốn tay mình được thả ra sớm; đó là lí do tại sao người đó dạy cho đứa trẻ bước đi. Nếu người bố nào đó cho phép con mình cứ nắm giữ tay mình do niềm sung sướng lớn lao mà người đó có được từ điều đó, người đó là kẻ thù của con mình.

Nhiều bậc cha mẹ, nhiều guru đã làm điều này, nhưng đây là sai lầm. Lí do vì nó mà sự trợ giúp được trao cho đã bị thất bại. Thay vì việc làm phát sinh một con người lành mạnh khoẻ mạnh, người có thể bước trên đôi chân riêng của mình, người đó đã làm phát sinh ra người què quặt, người sẽ phụ thuộc vào đôi nạng cả đời. Tuy nhiên điều này lại là niềm vui đem lại sự thoả mãn cho ông bố hay guru - rằng bạn không thể đi được trên con đường của mình mà không có sự trợ giúp của họ. Theo cách này bản ngã của họ được thoả mãn.

Nhưng guru như thế thì không phải là guru. Cho nên chính guru phải là buông tay thiền nhân ra và bảo người đó hãy quả quyết bước đi trên đôi chân của riêng mình. Và chẳng hại gì nếu người đó bị ngã một đôi lần; người đó có thể đứng dậy được. Sau rốt, người ta phải ngã để vươn lên, và cần phải ngã vài lần để vượt qua nỗi sợ ngã.

Tâm trí cố gắng nắm bắt sự hỗ trợ nào đó và do vậy việc trói buộc bắt đầu. Điều này không nên xảy ra. Thiền nhân bao giờ cũng nên nhớ trong tâm sự kiện là mình không tìm kiếm an ninh. Người đó đang tìm kiếm chân lí, không an ninh. Nếu người đó chân thành trong việc truy tìm chân lí của mình, người đó phải từ bỏ tất cả các ý tưởng về an toàn và an ninh. Sự giả dối tạo ra rất nhiều bảo vệ - và rất nhanh chóng nữa, cho nên người đang tìm kiếm an toàn, nhanh chóng bị hấp dẫn về phía nó. Người tìm kiếm sự thuận tiện chưa bao giờ cân được sức nặng của chân lí, bởi vì cuộc hành trình là dài. Thế thì người đó sẽ rập khuôn cái sai lầm từ những ý tưởng đồng bóng và bắt đầu tin rằng mình đã đạt tới trong khi người đó vẫn còn ngồi lại nơi người đó đang vậy.

Do đó, bất kì kiểu gấn bó nào cũng là nguy hiểm - và thậm chí gấn bó với guru còn nguy hiểm hơn, bởi vì đây là gấn bó tâm linh. Chính thuật ngữ gấn bó tâm linh là mâu thuẫn. Tự do tâm linh có nghĩa, nhưng nô lệ tâm linh là vô nghĩa. Nhưng trong thế giới này, các kiểu nô lệ khác kém tính nô lệ hơn nhiều so với nô lệ về tâm linh. Có lí do cho điều này. Thể thứ tư, từ đó tinh thần tự do nảy sinh, vẫn còn chưa phát triển. Đại đa số mọi người đã phát triển chỉ tới thể thứ ba.

Điều rất thường được thấy là viên quan toà thượng thẩm hay vị phó giám đốc đại học đang ngồi dưới chân một kẻ tuyệt đối ngốc. Thấy điều này, những người khác

theo cách nghĩ phù hợp rằng nếu một người nổi tiếng như thế mà còn ngồi dưới chân con người này..., chúng ta chẳng là gì trong so sánh. Họ không biết rằng mặc dầu viên quan toà này, vị phó giám đốc đại học này, đã phát triển thể thứ ba của mình đến mức đầy đủ, rằng mặc dầu người đó đã phát triển trí tuệ mình tới một mức rất cao, người đó vẫn còn dốt nát khi có liên quan tới thể thứ tư của mình. Người đó tương đương với kẻ dốt nát khi đó là những vấn đề của thể thứ tư. Và thể thứ ba của người đó - cái đã phát triển về mặt trí tuệ và lập luận - đã bị vét hết bởi việc suy nghĩ và tranh luận thường xuyên và bây giờ phải nghỉ.

Bây giờ khi trí tuệ mệt mỏi và thanh thoi, nó mê đắm vào những theo đuổi rất không thông minh. Bất kì cái gì thanh thoi sau hoạt động cực đoan đều trở thành đối lập với bản tính của nó. Điều này là nguy hiểm, và đây là lí do tại sao bạn sẽ thường thấy các quan toà thượng thẩm ở các đạo tràng. Họ kiệt sức và họ lo âu bởi trí tuệ của mình, cho nên họ muốn loại bỏ chúng. Trong hoàn cảnh như vậy họ sẽ làm bất kì cái gì bất hợp lí; họ sẽ chỉ nhắm mắt lại và đặt niềm tin của mình vào bất kì cái gì. Luận điểm của họ là ở chỗ tất cả những học hỏi và lập luận của họ cùng những thảo luận đều chẳng dẫn họ đến đâu cả, cho nên họ vứt bỏ chúng. Và để cắt đứt tất cả mọi mối nối với chúng, họ thường nắm giữ cái gì đó hoàn toàn trái ngược. Thế rồi phần còn lại của đám đông, những người tin vào trí tuệ của những người địa vị cao như thế, bắt đầu bắt chước họ. Những người này có thể rất trí thức, nhưng trong vấn đề về thể thứ tư, họ chẳng là gì cả. Do đó, một hơi chút phát triển của thể thứ tư trong bất kì cá nhân nào sẽ đủ để đem những nhà trí thức vĩ đại nhất xuống dưới chân người này, bởi vì người này có điều gì đó mà nhà trí thức thiếu hoàn toàn.

Loại trói buộc này xuất hiện khi thể thứ tư còn chưa được phát triển. Thế thì tâm trí muốn bám vào ai đó có thể thứ tư đã phát triển, nhưng điều này sẽ không giúp ích gì cho bạn phát triển thể thứ tư của mình. Chỉ bằng việc hiểu người như thế mới có thể làm cho thể thứ tư của bạn phát triển. Tuy nhiên, để tránh rắc rối của việc hiểu người đó bạn nắm giữ lấy người đó. Thế thì bạn sẽ nói, "Cần gì phải hiểu? Chúng tôi sẽ bám chân thầy để khi thầy đi qua dòng sông địa ngục, chúng tôi cũng sẽ đi qua cùng thầy; chúng tôi sẽ níu bám lấy con thuyền của thầy để qua dòng sông cõi trời."

Người ta phải đau khổ để trưởng thành trong hiểu biết. Biến đổi là cần thiết cho việc hiểu biết xảy ra. Hiểu biết là nỗ lực, là sadhana. Hiểu biết cần gắng sức, hiểu biết là cách mạng. Trong hiểu biết biến đổi xảy ra, mọi thứ thay đổi. Cái cũ phải bị đổi thành cái mới. Tại sao phải trải qua tất cả những cái khó chịu này? Tốt hơn cả là cứ ôm lấy người đã biết. Nhưng sự kiện là ở chỗ chẳng ai đạt tới chân lý bởi việc đi theo ai đó khác cả. Người ta phải đi một mình. Đó là con đường hoàn toàn đơn độc. Do đó bất kì loại gắn bó nào cũng đều là cản trở.

Học, hiểu, đón chào cái thoáng nhìn bất kì ở đâu bạn bắt gặp nó. Nhưng chớ dừng lại ở đâu cả; đừng làm ra nơi ở tại bất kì chỗ nghỉ nào; đừng nắm giữ bàn tay chìa ra cho bạn và coi nó như đích. Tuy nhiên bạn sẽ thấy nhiều người nói, "Đừng đi thêm nữa. Dừng lại đây; đây là bờ bên kia rồi." Như tôi đã nói trước đây, một số người sợ hãi ham muốn được trói buộc và còn có những người khác sợ hãi muốn trói họ lại để tự mình thấy không sợ. Khi một người thấy một nghìn người theo mình người đó nhất định cảm thấy rằng mình trí huệ - vì ngược lại tại sao những người này phải theo mình? Người này tự nhủ,

"Chắc chắn mình biết điều gì đó, bằng không tại sao những người này tin vào mình?"

Bạn sẽ ngạc nhiên mà biết rằng nhiều lần hiện tượng về guru được gây ra bởi phức cảm tự ti đi tìm kiếm thu thập đám đông quanh mình. Cho nên guru trở nên bận rộn để tăng số tín đồ - một nghìn, mười nghìn, hai mươi nghìn người. Con số càng lớn, ông ta càng được đảm bảo về tri thức của mình - vì ngược lại tại sao những người này phải theo ông ấy? Cách lập luận này giúp làm tăng tinh thần ông ta. Nếu những tín đồ này mất đi, mọi thứ đều mất đi. Thế thì người đó sẽ cảm thấy rằng tất cả bị mất đi và rằng người đó không biết.

Nhiều trò chơi tâm trí tiếp diễn và tốt hơn cả là nhận biết về chúng. Và trò chơi này có thể được chơi từ cả hai phía. Đệ tử bị trói buộc với guru, và người bị trói buộc hôm nay sẽ trói buộc ai đó khác ngày mai bởi vì tất cả điều này là phản ứng dây chuyền. Người là đệ tử hôm nay sẽ là guru ngày mai. Người đó có thể vẫn còn là đệ tử được bao lâu? Nếu người đó ôm giữ ai đó hôm nay, người đó sẽ thấy rằng ai đó sẽ ôm giữ mình ngày mai. Cảnh nô lệ cứ chạy theo chuỗi, và lí do thực chất cho tất cả những điều này là ở việc không phát triển thể thứ tư. Nếu bạn bắt đầu phát triển thể này, bạn có thể độc lập. Thế thì không có lệ thuộc.

Điều này không có nghĩa là bạn trở thành vô nhân tính, rằng bạn sẽ không có liên hệ nào với mọi người. Thay vì thế thì điều đối lập sẽ là hoàn cảnh: nơi có lệ thuộc, không có quan hệ. Giữa chồng và vợ có lệ thuộc. Chúng ta chẳng dùng cách diễn đạt "trói buộc trong đời sống vợ chồng thiêng liêng" đó sao? Chúng ta gửi giấy mời nói rằng "Con trai tôi hay con gái tôi được gắn bó bởi sợi dây thương mến..." Nơi có phục vụ, không có quan

hệ. Làm sao có thể có đó được? Có lẽ trong một tương lai xa nào đó người bố có thể gửi một giấy mời nói rằng "Con gái tôi trở nên tự do trong tình yêu của ai đó." Và điều đó cho cảm giác về thông minh rằng tình yêu của ai đó làm cho cô ấy tự do trong cuộc sống; bây giờ sẽ không có lệ thuộc; cô ấy đang trở thành tự do trong tình yêu. Và tình yêu nên cho sinh thành tự do. Nếu tình yêu bắt làm nô lệ thế thì cái gì khác trong thế giới này sẽ giải thoát?

Nơi có lệ thuộc, có khổ, có địa ngục. Về ngoài là lừa dối; bên trong mọi thứ mục nát. Đều là như thế cả, sự lệ thuộc của guru-đệ tử, bố-con, chồng-vợ hay thậm chí hai người bạn: nơi có lệ thuộc, không thể có quan hệ. Nếu quan hệ có đó thế thì lệ thuộc là không thể có. Và qua bề ngoài điều dường như đúng là nơi có lệ thuộc, phải có quan hệ, thực tế là điều chúng ta có thể có quan hệ chỉ với người mà chúng ta không bị ràng buộc với họ theo bất kì cách nào. Đây là lí do tại sao nhiều lần điều xảy ra là bạn nói được cho người lạ những điều mà bạn sẽ chẳng bao giờ nói với con bạn.

Tôi ngạc nhiên biết rằng một người đàn bà thường hay nói chuyện cởi mở với người lạ mà bà ấy mới chỉ gặp một giờ trước đó và thậm chí còn kể những điều mà bà ấy sẽ không mơ đến việc kể chúng cho chồng mình. Chính sự kiện là ở chỗ khi không có lệ thuộc, mỗi quan hệ trở nên dễ dàng hơn. Đây là lí do tại sao chúng ta bao giờ cũng tốt bụng với người lạ và không tốt được như thế với những người chúng ta biết. Với người lạ, không có lệ thuộc, và do đó không có quan hệ; bằng không, có mối ràng buộc, và do đó không có quan hệ. Thế thì cho dù bạn muốn chúc ai đó buổi sáng tốt lành, điều ấy dường như giống nhiệm vụ.

Tuy nhiên có thể có mối quan hệ giữa guru và đệ tử, và tất cả các mối quan hệ đều có thể đẹp. Nhưng lệ thuộc không thể đẹp được. Mối quan hệ có nghĩa là cái giải thoát.

Có một tục lệ hay trong các thiền sư. Khi một đệ tử kết thúc việc học hỏi, thầy ra lệnh cho anh ta ra nhập trường của đối thủ của mình và học hành ở đó. Ông ấy sẽ nói, "Ông đã thu được tri thức từ một phía, bây giờ biết nó từ phía bên kia." Thế rồi thiền nhân sẽ đi từ thiền viện này sang thiền viện khác trong nhiều năm và ngồi học dưới chân của đối thủ của thầy mình. Thầy anh ta sẽ nói, "Có thể là điều mà kẻ đối lập ta nói lại đúng. Tới và nghe tất cả những điều người đó phải nói; thế rồi ông hãy tự mình quyết định cho mình. Rất có thể là ông sẽ có khả năng quyết định mọi điều tốt hơn sau khi nghe cả hai chúng ta. Hay có lẽ cái còn lại sau khi vứt bỏ cả hai chúng ta có thể biến thành chân lí. Do đó, đi và tìm kiếm đi." Điều này chỉ xảy ra khi thiền tài tâm linh đạt tới trưởng thành tối hậu. Thế thì chẳng cái gì có thể trói buộc được cả.

Cảm giác của tôi là ở chỗ khi hoàn cảnh của đất nước này trở thành hoàn cảnh mà thầy sẽ phải đệ tử của mình vào trong thế giới mà không trói buộc họ, thế thì sẽ có kết quả kì diệu. Và ai biết được kết quả cuối cùng sẽ là cái gì! Bây giờ một người như vậy, người phải bạn tới học và nghe người khác, không thể sai được, cho dù tất cả những cái mà bản thân người đó dạy bạn có thể biến thành sai. Khi một người như vậy nói với bạn, "Ông hãy đi, tìm kiếm chỗ khác; có lẽ ta có thể sai," thế thì cho dù nếu tất cả giáo huấn của người đó chứng tỏ là giả, bạn cũng vẫn sẽ biết ơn ông ấy. Ông ấy chẳng bao giờ có thể sai, bởi vì chính ông là người đã phải bạn đi.

Ngày nay điều đang xảy ra là ở chỗ mọi người đều trói buộc thiền nhân và không cho người đó ra đi. Guru này cấm đệ tử mình không được nghe guru khác. Kinh sách nói, "Đừng bao giờ tới ngôi đền khác. Thà bị voi điên dày xéo còn hơn là trú ẩn trong đền của ai đó khác." Nỗi sợ bao giờ cũng có đó rằng cái gì đó có thể lọt vào tai của thiền nhân. Cho nên cho dù giáo huấn của một guru, người trói bạn, là đúng đắn, người này vẫn sai và bạn không bao giờ có thể biết ơn ông ấy được. Người như vậy chỉ làm bạn thành nô lệ. Ông ấy nghiền nát tâm hồn bạn và giết chết linh hồn bạn. Nếu điều này được hiểu, sẽ không có vấn đề lệ thuộc.

Thầy đã nói rằng nếu shaktipat là chân thực và thuần khiết, không có lệ thuộc. Điều đó có đúng không?

Đúng.

Sẽ không có trói buộc gì.

Việc khai thác hồn liệu có thể có nhân danh shaktipat không? Làm sao điều đó là có thể và làm sao thiền nhân đề phòng được điều đó?

Điều đó là có thể. Nhiều việc khai thác tâm linh là có thể nhân danh shaktipat. Thực tế, nơi có yêu cầu, có tuyên bố, bao giờ cũng có khai thác. Khi một người tuyên bố rằng mình sẽ cho, người đó cũng sẽ lấy cái gì đó để đáp lại, bởi vì cho và nhận đi đôi với nhau. Thế thì dù nó ở

dưới bất kì dạng gì - dưới dạng của cái, dưới dạng kính trọng, dưới dạng tin cậy - người đó cũng sẽ nhận. Nơi có việc khăng khăng cho, thế thì chắc chắn có việc nhận. Và người tuyên bố cho nhất định sẽ nhận cái đáp lại nhiều hơn, bằng không người đó chẳng cần phải hô trong bãi chợ.

Người câu cá móc giun vào lưỡi câu trên cần câu bởi vì cá không ăn lưỡi câu. Có lẽ một ngày nào đó cá có thể bị đồ ngon ngọt mà nuốt lưỡi câu trực tiếp, nhưng chính giun hấp dẫn cá đến cần câu và nó nuốt lưỡi câu với ý định ăn giun. Chỉ sau khi nuốt giun nó mới nhận ra rằng lưỡi câu là cái chính và giun là con mồi. Nhưng đến lúc đó, nó đã bị bắt rồi.

Cho nên bất kì khi nào bắt gặp bất kì ai rêu rao thực hiện shaktipat, người rêu rao là cho bạn trí huệ và đưa bạn tới samadhi, người đưa ra cả nghìn lời tuyên bố khác, hãy cẩn thận. Thận trọng, bởi vì người thuộc vào cội bên kia không tuyên bố gì về bản thân mình cả. Nếu bạn bảo một người như vậy, "Nhờ có anh mà tôi kinh nghiệm ân huệ," người đó sẽ nói, "Làm sao điều ấy có thể được? Thậm chí tôi cũng chẳng biết. Chắc anh lầm rồi. Điều đó phải xảy ra bởi ân huệ của Thượng đế." Cho nên lời cảm ơn của bạn sẽ không được người như vậy thừa nhận; người đó sẽ thậm chí sẽ không thừa nhận rằng mình là trung gian cho việc xảy ra. Người đó sẽ khăng khăng rằng ân huệ giảng xuống bởi vì bạn xứng đáng với điều đó - đó là từ bi của Thượng đế rơi xuống bạn. Người đó là ai? Người đó đứng ở đâu? Giá trị của người đó là gì? Người đó không tới chút nào: đó là điều người đó sẽ nói.

Jesus đi qua một thị trấn. Một người ốm được đưa tới ông ấy. Jesus ôm lấy người này và người đó được chữa

khỏi tất cả mọi bệnh tật. Người này nói với Jesus, "Làm sao tôi có thể cảm ơn được ông đây? Ông đã giải cho tôi mọi bất hạnh của mình."

Jesu đáp, "Chớ nói như thế. Đưa ra lời cảm ơn cho đúng chỗ đi. Ta là ai và ta bước vào đâu?"

Người này nói, "Nhưng chẳng có ai khác ngoài ông ở đây."

Jesus nói, "Ông và ta đều không có. Ông không thể thấy được ngài, người đang có đây - và tất cả mọi sự đều xảy ra qua ngài. Ngài đã chữa lành cho ông."

Bây giờ, làm sao một người như vậy có thể khai thác được? Lưỡi câu phải bị bao phủ bởi giun để mà khai thác. Người đó thậm chí không sẵn sàng để có giun, để mỗi lưỡi câu thôi. Cho nên bất kì khi nào một người tuyên bố đạt kết quả, đề phòng đi. Khi người đó nói làm việc này cho bạn việc nọ cho bạn, người đó chỉ che phủ lưỡi câu bằng giun. Người đó đang làm bốc lên trông đợi của bạn; người đó đang kích thích hi vọng và ham muốn của bạn. Và khi bạn bị chiếm lĩnh bởi ham muốn và bạn nói, "Ồi, thầy kính yêu, xin cho...!", người đó bắt đầu đòi hỏi của mình. Bạn sẽ nhận ngay ra rằng con giun chỉ ở trên chóp và lưỡi câu ở bên trong.

Cho nên theo dõi bước đi của mình ở bất kì đâu có những lời tuyên bố phép màu. Đây là lãnh thổ nguy hiểm. Tránh con đường nơi ai đó đang đợi là guru của bạn. Có nỗi sợ vương mắc ở đó. Cho nên làm sao người tìm kiếm bảo vệ được mình? Người đó phải tự bảo vệ mình với những người đưa ra lời tuyên bố đao to búa lớn, và do vậy người đó sẽ tự cứu mình khỏi mọi điều xấu. Người đó không nên tìm kiếm những người chuyên rêu rao về

những kết quả kì diệu; bằng không, người đó sẽ gặp khó khăn, vì những người như thế cũng đang tìm kiếm. Họ đang tìm những người sẽ rơi vào bẫy của họ. Có những người như thế đang đi khắp mọi nơi. Đừng hỏi bất kì lợi lộc tâm linh nào và đừng chấp nhận bất kì tuyên bố tâm linh nào.

Điều bạn phải làm là vấn đề hoàn toàn khác. Bạn phải chuẩn bị bản thân mình từ bên trong. Và cái ngày bạn sẵn sàng, việc xảy ra nhất định sẽ xảy ra. Thế thì nó sẽ xảy ra qua bất kì trung gian nào. Người trung gian chỉ là thứ yếu; người đó cũng giống như cái móc. Cái ngày bạn có được áo choàng, cái móc sẵn sàng để treo nó lên. Thế thì cái móc cũng chẳng quan trọng lắm. Nếu không có móc, bạn vẫn có thể treo áo choàng lên cửa. Nếu không có cửa, bạn có thể treo nó lên cành cây. Bất kì móc nào cũng có tác dụng; vấn đề chính là cái áo. Nhưng chúng ta không có áo choàng, trong khi móc gọi: "Lại đây! Ta là móc đây." Bạn sẽ bị bắt nếu bạn tới. Bạn không có áo choàng cho nên bạn sẽ làm gì khi đi tới cái móc? Có mọi điều nguy hiểm là bạn tự treo mình lên móc. Bạn phải tìm kiếm giá trị riêng của mình, khả năng của riêng mình. Bạn phải làm cho bản thân mình sẵn sàng để có khả năng nhận ân huệ khi nó tới.

Bạn không phải lo nghĩ về guru chút nào; đây không phải là mối bận tâm của bạn. Đó là lí do tại sao điều Krishana nói với Arjuna là đúng. Ông ấy nói, "Thực hiện hành động của anh và để kết quả cho điều thiêng liêng." Bạn không phải lo nghĩ về kết quả hành động của mình; điều đó sẽ trở thành cản trở. Thế thì tất cả các loại phức tạp sẽ nảy sinh: bận tâm về hành động nào của bạn sẽ đưa ra, về kết quả sẽ là gì. Và trong lo âu của bạn về kết quả, hiệu năng của bạn sẽ bị mất. Đó là lí do tại sao bản thân hành động nên là mối bận tâm chính của chúng ta.

Chúng ta nên bận tâm tới giá trị và sự tiếp nhận riêng của mình. Khoảnh khắc nỗ lực của chúng ta được hoàn tất - cũng như khi hạt mầm đạt tới điểm nhú ra của nó - chính khoảnh khắc đó tất cả đều đạt được. Khoảnh khắc cái chồi sẵn sàng nhú ra và việc nở thành hoa, mặt trời bao giờ cũng sẵn sàng, nhưng chúng ta không có nụ mà nở ra thành hoa. Thế thì cho dù mặt trời có chiếu sáng trên bầu trời điều đó cũng vô dụng. Cho nên bạn đừng đi tìm kiếm mặt trời; tham dự vào việc phát triển nụ của mình. Mặt trời có đó mãi mãi và bao giờ cũng có sẵn.

Không chiếc bình nào còn chưa được rót đầy cho dù một khoảnh khắc trong thế giới này. Bất kì loại chấp nhận nào cũng đều trở thành được rót đầy ngay lập tức. Thực tế, mang tính chấp nhận và được rót đầy không phải là hai sự kiện; chúng là hai mặt của cùng một sự việc xảy ra. Nếu chúng ta bỏ đi tất cả không khí trong phòng này, không khí trong lành từ bên ngoài sẽ lập tức rót đầy chân không. Đây không phải là hai điều xảy ra, bởi vì khi chúng ta loại bỏ không khí trong phòng, không khí bên ngoài xô vào. Điều như thế cũng là luật của thế giới bên trong. Chúng ta thậm chí khó sẵn sàng về phần mình khi việc đáp ứng cho nỗ lực của chúng ta bắt đầu giáng xuống. Tuy nhiên, khó khăn của chúng ta là ở chỗ yêu cầu của chúng ta bắt đầu từ lâu trước sự sẵn sàng của chúng ta. Thế thì bao giờ cũng có việc cung cấp sai cho yêu cầu sai.

Một số người thực sự làm tôi sửng sốt. Một người tới và nói, "Tâm trí tôi rất bất ổn; tôi muốn an bình." Ông ấy nói với tôi tới nửa giờ, và trong quá trình nói, ông ấy thú nhận rằng nguyên nhân bất ổn của ông ấy là ở chỗ con ông ấy thất nghiệp. Nếu con ông ấy có việc, tâm trí ông ấy sẽ yên ổn. Bây giờ người này tới với cái cớ rằng ông ấy muốn an bình tâm trí, nhưng yêu cầu thực tại của ông

ấy lại tuyệt đối khác; nó chẳng liên quan gì với việc an bình tâm trí cả. Ông ấy chỉ muốn có việc cho con mình. Vậy, ông ấy tới sai người.

Bây giờ, người đi vào kinh doanh tôn giáo sẽ nói, "Anh cần việc sao? Lại đây. Ta sẽ kiếm việc cho anh và ta sẽ cho anh an bình tâm trí nữa. Bất kì ai tới đây đều kiếm được việc; bất kì ai tới đây, của cải người đó sẽ tăng lên và công việc của người đó chạy tốt."

Bây giờ vài người sẽ tụ tập xung quanh "cửa tiệm" của người bảo bạn, "Con tôi vừa mới kiếm được việc." Người khác sẽ nói, "Vợ tôi vừa mới được cứu sống." Người thứ ba nói, "Tôi mới thắng kiện." Người thứ tư nói, "Của cải cứ đổ về tôi." Không phải là những người này đang nói dối hay họ đang đi làm thuê; mà họ cũng chẳng phải là đại lí cho doanh nghiệp này. Không cái gì như thế cả. Khi một nghìn người tới để hỏi việc, mười trong số họ nhất định sẽ kiếm được việc trong quá trình thông thường. Bây giờ mười người này vẫn còn đây trong khi chín trăm chín mươi người còn lại bỏ đi.

Thế thì mười người này dần dần lan truyền từ 'phép màu', và đám đông xung quanh tăng lên. Đây là lí do tại sao mọi cửa tiệm như vậy đều có người bán hàng và người quảng cáo. Những người nói con họ kiếm được việc không phải là nói ra điều không thật; mà họ cũng không bị ông chủ tiệm mua. Người như vậy cũng đã tới để tìm kiếm, và điều xảy ra là con của người đó kiếm được việc. Những người có con không kiếm được việc đã bỏ đi từ lâu để kiếm guru khác, người đáp ứng cho ham muốn của họ. Những người có ham muốn được đáp ứng bắt đầu thường lui tới cửa tiệm; họ tới từng cuộc liên hoan hàng năm. Đám đông tăng lên hàng ngày, và một nhóm hình thành quanh cái gọi là guru như thế. Thế rồi

điều họ nói trở thành bằng chứng không thể cãi được. Nếu ao ước của bao nhiêu người như vậy được đáp ứng, tại sao ao ước của bạn lại không? Bây giờ đây là con giun; lưỡi câu bẫy người này là ở bên trong.

Dừng bao giờ yêu cầu, bằng không bạn chắc chắn bị mắc câu. Chuẩn bị cho bản thân mình và bỏ lại tất cả các điều khác để làm chứng. Để cho ân huệ xảy ra khi khoảnh khắc chín muồi cho nó xảy ra. Nếu nó không xảy ra, chúng ta sẽ biết chúng ta còn chưa sẵn sàng đón nhận.

Sự kiện là ở chỗ bạn sẽ cảm thấy nhu cầu shaktipat lặp đi lặp lại chỉ khi sự kiện còn chưa xảy ra. Và bạn sẽ thấy nhu cầu để lấy từ người khác chỉ khi kinh nghiệm của bạn với nhu cầu shaktipat đầu tiên là vô ích. Nếu shaktipat đầu tiên thành công, vấn đề chấm dứt ở đó. Cũng giống như việc thử tới nhiều bác sĩ vì bệnh vẫn còn chưa được chữa lành. Một cách tự nhiên, phải thay bác sĩ. Nhưng bệnh nhân người được chữa, chẳng bao giờ nêu ra vấn đề về việc thay đổi bác sĩ.

Kinh nghiệm nhỏ nhất về thoát nhìn do shaktipat đem lại làm cho vấn đề này thành không liên quan. Bên cạnh đó, một khi thoát nhìn này được đạt tới từ ai đó, cũng chẳng khác biệt gì nếu nó được đạt tới từ người khác. Cũng chính cùng năng lượng đó tới từ cùng nguồn gốc, chỉ người trung gian là khác - nhưng điều này không làm phát sinh bất kì khác biệt nào. Dù tới từ mặt trời hay bóng điện hay đèn dầu, ánh sáng vẫn là một.

Không có gì khác biệt và cũng chẳng hại gì nếu việc xảy ra phải xảy ra. Nhưng chúng ta không đi tìm kiếm điều xảy ra. Nếu nó tới với bạn trên đường, chấp nhận nó và đi thêm nữa - nhưng đừng tìm kiếm nó. Nếu bạn tìm kiếm, có nguy cơ, bởi vì thế thì chỉ kẻ lừa đảo mới tới trên con đường của bạn và chứ không phải là người có thể

thực sự cho. Người đó sẽ xuất hiện chỉ khi bạn không tìm kiếm, khi bạn đã tự chuẩn bị mình. Cho nên việc tìm kiếm người đó là sai, việc hỏi là sai. Cứ để việc xảy ra có thời gian riêng của nó và để cho ánh sáng tới từ hàng nghìn con đường. Tất cả các con đường đều sẽ chứng tỏ là chân thực của cùng một nguồn cội. Nó là cùng một nguồn cội; nó chỉ có vẻ từ mọi phía.

Ai đó hôm nọ mới nói rằng người đó đã tới gặp một sadhu, một người tôn giáo, và nói rằng trí huệ phải là của riêng người ta. Vị sadhu này bắt bẻ lại rằng không thể thế được - rằng trí huệ "bao giờ cũng thuộc về người khác, và rằng sự như thế như thế đã trao nó cho người như thế như thế, thế rồi ông này lại truyền nó cho người khác."

Thế rồi tôi giải thích cho người bạn này rằng kinh nghiệm của Krishna là của riêng ông ấy. Khi ông ấy nói rằng "điều như thế và như thế đã nhận được nó từ điều như thế và như thế", ông ấy ngụ ý rằng trí huệ này, đã tự nó khai lộ cho ông ấy, không được khai lộ cho riêng một mình ông ấy, nó cũng được khai lộ như thế và như thế thì trước ông ấy. Thế thì người này có chung điều xảy ra với những người khác, và việc xảy ra này cũng xảy ra trong ông ấy nữa. Nhưng điều cần lưu ý ở đây là ở chỗ khai lộ không xảy ra bởi việc nói đơn thuần; nó được nói ra sau khi việc xảy ra. Cho nên Krishna nói với Arjuna, "Trí huệ này ta đang truyền đạt cho ông là cũng điều đã tới với ta. Nhưng việc ta nói lại nó sẽ không đem nó vào trong ông. Khi nó xảy ra cho ông, ông sẽ có khả năng nói cho người khác rằng nó giống như thế này."

Chớ cầu xin về nó, vì nó không được đạt tới từ bất kì ai. Chuẩn bị bản thân mình cho nó và nó sẽ bắt đầu tới từ mọi hướng. Thế thì một hôm khi sự việc xảy ra bạn sẽ

nói, "Tôi mù làm sao mà không thể thấy được cái đang tới tôi từ mọi phía."

Người mù có thể đi qua một ngọn đèn hay một đèn điện hay đi ra mặt trời, nhưng người đó chẳng bao giờ thấy ánh sáng. Thế rồi một hôm nếu thị lực của người đó được khôi phục, người đó sẽ bị sốc khi thấy rằng mình bao giờ cũng được bao bọc bởi ánh sáng. Cho nên vào ngày việc xảy ra, bạn sẽ thấy nó tất cả bao quanh bạn. Và chừng nào thời gian còn chưa tới cho nó xảy ra, cũng đừng tôn kính của mình ở bất kì đâu bạn thoáng thấy chân lí. Nhận nó từ bất kì đâu bạn có thể được nó, nhưng xin đừng cầu xin nó như kẻ ăn xin - bởi vì chân lí không bao giờ được trao cho kẻ ăn xin. Đừng cầu xin chân lí bằng không việc kinh doanh nào đó có thể quyến rũ bạn với những gợi ý có lợi. Thế thì sự khai thác tâm linh sẽ bắt đầu.

Đi con đường của mình và bao giờ cũng chuẩn bị cho mình, chuẩn bị cho bản thân mình, và bất kì khi nào bạn ngẫu nhiên thấy nó, chấp nhận nó. Cũng đừng lòng biết ơn của mình và đi tiếp; thế thì vào khoảnh khắc đạt tới hoàn toàn bạn sẽ không thể nào nói rằng bạn nhận nó từ như thế và như thế. Khoảnh khắc đó bạn sẽ nói, "Tôi có được phép màu từ sự tồn tại. Dù tôi tới bất kì ai, tôi đều đón nhận từ người đó." Thế thì tạ ơn cuối cùng sẽ là cho sự tồn tại và không phải cho bất kì ai nói riêng.

Câu hỏi này đã nảy sinh bởi vì sự kiện là tác động của shaktipat cứ yếu dần đi.

Đúng, nó sẽ yếu dần đi. Thực tế, cái thu được từ người khác nhất định sẽ giảm đi. Bên cạnh đó nó chỉ là thoáng nhìn và bạn không phụ thuộc vào nó. Bạn phải đánh thức nó bên trong bản thân mình: chỉ thế thì nó mới là vĩnh viễn. Tất cả các ảnh hưởng đều ngoại lai; chúng thuộc về bên ngoài. Tôi nhặt một hòn đá và tôi ném nó vào không khí: nó sẽ rơi xuống theo lực do tay tôi tác động. Hòn đá không có sức mạnh của riêng nó, nhưng nó có thể nghĩ, khi nó bay qua không khí, rằng nó có sức mạnh cắt qua không khí và rằng không ai dừng được nó. Nhưng thế thì nó không biết ảnh hưởng nào đã gây nên điều này; nó không biết lực của tay đằng sau nó. Nó sẽ rơi xuống - nếu không sau mười mét thì hai mươi mét, nhưng nó sẽ rơi xuống. Thực tại, bất kì tác động nào tới từ người khác bao giờ cũng bị giới hạn và nhất định suy giảm đi.

Ưu điểm duy nhất của ảnh hưởng bên ngoài là ở chỗ trong thoáng nhìn tạm thời mà bạn kinh nghiệm, bạn có thể có khả năng thấy cội nguồn nguyên thủy của mình. Thế thì nó sẽ có ích. Nó cũng tựa như tôi bật que diêm: nó sẽ cháy sáng được bao lâu? Bây giờ bạn có thể làm hai điều: thứ nhất, bạn vẫn còn trong bóng tối và tùy thuộc vào ánh sáng của que diêm tôi. Trong khoảnh khắc ánh sáng sẽ tắt đi và trời lại tối đen như hắc ín. Thứ hai, trong ánh sáng của que diêm bạn có thể định vị được cửa và bạn chạy ra; bạn không còn phụ thuộc vào que diêm của tôi. Bạn ra ngoài; bây giờ chẳng có gì khác biệt với bạn dù que diêm có cháy hay không. Bây giờ bạn đã đạt tới nơi có mặt trời. Bây giờ điều gì đó đã trở thành kéo dài và ổn định.

Và tất cả những điều xảy ra này chỉ có một cái dụng: rằng với sự giúp đỡ bên ngoài bạn làm điều gì đó bên trong cho bản thân mình. Nhưng đừng đợi những điều xảy ra này, bởi vì que diêm sẽ cháy và tắt lập đi lập lại và

bạn, sẽ trở nên bị ước định theo chúng. Thế thì bạn sẽ trở nên phụ thuộc vào que diêm và bạn sẽ chờ đợi trong bóng tối để que diêm sáng lên, và khi nó sáng lên bạn sẽ cứ kinh hãi khoảnh khắc nó tắt đi, khi nó tắt đi lần nữa bạn sẽ nhào vào trong bóng tối. Cho nên điều này sẽ trở thành cái vòng luẩn quẩn. Không, bạn đừng dừng lại lúc que diêm sáng lên. Nó sáng lên là để trong ánh sáng đó bạn thấy con đường và chạy ra khỏi bóng tối nhanh nhất có thể được.

Đây là tất cả ưu thế mà chúng ta có thể lợi dụng từ người khác. Nó không bao giờ có thể là điều lợi vĩnh viễn; mặc dầu nó là điều lợi và không nên bị bỏ qua. Điều đáng kinh ngạc là chúng ta có thể nhận được nhiều thế từ người khác. Nếu người khác là trí huệ và hiểu biết, người đó sẽ chẳng bao giờ bảo bạn ở lại đó. Người đó sẽ nói, "Diêm đã cháy sáng, bây giờ chạy đi - vì chẳng mấy chốc mà diêm sẽ cháy hết." Nhưng nếu người trung gian bảo bạn ở lại, trên mảnh đất mà người đó và không ai khác đã đốt sáng diêm, nếu người đó bảo bạn rằng bạn nên được người đó điểm đạo cho và thế trung thành với người đó, thế thì mối quan hệ này sẽ còn lại. Nếu người đó khẳng định quyền của mình với bạn và cấm bạn đi chỗ khác hay nghe bất kì ai khác, thế thì điều này là rất nguy hiểm.

Sẽ tốt hơn rất nhiều nếu một người như thế không bật sáng que diêm chút nào, bởi vì người đó đã làm điều hại lắm. Trong bóng tối bạn sẽ cảm thấy cách ra một ngày nào đó và đạt tới ánh sáng. Bây giờ bạn đã tự mình tiếp đất trong khó khăn bởi việc ôm giữ lấy que diêm của người đó. Bây giờ bạn sẽ đi đâu? Và một điều là chắc chắn: người này đã đánh cắp que diêm từ đâu đó. Nó không phải là của riêng người đó; bằng không, người đó đã biết cách dùng nó. Người đó sẽ phải biết rằng nó chỉ có nghĩa giúp cho người ta thoát ra khỏi bóng tối và rằng

nó không có nghĩa là chặn lại bất kì ai hay dừng tiến bộ của người ta.

Do đó, đây là que diêm bị đánh cắp mà người này đang kinh doanh. Bây giờ người này tuyên bố rằng tất cả những ai có được thoáng nhìn từ que diêm của người đó đều phải ở lại với người đó và phải hết lòng với người đó: đây là sự kết thúc! Bóng tối đầu tiên chặn con đường; bây giờ đây là guru này. Và bóng tối còn tốt hơn là một guru đòi hỏi, bởi vì nó không trải rộng bàn tay ra để chặn bạn lại. Cản trở của bóng tối là thụ động, nó yên tĩnh, nhưng guru này cản trở một cách tích cực. Ông ấy sẽ tóm lấy tay bạn và chặn đường bạn bằng việc nói, "Đây là bội bạc, đây là lừa dối."

Mới ngày hôm nọ một cô gái tới và bảo tôi rằng guru của cô ấy phản đối cô ấy tới gặp tôi. Guru này nói, "Giống như chồng hay vợ là thuộc về nhau và không thuộc vào ai khác cả, cũng vậy nếu đệ tử bỏ guru đó là tội lỗi lớn." Ông ấy phải đấy - nhưng cái phải của ông ấy là que diêm ăn cắp. Chẳng khó khăn gì trong việc đánh cắp diêm; có nhiều cái sẵn có trong kinh sách lắm.

Diêm ăn cắp có thể cháy được không?

Sự việc là ở chỗ người chưa thấy ánh sáng, không thể nói được cái gì bị đốt cháy để chỉ ra cho người đó ánh sáng. Khi người đó thấy ánh sáng thực tại, chỉ thế thì người đó mới biết cái gì là cái gì. Người đó không chỉ biết cái gì đã được sáng mà người đó thậm chí còn sẽ biết liệu cái gì thực sự sáng được hay liệu người đó chỉ được làm cho tưởng tượng nó là thế thôi.

Khoảnh khắc bạn thấy được ánh sáng, chín mươi chín phần trăm các guru sẽ bị chứng tỏ là bạn bè của bóng tối và là kẻ thù của ánh sáng. Chỉ thế thì chúng ta mới biết họ là kẻ thù nguy hiểm đến mức nào: họ là tay sai của bóng tối.

Bí ẩn của bầy thể và bầy luân xa

Trong bài nói hôm qua, Thầy đã nói rằng người tìm kiếm trước hết phải lo nghĩ về sự tiếp nhận riêng của mình và không nên ăn xin hết cửa nhà nọ đến cửa nhà kia. Thế nhưng chính ý nghĩa của sadhak là ở chỗ có chướng ngại trên con đường trưởng thành tâm linh của người đó. Người đó không biết cách mang tính tiếp nhận. Liệu có khó thể để gặp người hướng dẫn đúng không?

Tìm kiếm và yêu cầu là hai điều khác nhau. Thực tế, chỉ người không muốn tìm kiếm mới yêu cầu. Tìm kiếm

và yêu cầu không phải là một và không như nhau; thay vì thế chúng mâu thuẫn nhau. Người muốn tránh việc tìm kiếm thì yêu cầu. Quá trình tìm kiếm và quá trình xin xỏ là rất khác nhau. Trong yêu cầu, chú ý được đặt trọng tâm vào người khác - vào người cho; trong tìm kiếm, trọng tâm được đặt vào bản thân người ta - vào người nhận. Nói rằng có chướng ngại trên con đường trưởng thành tâm linh có nghĩa là có chướng ngại bên trong bản thân người tìm kiếm. Con đường nữa cũng nằm bên trong và không phải là khó lắm để hiểu cản trở riêng của người ta. Sẽ phải giải thích rất dài về chướng ngại là gì và làm sao chúng có thể được loại bỏ. Hôm qua tôi đã nói cho các bạn về bầy thể. Chúng ta sẽ nói chi tiết nhiều hơn nữa về những thể này và nó sẽ trở nên rõ ràng cho bạn.

Vì có bầy thể, nên cũng có bầy *luân xa*, các trung tâm năng lượng, và mỗi luân xa đều được nối theo cách đặc biệt với thể tương ứng của nó. Luân xa của thể vật lí là *muladhar*. Đây là luân xa đầu tiên và nó có việc nối toàn diện với thể vật lí. Luân xa *muladhar* có hai khả năng. Tiềm năng thứ nhất của nó là tiềm năng tự nhiên được trao cho chúng ta với việc sinh thành; khả năng kia của nó là thu được qua thiền.

Khả năng tự nhiên cơ sở của luân xa này là thôi thúc dục của thể vật lí. Chính vấn đề đầu tiên nảy sinh trong tâm trí của người tìm kiếm là phải làm gì đối với nguyên lí trung tâm này. Bây giờ có khả năng khác của luân xa này, và đó là *brahmacharya*, vô dục, điều đạt tới được thông qua thiền. Dục là khả năng tự nhiên còn *brahmacharya* là biến đổi của nó. Tâm trí càng hội tụ vào và bị ham muốn dục nắm giữ, sẽ càng khó để đạt tới tiềm năng tối thượng của *brahmacharya*.

Bây giờ điều này có nghĩa là chúng ta có thể sử dụng tình huống được tự nhiên trao cho chúng ta theo hai cách. Chúng ta có thể sống trong điều kiện mà tự nhiên đã đặt chúng ta vào - nhưng thế thì quá trình trưởng thành tâm linh không thể bắt đầu được - hoặc là chúng ta biến đổi trạng thái này. Nguy hiểm duy nhất trên con đường biến đổi là ở chỗ có khả năng là chúng ta có thể bắt đầu tranh đấu với trung tâm tự nhiên của mình. Cái gì là nguy hiểm thực sự trên con đường của người tìm kiếm? Chướng ngại đầu tiên là ở chỗ nếu thiền nhân chỉ mê đắm vào trật tự mọi việc của tự nhiên, người đó không thể nào vươn lên khả năng tối thượng của thể vật lý của mình và người đó trì trệ tại điểm bắt đầu. Một mặt có nhu cầu; mặt khác có kìm nén gây cho thiền nhân phải tranh đấu với thôi thúc dục. Kìm nén là chướng ngại trên con đường thiền. Đây là chướng ngại của luân xa thứ nhất. Biến đổi không thể nào tới cùng kìm nén.

Nếu kìm nén là chướng ngại, giải pháp là gì? Thế thì hiểu biết sẽ giải quyết vấn đề này. Biến đổi xảy ra bên trong khi bạn bắt đầu hiểu dục. Có lý do cho điều này. Tất cả các yếu tố của tự nhiên nằm mù quáng và vô ý thức bên trong chúng ta. Nếu chúng ta trở nên có ý thức về chúng, biến đổi bắt đầu. Nhận biết là giả kim thuật; nhận biết là giả kim thuật của việc thay đổi chúng, của việc biến đổi chúng. Nếu một người trở nên nhận biết về ham muốn dục của mình với toàn bộ cảm giác của mình và toàn bộ hiểu biết của mình, thế thì brahmacharya sẽ bắt đầu sinh thành bên trong người đó ở vị trí của dục. Chừng nào mà một người còn chưa đạt tới brahmacharya trong thể thứ nhất của mình, vẫn còn khó khăn để làm việc với tiềm năng của các trung tâm khác.

Thể thứ hai, như tôi đã nói, là thể xúc động hay thể ê te. Thể thứ hai được nối với luân xa thứ hai, luân xa

svadhisthan. Luân xa này nữa cũng có hai khả năng. Về cơ bản, tiềm năng tự nhiên của nó là sợ hãi, căm ghét, giận dữ và bạo hành. Tất cả những điều này đều là những điều kiện thu được từ tiềm năng tự nhiên của luân xa *svadhisthan*. Nếu một người trì trệ tại thể thứ hai, thế thì những điều kiện đối lập trực tiếp của biến đổi - tình yêu, từ bi, dũng cảm, thân thiện - không xảy ra. Chướng ngại trên con đường của thiền nhân trong luân xa thứ hai là căm ghét, giận dữ và bạo hành, và vấn đề là việc biến đổi chúng.

Ở đây nữa cũng sai lầm bị phạm phải. Một người có thể trút giận dữ của mình ra; người khác có thể kìm nén giận dữ của mình. Một người có thể chỉ sợ hãi; người khác có thể kìm nén sợ hãi của mình và phô bày dũng cảm. Nhưng cả hai đều không dẫn tới biến đổi. Khi có sợ nó phải được chấp nhận; chẳng hữu dụng gì mà che giấu hay kìm nén nó. Nếu có bạo hành bên trong chẳng hữu dụng gì trong việc che đậy nó bằng khăn choàng bất bạo hành. Hô khẩu hiệu bất bạo hành sẽ không đem tới thay đổi trong trạng thái bạo hành bên trong. Nó vẫn còn bạo hành. Nó là điều kiện được tự nhiên trao cho chúng ta trong thể thứ hai. Nó có cái dụng của nó cũng như có nghĩa cho dục. Qua một mình dục các thể vật lý khác có thể cho việc sinh thành. Trước khi thể vật lý này sụp đổ, tự nhiên đã tạo ra thứ dự trữ cho việc sinh thành ra thể vật lý khác.

Sợ hãi, bạo hành, giận dữ, tất cả đều cần thiết trên bình diện thứ hai; bằng không, con người có thể không tồn tại được, không thể bảo vệ được bản thân mình. Sợ hãi bảo vệ người đó, giận dữ đưa người đó vào trong cuộc vật lộn chống lại người khác và bạo hành giúp cho người đó cứu bản thân mình khỏi bạo hành của người khác. Tất cả những điều này đều là phẩm chất của thể thứ hai và là

cần thiết cho sự sống còn, nhưng nói chung chúng ta dừng lại ở đây và không đi xa thêm. Nếu một người hiểu được bản chất của sợ hãi, người đó đạt tới vô sợ hãi, và nếu người đó hiểu bản chất của bạo hành, người đó đạt tới bất bạo hành. Tương tự, bằng hiểu biết giận dữ chúng ta phát triển phẩm chất bao dung.

Thực tế, giận dữ là một mặt của đồng tiền, bao dung là mặt kia. Chúng mặt nọ lẫn sau mặt kia - nhưng đồng tiền phải được lật lại. Nếu chúng ta đi tới biết hoàn toàn mặt này của đồng tiền, tự nhiên chúng ta trở nên tò mò muốn biết mặt bên kia là gì - và do vậy đồng tiền lật lại. Nếu chúng ta giấu đồng tiền và giả vờ chúng ta không sợ hãi, không bạo hành bên trong, chúng ta sẽ chẳng bao giờ có thể biết được bạo dạn và bất bạo hành. Người chấp nhận sự hiện diện của sợ hãi bên trong bản thân mình và người đã nghiên cứu nó tường tận sẽ sớm đạt tới chỗ người đó sẽ muốn tìm ra cái gì nằm đằng sau nỗi sợ. Tò mò của người đó sẽ động viên người đó nhìn sang phía bên kia của đồng tiền.

Khoảnh khắc người đó lật nó lên, người đó trở thành không sợ hãi. Tương tự, bạo hành sẽ biến thành từ bi. Đây là những tiềm năng của thể thứ hai. Do vậy, thiền nhân phải đem biến đổi vào trong những phẩm chất mà tự nhiên trao cho anh ta. Và với điều này không cần phải đi vòng hỏi người khác; người ta phải giữ việc tìm kiếm và hỏi bên trong bản thân mình. Tất cả chúng ta đều biết rằng giận dữ và sợ hãi là trở ngại - bởi vì làm sao kẻ hèn nhát có thể tìm kiếm được chân lý? Kẻ đó sẽ cầu xin chân lý; kẻ đó sẽ muốn rằng ai đó sẽ đem nó cho mình mà mình không phải đi vào mảnh đất chưa biết.

Thể thứ ba là thể vía. Thể này cũng có hai chiều. Về căn bản, thể thứ ba xoay quanh hoài nghi và suy nghĩ.

Nếu những điều này được biến đổi, hoài nghi trở thành tin cậy và suy nghĩ trở thành *vivek*, nhận biết. Nếu hoài nghi bị kìm nén bạn chẳng bao giờ đạt tới *shraddha*, tin cậy, mặc dầu chúng ta được khuyến khích kìm nén hoài nghi và tin vào điều ta nghe. Người kìm nén hoài nghi của mình chẳng bao giờ đạt tới tin cậy, bởi vì hoài nghi vẫn còn hiện diện bên trong mặc dầu bị kìm nén. Nó sẽ lên bên trong tựa như ổ ung thư và gặm nhấm sinh lực của bạn. Niềm tin được cấy vào vì nỗi sợ hoài nghi. Chúng ta sẽ phải hiểu phẩm chất của nghi ngờ, chúng ta sẽ phải sống nó và đi cùng nó. Thế thì rồi một ngày nào đó chúng ta sẽ đạt tới điểm mà tại đó chúng ta sẽ bắt đầu có hoài nghi về chính bản thân việc hoài nghi. Khoảnh khắc chúng ta bắt đầu hoài nghi bản thân việc hoài nghi, tin cậy bắt đầu.

Chúng ta không thể nào đạt tới sự sáng tỏ phân biệt mà không đi qua quá trình suy nghĩ. Có những người không nghĩ và những người cổ vũ họ không nghĩ. Họ nói, "Đừng nghĩ; vứt bỏ mọi ý nghĩ." Người chấm dứt việc suy nghĩ tự mình tiếp đất vào dốt nát và niềm tin mù quáng. Đây không phải là sáng tỏ. Quyền năng của việc phân biệt chỉ có được sau khi đã trải qua phần lớn các quá trình suy nghĩ tinh tế nhất. Đây là ý nghĩa của *vivek*, phân biệt? Hoài nghi bao giờ cũng hiện diện trong ý nghĩ. Nó bao giờ cũng lưỡng lự. Do đó, những người nghĩ rất nhiều chẳng bao giờ đi tới quyết định. Chỉ khi họ bước ra khỏi bánh xe của ý nghĩ họ mới có thể quyết định. Quyết định tới từ trạng thái sáng tỏ ở bên ngoài ý nghĩ.

Ý nghĩ không có mối nối nào với quyết định. Người bao giờ cũng mê mải trong ý nghĩ chẳng bao giờ đạt tới quyết định. Đó là lý do tại sao điều thường xảy ra là những người có cuộc sống ít bị ý nghĩ chi phối rất quyết đoán, trong khi những người nghĩ rất nhiều lại thiếu quyết tâm. Có nguy hiểm trong cả hai loại người này. Những

người không nghĩ cứ xông lên và làm bất kì cái gì họ quyết tâm làm, bởi lí do đơn giản là họ không có quá trình suy nghĩ để tạo ra hoài nghi bên trong.

Người giáo điều và người cuồng tín trên thế giới là những người rất tích cực và hăng hái; với họ không có vấn đề về hoài nghi - họ chẳng bao giờ suy nghĩ! Nếu họ cảm thấy rằng cõi trời được đặt tới bằng việc giết một nghìn người, họ sẽ dừng lại chỉ sau khi đã giết một nghìn người và không dừng lại trước lúc đó. Họ chưa bao giờ dừng để suy nghĩ về điều họ đang làm cho nên chẳng bao giờ có lương lự về phần họ. Một người hay nghĩ, ngược lại, sẽ cứ suy nghĩ mãi thay vì ra bất kì quyết định nào.

Nếu chúng ta đóng cánh cửa của mình đối với nỗi sợ ý nghĩ, chúng ta sẽ bị bỏ lại chỉ với những niềm tin mù quáng. Điều này là rất nguy hiểm và là chướng ngại lớn trên con đường của thiền nhân. Điều được cần tới là có suy xét khôn ngoan với đôi mắt mở to và các ý nghĩ rõ ràng, quả quyết, và điều đó cho phép chúng ta ra quyết định. Đây là ý nghĩa của vivek: sáng tỏ, nhận biết. Nó có nghĩa là sức mạnh suy nghĩ là hoàn chỉnh. Nó có nghĩa chúng ta đã trải qua các ý nghĩ chi tiết đến mức tất cả các hoài nghi đều bị xoá sạch. Bây giờ chỉ còn lại quyết định thuần khiết trong bản chất của nó.

Luân xa liên quan tới thể thứ ba là *manipur*. Hoài nghi và tin cậy là hai dạng của nó. Khi hoài nghi được biến đổi tin cậy là kết quả. Nhưng nhớ lấy, tin cậy không phải là đối lập hay mâu thuẫn với hoài nghi. Tin cậy là sự phát triển thuần khiết nhất và tối thượng nhất của nó. Nó là cực điểm tối thượng của hoài nghi, nơi mà ngay cả hoài nghi cũng trở nên bị mất đi bởi vì ở đây hoài nghi bắt đầu hoài nghi bản thân nó và theo cách này nó tự tử. Thế thì tin cậy được sinh ra.

Bình diện thứ tư là thể trí hay hồn và luân xa thứ tư, *anahat*, được nối với thể thứ tư. Phẩm chất tự nhiên của bình diện này là tưởng tượng và mơ. Đây là điều mà tâm trí bao giờ cũng làm: tưởng tượng và mơ. Nó mơ trong đêm và ban ngày nó mơ ngày. Nếu tưởng tượng được phát triển đầy đủ, tức là nói nếu nó được phát triển tới hết cỡ của nó, theo một cách đầy đủ, nó trở thành quyết tâm, ý chí. Nếu mơ phát triển đầy đủ, nó được biến đổi thành linh ảnh - linh ảnh hồn. Nếu khả năng mơ của con người được phát triển đầy đủ, người đó chỉ cần nhắm mắt và người đó có thể thấy mọi thứ. Thế thì người đó thấy được thậm chí xuyên qua tường. Ban đầu người đó chỉ mơ thấy bên ngoài bức tường; về sau người đó thực tế thấy bên ngoài nó. Bây giờ người đó chỉ có thể đoán điều bạn đang nghĩ, nhưng sau biến đổi người đó *thấy* điều bạn nghĩ. Linh ảnh nghĩa là thấy và nghe những cái mà không dùng giác quan thông thường. Các giới hạn về thời gian và không gian không còn nữa đối với người phát triển linh ảnh.

Trong mơ bạn du hành nơi xa. Nếu bạn đang ở Bombay, bạn tới Calcutta. Trong linh ảnh bạn cũng có thể du hành khoảng cách xa, nhưng sẽ có khác biệt: trong mơ bạn tưởng tượng bạn đã đi, trong khi trong linh ảnh bạn thực đi. Thể hồn, thứ tư thực tại có thể hiện diện ở đó. Vì chúng ta không có ý tưởng nào về khả năng tối thượng của thể thứ tư này, chúng ta đã bỏ qua khái niệm cổ đại về mơ trong thế giới ngày nay. Kinh nghiệm cổ đại là ở chỗ trong mơ một trong các thể của con người thoát ra khỏi người đó và tiến hành cuộc hành trình.

Có một người, Swedenborg, được mọi người coi là một tay mơ. Ông ấy hay nói về cõi trời và địa ngục và rằng chúng chỉ có thể tồn tại trong mơ. Nhưng một buổi chiều, khi ông ấy thiếp đi, ông ấy bắt đầu kêu to: "Cháy!

Cháy! Nhà tôi cháy rồi." Mọi người xô đến, nhưng không có đám cháy nào ở đó. Mọi người đánh thức ông ấy dậy để đảm bảo cho ông ấy là đây chỉ là mơ và không có nguy hiểm gì về cháy cả. Tuy nhiên ông ấy cứ khẳng định rằng nhà ông ấy bị cháy. Nhà ông ấy ở cách xa gần năm trăm ki lô mét và nó bị bốc cháy vào thời điểm đó. Vào ngày thứ hai hay thứ ba, tin về thảm họa này mới tới. Nhà ông bị cháy thành tro, và nó thực cháy khi ông ấy kêu lên trong giấc ngủ. Bây giờ điều này không còn là mơ nữa mà là linh ảnh. Khoảng cách năm trăm ki lô mét không còn đó nữa. Con người này đã chứng kiến điều đã xảy ra cách xa năm trăm ki lô mét.

Bây giờ các nhà khoa học cũng thừa nhận rằng những khả năng hồn lớn lao của thể thứ tư. Bởi vì con người bây giờ đã bước ra không gian, cho nên nghiên cứu theo hướng này đã trở thành quan trọng hơn. Sự kiện vẫn còn lại là cho dù các máy móc con người đang dùng có tin cậy đến đâu đi chăng nữa, vẫn không thể nào dựa cậy vào chúng hoàn toàn được. Nếu liên lạc radio trong con tàu không gian bị dừng hoạt động, các nhà du hành vũ trụ sẽ mất tiếp xúc với thế giới vào mọi lúc. Họ sẽ không thể nào báo cho chúng ta họ đang ở đâu hay điều gì đã xảy ra với họ. Cho nên các nhà khoa học ngày nay rất sinh phát triển viễn cảm và linh ảnh của thể hồn để vượt qua rủi ro này. Nếu nhà du hành vũ trụ có khả năng liên lạc trực tiếp bằng quyền năng của viễn cảm, đó sẽ là một phần của việc phát triển thể thứ tư. Thế thì việc du hành không gian có thể an toàn. Rất nhiều công trình đã được tiến hành theo hướng này.

Ba mươi năm trước đây một người khởi hành thám hiểm Bắc cực. Ông ấy được trang bị với tất cả những gì cần thiết cho liên lạc không dây. Một sự thu xếp thêm cũng đã được thực hiện mà cho tới nay vẫn còn chưa

được biết tới. Một người lên đồng có khả năng thể thứ tư đang vận hành cũng đã được làm thành người nhận để nhận việc truyền tin từ người thám hiểm. Điều đáng ngạc nhiên nhất là ở chỗ khi thời tiết xấu, các thiết bị không dây không làm việc, nhưng người lên đồng này vẫn nhận được tin tức mà không khó khăn gì. Khi so sánh các nhật kí về sau người ta mới thấy rằng tám mươi đến chín mươi phần trăm thời gian tín hiệu được nhận bởi người lên đồng này là đúng, trong khi các tin tức truyền qua ra dio, không sẵn có trong hơn bảy mươi hai phần trăm thời gian, bởi vì có nhiều lần bị đứt đoạn. Bây giờ Nga và Mỹ cả hai nước này đều rất hăng hái, và rất nhiều công việc đang được tiến hành trong lĩnh vực viễn cảm, thiên nhãn, qua việc phóng chiếu và qua việc đọc. Tất cả những điều này đều là khả năng của thể thứ tư. Mơ là phẩm chất tự nhiên của nó; thấy chân lí, thấy cái thực, là khả năng tối thượng của nó. Anahat là luân xa của thể thứ tư này.

Luân xa thứ năm là *vishuddhi*. Nó nằm ở cổ họng. Thể thứ năm là thể tâm linh. Luân xa *vishuddhi* được nối với thể tâm linh. Bốn thể đầu và luân xa của chúng đều được chia làm đôi. Nhị nguyên chấm dứt với thể thứ năm.

Như tôi đã nói trước đây, khác biệt giữa nam và nữ kéo dài cho tới thể thứ tư; sau đó nó chấm dứt. Nếu ta quan sát thật kĩ, tất cả các nhị nguyên đều thuộc về nam hay nữ. Khi khoảng cách giữa nam và nữ không còn nữa, tại đúng điểm đó tất cả nhị nguyên đều dừng lại. Thể thứ năm là bất nhị. Nó không có hai khả năng mà chỉ có một.

Đây là lí do tại sao không có nhiều nỗ lực cho thiên nhãn để thực hiện: bởi vì tại đây không có gì mâu thuẫn để phát triển; tại đây người ta chỉ phải đi vào. Vào lúc chúng ta đạt tới thể thứ tư, chúng ta phát triển nhiều khả năng và sức mạnh đến mức rất dễ dàng đi vào thể thứ

năm. Trong trường hợp đó làm sao chúng ta có thể biết được sự phân biệt giữa người đã đi vào thể thứ năm và người chưa đi vào? Khác biệt sẽ là ở chỗ người đã đi vào thể thứ năm, hoàn toàn loại bỏ mọi vô ý thức. Người đó thực tế sẽ không ngủ ban đêm. Tức là, người đó ngủ nhưng chỉ một mình thân thể người đó ngủ thôi; ai đó bên trong tỉnh thức mãi mãi. Nếu người đó trở mình trong giấc ngủ, người đó biết điều đó; nếu người đó không trở mình trong giấc ngủ, người đó cũng biết điều đó. Nếu người đó đắp chăn, người đó biết điều đó; nếu người đó không đắp chăn thì người đó cũng biết điều đó. Nhận biết của người đó không bị giảm bớt trong giấc ngủ; người đó tỉnh thức cả hai mươi bốn giờ. Với người còn chưa đi vào thể thứ năm, trạng thái của người đó lại là đối lập lại. Trong giấc ngủ người đó ngủ, và trong những giờ tỉnh vẫn còn một tầng của người đó sẽ ngủ.

Mọi người dường như là làm việc. Khi bạn về nhà vào mọi tối, chiếc xe ô tô rẽ trái vào cổng nhà bạn; bạn đạp phanh khi bạn tiến tới hành lang. Bạn đừng ảo tưởng rằng bạn đang làm tất cả những điều này một cách có ý thức. Nó xảy ra một cách vô ý thức bởi một lực hoàn toàn thói quen. Chỉ trong những khoảnh khắc nào đó, những khoảnh khắc nguy hiểm lớn, chúng ta mới thực sự đi vào tỉnh táo. Khi nguy hiểm lớn đến mức không thể thiếu được tỉnh táo, chúng ta thức tỉnh. Chẳng hạn, nếu một người chĩa dao vào ngực bạn, bạn sẽ nhảy vào ý thức. Cái điểm dao chĩa trong khoảnh khắc đó đưa bạn thẳng vào thể thứ năm. Với ngoại lệ của những khoảnh khắc này trong cuộc sống của mình, chúng ta sống giống như người mộng du.

Vợ không thấy đúng khuôn mặt của chồng mà chồng cũng chẳng thấy khuôn mặt vợ. Nếu chồng cố gắng quán tưởng khuôn mặt vợ, anh ta sẽ không thể nào làm được

như vậy. Các đường nét khuôn mặt cô ấy sẽ bắt đầu lẩn đi và sẽ khó nói liệu đây là cùng khuôn mặt mà anh ta đã thấy trong ba mươi năm qua hay không. Bạn chưa bao giờ thấy được, bởi vì phải có người thức tỉnh bên trong bạn để thấy.

Người đang "thức tỉnh" dường như là thấy đầy nhưng thực tế người đó không thấy - bởi vì người đó đang ngủ bên trong, đang mơ, và mọi thứ cứ tiếp diễn trong trạng thái mơ này. Bạn giận dữ, thế rồi bạn nói, "Tôi không biết làm sao tôi phát cáu; tôi đâu có muốn thế." Bạn nói, "Tôi xin lỗi! Tôi không muốn thô lỗ, điều ấy buột ra khỏi mồm." Bạn hay dùng lời lẽ tục tĩu và chính bạn lại từ chối ý định dùng nó. Tội nhân bao giờ cũng nói, "Tôi không muốn giết người. Việc ấy xảy ra bất chấp tôi." Điều ấy chứng tỏ chúng ta như cái máy tự động. Chúng ta nói điều ta không muốn nói; chúng ta làm điều ta không muốn làm.

Mọi tối chúng ta nguyện sẽ dậy vào bốn giờ sáng. Nhưng khi bốn giờ sáng và chuông báo thức reo, chúng ta lại chuyển ý nói chẳng cần phải dậy sớm thế. Thế rồi bạn dậy vào lúc sáu giờ và tràn đầy hối hận vì đã ngủ quá. Thế rồi bạn lại thề giữ cùng lời nguyện như ngày hôm qua. Thật kì lạ rằng người quyết định một điều vào buổi tối và không giữ lời hứa vào buổi sáng! Thế thì điều người đó quyết định vào lúc bốn giờ sáng lại bị thay đổi so với trước vào lúc sáu giờ, và điều người đó quyết định lúc sáu giờ lại thay đổi rất lâu trước buổi tối, và ở khoảng giữa người đó thay đổi hàng nghìn lần. Những quyết định này, ý nghĩ này, tới chúng ta trong trạng thái ngủ. Chúng cũng tựa như giấc mơ vậy: chúng mở rộng và nở tựa như bong bóng. Không có người tỉnh thức đằng sau chúng - không ai tỉnh táo và có ý thức.

Cho nên ngủ là điều kiện bẩm sinh trước khi bắt đầu bình diện tâm linh. Con người là kẻ mộng du trước khi người đó đi vào thể thứ năm, và tại đó phẩm chất là thức tỉnh. Do đó, sau khi trưởng thành từ thể thứ tư chúng ta có thể gọi một cá nhân là *phật*, người thức tỉnh. Bây giờ một người như thế là thức tỉnh. Phật không phải là tên của Gautam Siddhartha mà là cái tên được đặt cho ông ấy sau khi ông ấy đạt tới bình diện thứ năm. Phật Gautama có nghĩa là Gautam người đã thức tỉnh. Tên ông ấy vẫn còn là Gautam, nhưng đây chỉ là cái tên của người ngủ cho nên dần dần nó bị bỏ đi và chỉ còn lại Phật.

Khác biệt này tới với việc đạt tới thể thứ năm. Trước khi chúng ta đi vào trong nó, bất kì điều gì chúng ta làm đều là hành động vô ý thức không thể tin cậy được. Khoảnh khắc này một người nguyện sẽ yêu đương và triu mến người yêu mình cả đời rồi đến khoảnh khắc tiếp người đó hoàn toàn có khả năng bóp chết cô ấy. Mỗi thông gia mà người đó hứa cho cả đời không kéo dài cho lắm. Con người đáng thương này không nên bị trách cứ. Đây là giá trị của lời hứa được đưa ra trong giấc ngủ? Trong mơ tôi có thể hứa, "Đây là mối quan hệ cả đời." Lời hứa này có giá trị gì? Vào buổi sáng tôi sẽ phủ nhận nó bởi vì đây chỉ là mơ.

Không thể tin cậy vào người đang ngủ được. Thế giới này của chúng ta hoàn toàn là thế giới của người ngủ; do đó, biết bao nhiêu là lẫn lộn, biết bao nhiêu là xung đột, biết bao nhiêu là tranh cãi, biết bao nhiêu là hỗn loạn. Tất cả nó đều là việc làm của những người đang ngủ.

Có một khác biệt quan trọng khác giữa người ngủ và người đã thức tỉnh mà chúng ta nên nhớ trong tâm. Người ngủ không biết mình là ai, cho nên người đó bao giờ cũng cố gắng chứng tỏ cho người khác rằng mình là thể này

hay mình là thể nọ. Đây là nỗ lực cả đời của người đó. Người đó cố gắng theo cả nghìn cách để chứng tỏ bản thân mình. Đôi khi người đó leo lên chiếc thang chính trị và tuyên bố, "Tôi là như thế và như thế." Đôi khi người đó xây nhà và trưng bày của cải của mình, hay người đó trèo lên núi và thể hiện sức mạnh của mình. Người đó cố gắng theo đủ mọi cách để chứng tỏ bản thân mình. Và trong tất cả những nỗ lực đó thực tế người đó không chú ý cố gắng tìm ra cho bản thân mình xem mình là ai. Người đó chẳng biết mình là ai cả.

Trước khi đi qua bình diện thứ tư chúng ta không thể nào tìm được câu trả lời. Thể thứ năm được gọi là thể tâm linh bởi vì tại đó bạn thu được câu trả lời cho việc truy tìm "Tôi là ai?" Việc nhắc tới cái 'tôi' dừng lại một lần cho mọi lần trên bình diện này; tuyên bố là ai đó đặc biệt tan biến ngay lập tức. Nếu bạn nói với người như vậy, "Anh là như vậy và như vậy," người đó sẽ cười. Tất cả mọi lời tuyên bố từ phía người đó bây giờ sẽ dừng lại, bởi vì bây giờ người đó biết. Không còn bất kì nhu cầu nào để chứng tỏ bản thân mình, bởi vì mình là ai bây giờ là sự kiện đã được chứng minh.

Những xung đột và vấn đề của cá nhân chấm dứt ở bình diện thứ năm. Nhưng bình diện này có những hiểm nguy của riêng nó. Bạn đã đi tới biết về bản thân mình, và việc biết này phức tạp và mãn nguyện đến mức bạn có thể muốn kết thúc cuộc hành trình của mình tại đây. Bạn có thể không cảm thấy cần phải tiếp tục nữa. Mỗi hiểm nguy mà đã có cho tới nay tất cả đều là đau đớn và đau khổ; bây giờ hiểm nguy bắt đầu là phức tạp. Bình diện thứ năm phức tạp đến độ bạn sẽ không còn đành lòng rời bỏ nó và đi thêm nữa. Do đó, những cá nhân đi vào bình diện này phải rất tinh táo về việc níu bám vào phức tạp để cho nó không cản trở người đó đi thêm nữa. Tại đây phức tạp là

tối cao và tại đỉnh vinh quang của nó; nó là trong chiều sâu sâu lắng nhất. Một biến đổi lớn tới bên trong cho người đã biết tới bản thân mình. Nhưng điều này không phải là tất cả; còn phải đi thêm nữa.

Sự kiện là ở chỗ thất vọng và đau khổ không cản trở con đường chúng ta nhiều như niềm vui. Phức lạc là rất cản trở. Việc rời bỏ đám đông và sự lẩn lộn của bãi chợ đã khó, nhưng còn một nghìn lần khó hơn nữa để rời bỏ âm nhạc dịu dàng của đàn *veena* trong đền. Đây là lí do tại sao nhiều thiên nhân dừng lại tại *atma gyan*, việc nhận ra cái ta, và không tiến lên *Brahma gyan*, kinh nghiệm về Brahman - thực tại vũ trụ.

Chúng ta sẽ phải tỉnh táo về phức lạc này. Nỗ lực của chúng ta ở đây phải là không bị mất hút trong phức lạc này. Phức lạc kéo chúng ta về bản thân nó; nó nhấn chìm chúng ta; chúng ta hội nhập vào nó hoàn toàn. Dừng trở nên bị hội nhập vào trong phức lạc. Biết rằng điều này nữa cũng là một kinh nghiệm. Sướng là một kinh nghiệm, khổ là một kinh nghiệm; phức lạc nữa cũng là một kinh nghiệm. Đứng ngoài nó, là nhân chứng. Chừng nào còn kinh nghiệm thì vẫn còn chướng ngại: điểm cuối tối thượng vẫn còn chưa đạt tới. Tại trạng thái tối thượng tất cả các kinh nghiệm chấm dứt. Niềm vui và nỗi buồn đi tới kết thúc, cả phức lạc cũng vậy. Tuy nhiên ngôn ngữ của chúng ta không vượt được ra ngoài điểm này. Đây là lí do tại sao chúng ta đã mô tả Thượng đế là *sat-chit-ananda* - chân lí-tâm thức-phức lạc. Đây không phải là dạng của cái ta tối thượng, nhưng đây là điều tối thượng mà lời có thể diễn tả được. Phức lạc là cách biểu diễn tối thượng của con người. Thực tế, lời không thể vượt ra ngoài bình diện thứ năm. Nhưng về bình diện thứ năm chúng ta có thể nói, "Phức lạc có đây; có thức tỉnh hoàn

hảo; có việc nhận ra cái ta ở đó." Tất cả điều này có thể được mô tả.

Do đó, sẽ không có bí ẩn về những người dừng lại tại bình diện thứ năm. Việc nói của họ sẽ có vẻ rất khoa học bởi vì thực tại của bí ẩn nằm bên ngoài bình diện này. Mọi thứ đều rất rõ ràng cho tới bình diện thứ năm. Tôi tin rằng khoa học chẳng chóng thì chầy sẽ hấp thu những tôn giáo lên tới thể thứ năm, bởi vì khoa học có khả năng đạt tới *atman*.

Khi người tìm kiếm lên đường, trên con đường này việc tìm kiếm của người đó chủ yếu là về phức lạc và không phải là chân lí. Bị thất vọng bởi đau khổ và bất ổn người này lên đường tìm kiếm phức lạc. Cho nên người tìm kiếm phức lạc, nhất định sẽ dừng lại tại bình diện thứ năm; do đó, tôi phải bảo bạn tìm kiếm không phải phức lạc mà là chân lí. Thế thì bạn sẽ không còn lại lâu ở đó.

Thế thì một câu hỏi nảy sinh: "Có *ananda*: điều này là tốt và tốt lành. Mình biết bản thân mình: điều này nữa cũng là tốt và tốt lành. Nhưng những điều này chỉ là lá và hoa. Gốc rễ ở đâu? Mình biết bản thân mình, mình là phức lạc - điều đó là tốt, nhưng mình phát sinh từ đâu? Gốc rễ mình ở đâu? Từ đâu mình tới đây? Đây là chiều sâu của sự tồn tại của mình? Từ đại dương nào có con sóng này mà mình nảy sinh ra?"

Nếu cuộc truy tìm của bạn là về chân lí bạn sẽ tiến tới thể thứ năm. Do đó ngay từ ban đầu, cuộc truy tìm của bạn nên là về chân lí chứ không phải là phức lạc; bằng không, cuộc hành trình của bạn tới bình diện thứ năm sẽ dễ dàng nhưng bạn sẽ dừng lại ở đó. Nếu việc truy tìm là về chân lí, không có vấn đề dừng lại ở đó.

Cho nên chương ngại lớn nhất trên bình diện thứ năm là niềm vui vô song mà chúng ta kinh nghiệm - và còn nhiều hơn thế bởi vì chúng ta tới từ một thế giới không có gì ngoài đau đớn, đau khổ, lo âu và căng thẳng. Thế thì, khi chúng ta đạt tới ngôi đền này của phúc lạc, có ham muốn tràn ngập để nhảy múa với cực lạc, được nhún chìm, được mất hút trong phúc lạc này. Đây không phải là chỗ để mất hút. Chỗ đó rồi sẽ tới, và thế thì bạn sẽ không phải làm mất bản thân mình; bạn sẽ đơn giản mất đi. Có khác biệt lớn lao giữa đánh mất bản thân mình và bị mất hút. Nói cách khác, bạn sẽ đạt tới chỗ mà cho dù bạn muốn bạn cũng không thể cứu được bản thân mình. Bạn sẽ thấy bản thân mình trở nên bị mất đi; không phương cứu chữa. Vậy mà ở đây tại thể thứ năm bạn cũng có thể làm mất bản thân mình. Nỗ lực của bạn, cố gắng của bạn, vẫn có tác dụng ở đây - và cho dù bản ngã đã chết thực sự ở bình diện thứ năm, nhưng cái-tôi-đây vẫn còn dai dẳng. Do đó cần phải hiểu khác biệt giữa bản ngã và cái-tôi-đây.

Bản ngã, cảm giác về 'tôi', sẽ chết, nhưng cảm giác về 'đây' vẫn chưa chết. Có hai điều trong "tôi đây," cái 'tôi' là bản ngã còn cái 'đây' là *asmita* - cảm giác về sự hiện hữu. Cho nên cái 'tôi' sẽ chết trên bình diện thứ năm, nhưng sự hiện hữu, cái 'đây', sẽ còn lại: tôi-đây sẽ còn lại. Đứng trên bình diện này, thiền nhân sẽ tuyên bố, "Có vô hạn linh hồn và từng linh hồn đều khác lẫn nhau và tách biệt nhau." Trên bình diện này thiền nhân sẽ kinh nghiệm sự tồn tại của vô hạn linh hồn, bởi vì người đó vẫn còn cảm thấy cái đây, cảm thấy sự hiện hữu mà làm cho người đó cảm thấy tách rời người khác. Nếu việc truy tìm chân lý hiểu thấu tâm trí, chương ngại của phúc lạc có thể bị vượt qua - bởi vì phúc lạc không dùng trở thành chán ngắt. Một giai điệu đơn độc có thể trở thành tẻ nhạt.

Bertrand Russel có lần đã nói đùa: "Tôi không bị hấp dẫn với giải thoát, bởi vì tôi nghe nói chẳng có gì ngoài phúc lạc ở đó. Một mình phúc lạc sẽ rất đơn điệu - phúc lạc và phúc lạc mà chẳng có gì khác cả. Nếu không có một dấu hiệu về bất hạnh - không lo âu, không căng thẳng trong nó - làm sao người ta có thể chịu đựng được phúc lạc như vậy?"

Bị mất hút trong phúc lạc là nguy hiểm của bình diện thứ năm. Nó rất khó vượt qua. Đôi khi phải mất nhiều lần sinh thành để làm như vậy. Bốn bước đầu không khó lắm để vượt qua, nhưng bước thứ năm là rất khó. Nhiều lần sinh thành có thể cần phải có để cho chán phúc lạc, để cho chán cái ta, để cho chán atman.

Cho nên truy tìm cho tới thể thứ năm vẫn là để gạt bỏ đau đớn, hận thù, bạo hành và ham muốn. Sau thể thứ năm việc tìm kiếm là để gạt bỏ cái ta. Cho nên có hai điều: thứ nhất là tự do khỏi *cái gì đó*; đây là một điều và nó được hoàn tất tại bình diện thứ năm. Điều thứ hai là tự do khỏi cái ta, và do vậy một thế giới hoàn toàn mới bắt đầu từ đây.

Thể thứ sáu là *Brahma sharira*, thể vũ trụ, và luân xa thứ sáu là luân xa *agya*. Tại đây không có nghị nguyên. Kinh nghiệm về phúc lạc trở nên mạnh mẽ ở bình diện thứ năm và kinh nghiệm về sự tồn tại, về hiện hữu, là ở bình diện thứ sáu. *Asmita* bây giờ sẽ bị mất - tôi đây. Cái tôi trong điều này bị mất tại bình diện thứ năm và cái đây sẽ ra đi ngay khi bạn siêu việt lên trên bình diện thứ năm. Cái có đây sẽ được cảm thấy; *tathata*, cái như thế sẽ được cảm thấy. Không đâu còn cái cảm giác về tôi hay đây; chỉ cái đang đó còn lại. Cho nên ở đây sẽ là sự cảm nhận về thực tại, về hiện hữu - cảm nhận về tâm thức. Nhưng ở đây tâm thức tự do với tôi; nó không còn là tâm thức của

tôi. Nó chỉ là tâm thức - không còn là sự tồn tại của tôi, mà chỉ là sự tồn tại.

Một số thiền nhân dừng lại sau khi đạt tới Brahma sharira, thể vũ trụ, bởi vì trạng thái của "Tôi là Brahman" đã tới - trạng thái của "Aham Brahmasmi," khi tôi không có đó mà chỉ có Brahman. Bây giờ cái gì có đây nữa để mà tìm kiếm? Cái gì phải được tìm? Chẳng gì còn lại để mà tìm kiếm cả. Bây giờ mọi thứ đều đã đạt tới. Brahman nghĩa là toàn bộ. Người đứng tại điểm này nói, "Brahman là chân lí tối thượng, Brahman là thực tại vũ trụ. Chẳng có gì vượt ra ngoài nữa."

Có thể dừng lại ở đây, và người tìm kiếm quả có dừng lại tại giai đoạn này hàng triệu lần sinh thành, bởi vì dường như là chẳng còn gì phía trước nữa. Cho nên Brahma gyani, người đã đạt tới việc nhận ra Brahman, sẽ bị mắc kẹt ở đây; người đó sẽ không đi thêm nữa. Điều này khó khăn thế để vượt qua vì chẳng có gì để vượt qua cả. Mọi thứ đều đã được bao quát. Người ta không cần một không gian để đi vào sao? Nếu tôi muốn đi ra ngoài căn phòng này phải có chỗ nào đó khác để đi chứ. Nhưng căn phòng bây giờ đã trở nên khổng lồ, vô thủy vô chung, vô hạn, vô biên tới mức chẳng có đâu mà đi cả. Cho nên chúng ta sẽ đi tìm kiếm ở đâu? Chẳng cái gì còn lại để được tìm kiếm; mọi thứ đều đã được bao quát cả rồi. Cho nên cuộc hành trình có thể dừng lại tại giai đoạn này cho vô hạn lần sinh thành.

Cho nên Brahman là chương ngại tối thượng - rào chắn cuối cùng trong cuộc truy tìm tối thượng của người tìm kiếm. Bây giờ chỉ hiện hữu là còn lại, nhưng vô hiện hữu, vẫn còn phải được hiểu. Hiện hữu, cái đây, đã được biết tới, nhưng vô hiện hữu vẫn còn cần được nhận ra - cái không có vẫn còn phải được biết. Do đó, bình diện thứ

bảy là *nirvana kaya*, thể niết bàn, và luân xa của nó là *sahasrar*. Chẳng điều gì có thể nói được liên quan tới luân xa này. Chúng ta chỉ có thể tiếp tục nói nhiều nhất cho tới bình diện thứ sáu - và điều đó nữa cũng là rất khó khăn rồi. Phần lớn trong đó đều sẽ trở thành sai.

Cho tới thể thứ năm, việc tìm kiếm diễn ra bên trong phương pháp rất khoa học; mọi thứ đều có thể được giải thích. Tại bình diện thứ sáu chân trời bắt đầu mờ nhạt đi; mọi thứ dường như vô nghĩa. Hướng dẫn vẫn có thể được cho nhưng chung cuộc ngón tay chỉ cũng mất và hướng dẫn cũng không còn nữa bởi vì sự hiện hữu riêng của người ta bị xoá bỏ. Cho nên Brahman, hiện hữu tuyệt đối, được biết tới từ thể thứ sáu và luân xa thứ sáu.

Do đó những người tìm kiếm Brahman sẽ thiền về luân xa agya nằm ở giữa hai con mắt. Luân xa này được nối với thể vũ trụ. Những người làm việc hoàn toàn trên luân xa này sẽ bắt đầu nhớ tới sự mở rộng vô hạn bao la mà họ chứng kiến con mắt thứ ba. Đây là con mắt thứ ba mà từ đó bây giờ họ có thể xem vũ trụ, cái vô hạn.

Một cuộc hành trình nữa vẫn còn lại - cuộc hành trình vào vô hiện hữu, vô tồn tại. Sự tồn tại chỉ mới là một nửa câu chuyện: còn có cả vô tồn tại. Ánh sáng có, nhưng phía bên kia có bóng tối. Cuộc sống là một phần, nhưng cũng có cái chết. Do đó, cũng cần biết cái vô tồn tại còn lại, cái hư không, vì chân lí tối thượng chỉ có thể được biết khi đã biết cả hai được biết - sự tồn tại và sự vô tồn tại. Hiện hữu được biết trong tính toàn bộ của nó và vô hiện hữu cũng được biết trong tính toàn bộ của nó: thế thì việc biết là đầy đủ. Sự tồn tại được biết trong tính toàn bộ và sự vô tồn tại cũng được biết trong tính toàn bộ của nó: thế thì chúng ta biết cái toàn thể; bằng không kinh nghiệm của chúng ta là không đầy đủ. Có bất hoàn hảo trong

brahma gyan, mà đó là việc không thể nào biết được cái vô hiện hữu. Do đó, brahma gyani phủ nhận rằng có những điều như vô tồn tại và gọi nó là ảo tưởng. Người đó nói rằng nó không tồn tại. Người đó nói rằng hiện hữu là chân lí còn không hiện hữu là giả dối. Đơn giản không có điều như vậy, cho nên vấn đề biết nó không nảy sinh.

Nirvana kaya, thể niết bàn, có nghĩa là *shunya kaya*, cái hư không mà từ đó chúng ta nhảy từ hiện hữu vào vô hiện hữu. Trong thể vũ trụ cái gì đó vẫn còn chưa được biết tới. Cái đó nữa cũng phải được biết - không hiện hữu là gì, cái gì còn phải bị xoá sạch. Do đó, bình diện thứ bảy theo một nghĩa nào đó là cái chết tối hậu. Niết bàn, như tôi đã nói với các bạn trước đây, nghĩa là sự tắt ngấm của ngọn lửa. Cái mà đã là tôi tắt ngấm rồi; cái đã là đây tắt ngấm rồi. Nhưng bây giờ chúng ta lại đi vào hiện hữu bởi việc là một với tất cả. Bây giờ chúng ta là Brahman, và điều này nữa sẽ phải bỏ đi. Người mà sẵn sàng lấy cú nhảy cuối cùng, biết cả sự tồn tại và cả sự vô tồn tại.

Cho nên có bầy thể và bầy luân xa, và bên trong chúng có tất cả các phương tiện cũng như rào chắn. Không có rào chắn nào ở bên ngoài. Do đó, không có nhiều lí do để mà tìm kiếm ở bên ngoài. Nếu bạn đã đi hỏi ai đó hay hiểu từ ai đó, thế thì đừng xin xỏ. Hiểu là một chuyện, xin xỏ là chuyện khác. Tìm kiếm của bạn bao giờ cũng nên tiếp tục. Bất kì cái gì bạn đã nghe và hiểu cũng nên được làm thành việc tìm kiếm của bạn. Đừng làm nó thành niềm tin bằng không nó sẽ thành xin xỏ.

Bạn hỏi tôi điều gì đó; tôi trao cho bạn câu trả lời. Nếu bạn tới xin của bồ thí, bạn sẽ đặt câu trả lời này vào túi và cất nó đi như kho báu của mình. Thế thì bạn không phải là thiện nhân mà là kẻ ăn xin. Không, điều tôi nói

với bạn nên trở thành cuộc truy tìm của bạn. Nó nên làm tăng tốc việc tìm kiếm của bạn; nó nên kích thích và động viên tính tò mò của bạn. Nó nên đẩy bạn vào khó khăn lớn, làm cho bạn bất ổn hơn và nêu ra những câu hỏi mới trong bạn, những chiều hướng mới, để cho bạn sẽ khởi hành một con đường khám phá mới. Thế thì bạn đã không lấy của bồ thí từ tôi, thế thì bạn đã hiểu điều tôi nói. Và nếu điều này giúp cho bạn hiểu bản thân mình, thế thì đây không phải là xin xỏ.

Cho nên đi để biết và hiểu; đi để tìm kiếm. Bạn không phải là người tìm kiếm duy nhất; nhiều người khác cũng đang tìm kiếm. Nhiều người đã tìm kiếm, nhiều người đã đạt tới. Cố gắng để biết, để hiểu thấu, điều đã xảy ra cho những người như thế và cả những điều còn chưa xảy ra; cố gắng và hiểu tất cả những điều này. Nhưng trong khi hiểu điều này, đừng dừng việc cố gắng hiểu về cái ta riêng của bạn. Đừng nghĩ rằng việc hiểu người khác đã trở thành việc nhận ra *của bạn*. Đừng đặt niềm tin vào kinh nghiệm của họ; đừng tin mù quáng vào họ. Thay vì thế chuyển mọi thứ thành đặt câu hỏi. Biến chúng thành câu hỏi chứ không phải là câu trả lời; thế thì cuộc hành trình của bạn sẽ tiếp tục. Thế thì nó sẽ không phải là việc xin xỏ: nó sẽ là cuộc truy tìm của bạn.

Chính việc tìm kiếm của bạn sẽ đưa bạn đến cái cuối cùng. Khi bạn thâm vào bên trong bản thân mình, bạn sẽ thấy hai phía của từng luân xa. Như tôi đã nói với các bạn, một phía do tự nhiên trao cho bạn và một phía bạn phải khám phá ra. Giận dữ được trao cho bạn; bao dung bạn phải tìm ra. Dục được trao cho bạn; vô dục (brahmacharya) bạn phải phát triển lấy. Giấc mơ bạn có; linh ảnh phải tiến triển ra.

Việc tìm kiếm của bạn về cái đối lập sẽ tiếp tục cho tới luân xa thứ tư. Từ luân xa thứ năm việc tìm kiếm của bạn sẽ bắt đầu cho cái không phân chia được, cho cái bất nhị. Cố gắng liên tục tìm kiếm cái khác với cái đã đến với bạn trong thể thứ năm. Khi bạn đạt tới phúc lạc, cố gắng tìm ra cái nằm bên ngoài phúc lạc. Tại bình diện thứ sáu bạn đạt tới Brahman, nhưng vẫn giữ việc tìm kiếm, "Cái gì có đó bên ngoài Brahman?" Thế thì một ngày nào đó bạn sẽ bước vào thể thứ bảy, nơi hiện hữu và vô hiện hữu, ánh sáng và bóng tối, sống và chết, đều cùng xuất hiện. Đó là đạt tới điều tối thượng... và không có phương tiện trao đổi gì trong trạng thái này.

Đây là lí do tại sao các kinh sách của chúng ta chấm dứt với thể thứ năm, hay nhiều nhất, cũng chỉ lên tới thể thứ sáu. Những người với thiên hướng tâm trí khoa học hoàn toàn không nói về cái gì ở sau thể thứ năm. Thực tại vũ trụ, vô biên và vô giới hạn, bắt đầu từ đây, nhưng các nhà huyền môn như người Sufi nói về những bình diện bên ngoài bình diện thứ năm. Rất khó để nói về những bình diện này bởi vì người ta phải tự mâu thuẫn với chính mình lặp đi lặp lại. Nếu bạn đọc qua văn bản của tất cả những điều mà một thầy Sufi nói, bạn sẽ nói con người này là điên. Đôi khi ông ấy nói điều này đôi khi nói điều gì đó khác. Ông ấy nói, "Có Thượng đế" và ông ấy cũng nói luôn, "Không có Thượng đế." Ông ấy nói, "Ta đã thấy ngài" và trong cùng nhịp thở đó ông ấy nói luôn, "Làm sao ông thấy ngài được? Ngài không phải là một vật mà mắt có thể thấy!" Những nhà huyền môn này hay đưa ra những câu hỏi mà bạn sẽ phải tự hỏi liệu ông ta có đang tự hỏi chính mình hay hỏi người khác.

Huyền môn bắt đầu với bình diện thứ sáu. Do đó, nơi không có huyền môn trong tôn giáo, biết rằng nó đã kết thúc ở thể thứ năm. Nhưng huyền môn cũng không phải

là giai đoạn cuối cùng. Cái tối thượng là hư không - cái không. Tôn giáo kết thúc với huyền môn sẽ kết thúc ở thể thứ sáu. Hư không là điều tối thượng, hư vô là điều tối thượng, bởi vì sau nó chẳng còn gì nữa để mà nói.

Cho nên việc tìm kiếm *advaita*, bất nhị, bắt đầu với thể thứ năm. Tất cả việc tìm kiếm về cái đối lập đều chấm dứt với thể thứ tư. Tất cả các rào chắn đều bên trong chúng ta và chúng là hữu dụng, bởi vì chính những chướng ngại này khi được biến đổi đều trở thành phương tiện của bạn để tiến tới.

Tảng đá nằm trên đường. Chừng nào bạn còn không hiểu, nó sẽ vẫn là chướng ngại cho bạn. Cái ngày bạn hiểu ra, nó sẽ trở thành chiếc thang cho bạn. Tảng đá nằm trên đường: chừng nào bạn chưa hiểu, bạn sẽ kêu to, "Tảng đá đang ngáng đường tôi. Làm sao tôi có thể đi lên được?" Khi bạn đã hiểu, bạn sẽ trèo qua tảng đá và tiến tới, cảm ơn tảng đá bằng những lời, "Bạn đã ban ân huệ cho tôi nhiều lắm vì sau khi trèo qua bạn tôi đã tìm thấy bản thân mình ở bình diện cao hơn. Bây giờ tôi đang tiến tới trên mức cao hơn. Bạn là phương tiện và tôi đã coi bạn như rào chắn," bạn sẽ nói thế. Con đường bị chặn bởi tảng đá cuội này. Điều gì sẽ xảy ra? Cứ trèo qua nó và sẽ biết. Theo cách này, vượt qua giận dữ đi; xuyên qua nó và đạt tới bao dung, cái ở mức độ khác. Xuyên qua dục và đạt tới brahmacharya cái ở bình diện hoàn toàn khác. Thế thì bạn sẽ cảm ơn dục và giận dữ vì là những hòn đá bước lên.

Mọi tảng đá trên con đường đều có thể là rào chắn cũng như người trung gian. Điều đó tùy thuộc hoàn toàn vào điều bạn làm với nó. Một điều là chắc chắn: Đừng tranh đấu với tảng đá, bởi vì thế thì bạn sẽ chỉ làm vỡ đầu mình và tảng đá sẽ không giúp ích gì. Nếu bạn tranh đấu

với tảng đá, tảng đá sẽ chắn đường bạn, vì bất kì nơi đâu chúng ta tranh đấu chúng ta dừng lại. Chúng ta phải dừng lại gần người hay vật mà chúng ta tranh đấu; chúng ta không thể nào tranh đấu từ một khoảng cách. Đó là lí do tại sao nếu ai đó tranh đấu với dục, người đó phải bị dính líu vào dục cũng nhiều như người khác mê say trong nó. Thực tế, nhiều lần người này đến gần dục hơn, bởi vì người say mê trong nó cũng có thể rút ra khỏi nó một ngày nào đó, có thể siêu việt lên trên nó. Nhưng người tranh đấu không thể rút ra khỏi nó được; người đó cứ đi lòng vòng mãi.

Nếu bạn tranh đấu với giận dữ, bạn sẽ trở nên giận dữ với bản thân mình. Toàn bộ nhân cách của bạn sẽ chất đầy với giận dữ và từng thớ thịt trong thân thể bạn sẽ rung động với nó. Bạn sẽ phát ra giận dữ tất cả xung quanh bạn. Những câu chuyện chúng ta đọc về các hiền nhân và thầy tu khổ hạnh như Durwasa rất giận dữ là có bởi vì họ đã tranh đấu với giận dữ; do vậy, họ chẳng thể nghĩ gì ngoài nguyên rửa. Nhân cách của người như thế biến thành lửa. Đây là những người đã tranh đấu với tảng đá và bây giờ đang trong khó khăn. Họ đã trở thành cái mà họ tranh đấu chống nó.

Bạn sẽ đọc về các tu sĩ khác mà các tiên nữ tinh tú trên trời giáng xuống và làm hư hỏng họ trong khoảnh khắc. Thật là kì lạ! Điều này chỉ có thể nếu một người đã tranh đấu với dục; không thể khác. Người đó đã tranh đấu và tranh đấu và do vậy làm yếu dần bản thân mình. Thế thì dục là an toàn trong chỗ riêng của nó; nó chỉ đợi cho người này bị suy sụp. Dục này bây giờ có thể bùng ra bất kì đâu. Hầu như không có khả năng một *apsara* thực tế từ trên trời xuống - chẳng lẽ những tiên nữ như thế lại hợp đồng để quấy nhiễu các tu sĩ và *munis*? Khi dục bị kìm nén bằng bàn tay nặng nề, người đàn bà thông thường

cũng trở thành tiên nữ tinh tú. Tâm trí phóng chiếu các mơ mộng vào ban đêm và ý nghĩ vào ban ngày và nó trở thành chất đầy với những ý nghĩ này. Thế thì một thứ mà không hấp dẫn chút nào lại trở thành quyến rũ.

Cho nên người tìm kiếm phải nhận biết về khuynh hướng tranh đấu. Người đó nên cố gắng tốt bụng để hiểu, và việc cố gắng để hiểu có ngụ ý là hiểu cái được tự nhiên trao cho người đó. Qua cái đã được trao cho bạn, bạn sẽ đạt tới cái còn cần đạt tới. Đây là điểm bắt đầu. Nếu bạn chạy khỏi cái chính là chỗ bắt đầu thì không thể nào đạt tới đích được. Nếu bạn chạy khỏi dục trong hoảng loạn, làm sao bạn đạt tới brahmacharya? Dục là lối mở do tự nhiên trao cho còn vô dục brahmacharya là việc truy tìm cần phải được tiến hành qua chính lối mở này. Nếu bạn thấy trong viễn cảnh này, không cần phải xin xỏ từ đâu cả; hiểu biết chính là cái được cần tới. Tất cả sự tồn tại đều có đó với mục đích cho hiểu biết. Học từ bất kì ai, nghe mọi người, và cuối cùng, hiểu cái ta riêng của mình từ bên trong.

Thầy đã làm sáng tỏ cho chúng tôi về bảy thể. Thầy có thể nói cho chúng tôi tên một số cá nhân - cổ đại hay hiện đại - người đã đạt tới thể niết bàn, thể vũ trụ hay thể tâm linh không?

Đừng bận tâm về điều này. Nó không phục vụ cho mục đích gì cả; nó là vô nghĩa. Cho dù tôi nói cho bạn, bạn cũng chẳng có phương tiện kiểm chứng nó. Nhiều nhất có thể được, tránh so sánh và đánh giá các cá nhân vì

nó chẳng phục vụ cho mục đích gì; nó không có nghĩa. Vứt mỗi bận tâm đó đi.

Người đã đạt tới thể thứ năm và các thể sau đó có lấy lại các thể vật lí sau khi chết không?

Có, điều đó đúng. Người đạt tới thể thứ năm hay thứ sáu trước khi chết, được tái sinh ở cõi trời cao nhất, và tại đó người đó sống ở bình diện của các deva (thần). Người đó có thể ở lại cõi này lâu tùy ý, nhưng để đạt tới niết bàn, người đó phải quay trở lại hình hài con người. Sau khi đạt tới thể thứ năm, không có việc sinh thành trong thể vật lí, nhưng vẫn có các thể khác. Thực tế, điều chúng ta gọi là deva hay thần có nghĩa là một loại thân đang tồn tại. Kiểu thân này tồn tại sau khi đạt tới thể thứ năm. Sau thể thứ sáu, ngay cả những thân này cũng sẽ không có. Thế thì chúng ta sẽ thu được dạng của cái ta gọi là *Ishwar*, sinh linh tối cao.

Nhưng tất cả những điều này vẫn là các thể. Kiểu nào là vấn đề phụ. Sau thể thứ bảy, không có thể nào nữa. Từ thể thứ năm trở đi các thể ngày càng trở nên tinh tế hơn cho tới khi chúng đạt tới trạng thái vô thể sau thể thứ bảy.

Trong một bài nói trước, Thầy đã nói Thầy thích shaktipat gần nhất với ân huệ - nếu nó được như thế là tốt hơn cả. Điều này có nghĩa là có khả năng tiến triển và phát triển dần dần trong quá trình shaktipat

không? Nói cách khác liệu có thể có quá trình lượng đổi trong shaktipat không?

Rất có thể có. Nhiều điều là có thể. Thực tế, khác biệt giữa shaktipat và ân huệ là lớn. Về nền tảng, chỉ ân huệ mới hữu dụng và không qua trung gian chính là sự thuần khiết nhất của nó, bởi vì sẽ không có ai ở giữa để làm cho nó thành không thuần khiết. Cũng hết như là khi tôi nhìn bạn trực tiếp bằng đôi mắt riêng của mình: hình ảnh của bạn sẽ rõ nét nhất. Thế rồi tôi đeo đôi kính vào: cái nhìn sẽ không còn thuần khiết nữa, bởi vì bây giờ vật trung gian đã len vào giữa. Bây giờ có thể có nhiều đa dạng về vật trung gian - thuần khiết, không thuần khiết. Đôi kính có thể có màu, đôi khác trong suốt, và chất lượng của bản thân thấu kính cũng sẽ thay đổi.

Cho nên khi chúng ta thu được ân huệ qua trung gian, nhất định có không thuần khiết và chúng là do người trung gian. Do đó, ân huệ thuần khiết nhất là ở chỗ nó được nhận trực tiếp khi không có trung gian. Bây giờ, chẳng hạn, nếu chúng ta có thể thấy mà không cần mắt, đây sẽ có nghĩa là cái nhìn thuần khiết hơn, bởi vì ngay cả mắt cũng là trung gian và nhất định gây ra cản trở nào đó. Ai đó có thể có mắt lác, ai đó có thể có thị lực yếu, ai đó có thể có trục trặc khác về mắt - cho nên đây là những khó khăn. Người có thị lực yếu sẽ thấy một cặp kính đặc biệt làm trung gian là rất có ích. Có lẽ nó có thể cho người đó cái nhìn rõ ràng hơn mắt nhìn không đeo kính, và do vậy kính sẽ trở thành một trung gian nữa. Bây giờ có hai trung gian, nhưng trung gian thứ hai bù thêm cho cái yếu của trung gian thứ nhất.

Theo đích xác cùng cách thức này ân huệ đạt tới một người thông qua người khác thu thập những thứ không

thuần khiết trên con đường. Bây giờ nếu những cái không thuần khiết này làm cho chúng có hiệu quả đảo ngược lại những cái không thuần khiết bên trong người tìm kiếm, cả hai sẽ bù trừ cho nhau. Thế thì điều sẽ xảy ra sẽ gần với ân huệ nhất. Nhưng điều này sẽ phải được quyết định tách biệt trong từng trường hợp.

Do đó, ưa thích của tôi là dành cho ân huệ trực tiếp. Đừng bận tâm về trung gian. Nếu đôi khi trong quá trình cuộc sống, thoáng nhìn có thể tới từ người trung gian nữa, nhưng người tìm kiếm không nên lo nghĩ hay lo âu về điều này. Đừng đi xin xỏ, bởi vì như tôi đã nói, thế thì người cho nhất định sẽ kéo đến. Thế thì trung gian càng đậm đặc, pha trộn càng có hiệu quả. Người cho phải là người không có ý thức về việc cho; thế thì shaktipat có thể là thuần khiết. Cho dù thế nó vẫn không phải là ân huệ. Bạn sẽ vẫn cần nhận được ân huệ trực tiếp không qua trung gian. Phải không có ai giữa bạn và và Thượng đế; phải không có ai giữa điều thiêng liêng và bạn. Và điều này bao giờ cũng nên có trong tâm trí bạn. Điều này nên là khao khát của bạn và điều này nên là việc tìm kiếm của bạn. Nhiều sự kiện sẽ xảy ra trên con đường, nhưng bạn không dừng lại ở đâu cả; đó là tất cả những điều được đòi hỏi ở bạn. Và bạn sẽ cảm thấy khác biệt. Nhất định có khác biệt về định tính cũng như định lượng, và lí do sẽ có nhiều.

Shaktipat có thể xảy ra qua người trung gian, người đã đạt tới thể thứ năm, nhưng nó sẽ không thuần khiết như nó có thể tới từ người ở thể thứ sáu, bởi vì asmita của người đó, cái có-đây của người đó vẫn còn không bị động tới. Cái tôi, đã chết, nhưng cái đây vẫn còn. Bây giờ cái đây này vẫn sẽ cảm thấy tự hài lòng. Trong người của thể thứ sáu cái đây cũng đã biến mất; chỉ còn lại Brahman. Thế thì shaktipat sẽ là thuần khiết. Vậy mà một số ảo

tưởng vẫn còn, bởi vì trạng thái vô hiện hữu vẫn còn chưa được đạt tới dù rằng trạng thái hiện hữu đã có. Việc hiện hữu này cũng là màn che rất tinh tế - rất mảnh mai, rất trong suốt; tất cả là như nhau, nó có đấy.

Cho nên shaktipat qua người ở thể thứ sáu sẽ tốt hơn cái đến qua người ở thể thứ năm, và sẽ rất gần với ân huệ trực tiếp. Tuy nhiên dù nó có thể gần, một hơi chút khoảng cách, dầu sao, cũng vẫn là khoảng cách. Và một thứ càng vô giá, khoảng cách dù nhỏ nhất cũng trở thành khoảng cách lớn. Cho nên điều vô giá là địa hạt của ân huệ mà ngay cả tấm màn che tinh tế nhất của hiện hữu cũng tỏ ra là rào chắn.

Bây giờ shaktipat thu được từ người đã đạt tới bình diện thứ bảy sẽ là thuần khiết nhất - nhưng dầu vậy nó vẫn không là ân huệ. Dạng thuần khiết nhất của shaktipat giáng xuống qua thể thứ bảy - thuần khiết nhất. Tại đây shaktipat sẽ đạt tới trạng thái tối thượng, bởi vì không có tấm màn chắn chùng nào có liên quan tới người trung gian: người đó là một với cái hư không. Nhưng chùng nào *bạn* còn có liên quan, còn có rào chắn. Bạn sẽ coi người đó như một người trong toàn bộ cuộc sống của mình; tấm màn của bạn sẽ gây ra rào chắn tối thượng. Người đó là một với cái hư không; người đó không có bất kì rào chắn nào - nhưng bạn sẽ nhìn người đó như một cá nhân.

Bây giờ giả sử tôi đạt tới bình diện thứ bảy: tôi sẽ biết rằng tôi đã đạt tới cái hư không, nhưng bạn thì sao? Bạn sẽ nhìn tôi như một người, và khái niệm này về một cá nhân sẽ trở thành tấm màn che cuối cùng. Bạn chỉ có thể gạt bỏ khái niệm này khi biến cố xuất hiện qua cái vô hình. Nói cách khác, thế thì bạn không thể nào chỉ ra được biến cố xảy ra từ đâu và như thế nào. Khi bạn không

thể nào tìm được cội nguồn, khái niệm này sẽ bị loại bỏ. Biến cố này phải là vô nguồn. Nếu tia nắng mặt trời tới, bạn sẽ nghĩ rằng mặt trời là người. Nhưng khi tia sáng tới từ không đâu cả, khi mưa rơi mà chẳng có đám mây nào, thế thì tấm màn che cuối cùng được tạo nên bởi việc nhân cách hoá sẽ sụp đổ.

Khi bạn tiếp tục khoảng cách sẽ trở nên ngày càng tinh tế, và biến cố cuối cùng của ân huệ sẽ xảy ra khi không có ai ở giữa. Chính ý nghĩ của bạn rằng có ai đó ở giữa là đủ thành rào chắn. Chừng nào có hai, còn có nhiều cản trở: *bạn* có đó và người khác có đó. Ngay cả khi người khác không còn nữa, *bạn* vẫn còn, và bởi vì bạn có đây nên sự hiện diện của người khác cũng được cảm thấy. Ân huệ sẽ giáng xuống không có nguồn gốc nào, không có bất kì góc gác ở đâu cả, sẽ là tốt nhất. Cá nhân bên trong bạn sẽ tuôn chảy đi trong ân huệ này, cái tới từ hư không. Nếu người khác hiện diện, người đó phục vụ cho mục đích cứu lấy tính cá nhân của bạn mặc cho sự kiện rằng người đó đang làm việc vì bạn.

Nếu bạn đi ra bãi biển, bạn sẽ kinh nghiệm an bình lớn hơn, nếu bạn đi vào rừng sâu, bạn sẽ kinh nghiệm an bình lớn hơn, bởi vì người khác không hiện diện ở đó và do vậy bạn vẫn còn vững chắc và mạnh mẽ. Nếu hai người ngồi trong một căn phòng, có sóng và phản sóng căng thẳng ở đó cho dù hai người có thể không đánh nhau hay không cãi nhau hay thậm chí không nói. Cho nên ngay cả khi họ im lặng, cái tôi của mỗi người vẫn thường xuyên hoạt động. Xâm lấn và đề phòng có đó trong độ hoạt động lớn nhất. Những điều này có thể tiếp tục một cách im lặng và chẳng cần đụng độ trực tiếp. Chỉ sự hiện diện của hai người và căn phòng tràn đầy căng thẳng.

Nếu bạn thu được tri thức đầy đủ về tất cả những luồng chảy phát xuất từ bạn, bạn sẽ thấy rõ ràng rằng căn phòng chứa hai người đã bị phân chia thành hai và mỗi cá nhân đã trở thành một trung tâm. Các rung động năng lượng từ cả hai đối diện nhau giống như hai đội quân trên chiến trường. Sự hiện diện của người khác làm mạnh thêm cho cái tôi của bạn. Khi người khác bỏ đi, căn phòng sẽ trở thành một chỗ khác. Bạn thanh thoi. Cái tôi đã cáu kỉnh sẽ tự buông bỏ mình. Nó bây giờ dựa lên nệm và nghỉ ngơi, nó bây giờ thờ tự do vì người khác không có đó. Do đó, ý nghĩa của đơn độc là thanh thoi cho bản ngã bạn và giúp nó buông bỏ. Chính bởi lí do này mà bạn thấy dễ chịu khi ở gần cây cối hơn là trong một toán người khác.

Đây là lí do tại sao, trong các nước mà căng thẳng giữa người và người đang trở nên ngày một sâu sắc hơn, người ta có khuynh hướng sống với con vật nuôi. Sống với vật nuôi dễ dàng hơn với con người, bởi vì chúng không có cái tôi. Bạn thắt vòng cổ cho con chó, và nó đi lững xững hạnh phúc. Chúng ta không thể thắt vòng cổ cho người theo cách này, mặc dầu chúng ta cố gắng lắm. Vợ thắt vòng cổ cho chồng, chồng thắt vòng cổ cho vợ, và cả hai cố gắng hạnh phúc - nhưng vòng cổ này là tinh tế và không thể nào thấy được một cách công khai. Vậy mà mỗi người đều cố gắng giữ vòng cổ ra và được tự do - nhưng con chó, bước đi hạnh phúc vẫy đuôi. Cho nên niềm vui mà con chó đem lại, không người nào có thể đem lại được, bởi vì người khác lập tức đem bản ngã của bạn vào sự chú ý của bạn, và thế là rắc rối bắt đầu.

Dần dần con người cố gắng phá vỡ mối quan hệ của mình với người khác và thiết lập mối quan hệ với đồ vật bởi vì chúng dễ giải quyết hơn. Cho nên số các đồ vật cứ tăng lên hàng ngày. Có nhiều đồ trong nhà hơn là người.

Mọi người đem tới mất trật tự và lẫn lộn; đồ đạc không làm bận tâm. Cái ghế vẫn còn ở chỗ tôi đặt nó. Nếu tôi ngồi lên nó, nó không gây rắc rối gì. Sự hiện diện của cây cối, dòng sông, núi non, không gây rắc rối; do đó chúng ta cảm thấy thoải mái ở gần chúng. Lí do chỉ là thế này: cái tôi không đứng với sức mạnh đầy đủ trước chúng ta; do đó, chúng ta cũng cảm thấy được thanh thoi. Khi người khác không có đó, cần gì có cái tôi? Thế thì cái tôi nữa cũng không có. Nhưng hơi chút ý niệm mơ hồ về người khác thôi, và cái tôi nhảy vào chú ý. Nó lo nghĩ về an ninh của nó, về việc thiếu thông tin của nó như khoảnh khắc tiếp có thể đem tới cái gì; do đó, nó phải sẵn sàng mọi lúc.

Bản ngã bao giờ cũng còn tinh táo cho tới khoảnh khắc cuối cùng. Ngay cả khi bạn gặp một người ở bình diện thứ bảy, bản ngã cũng tinh táo. Đôi khi nó trở nên tinh táo quá mức trước một người như vậy. Bạn không sợ người thường mấy đâu, bởi vì cho dù người đó làm bạn tổn thương, vết thương cũng không sâu lắm. Nhưng người đã đạt tới thể thứ năm hay bên ngoài thể thứ năm, có thể gây ra cuộc phẫu thuật sâu trong thể của bạn ở mức người đó đã đạt tới. Do vậy sợ của bạn trở nên nhiều hơn, bởi vì "Trời biết ông ấy có thể làm gì." Bạn bắt đầu cảm thấy cái gì đó chưa biết dường như các lực không quen thuộc đang quan sát bạn qua người đó, cho nên bạn trở nên thận trọng. Bạn thấy vực thẳm khắp quanh người đó. Bạn trở nên tinh táo và cảnh giác. Bạn bắt đầu cảm thấy kinh nghiệm về thung lũng sâu, và bạn bị nỗi sợ bắt giữ rằng nếu bạn đi vào trong người đó, bạn sẽ rơi vào trong vực thẳm này.

Đó là lí do tại sao khi những người như Jesus, Krishna và Socrates được sinh ra, chúng ta giết họ: chính sự hiện diện của họ gây ra lẫn lộn lớn trong chúng ta. Đi

gần họ là đi có chủ tâm gần nguy hiểm. Thế rồi khi họ chết chúng ta tôn thờ họ bởi vì bây giờ không có sợ nữa. Bây giờ chúng ta có thể đúc ảnh họ bằng vàng và đứng chấp tay trước họ, gọi họ là sư phụ kính yêu của chúng ta. Nhưng trong thời họ còn sống, chúng ta đối xử với họ khác. Thế thì chúng ta rất sợ họ và sợ này là về điều chúng ta cũng chẳng biết: bạn không biết chắc vấn đề là gì. Người càng đi sâu vào bên trong bản thân mình, người đó càng trở thành giống như vực thẳm với chúng ta. Thế thì điều đó cũng giống hết như ai đó sợ nhìn xuống thung lũng bởi vì nó làm cho người đó chóng mặt. Tương tự vậy, nhìn vào mắt người như thế cũng sẽ tạo ra sợ hãi: chúng ta chắc chắn chóng mặt.

Có một câu chuyện hay về Moses. Sau khi Hazrat Moses có linh ảnh về Thượng đế, ông ấy chẳng bao giờ để khuôn mặt mình lộ trần ra nữa. Cả đời mình, ông ấy đều đi với tấm mạng che mặt, bởi vì nhìn vào khuôn mặt ông ấy trở thành nguy hiểm. Bất kì ai làm như vậy đều phải chạy trốn. Có vực thẳm vô hạn trong mắt ông ấy. Cho nên Moses đi lại đều với mặt được che kín bởi vì mọi người sợ đôi mắt ông. Mắt ông dường như kéo họ lại như nam châm tới vực thẳm chưa biết đó ở bên trong. Họ trở nên sợ hãi bởi vì họ không biết đôi mắt ông ấy sẽ lôi họ đi đâu và điều gì sẽ xảy ra với họ.

Người đã đạt tới bình diện thứ bảy và bình diện cuối cũng vẫn tồn tại chừng nào còn liên quan tới bạn, nhưng bạn, sẽ cố gắng để bảo vệ bản thân mình khỏi người đó và rào chắn sẽ còn lại ở giữa. Do đó, shaktipat trong trường hợp này cũng không thể là thuần khiết. Nó có thể thuần khiết nếu bạn vứt bỏ ý nghĩ về một sinh linh như vậy là người - nhưng điều này chỉ có thể xảy ra khi cái tôi của bạn mất đi. Khi bạn đạt tới trạng thái mà bạn hoàn toàn không biết gì về bản ngã, bạn sẽ có thể thu được shaktipat

từ bất kì đâu, bởi vì thế thì không có vấn đề về việc nó tới từ bất kì ai; nó sẽ trở thành vô nguồn gốc, nó sẽ trở thành ân huệ.

Đám đông càng lớn, bản ngã của bạn càng cô đặc và cứng rắn hơn. Do đó, từ lâu đã có việc thực hành thoát khỏi đám đông và cố gắng vứt bỏ bản ngã trong đơn độc. Nhưng con người thật kì lạ: nếu người đó ngồi dưới gốc cây lâu, người đó sẽ bắt đầu nói về điều đó và đề cập tới điều đó như 'bạn'. Nếu người đó ngồi gần đại dương, người đó cũng làm hết như thế. Cái 'tôi' trong chúng ta sẽ làm bất kì cái gì có thể để giữ cho nó còn sống. Nó sẽ tạo ra người khác không thành vấn đề bạn đi đến đâu, và nó sẽ thiết lập mối quan hệ tình cảm ngay cả với những vật vô tri và sẽ bắt đầu nhìn chúng như các cá nhân.

Khi một người tiến tới giai đoạn cuối, người đó làm Thượng đế thành người khác để cho người đó có thể cứu cái 'tôi' của mình. Do đó, người sùng kính bao giờ cũng nói, "Làm sao chúng tôi có thể là một với Thượng đế được? Ngài là ngài và chúng tôi là chúng tôi. Chúng tôi ở dưới chân ngài, và ngài là Thượng đế." Người sùng kính chẳng nói gì khác hơn điều này, rằng nếu bạn muốn là một với ngài, bạn sẽ phải làm mất bản ngã của mình. Cho nên người đó giữ Thượng đế ở một khoảng cách và người đó bắt đầu hợp lí hoá. Người đó nói, "Làm sao chúng ta có thể là một với ngài được? Ngài vĩ đại, ngài là tuyệt đối. Chúng ta là những kẻ bị ruồng bỏ bất hạnh cho nên làm sao chúng ta có thể là một với ngài được?" Người sùng kính đang cứu cái 'ngươi' để cứu cái 'tôi' của mình. Do đó, *bhakta*, người sùng kính, chưa bao giờ vươn lên trên bình diện thứ tư. Người đó thậm chí không lên tới bình diện thứ năm: người đó mắc kẹt tại bình diện thứ tư. Thay vì tưởng tượng, trên bình diện thứ tư linh ảnh tới với người đó. Người đó phát hiện ra tất cả những khả

năng tốt nhất của thể thứ tư. Biết bao nhiêu biến cố xảy ra trong cuộc đời người sùng kính, mà là điều huyền bí, nhưng *bhakta* vẫn cứ còn ở bình diện thứ tư như cũ.

Atma sadhak - người đi tìm cái ta - *hatha yogi* - nhà yoga theo khổ hạnh - và nhiều người trải qua các thực hành tương tự, đạt tới bình diện thứ năm là nhiều nhất. Ham muốn bản chất của *sadhak* là đạt tới phúc lạc, đạt tới giải thoát và tự do khỏi đau khổ. Đằng sau tất cả những ham muốn này có cái 'tôi': người đó nói, "Tôi muốn giải thoát" - không phải là giải thoát *khỏi* cái tôi, mà là giải thoát *của* cái tôi. Người đó nói, "Tôi muốn được tự do, tôi muốn phúc lớn." Cái tôi của người đó vẫn cô đặc, cho nên người đó chỉ đạt tới bình diện thứ năm.

Raja yogi có thể đạt tới bình diện thứ sáu. Người này nói, "Có gì trong cái 'tôi'? Tôi là cái không; một mình ngài hiện hữu - không phải tôi, nhưng ngài, Brahman, là mọi thứ." Người đó sẵn sàng đánh mất bản ngã nhưng người đó không được chuẩn bị để mất sự hiện hữu của mình. Người đó nói, "Tôi sẽ còn là một phần của Brahman; tôi là một với ngài. Tôi là Brahman. Tôi sẽ buông bỏ bản thân mình, nhưng bản thể bên trong của tôi sẽ còn được hội nhập trong ngài." Người tìm kiếm như vậy có thể đi lên tới thể thứ sáu.

Một thiên nhân như Phật, đạt tới bình diện thứ bảy bởi vì người đó sẵn sàng vứt bỏ tất cả - ngay cả Brahman. Người đó sẵn sàng đánh mất bản thân mình và đánh mất mọi thứ. Người đó nói, "Cứ để cái hiện hữu còn lại. Về phần mình, tôi không ham muốn cái gì còn lại cả: tôi sẵn sàng đánh mất tất cả mọi cái của tôi." Người đã chuẩn bị mất mọi thứ có quyền thu được tất cả.

Thể niết bàn chỉ được đạt tới khi chúng ta được chuẩn bị trở thành cái không. Thế thì có sự sẵn sàng để biết

ngay cả cái chết. Để biết cuộc sống, nhiều người đã sẵn sàng. Do đó, người muốn biết về cuộc sống sẽ dừng tại bình diện thứ sáu. Nhưng người sẵn sàng tìm hiểu về cái chết cũng sẽ có thể biết tới tầng thứ bảy.

Tại sao thiên nhân đã thu được khả năng linh ảnh và cái nhìn tinh tế ở bình diện thứ tư - và nhiều người đã đạt tới giai đoạn này - vẫn không thể tiết lộ tri thức về mặt trăng, mặt trời, trái đất và chuyển động của chúng, như các nhà khoa học đã làm?

Có bốn điều cần phải hiểu liên quan tới điều này. Điều thứ nhất là ở chỗ nhiều trong số những sự kiện này đã được tiết lộ bởi những người như thế, người tại bình diện thứ tư. Chẳng hạn, có rất ít khác biệt giữa tuổi trái đất như được những người này chỉ ra và như các nhà khoa học chỉ ra, và ấy vậy mà người ta vẫn không thể nói được rằng khoa học là đúng đắn. Các nhà khoa học bản thân họ không tuyên bố mình là tuyệt đối đúng đắn.

Thứ hai, thậm chí còn có ít khác biệt về thông tin do hai loại người này đưa ra về hình dạng và kích thước của trái đất. Bên cạnh đó, ngay cả trong liên hệ với vấn đề này cũng không nhất thiết những người đã đạt tới bình diện thứ tư là sai trong ước lượng của họ. Hình dạng trái đất thay đổi mãi mãi. Khoảng cách giữa trái đất và mặt trời không phải là một như trong thời cổ đại, và cùng tình huống đó cũng xảy ra giữa mặt trăng và trái đất. Châu Phi không phải ở ở cùng chỗ nó như bây giờ; đã có thời nó gắn với Ấn Độ. Hàng nghìn thay đổi đã xuất hiện và vẫn còn đang xuất hiện, và nhiều thay đổi xảy ra thường

xuyên. Tính tới những thay đổi thường xuyên này bạn sẽ ngạc nhiên mà biết rằng người ở bình diện thứ tư từ lâu đã tiết lộ nhiều khám phá mà khoa học ngày nay mới tìm ra.

Cũng nên hiểu rằng có khác biệt nền tảng giữa ngôn ngữ diễn đạt của người ở bình diện thứ tư và nhà khoa học. Đây là khó khăn rất lớn. Người ở bình diện thứ tư không có ngôn ngữ toán học. Người đó có ngôn ngữ của linh ảnh, hình ảnh và kí hiệu. Người đó có ngôn ngữ của dấu hiệu. Như không có ngôn ngữ trong giấc mơ, trong linh ảnh nữa cũng không có ngôn ngữ. Nếu chúng ta hiểu thấu đáo, chúng ta sẽ biết rằng nếu chúng ta mơ trong đêm điều chúng ta làm trong cả ngày, chúng ta sẽ chọn phương tiện kí hiệu và dấu hiệu, bởi vì không có ngôn ngữ ở đó. Nếu tôi là người tham vọng, người muốn ở trên mọi người khác, tôi sẽ mơ tôi là con chim bay cao trên trời trên các con chim khác. Trong giấc mơ tôi sẽ không thể nào diễn tả bằng lời rằng tôi tham vọng, cho nên toàn thể ngôn ngữ thay đổi trong giấc mơ. Theo cùng cách đó, ngôn ngữ của linh ảnh không phải là lời nói mà là hình ảnh.

Việc diễn giải giấc mơ bắt đầu phát triển sau Freud, Jung và Adler. Bây giờ chúng ta có thể tìm ra ý nghĩa của giấc mơ. Theo cùng cách thức đó, bất kì điều gì người ở bình diện thứ tư đã nói đều phải đợi diễn giải. Vậy mà thậm chí chúng ta vẫn không có khả năng giải thích hiện tượng mơ một cách thấu đáo; việc giải thích linh ảnh hồn cũng là vấn đề khó khăn. Chúng ta phải biết ý nghĩa của điều đã được thấy trong linh ảnh và của điều mà người ở bình diện thứ tư đang nói.

Chẳng hạn, khi Darwin nói rằng con người đã tiến hoá từ con vật, ông ấy nói theo ngôn ngữ khoa học.

Nhưng nếu chúng ta đã đọc câu chuyện về các hoá thân Hindu, chúng ta sẽ thấy rằng điều này không là gì ngoài cùng câu chuyện đã được kể hàng nghìn năm trước đây dưới dạng biểu tượng. Hoá thân thứ nhất không phải là người, ông ấy là cá. Darwin cũng nói rằng dạng đầu tiên của người là hình dạng cá. Bây giờ, khi chúng ta nói rằng hoá thân đầu tiên là *matsya avatar* - cá, đây là biểu tượng. Đây không phải là ngôn ngữ của khoa học: một hoá thân và con cá! Chúng ta phủ nhận phát biểu này. Nhưng khi Darwin nói rằng phần tử sống đầu tiên tới dưới dạng cá và rồi các dạng khác theo sau, chúng ta sẵn sàng đồng ý vì nó dường như hợp lí với chúng ta. Phương pháp và việc tìm kiếm của Darwin là khoa học.

Bây giờ những người thấy linh ảnh đều thấy điều thiêng liêng lấy dạng sinh đầu tiên là cá. Người viễn kiến nói theo ngôn ngữ của ngụ ngôn. Thế rồi hoá thân thứ hai là con rùa. Sinh vật này thuộc về cả đất và nước. Hiển nhiên, việc chuyển cuộc sống từ nước lên đất không thể đột nhiên được. Phải có trạng thái trung gian. Cho nên bất kì sinh vật nào đã tiến hoá, cũng đều phải thuộc vào cả đất và nước. Thế rồi dần dần con cháu của rùa bắt đầu sống trên đất, và rồi phải có tách biệt rõ rệt với cuộc sống trong nước.

Nếu bạn đọc qua câu chuyện này về các hoá thân Hindu, bạn sẽ ngạc nhiên mà để ý rằng chúng ta đã phát hiện ra từ rất lâu điều mà Darwin đã phát hiện mãi hàng nghìn năm sau, và theo thứ tự niên đại đúng. Thế thì, trước biến hình cuối cùng, phải có hoá thân nửa người, nửa vật - *narsinh avatar*. Sau rốt, con vật không trở thành con người trong một bước chuyển; chúng nữa cũng phải trải qua giai đoạn trung gian có dạng nửa người nửa vật. Không thể nào một con vật cho sinh ra một con người

được. Có mỗi móc nối bị thiếu giữa con vật và con người mà có thể là *narsinh* - nửa người nửa vật.

Nếu chúng ta hiểu tất cả những câu chuyện này, chúng ta sẽ biết rằng điều Darwin nói dưới dạng khoa học, những người ở bình diện thứ tư đã nói từ trước đó lâu theo ngôn ngữ của Puranas. Nhưng mãi cho tới giờ những kinh sách huyền thoại Hindu này vẫn còn chưa được giải thích đúng đắn. Lí do cho điều này là ở chỗ Puranas đã rơi vào tay những người dốt nát, vô học. Chúng không ở trong tay các nhà khoa học.

Một khó khăn khác là ở chỗ chúng ta đã đánh mất chìa khoá để giải mật mã của Puranas. Chúng ta không có mã giải; do đó, khó khăn. Bây giờ khoa học nói rằng con người có thể tồn tại trên trái đất nhiều nhất là bốn nghìn năm nữa. Tiên đoán trong nhiều Puranas là ở chỗ thế giới này không thể kéo dài hơn năm nghìn năm. Khoa học nói ngôn ngữ khác. Nó nói mặt trời sẽ lạnh dần đi, các tia sáng của nó sẽ giảm đi, nhiệt của nó sẽ khuếch tán, và trong bốn nghìn năm nữa nó sẽ lạnh đi. Thế thì cuộc sống trên trái đất sẽ dừng lại cùng với nó.

Puranas nói theo ngôn ngữ khác. Và nếu Puranas đưa ra thời gian năm nghìn năm chứ không phải là bốn nghìn năm như các nhà khoa học nói, phải nhớ trong trí rằng vẫn chưa quyết định được liệu khoa học có tuyệt đối đúng không. Có thể là năm nghìn năm - và tôi tin rằng sẽ như thế, bởi vì có thể có sai lầm trong tính toán của khoa học nhưng không bao giờ có sai lầm trong linh ảnh. Do đó khoa học cứ tự cải tiến nó hàng ngày. Nó nói một điều ngày hôm nay rồi lại điều khác vào ngày mai và điều khác nữa vào ngày kia. Nó phải thay đổi hàng ngày. Newton nói điều này, Einstein nói điều gì đó khác.

Cứ năm năm khoa học lại thay đổi lí thuyết của nó bởi vì nó đi tới các giải pháp tốt hơn. Không thể quyết định được liệu điều chung cuộc trong khoa học có khác biệt với linh ảnh của bình diện thứ tư không. Và nếu những điều này không trùng nhau, cũng không nhất thiết phải ra quyết định hấp tấp trên nền tảng của điều ta biết bây giờ qua khoa học và qua điều những người viễn kiến đã nói. Cuộc sống là sâu sắc đến mức chỉ tâm trí không khoa học mới đưa ra quyết định hấp tấp. Nếu chúng ta xem xét những khám phá của khoa học trong vòng một trăm năm qua chúng ta sẽ thấy rằng tất cả các khám phá một trăm năm qua đọc giống như chuyện cổ Puranas: không ai sẵn sàng tin vào chúng thêm nữa bởi vì những điều khác và tốt hơn được khám phá theo quá trình thời gian.

Mã đề lộ ra chân lí trong Puranas đã bị mất. Bây giờ, chẳng hạn, nếu có thể chiến thứ ba, tác động đầu tiên của nó sẽ là ở chỗ tất cả tầng lớp người văn minh, có giáo dục sẽ bị tiêu diệt. Cũng kì lạ là chỉ những người vô văn hoá, vô giáo dục là còn lại. Một số bộ lạc nguyên thủy ở Ấn Độ sống trên vùng núi non và rừng rậm xa xôi sẽ vô sự. Không ai sẽ được miễn thứ ở Bombay hay New York. Bất kì khi nào có cuộc thế chiến, bao giờ những cộng đồng tốt nhất cũng bị tiêu diệt, bởi vì chính họ bị tấn công. Thổ dân nào đó ở Bastar, Ấn Độ có thể sống sót. Người này có thể kể cho con cháu mình về máy bay trên trời mặc dầu người đó sẽ không có khả năng giải thích cho chúng. Người đó đã thấy chúng bay và điều đó là thật, nhưng người đó không thể nào giải thích thế nào và tại sao về nó vì người đó không có mã. Mã có cùng những người sống ở Bombay, nhưng bây giờ họ đã chết.

Với một hay hai thế hệ, trẻ con có thể tin vào các bậc huynh trưởng, nhưng về sau chúng sẽ hỏi trong hoài nghi,

"Bác đã thấy chúng chưa?" Và các bậc huynh trưởng sẽ đáp, "Chúng ta cũng chỉ nghe nói như vậy, ông cha chúng ta nói như vậy - và đến lượt họ, cũng được ông cha họ nói như vậy - rằng máy bay bay trên trời. Thế rồi xảy ra một cuộc chiến tranh lớn và mọi thứ đều bị tiêu huỷ." Dần dần trẻ con sẽ hỏi, "Máy bay ở đâu? Cho chúng cháu chỉ dẫn nào đó, dấu hiệu nào đó." Sau hai nghìn năm trẻ con sẽ nói, "Tất cả những điều này chỉ là tưởng tượng của tổ tiên chúng ta. Chẳng ai bay trên trời cả."

Những sự kiện như thế *đã từng* xảy ra. Trên đất nước này tri thức đã thu được bởi tâm trí lên đồng đã bị tiêu huỷ trong trận chiến Mahatharata. Bây giờ nó chỉ là một câu chuyện. Bây giờ chúng ta nghi ngờ liệu Rama có thể bay được trong máy bay từ Sri Lanka không. Tất cả đều là vấn đề nghi ngờ bởi vì khi mà thậm chí không có đến một chiếc xe đạp còn lại từ thời đó, thế thì máy bay dường như là điều không thể có được. Và điều đó cũng chẳng được nhắc gì tới trong bất kì sách vở nào. Thực tế, toàn bộ tri thức đã tồn tại trước Mahatharata đều bị tiêu huỷ trong cuộc chiến này. Cái mà có thể còn được giữ lại trong kí ức là tất cả những gì có thể được giữ. Do đó tên của các nhánh tri thức cổ đại là *smriti* - được ghi nhớ theo truyền thống và được viết ra về sau; và *shruti* - được nghe kể theo truyền thống và rồi được viết ra. Đây là những tuyển tập tri thức đã được ghi nhớ và đã được kể lại; chúng không phải là khối lượng sự kiện đã được kiểm nghiệm và minh chứng. Ai đó bảo ai đó, thế rồi người đó nói cái gì đó khác, và tất cả những điều này chúng ta đã thu thập và gìn giữ dưới dạng kinh sách. Nhưng bây giờ chúng ta không thể nói là chứng minh được điều gì từ chúng.

Nhớ rằng giới trí thức của thế giới chỉ là một nhóm nhỏ người. Nếu Einstein chết, sẽ khó khăn để tìm ra

người khác giải thích về thuyết tương đối. Bản thân ông cũng đã nói rằng không quá mười đến mười hai người hiểu được lý thuyết này. Nếu mười hai người này chết đi, chúng ta sẽ có sách về tương đối nhưng chẳng ai hiểu được nó. Tương tự, Mahabharata đã tiêu diệt tất cả những người tài giỏi của thời đó. Thế thì cái còn lại trở thành chuyện kể. Tuy nhiên bây giờ các cuộc điều tra vẫn đang tiếp diễn để kiểm chứng lại chúng, nhưng chúng ta ở Ấn Độ lại không may vì bản thân chúng ta chẳng làm gì theo hướng này cả.

Gần đây, người ta đã phát hiện ra một nơi mà quãng bốn đến năm nghìn năm trước dường như là sân bay. Không có lý do có thể nào khác cho một nơi như thế. Việc xây dựng này đã được tìm thấy mà không thể nào khả dĩ nếu không có máy móc. Thực tế, đá đã được nâng lên các kim tự tháp đều vượt ra ngoài khả năng của những máy nâng lớn nhất của chúng ta. Những tảng đá này đã được đặt ở đó - điều đó thật rõ ràng - và chúng đã được con người nâng lên. Hoặc là những người này có máy móc phức tạp để dùng hoặc là họ đã dùng thể thứ tư.

Chẳng hạn, tôi sẽ kể cho bạn một thực nghiệm mà bạn có thể thử được. Để một người nằm dài trên đất. Bây giờ bốn người khác đứng quanh người đó. Hai người đặt ngón tay lên đầu gối người nằm ở mỗi bên, còn hai người kia đặt ngón tay vào dưới vai người nằm. Mỗi người chỉ đặt một ngón tay thôi. Rồi mỗi người nên hạ quyết tâm chắc chắn nâng người nằm lên chỉ bằng một ngón tay mình. Họ nên thử mạnh trong năm phút, rồi ngừng thử và nâng người nằm lên. Họ có thể thành công trong việc nâng người này chỉ bằng ngón tay của mình. Cho nên những tảng đá của kim tự tháp hoặc là được nâng lên bằng những máy nâng khổng lồ hoặc bởi lực hồn nào đó. Người Ai cập cổ đại có thể đã dùng phương pháp nào đó

như vậy; không có cách khác. Đá còn đó và chúng đã được đặt đúng chỗ đó: điều này không thể phủ nhận được.

Điều nữa cần lưu ý là ở chỗ lực hồn có chiều hướng vô hạn. Không nhất thiết là người đã đạt tới bình diện thứ tư phải biết đến mặt trăng. Có thể người đó chẳng quan tâm tới việc biết đó; người đó có thể coi là chẳng đáng để biết. Những người như thế quan tâm tới việc biết những thứ khác - những thứ còn có giá trị hơn theo họ - và họ đã hoàn thành việc tìm kiếm của mình theo những chiều hướng này. Chẳng hạn, họ háo hức biết liệu linh hồn có là một thực tại hay không - và họ đã biết. Bây giờ khoa học đã khám phá ra rằng linh hồn là có. Những người đã đạt tới thể thứ tư đều háo hức muốn biết người ta đi đâu sau khi chết và như thế nào.

Những người đã đạt tới bình diện thứ tư gần như không quan tâm gì mấy đến thế giới vật chất. Họ không bận tâm về đường kính trái đất. Trông đợi họ quan tâm tới những vấn đề như vậy cũng giống như trẻ con kể cho người đã trưởng thành, "Chúng cháu không coi bác là người khôn ngoan vì bác không thể nói cho chúng cháu con búp bê được làm như thế nào. Thằng bé nhà bên cạnh biết tất cả về điều đó. Nó là người biết tất." Chúng là đúng theo cách riêng của chúng, bởi vì chúng quan tâm tới việc biết cái gì bên trong con búp bê, trong khi người lớn, không thể quan tâm tới điều đó được.

Nghiên cứu của người ở bình diện thứ tư thay đổi chiều hướng. Người đó muốn biết những điều khác. Người đó muốn biết về cuộc hành trình của linh hồn sau cái chết: con người đi đâu sau khi chết, người đó du hành theo con đường nào, nguyên tắc của cuộc hành trình này là gì, làm sao người đó lại được sinh ra, và liệu có thể nói trước về việc sinh và nơi sinh của người đó không. Người

đó không quan tâm tới việc con người lên mặt trăng: điều đó chẳng liên quan gì với người đó cả. Người đó háo hức muốn tìm ra cách chứng ngộ của con người, bởi vì chỉ mỗi điều này là có nghĩa cho người đó. Một người như thế bao giờ cũng khát khao biết cách atman đi vào bụng mẹ khi đứa trẻ được thụ thai, liệu atman có được giúp đỡ để chọn đúng bụng mẹ hay không, và phải mất bao lâu để atman đi vào bào thai.

Có một cuốn sách Tây Tạng tên là *Sách Tây Tạng về người chết*. Mọi người ở Tây Tạng mà đã đạt tới thể thứ tư đều làm việc trên một dự án: làm sao có thể trợ giúp tốt nhất cho một người sau cái chết. Giả sử bạn chết: tôi yêu bạn, nhưng tôi chẳng thể giúp gì cho bạn sau cái chết. Nhưng ở Tây Tạng có thu xếp đầy đủ để hướng dẫn và trợ giúp cho một người và động viên người đó chọn việc sinh thành đặc biệt và đi vào bụng mẹ đặc biệt. Khoa học sẽ vẫn còn phải tốn thời gian để khám phá ra điều này, nhưng nó sẽ phát hiện ra điều đó, chẳng có gì khó khăn. Và người Tây Tạng đã tìm thấy những cách thức và phương tiện để kiểm tra lại tính hợp lệ của những biến cố này.

Tại Tây Tạng, khi Đạt lai Lạt ma chết, ông ấy nói trước nơi ông ấy sẽ sinh ra tiếp đó và cách thức người khác nhận ra ông ấy. Ông ấy để lại những dấu hiệu về sau để nhận ra ông ấy. Thế rồi sau khi ông ấy chết, việc tìm kiếm bắt đầu trên khắp cả nước. Đứa trẻ nói được bí mật của dấu hiệu, sẽ được coi là hoá thân của vị Lạt ma đã chết, bởi vì chỉ mình nó biết bí mật này. Đạt lai Lạt ma hiện tại đã được phát hiện theo cách này. Đạt lai Lạt ma trước ông ấy đã để lại một dấu hiệu. Một châm ngôn đặc biệt được truyền đi mọi thôn làng, và đứa trẻ nào có thể giải thích điều đó đều được hiểu là người mà linh hồn của vị Đạt lai Lạt ma kia đã đi vào. Việc tìm kiếm cũng khá

lâu, nhưng cuối cùng người ta cũng tìm ra đứa trẻ có thể giải thích điều mã hoá. Đó là một công thức rất bí mật, và chỉ Đạt lai Lạt ma chân thực mới biết ý nghĩa của nó.

Cho nên tò mò của người ở bình diện thứ tư là hoàn toàn khác. Vũ trụ là vô hạn và bí ẩn và bí mật của nó cũng vô hạn. Đừng nghĩ rằng chúng ta đã khám phá ra tất cả những điều cần khám phá bởi nghiên cứu khoa học ngày nay. Hàng nghìn khoa học mới sẽ đi ra ánh sáng bởi vì có hàng nghìn chiều hướng và tầm hướng khác nhau. Và khi khoa học mới phát triển, người ta sẽ gọi chúng ta là người không khoa học, bởi vì chúng ta sẽ không biết tới điều họ sẽ biết. Nhưng chúng ta không nên gọi người cổ đại là không khoa học; đây chỉ là tò mò của họ mang bản chất khác. Các chiều hướng có thể cho việc nghiên cứu là đa dạng và nhiều lắm.

Chúng ta rất có thể hỏi rằng vì chúng ta đã tìm ra cách chữa cho nhiều bệnh tật, tại sao những người ở bình diện thứ tư không tìm ra chúng? Bạn sẽ sửng sốt mà biết đến số được thảo đã được mô tả trong nhánh y học Ayurvedic và Yunanic. Làm sao mà những người này, chẳng có giúp đỡ gì của nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, đã phát hiện ra đúng cách chữa cho mọi bệnh tật? Có mọi khả năng là điều này đã được đưa lại bởi việc dùng thể thứ tư.

Có câu chuyện nổi tiếng về Vaidya Lukman, chuyện kể rằng ông trồng từng cây và hỏi công dụng của nó là gì. Bây giờ, câu chuyện này đã trở thành vô nghĩa trong thế giới ngày nay. Trồng đợi cây cỏ nói dường như là thất bại của logic. Đây cũng là một sự kiện mà cho đến năm mươi năm qua người ta không cho là cây cỏ có cuộc sống. Nhưng bây giờ khoa học thừa nhận có cuộc sống trong cây cỏ. Ba mươi năm trước đây chúng ta đã không tin

rằng cây cỏ cũng thở; bây giờ chúng ta thừa nhận rằng chúng có thở. Mười lăm năm trước đây chúng ta đã không tin rằng cây cỏ có thể cảm được, nhưng trong mười lăm năm qua chúng ta đã phải thừa nhận rằng chúng có cảm giác. Khi bạn tiến tới cây cỏ trong giận dữ, trạng thái hồn của nó thay đổi, và khi bạn tiến tới nó trong yêu thương, lần nữa trạng thái nó thay đổi. Cho nên cũng sẽ chẳng sai chỗ nếu chúng ta phát hiện ra trong năm mươi năm tới là chúng ta có thể nói chuyện với cây cỏ nữa - nhưng điều này sẽ là sự phát triển dần dần.

Tuy nhiên, Lukman đã chứng minh điều đó từ lâu trước đây. Nhưng cách đối thoại này không thể như cách đối thoại của chúng ta. Trở thành một với cây cỏ là phẩm chất của thể thứ tư. Thế thì cây cỏ cũng có thể được hỏi han. Tôi tin vào câu chuyện này, bởi vì không có nhắc gì đến phòng thí nghiệm đủ khổng lồ trong những ngày đó nơi Lukman có thể tiến hành nghiên cứu của ông ấy về hàng triệu loại cỏ mà ông ấy đã đưa vào sử dụng. Điều đó là không thể được, bởi vì mỗi cây cỏ sẽ đòi hỏi một thời gian sống để tiết lộ ra bí mật của nó nếu được làm một cách khoa học, trong khi người này nói về cây cỏ vô giới hạn. Bây giờ khoa học thừa nhận hiệu quả của những dược thảo này trong chữa bệnh và chúng vẫn còn được dùng. Tất cả những nghiên cứu trong quá khứ đều là nghiên cứu của người ở bình diện thứ tư.

Bây giờ chúng ta điều trị hàng nghìn bệnh, mà rất không khoa học. Người của bình diện thứ tư sẽ nói, "Chẳng có bệnh tật gì hết cả. Tại sao các ông chữa cho họ?" Bây giờ khoa học hiểu điều này và phép chữa đối chứng đang dùng những phương pháp trị liệu mới. Trong một số bệnh viện ở Mỹ người ta đang làm việc về các phương pháp mới. Giả sử có mười bệnh nhân đang bị cùng chứng bệnh. Năm người được tiêm nước còn năm

người kia được cho cách trị liệu thuốc thang thông thường. Thế rồi phát hiện chỉ ra rằng các bệnh nhân của mỗi nhóm đáp ứng với cách chữa trị của họ là như nhau. Điều này chứng tỏ rằng những người được điều trị với nước, không thực sự ốm đau nhưng có ảo tưởng là bệnh tật. Nếu những người này được chữa trị thông thường cho bệnh tật, điều ấy sẽ đầu độc hệ thống của họ và đem lại kết quả trái ngược. Họ chẳng cần chữa trị.

Nhiều tật bệnh được sinh ra do việc chữa trị không cần thiết và thế thì chúng lại thành khó chữa chạy. Nếu bạn không có bệnh thật - chỉ bệnh hảo huyền - thuốc cho bệnh đó sẽ phải tác động theo cách nào đó cho dù các điều kiện cần thiết của bệnh này không có trong bạn. Nó sẽ tạo ra chất độc bên trong mà bạn sẽ phải trải qua việc điều trị mới. Bệnh hảo huyền sẽ cứ dọn đường cho bệnh thật nào đó. Theo khoa học, chín mươi phần trăm bệnh tật đều là do căng thẳng thần kinh. Năm mươi năm trước đây khoa học hiện đại từ chối tin vào điều này, nhưng bây giờ cách trị liệu đối chứng thừa nhận nó là năm mươi phần trăm. Tôi nói họ sẽ phải thừa nhận thêm bốn mươi phần trăm nữa, bởi vì đó là thực tại.

Bây giờ không ai xác định được điều người ở bình diện thứ tư đã biết; không ai cố gắng diễn giải người đó. Không người nào có thể đặt tri thức của người đó vào đúng cảnh quan theo thuật ngữ khoa học ngày nay; đây là khó khăn duy nhất. Một khi điều này có thể được thực hiện, sẽ không có vấn đề gì. Nhưng ngôn ngữ ngu ngôn lại rất khác.

Khoa học ngày nay nói rằng tia sáng mặt trời đi qua lăng kính và chia thành bảy phần; và theo cách này chúng trở nên được phân phối thành bảy màu. Các nhà thơ tu sĩ (rishi) của Veda nói, "Thần mặt trời có bảy con ngựa với

bảy màu." Bây giờ đây là ngôn ngữ của ngụ ngôn. "Mặt trời có bảy con ngựa với màu khác nhau và ông ấy cười lên chúng" có nghĩa là các tia sáng mặt trời chia thành bảy phần. Phần trước là ngụ ngôn còn phần sau là dạng khoa học. Chúng ta sẽ phải hiểu ngôn ngữ của ngụ ngôn hết như chúng ta hiểu ngôn ngữ của khoa học ngày nay. Không nên có bất kì khó khăn nào.

Những người với khả năng cận hồn tiên đoán mọi điều sớm hơn nhiều còn khoa học hiểu chúng muộn hơn nhiều. Nhưng thế thì tiên đoán tất cả đều theo ngôn ngữ biểu tượng. Chỉ khi khoa học chứng minh cùng sự kiện, chúng mới được đưa vào ngôn ngữ hàng ngày. Trước lúc đó, không có ngôn ngữ. Bạn sẽ ngạc nhiên mà biết, nếu bạn nghiên cứu theo mọi chiều hướng, rằng khoa học chỉ là kẻ mới đến còn ngôn ngữ và toán học, đến sớm hơn nhiều. Những người đã phát hiện ra ngôn ngữ và toán học, họ có thể đã dùng việc thống kê nào? Họ có thể đã có phương tiện nào - biện pháp nào? Làm sao họ đi tới biết rằng trái đất quay xung quanh mặt trời một lần trong một năm? Chính đây là một tiến hoá của trái đất quanh mặt trời mà phải mất một năm. Bây giờ, đây là một khám phá rất cổ - rất xa trước khoa học; cùng điều này cũng là trường hợp của sự kiện có ba trăm sáu mươi lăm ngày trong một năm. Nhưng dường như không có bất kì phương tiện khoa học nào đằng sau nhà tiên tri cổ đại. Do đó, linh ảnh hồn là câu trả lời thay thế duy nhất.

Một sự kiện rất kì lạ đã đưa ra ánh sáng. Một người ở Arabia có trong tài sản của mình một tấm bản đồ thế giới bảy trăm năm trước. Đây là cái nhìn từ trên không mà không thể nào quan niệm nổi khi đứng trên đất. Chỉ có hai giải pháp: hoặc đã có máy bay từ bảy trăm năm trước đây - và điều này, dường như không thể có được - hoặc người nào đó đã tự nâng mình lên cao trong thế thứ tư của

mình và thế rồi vẽ ra bản đồ này. Một điều là chắc chắn: lúc đó không có máy bay. Nhưng bản đồ trên không này về thế giới đã được làm ra từ bảy trăm năm trước. Điều này có nghĩa gì?

Nếu chúng ta nghiên cứu Charak và Sushrut, hai bậc thầy cổ đại về khoa học thảo mộc, chúng ta sẽ sửng sốt mà biết rằng họ đã mô tả mọi thứ về thân thể con người mà các nhà khoa học mới đi tới biết bằng giải phẫu. Có thể chỉ có hai phương pháp để biết. Một khả năng là ở chỗ việc giải phẫu đã trở nên tinh tế đến mức không thể có bằng chứng về việc giải phẫu đã được tiến hành - bởi vì không có công cụ giải phẫu nào hay sách vở nào về giải phẫu đã được phát hiện ra. Nhưng có những mô tả về từng phần rất kĩ lưỡng của thân thể con người - những bộ phận tỉ mỉ đến mức khoa học chỉ mãi về sau mới phát hiện ra, các bộ phận mà chỉ hai mươi năm năm trước đây các nhà khoa học còn từ chối chấp nhận như hiện tại. Nhưng những điều này đã được các thầy chữa cổ đại này mô tả. Có một cách thứ ba có thể thứ hai mà qua đó người ta cũng có thể biết: người trong trạng thái linh ảnh có thể đi vào thân thể con người và thấy những điều này.

Ngày nay chúng ta biết rằng tia X có thể đi vào thân thể con người. Nếu một người nói rằng người đó có thể chụp ảnh bộ xương chúng ta một trăm năm trước đây, chúng ta không tin anh ta. Ngày nay chúng ta phải tin bởi vì nó là như vậy. Nhưng bạn có biết: mắt của người ở thế thứ tư có thể thấy thậm chí còn sâu hơn là tia X, và rằng bức tranh về thân thể bạn có thể được tạo ra mà còn đầy đủ hơn bức tranh được tạo ra như kết quả của việc giải phẫu. Giải phẫu đã được phát triển ở phương Tây bởi vì ở đó người ta chôn người chết. Tại một nơi như Ấn Độ, nơi mà cái xác bị đem thiêu, điều này là không thể có được. Và bạn sẽ ngạc nhiên mà biết rằng nghiên cứu này đến

với sự giúp đỡ của kẻ cắp, cho nên họ sẽ đánh cắp xác chết và bán chúng cho các bác sĩ để nghiên cứu và tìm hiểu.

Tục lệ hoả thiêu cũng là một ý tưởng của những người hồn, bởi vì họ tin rằng linh hồn gặp khó khăn khi lấy lần sinh thành mới nếu thân thể của kiếp sống trước vẫn còn lại. Thế thì nó cứ lờn vờn quanh cái xác cũ. Nếu cái xác này bị thiêu thành tro, linh hồn sẽ gạt bỏ trở ngại này - bởi vì một khi nó thấy thân thể biến thành tro, trong thân thể tiếp có lẽ nó sẽ hiểu rằng cái được coi là của riêng nó, sau cùng chỉ là thứ có thể bị tiêu hủy.

Cho nên có việc hoả táng ở Ấn Độ, và do đó không có cách nào để giải phẫu thân thể con người. Tại phương Tây kẻ cắp đã đánh cắp xác chết từ nghĩa trang và bán chúng cho các nhà khoa học dùng trong nghiên cứu của họ. Có những trường hợp đưa ra toà và nhiều khó khăn khác cho những người này, bởi vì đánh cắp xác chết và giải phẫu nó cả hai đều bị coi là tội ác.

Cho nên điều chúng ta đi tới biết được qua vô số việc giải phẫu, sách vở ba nghìn năm trước đã tiết lộ mà chẳng cần giải phẫu. Điều này chỉ chứng tỏ rằng có phương pháp khác mà qua đó mọi thứ có thể được biết bên cạnh thực nghiệm khoa học. Thịnh thoảng tôi sẽ nói chi tiết về chủ đề này để cho bạn có thể hiểu rõ hơn.

5

Bí ẩn huyền nhiệm của tôn giáo

Trong bài nói hôm qua Thầy đã nói rằng có thể khoa học đi vào thể thứ năm hay tâm linh. Rồi Thầy nói về khả năng của khoa học trong thể thứ tư. Xin Thầy nói cho chúng tôi về những khả năng của khoa học trong thể thứ năm.

Điều chúng ta gọi là thể vật lí và điều chúng ta gọi là linh hồn, không phải là hai thứ khác nhau và tách rời. Không có đứt quãng giữa chúng; có mối nối. Chúng ta bao giờ cũng nghĩ rằng thân thể là tách biệt và linh hồn là tách biệt, và rằng chẳng có gì nối chúng lại. Cũng vậy, chúng ta đã từng nghĩ không chỉ chúng là tách biệt mà chúng còn đối lập lẫn nhau. Ý tưởng này đã tách bạch tôn giáo với khoa học. Tôn giáo được giả định tìm kiếm những cái khác thân thể, trong khi khoa học được giả

định phát hiện mọi thứ về thân thể - tất cả ngoại trừ atman, linh hồn. Cho nên cũng là tự nhiên mà bên này phải phủ nhận bên kia.

Khoa học bị thu hút vào thân thể vật lí và do vậy nó hỏi, "Thân thể là thực, nhưng linh hồn ở đâu?" Tôn giáo đã tìm kiếm cái bên trong và gọi nó là linh hồn. Nó nói, "Linh hồn là thực nhưng thân thể là ảo tưởng." Do đó, khi tôn giáo đã đạt tới đỉnh của nó, nó mô tả thân thể như ảo tưởng, giả tưởng, maya, và nói rằng thực tế nó không tồn tại. Nó tuyên bố atman là chân lí và thân thể là ảo tưởng. Khi khoa học đạt tới đỉnh cao của nó, nó phủ nhận atman. Nó nói, "Khái niệm về linh hồn là sai; đây là nói dối. Thân thể là mọi thứ." Lỗi này có nguyên nhân đằng sau quan niệm rằng thân thể và atman là hai điều đối lập.

Tôi đã nói về bảy thể. Nếu thể thứ nhất là vật lí và thể cuối cùng là tâm linh, thể thì nếu chúng ta không xem xét năm thể ở giữa, sẽ không có cầu nối giữa hai thể này. Nó sẽ hết như bạn định treo lên một chiếc thang và rồi vứt đi tất cả những bậc ở giữa bậc đầu và bậc cuối. Thế thì chẳng có mối nối nào giữa bước đầu tiên và bước cuối cùng cả.

Nếu bạn thấy chiếc thang đầy đủ bạn sẽ thấy rằng bậc đầu tiên được nối với bậc cuối cùng. Và nếu bạn xem xét nó kĩ càng hơn, bạn sẽ thấy rằng bậc cuối cùng là phần cuối cùng của bậc đầu tiên, và bậc đầu tiên là phần đầu tiên của bậc cuối cùng. Tương tự, nếu chúng ta lấy tất cả bảy thể, chúng ta sẽ thấy mối nối giữa các thể thứ nhất và thứ hai. Thể thứ nhất là thể vật lí; thể thứ hai là thể ê te - thể xúc cảm. Nó chỉ là dạng tinh tế của thể vật lí và không phải là phi vật chất. Nó chỉ là cái tinh tế đến mức nó vẫn chưa được các phương tiện vật lí nắm bắt hoàn toàn. Nhưng bây giờ các nhà vật lí cũng không phủ nhận sự

kiện là vật chất vật lí trở thành ngày càng loãng hơn và phi vật lí hơn trong dạng tinh tế của nó.

Chẳng hạn, khoa học hiện đại nói rằng vật chất khi bị phân tích ra, chung cuộc thu lại thành điện tử, không phải là vật chất mà là hạt điện. Chẳng cái gì giống như chất liệu là còn lại đến cuối cùng cả - chỉ có năng lượng. Cho nên khoa học đã tìm ra một khám phá kì diệu trong ba mươi năm qua. Mặc dầu nó vẫn coi vật chất là một thực tại, nó bây giờ đi tới kết luận rằng vật chất không tồn tại trong khi năng lượng là sự kiện. Khoa học bây giờ nói rằng vật chất là ảo tượng được gây ra bởi việc chuyển động của năng lượng với tốc độ cao.

Khi cái quạt được làm cho quay với tốc độ cao, chúng ta không thể thấy ba cánh của nó một cách tách biệt. Điều ta thấy là một vòng tròn quay mãi. Cũng thế, không gian giữa các cánh quạt dường như bị lấp đầy. Thực tại, cánh quạt chuyển động nhanh đến mức trước khi phản chiếu của một cánh đi qua mắt chúng ta, cánh thứ hai đã có đó. Thế rồi cánh thứ ba tới mau lẹ, với kết quả là chúng theo sau lẫn nhau để cho chúng ta không thể thấy không gian trống giữa chúng. Cái quạt này có thể làm cho quay với tốc độ mà bạn có thể ngồi lên nó và chẳng bao giờ biết được rằng cái gì đang chuyển động dưới bạn. Khoảng cách giữa hai cánh có thể bị chắt đầy mau lẹ đến mức sau khi một cánh lướt qua dưới bạn, cánh thứ hai lập tức thay thế nó; thế thì bạn sẽ không cảm thấy khoảng cách trống rỗng chút nào. Đây hoàn toàn là vấn đề tốc độ.

Khi năng lượng quay ở tốc độ cao, nó giống như vật chất. Năng lượng nguyên tử, mà toàn bộ nghiên cứu khoa học hiện đại của chúng ta dựa trên đó, chưa bao giờ được cảm nhận một cách trực quan; chỉ các tác động của nó là thấy được. Năng lượng nền tảng là vô hình và vấn đề thấy

nó không nảy sinh, nhưng chúng ta có thể quan sát tác động của nó.

Cho nên nếu chúng ta nhìn vào thể ê te như thể nguyên tử, sẽ không sai - bởi vì trong trường hợp này nữa chúng ta chỉ thấy tác động mà không thấy bản thân thể ê te. Do tác động này chúng ta phải thừa nhận sự tồn tại của nó. Thể thứ hai này là dạng tinh tế của thể thứ nhất; do đó không có khó khăn trong việc nối hai thể này. Theo một cách nào đó chúng được nối với nhau. Một thể là thô và do đó có thể thấy nó được; thể kia, tinh tế và do đó không thể thấy được.

Bên ngoài thể ê te là thể vía. Nó là dạng tinh tế hơn hai thể kia. Khoa học còn chưa đạt tới đây, nhưng nó đã đạt tới một kết luận rằng nếu chúng ta phân tích vật chất, cái cuối cùng còn lại là năng lượng. Năng lượng này có thể được gọi là ê te. Nếu ê te còn bị chia thêm nữa thành những thành phần tinh tế hơn, cái còn lại là vía - và điều này là tinh tế hơn cái tinh tế.

Khoa học còn chưa đạt tới thể vía nhưng nó sẽ đạt tới. Mãi cho tới gần đây khoa học chỉ chấp nhận vật chất và phủ nhận sự tồn tại của nguyên tử. Cho đến hôm qua, gần như vậy, nó còn nói rằng vật chất là cứng rắn. Hôm nay nó nói rằng chẳng có gì là chất liệu cứng rắn và mọi thứ đều không cứng rắn. Bây giờ người ta đã chứng minh rằng ngay cả bức tường, dường như cứng rắn, cũng không cứng rắn như vậy. Nó là xốp và các thứ có thể xuyên ra sau ra trước qua các lỗ hổng của nó. Chúng ta có thể có khuynh hướng nói rằng ít nhất cái bao quanh lỗ hổng phải là cứng rắn, nhưng cái này nữa cũng không cứng rắn: mỗi nguyên tử đều xốp.

Nếu chúng ta khuếch đại nguyên tử tới cùng kích thước như trái đất, chúng ta sẽ thấy rằng có nhiều khoảng

cách giữa hai thành phần của nguyên tử như có giữa trái đất và mặt trăng hay mặt trời và các vì sao. Thế thì chúng ta có thể nói rằng ít nhất hai thành phần tại hai đầu là cứng rắn - nhưng khoa học nói rằng cả hai đầu này nữa cũng không cứng rắn nốt; chúng là các hạt điện. Bây giờ khoa học thậm chí không sẵn sàng chấp nhận từ hạt, bởi vì với từ đó có gắn liền với khái niệm vật chất. Hạt có nghĩa là một phần vật chất - nhưng các thành phần của nguyên tử không phải là vật chất, bởi vì vật chất cứng rắn và giữ hình dáng của nó trong khi những thành phần này liên tục thay đổi hình dạng. Chúng giống như sóng, không phải hạt. Khi một con sóng phát sinh trong nước, trước khi bạn thậm chí nói với mình, "Đây là con sóng", nó đã thay đổi, bởi vì sóng là cái tới và đi liên tục.

Nhưng sóng cũng là biến cố vật chất, cho nên khoa học đã phát minh ra một từ mới mà trước đây ba mươi năm còn chưa có. Từ đó là lượng tử quanta. Khó mà tìm ra một từ Hindu tương đương cũng như nhiều từ Hindu không có từ tương đương trong tiếng Anh: chẳng hạn từ Brahman - thực tại vũ trụ. Các từ được tạo ra bởi vì có sự cần thiết diễn đạt về phần những người đã kinh nghiệm qua. Khi Brahman được kinh nghiệm, những người đã kinh nghiệm nó cần phát minh ra một từ để diễn đạt nó, cho nên từ brahman đã được phát minh ra ở phương Đông. Phương Tây còn chưa đạt tới giai đoạn này; do vậy họ không có bất kì từ tương đương nào, bởi vì họ đã không yêu cầu về nó.

Đây là lí do tại sao nhiều thuật ngữ tôn giáo không có từ tương đương trong tiếng Anh. Chẳng hạn, từ aum - từ này không thể được dịch sang bất kì ngôn ngữ nào trên thế giới. Nó là cách diễn đạt về kinh nghiệm tâm linh sâu sắc. Phương Tây không có từ tương đương mà qua đó có thể diễn tả được. Theo cùng cách thức đó, lượng tử là một

từ được phát minh ra để diễn tả đỉnh cao khoa học và nó cũng không có từ tương đương trong bất kì ngôn ngữ nào. Nếu chúng ta cố gắng hiểu ý nghĩa của lượng tử, nó có nghĩa là hạt và sóng cùng nhau. Tuy nhiên rất khó để quan niệm về nó. Nó là cái gì đó đôi khi hành xử như hạt, đôi khi hành xử như sóng, và có hành vi không thể nào dự đoán trước được.

Cho đến bây giờ vật chất là tin cậy nhất; có chắc chắn về vật chất. Nhưng phần tối hậu của vật chất, năng lượng nguyên tử mà đã được phát hiện ra, lại rất bất định. Hành vi của nó không thể nào đoán trước được. Ban đầu khoa học đứng vững chãi bởi sự chắc chắn của vật chất. Nó nói rằng mọi thứ đều chính xác và xác định. Bây giờ nhà khoa học không nhấn mạnh vào lời tuyên bố này nữa, vì ông ta biết rằng từ chỗ ông ta đã đạt tới trong nghiên cứu hôm nay, cái chắc chắn này là rất nông cạn. Có bất định sâu sắc bên trong, và sẽ đáng quan tâm để biết cái bất định này nghĩa là gì.

Nơi có cái bất định, nhất định có ý thức; bằng không, không thể có bất định được. Bất định là một phần của ý thức, chắc chắn là một phần của vật chất. Nếu chúng ta để chiếc ghế ở một chỗ nào đó trong phòng, chúng ta sẽ thấy nó đích xác vẫn ở đấy khi chúng ta quay lại, nhưng nếu chúng ta bỏ lại trong phòng một đứa bé, chúng ta sẽ không bao giờ tìm thấy nó ở chỗ chúng ta đã bỏ lại. Bao giờ cũng có hoài nghi, bất định, nó sẽ ở đâu và nó sẽ làm gì. Chúng ta có thể chắc chắn về vật chất, nhưng chẳng bao giờ chắc chắn về ý thức. Do đó, khi khoa học chấp nhận tính bất định trong hành vi của phần tối hậu của nguyên tử, nó cũng chấp nhận khả năng của ý thức trong phần tối hậu của vật chất.

Bất định là phẩm chất của ý thức, nhưng vật chất không thể là không dự đoán được. Không phải là lửa có thể cháy khi nó lựa chọn và không cháy khi nó không lựa chọn việc cháy, cũng không phải là nước có thể chảy theo bất kì hướng nào nó thích hay sôi ở bất kì nhiệt độ nào nó muốn. Sự vận hành của nước là tất định, nhưng khi chúng ta đi vào bên trong vật chất chúng ta thấy rằng chung cuộc nó là không xác định.

Bạn có thể hiểu nó theo cách này: nếu chúng ta muốn tìm ra bao nhiêu người chết ở Bombay, điều này là có thể. Nếu có mười triệu người chúng ta có thể lấy con số chết trong một năm và tìm ra xấp xỉ bao nhiêu người chết trong một ngày, và điều này sẽ gần như là đúng đắn. Nếu chúng ta tính tỉ lệ chết cho toàn bộ đất nước chín trăm triệu người theo cùng cách, con số sẽ gần với số đúng hơn. Nếu chúng ta tính tỉ lệ chết cho toàn thể giới, tính chắc chắn của con số thậm chí sẽ còn lớn hơn. Nhưng nếu chúng ta muốn tìm ra khi nào một người sẽ chết, tính toán của chúng ta sẽ là bất định nhất.

Đám đông càng lớn, mọi thứ càng trở nên nhiều vật chất hơn. Hiện tượng càng cá nhân, chúng ta càng tìm thấy nhiều ý thức hơn. Thực tế, chỉ một mẫu vật chất cũng là đám đông của hàng triệu nguyên tử; do đó, chúng ta có thể dự đoán về nó. Nhưng nếu chúng ta xuyên thấu vào bên trong nguyên tử và bắt giữ lấy điện tử, chúng ta thấy rằng nó là cá nhân: chúng ta không thể xác định tiến trình của nó và dường như là nó quyết định điều đó theo ý riêng của nó. Cho nên về một tảng đá cứng chúng ta có thể chắc chắn: chúng ta sẽ tìm thấy nó ở một chỗ đặc biệt. Nhưng cấu trúc của từng nguyên tử bên trong sẽ không hết như thế. Vào lúc chúng ta trở lại tảng đá, tất cả các nguyên tử bên trong sẽ thay đổi vị trí của chúng và đã du hành từ chỗ này sang chỗ khác.

Bất định bắt đầu bằng việc đi sâu vào bên trong vật chất. Đây là lí do tại sao khoa học đã thay đổi ngôn ngữ của nó từ chắc chắn sang xác suất. Nó không còn nói, "Đây là cách mà cái này hay cái kia sẽ là." Thay vì thế, nó nói, "Có thể cách này hơn cách kia." Nó không còn nói nhấn mạnh, "Nó là thế này." Trong quá khứ tất cả những tuyên bố của khoa học đều theo ngôn ngữ của chắc chắn: bất kì cái gì nó nói cũng đều nhất định là vậy. Nhưng khi việc tìm kiếm của khoa học đi sâu hơn, tất cả những khái niệm trước đó của nó bắt đầu bị phá vỡ. Lí do là ở chỗ khoa học đã tiến bước không chủ định từ cõi vật lí vào ê te, mà về điều đó nó không có hiểu biết. Chừng nào mà nó còn chưa chấp nhận sự kiện về việc bước từ bình diện vật lí sang bình diện ê te, nó không thể nào có bất kì hiểu biết nào được. Nó đã đạt tới chiều thứ hai của vật chất, chiều ê te, và điều này có những khả năng riêng của nó. Không có lỗ hổng giữa thể thứ nhất và thể thứ hai.

Thể thứ ba hay thể vía thậm chí còn tinh tế hơn nữa. Nó là tinh tế nhất của cái tinh tế. Nếu chúng ta đập vỡ ê te thành nguyên tử - mà điều này vẫn dường như là không có thể, bởi vì chúng ta đã mở trần trụi nguyên tử vật lí, cho nên việc thực nghiệm với ê te sẽ mất thời gian dài. Khi nguyên tử ê te đã được biết, chúng ta sẽ thấy rằng chúng là các hạt của thể tiếp sau - có nghĩa là, thể vía. Khi chúng ta đập vỡ nguyên tử vật lí, các hạt tinh tế nhất của nó được tìm thấy là ê te. Tương tự, nếu chúng ta đập vỡ nguyên tử ê te, các hạt tinh tế nhất sẽ là hạt của thể vía. Cho nên chúng ta sẽ thấy mối nối giữa chúng. Ba thể này được nối rõ ràng với nhau và chính bởi lí do này mà ảnh ma đã được chụp.

Ma không có thể vật lí. Việc che giấu của nó bắt đầu với thể ê te. Có thể chụp ảnh ma, bởi vì khi thể ê te cô đặc lại, máy ảnh nhạy có thể bắt được sự phản xạ của nó. Một

điều nữa về ê te là ở chỗ nó tinh tế đến mức nó dễ dàng bị ảnh hưởng bởi hôn. Nếu linh hồn người chết muốn xuất hiện, nó có thể cô đặc hình dạng của nó để cho các nguyên tử đang trải rộng bên ngoài dồn lại gần nhau hơn và tạo ra hình nét mờ ảo. Điều này có thể được máy ảnh bắt giữ.

Vậy, thể thứ hai của chúng ta, thể ê te, bị ảnh hưởng bởi tâm trí hơn thể vật lí nhiều. Thể vật lí nữa cũng tới dưới ảnh hưởng của tâm trí, nhưng không đến được mức độ đó. Thể càng tinh tế, càng bị ảnh hưởng bởi tâm trí và nó sẽ gần tâm trí hơn. Thể vía thậm chí bị ảnh hưởng bởi tâm trí nhiều hơn. Đây là lí do tại sao việc du hành vía là có thể. Một người có thể ngủ trong phòng này nhưng người đó có thể đi tới bất kì đâu trên thế giới bằng thể vía của mình. Bạn phải đã nghe những câu chuyện về người được thấy ở hai ba nơi một lúc. Điều này là có thể. Thể vật lí của người đó sẽ ở một chỗ còn thể vía của người đó ở chỗ khác. Đây chỉ là vấn đề có chút ít thực hành và điều này có thể xảy ra.

Quyền năng của tâm trí phát triển ngày càng nhiều khi chúng ta đi vào trong và chúng tiêu tan khi chúng ta đi ra ngoài. Đi ra ngoài cũng hết như tắt một ngọn đèn rồi chụp bóng thủy tinh che lên ngọn lửa. Sau khi chụp bóng lên, ngọn lửa sẽ không còn rất sáng nữa. Thế rồi chúng ta lại chụp bóng nữa rồi bóng nữa. Theo cách này chúng ta đặt bẫy bóng bao phủ nó. Sau bẫy lần bao phủ, ánh sáng của ngọn lửa sẽ cực kì mờ và xỉn bởi vì nó phải đi qua bẫy tầng.

Theo cách này năng lượng sống của chúng ta trở nên rất mờ vào lúc nó đạt tới thể vật lí. Đây là lí do tại sao chúng ta dường như không có máy kiểm soát lên thân thể vật lí. Nhưng nếu ai đó bắt đầu du hành vào bên trong,

việc kiểm soát của người đó trên thể vật lí của mình trở nên ngày càng nhiều hơn, đích xác tỉ lệ với chiều sâu cuộc hành trình bên trong của người đó. Dạng tinh tế của thể vật lí là thể ê te và phần còn tinh tế hơn nữa của thể ê te là thể vía. Thế rồi tới thể thứ tư - thể trí.

Cho tới giờ chúng ta vẫn có ấn tượng là tâm trí là một thứ và vật chất là một thứ khác. Tâm trí và vật chất đã bị coi như hai điều tách biệt. Thực tế, không có cách nào xác định chúng. Nếu chúng ta định hỏi, "Tâm trí là gì?" chúng ta sẽ được cho biết, "Cái không phải là vật chất," và ngược lại. Nếu chúng ta định hỏi, "Vật chất là gì?" không có định nghĩa nữa. Và đây là cách thức mà chúng ta bao giờ cũng nghĩ về chúng - là khác biệt và tách biệt. Tuy nhiên bây giờ chúng ta biết rằng tâm trí cũng là một dạng tinh tế hơn của vật chất. Đảo lại, chúng ta có thể nói rằng vật chất là dạng cô đặc của tâm trí.

Khi các nguyên tử của thể vía bị phá vỡ, chúng trở thành sóng ý nghĩ. Có một sự xấp xỉ gần gũi giữa lượng tử và sóng ý nghĩ; điều đó còn chưa được xem xét tới. Cho tới nay, ý nghĩ vẫn chưa được coi là có sự tồn tại vật lí, nhưng sự kiện là ở chỗ khi bạn nghĩ về một loại ý nghĩ đặc biệt, rung động quanh bạn thay đổi tương ứng. Điều thú vị cần lưu ý là không chỉ ý nghĩ mà ngay cả lời nói cũng có rung động của riêng nó. Nếu bạn rải các hạt cát lên tấm kính và tụng Aum thật to, dưới kính hình mẫu gây ra bởi rung động của âm thanh sẽ khác với hình mẫu gây ra bởi việc tụng Rama. Nếu bạn thốt ra lời chửi rủa, hình mẫu sẽ lại thay đổi.

Bạn sẽ ngạc nhiên mà biết rằng lời nói càng thô lỗ và chửi rủa, hình mẫu được tạo nên càng xấu, và lời nói càng hay, hình mẫu rung động càng đẹp. Lời chửi rủa sẽ tạo

nên một hình mẫu hỗn loạn, trong khi các đường của lời hay sẽ được tạo nên rất đẹp và cân đối.

Do đó, trong hàng nghìn năm nghiên cứu đã được tiến hành để tìm ra lời tạo ra những rung động đẹp, và người ta đã xem xét liệu cường độ của chúng có đủ ảnh hưởng tới trái tim hay không. Lời nói là ý nghĩ được biểu lộ. Tuy nhiên, những lời không biểu lộ cũng mang sự vang động và chúng ta gọi chúng là ý nghĩ. Khi bạn nghĩ về điều gì đó, một loại vang động đặc biệt được tạo ra quanh bạn, một loại rung động đặc biệt bao quanh bạn. Đây là lí do tại sao đôi khi bạn thấy rằng khi bạn tới gần một người đặc biệt bạn cảm thấy buồn chẳng nguyên do nào cả. Có thể là người này cũng chẳng thoát ra lời tiêu cực nào, và có khi người đó còn cười to và hạnh phúc gặp bạn. Vậy mà nỗi buồn cứ bám riết lấy bạn từ bên trong. Mặt khác, trong toán người khác bạn có thể bỗng nhiên cảm thấy vui vẻ.

Bạn đi vào phòng và bạn có thể cảm thấy thay đổi bất thần bên trong bản thân mình. Cái gì đó thiêng liêng hay không thiêng liêng chiếm giữ bạn. Trong vài khoảnh khắc bạn được bao bọc bởi an bình và tĩnh lặng, và trong khoảnh khắc khác lại bị bao bọc bởi bất ổn. Bạn không thể hiểu tại sao và bạn tự hỏi, "Minh cảm thấy rất an bình. Tại sao cái bất ổn này lại bỗng nhiên nảy sinh trong tâm trí mình?" Tất cả xung quanh bạn đều có sóng ý nghĩ, và chúng cứ đi vào trong bạn cả hai mươi bốn giờ.

Gần đây một nhà khoa học người Pháp đã làm ra một dụng cụ thành công trong việc bắt sóng ý nghĩ. Ngay khi một người tiến lại gần dụng cụ này, nó bắt đầu chỉ ra ý nghĩ gì đang bên trong người đó. Dụng cụ này bắt đầu bắt sóng ý nghĩ. Nếu một kẻ ngốc được đưa tới đứng trước nó, sẽ rất ít sóng được báo ra, bởi vì người như thế gần

như chẳng nghĩ gì. Nếu một nhà trí thức được đưa tới đứng trước nó, máy sẽ tiếp quản tất cả những rung động của ý nghĩ của người đó.

Cho nên điều chúng ta biết về tâm trí là dạng tinh tế của thể vía. Khi chúng ta ngày càng đi vào bên trong, các tầng lại ngày càng tinh tế hơn. Khoa học đã đạt tới thể ê te nhưng thậm chí bây giờ nó vẫn khẳng khẳng gọi đó là bình diện nguyên tử hay bình diện năng lượng nguyên tử. Nhưng khoa học đã đạt tới thể thứ hai của vật chất. Cũng sẽ chẳng lâu lắm để đạt tới bình diện thứ ba, bởi vì bây giờ đã trở nên cần phải làm như vậy.

Công việc cũng đang được tiến hành trên bình diện thứ tư nhưng theo chiều hướng khác. Vì tâm trí được coi như một phân tử thể này, một số nhà khoa học đang làm việc chỉ về tâm trí; họ đã bỏ thân thể ra ngoài hoàn toàn. Họ đã kinh nghiệm rất nhiều điều về thể thứ tư. Chẳng hạn, tất cả chúng ta, theo một cách nào đó, đều là nguồn phát. Ý nghĩ của chúng ta lan toả khắp quanh ta. Ngay cả khi tôi không nói với bạn, ý nghĩ của tôi vẫn cứ tới bạn.

Nhiều công trình đang tiến triển ở Nga trong lĩnh vực viễn cảm. Một nhà khoa học, Fayadev, đã thành công trong việc truyền ý nghĩ cho một người ở khoảng cách xa hàng nghìn dặm hết như được làm trong việc phát sóng radio. Nếu chúng ta tập trung sự chú ý với toàn bộ sức mạnh ý chí vào một hướng đặc biệt và truyền một ý nghĩ, nó sẽ tới đích đặc biệt đó. Nếu tâm trí ở tại đầu kia cũng cởi mở tương đương và sẵn sàng tiếp nhận vào khoảnh khắc đó và được tập trung theo cùng hướng, ý nghĩ sẽ được nhận.

Bạn có thể thử một thực nghiệm đơn giản tại nhà. Trẻ nhỏ bắt sóng ý nghĩ rất nhanh bởi vì tính tiếp nhận của chúng rất sắc bén. Bảo một đứa trẻ ngồi trong góc buồng

tôi và bảo nó tập trung vào bạn trong năm phút. Bảo nó rằng bạn sẽ nói cho nó điều gì đó trong im lặng và nó phải cố gắng và lắng nghe. Nếu nó nghe thấy, nó lặp lại điều nó nghe thấy. Thế rồi bạn chọn một từ, Rama chẳng hạn. Bây giờ tập trung vào đứa trẻ và lặp lại từ này bên trong bạn cho tới khi nó vang dội trong bạn. Đừng nói to từ đó. Trong thời gian hai hay ba ngày, bạn sẽ thấy rằng đứa trẻ đã bắt được từ đó.

Điều ngược lại cũng có thể xảy ra. Một khi thực nghiệm này thành công, sẽ dễ dàng tiến hành thêm các thử nghiệm. Bây giờ bạn có thể bảo đứa trẻ tập trung vào bạn. Nó nên nghĩ về một từ và ném từ đó vào hướng của bạn theo cùng cách. Với phần đầu của thực nghiệm, hoài nghi của bạn đã được xoá sạch khi đứa trẻ bắt được từ của bạn. Cho nên bây giờ bạn sẽ tiếp nhận và bắt lấy từ của đứa trẻ. Khi thực nghiệm này thành công, bạn sẽ chấm dứt việc hoài nghi, và tính tiếp nhận của bạn sẽ tăng lên tương ứng.

Giữa bạn và đứa trẻ có thể giới vật lí. Ý nghĩ này về bản chất nên mang tính vật lí trong nội dung của nó bằng không nó sẽ không thể xuyên qua môi giới vật lí. Bạn sẽ ngạc nhiên mà biết rằng Mahavira thậm chí đã định nghĩa nghiệp như vật chất. Nếu bạn giận dữ và bạn giết ai đó, đây là hành động của sự giận dữ và của kẻ giết người. Mahavira nói rằng các nguyên tử tinh tế của những hành động này bám vào bạn như lớp váng nghiệp và hành động. Cho nên hành động nữa cũng là vật lí, và chúng cũng bám chặt vào bạn như vật chất.

Mahavira gọi việc trở nên tự do với sự lệ thuộc tích lũy này của nghiệp là *nirjara* - giải lệ thuộc. Tất cả các nguyên tử của nghiệp này mà đã tụ tập quanh bạn phải bị rũ bỏ hết. Cái ngày mà bạn gạt bỏ tất cả chúng, cái còn lại

của bạn sẽ là sự thuần khiết tuyệt đối. Nirjara nghĩa là rũ bỏ các nguyên tử của hành động. Khi bạn giận dữ, đây là hành động, thế thì giận dữ này vẫn còn với bạn bao giờ cũng trong dạng nguyên tử của nó. Đó là lí do tại sao khi thể vật lí suy sụp, những nguyên tử này không bị tan rã - bởi vì chúng rất tinh tế. Chúng đi cùng bạn tới lần sinh thành tiếp.

Cho nên thể trí là dạng tinh tế của thể vía. Vậy, như bạn có thể thấy, không có lỗ hổng giữa bốn thể này. Mỗi thể lại là dạng tinh tế của thể trước đó. Nhiều công trình đang được tiến hành về thể trí. Các nhà khoa học đang làm việc trong lĩnh vực tâm lí và đặc biệt cận tâm lí, và những qui tắc kì lạ và kì diệu của năng lượng tinh thần đang từ từ tới bên trong hiểu thấu của họ. Tôn giáo đã hiểu thấu chúng từ lâu, nhưng bây giờ nhiều thứ đã trở nên rõ ràng cả cho khoa học nữa.

Có nhiều người ở Monte Carlo không bao giờ bị thua trong trò chơi xúc sắc. Bất kì con xúc sắc nào họ gieo cũng đều đưa lại số họ muốn. Ban đầu người ta cứ ngỡ là có lẽ xúc sắc đã được thiết kế đặc biệt để gieo số mà họ muốn. Thế rồi con xúc sắc được thay đổi, nhưng kết quả vẫn như cũ: con xúc sắc vẫn cứ rơi đích xác chỗ những người này muốn chúng rơi. Nhiều thay đổi xúc sắc đều cho cùng kết quả. Thậm chí khi bị bịt mắt những người này vẫn xoay xở để gieo đúng số. Điều này làm cho những người khác ngồi cạnh phải để ý. Các cuộc điều tra đã bắt đầu để tìm ra nguyên nhân. Thực tại, chính quyết tâm của ý nghĩ của họ đã ảnh hưởng tới con xúc sắc. Họ gieo con xúc sắc với quyết tâm để được số họ muốn. Sóng ý nghĩ của họ đem con xúc sắc về đúng số đó. Điều này có nghĩa là gì? Nếu sóng ý nghĩ có khả năng thay đổi hướng của con xúc sắc, chúng cũng phải là vật chất bằng không điều này không thể có được.

Tiến hành một thực nghiệm nhỏ và bạn sẽ hiểu. Vì bạn nói về khoa học, tôi nói về thực nghiệm. Lấy một cái cốc đổ đầy nước. Bỏ thêm vào cốc một ít glycerine hay bất kì chất béo nào khác để tạo nên một màng mỏng trên bề mặt nước. Đặt một chiếc đinh ghim thẳng nhẹ nhàng trên màng này để cho nó nổi trên bề mặt. Đóng cửa phòng mọi phía. Để bàn tay áp sát xuống đất, tập trung sự chú ý của bạn hoàn toàn vào chiếc kim. Trong năm phút nhìn thẳng vào chiếc kim. Rồi bảo chiếc kim quay sang trái và nó sẽ quay sang trái. Rồi bảo nó quay sang phải và nó sẽ quay sang phải. Bảo nó dừng lại và nó sẽ dừng; bảo nó di chuyển và nó sẽ di chuyển. Nếu ý nghĩ của bạn có thể làm chuyển động chiếc kim, nó cũng có thể làm chuyển động cả quả núi nữa; đây chỉ là vấn đề tỉ lệ. Về nền tảng, nguyên tắc là như nhau. Nếu bạn có khả năng làm chuyển động chiếc kim thì điều nền tảng đã được chứng minh. Đây là vấn đề khác nếu núi có thể là một cấu trúc quá khổng lồ không di chuyển được - nhưng nó có thể di chuyển.

Sóng ý nghĩ của chúng ta chạm vào vật chất và làm biến đổi nó. Có những người khi được trao cho chiếc khăn tay của bạn, sẽ có thể nói nhiều điều về bạn gần như thấy bạn. Điều này là bởi vì khăn tay của bạn hấp thu sóng ý nghĩ của bạn. Những sóng này cũng tinh tế đến mức một chiếc khăn thuộc về Alexander Đại Đế vẫn sẽ còn mang những sự kiện về nhân cách ông ta. Những sóng này cũng tinh tế đến mức phải mất hàng triệu năm nó mới ra khỏi vật mang. Đây là lí do tại sao các nấm mồ và samadhi lại được xây dựng.

Hôm qua tôi đã nói với các bạn rằng ở Ấn Độ chúng ta có tục lệ hoá thiêu người chết, nhưng không hoá thiêu sannyasin chết. Thân thể của người thường được đem đi thiêu để cho linh hồn người đó không tiếp tục lớn vờn

quanh nó. Nhưng sannyasin không bị đem đi thiêu bởi vì linh hồn người đó đã dừng lớn vờn quanh thân thể mình ngay từ khi người này vẫn còn sống. Bây giờ không phải sợ linh hồn người đó còn có gắn bó với thân thể người đó. Chúng ta muốn gìn giữ thân thể người đó, bởi vì thân thể của người đã trải qua nhiều năm trong kinh nghiệm điều thiêng liêng sẽ khuếch tán cùng những sóng ý nghĩ đó trong hàng nghìn năm. Chỗ chôn cất người đó sẽ là có nghĩa; nó sẽ cho kết quả. Thân thể đã chết, nhưng thân thể này đã gần gũi với linh hồn này đến mức nó hấp thu phần lớn những rung động đã phát ra từ nó.

Các ý nghĩ có những khả năng vô hạn, nhưng đầu sao chúng cũng là vật lí. Do đó, phải rất cẩn thận về điều bạn nghĩ, bởi vì các sóng ý nghĩ tinh tế sẽ còn lại với bạn ngay cả sau khi thân thể suy sụp. Tuổi vật lí của bạn rất ngắn ngủi nếu so với tuổi của những sóng tinh tế này. Các nhà khoa học bây giờ đi đến kết luận rằng nếu đã có những người như Jesus và Krishna, trong tương lai gần họ cũng sẽ có thể bắt được sóng ý nghĩ của những người này. Thế thì chúng ta sẽ có khả năng biết liệu Krishna có thực đã nói Gita hay không - bởi vì sóng ý nghĩ đã được phát ra từ Krishna vẫn còn hiện diện trong vũ trụ, bật lại từ hành tinh nào đó, tinh tú nào đó.

Cũng hết như khi chúng ta ném một hòn đá vào biển: khi nó rơi xuống nó tạo nên các vòng tròn nhỏ. Đá sẽ chìm vì nó không thể nào ở lâu trên mặt nước được; nó bắt đầu chìm ngay khi nó chạm vào nước. Các gợn sóng do tác động của nó lên nước bắt đầu tăng lên. Chúng trở nên càng ngày càng rộng và việc mở rộng của chúng là vô tận. Chúng có thể đi vượt ra ngoài đường chân trời tầm nhìn của bạn, và ai biết chúng đạt tới bến bờ xa xôi nào.

Cho nên ý nghĩ, dù được sinh ra như thế nào - không chỉ những ý nghĩ được nói ra mà còn cả những ý nghĩ ở trong tâm trí - cũng lan rộng trong vũ trụ, và chúng cứ lan rộng mãi. Và chúng có thể bị bắt giữ lại. Một ngày nào đó, khi đà của khoa học tăng lên và con người tiến bộ hơn nữa, chúng ta sẽ có thể nghe thấy chúng lần nữa. Bây giờ tín tức radio truyền từ Delhi tới Bombay phải mất một chút thời gian để tới Bombay vì âm thanh mất thời gian để du hành. Vào lúc nó tới Bombay, nó không còn ở Delhi nữa: sóng đã rời khỏi Delhi qua một khoảng cách chỉ trong vài khoảnh khắc. Có lẽ hồng thời gian.

Bây giờ giả sử ở Ấn Độ chúng ta thấy một người ở New York trên ti vi. Khi hình ảnh người này được tạo ra ở New York, chúng ta không thấy được ngay lập tức; có lẽ hồng giữa việc hình thành nó và thời gian khi nó tới chúng ta. Có thể trong khoảng thời gian đó người này đã chết, nhưng người đó vẫn dường như sống với chúng ta.

Cây cối, con vật và con người phản ứng mạnh mẽ lại với môi trường âm thanh. Thế mà ê te do các ý nghĩ tạo ra, lại còn thâm trầm hơn nhiều so với sóng âm thanh. Dạng rất mịn này của năng lượng vật lí sẽ được các nhà khoa học nghiên cứu, đó là điều không hoài nghi gì nữa.

Sóng ý nghĩ từ trái đất, cũng như các gợn sóng của những biên cố khác, đi ra tới vô số các hành tinh. Nếu như chúng ta tiến lên trước chúng và bắt lấy chúng, chúng sẽ vẫn là sóng theo một nghĩa nào đó. Con người chết nhưng ý nghĩ của người đó không chết nhanh thế. Cuộc sống của con người rất ngắn; cuộc sống của ý nghĩ rất dài. Nhớ cả điều này nữa, ý nghĩ chúng ta không diễn đạt còn sống lâu hơn ý nghĩ chúng ta diễn đạt bởi vì chúng tinh tế hơn. Vật càng tinh tế hơn, cuộc sống của nó càng dài hơn; vật càng thô hơn, cuộc sống càng ngắn hơn.

Ý nghĩ ảnh hưởng tới thế giới vật lí theo nhiều cách. Chúng ta chẳng có ý tưởng gì về hiệu quả của nó. Các nhà sinh học bây giờ đã kinh nghiệm rằng nếu một bản nhạc tình được chơi bên cạnh một cây, nó bắt đầu nở hoa sớm - thậm chí trái vụ. Nếu nhạc giậm giật, âm ỉ được chơi gần nó thế thì nó không nở hoa - không nở hoa thậm chí dù đúng mùa vụ. Rung động của âm nhạc chạm tới cây cối. Bỏ cho nhiều sữa hơn dưới ảnh hưởng của các kiểu âm nhạc khác nhau. Ý nghĩ tạo ra ê te tinh tế hơn mà ê te lại tạo ra hào quang gợn sóng. Mỗi người đều mang quanh mình thế giới riêng các ý nghĩ của mình mà từ đó gợn sóng cứ lan toả liên tục mãi.

Những sóng ý nghĩ này cũng là vật lí. Điều ta biết về tâm trí là một dạng rất tinh tế của năng lượng vật lí. Do đó, không khó khăn cho khoa học đạt tới chúng, bởi vì những sóng này có thể bị bắt lại và được nghiên cứu. Chẳng hạn, mãi đến gần đây chúng ta vẫn không biết con người ngủ say thế nào - tâm trí người đó đi vào độ sâu nào. Bây giờ chúng ta biết; chúng ta có dụng cụ để tìm ra. Khi chúng ta có dụng cụ để đo tỉ lệ xung, chúng ta cũng có dụng cụ để đo giấc ngủ. Một thiết bị được gắn vào đầu suốt cả đêm, và từ đồ thị được tạo nên từ nó chúng ta có thể biết đích xác khi nào giấc ngủ của người này trở nên sâu, người đó ngủ được bao lâu, người đó mơ bao lâu, lúc nào là mơ tốt, lúc nào là mơ xấu, các giấc mơ kéo dài bao lâu, và liệu chúng có mang tính dục hay không dục. Tất cả những điều này đều được đồ thị chỉ ra. Có khoảng mười phòng thí nghiệm ở Mỹ nơi hàng nghìn người được trả tiền để tới và ngủ và giấc ngủ của họ được kiểm tra chặt chẽ. Vấn đề có sự quan tâm lớn là chúng ta vẫn còn chưa quen biết với giấc ngủ.

Một phần ba đời người trôi qua trong giấc ngủ. Ngủ không phải là vấn đề nhỏ. Nếu một người sống sáu mươi

năm, người đó ngủ hai mươi năm trong số đó. Nếu thời kì hai mươi năm này vẫn còn không được biết, một phần ba đời người đó sẽ còn không được biết với người đó. Bây giờ sự kiện đáng quan tâm là ở chỗ nếu người đó không ngủ trong hai mươi năm này, người đó sẽ không sống được cho bốn mươi năm. Do đó, giấc ngủ là nhu cầu cơ bản. Một người có thể ngủ mà không tỉnh trong sáu mươi năm, nhưng người đó không thể sống mà không ngủ. Vậy, giấc ngủ là một yêu cầu cơ bản.

Trong giấc ngủ chúng ta ở đâu đó khác; tâm trí ở đâu đó khác. Nhưng tâm trí này có thể được đo. Bây giờ người ta có thể biết một người đi vào giấc ngủ say thế nào. Có nhiều người cứ khẳng định là mình không mơ. Đây là ý nghĩ tuyệt đối sai lầm, và họ nói điều này bởi vì họ không biết. Rất khó tìm ra người không mơ. Rất khó đây! Mơ xuất hiện suốt đêm trường. Bạn nghĩ rằng bạn chỉ có một giấc mơ hay hai, nhưng điều đó là sai. Máy móc nói rằng giấc mơ xuất hiện cả đêm nhưng chúng ta không nhớ chúng. Bạn ngủ nên việc nhớ bị thiếu vắng. Giấc mơ bạn nhớ chính là giấc mơ cuối cùng xảy ra khi giấc ngủ gần kết thúc. Khi bạn trở lại từ giấc ngủ, giấc mơ cuối cùng còn lại trong ý nghĩ của bạn. Tiếng vọng mờ nhạt của nó vẫn còn nấn ná bên trong khi bạn tỉnh dậy. Nhưng bạn không nhớ chút nào tất cả những giấc mơ của giấc ngủ say.

Bây giờ vấn đề đã trở thành cần thiết để nghiên cứu giấc mơ nào xuất hiện trong giấc ngủ say, bởi vì cái mà người ta mơ trong chiều sâu của giấc ngủ, để lộ ra nhân cách xác thực của người đó. Thực sự chúng ta trở nên không xác thực khi thức tỉnh. Thông thường ta nói, "Cái gì có đó trong mơ?" Nhưng mơ để lộ ra nhiều chân lí về bản thân chúng ta hơn là trạng thái tỉnh của chúng ta. Trong thời kì có ý thức của mình, chúng ta che đậy bản

thân mình bằng áo giả. Nếu một ngày nào đó chúng ta thành công trong việc tạo ra một cửa sổ trong đầu con người để từ đó chúng ta có thể quan sát tất cả các giấc mơ của người đó, tự do cuối cùng của người đó sẽ bị mất. Thế thì người đó sẽ không được tự do ngay cả với việc mơ. Người đó sẽ sợ mơ, bởi vì cũng có giá trị đạo đức với các luật lệ và qui tắc của nó sẽ tạo nên cảnh sát của nó. Nó sẽ nói, "Giấc mơ này là không đúng; anh đang không mơ đúng." Tuy nhiên hiện tại chúng ta không có tự do này. Con người được tự do trong giấc ngủ - nhưng tự do của con người sẽ không kéo dài, bởi vì sự xâm lấn vào giấc ngủ đã bắt đầu. Chẳng hạn, bây giờ Nga đã bắt đầu giáo dục trong giấc ngủ.

Nhiều công trình đang tiếp tục về việc dạy học trong khi ngủ. Trong những giờ thức tỉnh, người ta phải tốn nhiều nỗ lực hơn bởi vì trẻ con cưỡng lại. Khó mà dạy một đứa trẻ điều gì đó, bởi vì về cơ bản nó từ chối bị dạy. Thực tế, mọi người đều từ chối việc học, bởi vì mỗi người đều bắt đầu với ý nghĩ cơ bản rằng mình đã biết. Trẻ con cũng từ chối bằng việc nói, "Thầy dạy gì vậy?" Chẳng có cách nào để cho nó sẵn sàng học. Thế thì chúng ta phải hối lộ nó bằng việc trao giải thưởng sau kì thi, huân chương vàng, vân vân. Chúng ta phải khơi dậy tinh thần tham vọng bên trong nó; chúng ta phải tiếp tục thúc đẩy nó để giáo dục nó. Xung đột này chiếm một thời gian quá dài. Điều mà đứa trẻ có thể học trong hai giờ, chúng ta nhồi vào nó trong hai tháng.

Cho nên phương pháp dạy trong khi ngủ đã được làm tiến hoá, và vấn đề đã trở thành rõ như ban ngày là đứa trẻ có thể được dạy rất tốt trong giấc ngủ. Lí do là giản dị: không có sự cưỡng lại trong giấc ngủ. Một băng ghi âm được bật lên gần đứa trẻ đang ngủ truyền đạt bất kì cái gì cần phải nhồi vào cho đứa trẻ. "Hai cộng hai là bốn; hai

cộng hai là bốn," bằng cứ lặp đi lặp lại. Hỏi đứa trẻ vào buổi sáng và nó sẽ nói, "Hai cộng hai là bốn."

Bây giờ ý nghĩ này đã được truyền đạt trong giấc ngủ cũng có thể được làm thấm nhuần vào tâm trí bằng phương tiện sóng ý nghĩ, bởi vì bây giờ chúng ta biết về sóng ý nghĩ. Trong quá khứ chúng ta không biết, nhưng bây giờ chúng ta biết rằng bản thân lời không được khắc ghi vào đĩa hát. Thay vì thế thì vết khắc ghi của sóng âm thanh được ghi lại trên đĩa. Khi kim chạm vào đường rãnh mà đã được tạo ra, nó lặp lại cùng sóng vốn gây ra cho đường rãnh được ghi lại.

Như tôi đã nói trước đây, nếu bạn tụng Aum một hình mẫu sẽ được tạo thành trên cát. Bản thân hình mẫu này, không phải là aum - nhưng nếu bạn biết rằng hình mẫu đặc biệt này được tạo nên bởi aum, thế thì một ngày nào đó bạn sẽ có khả năng chuyển đổi hình mẫu này trở lại aum. Tuỳ theo việc hình thành hình mẫu này mà âm thanh của aum sẽ xuất hiện. Hình mẫu và aum có thể được xem như cùng một vật. Trong việc ghi đĩa hát không lời - chỉ có đường rãnh được tạo ra bởi tác động của âm thanh của lời. Khi những đường rãnh này đi vào tiếp xúc với kim, chúng được chuyển đổi thành âm thanh tương ứng.

Trong tương lai rất gần chúng ta sẽ có khả năng tạo ra bản ghi ý nghĩ. Vì tác động của ý nghĩ đã được nhận ra nên con người sẽ không mất thời gian lâu để có khả năng ghi lại nó. Thế thì một điều kì diệu sẽ xảy ra. Sẽ có thể là mặc dầu Einstein đã chết nhưng quá trình suy nghĩ đầy đủ của ông ấy sẽ được ghi lại. Thế thì điều Einstein sẽ nghĩ trong tương lai, nếu như ông ấy vẫn còn sống, cũng sẽ được máy móc cung cấp, bởi vì máy này sẽ bắt giữ tác động của toàn bộ sóng ý nghĩ của ông ấy.

Ngủ, mơ và vô ý thức đã được nghiên cứu đầy đủ. Vậy, tất cả khả năng khoa học của tâm trí bây giờ đều được biết cho con người. Do đó, cũng tốt là hiểu chúng. Chẳng hạn, lấy một người đang giận dữ. Theo tính toán cũ của chúng ta, chúng ta sẽ khuyên anh ta, "Đừng lao vào giận dữ; anh sẽ xuống địa ngục đấy." Chúng ta không có cách nào khác. Nhưng nếu người này nói anh ta sẵn sàng xuống địa ngục, thế thì chúng ta bắt lực; chúng ta không thể làm gì cho anh ta được. Và nếu người này còn tuyên bố thêm nữa rằng anh ta nóng lòng muốn xuống địa ngục, tất cả đạo đức của chúng ta thành vô dụng. Chúng ta có thể kiểm soát một người chỉ nếu người đó sợ địa ngục. Đây là lí do tại sao ngay khi nỗi sợ địa ngục rời bỏ thế giới này, nền đạo đức của chúng ta cũng ra đi cùng nó. Bây giờ chẳng ai sợ địa ngục cả. "Địa ngục ở đâu?" ai cũng muốn biết.

Cho nên đạo đức bị kết thúc hoàn toàn, bởi vì nỗi sợ mà nó dựa trên đó đã mất. Nhưng khoa học nói không cần đạo đức vì nó đã xây dựng một công thức khác dựa trên việc chấm dứt những bí mật thân thể nào đó. Khi chúng ta đang giận dữ, một quá trình hoá học đặc biệt xảy ra bên trong thân thể, bởi vì giận dữ là biến cố vật lí. Khi có giận dữ bên trong, tuyệt đối cần hoá chất nào đó được giữ kín trong thân thể. Vậy, công thức của khoa học là thế này: những chất được giữ kín này có thể bị ngăn lại không cho hình thành và thế thì sẽ không có giận dữ. Thế thì chẳng cần phải chấm dứt giận dữ một cách trực tiếp. Nếu chất lỏng này bị dừng lại con người sẽ thấy không thể nào giận dữ được. Nếu chúng ta cố gắng khuyên nam nữ thanh niên tiết chế dục, thực hành vô dục, họ chẳng bao giờ nghe. Khoa học nói, "Chấm dứt tất cả những điều này đi! Nếu chúng ta hạn chế phát triển của tuyến nào đó, chín muối dục sẽ không tới trước tuổi hai mươi năm."

Điều này rất nguy hiểm. Khoảnh khắc tâm trí tới đây đủ bên trong việc hiểu của khoa học, con người sẽ bắt đầu dùng sai tri thức của mình. Khoa học nói rằng thành phần hoá chất của một người có tâm trí nổi dậy khác với thành phần hoá chất của người với tâm trí chính thống. Phát kiến này chứa những khả năng nguy hiểm. Nếu thành phần của những hoá chất này được con người biết tới, chúng ta có thể làm cho người nổi dậy thành thụ động và người chính thống thành người nổi dậy. Một khi các thành phần hoá chất đem tới thôi thúc ăn cắp hay giết người là được biết tới, sẽ không còn cần gì tới giam cầm và xử tử nữa. Tất cả những điều cần thiết vậy là cần phẫu thuật hay trị liệu để loại bỏ chất này khỏi người đó. Hoá chất đang xét có thể bị loại bỏ hay hoá chất khác có thể được đưa vào để trung hoà chúng hay có thể cho thuốc giải độc. Tất cả công trình này hiện đang được nghiên cứu.

Tất cả những điều này chỉ ra rằng không còn nhiều khó khăn trên con đường của khoa học để đạt tới thể thứ tư. Vấn đề duy nhất là ở chỗ một phần rất lớn của khoa học đang tham gia vào nghiên cứu vì mục đích chiến tranh. Đó là lí do tại sao loại nghiên cứu này lại không được coi là chủ yếu; nó vẫn còn là vấn đề thứ yếu. Vậy mà đã có tiến bộ lớn và thu được các kết quả bất thường.

Aldous Huxley đã tuyên bố rằng điều đã xảy ra cho Meera hay Kabir có thể đem lại bởi việc tiêm. Đây là một tuyên bố rất hung hăng, mặc dầu đúng ở mức độ nào đó. Mahavira sẽ nhịn ăn một tháng và tâm trí của ông ấy sẽ trở nên yên tĩnh. Nhịn ăn là hành động vật lí, và nếu tâm trí có thể trở nên an bình bằng hành động vật lí thể thì tâm trí nữa cũng là vật lí. Với việc nhịn ăn một tháng toàn bộ thành phần hoá học của thân thể thay đổi; đó là tất cả những cái có đó cho nó. Chất dinh dưỡng mà thân thể

đáng phải có bị phủ nhận cho nó và tất cả chất dự trữ của thân thể đều được dùng hết. Chất béo tan đi và những phần tử không thiết yếu trải qua việc tiêu huỷ trong khi những phần tử thiết yếu được gìn giữ. Theo cách này toàn bộ việc thu xếp hoá học của thân thể trải qua sự thay đổi hoàn toàn.

Khoa học nói, "Cần gì phải trải qua vất vả thể trong một tháng dài? Tỉ lệ hoá chất có thể được thay đổi theo những mô tả ở đây và bây giờ." Nếu thay đổi hoá chất này được khoa học đem tới, bạn sẽ kinh nghiệm cùng an bình mà Mahavira đã kinh qua sau khi nhịn ăn một tháng dài mà chẳng mất thời gian gì cả; nhịn ăn một tháng sẽ là không cần thiết.

Cho nên tôi bảo các bạn trong khi thiền, thở thật mạnh và nhanh. Nhưng cái gì sẽ xảy ra sau một nửa giờ thở mạnh? Đây chỉ là tỉ lệ các bô níc và ô xi bên trong bạn sẽ thay đổi - nhưng điều này có thể được đem lại bằng các phương tiện bên ngoài nữa. Chẳng cần phải làm cho bạn lao động trong nửa giờ. Tỉ lệ ô xi và các bô níc trong phòng này có thể được thay đổi và tất cả những người ngồi đây sẽ kinh nghiệm an bình và bình thản và sẽ cảm thấy vui vẻ. Vậy, khoa học đã đi vào thể thứ tư từ mọi hướng, và nó vẫn đang thấm vào đó hơn nữa.

Trong thiền những kinh nghiệm khác nhau xảy ra cho bạn. Bạn ngửi thấy tất cả các loại hương thơm, bạn thấy màu sắc. Tất cả những điều này bây giờ có thể được đem tới mà chẳng cần thiền, bởi vì khoa học đã tìm ra phần nào của bộ não bạn trở nên tích cực trong những kinh nghiệm này. Nếu phần sau của bộ não tôi được kích thích khi tôi thấy màu đẹp, các cuộc điều tra khoa học sẽ chỉ ra đích xác phần trở nên kích hoạt và chiều dài sóng được tạo ra. Bạn không cần đi vào thiền. Cùng rung động đó có

thể được đem lại bên trong bạn với sự trợ giúp của điện và bạn sẽ bắt đầu thấy màu sắc. Đây là những biến cố song song, bởi vì chúng ta giữ cực nào đi chẳng nữa, đầu bên kia cũng lập tức trở nên được kích hoạt ngay.

Tuy nhiên có nguy hiểm trong điều này. Càng nhiều nghiên cứu mới của con người tràn vào bên trong, nguy hiểm của nó càng tăng lên. Chẳng hạn, bây giờ chúng ta có thể tăng tuổi của con người lên theo ý muốn. Điều đó không còn trong tay của tự nhiên nữa; nó là trong tay của khoa học. Cho nên ở châu Âu và Mỹ có hàng nghìn người già kêu la về quyền được chết theo ý chí tự do của riêng mình, nhưng họ bị giữ sống lay lắt trên giường chết. Họ được cấp cho ô xi và có thể được làm cho sống trong một thời gian lâu. Một ông già chín mươi tuổi cầu xin được chết, nhưng bác sĩ nói, "Chúng tôi không thể ủng hộ điều đó được; điều đó là chống lại luật pháp." Thậm chí đứa con của ông già cũng cảm thấy rằng bố mình đang phải chịu đựng quá nhiều và ông ấy bây giờ nên được phép chết, người đó không thể nói một cách cởi mở như vậy được. Có những máy móc để giữ cho một người hấp hối vẫn còn sống và người sắp chết được làm cho sống tiếp. Bây giờ điều này, theo cách này, là nguy hiểm.

Luật cũ của chúng ta đã được làm ra khi chưa có phương tiện để giữ cho con người sống và khi chúng ta cũng có thể giết chết một người. Bây giờ luật cần phải được xem xét lại, bởi vì chúng ta có thể giữ một người hấp hối vẫn sống và kéo dài đủ lâu để người đó cảm thấy, "Điều này là bạo hành, điều này là tàn ác! Tôi không muốn sống thêm nữa. Các ông đang làm gì tôi vậy?" Đã có thời khi chúng ta trừng phạt một người bởi tội ác của người đó bằng cách treo cổ người đó. Sẽ không có gì phải ngạc nhiên nếu năm mươi năm sau chúng ta trừng phạt một người bằng việc không cho phép người đó chết. Và

việc trừng phạt này sẽ còn tồi tệ hơn là việc trừng phạt đầu, bởi vì chết là vấn đề của vài giây trong khi sống có thể đến hàng thập kỉ.

Cho nên bất kì khi nào có khám phá mới trong thể giới bên trong của con người đều có hai kết quả: hoặc loài người có thể đau khổ bởi nó, hoặc nó có thể có ích. Bất kì khi nào quyền năng tới, nó bao giờ cũng có hai mặt cả.

Khoa học đã đạt tới bình diện thứ tư bên trong con người. Trong vòng năm mươi năm nữa - đúng hơn, trong vòng ba mươi năm nữa - nó sẽ thâm nhập sâu hơn vào trong thể thứ tư. Có lẽ bạn có thể không biết rằng bất kì cái gì đã được thực hiện trong một thế kỉ đặc biệt đều đạt tới cực đỉnh của nó vào cuối thế kỉ. Mọi thế kỉ đều hoàn thành công việc của nó vào lúc nó đi tới kết thúc. Thế kỉ này đã tiến hành rất nhiều công việc mà sẽ được hoàn tất trong thời gian ba mươi năm. Nhiệm vụ lớn nhất của nó là đi vào trong hồn con người, và điều này sẽ được hoàn tất.

Thể thứ năm - thể tâm linh - thậm chí còn tinh tế hơn thể thứ tư. Tại đây không chỉ có rung động của ý nghĩ mà còn rung động của bản thể. Nếu tôi ngồi hoàn toàn im lặng không một ý nghĩ bên trong, dù thể bản thể của tôi vẫn tạo ra rung động. Nếu bạn tới gần tôi và không có ý nghĩ trong tôi, bạn sẽ vẫn ở bên trong trường rung động của tôi. Và điều thú vị nhất là ở chỗ các rung động của ý nghĩ của tôi, không mạnh hay không thâm sâu như rung động của bản thể của tôi. Do đó, người đạt tới trạng thái vô trí trở nên rất mạnh. Khó mà đánh giá được tác động của sức mạnh của người này bởi vì rung động của sự tồn tại bắt đầu nảy sinh bên trong người này. Rung động năng lượng của thể thứ năm là dạng tinh tế nhất của năng lượng trong toàn bộ tri thức của con người.

Cho nên điều đó đã xảy ra trong nhiều trường hợp, như trong trường hợp của Mahavira, là ông ấy không nói. Tức là, ông ấy hoặc nói rất ít hoặc ông ấy không nói chút nào; ông ấy chỉ ngồi. Mọi người tới, ngồi trước ông ấy, hiểu ông ấy và quay về. Điều này là có thể vào thời ông ấy, nhưng bây giờ không có như thế nữa. Điều ấy bây giờ rất khó bởi vì bạn sẽ chỉ kinh nghiệm sống sâu của thể tâm linh nếu bản thân bạn sẵn sàng ở trạng thái vô ý nghĩ, và không có điều ngược lại. Nếu bạn đầy tiếng ồn của các ý nghĩ riêng của mình bạn sẽ lỡ những rung động tinh tế này. Chúng sẽ chỉ đi qua bạn và bạn sẽ không thể nào hiểu thấu được chúng.

Nếu những rung động của sự tồn tại tới bên trong sự hiểu thấu của người ta, nên có trạng thái vô ý nghĩ về cả hai phía, thể thì không cần nói. Thể thì việc trao đổi xảy ra ở mức độ rất thân thiết, và việc trao đổi này đi thẳng vào tim. Thể thì không có giải thích bởi vì không có cách giải thích. Thể thì bạn cũng sẽ không lường lự về liệu điều này hay điều kia sẽ có hay sẽ không có. Bản thể của bạn sẽ biết trực tiếp điều đã xảy ra.

Cũng không nhất thiết chỉ có trường hợp con người bị những rung động của thể thứ năm động chạm tới. Có một hiện tượng kì diệu trong cuộc sống của Mahavira: tương truyền rằng ngay cả con vật cũng cũng tới dự cuộc tụ họp của ông ấy. Các sư Jaina đã không thể nào giải thích được hiện tượng này và họ chẳng bao giờ giải thích nổi. Bây giờ con vật không hiểu ngôn ngữ con người nhưng nó hiểu ngôn ngữ của bản thể rất rõ. Nếu tôi ngồi trong điều kiện vô ý nghĩ gần con mèo, con mèo đã trong trạng thái vô ý nghĩ. Tuy nhiên với bạn, tôi sẽ phải nói. Việc đưa bạn tới trạng thái vô ý nghĩ của con mèo là một cuộc hành trình rất dài. Con vật, cây cối và thậm chí tảng đá cũng hiểu các rung động bắt nguồn từ thể tâm linh; không có

khó khăn gì trong đó cả. Cho nên thể này cũng là thâm nhập được, nhưng chỉ sau thể thứ tư. Thể thứ tư đã bị tràn vào từ nhiều mặt trận, và khoa học sẽ sẵn lòng chấp nhận trạng thái tâm linh. Nhưng sau điều này, có một số khó khăn.

Cho nên khi tôi nói rằng mọi thứ có thể rất rõ ràng theo khoa học cho thể thứ năm nhưng sau thể thứ năm khó khăn bắt đầu, có lí do cho điều này. Nếu chúng ta hiểu rõ khoa học, nó là việc đặc thù hoá theo một hướng đặc biệt; nó là chọn lựa đặc biệt. Cho nên khoa học chỉ có thể đi sâu hơn khi nó hạn chế việc tìm kiếm của nó vào ít điều nhất có thể và cố gắng biết nhiều nhất có thể chỉ về chúng. Mục đích của khoa học là biết ngày càng nhiều hơn về ngày càng ít thứ. Công việc của nó có hai phần: nó cố gắng biết nhiều hơn về một vật nhỏ nhất có thể được. Nó làm cho chủ thể của việc tìm hiểu thành nhỏ nhất có thể được và tăng tri thức của nó về điều ấy.

Các thầy lang ngày xưa đều thông thái về toàn thân thể, nhưng bác sĩ ngày nay không thể. Kiểu nhà thực hành tổng quát cũ bây giờ khó mà thấy được. Trong thế giới ngày nay người đó đã trở thành di tích; người đó không còn được tin cậy nữa. Người đó biết về quá nhiều thứ; do đó người đó không thể biết về bất kì một cái gì thật rõ đủ để tin cậy được. Bây giờ có các nhà chuyên môn về mắt và các nhà chuyên môn về tai, và họ có thể tin cậy được vì họ đã thu được tri thức tối đa trong một lĩnh vực đặc biệt.

Chẳng hạn, tất cả sách báo có sẵn về mắt mệnh môn đến mức một đời người cũng không đủ để xem hết chúng. Hoàn toàn có thể là trong tương lai gần sẽ có một nhà chuyên môn về mắt phải và một nhà chuyên môn khác về mắt trái, hay có lẽ một nhà chuyên môn về con người và

một nhà chuyên môn về võng mạc. Khi tri thức tăng lên, mắt sẽ được phân chia thành nhiều phần cho nghiên cứu đặc biệt, bởi vì mỗi phần bản thân nó cũng là một trường hợp quan trọng rồi. Mục đích của khoa học là tập trung sự hội tụ chú ý của nó vào một đầu ghim nhỏ sao cho nó có thể thấm tràn vào chiều sâu lớn nhất. Đây là cách khoa học có thể đi tới biết rất nhiều.

Cho nên, như tôi đã nói trước đây, khoa học sẽ đạt tới thể thứ năm, bởi vì cho tới thể thứ năm, cá nhân vẫn còn tồn tại; do đó người đó có thể đi vào trong sự hội tụ của nó. Từ thể thứ sáu vũ trụ bắt đầu, và điều này nằm ngoài sự hội tụ của khoa học. Thể vũ trụ có nghĩa là toàn bộ: khoa học không thể vào đó, bởi vì khoa học đi từ cái nhỏ đến cái nhỏ nhất. Cho nên nó chỉ có thể hiểu thấu cá nhân; nó sẽ thấy rất khó khăn để hiểu thấu vũ trụ. Một mình tôn giáo có thể hiểu thấu vũ trụ. Do đó, cho tới atman, cái ta, khoa học sẽ không có rắc rối gì. Khó khăn bắt đầu với Brahman - cái ta vũ trụ. Tôi không nghĩ khoa học sẽ có thể hiểu thấu được Brahman, bởi vì thể thì nó sẽ phải rời bỏ cái đặc thù của nó. Và khoảnh khắc mà nó rời bỏ cái đặc thù của nó, nó không còn là khoa học nữa. Thế thì nó sẽ được tổng quát và mông lung như tôn giáo. Cho nên với sự giúp đỡ của khoa học chúng ta có thể du hành vào thể thứ năm. Tại thể thứ sáu khoa học sẽ bị lạc, và thể thứ bảy là không thể được cho nó vì tất cả tìm kiếm của nó đều hội tụ chỉ vào cuộc sống.

Thực tại, trung tâm của sự tồn tại của chúng ta là cuộc sống. Chúng ta muốn ít ốm và nhiều mạnh khỏe; chúng ta muốn sống lâu hơn, hạnh phúc hơn, thoải mái hơn. Mục tiêu của khoa học là làm cho cuộc sống được hạnh phúc sâu sắc hơn, thoải mái hơn, mạnh khỏe hơn và vui sướng hơn. Nhưng thể thứ bảy là việc chấp nhận cái chết: nó là cái chết tối thượng. Tại đây, thiên nhân vượt ra

ngoài việc tìm kiếm cuộc sống. Người đó nói, "Tôi cũng muốn biết cả cái chết nữa. Tôi đã biết sự tồn tại và bí ẩn của hiện hữu; bây giờ tôi muốn biết cái không tồn tại, cái không hiện hữu."

Khoa học chẳng có nghĩa gì trong miền này. Các nhà khoa học như Freud sẽ gọi điều này là ước muốn chết và nói rằng đây không phải là trạng thái lành mạnh của tâm trí - rằng đây là tự tử. Theo Freud, giải thoát và niết bàn chẳng ích lợi gì cho cuộc sống cả và những khái niệm này là bằng chứng về ước muốn của bạn được chết. Ông ta nói rằng bạn muốn chết, đây là lí do tại sao bạn ốm yếu. Nhà khoa học chống lại ham muốn chết, vì khoa học dựa trên ý chí muốn sống và trên việc mở rộng cuộc sống. Người muốn sống là người lành mạnh, nhưng khoảnh khắc sẽ tới khi ước muốn chết cũng là lành mạnh tương đương. Nếu ai đó muốn chết trước khi khoảnh khắc này tới, đây dứt khoát là điều không lành mạnh. Tuy nhiên, một khoảnh khắc sẽ tới trong cuộc sống khi một người muốn chết với mục đích chết.

Người ta có thể nói tỉnh thức là lành mạnh và ngủ là không lành mạnh, và dần dần chúng ta ngày càng dành nhiều chỗ cho ngày hơn đêm. Ban đầu đêm bắt đầu lúc sáu giờ, bây giờ nó bắt đầu lúc hai giờ sáng. Chúng ta đã đem thời gian đêm cho ngày. Có một số nhà tư tưởng hiện đại còn đi xa đến mức cảm thấy rằng nếu như người ta có thể loại hẳn đêm khỏi cuộc sống con người, một phần đáng kể của cuộc sống mình có thể được cứu cho khỏi bị phí hoại. Cần quái gì ngủ? Phải vứt bỏ việc ngủ đi, họ biện minh. Nhưng khi có vui trong tỉnh thức, cũng có cả vui trong ngủ nữa. Cũng hết như ham muốn tỉnh thức là tự nhiên và lành mạnh, ham muốn ngủ cũng vậy. Nếu một người vẫn giữ cái hăm hở sống cho tới hơi thở cuối cùng, người đó không phải là lành mạnh, và nếu một

người cứ nuôi dưỡng ham muốn chết từ ngay lúc sinh ra, thể nữa cũng là phi tự nhiên và không lành mạnh. Nếu một đứa trẻ khao khát chết nó ốm yếu, bất thường, và nó nên được điều trị. Nếu một người già còn khao khát sống, người đó nữa cũng nên được điều trị bởi vì người đó cũng ốm yếu.

Sống và chết là hai chi của sự tồn tại. Nếu bạn chấp nhận chỉ một điều, bạn nhất định là què quặt. Chừng nào thời điểm chưa tới để bạn chấp nhận điều kia, tàn tật vẫn cứ còn đấy. Cả hai chi là quan trọng - hiện hữu và vô hiện hữu. Người ôm choàng và chấp nhận cả hiện hữu và vô hiện hữu như nhau có thể được gọi là hoàn toàn lành mạnh. Người nói, "Tôi đã biết hiện hữu là gì; bây giờ tôi muốn biết vô hiện hữu là gì," không sợ cái vô hiện hữu.

Bình diện thứ bảy chỉ dành cho những người dũng cảm - người đã biết cuộc sống và hăm hở biết cái chết, người hăng say thám hiểm cái chết, trạng thái tuyệt diệt. Họ hăng say biết vô hiện hữu là gì, tuyệt diệt giống cái gì, vô hiện hữu là gì. Họ đã ném trải cuộc sống; bây giờ họ muốn ném trải cái chết.

Tại điểm này bạn nên biết rằng cái chết giáng xuống từ bình diện thứ bảy. Điều chúng ta thường biết như cái chết tới từ bình diện thứ bảy và điều chúng ta biết như cuộc sống tới từ bình diện thứ nhất. Sinh bắt đầu với thể vật lí; sinh có nghĩa là việc bắt đầu của thể vật lí. Đây là lí do tại sao thể vật lí vào hiện hữu trước nhất trong bụng mẹ và rồi các thể khác theo sau. Cho nên thể thứ nhất là việc bắt đầu của cuộc sống và thể cuối cùng, thể niết bàn, là từ nơi cái chết tới. Cho nên người níu bám vào thể vật lí rất sợ chết, và người sợ chết, sẽ chẳng bao giờ biết tới thể thứ bảy.

Vậy, khi chúng ta ngày càng dần tách ra khỏi thể vật lí, một thời điểm sẽ tới khi chúng ta cũng chấp nhận cái chết. Chỉ thể thì chúng ta mới biết. Và người biết tới cái chết được giải thoát theo nghĩa thực của từ này, bởi vì thể thì cuộc sống và cái chết trở thành hai phần của cùng một điều và người ta vượt ra ngoài cả hai. Cho nên không có hi vọng nào để cho khoa học đạt tới thể thứ bảy, mặc dầu có khả năng cho nó đi lên tới bình diện thứ sáu.

Cánh cửa của bình diện thứ tư đã mở ra cho khoa học, và bây giờ thực tế không khó khăn gì cho nó đi lên tới thể thứ năm. Nhưng cần có những người như vậy với tâm trí khoa học và trái tim tôn giáo. Một khi họ xuất hiện, đi vào thể thứ năm sẽ không khó khăn. Tuy nhiên việc tổ hợp này là rất khó, bởi vì việc huấn luyện nhà khoa học ngăn cản người đó không trở nên mang tính tôn giáo theo nhiều hướng. Cũng vậy, theo cùng một cách, việc huấn luyện tôn giáo ngăn cản người ta không trở nên có tính khoa học. Chẳng có ở đâu mà hai nhánh huấn luyện này lại trùng lên nhau, và điều này là khó khăn lớn.

Đôi khi điều này cũng xảy ra, và bất kì khi nào điều này xảy ra trên thế giới, một đỉnh cao mới của tri thức đi vào hiện hữu. Chẳng hạn, lấy Pantajali: ông ấy là một người có tâm trí khoa học, nhưng ông ấy đã đi vào tôn giáo. Ông ấy đã mang yoga tới một đỉnh cao mà mãi cho tới nay còn khó vượt qua được. Bây giờ một thời gian dài từ khi Pantajali chết và rất nhiều công trình nữa đã được tiến hành trong lĩnh vực này, nhưng người ta vẫn chưa tìm ra ai có trí thông minh của nhà khoa học và thể giới bên trong của thực hành tâm linh. Chưa có một ai leo lên đỉnh cao hơn của yoga. Sri Aurobindo đã thử nhưng ông ấy đã không thành công.

Sri Aurobindo có tâm trí khoa học - có lẽ còn khoa học hơn Pantajali, bởi vì ông đã được huấn luyện ở phương Tây. Việc huấn luyện của ông ấy thật tuyệt vời. Khi ông ấy mới sáu tuổi, bố ông ấy đã gửi ông ấy đi học bên ngoài Ấn Độ và cấm ông ấy không được trở về chừng nào ông ấy còn chưa hoàn toàn chín chắn. Ngay cả trên giường chết, khi những người khác trong gia đình nói tới việc gọi Aurobindo về, bố ông ấy cũng không cho phép điều đó. Ông ấy nói, "Cũng được thôi nếu tôi không gặp lại nó trước khi chết. Nó phải thấm đẫm văn hoá phương Tây đầy đủ. Đừng để cái bóng của phương Đông trùm lên nó. Thậm chí đừng để nó biết rằng tôi chết." Ông ấy phải là một người cha rất dũng cảm. Vậy, Aurobindo đã hấp thu sâu sắc văn hoá phương tây. Nếu như có một người mang tính chất Tây phương theo nghĩa thực sự của từ này đó là Aurobindo. Ông ấy đã phải học lại tiếng mẹ đẻ sau khi trở về Ấn Độ.

Cho nên tri thức khoa học là đầy đủ trong ông ấy, nhưng tôn giáo là việc khắc ghi về sau và do đó nó không thể được diễn đạt sâu sắc; bằng không, con người này sẽ đạt tới tầm cao lớn hơn là Pantajali. Nhưng điều này đã không như vậy. Theo một cách thức sâu sắc, cách đào tạo của phương Tây đã trở thành rào chắn, bởi vì cách suy nghĩ của ông ấy hoàn toàn giống như cách suy nghĩ của nhà khoa học. Ông ấy đã đem toàn bộ lý thuyết tiến hoá của Darwin vào trong tôn giáo. Ông ấy đã đưa vào trong tôn giáo những tư tưởng mà ông ấy đã đem về từ phương Tây. Nhưng ông ấy không có cái nhìn sáng suốt vào trong tôn giáo, cái mà ông ấy có thể đưa vào trong khoa học. Kết quả là, ông ấy đã tạo ra một khối lượng tài liệu khoa học đồ sộ mà trong đó, tôn giáo lại rất hời hợt, bởi vì bất kì nỗ lực nào để giải thích về những bí ẩn của bình diện thứ sáu và thứ bảy nhất định là thất bại vì điều đó không

thể nào được diễn đạt theo thuật ngữ của khoa học và logic.

Bất kì khi nào cân bằng được đạt tới giữa trí tuệ khoa học và tâm trí tôn giáo, những đỉnh cao vĩ đại cũng được đạt tới. Nhưng có rất ít khả năng cho điều này xảy ra ở phương Đông, bởi vì phương Đông đã đánh mất tôn giáo của mình và khoa học nó chưa bao giờ có. Có nhiều khả năng hơn ở phương Tây, bởi vì ở đó khoa học đã trở thành quá nhiều.

Bất kì khi nào có thái quá, con lắc lại có khuynh hướng đung đưa sang cực điểm kia. Đó là lý do tại sao các siêu trí thức ở phương Tây đọc Gita với hứng thú không thấy có ở đâu trong Ấn Độ.

Lần đầu tiên Schopenhauer đọc Gita ông ấy đã đội cuốn sách này lên đầu và nhảy múa vui sướng. Khi mọi người hỏi ông có việc gì vậy, cái gì gây ra hành vi điên khùng này, ông ấy nói, "Cuốn sách này không chỉ đáng đọc mà còn đáng đội lên đầu và nhảy múa! Tôi chưa bao giờ biết rằng đã có thời người trên trái đất này lại nói theo cách này. Điều mà tôi nghĩ là chẳng bao giờ có thể nói được thành lời, đã được diễn đạt trong cuốn sách này." Bây giờ chúng ta sẽ không tìm ra một người ở đây tại Ấn Độ này, người đặt cuốn Gita lên đầu và nhảy múa. Chúng ta sẽ chỉ tìm thấy những người sẽ đặt Gita vào ghế tàu hỏa và ngồi lên nó - nhưng điều này là vô nghĩa.

Đến cuối thế kỉ này một đỉnh cao mới sẽ được chạm tới, bởi vì khi nhu cầu nảy sinh, nhiều lực được kích hoạt trên thế giới. Einstein trở thành người tôn giáo trước khi ông ấy chết. Trong cuộc đời mình ông ấy vẫn còn là nhà khoa học, nhưng khi cuộc sống của ông ấy trôi đến đoạn cuối, ông ấy trở thành người tôn giáo. Đó là lý do tại sao những người về bản chất là khoa học lại nói, "Chúng ta

không nên coi lời tuyên bố cuối cùng của Einstein là nghiêm chỉnh. Ông ấy đã mất trí."

Những lời cuối cùng của Einstein là có nghĩa. Ông ấy nói, "Tôi tưởng tôi biết mọi thứ có đó là biết về thế giới này, nhưng khi tôi biết càng ngày càng nhiều, tôi lại thấy rằng điều này là không thể được, bởi vì có cái vô hạn bao la vẫn còn lại để được biết. Tôi tưởng rằng một ngày nào đó tôi sẽ giải quyết được bí ẩn của thế giới khoa học và qui nó về thành phương trình toán học và rằng thế thì nó sẽ không còn là bí ẩn nữa. Nhưng vấn đề toán học lại ngày càng trở nên lớn hơn, và thay vì giải bí ẩn của thế giới, bản thân nó lại trở thành bí ẩn. Bây giờ, không thể nào giải quyết được vấn đề này."

Một vài nhà bác học tiếng tăm nhất của thời hiện đại cũng đang quanh quẩn ở ngoại vi tôn giáo. Những khả năng như thế bây giờ xuất hiện trong khoa học bởi vì khoa học đã đi qua thể thứ hai và đang tiến tới thể thứ ba, và khi nó tiến tới gần thể thứ ba, tiếng vọng của tôn giáo trở thành không tránh khỏi. Chính ý muốn riêng của khoa học là đi vào trong thế giới chưa biết của bất định và xác suất. Đôi khi, ở đâu đó, nó sẽ phải thừa nhận cái không biết. Nó sẽ phải đồng ý rằng còn có nhiều điều nữa bên cạnh cái có thể thấy được bằng mắt trần. Cái không thể thấy được vẫn tồn tại; cái không thể nghe thấy được cũng vẫn tồn tại. Một trăm năm trước đây chúng ta đã nói rằng cái không thể nghe thấy được hay nhìn thấy được hay sờ được là không tồn tại. Bây giờ khoa học nói khác. Nó nói rằng phạm vi sờ thấy được là rất nhỏ nhưng phạm vi không sờ thấy được là rất bao la. Phạm vi âm thanh là rất nhỏ nhưng cái mà không thể nghe được là vô giới hạn. Cái thấy được có đầy nhưng vô cùng nhỏ nếu so với tính vô hạn của cái không thấy được.

Thực tại, cái mà mắt chúng ta nhìn thấy là một phần rất nhỏ của cái đang đấy. Mắt chúng ta bắt được một bước sóng đặc biệt, tai chúng ta nghe được một bước sóng đặc biệt. Trên và dưới những bước sóng này còn vô hạn các bước sóng khác. Đôi khi, bởi ngẫu nhiên, các giác quan chúng ta cũng có thể bắt được những bước sóng này.

Có lần một người bị ngã từ trên núi xuống và tai bị thương. Bây giờ tai anh ta bắt đầu nghe thấy các sóng radio của đài phát thanh thành phố. Khi anh ta vào bệnh viện, anh ta gặp rất nhiều khó khăn; ban đầu anh ta không hiểu điều gì đã xảy ra. Anh ta nghĩ, "Hoặc là mình phát điên hoặc là mình không thể nào hiểu được ý nghĩa của điều đang xảy ra."

Thế rồi mọi thứ bắt đầu dường như rõ ràng và anh ta phàn nàn với bác sĩ. Anh ta hỏi bác sĩ, "Đài phát thanh ở đâu trong bệnh viện thế?"

Bác sĩ nói, "Anh nghe thấy cái gì sao? Chẳng có đài phát nào cả."

Anh ta vẫn cứ khẳng khẳng rằng mình đang nghe thấy tin tức và anh ta kể lại điều mình nghe thấy. Viên bác sĩ chạy về văn phòng và bật đài lên. Ông ta ngạc nhiên, ông ta nghe thấy đích xác cũng tin tức đã được thuật lại. Thế rồi mọi sự trở nên rõ ràng. Người ta phát hiện ra rằng tai anh ta đã trở nên quen với các bước sóng mới; chúng đã thay đổi khi anh ta bị ngã từ trên núi.

Rất có thể là trong tương lai gần chúng ta sẽ có thể bắt được trực tiếp các bước sóng bằng việc gắn một vật vào tai. Những âm thanh vô hạn vẫn đang đi qua và bao quanh chúng ta, nhưng chúng ta không thể nào nghe thấy chúng bởi vì trường nghe thấy của chúng ta rất hạn chế.

Thậm chí nhiều âm thanh lớn chúng ta cũng không thể nghe thấy được. Chúng ta không thể nghe thấy âm thanh trên hay dưới khả năng nghe của tai ta. Khi một ngôi sao sụp đổ, âm thanh cực kì lớn của việc sụp đổ của nó lan rộng khắp quanh ta nhưng chúng ta không thể nghe thấy nó được. Nếu tình huống là ngược lại, chúng ta sẽ trở nên bị điếc. Tương tự, phạm vi thân nhiệt của chúng ta là xấp xỉ giữa chín mươi tám và một trăm mười độ Fahrenheit (ba mươi sáu và bốn mươi ba độ Celcius). Nếu nó xuống thấp dưới chín mươi tám độ hay nó lên quá một trăm mười độ, chúng ta chết. Cuộc sống chúng ta đung đưa giữa mười tới mười hai độ. Nhiệt lại có phạm vi mệnh mông. Nó có thể thấp hơn phạm vi mười hai độ này, nhưng chúng ta không có liên quan với điều này.

Theo cùng cách này chúng ta có những giới hạn của mình về mọi thứ. Nhưng chúng ta có thể biết về những thứ bên ngoài các giới hạn này bởi vì chúng cũng tồn tại. Khoa học đã bắt đầu chấp nhận sự tồn tại của chúng. Một khi có chấp nhận, việc truy tìm những thứ này ở đâu và là cái gì được bắt đầu. Tất cả những điều này đều có thể được biết tới, tất cả những điều này đều có thể được nhận ra, và chính với lí do này tôi đã nói khoa học có thể đạt tới thể thứ năm.

Ai biết được cái không hiện hữu và dựa trên cơ sở nào mà người ta có thể biết được?

Câu hỏi này bản thân nó là sai.

Câu hỏi này không thể nêu ra được và không thể nào được hình thành, bởi vì khi chúng ta hỏi, "Ai biết cái không hiện hữu?", chúng ta coi điều đó là ai đó vẫn còn ở đằng sau. Thế thì đây không phải là không hiện hữu.

Làm sao tri thức về nó được báo cáo lại?

Không có việc báo cáo lại. Chẳng hạn, khi bạn ngủ ban đêm... Bạn ý thức chỉ về cái xuất hiện trong những giờ tỉnh thức của mình. Một khi ngủ rồi, bạn quên mất những thứ xung quanh mình. Cho nên bạn chỉ có thể báo cáo về những giờ tỉnh thức của mình - về tình huống tồn tại cho tới điểm bạn ngủ. Nhưng như một qui tắc bạn làm điều đối lập lại. Bạn nói, "Tôi đã ngủ tới tám giờ." Điều này là sai. Bạn đáng phải nói, "Tôi không tỉnh cho tới tám giờ tới." Bạn không thể báo cáo lại giấc ngủ, bởi vì khi bạn ngủ, ai báo cáo? Việc báo cáo chỉ có thể từ phía bên kia: "Tôi không tỉnh cho tới tám giờ, hay mãi đến tám giờ tôi mới biết là mình tỉnh, nhưng tôi không biết gì trước tám giờ. Thế rồi tôi biết về việc tỉnh lúc sáu giờ. Có một lỗ hổng giữa tám và sáu giờ mà trong thời gian đó tôi đã ngủ."

Nói điều này để nêu làm thí dụ. Bạn sẽ biết mọi điều cho tới thể thứ sáu. Khi bạn nhào vào thể thứ bảy và đi ra lần nữa để vào thể thứ sáu, bạn sẽ có thể nói "A ha! Ta đã ở đâu đó. Ta đã kinh nghiệm cái không hiện hữu." Việc miêu tả này chỉ được đưa ra ở thể thứ sáu, và biết bao nhiêu người đã không nói sau khi đạt tới bình diện thứ

bấy. Có lí do: tại sao nói ra cái mà không thể nào nói ra được?

Gần đây có một người tên là Wittgenstein, và ông ấy đã đưa ra một số phát biểu hiếm hoi. Một trong chúng là: "Cái mà không thể nói ra được, phải không được nói ra." Nhiều người đã nói điều không thể được nói ra và do vậy đẩy chúng ta vào khó khăn bởi vì họ cũng đã bảo chúng ta rằng điều đó không thể nào nói ra được. Cho nên điều này trở thành việc báo cáo phủ định. Đây là tin tức chớp loé lên từ biên giới cuối cùng nơi nó được nói ra, "Tôi đã tới điểm đó, nhưng sau đó, tôi không có nữa. Sau điểm này, chẳng còn gì để biết và không ai có đó để biết. Không có báo cáo và không có người báo cáo. Nhưng điều này đã xảy ra sau một biên giới đặc biệt mà trước đó, tôi có." Đường biên giới đó là biên giới của thể thứ sáu.

Veda, Kinh Thánh, Upanishad, Gita đều đi lên tới thể thứ sáu. Thể thứ bảy là cái mà không thể diễn tả nổi và thực tế cũng không thể nào diễn tả được. Cho tới thể thứ sáu, cũng không có nhiều khó khăn lắm và tới thể thứ năm, rất dễ diễn đạt. Nhưng tại bình diện thứ bảy, người biết không còn mà tri thức cũng chẳng còn. Thực tế, cái mà chúng ta ngụ ý là cái còn lại, cũng không còn lại. Nếu chúng ta nói về lỗ hổng trống rỗng này, chúng ta sẽ phải dùng ngôn ngữ phủ định. Do đó, Veda và Upanishad phải nói, "Chẳng cái này cũng chẳng cái kia". Chúng nói, "Đừng có hỏi cái gì có đó. Chúng ta chỉ có thể bảo cho ông cái không có đó; chúng ta chỉ có thể nói rằng cái đang có đó là không có đó. Không có bố ở đó, không vợ, không vật chất, không kinh nghiệm, không tri thức. Và cái 'tôi' cũng không có nốt: bản ngã không có. Không có thể giới lẫn người sáng tạo ra nó. Không có gì ở đó cả." Đây là đường biên giới của thể thứ sáu. Cái gì có đó? Bạn sẽ phải im lặng, bởi vì điều ấy không thể diễn đạt nổi.

Tin tức về Brahman đã được báo cáo lại, nhưng điều được truyền đạt vượt ra ngoài nó, nhất định phải là phủ định - như điều đã được Phật nói lại. Phật đã cố gắng cực kì vất vả để diễn đạt bình diện thứ bảy. Do đó, tất cả những gì ông ấy truyền đạt đều là phủ định, và do vậy điều này không đi vào hiểu biết của mọi người nước ông ấy. Kinh nghiệm về Brahman, kinh nghiệm tích cực, đã được mọi người hiểu rõ. Brahman được gọi là sat-chit-ananda - chân lí, tâm thức, phúc lạc - và những khẳng định này đã được hiểu rõ. Người ta có thể nói về nó là thể này, thể nọ, nhưng Phật nói về cái không có đó. Có lẽ ông ấy là người duy nhất đã làm việc vất vả để làm cho mọi người biết tới bình diện thứ bảy.

Phật đã không được chấp nhận ở đất nước này bởi vì chỗ mà ông ấy nói tới, chẳng có gốc rễ mà cũng không hình dạng. Mọi người nghe và nghĩ điều ấy là vô ích. "Chúng ta sẽ làm gì ở chỗ chẳng có gì cả thế?" họ nói. "Ít nhất, chỉ ra cho chúng tôi nơi mà chúng tôi sẽ có đó chứ." Nhưng Phật nói, "Cả ông cũng sẽ không có." Cho nên mọi người trên đất nước này xa lánh khỏi ông ấy, bởi vì họ muốn cứu mình ở chính chỗ cuối cùng.

Phật và Mahavira là người đồng đại, nhưng mọi người hiểu Mahavira rõ hơn bởi vì Mahavira nói về những hiện tượng cho tới bình diện thứ năm. Mà ông ấy thậm chí cũng chẳng đề cập tới bình diện thứ sáu. Điều này là bởi vì Mahavira có tâm trí khoa học, và bất kì khi nào ông ấy cố gắng giải thích về bình diện thứ sáu, ông ấy đều cảm thấy rằng lời nói dường như trở thành nhập nhằng, mơ hồ và phi logic. Cho tới bình diện thứ năm, mọi thứ đều ổn định và có thể đưa ra lời mô tả rằng điều này là như vậy hay điều kia là như vậy, bởi vì cho tới bình diện thứ năm, chúng ta thấy mọi thứ tương tự như kinh nghiệm của mình.

Giả sử có một hòn đảo rất nhỏ ở giữa đại dương và chỉ một loài hoa mọc trên đảo này. Có vài người sống trên đảo và họ chưa bao giờ bước ra khỏi đảo. Thế rồi một hôm một con tàu đi qua và mang một trong những người này ra nước ngoài rồi lại đưa anh ta trở về đảo. Tại nước ngoài người này thấy nhiều loài hoa khác nhau. Với anh ta "hoa" có nghĩa là một kiểu hoa đặc biệt mọc trên đảo của mình. Bây giờ, lần đầu tiên, ý nghĩa của hoa đã được mở rộng, và anh ta hiểu rằng từ hoa không chỉ nói tới một loài hoa mà còn tới hàng nghìn loài hoa. Anh ta thấy ở đó có hoa hồng, hoa loa kèn, hoa sen và hoa nhài. Bây giờ anh ta lo nghĩ. Làm sao anh ta sẽ về và giải thích cho đồng bào mình rằng hoa không chỉ là một loài hoa? Làm sao anh ta sẽ giải thích rằng hoa có tên, bởi vì trên đảo của mình, hoa chỉ có một loài và không có tên: nó đơn thuần là "hoa." Bây giờ anh ta tự hỏi làm sao mình sẽ nói cho những người khác về hoa loa kèn và hoa nhài đây.

Anh ta trở về đảo, và mặc cho những khó khăn của mình, vẫn có một lối thoát cho anh ta. Có ít nhất một loài hoa để xem xét. Bây giờ anh ta có thể nói thêm chi tiết về loài hoa này và cố gắng giải thích tính đa dạng về màu sắc, hình dáng và hương thơm của các hoa khác để truyền đạt ý tưởng nào đó trong khám phá của mình. Anh ta có thể nói, "Giống như loài hoa này màu trắng, cũng còn có những loài hoa khác màu đỏ, màu hồng, màu vàng và nhiều màu khác. Giống như loài hoa này nhỏ bé, cũng còn có những hoa to như hoa sen." Theo cách này anh ta có thể trao đổi, bởi vì một loài hoa đã có đó để chỉ ra điều gì đó về loài hoa khác.

Nhưng giả sử rằng người này không tới nước khác mà thay vì thế anh ta lên mặt trăng nơi không có hoa, không cây cỏ, nơi bầu không khí là bất thường với anh ta và sức

ép khí quyển cũng khác. Khi anh ta quay về hòn đảo của mình và người ta hỏi anh ấy thấy gì trên mặt trăng, thế thì sẽ rất khó giải thích, bởi vì chẳng có gì tương đương với kinh nghiệm của anh ta để giải thích cả. Không có từ ngữ hay kí hiệu nào trong ngôn ngữ của anh ta để truyền đạt lại báo cáo.

Đây đích xác là tình huống đang xét. Cho tới bình diện thứ năm chúng ta còn tìm ra lời để diễn đạt, nhưng nó cũng hết như là cố gắng giải thích khác biệt giữa một hoa và một nghìn hoa. Từ bình diện thứ sáu ngôn ngữ trở thành lẫn lộn. Tại đó chúng ta đạt tới điểm mà ngay cả sự khác nhau giữa một và một nghìn cũng không đủ để giải thích. Điều ấy là rất khó. Cho dù thế thì, với việc khéo dùng phủ định, tính toàn bộ vẫn có thể truyền đạt được ý tưởng nào đó. Chúng ta có thể nói không có giới hạn; nó là vô biên. Chúng ta quen thuộc với các biên giới, cho nên với sự giúp đỡ của tri thức này chúng ta có thể truyền đạt rằng không có biên giới nào ở đó. Điều này sẽ cho một ý tưởng nào đó, và mặc dầu nó vẫn còn mờ lung chúng ta vẫn có thể giả thiết rằng chúng ta hiểu. Nhưng vấn đề lại không phải là thế.

Cho nên có nhiều lẫn lộn. Chúng ta cảm thấy chúng ta đã theo được cái được nói - rằng không có biên giới ở đó. Nhưng "không biên giới" có nghĩa là gì? Kinh nghiệm của chúng ta là về các biên giới. Nó cũng hết như những người ở hòn đảo ấy sẽ nói, "Vâng, chúng tôi đã hiểu. Nó là hoa mà anh đang nói tới." Thế thì anh bạn của chúng ta sẽ nói, "Không, không phải đâu! Chớ có xem xét hoa đó. Hoa đấy chẳng liên quan gì đến hoa này cả; hoa như thế không tìm thấy được ở đây đâu." Thế thì mọi người sẽ nói, "Tại sao anh lại gọi chúng là hoa nếu như chúng không giống hoa này? Một mình hoa này mới là hoa thôi."

Chúng ta nữa cũng đang dưới ảo tưởng rằng chúng ta hiểu. Khi chúng ta được bảo, "Thượng đế là vô hạn, vô giới hạn," chúng ta nói, "Vâng, chúng tôi hiểu." Nhưng kinh nghiệm của chúng ta chỉ là về các biên giới. Chúng ta thêm từ "không" vào nó và chúng ta cảm thấy rằng mình hiểu là không có biên giới ở đó và chúng ta chắc chắn rằng chúng ta đã hiểu. Nhưng một khi bạn bắt đầu quan niệm về cái mà không có giới hạn, thế thì điều đó thành đáng sợ. Dù bạn có quán tưởng đến đâu đi chăng nữa, biên giới vẫn cứ còn lại. Bạn đi xa hơn, xa hơn nữa - thậm chí hàng triệu và hàng tỉ dặm vượt ra ngoài nơi năm ánh sáng chấm dứt - nhưng bất kì khi nào bạn dừng lại, biên giới sẽ xuất hiện.

Ý nghĩa của vô biên trong tâm trí chúng ta nhiều nhất, cũng chỉ có thể là biên giới mà ở rất rất xa xôi; nó xa đến mức vượt ra ngoài sự lĩnh hội của chúng ta, nhưng nó vẫn cứ tồn tại. Thế thì lần nữa chúng ta sẽ lại bị lừa. Cho nên có thể nói điều gì đó về bình diện thứ sáu và chúng ta có thể nghĩ chúng ta đã hiểu, nhưng kì thực chúng ta không hiểu.

Bây giờ với bình diện thứ bảy chúng ta sẽ thậm chí không làm đến cả việc nói ra là chúng ta hiểu nữa. Bình diện thứ bảy thậm chí không thể nào được nói tới nữa. Nếu ai đó cố gắng nói, chúng ta sẽ lập tức nói, "Anh đang nói cái điều vớ vẩn gì vậy?" Do đó, một từ ngớ ngẩn đã được dùng để chỉ ra bình diện thứ bảy - một từ mà không có ý nghĩa nào, không ngụ ý cái gì.

Chẳng hạn, lấy thí dụ, từ aum: nó chẳng có nghĩa gì cả; nó là từ vô nghĩa, và chúng ta đã dùng nó trong mối quan hệ với thể thứ bảy. Cho tới thể thứ năm chúng ta còn có thể nói được, nhưng khi ai đó cứ khẳng khẳng nói về thể thứ bảy, chúng ta nói, "Aum." Do đó, khi một bản

kinh được hoàn tất, từ Aum shanti được viết ra. Bạn có biết nó có nghĩa gì không? Nó có nghĩa là thể thứ bảy đã tới; chẳng còn gì thêm nữa mà nói. Các kinh sách kết thúc ngay khi bình diện thứ bảy xuất hiện; việc bắt đầu của bình diện thứ bảy là việc chấm dứt của kinh sách. Do đó, vào cuối mỗi kinh sách chúng ta không viết "Hết"; chúng ta viết "Aum Shanti." Aum là biểu tượng về bình diện thứ bảy và nó ngụ ý để truyền đạt rằng không thể có bất kì thảo luận gì nữa. Nó thôi thúc chúng ta tĩnh lặng và an bình từ đó trở đi.

Chúng ta đã tạo ra một lời ngớ ngẩn không có ý nghĩa gì, không có động cơ đằng sau nó. Và nếu có bất kì động cơ nào sau nó, nó trở thành vô dụng bởi vì chúng ta đã tạo ra lời này cho cái thể giới mà tại đó tất cả các động cơ đều chấm dứt. Nó là lời vô động cơ và do đó nó không tồn tại trong bất kì ngôn ngữ nào khác của thế giới. Nhiều thực nghiệm đã được tiến hành nhưng không có ý nghĩa cho aum. Người Ki tô giáo cầu nguyện và cuối lời cầu nguyện của mình người đó sẽ nói "Amen." Người đó đang nói "Thế là đủ! Kết thúc rồi! An bình từ đây trở đi. Không thêm lời nào nữa." Nhưng điều này không tương đương với aum. Aum không thể nào dịch được. Nó là biểu tượng mà chúng ta đã chọn cho bình diện thứ bảy.

Nó đã được khắc vào trong các đền để nhắc nhở chúng ta đừng dừng lại ở bình diện thứ sáu bởi vì còn có bình diện thứ bảy nữa. Nó được đặt vào giữa hình ảnh của Rama và Krishna để gợi ý rằng aum còn lớn lao hơn họ. Krishna nhìn vào nó - nhưng aum còn lớn lao hơn nhiều, aum là rất bao la. Mọi thứ đều xuất hiện ra từ nó, mọi thứ đều hội nhập vào trong nó. Do đó, chúng ta không định giá aum với bất kì cái gì khác trên thế giới. Nó là cái linh thiêng nhất của sự linh thiêng theo nghĩa là nó là cái tối

thượng, cái vượt ra ngoài, nơi mọi thứ đều mất đi cá tính của mình.

Cho nên không có gì có thể được báo cáo lại từ bình diện thứ bảy. Nó chỉ có thể được mô tả theo ngôn ngữ phủ định: "Nó không phải là thể này; nó không thể là thể nọ, vân vân.." Nhưng điều này cũng chỉ mang nghĩa cho tới bình diện thứ sáu. Do đó, nhiều người thấy vẫn còn im lặng về bình diện thứ bảy. Những người cố gắng nói về nó, đều tạo ra nhiều khó khăn cho bản thân mình, bởi vì thậm chí trong khi nói về nó, họ cũng phải lặp đi lặp lại rằng điều đó là không thể nào diễn tả nổi. Họ cứ luôn luôn cảnh tỉnh người nghe: "Chúng tôi đang nói về điều đó, nhưng quả thực điều đó không thể nào nói ra được." Thế thì chúng ta bị thách đố. Tại sao họ nói về những điều mà không thể nào nói ra được? Họ không nên nói về nó chứ. Nhưng họ nói, "Bình diện thứ bảy, dứt khoát là có, nhưng chúng tôi không có lời nào xứng đáng để mô tả cho nó."

Không có gì trong thế giới này so sánh được với nó; nó là không diễn đạt nổi. Có rất nhiều điều có thể được nói về nó, nhiều điều có thể được diễn tả, nhưng khó khăn là ở chỗ không có phương tiện nào để truyền đạt nó thành lời. Nó chỉ có thể được biết nhưng nó không thể nào được diễn tả ra.

Đó là lý do tại sao những người đã có thời rất mau miệng, những người là diễn giả lớn, những người có thể giải thích được mọi thứ dưới mặt trời, lại bỗng nhiên trở thành câm lặng khi họ trở về từ bình diện thứ bảy. Khi họ đột nhiên thành im hơi lặng tiếng theo cách này, việc im hơi lặng tiếng của họ truyền đạt một thông điệp: đôi mắt im lặng của họ nói lên cái không nói được. Chẳng hạn, liên quan tới điều bạn đang hỏi đây, Phật đã nêu ra một

qui tắc là những câu hỏi nào đó không nên nêu ra cho ông ấy. Ông ấy nói, "Đừng hỏi những câu hỏi này. Không thích hợp để hỏi về chúng; không thích hợp để biết về chúng." Ông ấy sẽ nói rằng một chủ đề nào đó là không thể nào xác định nổi và do đó không nên được thảo luận. Việc thảo luận về nó sẽ là không thích hợp.

Lão tử nói, "Đừng yêu cầu ta viết ra, bởi vì bất kỳ điều gì ta viết ra rồi sẽ trở thành sai. Ta sẽ chẳng bao giờ có thể truyền đạt được điều ta muốn truyền đạt; ta chỉ có thể viết ra cái mà ta không muốn truyền đạt. Nhưng dùng điều đó để làm gì?" Cho nên ông ấy đã không viết cho đến lúc cuối cùng. Khi dân quê ép buộc ông ấy, ông ấy đã viết một cuốn sách nhỏ. Chính câu đầu ông ấy đã viết là "Đạo khả đạo phi thường đạo" - Ngay khi chân lý được diễn đạt ra, nó trở thành sai. Nhưng đây là chân lý của bình diện thứ bảy. Tại bình diện thứ sáu nó trở thành không sai, nhưng mơ hồ. Tại bình diện thứ năm, chân lý được diễn đạt không thể tranh cãi nổi. Tại bình diện thứ bảy, duy nhất việc diễn đạt của nó là không thể được. Nơi mà chúng ta không còn nữa, làm sao lời nói và ngôn ngữ còn lại được? Chúng nữa cũng chấm dứt với chúng ta.

Đâu là những đặc trưng rõ ràng của aum mà từ đó nó đã được chọn để biểu thị cho bình diện thứ bảy?

Có hai lý do cho việc chọn aum. Một là ở chỗ lời được tìm phải không có ý nghĩa, không thể được cho bất kỳ nghĩa nào - bởi vì nếu nó truyền đạt bất kỳ nghĩa nào, nó sẽ bị thu về bình diện thứ năm. Cho nên một lời được cần tới, theo một nghĩa nào đó, phải là vô nghĩa. Tất cả các

lời của chúng ta đều có nghĩa; chúng ta tạo ra lời để chúng truyền đạt ý nghĩa. Nếu chúng không truyền đạt bất kì ý nghĩa nào, tại sao phải dùng chúng? Chúng ta sử dụng chúng, và mục đích của việc nói là để truyền đạt một ý nghĩa nào đó.

Khi tôi thốt ra một lời, nó phải gọi ra một ý nghĩa nào đó bên trong bạn. Cho nên khi người ta trở về từ bình diện thứ bảy, họ cảm thấy rằng nếu họ tạo ra bất kì lời nào để diễn tả bình diện thứ bảy mà truyền đạt một ý nghĩa, họ lập tức bị đẩy trở lại bình diện thứ năm. Thế thì những lời đó sẽ được thêm vào từ điển, chỗ mà mọi người sẽ đọc chúng và nghĩ rằng họ đã hiểu. Nhưng bình diện thứ bảy lại không có ý nghĩa. Bạn có thể nói rằng nó là vô nghĩa hay nói rằng nó là vượt ra ngoài ý nghĩa - cả hai điều này đều mang cùng một nghĩa.

Cho nên trong hoàn cảnh mà tất cả ý nghĩa đều bị mất, không ý nghĩa nào còn lại, ta có thể tìm ra được loại lời nào cho điều này và làm sao nó có thể hình thành được? Lời này đã được tạo ra với sự giúp đỡ của của tầm nhìn và dự phóng vĩ đại, và theo cách thức rất khoa học. Một lời gốc, lời cơ sở, đã được xây dựng, lời này được làm thành nền tảng. Do vậy làm sao mà lời này, lời phải truyền đạt cái không có nghĩa, lại có thể được tìm ra? Nó được hình thành theo cách nào? Theo cách thức sâu sắc nó sẽ trở thành biểu tượng cho nguồn gốc nguyên thủy.

Ba âm cơ bản của lời nói chúng ta là a-u-m. Tất cả việc xây dựng lời của chúng ta đều là sự mở rộng của ba âm này. Chúng là các âm gốc. Bây giờ bản thân các âm a-u-m đều không có nghĩa, bởi vì chính mối quan hệ của chúng mới quyết định ra ý nghĩa. Khi 'a' trở thành một lời, nó mang một nghĩa; khi 'm' trở thành một lời nó lại mang một nghĩa. Nhưng bản thân chúng, vô nghĩa. Thế

mà chúng vẫn là gốc rễ, và tất cả việc xây dựng lời nói của chúng ta đều là việc mở rộng và tổ hợp của ba âm này.

Cho nên ba âm gốc này đã được lấy ra và gắn lại để tạo nên lời aum. Bây giờ aum có thể được viết ra, nhưng bằng việc viết ra nó, người ta có thể bắt đầu nghĩ rằng nó có thể có ý nghĩa giống như bất kì các lời nào được viết ra khác. Người ta sẽ nghĩ rằng aum nghĩa là cái trong bình diện thứ bảy. Cho nên không lời nào đã được phát minh ra nhưng bức tranh về aum, lại được tạo ra: không chữ nào được dùng cho nó. Ba chữ a-u-m chỉ là âm và không có chữ nào hay từ nào. Cho nên aum đi vào sự hiện hữu dưới dạng hình ảnh để cho nó không bị bỏ xó trong từ điển và thay vào đó sẽ đập vào mắt và trở thành một dấu hỏi. Nó đi vào sự hiện hữu theo cách này để cho người ta sẽ trở nên háo hức tìm ra nó có nghĩa gì.

Bất kì khi nào một người đọc tiếng Phạn hay tới nghiên cứu sách cổ, lời này cũng trở thành khó giải thích. Lời tới trong việc hiểu thấu về chúng bởi vì chúng có ý nghĩa - nhưng ॐ, lại vượt ra ngoài việc hiểu. Người ta bao giờ cũng hỏi, "Aum ngụ ý gì? Đây là ý nghĩa của nó? Nó có nghĩa gì và tại sao nó lại không được viết ra theo chữ giống như a-u-m? Tại sao lại là dạng bức tranh này?" Nếu bạn nhìn kĩ vào bức tranh này, bạn sẽ thấy rằng nó được tạo nên từ ba phần gồm kí hiệu cho a, u và m.

Bức tranh này đòi hỏi nghiên cứu sâu sắc; nó không phải là bức tranh thông thường. Việc nghiên cứu về nó đã được tiến hành từ thế thứ tư chứ không từ bình diện vật lí. Thực tại, khi một người đi vào thế thứ tư và trong trạng thái vô suy nghĩ, âm điệu của a-u-m bắt đầu vang vọng bên trong người đó và tổ hợp của chúng tạo thành lời aum. Khi có tĩnh lặng hoàn hảo bên trong, khi ý nghĩ

hoàn toàn vắng bật, thế thì tiếng rì rầm của aum bắt đầu vọng vang bên trong. Âm thanh này đã được nghe thấy từ bình diện thứ tư nơi ý nghĩ không còn nữa và ngôn ngữ cũng không còn nữa. Thế thì cái còn lại là âm thanh của aum. Cho nên theo cách này âm thanh đó được nghe thấy.

Bây giờ như tôi đã nói trước đây, mỗi lời đều có hình mẫu của riêng nó. Khi chúng ta dùng một lời nào đó, một hình mẫu đặc biệt sẽ hình thành trong tâm trí. Nếu ai đó thiền về aum, khi nó vang vọng ở bình diện thứ tư, hình ảnh tương ứng sẽ bắt đầu biểu hiện bên trong. Đây là cách thức tất cả các câu mật chú mầm đã được phát hiện ra. Khi tiếng vang vọng của một luân xa đặc biệt được thiền nhân bắt lấy trong khi thiền, câu mật chú mầm của luân xa đó được biểu hiện ra. Đây là cách thức tất cả các câu mật chú mầm này đã được hình thành, và aum là hạt mầm tối thượng. Nó không phải là hạt mầm của bất kì luân xa đặc biệt nào; thay vì thế thì nó là biểu tượng của bình diện thứ bảy mà là vô hạn và vĩnh hằng.

Cho nên theo cách này lời aum đã được tìm ra. Và khi nó ăn khớp với kinh nghiệm của hàng nghìn người tìm kiếm, người nêu ra sự chấp thuận về nó, lời này được chấp nhận. Nó không đi vào sự tồn tại với sự chấp thuận của một người hay của một nhóm người. Khi cùng lời này được dội lên trong nhiều thiền nhân, khi hàng triệu người trong số họ chứng nhận về tính chân thực của nó, chỉ thế thì nó mới được chọn. Do đó, lời aum không phải là tài sản của tổ tiên truyền lại của bất kì tôn giáo hay tổ chức nào. Vậy, Phật giáo và Jaina giáo tự do dùng nó mà không sợ hãi gì. Nó không phải là tài sản riêng của Hindu giáo. Lí do là ở chỗ nó đã được đạt tới bởi đủ loại thiền nhân từ nhiều con đường khác nhau. Bất kì cái gì tương đương mà chúng ta tìm ra ở các nước khác, theo một cách nào đó đều là sự phân mảnh của chính từ này.

Bây giờ nếu chúng ta xem xét lại những phát kiến của người tìm kiếm La Mã hay A Rập, chúng ta sẽ thấy rằng âm "m" thường được nhắc tới. Một số phát kiến gần 'a' cùng với 'm', nhưng 'm', chắc chắn có. Điều này là bởi vì 'a' và 'u' là rất tinh tế, và do vậy khó mà bắt được chúng. Cho nên phần thứ nhất của từ này tuột ra khỏi sự chú ý của chúng ta và chỉ phần sau mới được nghe thấy. Do đó, khi âm thanh của aum bắt đầu vang vọng bên trong, 'm' trong nó là dễ dàng nghe thấy được. Nếu bạn ngồi trong một căn phòng kín và tụng aum, âm thanh trước sẽ nhường đường cho âm thanh của 'm'. Vậy, 'a' và 'u' trở thành hoàn toàn không nghe thấy nữa, còn chính âm 'm', vang vọng khắp nơi. Cho nên thiền nhân sẽ đi tới kết luận rằng âm 'm' là chắc chắn, trong khi những âm đi trước, không hoàn toàn rõ ràng. Khác biệt chỉ là ở việc nghe thấy, nhưng bất kì khi nào việc tìm kiếm đã được tiến hành theo cách này, cái gì đó này khác về từ này lại được thiền nhân hiểu thấu. Khi một nghiên cứu ráo riết được tiến hành - chẳng hạn, nếu một nghìn nhà khoa học tiến hành cùng một thực nghiệm và thu được cùng kết quả, thế thì tính hợp lệ của nó được chứng minh.

Đất nước này thật may mắn theo nghĩa hàng nghìn năm đã được dành ra ở đây trên cuộc hành trình hướng tới cái ta. Không đâu khác trên thế giới này mà mọi người ở bất kì nước nào lại tiến hành thực nghiệm này trên qui mô lớn đến thế và bao gồm nhiều người đến thế. Mười nghìn thiền nhân ngồi quanh Phật; bốn mươi nghìn người, cả nam lẫn nữ, ngồi quanh Mahavira và họ tiến hành việc thực nghiệm quần chúng. Trong một chỗ nhỏ bé như Bihar bốn mươi nghìn đệ tử của Mahavira đã thực nghiệm. Không đâu khác trên thế giới này xảy ra sự kiện như vậy. Jesus, ông bạn tội nghiệp, chỉ có mỗi mình, còn

Mohammed, đã phải dành thời gian để vật lộn vô vọng với những người dốt nát.

Trên đất nước này tình huống đặc biệt đã phát triển trong đó mọi người đều nhận biết về sự kiện là đây không phải là vấn đề tranh đấu. Tại đây mọi thứ đều rõ ràng. Mahavira ngồi đây và bốn mươi nghìn người thực hành thiền ngay trước ông ấy. Điều này đem lại cơ hội lớn cho việc quan sát và kiểm chứng lại những kinh nghiệm của các thiền nhân khác nhau trên những bình diện khác nhau. Có thể sẽ có sai sót nào đó khi chỉ có một hay hai người thực hành, nhưng khi có đến bốn mươi nghìn người, không thể có sai sót được. Bốn mươi nghìn người bận rộn với nhiều kỹ thuật thiền khác nhau. Mọi thứ đều được suy nghĩ đúng, mọi thứ đều được kiểm chứng, mọi thứ đều được hiểu thấu đúng đắn.

Do đó, đất nước này đã thực hiện nhiều khám phá trong lĩnh vực tâm linh hơn là các nước khác, bởi vì tại các nước khác, người tìm kiếm chỉ có một mình. Cũng giống như phương Tây ngày nay đang tiến hành các thực nghiệm khoa học trên qui mô lớn về việc sử dụng các nhà khoa học, theo cùng cách đó đất nước này đã có thời sử dụng hàng nghìn thiền tài, trí thức của mình vào khoa học về linh hồn. Những khám phá mà họ đem lại từ các cuộc hành trình của mình vào linh hồn là rất có ích, nhưng trên cuộc hành trình của chúng tôi mảnh đất khác, tri thức này cũng bị phân mảnh và biến dạng.

Chẳng hạn, cây thánh giá của Jesus: nó là phần còn lại của chữ thập ngoặc. Trong cuộc hành trình lâu dài của nó tới những miền đất xa xôi, đây là cái còn lại của chữ thập ngoặc. Chữ thập ngoặc đã từng là biểu tượng giống như aum. Aum là biểu tượng cho bình diện thứ bảy, chữ thập ngoặc là biểu tượng cho bình diện thứ nhất. Do đó,

hình ảnh của chữ thập ngoặc là động. Các nhánh của nó trải ra và cho ấn tượng về chuyển động; nó quay mọi lúc. Thế giới thông thường có nghĩa là cái chuyển vận vào mọi lúc. Cho nên chữ thập ngoặc đã được tạo nên làm biểu tượng cho thể thứ nhất, còn aum là biểu tượng cho thể cuối cùng. Không có chuyển động gì trong aum cả. Nó tuyệt đối tĩnh lặng; có im lặng hoàn toàn; mọi thứ đều ở điểm dừng. Với chữ thập ngoặc, có chuyển động.

Trong cuộc hành trình của mình chữ thập ngoặc đã trở thành cây thập tự vào lúc nó đạt tới Ki tô giáo. Có mọi khả năng là Jesus đã tới Ai cập cũng như Ấn Độ. Ông ấy đã ở Nalanda, trường đại học Phật giáo cổ đại, cũng như ở Ai cập, và do vậy ông ấy đã thu hoạch được rất nhiều tri thức. Một điều là tri thức về chữ thập ngoặc. Nhưng tri thức này bị biến dạng đi giống như tin tức được đem lại do những người đã thấy nhiều hoa kể cho nơi chỉ có một loài hoa tồn tại. Thông điệp của Jesus đã bị phá huỷ và chỉ cây thập tự là còn lại.

Phần phía trên của dấu hiệu aum, đã tới đạo Hồi. Nửa vàng trắng mà họ đảo ngược chính là mảnh phía trên của aum mà đã bị tách rời khỏi phần chính trong cuộc du hành của nó sang A rập. Các từ và kí hiệu bị biến dạng tồi tệ trong cuộc hành trình của chúng, và sau hàng nghìn năm chúng bị mòn mỏi tới mức khó mà nhận ra dạng nguyên thủy của chúng nữa. Âm thanh mới, lời mới, được thêm vào chúng khi chúng du hành từ chỗ nọ sang chỗ kia, và những người khác nhau với văn hoá khác nhau sử dụng chúng. Tất cả các loại thay đổi đều xảy ra, và thế thì khi cái gì đó tách ra khỏi nguồn gốc nguyên thủy của nó, khó mà phân biệt được vị trí nguyên thủy của nó, cách thức nó đi vào sự hiện hữu và điều gì đã xảy ra cho nó.

Luồng tâm linh của toàn thể giới có liên hệ thực sự với đất nước này, bởi vì ngọn nguồn nguyên thủy, cơ bản của tâm linh đã được sinh ra tại đây và cũng từ đây mà tin tức về nó lan truyền đi xa và rộng. Nhưng người truyền thông điệp, người mang thông điệp này tới những miền đất khác và những người nhận thông điệp ấy lại nói theo ngôn ngữ khác. Do đó, sự sáng tỏ bị thiếu trong việc giao và nhận thông điệp này. Bây giờ không người Ki tô giáo nào đeo cây thập tự quanh cổ có thể nghĩ được rằng đây là một phần của chữ thập ngoặc; không người hồi giáo nào có thể mơ được rằng một nửa vàng trắng người đó đảo ngược lại chính là một đoạn của aum.

Theo một số học giả Ki tô giáo, amen chỉ là một dạng biến thể xa của aum. Vào cuối tất cả những lời cầu nguyện của người Ki tô giáo lời amen được dùng để biểu thị việc tuân phục điều thiêng liêng. Chính niềm tin của người nghiên cứu là ở chỗ trong Kinh thánh, cứ chỗ nào nói, "Lúc đầu đã có lời và lời chính là cùng với Thượng đế," aum là từ được ngụ ý. Amen là nói tới cả alpha lẫn omega - cái bắt đầu và cái kết thúc. Người ta cũng nói rằng Jesus đã nói với tông đồ John, "Ta là Amen." Ở chỗ khác amen đã được dùng để ngụ ý chân lí tuyệt đối hay "Nó là như vậy."

Nhiều từ Latin được sử dụng trong cách thức tôn kính của người Ki tô giáo, và trong tất cả chúng, một dạng biến thể của aum đều hiện diện. Chẳng hạn, Per omni secula seculorum, vân vân. Nó cũng hiện hữu trong các từ tiếng Anh omnipresent - toàn diện, omniscient - toàn trí, omnipotent - toàn năng.

Ngày nay nhiều nhà thờ ở Ấn Độ, đã bắt đầu dùng từ aum trong việc cầu nguyện của họ, và họ cũng đã khảm từ này vào cửa ra vào chính. Chẳng hạn, nhà thờ St.

Mary's College tại Darjeeling có kí hiệu ॐ được khắc khảm lên lối ra vào ban thờ chính của ngôi đền thờ cúng.

6

Shaktipat: bí ẩn của điện thân thể

Trong hoàn cảnh của thể thứ bảy, Thầy đã nói về aum hôm qua. Vẫn còn có một câu hỏi nhỏ về cùng chủ đề này. Luân xa nào tạo ra ảnh hưởng a, u, và m và làm sao điều này lại có ích cho thiền nhân?

Hôm qua tôi đã nói với các bạn đôi điều về aum. Còn vài điều nữa cũng đáng biết trong cùng hoàn cảnh này. Trước hết, aum là biểu tượng cho thể thứ bảy, chỉ dẫn về bình diện thứ bảy. Đó là một biểu tượng của trạng thái thứ bảy mà không thể nào diễn đạt được bằng bất kì lời nào. Không từ nào có thể được gán hay được sử dụng trong mối liên hệ với nó. Vậy, một lời vô nghĩa đã được

tìm ra - một lời mà không có nghĩa gì cả. Điều này tôi đã nói với các bạn hôm qua. Việc tìm kiếm cho lời này đã được tiến hành qua việc kinh nghiệm về thể thứ tư.

Điều này không phải là tìm kiếm bình thường. Thực tại, khi tâm trí đã hoàn toàn trống rỗng, không còn bất kì tiếng hò hét của từ ngữ, thậm chí không còn đến một gợn sóng ý nghĩ nữa, chỉ thể thì âm thanh của hư không mới còn lại. Hư không cũng nói đây; hư không có âm thanh riêng của nó. Đi và đứng ở một chỗ rất hẻo lánh, nơi mà không có đến một âm thanh và bạn sẽ thấy rằng cái trống rỗng có âm nhạc của riêng nó. Hẻo lánh có loại âm thanh riêng của nó, và trong cái im lặng này chỉ các âm là còn lại - a-u-m. Tất cả các giai điệu và hoà âm đều được phát triển bằng việc hoán đổi và tổ hợp của ba âm cơ bản này. Khi tất cả các lời, tất cả các âm thanh đều vắng lặng, ba âm cơ bản này còn lại.

Cho nên aum là biểu tượng cho trạng thái thứ bảy, thể thứ bảy, nhưng âm thanh này đã được hiểu thấu ở bình diện thứ tư. Trong trống rỗng của thể trí, tiếng vang vọng của aum sẽ được bắt lại. Nếu thiền nhân dùng aum này, có thể có hai kết quả. Như tôi đã nói với bạn trước đây, tất cả các bình diện đều có hai khả năng. Việc lặp lại aum có thể đưa tới trạng thái ngủ, trạng thái ngủ mê, và trạng thái này có thể được đưa tới bằng việc lặp lại bất kì lời nào. Việc lặp lại ngân nga về bất kì lời nào đều tác động vào tâm trí như việc vuốt nhẹ lên đầu, điều tạo ra lơ mơ và buồn ngủ.

Cách dùng aum này thường hay xảy ra lắm, bởi vì điều này là dễ dàng. Việc tạo ra âm thanh to của aum và bị mất đi trong nó là rất dễ dàng và thích thú giống như giấc mơ dễ chịu. Phẩm chất của bình diện trí, như được tự nhiên trao cho, là phẩm chất của tưởng tượng và mơ

mộng. Nếu tâm trí muốn mơ, nó có thể mơ; việc hưởng thú này là có thể cho nó. Khả năng khác là khả năng của sức mạnh ý chí và tầm nhìn về điều thiêng liêng.

Nếu aum được dùng chỉ như việc lặp lại với tâm trí, tác động của nó sẽ đem lại giấc ngủ thôi miên. Cái được gọi là *yoga tandra* vốn được đưa lại bởi việc lẩm nhẩm aum. Nhưng nếu aum được phát âm ra với sự chứng kiến đã được thiết lập chắc chắn bên trong; nếu bạn hoàn toàn tỉnh thức và đang lắng nghe âm thanh mà không bị chìm nghỉm vào trong nó, không bị mất đi trong nó; nếu âm thanh này là trên một bình diện và bạn đang đứng trên một bình diện khác như một thánh giả, một người quan sát, một nhân chứng; nếu bạn tràn đầy tỉnh thức với âm thanh này - chỉ thế thì khả năng thứ hai mới của bình diện thứ tư có thể bắt đầu làm việc. Thế thì bạn sẽ không đi vào *yoga tandra*, mà đi vào *yoga jagriti*, tỉnh thức.

Tôi thường xuyên cố gắng giữ cho bạn tránh xa việc dùng mật chú. Tôi bao giờ cũng khuyên bạn đừng dùng bất kì mật chú nào hay bất kì lời nào, bởi vì có đến chín mươi chín trong số một trăm cơ hội là bạn sẽ đi vào cơn mê tưởng tượng. Có những lí do cho điều này. Bình diện thứ tư là mong manh với giấc ngủ; nó chỉ biết có giấc ngủ. Các rãnh mơ của nó đã có đầy. Nó mơ mọi ngày. Cứ dường như là chúng ta đã đổ nước vào trong phòng này. Sau một chốc nước sẽ chảy khô đi, nhưng nó sẽ để lại dấu vết trên sàn. Thế rồi nếu chúng ta lại đổ nước lên sàn, nước này sẽ lại chảy theo cùng rãnh như trước đây.

Khả năng lớn nhất với việc tụng niệm và mật chú là ở chỗ tâm trí bạn với khuynh hướng mơ mộng sẽ ngay lập tức, bởi chính cái quá trình rất máy móc đó, rơi vào trong việc mơ. Nhưng nếu bạn tràn đầy tỉnh thức và chứng kiến bên trong, quan sát âm thanh aum này mà không hội nhập

vào trong nó, không làm mất bản thân mình vào trong nó, thế thì bạn có thể làm cùng công việc đó khi lẩm nhẩm "Tôi là ai?" - điều tôi chủ trương. Bây giờ nếu bạn hỏi "Tôi là ai?" trong trạng thái buồn ngủ và không phải là nhân chứng, cùng lỗi lầm đó vẫn có thể xảy ra tại đây và bạn sẽ đơn thuần mơ mộng. Nhưng khả năng cho điều này xảy ra với "Tôi là ai?" ít hơn với việc lặp lại aum, và có lí cho cho điều đó.

Với aum, không có câu hỏi nào được hỏi cả; nó chỉ là sự đụng chạm nhẹ nhàng. Với "Tôi là ai", có một câu hỏi, không phải đơn thuần là cái vỗ nhẹ. Có một dấu hỏi đi sau "Tôi là ai?" và điều này sẽ giữ cho bạn tỉnh thức. Sự kiện thú vị là khi có câu hỏi trong tâm trí, người ta không thể nào ngủ được. Nếu câu hỏi khó cứ xoáy mãi trong tâm trí bạn suốt cả ngày, nó sẽ làm hỏng cả giấc ngủ đêm của bạn nữa. Câu hỏi sẽ không để cho bạn ngủ. Dấu chấm hỏi là bạn đồng hành của việc không ngủ. Nếu có bất kì câu hỏi nào, bất kì lo âu nào, bất kì tò mò nào trong tâm trí, cũng đều khó ngủ cả.

Tôi gợi ý dùng "Tôi là ai?" thay cho aum bởi vì về cơ bản nó là một câu hỏi, và vì nó là một câu hỏi nên nó là việc tìm kiếm thực sự cho câu trả lời. Trong aum không có câu hỏi; nó không có cạnh góc sắc bén và do đó nó không đập vào bạn. Nó hoàn toàn tròn trịa và không có câu hỏi. Những cái vuốt ve nhẹ nhàng liên tục của nó nói chung chỉ đưa tới giấc mơ tưởng tượng.

Bên cạnh đó, không có giai điệu trong "Tôi là ai?" trong khi aum lại đầy giai điệu. Giai điệu càng lớn, nó sẽ lại càng thúc bách bạn ngủ. "Tôi là ai?", thiếu cân đối như dạng nam tính; aum rất cân xứng như dạng nữ tính: những cái vuốt ve nhẹ nhàng của nó nhanh chóng làm bạn ngủ. Các lời đều có hình dạng và tác động của chúng là

khác nhau, sự vang vọng của chúng là khác nhau. "Tôi là ai?" không có giai điệu; khó mà ngủ được với nó. Nếu chúng ta lặp lại "Tôi là ai? Tôi là ai?" gần một người đang ngủ, người đó sẽ tỉnh dậy. Tuy nhiên nếu chúng ta lặp lại "Aum, aum" bên cạnh một người đang buồn ngủ, giấc ngủ của người đó sẽ trở nên sâu hơn bởi vì tác động là khác. Điều này không có nghĩa là aum không có tác dụng. Khả năng vẫn có đây cho người nào đang đứng sau việc lặp lại như người quan sát, nhân chứng. Nhưng tôi không chủ trương dùng aum cho việc thiền. Có nhiều lí do cho điều này.

Nếu bạn dùng aum cho thiền, thế thì điều không tránh khỏi là nó sẽ trở thành được gắn với thể thứ tư. Aum là biểu tượng cho bình diện thứ bảy nhưng tiếng vang vọng của nó được kinh nghiệm thấy ở bình diện thứ tư. Một khi bạn bắt đầu thiền về aum, mối quan hệ không tránh khỏi của aum với bình diện thứ tư sẽ tới mà điều đó, sẽ tỏ ra là rào chắn cho tiến bộ hơn nữa. Cho nên có khó khăn này với lời đó. Nó được kinh nghiệm ở bình diện thứ tư nhưng nó được dùng ở bình diện thứ bảy. Chúng ta không có lời khác cho thể thứ bảy. Kinh nghiệm của chúng ta về các lời chấm dứt sau bình diện thứ tư.

Chúng ta dùng lời cuối cùng của bình diện thứ tư như biểu tượng cho bình diện thứ bảy. Không có phương thuốc nào khác, bởi vì từ bình diện thứ năm, bắt đầu trạng thái vô lời; thế rồi bình diện thứ sáu lại hoàn toàn vô lời và bình diện thứ bảy, là cái hư không tối thượng. Trên đường biên cuối cùng của từ ngữ tại trạng thái thứ tư, nơi chúng ta bỏ lại tất cả từ ngữ, lời cuối cùng nghe thấy được sẽ là aum. Cho nên aum là lời cuối cùng trong cõi lời nói và là lời chủ yếu trong cõi vô lời. Nó ở đường biên nằm giữa cõi lời và trạng thái vô lời. Lời này là chủ chốt cho bình diện thứ tư, nhưng chúng ta không có lời khác

gần hơn với bình diện thứ bảy; tất cả các lời khác đều ở xa đằng sau. Do đó, lời này được dùng cho bình diện thứ bảy.

Cho nên tôi ưa việc bạn không gắn nó với thể thứ tư. Nó sẽ được kinh nghiệm ở thể thứ tư, nhưng nó nên được giữ như biểu tượng cho bình diện thứ bảy. Do đó, không cần dùng nó cho việc thiền. Với việc thiền chúng ta nên dùng những phương thức khác sẽ đi xa bình diện thứ tư. Chẳng hạn, "Tôi là ai?" - điều này có thể được dùng trong bình diện thứ tư và cũng có thể bị loại bỏ đi.

Ý nghĩa của aum nên vẫn còn là biểu tượng. Còn có lí do khác cho việc không dùng nó như một phương thức. Cái mà là biểu tượng cho điều tối thượng, không nên bị làm thành phương tiện: nó nên vẫn liên tục là mục đích. Biểu tượng cho điều tuyệt đối nên vẫn là mục đích cho việc đạt tới. Aum là cái mà chúng ta phải đạt tới, cho nên tôi chống lại việc dùng nó theo bất kì cách nào như một phương tiện cho thiền. Nó đã được dùng trong quá khứ với những kết quả bất lợi.

Thiền nhân người thực hành với âm aum coi bình diện thứ tư là bình diện thứ bảy, bởi vì biểu tượng của bình diện thứ bảy được kinh nghiệm thấy ở bình diện thứ tư. Khi nó được kinh nghiệm ở bình diện thứ tư, thiền nhân trở nên tin rằng mình đã đạt tới bình diện thứ bảy. Người đó coi điều này như đích của cuộc hành trình; do vậy, gây ra tai hại lớn cho bình diện tâm lí. Thế thì thiền nhân dừng lại ở đây.

Có nhiều thiền nhân coi linh ảnh, màu sắc và âm thanh bên trong là việc đã đạt tới đích. Điều này là tự nhiên, bởi vì biểu tượng của điều tối thượng được cảm thấy trên biên giới của bình diện này. Thế thì họ cảm thấy rằng họ đã đạt tới đích. Cho nên tôi không thiền về việc

bắt phải thực hành aum cho những người ở thể thứ tư, vì kỹ thuật này sẽ không có tác dụng lên các thể thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Tác động của nó sẽ được cảm thấy chỉ ở thể thứ tư. Đây là lý do tại sao các lời khác được dùng lại gây ra tác động cần thiết lên các thể thứ nhất, thứ hai và thứ ba.

Cần phải xem xét thêm một điểm nữa liên quan tới các âm cơ bản a-u-m. Lấy một thí dụ, Kinh Thánh không nói rằng Thượng đế tạo ra thế giới; ngài không tiến hành hành động sáng tạo. Nó nói, "Thượng đế đã nói, 'ánh sáng có đây,' và đã có ánh sáng." Thượng đế đã phát âm ra lời. Kinh thánh cũng nói, "Lúc ban đầu đã có lời" - và nhiều kinh sách cổ đã xác nhận cùng điều này. Chính ngay lúc ban đầu đã có lời và tất cả những cái khác đều theo sau đó. Bây giờ thậm chí ngay ở Ấn Độ chúng ta cũng nói, "Lời là Brahman," mặc dầu điều này gây ra rất nhiều hiểu lầm. Nhiều người có khuynh hướng tin rằng lời là đủ cho việc đạt tới Brahman. Brahman chỉ được đạt tới trong trạng thái vô lời. "Lời là Brahman" có nghĩa là chỉ lời này, cái lời mà từ đó phát sinh ra tất cả các âm thanh chúng ta biết, dạng tinh tế nhất của các âm thanh, là lời về ॐ.

Nếu chúng ta đi ngược lại, ngược nữa, ngược mãi trở về ngọn nguồn của vũ trụ cho tới khi chúng ta về tới cái hư không mà từ đó thế giới phải đã bắt đầu, ở đây nữa chúng ta cũng sẽ nghe thấy tiếng vang vọng của aum. Khi chúng ta tiến tới gần hơn cái hư không bằng việc đi vào bình diện thứ tư, chúng ta sẽ nghe thấy âm thanh của aum. Từ đây chúng ta bắt đầu rơi vào trong thế giới mà phải vẫn đã có đó từ lúc bắt đầu. Từ bình diện thứ tư chúng ta đi tới thể tâm linh; từ đó tới thể vũ trụ, và cuối cùng tới thể niết bàn. Tiếng vang vọng cuối cùng, được

nghe thấy giữa hai thể cuối, cũng là tiếng vang vọng của aum.

Một mặt là tính cá nhân của chúng ta về bốn thể mà ta vẫn gọi là thế giới vật chất, và mặt khác là tính không cá nhân của chúng ta mà ta có thể gọi là Brahman. Tiếng vang vọng làm rung động trên đường biên của hai thế giới này là aum. Từ kinh nghiệm này chúng ta đi tới hiểu ra rằng khi thế giới vật chất đã thành hình dạng từ Brahman, tiếng vang vọng của aum phải đã rung lên liên tục. Do vậy, mới có lời. Cho nên mới có niềm tin là mọi điều đều đi vào sự hiện hữu qua lời. Nếu lời bị chia thành các thành phần cơ bản, chúng ta thấy ba âm cơ bản a-u-m trong nó. Tổ hợp này là aum.

Cho nên bởi lý do này mà người ta nói rằng đã có aum ngay từ đầu và sẽ có aum vào lúc kết thúc. Cái kết thúc có nghĩa là chuyển trở về cái bắt đầu, và do vậy vòng tròn được hoàn chỉnh. Vậy mà tôi bao giờ cũng cảm thấy rằng aum chỉ nên được dùng như biểu tượng chứ không như kỹ thuật thiền. Những điều khác, có thể được dùng như các phương thức. Âm thanh thuần khiết như aum, không nên bị làm thành mất thuần khiết bởi việc dùng nó như một kỹ thuật.

Nhiều người không hiểu tôi. Họ tới tôi và nói, "Sao thầy cấm việc nhắm aum?" Có lẽ họ nghĩ rằng tôi là kẻ thù của aum, nhưng sự kiện là ở chỗ bản thân họ là kẻ thù của aum. Một lời thuần khiết như thế không nên bị dùng như một phương tiện cho việc phát triển tâm linh. Thực tế, lưỡi chúng ta không đáng để phát âm ra nó; nó quá thuần khiết không nên để thoát ra từ thể vật lý. Nó là một lời mà bắt đầu tại nơi lưỡi trở thành vô nghĩa, nơi thân thể trở thành vô dụng. Tại đây trở đi có tiếng vang vọng của nó và tiếng vang vọng này rung động theo ý riêng của nó.

Nó có thể được kinh nghiệm; nó không thể được tạo ra. Do đó, aum phải được kinh nghiệm chứ không phát âm ra.

Có một nguy hiểm khác. Nếu bạn dùng aum như một kỹ thuật, bạn sẽ chẳng bao giờ biết tới âm thanh cơ bản của lời này khi nó phát sinh từ sự tồn tại, bởi vì việc phát âm của riêng bạn sẽ bị áp đặt lên nó. Cho nên bạn sẽ chẳng bao giờ chứng kiến biểu lộ thuần khiết nhất của nó. Bất kì ai dùng âm thanh của aum như một kỹ thuật, cũng chẳng bao giờ kinh nghiệm được aum trong thực tại. Bằng việc thực hành liên tục họ sẽ đặt chồng chất sắc thái của riêng mình lên tiếng vang vọng thực tại khi nó tới. Thế thì họ sẽ không thể nào nghe thấy tiếng vang dội thuần khiết của aum. Họ không nghe thấy tiếng vang vọng trực tiếp của hư không bởi vì họ tràn đầy với âm thanh riêng của mình. Điều này là tự nhiên, bởi vì cái mà chúng ta quen thuộc, trở thành được khắc ghi vào chúng ta. Do đó, tôi nói rằng tốt hơn cả là đừng quen thuộc với aum; tốt hơn cả là đừng dùng aum. Một ngày nào đó nó sẽ xuất hiện ở thể thứ tư và thế thì nó sẽ có ý nghĩa nào đó.

Sự xuất hiện của nó ở thể thứ tư sẽ có nghĩa là bạn đã đạt tới những giới hạn của thể thứ tư. Bây giờ bạn sắp bước ra ngoài thể tâm lí, ra ngoài cõi lời nói. Lời cuối cùng đã tới và bây giờ bạn đứng ở nơi lời bắt đầu; bạn đứng ở nơi toàn bộ thể giới đã đứng ở lúc bắt đầu; bạn đứng ở ngưỡng cửa của sáng tạo. Và thế thì, khi giai điệu của riêng nó bắt đầu tuôn chảy, cái duyên dáng của nó không thể nào diễn tả nổi. Không có cách nào để mô tả nó. Âm nhạc hay nhất của chúng ta cũng không thể nào so sánh được với tiếng vọng nhỏ bé nhất của nó. Dù chúng ta cố gắng vất vả đến đâu đi chăng nữa, chúng ta cũng chẳng thể nào nghe thấy âm nhạc này của im lặng

với tai hướng ra ngoài. Do đó, tốt hơn cả là chúng ta không có bất kì ý tưởng định sẵn gì về nó. Chúng ta đừng gán cho nó bất kì hình dạng hay màu sắc nào bằng không, chúng ta sẽ bị trí tưởng tượng của mình bắt lại và điều này sẽ là chướng ngại.

Khác biệt về điện sinh học giữa đàn ông và đàn bà vẫn còn cho tới thể thứ tư. Liệu điều này có nghĩa là tác động của người trung gian nam hay người trung gian nữ là khác nhau đối với thiên nhân nam hay nữ không? Nếu vậy, xin Thầy giải thích tại sao.

Nhiều điều sẽ phải làm sáng tỏ trong hoàn cảnh này. Như tôi đã nói trước đây, khác biệt giữa nam và nữ tồn tại cho tới thể thứ tư. Sau thể thứ tư, không có khác biệt. Thể thứ năm vượt ra ngoài bất kì khác biệt nào về giới tính. Nhưng khác biệt là rất cơ bản cho tới thể thứ tư, và khác biệt cơ bản này sẽ đem tới nhiều loại kết quả. Trước hết chúng ta hiểu về thể nam rồi chúng ta sẽ chuyển sang thể nữ.

Thể đầu tiên của đàn ông là nam tính, thể thứ hai là nữ tính, thể thứ ba lại là nam tính, và thể thứ tư là nữ tính. Với đàn bà, vấn đề ngược lại: thể đầu tiên của cô ấy là nữ tính, thể thứ hai là nam tính, thể thứ ba lại là nữ tính và thể thứ tư là nam tính. Có khác biệt căn bản bởi vì điều này. Chính những khác biệt này đã ảnh hưởng sâu sắc lên toàn bộ lịch sử và tôn giáo của loài người và đã đem lại cho văn hoá của con người một kiểu trật tự đặc biệt.

Có một số đặc trưng duy nhất cho thể nam và một số đặc trưng và đặc thù cho thể nữ. Những đặc trưng này bù

trừ lẫn cho nhau. Thực tế, thể nữ là không đầy đủ và thể nam cũng không đầy đủ; do đó, trong hành động sáng tạo họ phải hợp nhất. Việc hợp nhất này có hai loại. Nếu nam A hợp nhất với nữ B ở bên ngoài, việc sáng tạo con cái sẽ xảy ra. Nếu nam A hợp nhất với nữ B bên trong bản thân mình, việc sáng tạo xảy ra hướng về Brahman. Đây là cuộc hành trình hướng tới Thượng đế, trong khi việc hợp nhất bên ngoài là cuộc hành trình hướng tới tự nhiên. Tuy nhiên, dục đều được bao hàm trong cả hai: nếu thể nam hợp nhất bên ngoài với thể nữ, bào thai xuất hiện; nếu thể nam hợp nhất với thể nữ bên trong của riêng nó, thể thì cũng có dục xảy ra. Trong trường hợp thứ nhất năng lượng được phát ra ngoài; trong khi ở trường hợp thứ hai, năng lượng bắt đầu chuyển vào bên trong. Đây là điều vẫn được biết tới như việc dâng lên của năng lượng dục: nó là sự hợp nhất với người đàn bà bên trong.

Năng lượng bao giờ cũng chảy từ nam sang nữ bất kể liệu nó xảy ra bên ngoài thân thể hay bên trong thân thể. Nếu năng lượng dục của thể vật lý của nam chảy sang thể ê te nữ bên trong người đó, nó không bị phát tán đi. Thế thì xảy ra điều vẫn được biết tới là *brahmacharya* - vô dục. Thế thì năng lượng chảy lên liên tục; nó đạt tới thể thứ tư. Sau thể thứ tư *brahmacharya* không có ý nghĩa, bởi vì chẳng có gì giống như nam và nữ ở đó cả.

Đó là lí do tại sao đi qua bình diện thứ tư, thiên nhân không là nam cũng chẳng là nữ. Khái niệm về *ardhanarishwar* - thần Shiva nửa đàn ông nửa đàn bà - đi vào hiện hữu với thể thứ nhất và thứ hai trong tâm trí. Nhưng điều này đơn thuần vẫn còn là biểu tượng và chúng ta chẳng bao giờ hiểu nó. Shiva là không đầy đủ và Parvati cũng vậy. Cùng nhau họ trở thành một. Cho nên chúng ta đã vẽ ra bức tranh về Shiva nửa đàn ông, nửa đàn bà, nhưng trong cuộc sống đời thường, nửa kia là

không thấy được ở bên ngoài. Nó bị che khuất đằng sau mỗi chúng ta. Bên ngoài của bạn là nam và nửa kia là nữ, và đây là lí do tại sao những sự kiện rất khôi hài đôi khi lại xảy ra.

Đàn ông trong thế giới bên ngoài dù bạo dạn và mạnh mẽ như thế nào, dù có ảnh hưởng tới đâu - dù người đó có là Alexandre Đại đế hay Napoleon hay Hitler, dù là trong văn phòng, trong cửa hiệu hay trong chợ, người đó sống như con sư tử cả ngày, nhưng buổi tối, tất cả vẻ vinh quang của người đó đều mất đi trước người đàn bà đơn giản trong nhà mình. Điều này là rất kì lạ. Đây là lí do nằm sau điều này? Sự kiện là ở chỗ người đó sử dụng thể nam của mình mười hai hay mười bốn giờ và sau thời gian đó, thể thứ nhất của anh ta trở nên mệt mỏi. Khi anh ta về tới nhà, thể thứ nhất yêu cầu nghỉ ngơi. Thế thì thể thứ hai là nữ lại tiến lên trước và thể nam, lùi lại thứ yếu.

Bây giờ người vợ đã dùng thể thứ nhất của mình cả ngày dài, cho nên vào buổi tối thể nam đằng sau cô ấy lại nổi lên. Thế thì người đàn bà bắt đầu hành xử như đàn ông còn người đàn ông, hành xử như đàn bà.

Cần phải ghi nhớ rằng giao hợp với thể nữ bên trong của riêng mình là phương pháp cho phép luồng năng lượng sống đi lên. Quá trình này có nhiều chi tiết bên trong hơn, nhưng chúng ta sẽ không nói về điều đó bây giờ.

Một điều nữa: năng lượng bao giờ cũng chảy từ nam sang nữ. Phẩm chất quan trọng nhất của thể nam là ở chỗ nó không tiếp nhận; nó bao giờ cũng năng nổ. Nam có thể cho nhưng anh ta không thể nhận. Không có luồng chảy từ nữ sang nam; nó bao giờ cũng chảy từ nam sang nữ. Nữ là tiếp nhận. Cô ấy có thể nhận nhưng cô ấy không thể cho.

Có hai kết quả của điều này và cả hai đều đáng biết. Kết quả thứ nhất là ở chỗ vì đàn bà có tính tiếp nhận cho nên cô ấy chẳng bao giờ có thể trở thành người cho shaktipat; shaktipat không thể xảy ra qua cô ấy. Đây là lí do tại sao có ít bậc thầy nữ trên thế giới đến thế, cũng không có bậc thầy nữ nào ngang tầm Phật và Mahavira. Lí do là ở chỗ không năng lượng nào có thể được truyền cho bất kì ai qua cô ấy. Chính sự kiện là đàn bà tụ tập với số lượng rất lớn quanh Phật, Mahavira và Krishna, nhưng không người đàn bà nào với tầm vóc như Krishna lại đã được sinh ra mà quanh người này hàng triệu đàn ông tụ tập lại. Lí do cho điều này nằm ở chỗ đàn bà chỉ có thể là người nhận.

Một sự kiện thú vị là quanh một người như Krishna có rất ít đàn ông nhưng rất nhiều đàn bà. Cũng điều ấy xảy ra với Mahavira: có mười nghìn sư nam và bốn mươi nghìn sư nữ. Tỉ lệ bao giờ cũng là bốn trên một. Nếu có một đàn ông, bao giờ cũng có bốn đàn bà quanh ông ấy. Đàn ông không thể nào ưa thích Mahavira như đàn bà, bởi vì cả họ và Mahavira đều là đàn ông. Điều mà Mahavira phát ra, đàn bà có thể hấp thu được. Nhưng đàn ông là người không hấp thu; tính tiếp nhận của họ rất giới hạn. Do đó, mặc dầu chính đàn ông là người cầm đầu tôn giáo nhưng chính đàn bà là người bao giờ cũng bảo vệ và gìn giữ nó; chính đàn bà mới là người gìn giữ tôn giáo trên trái đất. Đàn ông chỉ là người tiên phong trong tôn giáo.

Đàn bà có tính tiếp nhận; phẩm chất của thân thể cô ấy là tiếp nhận. Cô ấy có phẩm chất này về mặt sinh học nữa. Cô ấy mang thai đứa trẻ trong chín tháng, rồi sau đó cô ấy cũng phải nuôi dưỡng nó lớn lên; vậy, cô ấy phải có tính tiếp nhận. Tự nhiên không trao công việc như vậy cho đàn ông. Anh ta trở thành bố chỉ trong khoảnh khắc

và thế rồi anh ta bước ra khỏi bức tranh. Đàn bà nhận lấy tinh trùng và rồi giữ nó lại. Sự kiện này cũng xảy ra trong shaktipat nữa. Do đó, trong shaktipat đàn ông không thể nào nhận được từ đàn bà. Đây là nói chung như vậy; có thể có những ngoại lệ. Về những trường hợp hiếm hoi này tôi sẽ nói về sau. Đôi khi điều này có thể xảy ra, nhưng với các lí do khác nhau.

Thông thường, shaktipat không xảy ra qua thể nữ. Bạn có thể gọi đây là nhược điểm của thể nữ. Nhưng cô ấy có phẩm chất khác bù lại - sức mạnh và năng lực để nhận shaktipat nhanh chóng. Đàn ông có thể truyền dẫn shaktipat nhưng anh ta không thể nào nhận được nó. Do đó, shaktipat cũng khó khăn để truyền từ đàn ông sang đàn ông bởi vì thiên nhân nam không mang tính tiếp nhận; đây là cá tính của anh ta. Tại chính bước đầu tiên, nơi đó anh ta phải bắt đầu, nam tính đứng trong anh ta không mang tính tiếp nhận. Có những giáo phái trong đó người đàn ông thực hiện công phu tâm linh bằng việc tự coi mình là đàn bà. Đây là một phương pháp làm cho anh ta thành có tính tiếp nhận. Thậm chí như vậy, đàn ông vẫn không trở nên mang tính tiếp nhận. Đàn bà trở nên mang tính tiếp nhận không khó khăn gì vì cô ấy về bản chất là tiếp nhận rồi. Do đó, trong shaktipat đàn bà bao giờ cũng cần người trung gian. Tại sao cô ấy không thể nào nhận được ân huệ trực tiếp, xin hiểu cho rõ.

Shaktipat xảy ra từ thể thứ nhất. Nếu tôi truyền dẫn shaktipat, nó xảy ra cho thể thứ nhất của bạn. Năng lượng sẽ nổi lên từ thể thứ nhất của tôi và đập vào thể thứ nhất của bạn. Nếu bạn là đàn bà, điều này sẽ xảy ra nhanh chóng. Nếu bạn là đàn ông, thể thì điều đó sẽ cần thêm nỗ lực; điều đó sẽ khó khăn. Sâu đâu đó bên trong, bạn sẽ phải thu được trạng thái buông xuôi hoàn toàn. Chỉ thể thì mới có thể; bằng không, không thể được. Đàn ông không

buông xuôi; dù anh ta có cố gắng vát và đến đâu, anh ta cũng vẫn không thể nào buông xuôi được. Cho dù anh ta nói "Tôi buông xuôi," điều ấy vẫn cứ là theo cách hùng hổ. Nói cách khác, chính bản ngã đang tuyên bố về hành động buông xuôi. Nó nói, "Nhìn đây! Tôi buông xuôi đây." Cái 'tôi' đứng đằng sau vẫn không rời bỏ anh ta.

Đàn bà không phải buông xuôi: cô ấy đã buông xuôi rồi; đây là bản tính của cô ấy. Buông xuôi là phẩm chất của thể thứ nhất của cô ấy. Cô ấy rất tiếp nhận. Do đó, shaktipat xuất phát từ đàn ông xảy ra dễ dàng bên trong cô ấy. Từ đàn ông sang đàn ông điều ấy là rất khó khăn và từ đàn bà sang đàn ông, gần như là không thể được. Từ đàn ông sang đàn ông, dù là khó khăn nhưng vẫn còn có thể được. Nếu có một người đàn ông với uy quyền lớn, người đó có thể đưa người khác về điều kiện gần như đàn bà. Shaktipat qua đàn bà về mặt thực tế là không thể có được, bởi vì trong khoảnh khắc xảy ra đó, cô ấy có khuynh hướng hấp thu luôn năng lượng sống vào mình. Thể thứ nhất của cô ấy giống như bọt biển và hút mọi thứ vào đó.

Cho tới giờ chúng ta đã nói về shaktipat. Trong trường hợp của ân huệ, điều kiện cũng giống hệt. Ân huệ tới từ thể thứ tư. Thể thứ tư của nam là nữ tính cho nên anh ta nhận ân huệ rất dễ dàng. Vì thể thứ tư của đàn bà là nam tính cho nên cô ấy kinh nghiệm cùng khó khăn đối với ân huệ: cô ấy không thể nào nhận được ân huệ một cách trực tiếp. Thể thứ tư của đàn ông là nữ tính; do đó Mohammed, Moise, Jesus đều ngay lập tức thiết lập được quan hệ với Thượng đế. Vì thể thứ tư là nữ tính trong họ, cho nên họ có khả năng hấp thu ân huệ ngay khi nó giáng xuống họ.

Nữ có thể thứ tư là nam tính. Thể nam của cô ấy là ở cực điểm này, và điều này làm cho cô ấy không thể nào nhận được ân huệ. Do đó, nữ không có thông điệp trực tiếp; tức là không người đàn bà nào có thể tuyên bố rằng mình đã biết tới Brahman. Thể thứ tư của cô ấy là nam tính nên gây ra cản trở. Cô ấy không thể nào nhận được từ đầu đó.

Đàn ông nhận ân huệ trực tiếp. Thật khó cho anh ta nhận nó từ ai đó, như trong shaktipat, bởi vì bản thân anh ta là rào chắn ở đó. Nhưng điều ấy không đúng cho đàn bà. Cô ấy có thể nhận shaktipat từ bất kì người trung gian nào. Ngay cả một người rất yếu cũng có khả năng thực hiện shaktipat cho đàn bà. Đây là lí do tại sao ngay cả những người trung gian rất tầm thường cũng thành công trong việc này. Shaktipat ít phụ thuộc vào bản thân người trung gian và phụ thuộc nhiều vào tính tiếp nhận của người nhận. Nhưng đàn bà bao giờ cũng đòi hỏi có trung gian. Rất khó cho họ đạt tới mà không có trung gian, bởi vì thể thì không biến có nào có thể xảy ra.

Chúng ta đã nói về trạng thái thông thường của những điều này. Những điều kiện phi thường cũng có thể được tạo ra. Chính vì quá trình thông thường của những điều này mà có ít thiên nhân nữ hơn. Điều này không có nghĩa là đàn bà không kinh nghiệm Thượng đế; họ đã kinh nghiệm Thượng đế nhưng bao giờ cũng có người trung gian ở giữa. Mặc dầu không đáng kể, người trung gian bao giờ cũng phải hiện diện; họ có kinh nghiệm của mình qua người trung gian. Một điều khác: có thể có những khác biệt được gây ra bởi những điều kiện bất thường. Chẳng hạn, ân huệ xảy ra trong đàn bà trẻ thì khó khăn hơn; nó dễ dàng hơn chút ít trong đàn bà già.

Một sự kiện thú vị là ở chỗ trong toàn bộ cuộc đời, giới tính của chúng ta luôn linh động; chúng ta không có cùng tỉ lệ nam-nữ trong suốt cuộc đời. Có thay đổi liên tục; tỉ lệ này luôn thay đổi. Cho nên có việc là đàn bà mọc râu mép và cắm vào những năm sau. Thậm chí giọng nói của người đó cũng thay đổi vào quãng năm mươi tuổi và việc ấy trở thành sâu sắc hơn, giống với đàn ông nhiều hơn. Giọng nữ sẽ mất đi. Tỉ lệ của cô ấy thay đổi; nhân tố nam nổi lên và nhân tố nữ giảm đi. Thực tại, công việc mang tính đàn bà của cô ấy đã kết thúc. Sự gắn bó sinh học cho tới độ tuổi bốn mươi nhăm nay không còn nữa. Cô ấy không còn gắn với nữ tính trong mình, cho nên khả năng của ân huệ nhiều hơn ở người đàn bà lớn tuổi. Điều này là như vậy bởi vì yếu tố nam tính tăng lên trong thể thứ nhất của cô ấy còn yếu tố nữ tính giảm đi trong thể thứ hai của ấy. Cũng vậy, yếu tố nam tính trong thể thứ tư của cô ấy giảm đi và yếu tố nam tính trong thể thứ ba của cô ấy tăng lên. Cho nên ân huệ là có thể trong đàn bà già.

Đàn bà rất già, trong những điều kiện nào đó có thể hành động như người trung gian cho đàn bà trẻ. Người đàn bà rất già, gần một trăm tuổi, không còn dấu vết gì trong tâm trí rằng mình là đàn bà, có thể hành động như trung gian cho cả đàn ông nữa. Nhưng điều này sẽ là việc khác. Điều tương tự cũng hết cho đàn ông: khi đàn ông già đi, những nét nữ tính của người đó tăng lên. Ông già nói chung hành xử như đàn bà. Nhiều nét nam tính mất đi trong cá tính của họ và những nét nữ tính phát triển.

Trong mối liên quan này cần biết rằng nhân cách của bất kì ai nhận ân huệ trong thể thứ tư, đều phát triển những nét nữ tính. Chẳng hạn, nếu như chúng ta xem xét thân thể hay nhân cách của Mahavira hay của Phật, họ có vẻ mang nhiều nét nữ tính hơn là nam tính. Những nét mềm mại và đẹp đẽ của đàn bà được tổ hợp với tính tiếp

nhận nữ tính được tăng lên trong họ. Tính cách hùng hổ đã rời bỏ họ, và do vậy họ trở thành tràn đầy không bạo hành, từ bi và tình yêu; bạo hành và giận dữ bị xua đuổi đi vĩnh viễn.

Nietzsche đã buộc tội Phật và Jesus là lại gái và ông ta nói rằng bởi lí do đó họ phải không được tính là đàn ông. Họ không có phẩm chất đàn ông và họ đã thành công trong việc làm cho toàn bộ thể giới thành nữ tính. Có đôi điều chân lí trong lời phàn nàn của ông ta. Bạn sẽ ngạc nhiên mà biết rằng chúng ta đã vẽ Phật, Mahavira, Krishna và Rama không ria mép hay râu. Không phải là họ đã không có râu ria, nhưng vào lúc chúng ta vẽ tranh họ, nhân cách của họ đã trở thành tràn đầy phẩm chất nữ tính; vậy, râu và ria sẽ bị gạt đi. Chúng ta vứt bỏ râu ria bởi vì chúng không còn thích hợp cho cách thức nữ tính của họ.

Một sự vụ như thế đã xảy ra trong trường hợp của Ramakrishna. Hoàn cảnh của ông có thể trở thành trường hợp duy nhất cho các nhà khoa học. Một điều rất kì lạ đã xảy ra. Về sau đệ tử ông đã cố gắng che giấu những sự kiện này - bởi vì làm sao họ có thể nói được về nó? Vú của Ramakrishna nở to và ông ấy thấy kinh. Điều này là biến cố rất kì lạ - chúng ta có thể nói đây là phép màu. Tính cá nhân ông trở thành nữ tính đến mức ông ấy bước đi như đàn bà và nói như đàn bà, và trong một trường hợp ngoại lệ như thế thì nhiều điều khác cũng có thể xảy ra. Chẳng hạn, trong hoàn cảnh như thế người ta không thể nào thực hiện shaktipat lên bất kì ai. Nhân cách của ông ấy đã trở thành hoàn toàn nữ tính.

Với sự giúp đỡ của các kĩ thuật thiền của Phật và Mahavira, hàng trăm nghìn người đã đạt tới thể thứ tư. Ngay khi họ đạt tới bình diện thứ tư, nhân cách của họ trở

thành nữ tính. Với điều này tôi muốn nói rằng khía cạnh thụ động của bản tính họ đã phát triển. Bạo hành và giận dữ tan biến khi hùng hổ rời bỏ họ; trù mến, tình yêu, từ bi và không bạo hành tăng lên. Nữ tính đã thành bản tính cố hữu của toàn bộ đất nước này, và cảm giác của tôi là ở chỗ đó chính là nguyên nhân cho rất nhiều cuộc xâm lăng đã xuất hiện ở đây. Tất cả các quốc gia nam tính láng giềng đều thành công trong việc chinh phục nhân cách nữ tính của Ấn Độ.

Theo một cách, một điều rất giá trị đã xảy ra - đó là chúng ta đã kinh nghiệm những điều tuyệt diệu trên bình diện thứ tư. Nhưng trên bình diện của thể thứ nhất, chúng ta thấy mình gặp khó khăn. Mọi thứ đều phải có cái bù trừ. Những người đã được chuẩn bị để bỏ lại các kho báu của bình diện thứ tư, đạt tới của cải và vương quốc của bình diện thứ nhất. Những người không được chuẩn bị để từ bỏ niềm vui của bình diện thứ tư, phải từ bỏ nhiều thứ trên bình diện thứ nhất.

Theo Phật và Mahavira, Ấn Độ mất đi bản chất hùng hổ và trở thành tiếp nhận. Cho nên với bất kì ai tới, chúng ta cũng ở điểm trở thành tiếp nhận; bất kì ai tới, chúng ta đều hấp thu họ vào trong chúng ta. Vấn đề phân biệt chủng tộc với họ không bao giờ xuất hiện trong chúng ta, cứ để cho một mình họ tấn công. Vấn đề đó đã mất đi mãi mãi bởi vì nhân cách chúng ta đã trở thành nữ tính. Ấn Độ đã trở thành một tấm lòng mềm mại chứa chấp tất cả những ai tới với nó. Chúng ta không chối từ ai cả; chúng ta chưa bao giờ cố gắng loại bỏ bất kì kẻ xâm lược nào khỏi chúng ta, bởi vì phẩm cách hiếu chiến cần cho đánh nhau, không còn trong chúng ta nữa. Với những người vĩ đại điều đó đã trở nên bị mất đi, và quảng đại quần chúng, đi theo những người vĩ đại. Và quần chúng phải vẫn bị chi phối bởi họ. Thường dân nghe người vĩ

đại nói về không bạo hành, từ bi, và thấy họ sống theo điều đó, cho nên người đó chấp nhận thể giới của họ và vẫn còn im lặng. Người đó có thể chiến đấu nhưng người đó không có người lãnh đạo.

Nếu như lịch sử thể giới được viết lại theo quan điểm tâm linh - khi chúng ta không còn coi các biến cố vật lí là lịch sử mà thay vào đó sẽ bắt đầu coi biến cố trên bình diện tâm thức là lịch sử, đó là lịch sử thật - thể thì chúng ta sẽ hiểu rằng bất kì khi nào một quốc gia chuyển sang tâm linh, nó đều trở thành nữ tính. Và bất kì khi nào nó trở thành nữ tính, các nền văn hoá kém hơn, các nền văn hoá tầm thường hơn, sẽ đánh bại nó. Một sự kiện đáng ngạc nhiên là những người đã xâm chiếm Ấn Độ đều thuộc về những nền văn hoá rất lạc hậu. Theo nhiều cách thức, họ vẫn còn là những kẻ man rợ hoang sơ, dù họ có là người Thổ Nhĩ Kỳ hay người Mông cổ hay Mogul. Họ không có văn hoá, nhưng theo một nghĩa nào đó, họ là đàn ông - mặc dầu man rợ - và chúng ta là đàn bà, thụ động. Chúng ta không có cách nào khác hơn việc hấp thu họ vào trong chúng ta.

Cho nên thể nữ tính có thể hấp thu. Do đó, đàn bà cần người trung gian trong khi thể nam tính có thể truyền năng lượng cũng như nhận ân huệ. Đó là lí do tại sao những người như Mahavira đã phải nói rằng đàn bà sẽ phải được tái sinh làm đàn ông để đạt tới chứng ngộ. Đây là một lí do trong số nhiều lí do. Cô ấy không thể nhận được ân huệ trực tiếp. Không nhất thiết là cô ấy cứ phải chết đi để trở thành đàn ông. Có những phương pháp mà theo đó việc biến đổi nhân cách có thể được thực hiện. Thể thứ hai có thể trở thành thể thứ nhất của bạn và thể thứ nhất có thể được làm cho lấy vị trí của thể thứ hai. Với điều này có những kĩ thuật về sức mạnh ý chí sâu sắc

mà qua đó việc biến đổi vật lí được thực hiện ngay trong chính cuộc đời này.

Có một câu chuyện hay về một trong những *tirthankara* của người Jaina. Một trong những *tirthankara* Jaina là một đàn bà có tên là Mallibai. Giáo phái Svetamber gọi bà là Mallibai, trong khi giáo phái Digamber gọi bà là Mallinath; họ coi bà là đàn ông bởi vì người Jaina thuộc Digamber cảm thấy rằng đàn bà không được mang danh hiệu *moksha*, giải thoát. Do đó một *tirthankara*, không thể nào là đàn bà được, và do vậy họ gọi Mallibai là Mallinath. Bây giờ, không nơi đâu khác trong lịch sử loài người lại có tranh luận sôi nổi đến thế về một người. Đã có đủ mọi loại tranh luận khác: về một người cao một mét bảy hay mét tám, về khi nào người đó được sinh ra, về khi nào người đó chết, nhưng chưa bao giờ có tranh luận sôi nổi về giới tính của người đã trở thành bậc thầy của tranh luận. Giáo phái này tin Mallibai là đàn ông còn giáo phái kia, tin là đàn bà.

Điều tôi cảm thấy là ở chỗ khi Mallibai bắt đầu việc tìm kiếm tâm linh, bà ấy phải là một đàn bà. Nhưng có những phương pháp mà nhờ đó thể thứ nhất có thể được thay đổi thành thể nam, và chỉ sau khi điều này xảy ra, bà ấy mới trở thành *tirthankara*. Cho nên giáo phái thứ nhất, người coi bà là đàn bà, tôn kính trạng thái thứ nhất của bà ấy; còn giáo phái thứ hai, người coi bà là đàn ông, tôn thờ trạng thái thứ hai của bà ấy. Cả hai đều đúng. Bà ấy là một đàn bà nhưng bà ấy phải đã biến thành đàn ông. Con đường của Mahavira là con đường mà bất kì người đàn bà nào đi qua, cô ấy nhất định phải trở thành đàn ông. Con đường của ông ấy không phải là của sùng kính mà là của tri thức, và do vậy nó hoàn toàn năng nổ. Con đường của ông ấy không phải là con đường của tiếp nhận.

Nếu bất kì người đàn ông nào nhảy múa và ca hát trong suốt cả năm trời như Meera, đi ngủ cũng vẫn mang hình ảnh của Krishna trên ngực và coi bản thân mình là người yêu của mình, người đó chỉ còn là đàn ông trên danh nghĩa. Tâm thức người đó sẽ trải qua biến đổi hoàn toàn. Thể thứ nhất sẽ thay đổi và trở thành nữ tính, còn thể thứ hai sẽ thay đổi và trở thành nam tính. Nếu việc biến đổi này là rất sâu sắc, sẽ có những thay đổi về thể chất trong thân thể anh ta nữa; bằng không, thân thể sẽ vẫn còn như cũ. Nhưng tâm trí sẽ không còn như cũ nữa: anh ta sẽ phát triển tâm thức nữ tính. Cho nên trong những trường hợp đặc biệt nhiều điều có thể xảy ra: biến cố của shaktipat có thể xảy ra; không có khó khăn gì. Nhưng điều này không thể là một qui tắc tổng quát.

Shaktipat có thể xảy ra qua người đàn ông và người này có thể nhận ân huệ trực tiếp nữa, nhưng sẽ khó cho đàn bà để đạt tới ân huệ trực tiếp. Cánh cửa ân huệ chỉ mở cho cô ấy thông qua shaktipat. Đây là sự kiện chứ không phải là đánh giá. Không có vấn đề về cao thấp, trên dưới: như thế là sự kiện. Nó cũng giống như là sự kiện đàn ông phóng tinh còn đàn bà nhận tinh. Nếu ai đó hỏi liệu đàn bà có phóng tinh vào đàn ông hay không, chúng ta sẽ phải nói không, bởi vì không có luật tự nhiên cho điều này. Không có vấn đề về liệu một người là ở trên hay ở dưới. Nhưng tất cả các cách thức đánh giá đều nảy sinh từ sự kiện này. Đàn bà bị coi như thấp kém bởi vì cô ấy là người nhận. Thế thì giá trị của người cho mới được tôn lên.

Khác biệt về địa vị giữa đàn ông và đàn bà trên khắp thế giới đều nảy sinh từ sự kiện là đàn ông coi mình là người cho, người cung cấp, trong khi đàn bà coi mình là người nhận. Nhưng ai nói rằng người nhận cứ phải là thấp kém? Và nếu không có ai là người nhận, người cho sẽ còn

có ích gì nữa? Và ngược lại: nếu không có người cho, người nhận phỏng còn có ích gì? Chẳng có gì cao thượng hay thấp kém trong đó cả. Thực tế, cả hai đều là phần bổ sung cho nhau và cả hai đều không thể độc lập với nhau. Họ là phụ thuộc lẫn nhau; họ bị gắn vào nhau. Những người này không phải là các thực thể tách biệt, nhưng thay vì thế là hai mặt của cùng một đồng tiền mà trong đó một người cho và người kia nhận.

Tuy nhiên thông thường, chính khái niệm về người cho làm nảy sinh bức tranh về cao thấp trong tâm trí chúng ta. Không có lí do gì tại sao người nhận lại phải thấp kém. Nhiều điều được gắn với điều này, tuy nhiên, địa vị của người đàn bà đã được chấp nhận là thứ hai so với đàn ông. Không chỉ đàn ông mà ngay cả đàn bà cũng đã chấp nhận địa vị này. Thực tế, cả hai đều đứng đầu trong vị trí tương ứng của mình - anh ấy là đàn ông và cô ấy là đàn bà. Không có vị trí thứ hai; cả hai là phần bù của nhau.

Bây giờ khái niệm này đã có những hậu quả rộng rãi trong nhiều lĩnh vực và nó đã xâm nhập vào toàn bộ nền văn minh và văn hoá của chúng ta. Đó là lí do tại sao mà đàn ông đi săn - bởi vì anh ta hùng hổ. Còn đàn bà, ngồi ở nhà chờ đợi anh ta; cô ấy chấp nhận anh ta một cách tự nhiên. Anh ta đi ra cánh đồng, anh ta gặt hái mùa màng, anh ta làm việc trong cửa hiệu, anh ta bay trên máy bay, anh ta lên mặt trăng, anh ta đi ra làm đủ mọi thứ đó bởi vì anh ta năng nổ. Đàn ông ở nhà chờ đợi anh ta. Cô ấy cũng làm rất nhiều điều nhưng không hùng hổ; nó là tiếp nhận. Cô ấy tạo dựng ngôi nhà cho anh ấy, cô ấy thu nhặt mọi thứ lại, cô ấy giữ mọi thứ ngăn nắp đúng chỗ. Trong tất cả các nền văn hoá, nguyên tắc ổn định là thuộc về đàn bà.

Nếu đàn bà không có đó, đàn ông sẽ là kẻ lang thang, gã lêu lổng; anh ta có thể chẳng bao giờ dựng nên được ngôi nhà. Đàn bà hành động như cái cọc. Đàn ông lang thang đây đó nhưng đều phải trở về với cái cọc. Nếu tình huống này mà khác đi, đàn ông sẽ chẳng bao giờ định cư nổi. Thế thì sẽ không có thành phố và thị trấn. Văn hoá thành phố đi vào hiện hữu bởi vì đàn bà muốn ổn định cuộc sống của mình ở một chỗ. Cô ấy bao giờ cũng nài xin đàn ông, "Thôi đủ rồi! Chúng ta dừng lại đi; chúng ta đỡ lại đi. Một chút ít khó khăn có thể tới, nhưng chúng ta đừng đi thêm nữa." Cô ấy chiếm lấy mảnh đất và bắt rễ vào đó. Thế rồi đàn ông phải tạo ra thế giới quanh cô ấy. Đây là cách thức mà thành phố và thị trấn đi vào hiện hữu. Đây là cách thức tất cả nền văn hoá, văn minh và gia đình, mà người đàn bà tô điểm và làm cho thiêng liêng lên, đã được tạo ra. Cái gì người đàn ông kiếm được hay thu thập được từ bên ngoài cũng chẳng quan trọng, cô ấy lưu giữ lại tất.

Đàn ông chẳng bao giờ quan tâm tới việc để dành. Anh ta kiếm sống, và tại đó vấn đề kết thúc; anh ta không còn quan tâm nữa. Anh ta háo hức và lo âu chừng nào anh ta còn đang tranh đấu với thế giới, thách thức thế giới; chú ý của anh ta bao giờ cũng hướng về chỗ khác để chinh phục. Bất kì cái gì anh ta đem về, có ai đó khác chăm nom nó tất cả, cất giữ nó tất cả, và từng thứ này đều có chỗ riêng của nó, giá trị riêng của nó. Cô ấy là phần bổ sung cho toàn bộ tình huống, nhưng khi cô ấy không đi kiếm sống, khi cô ấy không tích lũy, khi cô ấy không sáng tạo, với cô ấy dường như là bị tụt lại sau. Cảm giác này đi vào thậm chí từng điều rất nhỏ bé, và ở mọi nơi cô ấy bắt đầu cảm thấy cảm giác thấp kém mà hoàn toàn vô căn cứ.

Sự thấp kém này đưa lại kết quả tai hại. Chừng nào mà người đàn bà còn chưa được giáo dục, cô ấy còn chịu đựng sự thấp kém này, nhưng bây giờ, cô ấy không. Để phá vỡ cảm giác thấp kém này cô ấy đã đi làm đích xác những điều đàn ông làm. Điều này sẽ chứng tỏ điều rất bất lợi cho cô ấy. Cô ấy có thể vi phạm vào nhân cách cơ bản của mình, và điều này có thể có kết quả phá huỷ sâu bên trong tâm lý cô ấy. Bây giờ cô ấy muốn ở cùng cấp bậc với đàn ông, nhưng cô ấy không thể nào giống như đàn ông hoàn toàn được. Cô ấy sẽ chỉ thành công trong việc làm cho bản thân mình thành đàn ông hạng hai; cô ấy không thể nào là đàn ông hạng một được. Cô ấy có thể, nếu cô ấy chọn, làm cho bản thân mình thành hạng nhất trong giới đàn bà của mình.

Không có đánh giá nào trong việc này cả, nhưng đây là những sự kiện về bốn thể này; đó là điều tôi muốn nói.

Trong trường hợp đó, phải có khác biệt trong thực hành tâm linh cho đàn ông và đàn bà.

Sẽ có khác biệt, và điều đó sẽ không phải là trong thực hành tâm linh nhiều như trong trạng thái của tâm trí. Chẳng hạn, khi phương pháp là một và duy nhất, ngay cả thể thì người đàn ông cũng vẫn hăng hái đi vào nó, trong khi đàn bà sẽ đi vào nó theo cách thụ động. Đàn ông sẽ tấn công, đàn bà sẽ buông xuôi. Phương pháp sẽ là một nhưng thái độ sẽ khác. Khi người đàn ông đi vào thực hành tâm linh, anh ta nắm lấy cổ nó, nói đại thể như vậy, nhưng khi đàn bà bắt đầu thực hành tâm linh, cô ấy sẽ gục đầu vào chân nó.

Khác biệt này về thái độ là tự nhiên và không có khác biệt nào nữa giữa hai người hơn điều này. Thái độ của đàn bà sẽ là thái độ của buông xuôi: khi cô ấy đạt tới, cô ấy sẽ không nói rằng cô ấy đã đạt tới Thượng đế; thay vì thế thì cô ấy sẽ nói rằng cô ấy có may là Thượng đế đã đưa cô ấy vào trong ngài. Khi đàn ông đạt tới điều tối thượng, anh ta sẽ không nói rằng Thượng đế đã đưa anh ta vào; anh ta cảm thấy rằng anh ta đã *đạt tới* Thượng đế. Khác biệt là ở trong cách hiểu của họ. Khác biệt này nhất định là như vậy, nhưng chỉ cho tới thể thứ tư. Sau đó, không có vấn đề về nam và nữ nữa.

Thầy đã nói rằng việc thực hành tụng aum cũng đem lại nada, âm thanh bên trong. Liệu điều đó có tới một cách tự phát hay không? Đầu là nada đúng đắn?

Nếu nó tới một cách tự phát thì có giá trị hơn nhiều. Nếu nó tới với việc lầm nhảm aum, nó có thể là tưởng tượng. Cái tới theo ý riêng của nó mới là chân thực, có giá trị. Nếu nada bắt đầu, bạn nên trở thành nhân chứng. Đừng bị hội nhập vào trong nó, bởi vì đó là trạng thái của bình diện thứ bảy. Nếu bạn định mất đi trong nada trước khi đạt tới bình diện thứ bảy, bạn sẽ dừng lại ở đó; nó sẽ hành động như cái phanh.

Khi những âm thanh bên trong này trở thành ngày càng tinh tế hơn, việc chứng kiến của chúng ta nữa cũng sẽ phải trở thành ngày càng tinh tế hơn. Chúng ta sẽ phải tiếp tục quan sát tới cùng, khi âm thanh hoàn toàn mất đi.

Tại bình diện nào shaktipat xảy ra cho thiền nhân và tại bình diện nào ân huệ xảy ra? Nếu các thể thứ nhất, thứ hai và thứ ba của thiền nhân còn chưa phát triển đầy đủ, shaktipat và sự thức tỉnh của kundalini sẽ có tác động gì?

Tôi đã nói với bạn rằng shaktipat xảy ra trong thể thứ nhất và ân huệ, ở thể thứ tư. Nếu shaktipat xảy ra trong thể thứ nhất và kundalini chưa thức tỉnh, nó sẽ thức tỉnh - và với tốc độ rất lớn. Thế thì chúng ta sẽ phải rất cẩn thận, bởi vì với shaktipat điều thường xảy ra trong quá trình nhiều tháng sẽ xảy ra trong vài giây. Do đó, trước shaktipat nên có chuẩn bị sâu sắc cho ba thể đầu. Shaktipat bất thần trên một người không được chuẩn bị gì cả, trên bất kì Tom, Dick hay Harry, đều có thể có hại. Do đó, chút ít chuẩn bị là cần thiết trước shaktipat. Không cần phải chuẩn bị phức tạp; chỉ đem ba thể vào hội tụ là đủ. Đó là điều thứ nhất.

Điều tiếp là ở chỗ phải có đường nối giữa ba thể này để cho năng lượng không bị cản trở tại bất kì đâu cả. Nếu shaktipat bị mắc ở bình diện thứ nhất, có thể sẽ nguy hiểm. Nếu nó dàn trải khắp ba bình diện, sẽ không có hại. Nếu nó dừng lại tại bình diện thứ nhất, sẽ rất hại.

Cũng giống như bạn bị giật điện khi đang đứng trên đất: thế thì điều này là có hại. Nhưng nếu bạn đang đứng trên một khung gỗ, sẽ hoàn toàn an toàn: thế thì dòng điện đi qua thân thể bạn và tạo thành một mạch. Nếu mạch này được tạo thành, không có nguy hiểm. Nó chỉ nguy hiểm nếu mạch này bị ngắt. Tất cả năng lượng đều chảy theo

cùng một qui tắc: chúng đi theo vòng tròn. Nếu mạch bị ngắt ở giữa, bạn sẽ bị giật. Cho nên nếu bạn đứng trên gỗ, bạn không thể bị giật được.

Bạn sẽ ngạc nhiên mà biết rằng việc dùng nền gỗ cho thiền không có mục đích nào khác hơn sự kiện là chúng là vật cách điện. Da hươu và da báo đã được sử dụng với cùng lí do: để cho năng lượng được thoát ra bởi việc thiền sẽ không gây ra sốc. Cho nên những chất không dẫn điện này đã được dùng làm chỗ ngồi. Người ta có thể bị chết bởi sốc điện này. Do đó, thiền nhân đi guốc gỗ và ngủ trên tấm phản gỗ. Người đó có thể không biết tại sao mình đã làm tất cả những điều này; người đó đơn thuần tuân theo các qui tắc đã được kinh sách đặt ra. Có lẽ thiền nhân thực hành điều này nghĩ rằng mình đang hành hạ thân thể để cho thân thể không được có bất kì thoải mái nào. Đây không phải là lí do. Mọi nguy hiểm là hoàn toàn khác. Vào bất kì lúc nào biến cố cũng có thể xảy ra bên trong thiền nhân từ bất kì nguồn nào không được biết tới. Người này phải được chuẩn bị chu đáo.

Nếu việc chuẩn bị của người đó cho ba thể đầu được hoàn tất, năng lượng người đó nhận được sẽ tạo thành một mạch bên trong người đó. Nếu người đó không sẵn sàng và năng lượng bị cản trở tại ngay chính thể thứ nhất, điều đó là có hại. Do đó, việc chuẩn bị tối thiểu này là cần thiết để cho thiền nhân có khả năng tạo nên một mạch. Việc chuẩn bị này là dễ dàng và không lâu. Nó không khó khăn chút nào.

Cho nên shaktipat có thể được dùng với mức độ nào đó để có thoáng nhìn về điều thiêng liêng; nhưng việc chuẩn bị sơ bộ là cần thiết, bằng không, sẽ có hại cho người thường không được chuẩn bị.

Kundalini dâng lên với cường độ lớn qua shaktipat, nhưng nó chỉ có thể đi lên tới thể thứ tư. Tuy nhiên, thoáng nhìn như vậy cũng đã quá đủ. Cuộc hành trình sau đó, hoàn toàn là cá nhân. Nếu một tia chớp sáng trong đêm tối hé lộ ra một chút ít về con đường cho bạn, nó cũng là quá đủ. Một khi con đường đã được thấy, mọi thứ đều thay đổi. Thế thì bạn sẽ không còn là con người cũ như bạn trước đây nữa. Vậy, shaktipat có thể được dùng để thấy một chút ít về khoảng cách nằm phía trước mặt. Tuy nhiên việc chuẩn bị ban đầu là cần thiết. Nếu trao trực tiếp nó cho quần chúng, nó có thể có hại.

Và điều đáng ngạc nhiên nhất là ở chỗ chính quần chúng là người bao giờ cũng tìm kiếm shaktipat và những điều như vậy. Người bình thường muốn được cái gì đó không mất công sức - nhưng chẳng cái gì thu được mà không mất công sức cả. Nhiều lần chúng ta đi tới nhận ra về sau là món quà cho không đắt làm sao. Bạn chờ bao giờ cố gắng để có được cái gì cho không. Chúng ta bao giờ cũng nên sẵn sàng trả đúng giá. Thực tế, chúng ta càng biểu lộ sự sẵn sàng của mình để trả giá, chúng ta càng trở nên đáng giá hơn. Chúng ta trả giá lớn nhất là bởi nỗ lực của mình cho sự trưởng thành tâm linh.

Hai hôm trước đây một bà tới gặp tôi và nói, "Tôi đã tiến bộ nhiều trong những năm qua và tôi sắp chết. Khi nào tôi đạt tới chứng ngộ? Xin thầy khấn nguyện và làm điều gì đó bằng không, tôi chết mất." Tôi bảo bà ấy tới thiền trong vài ngày; thế rồi chúng tôi sẽ xem cần phải làm gì.

Bà ấy nói, "Tôi không muốn bị phiền hà với thiền. Xin thầy làm điều gì đó để cho tôi có thể đạt tới chứng ngộ."

Bây giờ bà này đang tìm kiếm để được cái gì đó mà không phải trả giá cho nó. Tìm kiếm như thế là nguy hiểm. Bạn chẳng thu được cái gì về nó cả; ngược lại bạn lại còn bị mất. Thiền nhân không nên nuôi dưỡng những mong đợi như thế. Người ta nhận cái mà người ta sẵn sàng vì nó. Bạn nên tin rằng điều này là như vậy.

Thực tế, người ta chưa bao giờ nhận được ít hơn cái mà mình xứng đáng. Đây là luật của sự tồn tại, nó là luật vũ trụ. Bạn nhận được những cái mà bạn đã chuẩn bị cho nó, và nếu bạn không nhận được thế thì biết rằng đây không phải là bất công đâu; thay vì thế thì bạn còn thiếu sự chuẩn bị đầy. Nhưng tâm trí chúng ta bao giờ cũng ru ngủ chúng ta trong niềm tin rằng bất công đang dồn vào ta. Chúng ta bao giờ cũng rất chắc chắn về giá trị của riêng mình và phàn nàn chê bai sự tồn tại.

Chúng ta bao giờ cũng nhận được cái tương xứng với sự xứng đáng của riêng ta. Sự xứng đáng và việc đạt tới là hai tên cho cùng một điều. Nhưng tâm trí trông đợi rất nhiều và cố gắng rất ít. Có lỗ hổng lớn giữa trông đợi của chúng ta và nỗ lực của chúng ta. Lỗ hổng này là rất thất sách. Nó có thể rất tai hại. Bởi vì điều này mà chúng ta cứ lang thang đây đó trong hi vọng có được cái gì đó ở đâu đó. Thế thì khi số người như vậy tăng lên, điều chắc chắn là một người láu cá nào đó sẽ tiến tới khai thác họ. Người đó sẽ đưa ra cho họ cái mà họ đang tìm kiếm mà chẳng phải mất công. Một người như vậy khó mà biết được cái gì. Người đó đem đến công thức nào đó từ đâu đó mà với công thức đó người đó có thể làm việc trên họ, và mặc dù hiệu quả của nó không sâu sắc cho lắm, nó vẫn cứ có thể có hại.

Chẳng hạn, ta hãy lấy một người chẳng có tri thức gì về shaktipat: người này nữa cũng có thể thực hành một

chút ít shaktipat với sự trợ giúp của từ trường thân thể. Nhưng người này không có tri thức gì về sáu thể khác bên trong. Thân thể có lực từ trường riêng của nó. Nếu việc thu xếp được tiến hành qua tình huống nào đó, người đó có thể làm cho bạn nhận những cú sốc qua từ trường đó. Đây là lí do tại sao thiên nhân trong thời cổ đại lại cẩn thận về hướng của đầu khi ngủ. Người đó sẽ không để đầu theo một hướng nào đó hay để chân theo một hướng nào đó.

Trái đất có lực từ trường của riêng nó và thiên nhân, bao giờ cũng được nhắc nhở nên sắp thẳng đứng với từ trường này để cho người đó thường xuyên được thẩm từ trường. Nếu bạn ngủ làm thành góc với lực này, từ trường thân thể bạn sẽ trở nên ít đi. Nếu bạn nằm theo hướng luồng từ trường, lực mà trái đất tạo ra từ trường của nó và lực tạo nên trục của trái đất cũng sẽ làm nhiễm từ thân thể bạn thành thời nam châm. Nó rút đầy thân thể bạn với lực từ trường theo cùng cách như một mẫu sắt bị nhiễm từ bởi việc đặt nó phía trước thanh nam châm. Sau khi trở nên được nhiễm từ, nó sẽ bắt đầu hút những vật nhỏ như đinh ghim và kim.

Cho nên thân thể có lực từ trường riêng của nó. Nếu nó có thể được sắp thẳng đứng với lực từ trường của trái đất, sẽ rất có ích lợi. Các ngôi sao nữa cũng có lực từ trường. Vào những cơ hội đặc biệt nào đó mà một số ngôi sao có từ trường đặc biệt. Điều này có thể được kiểm chứng; chúng ta có tất cả những thông tin cần thiết. Cho nên nếu bạn đang ở một trạng thái đặc biệt, ngồi trong một tư thế đặc biệt vào một khoảnh khắc đặc biệt, một ngôi sao đặc biệt sẽ làm cho thân thể bạn trở thành được đặc biệt nhiễm từ. Thế thì bạn có thể gây sốc từ cho bất kì ai và họ có thể coi đó là shaktipat. Nhưng đây không phải là shaktipat. Thân thể có điện của riêng nó. Nếu điện này

được tạo ra theo cách đúng đắn, bạn có thể thấp sáng bóng đèn năm tới mười oát chỉ đơn thuần bằng cách nắm nó trong tay bạn. Những thực nghiệm này đã thành công. Có những người chỉ nắm bóng điện trong lòng bàn tay và nó sáng lên. Nhưng năng lượng bên trong thân thể còn nhiều vô hạn.

Hai mươi năm trước đây một đàn bà ở Bỉ trở nên được nạp điện một cách bất ngờ. Không ai dám chạm vào bà ấy; bất kì ai chạm vào đều bị giật. Chồng bà ấy xin li dị, và lí do được nêu ra là ở chỗ ông ấy bị giật điện bất kì khi nào ông ấy chạm vào bà ấy. Việc li dị đã tạo ra xúc động trên khắp thế giới. Sau nhiều lần thử nghiệm người ta mới phát hiện ra là thân thể bà ấy đã bắt đầu tạo ra điện dư thừa. Thân thể có nhiều pin. Nếu chúng làm việc theo trật tự, chúng ta không cảm thấy gì. Nếu trật tự này bị rối loạn, rất nhiều năng lượng được tạo ra - thoát ra.

Bạn lấy năng lượng từ thức ăn bạn ăn và năng lượng này nạp điện cho pin trong thân thể bạn. Do đó, nhiều lần bạn cảm thấy cần nạp điện lại cho pin. Con người mệt mỏi và kiệt sức vào buổi tối. Việc nghỉ ngơi ban đêm ngon lành nạp điện lại cho người đó. Tuy nhiên người đó không biết cái gì nạp điện lại cho mình trong giấc ngủ. Trong giấc ngủ một số lực nào đó làm việc trên người đó. Nhiều nghiên cứu tâm lí đã được tiến hành và chúng ta biết loại lực nào làm việc trên người đó vào lúc ngủ. Nếu một người muốn, người đó có thể tận dụng ưu thế của những thể lực này trong trạng thái tỉnh thức. Thế thì người đó có khả năng gây cho bạn cú sốc năng lượng mà thậm chí không phải là từ trường mà chỉ là điện thân thể. Bạn có thể làm lần điều này là shaktipat.

Có nhiều cách thức khác của shaktipat giả mà cũng là sai lầm tương đương. Chúng chẳng có cách nào để nói

với việc truyền thực tại năng lượng thiêng liêng. Nếu một người không có tri thức gì về từ trường thân thể, về điện thân thể, nhưng người đó biết bí mật của việc phá vỡ mạch điện trong thân thể bạn, thế thì người đó cũng có thể gây sốc năng lượng cho bạn nữa. Có nhiều cách để phá vỡ mạch điện của thân thể bạn, và khi điều này bị rối loạn, bạn nhận thấy cơn sốc. Chẳng có gì từ người khác tới bạn nhưng bạn vẫn cảm thấy cái sốc. Đây là cái sốc của điện thân thể riêng bạn bị rối loạn đấy thôi.

Tôi không thể nói cho bạn mọi điều thật chi tiết vì làm như vậy là không đúng. Tất cả những gì tôi nói đều không đầy đủ. Thậm chí những phương pháp sai mà tôi nói tới, cũng không được mô tả đầy đủ, bởi vì việc nói đầy đủ và mở rộng về chúng là rất nguy hiểm vì thế thì sẽ có ý định thử chúng xem sao. Tính tò mò của chúng ta rất nồng nặc. Một nhà huyền môn đã nói tới tính tò mò như tội lỗi: chỉ có một tội lỗi trong con người - tội lỗi về tò mò. Con người không có tội lỗi nào khác. Con người phạm biết bao nhiêu tội lỗi toàn là vì tính tò mò. Chúng ta không nhận biết về điều này, nhưng chính tính tò mò làm cho con người phạm vào nhiều tội ác.

Có một câu chuyện trong Kinh thánh nói rằng Thượng đế bảo Adam được ăn tất cả quả trên mọi cây chỉ trừ mỗi một quả. Sự tò mò về quả này đẩy Adam vào khó khăn. Tội lỗi nguyên thủy là tội lỗi tò mò - và Adam thấy mình lâm vào cảnh rắc rối. Bí mật là gì thế nhỉ? Trong khu rừng rộng lớn thế với bao nhiêu quả cây ngon lành, có gì đặc biệt với quả của cái cây trông bình thường thế kia. Nhưng cây này bắt đầu có ý nghĩa với Adam, tất cả các cây còn lại trở thành vô nghĩa. Tâm trí Adam lơ lửng quanh cây này chừng nào còn chưa được ném quả cấm. Tò mò gợi ý cái tốt hơn cho Adam, và Ki-tô giáo nói rằng đây là tội lỗi nguyên thủy mà loài người phạm phải. Bây

giờ, tội lỗi gì có thể có đấy trong việc ném thử một quả nào đó? Tội lỗi nguyên thủy là tính tò mò của Adam.

Tâm trí chúng ta bị chất đầy với tò mò - nhưng hiếm khi nó điều tra về điều đó. Việc điều tra xảy ra trong người đã trưởng thành vượt ra ngoài tính tò mò. Nhớ lấy, có khác biệt cơ bản giữa tò mò và điều tra. Người tò mò không bao giờ điều tra; người đó chỉ tràn đầy với tò mò về mọi thứ và không thấy một thứ trong cái toàn bộ của nó. Người đó khó mà nhìn qua một thứ khi mười thứ khác thu hút sự chú ý của người đó. Thế thì người đó chẳng bao giờ có thể điều tra được.

Những phương pháp sai lầm mà tôi đã nói tới đều không đầy đủ. Một số phần quan trọng của những phương pháp này đã bị lược bỏ có chủ ý. Cần phải làm như vậy bởi vì tâm trí chúng ta dễ ngon ngọt chúng ta với tính tò mò để thử chúng xem sao. Chẳng khó khăn gì trong việc thực hiện những thực nghiệm này. Khi người tìm kiếm sai đi vào việc tìm kiếm quyền năng, vào việc tìm kiếm Thượng đế, họ gặp những người bán phát quyền năng giả nữa. Thế thì cũng giống như kẻ đui dẫn người mù. Người lãnh đạo mù, nhất định ngã và thế là cả đoàn dài những người mù đi sau người đó cũng ngã theo. Thế thì cái hại được thực hiện không chỉ cho kiếp này mà nhiều kiếp khác. Phá một vật thì dễ nhưng rất khó để đặt nó đúng lại.

Cho nên bạn đừng thử theo khía cạnh này để nghiên cứu từ tính tò mò. Tự chuẩn bị bản thân mình theo hướng đúng. Thế thì cái cần cho bạn sẽ tới trên con đường của bạn; nó chắc chắn sẽ tới.

Kundalini: kỉ luật siêu việt

Hôm qua Thầy đã nói cho chúng tôi về tác động của shaktipat và sự thức tỉnh kundalini trên người có ba thể đầu còn chưa được chuẩn bị cho nó. Xin Thầy giải thích thêm về loại tác động nào sẽ xảy ra nếu các thể thứ hai và thứ ba còn chưa được chuẩn bị. Cũng vậy, làm sao thiền nhân phải chuẩn bị các thể vật lý, ether và vĩa cho sự kiện đó?

Chính điều đầu tiên cần phải hiểu trong mối liên hệ này là ở chỗ việc hài hoà hoàn toàn trong các thể thứ nhất, thứ hai và thứ ba là điều tuyệt đối bản chất. Nếu không có mối nối hài hoà giữa ba thể này, việc thức tỉnh kundalini có thể tỏ ra là có hại. Có vài điều rất cần thiết để đưa tới sự hài hoà này, mối quan hệ này.

Trước hết, chừng nào mà chúng ta còn chưa nhận biết và không nhạy cảm với thể vật lý, thể này không thể nào thiết lập được sự hài hoà với các thể khác. Với không nhạy cảm tôi muốn nói chúng ta không nhận biết hoàn toàn về thân thể. Khi chúng ta bước đi, chúng ta hầu như không ý thức về sự kiện ta đang bước đi. Khi chúng ta đứng, chúng ta hầu như không ý thức tới sự kiện ta đang đứng. Khi chúng ta ăn, chúng ta hầu như không ý thức tới sự kiện ta đang ăn. Bất kì hoạt động nào chúng ta làm với thân thể, chúng ta đều làm trong vô nhận biết, giống như người mộng du. Nếu chúng ta không nhận biết về thân thể này, chúng ta cũng phải không nhận biết gấp đôi về các thể bên trong khác, bởi vì chúng còn tinh tế hơn. Nếu chúng ta không nhận biết về thể thô này, cái thấy được dưới con mắt thường, vấn đề nhận biết về các thể tinh tế vô hình cũng không nảy sinh. Không thể nào biết được về chúng. Hài hoà không thể có mà thiếu nhận biết. Hài hoà chỉ có thể có trong trạng thái nhận biết. Trong trạng thái không nhận biết, tất cả mọi hài hoà đều bị phá vỡ.

Cho nên điều đầu tiên là phải nhận biết về thân thể. Với bất kì hành động nhỏ bé nào thân thể thực hiện, việc ghi nhớ cũng là tuyệt đối cần thiết. Phải để ý tới tất cả những điều chúng ta làm. Như Phật thường nói, "Khi ông bước trên đường nhận biết rằng ông đang bước. Khi ông đưa chân phải lên, tâm trí ông phải ý thức tới sự kiện là chân phải đã đưa lên. Khi ông ngủ trong đêm ông nên biết lúc nào ông trở mình."

Có một sự kiện trong cuộc đời của Phật từ lúc ông ấy mới chỉ là một người tìm kiếm. Ông ấy đi qua một thôn làng cùng một người đồng hành. Cả hai đang nói chuyện, một con ruồi đậu lên cổ Phật. Ông ấy đang thảo luận dở, đưa tay lên xua ruồi. Nó bay đi - nhưng Phật bỗng nhiên dừng lại. "Tôi đã phạm phải một sai sót nghiêm trọng,"

Phật nói với người đồng hành. Thế rồi ông ấy lại đưa tay lên trong hành động xua ruồi đi.

Anh bạn đi cùng thốt lên trong sự ngạc nhiên, "Anh đang làm cái gì thế này? Con ruồi có đâu nữa mà xua."

Phật đáp, "Bây giờ tôi đang xua con ruồi đi như tôi phải làm thế. Bây giờ tôi tràn đầy nhận biết về điều tôi đang làm. Bây giờ khi tay đưa lên, tôi tràn đầy nhận biết rằng nó đang đưa lên và rằng nó đang đi theo hướng cổ để xua con ruồi bay đi. Lần trước tôi đang nói với anh; do đó hành động của tôi là máy móc. Tôi đã phạm lỗi với thân thể."

Nếu chúng ta bắt đầu làm tất cả những hành động vật lí với nhận biết đầy đủ, thế thì việc đồng nhất với vật lí trở nên bị phá vỡ. Nếu bạn đưa một tay lên với tràn đầy chăm chú, bạn sẽ cảm thấy mình tách ra khỏi cái tay - bởi vì người đưa tay lên là khác với cái được đưa lên. Cảm giác tách ra khỏi thể vật lí là sự mở đầu cho việc nhận biết về thể ê te. Thế thì, như tôi đã nói trước đây, bạn nên nhận biết đầy đủ về thể thứ hai này nữa.

Giả sử có một dàn nhạc đang chơi. Nhiều kiểu nhạc cụ được chơi trong dàn nhạc. Nếu có một người trong số khán giả mà chưa bao giờ được nghe nhạc, người đó sẽ chỉ nghe thấy tiếng trống bởi vì đây là nhạc cụ tạo nên âm thanh to nhất; người đó sẽ không thể nào bắt được những nốt êm đềm của các nhạc cụ khác. Nhưng nếu người đó bắt đầu trở nên nhận biết về âm nhạc, người đó dần dần sẽ nắm bắt được những nốt tinh tế nhạy cảm. Thế thì khi nhận biết của người đó tăng lên thêm nữa, người đó sẽ không chỉ bắt được các nốt nhạc mà người đó sẽ trở nên nhận biết về lỗ hổng giữa hai nốt - im lặng giữa hai nốt. Thế thì người đó sẽ hiểu thấu âm nhạc hoàn toàn. Khoảng trống, lỗ hổng, là điều cuối cùng cần hiểu thấu. Thế thì có

thể nói rằng việc hiểu thấu về âm nhạc của người đó là đầy đủ.

Khoảng trống, im lặng giữa hai nốt, có ý nghĩa riêng của nó. Thực tế, các nốt nhạc chỉ có nghĩa để làm nổi bật im lặng này. Điều thực trong âm nhạc chính là đưa bao nhiêu im lặng này vào vận hành.

Nếu bạn đã từng xem những bức hoạ Trung quốc và Nhật bản, bạn phải ngạc nhiên mà để ý rằng việc vẽ bao giờ cũng vào một góc; phần còn lại của tấm vải được bỏ trống. Không đâu khác trên thế giới này chúng ta tìm được phương pháp vẽ tranh này, bởi vì không ở đâu khác người nghệ sĩ vẽ tranh với trạng thái thiền như thế. Thực tế, không có đâu ngoại trừ Trung quốc và Nhật bản mới có những thiền nhân vẽ tranh. Nếu bạn hỏi người nghệ sĩ này tại sao người đó lại để lãng phí tám vải lớn thế để vẽ phần nhỏ thế khi người đó có thể dễ dàng dùng một phần tám kích cỡ tám vải, người đó sẽ đáp rằng để đem lại không gian trống rỗng chiếm bảy phần tám tấm vải vẽ, người đó chỉ làm việc riêng trên phần còn lại. Thực tế, đây là tỉ số.

Thông thường khi cây đứng giữa không gian rộng mở mà được vẽ, toàn bộ tám vải vẽ sẽ bị choán hết. Thực tại cái cây chỉ nên trong một góc nhỏ, vì trong so sánh với bầu trời bao la, cây là rất ít ý nghĩa. Đây là tỉ số thực tại. Khi cây đứng đúng tỉ lệ không gian của nó trên tám vải, chỉ thế thì nó mới sống động. Vậy, tất cả các bức vẽ của bạn đều sai tỉ lệ. Nếu một thiền nhân làm ra nhạc, sẽ có ít âm thanh và nhiều im lặng trong đó - bởi vì các nốt là rất nhỏ nếu so với cái im lặng nổi chúng lại. Âm thanh chỉ có một tác dụng - để cho hướng dẫn về cái trống rỗng, cái im lặng, và thế rồi ra đi. Bạn càng đi sâu vào trong âm nhạc, bạn càng trở nên cảm thấy im lặng sâu hơn.

Mục đích của thể vật lí của chúng ta chỉ ở chỗ nó cho chúng ta một cảm nhận về các thể tinh tế hơn của chúng ta, nhưng chúng ta chẳng bao giờ dùng nó đến cùng cả. Chúng ta vẫn còn bị dính chặt vào thể vật lí bởi vì sự đồng nhất ngủ say với nó. Chúng ta đang ngủ; và do vậy chúng ta sống trong thân thể theo một cách thức rất không có ý thức. Nếu bạn trở nên nhận biết về từng và mỗi hành động của thân thể mình, bạn sẽ bắt đầu cảm thấy sự hiện diện của thể thứ hai. Thể thứ hai nữa cũng có hoạt động riêng của nó, nhưng bạn sẽ không biết đến thể ê te chừng nào bạn chưa trở nên nhận biết đầy đủ về những hoạt động của thể vật lí, vì thể ê te tinh tế hơn. Nếu bạn nhận biết hoàn toàn về những hoạt động của thể vật lí của mình, bạn sẽ bắt đầu cảm thấy chuyển động của thể thứ hai. Thế thì bạn sẽ ngạc nhiên rằng có những rung động ê te bên trong bạn mà vẫn kích hoạt vào mọi lúc.

Một người trở nên giận dữ. Giận dữ được sinh ra trong thể ê te nhưng nó biểu lộ trong thể thứ nhất. Về cơ bản, giận dữ là hoạt động của thể thứ hai; thể thứ nhất được dùng như trung gian để diễn đạt. Do đó, bạn có thể dùng giận dữ để không cho nó đạt tới thể thứ nhất nếu bạn muốn. Đây là điều được thực hiện trong kìm nén. Giả sử rằng tôi đang tràn đầy giận dữ: tôi cảm thấy muốn dùng gậy đánh bạn nhưng tôi có thể dừng mình lại. Đánh là một hoạt động của bình diện thứ nhất. Về cơ bản, có giận dữ nhưng bây giờ, không có biểu lộ của giận dữ. Tôi có thể kìm mình khỏi hành động đánh; tôi có thể thậm chí còn mỉm cười với bạn nếu tôi muốn. Nhưng bên trong, giận dữ lan rộng khắp thể thứ hai của tôi. Cho nên trong kìm nén, điều xảy ra là ở chỗ chúng ta kìm lại trên bình diện biểu lộ, nhưng nó vẫn cứ hiện diện tại ngọn nguồn nguyên thủy.

Khi bạn bắt đầu nhận biết về các quá trình của thân thể vật lí, bạn sẽ bắt đầu hiểu chuyển vận của tình yêu, giận dữ và căm ghét bên trong bạn; bạn sẽ trở nên nhận biết về hiện diện của chúng. Chừng nào bạn còn chưa hiểu thấu những chuyển vận của những xúc động nảy sinh từ thể thứ hai này, tất cả những điều bạn có thể làm chỉ là kìm nén chúng. Bạn không thể nào được tự do khỏi chúng bởi vì bạn chỉ trở nên nhận biết chúng khi chúng đã đạt tới thể thứ nhất - và thậm chí cũng không nhận biết được điều này nhiều lần: thường bạn chỉ trở nên nhận biết về chúng khi chúng đã đạt tới thân thể người khác. Chúng ta không nhạy cảm đến mức mà chừng nào cái tát của bạn còn chưa đập vào má ai đó, bạn vẫn còn chưa hiểu được bạn đã làm gì. Sau cái tát bạn mới đi tới nhận ra rằng cái gì đó đã xảy ra.

Tất cả các xúc động đều nảy sinh từ thể ê te. Do đó, tôi cũng gọi thể thứ hai, thể ê te là thể xúc động. Nó có đà riêng của mình; nó có chuyển vận riêng của nó cho giận dữ, yêu thương, căm ghét, bất ổn. Bạn sẽ đi tới nhận ra những rung động này.

Trong sợ hãi, thể ê te co lại. Quá trình co lại mà chúng ta cảm thấy trong sợ hãi không thuộc về thể thứ nhất. Thể thứ nhất vẫn còn như cũ; không có thay đổi trong nó về bất kì cái gì. Nhưng tác động của việc thu nhỏ lại này của thể ê te trở thành hiển nhiên trong bước đi của người ta, trong cách người ta ngồi. Người đó trông có vẻ khẽ khàng vào mọi lúc. Người đó sẽ không đứng thẳng. Khi nói người đó sẽ lấp bắp. Chân người đó sẽ run rẩy khi bước; tay người đó sẽ rung rung khi viết.

Bây giờ bất kì ai cũng đều có thể nhận ra khác biệt giữa chữ viết tay của đàn ông và đàn bà; chẳng khó khăn chút nào. Chữ viết tay của đàn bà không bao giờ thẳng.

Dù có đối xứng và viết đẹp đến đâu, cũng chẳng thành vấn đề, chúng bao giờ cũng có dấu hiệu của sự run rẩy trong đó. Đây là một đặc trưng rất nữ tính và nó tới từ thân thể đàn bà. Đàn bà lúc nào cũng sợ hãi; nhân cách của cô ấy đã trở thành bị tác động mạnh bởi cái sợ. Cho nên không khó khăn gì người ta có thể nhận ra chữ viết tay của đàn bà từ những chữ viết tay của đàn ông. Cũng vậy, chúng ta có thể tìm ra một người đàn ông sợ hãi thể nào từ nét chữ viết của anh ta. Không có gì khác biệt giữa ngón tay của đàn ông hay của đàn bà, cũng chẳng có gì khác biệt trong cách họ cầm bút. Khi mà có liên quan tới thể thứ nhất, chẳng có gì khác biệt giữa hai giới, nhưng trên bình diện của thể thứ hai, đàn bà luôn sợ hãi.

Ngay cả đàn bà hiện đại cũng vẫn không thể nào không sợ hãi bên trong. Cả xã hội chúng ta, văn hoá chúng ta và trạng thái suy nghĩ của chúng ta đang ở mức độ mà chúng ta không thể nào làm cho đàn bà không sợ hãi được. Cô ấy sợ hãi vào mọi lúc và những rung động của nỗi sợ của cô ấy lan toả ra khắp nhân cách cô ấy. Mức độ không sợ hãi hay không hoảng hốt trong đàn ông cũng có thể được đánh giá từ nét chữ viết tay của họ. Trạng thái sợ hãi là trên bình diện ê te.

Tôi đã nói với các bạn là phải nhận biết về từng việc xảy ra trong thể thô, nhưng bạn cũng nên nhận biết về các quá trình của thể ê te nữa. Khi bạn đang trong tình yêu, bạn cảm thấy dường như bạn đã mở rộng ra. Tự do được kinh nghiệm trong tình yêu là bởi vì sự mở rộng này. Bây giờ có ai đó đứng trước người đó, bạn chẳng cần phải sợ hãi. Không có lí do gì để sợ khi ở gần người bạn yêu. Nói thực, yêu có nghĩa là tự do khỏi cái sợ trong sự hiện diện của một người mà trước người đó, người ta có thể nở hoa tới độ đầy đủ, dù người đó là gì. Do đó, cảm giác mở rộng được kinh nghiệm vào những khoảnh khắc yêu

đương. Thể vật lí, vẫn như cũ, nhưng thể ê te bên trong, nở hoa và mở rộng.

Trong thiên bao giờ cũng có kinh nghiệm về thể ê te. Thiên nhân có thể cảm thấy rằng thân thể mình đang mở rộng - nhiều đến mức nó choán đầy cả căn phòng. Tuy nhiên, thể vật lí của người đó vẫn còn như cũ. Khi người đó mở mắt ra, người đó bị sốc: thân thể vẫn còn như cũ. Nhưng cảm giác của kinh nghiệm này vẫn cứ theo sát người đó và làm cho người đó hiểu rằng điều mình đã cảm thấy là không sai. Kinh nghiệm này là rõ ràng - rằng người đó đã choán đầy cả căn phòng. Đây là một biến cố của thể ê te; các khả năng bành trướng của nó là vô giới hạn. Nó có thể mở rộng ra và cũng có thể thu nhỏ lại tùy theo xúc động. Nó có thể mở rộng đến mức choán đầy cả trái đất; nó có thể thu nhỏ lại đến mức đủ chỗ cho nó trong một nguyên tử.

Cho nên bạn sẽ bắt đầu chú ý vào những chuyển động của thể ê te - việc mở rộng và thu nhỏ của nó, trong tình huống nào, nó thu nhỏ lại và trong tình huống nào nó mở rộng. Nếu thiên nhân bắt đầu sống trong những quá trình mà trong đó nó mở rộng, hài hoà sẽ được tạo ra. Nếu người đó bắt đầu sống trong điều kiện làm cho nó co lại, hài hoà sẽ không được thiết lập giữa hai thể. Việc mở rộng là bản tính bẩm sinh của nó. Khi nó mở rộng tới hết mức của mình, khi nó nở hoa đầy đủ, nó được nối với thể thứ nhất qua một chiếc cầu. Khi nó trở nên sợ hãi và co lại, tất cả mọi tiếp xúc của nó với thể thứ nhất đều bị gián đoạn và nó nằm tách biệt trong một xó.

Có những quá trình khác của thể thứ hai mà có thể được biết tới qua các phương pháp khác. Chẳng hạn, bạn thấy một người hoàn toàn mạnh khoẻ, hoàn toàn bình thường. Bây giờ nếu ai đó bảo người đó là người đó bị kết

án tử hình, người đó sẽ tái xanh ngay lập tức. Không có gì thay đổi xảy ra trong thể thứ nhất của người đó nhưng có thay đổi tức khắc trong thể ê te. Thể ê te của người đó sẵn sàng rời bỏ thể vật lí. Nếu người chủ nhận ra rằng mình phải rời bỏ ngôi nhà, lập tức mọi niềm vui và sự nhẹ nhõm sẽ biến mất; mọi thứ sẽ bị rối loạn. Thể thứ hai đã làm gián đoạn mọi mối nối với thể thứ nhất, theo một nghĩa nào đó. Việc hành hình sắp sửa xảy ra sau một thời gian nào đó hoặc có thể không xảy ra chút nào, nhưng mối nối của anh ta với thể thứ nhất đã bị phá vỡ.

Một người tấn công bạn bằng súng hay một con sư tử tấn công bạn trong rừng: mặc dầu chưa có gì xảy ra cho thể vật lí, nhưng thể ê te nhanh chóng thu xếp để rời bỏ nó và một khoảng cách lớn được tạo ra giữa cả hai. Cho nên bạn có thể quan sát cách vận hành của thể thứ hai theo một cách tinh tế, và điều này có thể được thực hiện không khó khăn gì. Khó khăn nằm ở chỗ này, rằng chúng ta không quan sát những quá trình của thể vật lí nữa. Nếu chúng ta làm như thế thì chúng ta sẽ bắt đầu cảm thấy chuyên vận của thể thứ hai. Khi bạn có tri thức rõ ràng về cách vận hành của cả hai thể, chính sự kiện này sẽ tạo ra hài hoà giữa hai thể.

Thế rồi còn có thể thứ ba - thể vía. Sự chuyển vận của nó dứt khoát là tinh tế hơn - tinh tế hơn cả sợ hãi, giận dữ, yêu thương và căm ghét. Khó mà hiểu thấu được chuyển vận của nó chừng nào mà tri thức về thể thứ hai vẫn còn chưa được đầy đủ. Thậm chí còn khó hiểu thể thứ ba từ thể thứ nhất bởi vì lỗ hổng bây giờ còn lớn hơn; chúng ta không ý thức tới bình diện thứ nhất. Thể thứ hai gần với thể thứ nhất hơn cho nên chúng ta có thể hiểu đôi điều về nó. Cũng hết như là thể thứ hai là hàng xóm của chúng ta vậy: đôi khi ta nghe thấy tiếng xoong chậu loảng xoảng hay tiếng trẻ con la khóc ở nhà bên. Nhưng thể thứ ba là

hàng xóm của hàng xóm mà chúng ta chẳng nghe thấy âm thanh nào từ nhà người đó cả.

Hiện tượng của thể thứ ba còn tinh tế hơn. Nó chỉ có thể được hiểu thấu nếu chúng ta bắt đầu hiểu thấu đầy đủ các xúc động.

Bạn có thể gọi thể vía là một tuyển tập những rung động. Bạn sẽ có thể hiểu những điều kiện khác nhau của thể này rõ hơn thông qua một thí dụ. Chúng ta có thể thấy nước và chúng ta có thể thấy hidro cùng ô xi tách biệt: không có dấu hiệu của nước trong ô xi; không có dấu hiệu của ô xi trong nước. Cả ô xi lẫn hidro đều không có bất kì tính chất nào của nước, nhưng hai chất này tổ hợp lại, tạo thành nước: từng chất đều có phẩm chất giấu kín mà chỉ biểu lộ khi chúng tổ hợp lại. Giận dữ và yêu thương, không thấy được trong thể vía; cả căm ghét hay sợ hãi cũng vậy. Nhưng chúng có những rung động mà trở nên được biểu hiện khi được tổ hợp với thể thứ hai. Cho nên khi bạn hoàn toàn nhận biết về thể thứ hai, khi bạn hoàn toàn tỉnh táo về giận dữ của mình, thế thì bạn sẽ biết rằng một số phản ứng đã xảy ra trước khi việc giận dữ tới. Nói cách khác, giận dữ không phải là cái bắt đầu. Nó là phần sau của biến cố mà đã xảy ra đâu đó rồi.

Một bong bóng nổi lên từ đáy hồ và bắt đầu du hành đi lên. Khi nó nổi lên từ cát dưới đáy hồ, chúng ta không thể nào thấy được nó. Khi nó lên tới nửa chiều sâu hồ, nó vẫn còn không thấy được. Khi nó còn một quãng ngắn với bề mặt nước, nó bắt đầu thấy được mặc dầu còn rất nhỏ. Thế rồi nó bắt đầu to dần lên khi nó đạt tới bề mặt, bởi vì trọng lượng và sức ép của nước giảm đi khi nó đi lên. Vậy nó trở nên ngày càng rõ hơn với cái nhìn của chúng ta. Tại chiều sâu thấp nhất, sức ép của nước giữ cho nó thật nhỏ, nhưng khi nó đi lên, sức ép trở nên bé

dần đi cho tới khi nó đạt tới kích cỡ đầy đủ trên bề mặt. Nhưng khi nó đạt tới kích thước đầy đủ của mình, nó vỡ tung ra.

Cho nên nó đã đi qua một con đường dài. Có những chỗ mà chúng ta không thể nào thấy được nó, nhưng nó vẫn có đầy tất cả như cũ ẩn dưới cát. Thế rồi nó phát sinh từ đó, nhưng nó vẫn còn không thấy được bởi vì nước ép nó xuống. Thế rồi nó tới gần bề mặt hơn mà từ đó chúng ta có thể thấy nó mặc dầu nó vẫn còn rất nhỏ. Thế rồi nó nổi lên bề mặt nơi chúng ta có thể thấy toàn bộ về nó - nhưng thế thì nó vỡ tung.

Cho nên bong bóng của giận dữ cũng phát triển đầy đủ và vỡ tung vào lúc nó đạt tới thể thứ nhất. Khi nó tới bề mặt, nó để lộ bản thân nó ra. Bạn có thể dùng nó lại tại thể thứ hai nếu bạn muốn nhưng điều đó sẽ là kìm nén. Nếu bạn nhìn vào thể ê te của mình, bạn sẽ ngạc nhiên mà thấy rằng nó đã đi qua một khoảng cách nào đó. Nhưng ở chỗ bắt nguồn của nó, nó có dạng rung động năng lượng.

Như tôi đã nói với các bạn trước đây không có các kiểu vật chất khác nhau; thay vì thế có những tổ hợp khác nhau của cùng hạt năng lượng. Than chì và kim cương là như nhau: khác biệt chỉ là ở cách tổ hợp các hạt năng lượng. Nếu bạn đập bất kì vật chất nào thành các thành phần, chung cuộc cái còn lại là năng lượng điện. Các tổ hợp khác nhau của những rung động năng lượng này đem tới việc hình thành ra các chất khác nhau. Tất cả những chất này là khác nhau trên bề mặt; sâu bên trong chúng là một.

Nếu bạn đánh thức thể ê te và lần theo các xúc động về ngọn nguồn của chúng, bạn sẽ bất thành linh thấy bản thân mình đang ở trong thể vía. Tại đó bạn sẽ thấy rằng giận dữ không phải là giận dữ, mà tha thứ cũng chẳng

phải là tha thứ; cùng năng lượng rung động trong cả hai. Năng lượng trong rung động của yêu và ghét là một. Khác biệt chỉ là trong bản chất của các rung động.

Khi yêu đổi thành ghét và ghét đổi thành yêu, chúng ta tự hỏi làm sao mà hai cảm giác đối lập trực tiếp lại đối lẫn cho nhau được. Chẳng hạn, một người mà mới hôm qua thôi tôi vẫn gọi là bạn mình, hôm nay đã trở thành kẻ thù của tôi. Thế thì tôi tự an ủi mình rằng có lẽ tôi đã lầm - rằng người đó chưa bao giờ là bạn tôi cả, bởi vì làm sao mà một người bạn lại có thể biến thành kẻ thù được? Năng lượng đang rung động trong tình bạn và trong tình trạng kẻ thù là một; khác biệt chỉ ở bản chất của rung động. Khác biệt là trong cấu trúc của sóng. Điều chúng ta gọi là yêu, là yêu trong buổi sáng và ghét trong buổi tối. Vào buổi trưa nó là yêu, và điều này thay đổi thành ghét vào buổi tối. Đây là tình thế khó khăn. Người mà chúng ta yêu vào buổi sáng, chúng ta ghét vào buổi tối.

Freud đã có ấn tượng là chúng ta yêu những người ta ghét và ta ghét những người ta yêu. Lí do mà ông ấy đưa ra, đúng tới một chừng mực nào đó, nhưng vì ông ấy không có tri thức gì về các thể khác của con người nên ông ấy không thể nào đi xa hơn với việc điều tra của mình. Lí do ông ấy đưa ra là rất nông cạn. Ông ấy nói rằng mối quan hệ với mẹ là mối quan hệ đầu tiên mà đứa trẻ kinh nghiệm: người mẹ là đối tượng đầu tiên mà nó yêu. Khi người mẹ cho nó tất cả chăm nom và chú ý, nó yêu mẹ, và nó ghét cũng chính người mẹ ấy khi người mẹ quở trách hay trừng phạt nó. Cho nên hai cảm giác này tràn ngập trong tâm trí nó hướng về cùng một đối tượng - người mẹ: nó ghét mẹ cũng như yêu mẹ. Đôi khi nó cảm thấy thích giết mẹ và lúc khác nó lại cảm thấy rằng nó không thể nào sống được nếu không có mẹ - rằng mẹ là mọi hơi thở của nó. Cách suy nghĩ nhị nguyên này làm

cho người mẹ thành đối tượng đầu tiên của nó về yêu và ghét. Vậy, về sau trong cuộc đời, bởi vì mối liên hệ này trong tâm trí nó, bất kì ai mà nó yêu, nó cũng sẽ ghét.

Đây là một phát kiến rất nông cạn. Bong bóng đã bị bắt lấy trên bề mặt nơi nó sắp vỡ tung. Nếu đứa trẻ có thể yêu và ghét mẹ nó nữa, điều đó có nghĩa là khác biệt giữa yêu và ghét là về định lượng chứ không phải định tính. Yêu và giận cùng biểu lộ ra đồng thời. Nếu cả hai đều hiện diện, điều này chỉ có thể trong một điều kiện - rằng chúng là chuyển đổi cho nhau được: sóng của chúng có thể dao động từ bên nọ sang bên kia. Cho nên thiên nhân chỉ nhận ra tại sao tâm trí chất đầy với những xúc động xung đột trong thể thứ ba. Một người tới và chạm vào chân tôi sáng nay và hoan nghênh tôi như một người đầy ân huệ - thầy kính yêu. Cũng người đó tới vào buổi tối, lẳng mạ tôi và nói, "Con người này chính là quỷ dữ." Sang hôm sau anh ta lại tới và ca tụng tôi là bậc thầy kính yêu và chạm vào chân tôi. Thế rồi người khác tới và khuyên tôi đừng chú ý tới lời anh ta vì lúc anh ta gọi tôi là Thượng đế và lúc là quỷ.

Tôi nói rằng anh ta là người duy nhất thích hợp để mà tin được. Người nói thì không đáng trách. Người đó không tạo ra những phát biểu xung đột; thay vì thế thì phát biểu của người đó thuộc vào cùng một phổ. Chúng là những chiếc bậc của cùng một cái thang, khác biệt chỉ là định lượng. Thực tế, ngay khi người đó nói "Thầy kính yêu", người đó mới nắm giữ một phần.

Tâm trí được tạo nên từ các cặp đối lập, cho nên phần thứ hai sẽ đi đâu? Nó sẽ nằm dưới phần thứ nhất chờ đợi để cho phần thứ nhất kiệt quệ hết. Sau rốt, phần thứ nhất cũng phải mệt mỏi, bởi vì làm sao người này có thể cứ nói "Thầy kính yêu" lâu mãi được? Khi người đó mệt

mỏi, phần thứ hai bước tới nhắc người đó phải nói, "Con người này chính là quỷ dữ." Bây giờ chúng không phải là hai điều; chúng là một.

Chừng nào mà chưa tới thời điểm chúng ta có thể hiểu rằng tất cả những xúc động xung đột của mình đều là những hình thái của cùng một năng lượng, chúng ta sẽ không thể nào giải quyết được vấn đề của con người. Vấn đề lớn nhất mà chúng ta phải đương đầu là ở chỗ khi chúng ta yêu, chúng ta cũng ghét nữa. Chúng ta sẵn sàng giết người mà không có người đó, chúng ta không thể sống được. Người mà là bạn bè của ta, cũng là kẻ thù của ta ở sâu bên trong. Đây là vấn đề lớn nhất của chúng ta, và bất kì khi nào có mối quan hệ, điều này lại đặt ra một câu hỏi lớn. Một điều phải được hiểu rõ là ở chỗ năng lượng nền tảng trong các xúc động khác nhau là một; không có khác biệt dù chúng là gì.

Thông thường chúng ta coi ánh sáng và bóng tối như hai điều đối lập, điều này là sai. Theo thuật ngữ khoa học, bóng tối là trạng thái ánh sáng tối thiểu. Nếu chúng ta cố gắng chúng ta sẽ thấy ánh sáng trong bóng tối nữa. Không có bóng tối nơi ánh sáng không có. Vấn đề khác đi nếu công cụ nghiên cứu của chúng ta không nhận ra nó. Mắt chúng ta có thể không có khả năng nhận ra ánh sáng trong bóng tối, nhưng ánh sáng và bóng tối là trên cùng một bình diện, chúng là các hình thái và rung động khác nhau của cùng một năng lượng.

Sẽ dễ hiểu điều này hơn nếu xét theo cách khác: chúng ta tin ánh sáng và bóng tối là hoàn toàn đối lập lẫn nhau, nhưng chúng ta không tin nóng và lạnh là đối lập lẫn nhau theo mức độ đó. Cũng thú vị mà tiến hành một thực nghiệm sau. Đưa một tay hơ lên bếp lò còn tay kia, cầm nước đá. Bây giờ nhúng cả hai tay vào một chậu

nước ở nhiệt độ trong phòng. Bạn sẽ thấy khó mà quyết định được liệu nước là nóng hay lạnh. Một tay sẽ nói nước nóng còn tay kia nói nước lạnh. Bạn sẽ lúng túng không quyết định được bởi vì cả hai tay đều là của bạn. Thực tế, lạnh và nóng không phải là hai điều khác nhau; chúng là những kinh nghiệm tương đối.

Nếu chúng ta gọi một vật nào đó là lạnh, điều đó chỉ có nghĩa là chúng ta ấm hơn. Điều mà chúng ta gọi nó là ấm chỉ có nghĩa là chúng ta lạnh hơn: chúng ta chỉ diễn đạt về khác biệt định lượng về nhiệt độ giữa đối tượng đó và bản thân chúng ta - không gì khác. Chẳng có gì nóng mà cũng chẳng có gì lạnh - hay, bạn có thể nói rằng cái là nóng, cũng là lạnh nữa. Thực tế, nóng và lạnh là các thuật ngữ lẫn lộn. Chúng ta nên nói dưới dạng nhiệt độ; đó là cách diễn đạt đúng đắn. Nhà khoa học cũng không dùng từ nóng và lạnh. Ông ấy nói rằng nhiệt của một vật có nhiều độ lắm. Nóng và lạnh là những từ ngữ thi ca. Chúng là nguy hiểm cho khoa học bởi vì chúng chẳng truyền đạt điều gì.

Nếu một người đi vào phòng và nói nó lạnh, chúng ta không thể nào biết được người đó ngụ ý gì. Có thể là người này đang sốt và cảm thấy căn phòng lạnh mặc dầu nó chẳng lạnh chút nào. Do đó, chừng nào người này còn chưa biết về điều kiện thân nhiệt mình, việc đánh giá về nhiệt độ của phòng là vô nghĩa. Cho nên chúng ta có thể nói, "Chớ có bình luận về liệu phòng là nóng hay lạnh. Nói nhiệt độ của phòng là gì đi." Độ không cho chỉ dẫn nào về nóng hay lạnh; nó chỉ thông báo cho bạn nhiệt độ là gì. Nếu nhiệt độ ít hơn thân nhiệt bạn, bạn sẽ cảm thấy lạnh; nếu nó nhiều hơn, bạn sẽ cảm thấy nóng. Cũng điều ấy đúng cho ánh sáng và bóng tối: nó phụ thuộc vào khả năng thấy của bạn.

Đêm dường như tối với chúng ta nhưng không tối cho cú. Cú thấy ngày rất tối. Nó phải tự hỏi, "Con người kì lạ làm sao! Nó cứ tỉnh trong đêm." Nói chung con người coi cú là đần độn, nhưng con người không biết ý kiến của cú về mình là gì. Với cú ngày là đêm và trời là đêm khi nó là ngày. Cú phải tự nhủ con người mới đần làm sao! Nó nghĩ, "Có biết bao nhiêu người trí huệ trong loài người, ấy thế mà họ vẫn cứ còn tỉnh vào ban đêm và khi trời là ban ngày, họ đi ngủ. Khi đấy là lúc thực sự để dậy và hoạt động, sinh vật đáng thương này đi ngủ." Mắt cú có khả năng thấy vào ban đêm. Bởi vì nó có thể thấy vào ban đêm nên đêm không tối với nó.

Những rung động của yêu và ghét giống như những rung động của ánh sáng và bóng tối: chúng có tỉ lệ riêng của mình. Cho nên khi bạn bắt đầu nhận biết về bình diện thứ ba, bạn sẽ ở vào một điều kiện kì lạ: sẽ không còn là vấn đề chọn lựa riêng của bạn để yêu hay ghét nữa. Bây giờ bạn sẽ biết rằng đây là hai tên của cùng một điều.

Nếu bạn chọn một thứ, bạn sẽ tự động chọn luôn thứ kia; bạn không thể nào thoát khỏi việc chọn lựa thứ hai. Cho nên nếu bạn yêu cầu yêu từ một người ở bình diện thứ ba, người đó sẽ hỏi liệu bạn có chuẩn bị cho cả ghét nữa không. Tất nhiên bạn sẽ nói, "Không, tôi chỉ muốn yêu thôi. Xin cho tôi tình yêu!" Người đó sẽ trả lời rằng điều ấy là không thể được bởi vì yêu là một hình thái rung động của ghét. Thực tế, yêu là hình thái làm hài lòng bạn, trong khi ghét là hình thái có cùng rung động nhưng làm bạn khó chịu.

Cho nên người thức tỉnh tại bình diện thứ ba, bắt đầu được giải thoát khỏi các cặp đối lập. Người đó sẽ nhận ra lần đầu tiên rằng điều người đó đã coi là hai điều đối lập, chỉ là một và như nhau. Hai nhánh đối lập trở thành một

phần của cùng một thân cây. Thế thì người đó sẽ cười phá lên vì ngu dốt của mình khi cố gắng phá hủy cái này để giữ lấy cái kia. Nhưng thế thì người đó đã không biết rằng điều này là không thể được và rằng sâu phía dưới, cây là một. Nhưng chỉ sau khi thức tỉnh với bình diện thứ hai, người ta mới biết được bình diện thứ ba, bởi vì thể thứ ba có rung động rất tinh tế. Tại đó không có xúc động - chỉ có rung động.

Nếu bạn đi tới hiểu ra những rung động của thể thứ ba, bạn sẽ bắt đầu có một kinh nghiệm duy nhất. Thế thì khi thấy một người bạn sẽ có thể biết trực tiếp những rung động nào bao quanh người đó. Bởi vì bạn không biết về những rung động của riêng mình nên bạn cũng không thể nào nhận ra những rung động của người khác; ngoài ra, những rung động phát ra từ thể thứ ba thường tụ tập quanh đầu của mọi người. Vàng hào quang được vẽ trong tranh về Phật, Mahavira, Rama và Krishna chính là hào quang được thấy quanh đầu họ. Những hào quang này có màu đặc biệt đã được phát hiện ra. Nếu bạn có kinh nghiệm đúng đắn về thể thứ ba, bạn sẽ bắt đầu thấy những hào quang này. Khi bạn bắt đầu thấy những màu sắc này, bạn sẽ thấy không chỉ màu của mình mà màu của người khác nữa.

Thực tế, chúng ta càng bắt đầu thấy sâu hơn vào bản thân mình, chúng ta càng bắt đầu thấy sâu hơn vào trong người khác nữa - với cùng mức độ. Vì chúng ta chỉ biết có thể vật lí của mình nên chúng ta cũng chỉ biết có thể vật lí của người khác. Cái ngày mà chúng ta đi tới biết về thể ê te của riêng mình, chúng ta sẽ bắt đầu nhận biết về thể ê te trong người khác.

Trước khi bạn trở nên giận dữ bạn có thể biết rõ từ trước rằng bạn đang sắp giận dữ. Trước khi bạn bày tỏ

tình yêu, có thể dễ dàng dự đoán rằng bạn đang chuẩn bị cho tình yêu. Cho nên điều chúng ta gọi là sắp biết cảm giác của người khác, cũng chẳng phải là điều gì lớn lao cho lắm. Bằng việc trở nên nhận biết về thể xúc động của riêng mình, sẽ trở nên dễ dàng hiểu thấu cảm giác của người khác, bởi vì chúng ta bắt đầu thấy tất cả những biến thể của nó. Bằng việc tỉnh thức trong thể thứ ba mọi thứ trở nên rất rõ ràng, bởi vì thế thì chúng ta có thể thấy màu sắc của nhân cách nữa.

Màu sắc trang phục của các sadhu và các sannyasin đã được chọn lựa theo màu sắc được thấy qua thể thứ ba. Việc chọn lựa là khác nhau trong mỗi trường hợp tương ứng với thể nào được nhấn mạnh. Chẳng hạn, Phật đã chọn màu vàng bởi vì ông ấy nhấn mạnh vào thể thứ bảy. Hào quang quanh người chứng ngộ ở bình diện thứ bảy có màu vàng; do đó, Phật đã chọn màu vàng cho các khất sĩ bhikkhus. Chính bởi màu này mà các sư phật giáo bhikkhus đã gặp khó khăn để còn ở lại tại Ấn Độ. Màu vàng được đồng nhất với cái chết. Và thực tế, nó là màu của cái chết, bởi vì bình diện thứ bảy là bình diện của cái chết tối hậu. Cho nên màu vàng được gắn với cái chết ở sâu trong chúng ta.

Màu da cam cho cảm giác về cuộc sống. Do đó, áo choàng da cam của các sannyasin trông hấp dẫn hơn áo vàng; chúng có vẻ sống động. Đó là màu của máu, và màu của hào quang của thể thứ sáu: nó là màu của mặt trời lên.

Người Jaina đã chọn màu trắng, màu của thể thứ năm - thể tâm linh. Người Jaina nhất định gạt Thượng đế ra - gạt Thượng đế ra khỏi việc thảo luận và gạt niết bàn ra khỏi thảo luận - bởi vì những thảo luận khoa học chỉ có thể có tới thể thứ năm. Mahavira là một người mang tâm

trí khoa học. Do đó ông ấy nói về những vấn đề mà có thể giải quyết được về mặt toán học; vượt ra ngoài điều đó, ông ấy từ chối nói. Ông ấy không muốn nói liệu lời của mình có khả năng sai hay không cho nên ông ấy từ chối nói chi tiết về huyền học. Mahavira nói rằng chúng ta sẽ không nói về nó; chúng ta đi vào kinh nghiệm nó. Cho nên ông ấy không nói về các bình diện sau bình diện thứ năm. Đây là lý do tại sao Mahavira chọn màu trắng; nó là màu của bình diện thứ năm.

Từ bình diện thứ ba bạn sẽ bắt đầu thấy màu sắc do hiệu ứng của những rung động tinh tế bên trong. Trong tương lai rất gần người ta có thể chụp ảnh được chúng. Nếu chúng có thể được thấy bằng mắt trần, tiếp theo điều đó chúng cũng không thể thoát khỏi con mắt của máy chụp ảnh trong không lâu nữa. Thế thì chúng ta sẽ phát triển khả năng kì diệu để đánh giá mọi người và tính cách của họ.

Có một nhà tư tưởng người Đức mang tên Luschev, người đã nghiên cứu tác động của màu sắc lên hàng triệu người. Nhiều bệnh viện ở châu Âu và Mỹ đang dùng thực nghiệm của ông ấy. Màu sắc bạn chọn cho biết khá rõ về nhân cách của bạn. Một người có bệnh đặc biệt, ưa thích một màu đặc biệt; người mạnh khoẻ chọn màu hoàn toàn khác; người trầm tĩnh, ưa thích màu khác nữa; người tham vọng thích màu hoàn toàn khác với người không tham vọng. Với chọn lựa của mình bạn đưa ra hướng dẫn về điều đang xảy ra bên trong thể thứ ba của bạn. Bây giờ sự kiện thú vị là nếu bạn hiểu thấu về màu được toả ra từ thể thứ ba của mình, và nếu ưa thích về màu sắc của bạn được kiểm nghiệm, hoá ra nó là cùng một màu: bạn sẽ chọn màu tương tự với màu phát ra từ thể thứ ba của mình.

Màu sắc có ý nghĩa và ích lợi kì lạ. Trước đây người ta không biết rằng màu sắc có thể có ý nghĩa đến mức chúng thậm chí còn có thể truyền đạt ra ngoài về nhân cách của bạn. Cũng vậy người ta đã không biết rằng tác động của màu sắc có thể động chạm tới nhân cách bên trong của bạn. Bạn không thể nào thoát được chúng. Chẳng hạn màu đỏ: nó bao giờ cũng được gắn với cách mạng. Nó là màu của giận dữ và khó mà thoát khỏi nó. Do đó, các cuộc cách mạng đều mang lá cờ đỏ. Có hào quang đỏ quanh tâm trí phần nộ. Nó là màu của máu, màu của chém giết, màu của giận dữ và của huỷ diệt.

Điều rất thú vị là nếu mọi thứ trong phòng đều mang màu đỏ, huyết áp của tất cả các bạn ngồi đây sẽ tăng lên. Nếu một người liên tục sống với màu đỏ, huyết áp của anh ta chẳng bao giờ bình thường cả. Màu lam gây cho huyết áp tụt xuống: nó là màu của bầu trời và sự tĩnh lặng tối thượng. Nếu có màu lam quanh bạn, huyết áp của bạn sẽ tụt xuống.

Gạt con người sang bên: nếu chúng ta rót đầy nước vào một cái chai màu lam và để nó dưới ánh mặt trời, thành phần hoá học của nước sẽ thay đổi. Nước hấp thu màu lam mà màu này làm thay đổi thành phần của nó. Nước này có tác động tới huyết áp con người. Tương tự, nếu chúng ta rót nước vào chai màu vàng rồi đặt nó dưới ánh mặt trời, các đặc trưng của nước sẽ khác. Nước trong chai lam sẽ vẫn còn tươi tắn trong vài ngày trong khi nước trong chai vàng, hôi thối ngay lập tức. Màu vàng là màu của cái chết và nó làm tan rã mọi thứ.

Bạn sẽ bắt đầu thấy các vòng tròn đủ mọi màu sắc này quanh bạn. Điều này sẽ là ở bình diện thứ ba. Khi bạn nhận biết về ba thể này, chính nhận biết đó sẽ đem đến hài hoà giữa chúng. Thế thì shaktipat thuộc bất kì loại nào

cũng sẽ không thể nào gây ra kết quả có hại. Năng lượng của shaktipat sẽ đi vào thể thứ tư của bạn qua các tầng hài hoà của ba thể đầu; đây sẽ là đường cái nó đi qua. Nếu con đường này không sẵn sàng, có thể có nhiều nguy hiểm. Bởi lí do này tôi đã nói rằng ba thể đầu nên mạnh mẽ và ăn khớp; chỉ thể thì trường thành mới xảy ra một cách trôi chảy.

Nếu những người đã vào các luân xa thứ tư, thứ năm, thứ sáu hay thứ bảy mà chết đi, trong lần sinh thành tiếp, trạng thái luân xa của họ sẽ là gì? Những người thuộc bình diện nào vẫn còn trong cõi sinh linh vô thân cao hơn sau cái chết của họ? Liệu những sinh linh vô thân cao hơn ấy có phải tái sinh dưới dạng người để đi tới chứng ngộ cuối cùng không?

Chúng ta sẽ phải hiểu đôi điều từ xa đã. Tôi đã nói với các bạn về bảy thể. Khi ghi nhớ điều này trong tâm trí, chúng ta cũng có thể phân chia sự tồn tại ra thành bảy tầm hướng. Trong toàn bộ sự tồn tại, tất cả bảy thể đều hiện diện mãi mãi. Dù tinh hay ngũ, tích cực hay trơ ì, xấu hay đẹp, chúng bao giờ cũng có đấy. Lấy một mẫu kim loại - chẳng hạn một mẫu sắt: tất cả bảy thể đều hiện diện trong nó nhưng tất cả bảy thể này đều ngũ; tất cả bảy thể đều trơ ì, không tích cực. Do đó, mẫu sắt trông có vẻ chết. Lấy cây: thể thứ nhất của nó đã trở nên tích cực, thể vật lí; do đó, chúng ta có thoáng nhìn về cuộc sống trong cây cối.

Thế rồi đến con vật: thể thứ hai của nó đã trở nên được kích hoạt. Chuyển động, vốn không tồn tại trong cây cỏ, bắt đầu có ở con vật. Cây cỏ cắm gốc rễ xuống đất và bao giờ cũng ở yên một chỗ. Nó không di động bởi vì để di động được, thể thứ hai phải được kích hoạt - thể ê te là nơi phát xuất mọi sự chuyển động. Nếu chỉ có thể thứ nhất được thức tỉnh, nó sẽ bất động, cố định. Cây cối là con vật cố định. Có một số cây cối có lay động chút ít: đó là trạng thái giữa cây cối và con vật. Trong nhiều vùng lầy lội ở châu Phi có một số loài cây trườn đi được một khoảng cách chừng sáu mươi cho tới bảy mươi phân một năm. Nhờ có rễ của mình, chúng có thể giữ chặt lấy đất và rồi thả đi và do vậy thực hiện việc chuyển động. Đây là móc nối cách mạng giữa cây cối và con vật.

Thể thứ hai cũng bắt đầu hoạt động trong con vật. Điều này không có nghĩa rằng thể thứ hai đã đạt tới nhận biết; nó chỉ có nghĩa là nó đã trở nên được kích hoạt. Con vật không có tri thức gì về điều đó. Bởi vì thể thứ hai mới được kích hoạt nên nó kinh nghiệm giận dữ; nó có thể bày tỏ thương yêu, nó có thể chạy, tự bảo vệ mình, kinh nghiệm cái sợ, nó có thể tấn công hay trốn tránh và nó có thể di chuyển.

Trong con người thể thứ ba được kích hoạt. Do đó, con người không chỉ có thể di chuyển thân thể mà còn có tâm trí: người đó có thể du hành với tâm trí. Người đó du hành trong quá khứ cũng như trong tương lai. Không có tương lai cho con vật, và bởi lí do này mà nó chẳng bao giờ lo nghĩ, chẳng bao giờ căng thẳng, bởi vì mọi lo âu đều là vì tương lai. Điều gì sẽ xảy ra ngày mai là lo nghĩ lớn nhất của chúng ta. Nhưng với con vật, chẳng có tương lai; hôm nay là mọi điều với nó. Thậm chí cả đến hôm nay cũng không tồn tại cho chúng theo một nghĩa nào đó,

bởi vì hôm nay có nghĩa gì với người ta nếu ngày mai không có nghĩa? Cái có đây thì có đây.

Trong con người chuyển động tinh tế hơn đã phát sinh - chuyển động của tâm trí. Nó đến từ thể thứ ba, thể vía. Bây giờ con người có thể nghĩ về tương lai với sự trợ giúp của tâm trí. Con người cũng có thể lo nghĩ về cái sẽ có sau cái chết - người đó sẽ đi đâu, người đó sẽ không đi đâu. Người đó cũng ngẫm nghĩ về nơi mình đã ở trước khi sinh ra.

Thể thứ tư hoạt động ở một số người, không phải cho tất cả mọi người. Nếu một người chết sau khi thể thứ tư đã được kích hoạt, người đó sẽ được sinh ra ở bình diện deva, các thần, nơi có nhiều khả năng để kích hoạt thể thứ tư. Nếu thể thứ ba vẫn còn tích cực, chỉ thể thì con người mới vẫn còn là con người. Từ thể thứ tư, việc sinh trên bình diện cao hơn mới bắt đầu.

Với thể thứ tư sẽ vẫn có khác biệt cần phải hiểu. Nếu thể thứ tư được kích hoạt, ít có khả năng thu được một thể vật lí nữa và nhiều khả năng thu được sinh linh vô thể. Nhưng như tôi đã nói, nhớ tới khác biệt giữa việc kích hoạt và tâm thức. Nếu thể thứ tư đơn thuần được kích hoạt mà người ta lại không có ý thức, chúng ta gọi nó là bình diện của preta, linh hồn ác; nếu nó được kích hoạt mà có ý thức hoàn toàn, chúng ta gọi nó là bình diện của deva, linh hồn thiện. Đây là khác biệt duy nhất giữa preta và deva. Linh hồn ác, không nhận biết rằng thể thứ tư của nó đang được kích hoạt trong khi vị thần thì nhận biết. Do đó, preta có thể gây ra rất nhiều điều có hại cả cho chính nó và cho người khác với những hành động của thể thứ tư của nó, bởi vì vô ý thức chỉ có thể đem lại tai hại. Deva sẽ là nguyên nhân cho nhiều hành vi tốt cả cho chính nó và cho người khác, bởi vì nhận biết chỉ đem lại ích lợi.

Người có thể thứ năm trở nên tích cực, vượt ra ngoài sự tồn tại của deva. Thể thứ năm là thể tâm linh. Trên bình diện thứ năm việc kích hoạt và nhận biết là một và như nhau. Không ai có thể đạt tới bình diện thứ năm mà lại không có nhận biết; do đó, kích hoạt và nhận biết xảy ra đồng thời ở đây. Bạn có thể đạt tới bình diện thứ tư mà không cần nhận biết. Nếu bạn thức tỉnh, cuộc hành trình sẽ bước sang một bước ngoặt: nó sẽ hướng tới bình diện deva, bình diện của các thần. Nếu bạn không nhận biết, cuộc hành trình của bạn sẽ đi vào trong cõi giới của các linh hồn ác.

Tại bình diện thứ năm việc kích hoạt và nhận biết có đó đồng thời, bởi vì đây là thể tâm linh và vô nhận biết là vô nghĩa chừng nào còn có liên quan tới cái ta. Atman có nghĩa là tâm thức; do đó, tên khác của atman là tâm thức. Tại đây vô ý thức không có nghĩa.

Cho nên từ thể thứ năm, kích hoạt và nhận biết là một và cùng một điều, nhưng trước lúc đó, hai điều này là tách biệt. Khác biệt giữa đàn ông và đàn bà còn có đó cho tới thể thứ tư; khác biệt giữa ngủ và tỉnh còn có đó cho tới thể thứ tư. Vấn đề là nhị nguyên và xung đột vẫn còn có đó cho tới thể thứ tư. Từ thể thứ năm, bất nhị bắt đầu - cái không phân chia. Sự thống nhất bắt đầu từ thể thứ năm. Trước điều này, còn đa dạng, còn khác biệt. Tiềm năng của thể thứ năm không tới từ bình diện của preta mà cũng chẳng tới từ bình diện của deva. Điều này nên được hiểu.

Thể thứ năm không thể có được đối với preta bởi vì thể của chúng là sự tồn tại vô ý thức. Chúng không có thân thể vốn là cần thiết để nhận biết, và chúng không có thể thứ nhất mà chính là bước đầu tiên để đi tới nhận biết. Bởi lí do này mà preta phải quay trở lại hình dạng người. Do đó, sự tồn tại con người theo một nghĩa nào đó là ngã

ba đường. Bình diện của deva, ở trên nhưng không vượt ra ngoài nó, bởi vì để vượt ra ngoài, cần phải quay lại sự tồn tại con người. Preta phải quay lại để phá vỡ vô nhận biết của nó, bởi vì để đạt được điều này, hình dạng người là tuyệt đối cần thiết. Deva cũng phải quay trở lại, bởi vì trong sự tồn tại của họ không có đau khổ theo bất kỳ điều gì. Thực tại nó là sự tồn tại đã thức tỉnh. Tuy nhiên, trong sự tồn tại như thế thì không thể nào có đau đớn và đau khổ cái làm sinh thành cho niềm khát khao thiền. Nơi mà không có đau khổ, không có ý nghĩ về việc biến đổi hay đạt tới.

Cho nên cõi giới của deva là sự tồn tại tĩnh tại, nơi không có tiến bộ. Đây là một đặc thù của hạnh phúc: nó phong toả mọi tiến bộ thêm nữa. Trong đau đớn và đau khổ, có khao khát để trưởng thành. Đau khổ kích thích chúng ta tìm con đường và phương tiện để thoát khỏi đau đớn và buồn rầu. Trong hạnh phúc tất cả mọi việc tìm kiếm đều dừng lại. Cho nên đây quả thực là trạng thái vẩn đục rất kì lạ, và mọi người thường không hiểu điều này.

Trong các kiếp sống của Mahavira và Phật đều có những truyền thuyết về các thần deva tới họ để xin giáo huấn, nhưng đây là những biến cố rất ngoại lệ. Liệu có kì lạ không mà thần phải tới con người bởi vì đây là sự tồn tại cao hơn sự tồn tại con người. Điều ấy dường như kì lạ nhưng lại không phải thế thì bởi vì sự tồn tại trên cõi trời là sự tồn tại tĩnh tại mà từ đó, không có trưởng thành. Nếu bạn muốn tiến lên trước, cũng giống như bạn lùi lại một bước trước khi nhảy, bạn phải bước lùi lại sự tồn tại con người và thế rồi mới nhảy.

Hạnh phúc thì khác, thường theo nghĩa là không có chuyển động thêm nữa. Một điều nữa: hạnh phúc trở thành chán. Không có nhân tố nào khác có thể gây ra

buồn chán đến thế như hạnh phúc. Bất hạnh, không chán; tâm trí bất hạnh chẳng bao giờ chán cả. Do đó, người bất hạnh chẳng bao giờ bất mãn, mà bất mãn cũng chẳng có trong xã hội đầy rẫy những đau khổ và khốn cùng. Chỉ có người hạnh phúc hay cộng đồng hạnh phúc mới bất mãn. Ấn Độ không bất mãn như Mỹ. Lí do chỉ là thế này, rằng họ thừa mưa và hạnh phúc trong khi chúng ta nghèo nàn và khổ. Chẳng có gì để trông đợi ở Mỹ và không có đau khổ dẫn dắt họ để trưởng thành thêm nữa. Bên cạnh đó, hạnh phúc, cứ lặp lại mãi: cùng những hình thức giải trí và tận hưởng cứ lặp đi lặp lại mãi thành ra vô nghĩa.

Cho nên cõi giới của các thần deva là đỉnh cao của chán. Không có chỗ nào còn đáng chán hơn nữa trong vũ trụ này, và có quá nhiều cái chán ở đây. Nhưng cũng phải có thời gian để cho cái chán phát triển. Bên cạnh đó, điều ấy còn phụ thuộc vào nhạy cảm của từng cá nhân. Một người càng nhạy cảm, người đó sẽ càng sớm thấy chán; người càng ít nhạy cảm, sẽ mất thời gian lâu hơn. Cũng có thể là người đó không thấy chán chút nào. Con trâu ăn cùng loại cỏ hàng ngày mà nó chẳng chán bao giờ.

Nhạy cảm là rất hiếm hoi. Chán tỉ lệ với nhạy cảm của con người. Nhạy cảm bao giờ cũng tìm cái mới: nó tìm kiếm ngày càng nhiều cái mới hàng ngày. Nhạy cảm là một loại bất ổn, và điều này đến lượt nó lại là một loại sinh động. Cho nên cõi giới của các thần deva là một loại tồn tại chết, cũng như là cõi giới của quỷ preta. Nhưng cõi giới của thần, mang tính chết nhiều hơn, bởi vì trong thế giới của quỷ preta có nhiều đau khổ và cách thức để gây đau khổ cũng như sự thích thú làm cho người ta và người khác đau khổ. Có đủ những điều gây bất ổn ở đó, cho nên không có chán chút nào.

Cõi thần, rất an bình: không có rối loạn thuộc bất kì kiểu gì. Cho nên chung cuộc việc trở về từ cõi giới thần chỉ có thể là việc thoát ra khỏi cái chán. Nhớ lấy, nó ở trên kiếp người; tính nhạy cảm tăng lên ở đó. Thích thú mà không trở thành chán với chúng ta qua nhiều năm trong cuộc sống có thân thể, lại trở thành tẻ nhạt và chán ngán một khi nó được tận hưởng trong cõi giới thần.

Đó là lí do tại sao trong Purana nói rằng thần khao khát được sinh ra làm con người. Bây giờ điều này dường như rất đáng ngạc nhiên bởi vì tại đây trên trái đất này chúng ta khát khao đi tới cõi giới thần. Thậm chí còn có những câu chuyện thần nào đó xuống trái đất để yêu một người đàn bà. Những câu chuyện này là chỉ dẫn về trạng thái của tâm trí. Chúng chỉ ra rằng trong cõi giới đó có hạnh phúc, nhưng nó thành chán bởi vì chỉ có hài lòng và thích thú mà không có dấu vết nào của đau khổ hay buồn rầu. Thế thì nó trở thành chán. Nếu người ta được cho phép chọn lựa giữa hạnh phúc vô hạn không lúc nào buồn rầu và chọn buồn rầu và đau khổ vô hạn, người khôn ngoan sẽ chọn phương án sau. Chúng ta phải quay về từ cõi giới của thần; chúng ta cũng phải quay về từ cõi giới của quỷ.

Sự tồn tại con người là tại ngã ba đường: tất cả các cuộc hành trình đều có thể từ đó. Tuy nhiên, người đạt tới thể thứ năm, không phải đi đâu nữa. Người đó đi vào một trạng thái mà trong đó không còn bất kì sinh thành nào qua bụng mẹ; người đó không được tái sinh qua bụng mẹ của bất kì bà mẹ nào.

Người đã đạt tới cái ta thì chấm dứt cuộc hành trình của mình theo một nghĩa nào đó. Trạng thái trong thể thứ năm là trạng thái của giải thoát. Nhưng nếu người đó cảm thấy được thoả mãn bên trong mình, người đó có thể

dừng lại tại bình diện này trong vô hạn thời đại, bởi vì tại đây không có đau đớn mà cũng chẳng thích thú, không nô lệ cũng chẳng đau khổ. Chỉ có sự hiện hữu riêng của người ta - không phải là sự hiện hữu vũ trụ, cái tất cả. Cho nên một người có thể cứ sống trong trạng thái này trong vô hạn thời đại cho tới khi một thời điểm tới mà người đó phát triển tính tò mò để biết tất cả.

Hạt mầm của việc tìm kiếm là ở bên trong chúng ta; do đó, nó phát sinh. Nếu thiên nhân nuôi dưỡng tính tò mò để biết tất cả mọi điều từ ngay ban đầu, người đó có thể thoát khỏi nguy cơ của việc bị mắc vào thể thứ năm.

Cho nên nếu bạn biết khoa học đầy đủ về bầy thể, bạn sẽ biết rằng việc tìm kiếm nên đầy đủ và tối thượng từ ngay chính ban đầu. Nếu bạn bắt đầu với mục tiêu dừng lại giữa đường, thế thì khi bạn đạt tới thể thứ năm bạn sẽ cảm thấy bạn đã tới đích, tới địa điểm dự định của mình, và bạn sẽ lỡ vấn đề.

Cho nên người ở thể thứ năm phải không nhận sự sinh thành nhưng người đó phải cột chặt bên trong mình: người đó phải thoát khỏi mọi người nhưng vẫn còn gắn vào chính mình. Người đó vứt bỏ bản ngã nhưng không vứt bỏ cảm giác "tôi đây." Bản ngã là lời tuyên bố chống lại người khác.

Hiểu điều này cho rõ: Khi tôi nói 'tôi', đây là để chỉ phối cái 'bạn' nào đó. Do đó, khi tôi thành công trong việc chi phối bạn, bản ngã cảm thấy thắng lợi. Khi nó bị cái tôi của người khác chi phối, nó khổ. Cái tôi bao giờ cũng cố gắng để làm mạnh cho bạn. Cái tôi bao giờ cũng tồn tại trong tương phản với người khác.

Tại đây ở mức độ tâm thức thứ năm người khác không còn nữa và cũng không còn bất kì cạnh tranh nào

với nó. Đây là trạng thái của tính chất tôi, *asmita*, tự tại. Đây là khác biệt duy nhất giữa bản ngã và *asmita*. Bây giờ tôi chẳng có gì để làm với bạn cả; không còn tuyên bố về cái tôi, nhưng vẫn còn sự hiện hữu của tôi. Tôi không còn cần đứng ra chống lại người khác, nhưng "tôi đây" vẫn có mặc dầu không có bạn để mà so sánh.

Bởi lí do này mà tôi đã nói bản ngã sẽ nói 'tôi' còn sự hiện hữu, nói 'đây'. Đây sẽ là khác biệt. Trong "tôi đây" có hai khái niệm: cái tôi là bản ngã và cái đây, sự hiện hữu.

Cảm giác về tính chất tôi không chống lại ai cả; nó là hương vị của chính nó. Cảm giác này là một với "tôi đây," cho nên để nó đây mà không có ai khác trên thế giới này. Cứ để cho có thể chiến thứ ba và để cho tất cả chết hết nhưng tôi, nên còn lại. Cho nên mặc dầu sẽ không có bản ngã trong tôi nhưng cảm giác về tính chất tôi vẫn cứ có đây: tôi biết rằng tôi đây, cho dù tôi sẽ không nói tôi với người khác, bởi vì với tôi không có bạn còn lại để mà tôi có thể nói về điều đó. Cho nên khi bạn hoàn toàn đơn độc và không có người khác, thế nữa bạn vẫn có - theo nghĩa sự hiện hữu tồn tại.

Bản ngã tan biến trong thể thứ năm và do vậy mọc nổi mạnh mẽ trong xiềng xích nô lệ sụp đổ. Những cảm giác về tính chất tôi vẫn còn lại - tự do, độc lập, vô giới hạn và không có gấn bó nào. Nhưng cái tôi có những giới hạn riêng của nó. Tất cả các biên giới khác mờ đi ngoại trừ biên giới của tính chất tôi. Tại thể thứ sáu điều này nữa bị loại bỏ và bị siêu việt lên. Thể thứ sáu là thể vũ trụ.

Câu hỏi về việc được sinh ra trong bụng mẹ chấm dứt với thể thứ năm, nhưng việc sinh thành vẫn phải được tiến hành. Khác biệt này nên được hiểu cho đúng. Một lần

sinh thành là từ bên trong bụng mẹ và một lần sinh thành là từ bên trong chính mình. Đây là lí do tại sao trên đất nước này chúng ta gọi người brahmin là *dwij* - hai lần sinh thành. Thuật ngữ này thực tế được dùng cho Brahman gyani, người biết tới Brahman - thực tại vũ trụ. Gọi một người chưa chứng ngộ là brahmin là không cần thiết. Khi một người trải qua lần sinh thành thứ hai thuộc loại hoàn toàn khác, người đó được gọi là *dwij* - hai lần sinh thành; người đã chứng ngộ được gọi là brahmin.

Vậy một lần sinh là từ bụng người khác và một lần là từ chính cái ta của riêng mình. Một khi đạt tới thể thứ năm, bạn không thể nào được sinh ra từ người khác nữa. Bây giờ bạn sẽ phải được sinh ra qua thể thứ năm để vào thể thứ sáu. Cuộc hành trình này là của bạn, việc thai nghén bên trong riêng của bạn, sự sinh thành bên trong riêng của bạn. Bây giờ không có liên hệ nào với bụng mẹ bên ngoài hay với bất kì phương tiện sáng tạo bên ngoài nào. Bây giờ bạn không có bố hay mẹ; bạn là bố, bạn là mẹ, và bạn là con. Đây hoàn toàn là cuộc hành trình cá nhân. Cho nên khi một người đi vào thể thứ sáu qua thể thứ năm, người đó có thể được gọi là sinh ra hai lần và không như trước đó. Người đó được sinh ra không nhờ các phương tiện sáng tạo bên ngoài, không có sự trợ giúp của bụng mẹ bên ngoài.

Một rishi của Upanishad cầu nguyện, "Lạy trời, xin mở tấm màn vàng của bụng mẹ bên trong này mà trong đó thực tại đang ẩn náu." Tấm màn này đứt khoát là bằng vàng. Chúng bằng vàng đến mức chúng ta không muốn gạt chúng sang bên; chúng đẹp đến mức chúng ta náo nức giữ lấy chúng. Tính chất tôi là tấm màn vô giá che phủ lên chúng ta. Bản thân chúng ta sẽ không muốn chia tay với nó và không có chương ngại bên ngoài nào dùng chúng ta lại. Bản thân tấm màn cũng đáng yêu đến mức

chúng ta không thể nào rời khỏi nó. Do đó rishi nói, "Xin gạt bỏ tấm màn vàng và mở bụng mẹ tạo ra người được sinh lần thứ hai."

Cho nên Brahma gyani là từ gọi cho người được sinh ra lần thứ hai, và Brahma gyani có nghĩa là người đã đạt tới thể thứ sáu. Từ thể thứ năm sang thể thứ sáu cuộc hành trình là của người được sinh ra lần thứ hai. Bụng mẹ khác đi, cách sinh ra cũng khác. Bây giờ mọi thứ đều không có bụng mẹ: bụng mẹ là của riêng người ta, và chúng ta bây giờ tự sinh ra.

Từ thể thứ năm sang thể thứ sáu có sinh thành còn từ thể thứ sáu sang thể thứ bảy thì có cái chết. Do đó, người đã trải qua bước chuyển sau, không còn được gọi là được sinh ra hai lần nữa; không có nghĩa trong nó. Bạn có hiểu không? Bây giờ thì dễ theo dõi.

Từ thể thứ năm sang thể thứ sáu là sinh qua bản thân mình; từ thể thứ sáu sang thể thứ bảy là chết qua bản thân mình. Chúng ta đã được sinh ra qua người khác - qua thân thể người khác - và cái chết theo sau cũng là của người khác. Điều này tôi sẽ giải thích.

Nếu sinh của bạn là từ người khác, làm sao cái chết của bạn là của riêng bạn được? Làm sao điều này lại có thể được? Hai đầu sẽ không có liên hệ. Nếu người khác cho tôi sự sinh, thế thì cái chết không thể nào là của tôi được. Khi sinh tới từ người khác, chết nữa cũng tới từ kẻ khác. Khác biệt là thế này, rằng đầu tiên tôi xuất hiện qua một bụng mẹ và lần thứ hai tôi đi vào trong một bụng mẹ khác - nhưng tôi đâu có nhận biết. Khi tôi tới trong lần sinh thành này, nó là rõ ràng, nhưng bây giờ việc ra đi của tôi lại không rõ ràng. Chết đi trước sinh: bạn đã chết ở đâu đó trước khi bạn được sinh ra ở đâu đó. Sinh là rõ ràng, nhưng về chết, bạn không nhận biết.

Bây giờ bạn được sinh ra qua một người mẹ và một người bố: bạn kiếm được một thân thể, một công cụ sẽ chạy trong bảy mươi cho tới một trăm năm. Sau một trăm năm, khí cụ này sẽ không làm việc. Cái ngày nó sẽ dừng làm việc đã được định trước từ khoảnh khắc sinh ra. Khi nào nó sụp đổ chẳng quan trọng lắm; điều quan trọng là ở chỗ nó sẽ sụp đổ. Với sinh, đã có quyết định rằng bạn sẽ chết. Bụng mẹ đem bạn tới sinh của bạn, cũng đem tới chết của bạn nữa. Bạn đã đem cả hai chúng cùng nhau. Thực tế, chết nằm ẩn bên trong bụng mẹ cho sự ra đời; chỉ có khoảng một trăm năm thôi.

Trong một trăm năm này bạn sẽ hoàn tất cuộc hành trình của mình từ đầu này đến đầu kia và quay lại đích xác chỗ mà từ đó bạn tới. Cái chết của thân thể bạn là được nhận từ người khác vào lúc sinh của bạn; do đó, cái chết cũng là từ người khác. Cho nên bạn, không sinh mà bạn cũng chẳng chết. Trong sinh có một trung gian và trong chết nữa cũng có một trung gian. Khi bạn đi vào thể thứ sáu, thể vũ trụ, từ thể thứ năm, thể tâm linh, bạn sẽ được sinh ra lần đầu tiên. Thế thì bạn sẽ là tự sinh ra: việc sinh của bạn sẽ không qua bụng mẹ. Nhưng thế thì việc tự chết sẽ đồng thời chờ đợi bạn - cái chết không bụng mẹ cũng chờ đợi bạn. Bất kì khi nào sinh này đón lấy bạn, từ đó chết sẽ dẫn bạn tiến lên hơn nữa. Sinh đưa bạn tới Brahman còn chết đưa bạn tới niết bàn.

Sinh này có thể kéo dài rất lâu; nó có thể là vô tận. Một người như vậy, nếu người đó vẫn còn, sẽ trở thành Thượng đế. Một tâm thức như vậy nếu nó du hành lâu, sẽ được hàng triệu người tôn thờ; lời cầu nguyện sẽ được đưa lên người đó. Những người mà chúng ta gọi là avatar, Ishvara, con của Thượng đế, tirthankara, đều là những người đã đi vào thể thứ sáu từ thể thứ năm. Họ có thể vẫn còn ở bình diện đó lâu tùy ý và họ có thể có ích rất lớn.

Không có vấn đề về bất kì cái hại nào tới từ họ và họ có thể là người chỉ đường vĩ đại. Những người như thế cố gắng phấn đấu mãi mãi và làm việc để những người khác cũng đi qua con đường có trước. Tâm thức của những người ở bình diện thứ sáu cũng có thể chuyển tiếp những thông điệp theo nhiều cách khác nhau, và những người có thoáng cảm giác về những người như vậy, không thể nào xếp họ ở bất kì chỗ nào thấp hơn Bhagwan, người được ban phúc. Họ là Bhagwan: không có gì thiếu trong sự hiện hữu Bhagwan của họ, bởi vì họ đã đạt tới thể thứ sáu, thể vũ trụ.

Trong chính cuộc đời này người ta có thể đi vào bình diện thứ sáu qua bình diện thứ năm. Bất kì khi nào bất kì ai đi vào bình diện thứ sáu trong cuộc đời này, chúng ta đều gọi người đó là Phật hay Mahavira hay Rama hay Christ. Và những người cảm nhận họ như vậy đều coi họ như Thượng đế. Với những người không thể thấy được, vấn đề này không nảy sinh.

Một người trong làng nhận ra Phật là Ishwara; với người khác, ông ấy chẳng là gì cả - hoàn toàn bình thường. Ông ấy cũng cảm lạnh như chúng ta; ông ấy ngã bệnh hết như chúng ta; ông ấy ăn, ngủ, bước đi và nói giống chúng ta; ông ấy thậm chí chết cũng như chúng ta. "Thể thì đâu là khác biệt giữa ông ấy và chúng ta?" người ta hay biện luận thế. Số những người không thấy được khác biệt còn lớn vô hạn so với số người thấy được, cho nên những người thấy được, dường như là điên khùng, đối trá, bởi vì họ chẳng có bằng chứng nào về bất kì cái gì để đưa ra chứng minh cả.

Thực tại, không có bằng chứng nào cả. Chẳng hạn, chiếc microphone này ở trước tôi. Nếu bạn, người đang hiện diện mà không thể thấy được nó, làm sao tôi chứng

minh cho bạn rằng nó có đó? Nếu tôi nói nó có đó còn bạn không thể nào thấy được nó, tôi sẽ bị coi là điên. Việc thấy trong khi người khác không thể thấy được là một bằng chứng rằng bạn không có tâm trí lành mạnh.

Chúng ta đo lường ngộ cũng theo đa số phiếu bầu; ở đây nữa chúng ta cũng có hệ thống bỏ phiếu! Cho nên với một số người, họ cảm thấy Phật là Thượng đế còn số khác, lại không. Những người không thể thấy ông ấy là Thượng đế sẽ nói, "Cái loại điên khùng gì thế nhỉ? Ông ta là con vua Shuddhodana và người nọ là mẹ ông ta người kia là vợ ông ta. Ông ta chính là Gautama, không là ai khác cả." Ngay cả bố của ông cũng không thể nào thấy rằng Gautama đã trở thành một người hoàn toàn khác. Ông bố vẫn coi ông ấy như đứa con mình, và nói, "Con đã rơi vào điên khùng gì vậy? Trở về cung điện đi. Con đang làm gì vậy? Vương quốc đang điêu tàn và ta đang già đi. Con trở về và coi sóc mọi sự." Người bố đáng thương này đã không nhận ra rằng Phật đã trở thành bậc thầy của vô hạn vương quốc. Nhưng người đã có đôi mắt để thấy, đều coi những người như vậy là tirthankara, Bhagwan, hay con của Thượng đế. Họ sẽ dùng lời như vậy để diễn tả cho người ở thể thứ sáu.

Thể thứ bảy không bao giờ đạt tới được trong thân thể này. Trong thân thể này chúng ta có thể nhiều nhất là đứng ở đường biên của thể thứ sáu từ đó chúng ta có thể thấy thể thứ bảy. Cái nhảy đó, hư không đó, vực thẳm đó, vĩnh hằng đó, là thấy được từ đó, và tại đó chúng ta có thể đứng. Do đó, trong cuộc đời của Phật đã có nhắc tới hai niết bàn. Một niết bàn ông ấy đạt tới dưới gốc cây bồ đề trên bờ dòng sông Niranjana: đó là bốn mươi năm trước cái chết của ông ấy. Điều này được gọi là niết bàn. Ngày đó ông ấy đứng trên phần ngoại vi của thể thứ sáu - và ông ấy vẫn còn ở đó trong bốn mươi năm đằng đẳng.

Ngày ông ấy chết được gọi là mahaparinirvana; ngày đó ông ấy đi vào bình diện thứ bảy. Do đó, khi bất kì ai hỏi ông ấy, "Điều gì sẽ xảy ra cho Như Lai (Tathagata) sau cái chết?", Phật sẽ đáp lại, "Sẽ không còn Như Lai nữa."

Nhưng điều này không thoả mãn tâm trí. Người ta cứ hỏi đi hỏi lại mãi, "Cái gì sẽ xảy ra cho Phật trong Mahaparinirvana?" Với điều này Phật đáp, "Nơi mà tất cả các hoạt động dừng lại, nơi mà tất cả các biến cố dừng lại, chỗ đó được gọi là mahaparinirvana." Khi mà cái gì đó vẫn còn giữ lại để xảy ra trong thể thứ sáu, đó là sự tồn tại; vượt ra ngoài điều này là cái không tồn tại. Cho nên khi Phật không có đó, chẳng cái gì còn lại. Theo một nghĩa nào đó, bạn có thể nói ông ấy chẳng bao giờ có. Ông ấy sẽ mờ dần đi như mơ, như đường vẽ trên cát, như đường vẽ trên nước tan biến hình dạng của nó. Ông ấy sẽ mất đi và chẳng cái gì còn lại. Nhưng điều này không thoả mãn cho tâm trí chúng ta. Chúng ta nói rằng ở đâu đó, ở mức độ nào đó, trong một góc nào đó dù xa xôi đến đâu cũng chẳng thành vấn đề, ông ấy vẫn nên tồn tại. Nhưng trong bình diện thứ bảy, ông ấy trở thành chỉ là hư không, vô hình.

Không có cách nào mang một hình hài mới bên ngoài bình diện thứ bảy. Có những người đứng ở trên đường biên và thấy bình diện thứ bảy, người thấy cái vực thẳm đó; do đó, tất cả những cái đã được biết về bình diện thứ bảy là cái được báo cáo lại bởi những người đứng tại đường biên. Không có báo cáo nào từ người đã đi qua đó, bởi vì không có cách nào để đưa ra bất kì báo cáo nào. Chỉ dường như là một người đứng trên đường biên của Pakistan nhìn và báo cáo rằng có nhà, cửa hàng, đường phố, vài người dân, và người đó có thể thấy phố xá và mặt trời ló ra. Nhưng người này đang đứng trên biên giới Ấn Độ.

Đi vào bình diện thứ bảy từ bình diện thứ sáu là cái chết tối hậu. Bạn sẽ ngạc nhiên mà biết rằng ý nghĩa của acharya thời ngày xưa là người dạy về cái chết cuối cùng. Có câu cách ngôn nói, "Acharya là cái chết." Cho nên khi Nachiketa đạt tới thần chết, ông ấy cũng đạt tới acharya. Thần chết chỉ có thể dạy về cái chết chứ không cái gì khác. Acharya là đích mà từ đó chỉ có tan biến, tan rã và tắt ngấm là có thể được dạy.

Nhưng trước cái chết này, bạn cần phải được sinh ra đã. Ngay bây giờ bạn không tồn tại. Cái mà bạn vẫn coi là bản thân mình chỉ là đồ vay mượn; nó không phải là hiện hữu thực của bạn. Cho dù bạn có mất nó, bạn cũng chẳng bao giờ là người sở hữu cả. Chỉ dường như là tôi mới đánh cắp cái gì đó và thế rồi tôi đem nó đi làm từ thiện: vì cái mà không thuộc vào tôi, làm sao nó lại là quà tặng của tôi được? Cái mà không phải là của tôi, tôi không thể cho được. Cho nên người mà chúng ta vẫn gọi là người từ bỏ thế giới này, không phải là từ bỏ chút nào bởi vì người đó từ bỏ cái không phải của mình. Và làm sao bạn có thể là người từ bỏ cái không phải của bạn được? Công bố bỏ đi cái không phải là của bạn thì thật điên khùng.

Việc từ bỏ xảy ra khi bạn đi vào thể thứ bảy từ thể thứ sáu. Tại đó bạn gạt sang bên cái là bạn - vì bạn chẳng còn gì khác. Bạn bỏ lại chính hiện hữu của mình.

Việc từ bỏ duy nhất có nghĩa là việc đi từ bình diện thứ sáu sang bình diện thứ bảy. Trước đó tất cả những chuyện nói về từ bỏ đều là trò trẻ con. Người nói, "Cái này của tôi" là ngu. Người nói "Tôi bỏ tất cả cái đã là của tôi" cũng ngu nốt, bởi vì người đó vẫn cứ đòi là kẻ sở hữu. Chỉ chúng ta mới là của chúng ta - nhưng chúng ta chẳng có hiểu biết gì về điều này cả.

Do đó, từ thể thứ năm sang thể thứ sáu bạn sẽ biết bạn là ai và từ thể thứ sáu sang thể thứ bảy bạn sẽ có thể từ bỏ cái bạn đang là. Khoảnh khắc ai đó từ bỏ cái người đó đang là thì chẳng còn gì để được đạt tới, chẳng còn gì để được từ bỏ. Thế thì không có câu hỏi nào còn lại. Thế thì có cái tĩnh lặng vô hạn, cái im lặng vĩnh hằng. Sau đó người ta không thể nói rằng có phúc lạc hay yên bình; người ta không thể nói rằng có chân lý hay giả dối, ánh sáng hay bóng tối. Chẳng có gì có thể được nói nữa. Đây là trạng thái của thể thứ bảy.

Nếu đạt tới bình diện thứ năm trong thể vật lý, người này sẽ được tái sinh dưới dạng nào sau khi chết?

Đạt tới thể thứ năm và thành thức tỉnh là một và cùng một điều. Thế thì bạn sẽ không còn cần các thể ban đầu nữa. Bây giờ bạn có thể làm việc từ bình diện thứ năm; bây giờ bạn là người thức tỉnh. Do đó, không có khó khăn nào. Các thể ban đầu chỉ cần cho tới thể thứ tư. Nếu thể thứ tư được kích hoạt và thức tỉnh, người ta trở thành thần, deva - một linh hồn trên trời. Nếu thể thứ tư nằm yên và ngủ, người đó đi vào cõi giới của quỷ, preta - linh hồn quỷ. Bạn sẽ phải trở lại dạng người từ cả hai trạng thái này, bởi vì bạn chẳng có ý tưởng nào về căn cước của mình cả. Và để biết căn cước của mình, bạn vẫn phải cần đến người khác. Chỉ với sự giúp đỡ của người khác mà bạn mới có khả năng biết tới chính mình.

Ngay bây giờ để biết mình, bạn cần tới người khác; không có người khác bạn sẽ không thể nào nhận ra bản thân mình. Người khác sẽ tạo nên biên giới từ đó bạn sẽ

biết chính mình. Do đó, cho tới bình diện thứ tư bạn sẽ phải nhận lấy sinh thành vào bất kì hoàn cảnh nào. Sau bình diện thứ năm người khác sẽ không còn cần nữa; điều đó không có nghĩa. Trong bình diện thứ năm bạn sẽ có thể không cần bốn thể đầu nữa. Nhưng với thể thứ năm, một quá trình sinh thành thuộc loại hoàn toàn mới bắt đầu diễn ra, và đó là lối vào trong bình diện thứ sáu. Đây là vấn đề khác và không bao gồm bốn thể đầu.

Khi một người đi vào bình diện thứ năm từ bình diện thứ tư, người đó sẽ không cần một thể vật lý nữa sau khi chết chứ?

Không.

Nếu một tirthankara mong muốn được sinh ra, liệu ông ấy có thể lấy một thể vật lý không?

Bây giờ đây lại là một vấn đề khác hẳn. Nếu một tirthankara mong muốn được tái sinh, một biến cố rất thú vị xảy ra: tức là, trước khi chết ông ấy không được vứt bỏ thể thứ tư của mình. Có cách thức và phương pháp để làm điều này, và đó là bằng cách phải ham muốn là một tirthankara. Cho nên khi thể thứ tư đang rời bỏ đi, người

ta ham muốn được giữ còn sống để cho thể thứ tư không bị vứt đi. Nếu thể thứ tư bị vứt bỏ đi, việc sinh thành dưới hình hài vật lí là không thể được.

Thế thì cây cầu, mỗi nối qua đó bạn tới, sẽ không còn nữa. Cho nên ham muốn là một tirthankara phải được giữ sống động qua thể thứ tư. Không phải tất cả mọi người đều xứng đáng trở thành tirthankara; họ đi thẳng theo đường của mình mà không cần điều này. Chỉ có ít người mới trở thành những bậc thầy như thế và số này cũng được cố định từ trước. Có lí do tại sao số này lại được tiền định. Nó được tiền định sao cho với một thời đại đặc biệt, chừng ấy tirthankara là đủ cho ngàn ấy người.

Cho nên ham muốn trở thành một tirthankara phải rất mạnh mẽ. Nó là ham muốn cuối cùng, và nếu nó tuột qua, bậc thầy cũng qua luôn. Cho nên hạt mầm của ham muốn là "Tôi muốn truyền giảng cho người khác" phải rất mạnh. Người ta phải cảm thấy, "Tôi sẽ chỉ cho người khác con đường; tôi sẽ giải thích cho người khác, tôi phải quay lại vì người khác." Thế thì tirthankara có thể giảng xuống trong thể vật lí. Nhưng điều này có nghĩa là thể thứ tư phải chưa bị bỏ đi. Cái móc này có thể nhanh chóng bắt rễ; do đó, việc duy trì nó ở đó là nhiệm vụ rất khó khăn.

Có một quá trình tạo ra tirthankara: họ được tạo ra trong các trường phái bí ẩn, đây không phải là biến cố cá nhân. Theo cùng cách thức này mà một trường phái vận hành, một nhóm những người tìm kiếm cùng thiên. Thế rồi trong số họ, họ tìm ra một người biểu lộ đầy hứa hẹn trở thành tirthankara; người đó có thể diễn đạt điều mình biết, người đó có thể truyền đạt điều người đó biết, và người đó có thể trao đổi điều đó với người khác. Cho nên toàn bộ trường phái bắt đầu làm việc trên thể thứ tư của

người đó. Người đó được bảo phải tập trung vào thể thứ tư của mình để cho nó không tan rã vì nó sẽ có ích cho tương lai. Vậy, người này sẽ được dạy cách thức và phương tiện gìn giữ thể thứ tư của mình. Và nhiều lao động cùng công việc vất vả phải được tiến hành để gìn giữ thể này hơn là trong việc vứt bỏ nó.

Buông bỏ và cứ để cho thể thứ tư tan biến dễ dàng làm sao. Khi tất cả các neo đã nhổ lên rồi, khi tất cả các cánh buồm đã được giương lên và căng phồng gió, khi đại dương mênh mông vẫy gọi và có phúc lạc và phúc lạc tại mọi nơi, bạn có thể tưởng tượng phải khó khăn thế nào để bảo vệ cho một cái móc nhỏ bé. Chính bởi lí do này mà khi nói tới một tirthankara chúng ta nói: "Thầy thật là người từ bi nhất."

Đây là lí do duy nhất tại sao một tirthankara lại được gọi như vậy. Phần vĩ đại nhất của từ bi của ông ấy là ở chỗ khi mọi thứ đã sẵn sàng cho việc ra đi của ông ấy, ông ấy ở lại vì những người vẫn còn ở trên bờ và thuyền của họ chưa sẵn sàng giương buồm. Thuyền của ông ấy đã hoàn toàn sẵn sàng; vậy mà ông ấy mang đau khổ của bờ này, ông ấy chịu đựng những viên đá ném và lời chửi rủa. Ông ấy có thể rời đi vào bất kì lúc nào; con thuyền của ông ấy đã sẵn sàng giương buồm. Vậy mà không phải bởi lí do của riêng mình, ông ấy ưa thích ở lại giữa những người có khả năng gây phiền nhiễu và thậm chí còn giết ông ấy nữa. Cho nên từ bi của ông ấy thật là không giới hạn. Nhưng ham muốn về từ bi này được dạy trong các trường phái bí mật. Do đó, các thiên nhân làm việc riêng lẻ không thể nào trở thành tirthankara được, bởi vì khi cái móc bị mất đi, họ sẽ không biết gì về nó. Chỉ khi con thuyền đã giương buồm, họ mới nhận ra rằng bến bờ bị bỏ lại xa đằng sau.

Ngay cả những người đã đạt tới bình diện thứ sáu - những người mà chúng ta gọi là Ishvara - đôi khi cũng giúp vào việc giáng sinh ra một tirthankara. Khi họ tìm thấy một người đủ xứng đáng để không bị biến mất khỏi bờ bên này, họ cố gắng theo cả ngàn cách để giữ người này lại. Thậm chí các thần người, như tôi đã nói, cũng có ích trong việc làm tốt, cũng tham dự vào việc này. Họ tiếp tục gây ảnh hưởng lên người như vậy để giữ lấy một cái móc. Họ bảo người đó, "Chúng tôi có thể thấy cái móc; bạn thì không thấy. Nhưng bạn phải giữ lấy nó."

Cho nên thế giới này không phải là hỗn loạn, vô trật tự. Có những thu xếp sâu sắc; có trật tự bên trong trật tự. Những nỗ lực thuộc đủ mọi loại vẫn thường xuyên được tiến hành - nhưng nhiều khi những kế hoạch đó cũng bị hỏng, như trong trường hợp của Krishnamurti. Những nỗ lực lớn đã được tiến hành với ông ấy để cố định một cái móc, nhưng họ đã thất bại. Toàn bộ trường phái những người tìm kiếm đã tiến hành những nỗ lực cực kì to lớn để gìn giữ một cái móc trong thể thứ tư của ông, nhưng tất cả những nỗ lực đó đều thất bại. Những người khác đã giúp tay vào nỗ lực này. Cũng có cả bàn tay của các linh hồn cao hơn đứng đằng sau điều này - của những người ở bình diện thứ sáu và thứ năm, và những người đã thức tỉnh ở bình diện thứ tư. Hàng nghìn người đã tham gia vào đó.

Krishnamurti đã được chọn cùng với vài đứa trẻ khác, những đứa đã biểu lộ hứa hẹn trở thành tirthankara, nhưng cơ hội đã trượt qua mà không đem lại kết quả. Cái móc không thể nào được cố định, và do vậy thế giới đã mất đi ích lợi của một tirthankara mà có thể đã có qua Krishnamurti. Nhưng đó lại là câu chuyện khác...

8

Chiều hướng bí truyền của mật tông

Thầy đã nói rằng khác biệt giữa nam và nữ chấm dứt với thể thứ năm. Làm sao các cực điện dương và âm của bốn thể đầu lại trở nên được điều chỉnh để đem lại biến cố này? Xin thầy giải thích chi tiết điều này.

Trong hoàn cảnh của các thể nam và nữ, bạn đã được nghe rằng thể thứ nhất của nữ là thể nữ tính trong khi thể thứ hai lại là nam tính, và đích xác điều ngược lại là trong trường hợp cho nam giới. Thế thì thể thứ ba của đàn bà lại là nữ tính và thể thứ tư là nam tính. Tôi đã nói với các bạn trước đây rằng thể nữ tính là không đầy đủ; thể nam tính cũng vậy. Hai thể này đi đôi với nhau tạo nên một thể trọn vẹn. Sự hợp nhất này là có thể theo hai cách. Nếu đàn ông bên ngoài tổ hợp với đàn bà bên ngoài, cùng nhau họ tạo ra một đơn vị. Với đơn vị này công việc của

sinh sản, của tự nhiên được tiếp diễn. Nếu đàn ông hay đàn bà quay vào trong và hợp nhất với nữ hay nam bên trong, một cuộc hành trình khác bắt đầu mà chính là con đường hướng tới điều thiêng liêng. Tuy nhiên hợp nhất bên ngoài là cuộc hành trình hướng tới tự nhiên.

Khi thể thứ nhất của nam gặp thể thứ hai của anh ấy, thể ê te vốn là nữ tính, hai thể này tạo thành một đơn vị. Khi thể thứ nhất của nữ gặp gỡ với thể thứ hai của cô ấy, thể ê te mà vốn là yếu tố nam, chúng cũng tạo ra một đơn vị. Đây là hợp nhất kì diệu. Hợp nhất bên ngoài chỉ có thể là nhất thời. Nó cho một thời kì hoan lạc rất ngắn ngủi, thế rồi nỗi buồn của sự phân tách lớn hơn vô hạn. Và nỗi buồn này đem tới khao khát mới mẻ cho cùng một hoan lạc mà lại tỏ ra nhất thời; thế rồi lại có chia li lâu dài và đau khổ. Cho nên hoan lạc bên ngoài chỉ có thể là tạm thời trong khi hợp nhất bên trong kéo dài mãi mãi. Một khi nó xảy ra, nó chẳng bao giờ ngắt quãng.

Do đó, chừng nào mà hợp nhất bên trong còn chưa xảy ra, vẫn còn nỗi buồn và nỗi đau. Luồng hạnh phúc bắt đầu tuôn chảy bên trong ngay khi hợp nhất bên trong xảy ra. Hoan lạc này cũng tương tự như điều được kinh nghiệm một cách nhất thời trong hợp nhất bên ngoài xảy ra trong khi làm tình - hợp nhất quá nhỏ bé ngắn ngủi đến mức nó gần như bị trôi qua trước khi nó bắt đầu. Nhiều lần nó thậm chí còn không được kinh nghiệm qua; nó xảy ra mau lẹ đến mức là nó chẳng được kinh nghiệm chút nào.

Theo quan điểm của yoga, khi giao hợp bên trong trở thành có thể, bản năng về giao hợp bên ngoài lập tức biến mất. Lí do là ở chỗ hợp nhất bên trong này hoàn toàn thỏa mãn và mãn nguyện. Những hình ảnh về giao cấu được vẽ trên tường các đền là những chỉ dẫn theo hướng này.

Giao hợp bên trong là quá trình thiên. Do đó, đối lập nảy sinh giữa khái niệm về giao hợp bên trong và bên ngoài. Điều này là do sự kiện là một khi người ta đi vào giao hợp bên trong, sẽ mất tất cả mối quan tâm tới giao hợp bên ngoài.

Điều này cũng nên nhớ: khi người nữ hợp nhất với thể ê te nam tính của mình, đơn vị kết quả sẽ là nữ tính; khi người nam kết hợp với thể ê te nữ tính của mình, đơn vị kết quả là nam tính. Điều này là bởi vì thể thứ nhất hấp thu thể thứ hai: thể thứ hai gộp vào trong thể thứ nhất. Nhưng bây giờ các thể này là nam tính và nữ tính theo nghĩa rất khác. Đây không phải là đàn ông bên ngoài và đàn bà bên ngoài mà chúng ta vẫn thấy: đàn ông bên ngoài là không đầy đủ, và do đó không thoả mãn, không thoả mãn. Đàn bà bên ngoài cũng không đầy đủ, và do đó bất ổn, không mãn nguyện.

Nếu chúng ta xem xét lại sự phát triển của cuộc sống trên trái đất, chúng ta sẽ thấy rằng trong những tổ chức nguyên thủy, cả hai tính đực và cái đều hiện diện. Chẳng hạn, con amip: con amip nửa đực nửa cái. Do đó, không có sinh vật nào khác còn được thoả mãn hơn trên thế giới này. Không có những điều như không hài lòng nảy sinh trong con amip. Đây cũng là lí do tại sao nó lại không phát triển được: nó bao giờ cũng cứ còn là con amip. Cho nên chính những tổ chức sơ cấp trong sự phát triển sinh học không có các thể tách rời cho từng giới. Cả đực và cái cùng được chứa trong một thân thể.

Khi thể thứ nhất của đàn bà hợp nhất với thể ê te, nam tính của cô ấy, một người đàn bà mới đi vào hiện hữu, một người đàn bà trọn vẹn. Chúng ta không có ý tưởng nào về nhân cách của người đàn bà trọn vẹn bởi vì tất cả các đàn bà chúng ta biết đều không trọn vẹn. Chúng

ta chẳng có ước lượng nào về người đàn ông trọn vẹn bởi vì tất cả những người đàn ông chúng ta biết đều không trọn vẹn; tất cả họ chỉ là một nửa. Ngay khi đơn vị này được hoàn tất, thoả mãn tới cao tràn ngập - thoả mãn mà trong đó tất cả những không bằng lòng đều giảm đi và cuối cùng biến mất. Bây giờ sẽ khó cho người đàn ông trọn vẹn và người đàn bà trọn vẹn này thiết lập bất kì mối quan hệ bên ngoài nào, bởi vì ở bên ngoài chỉ có nửa đàn ông và nửa đàn bà mà với những người này, nhân cách của họ không cảm thấy hài hoà. Tuy nhiên, lại có thể cho người đàn ông hoàn hảo - người có hai thể đầu đã hợp nhất bên trong - tạo nên mối quan hệ với người đàn bà hoàn hảo, người có hai thể đầu cũng đã hợp nhất.

Mật tông đã thử nhiều thực nghiệm cho mối quan hệ này. Do đó, mật tông đã phải đi qua rất nhiều phiền nhiễu và hiểu lầm. Chúng ta không thể nào hiểu được người theo mật tông làm gì - một cách tự nhiên điều ấy vượt ra ngoài hiểu biết của chúng ta. Khi người đàn bà và người đàn ông được hợp nhất với thể bổ sung bên trong mà làm tình dưới hoàn cảnh mật tông, chẳng có gì khác hơn việc giao hợp bình thường đối với chúng ta cả. Chúng ta chẳng bao giờ đánh giá được điều gì đã xảy ra.

Nhưng đây là một loại biến cố rất khác thường, và điều này là giúp đỡ rất lớn lao cho người tìm kiếm. Nó có ý nghĩa trọng đại với người đó. Việc hợp nhất bên ngoài của người đàn ông trọn vẹn và người đàn bà trọn vẹn là việc bắt đầu cho gặp gỡ mới; nó là cuộc hành trình hướng về hợp nhất mới. Một loại hành trình đã qua đi: người đàn bà không đầy đủ và người đàn ông không đầy đủ đã được làm thành đầy đủ. Sự bình ổn mãn nguyện đặc biệt đã được đạt tới, bởi vì bây giờ không còn ý nghĩ về ham muốn.

Khi người đàn ông trọn vẹn và người đàn bà trọn vẹn gặp nhau theo cách này, lần đầu tiên họ kinh nghiệm phúc lạc của việc hợp nhất của hai sự hiện hữu. Thế thì họ bắt đầu hiểu rằng nếu một sự hợp nhất hoàn hảo như thế có thể xảy ra bên trong họ, sẽ có dòng thác phúc lạc vô biên. Người nửa đàn ông hưởng thú việc hợp nhất với nửa đàn bà; thế rồi người đó hợp nhất với nửa đàn bà bên trong mình và người đó kinh nghiệm niềm phúc lạc vô hạn. Thế rồi người đàn ông trọn vẹn hợp nhất với người đàn bà trọn vẹn. Thế thì điều logic là người đó nên lên đường đạt tới người đàn bà trọn vẹn bên trong mình, cho nên người đó lên đường tìm kiếm người đàn bà trọn vẹn bên trong nơi sự gặp gỡ của các thể thứ ba và thứ tư xảy ra.

Thể thứ ba của đàn ông lại là nam tính và thể thứ tư là nữ tính; thể thứ ba của đàn bà là nữ tính và thể thứ tư là nam tính. Mật tông đã chú ý thấy rằng đàn ông không trì trệ lại sau khi đạt tới hoàn thiện thứ nhất. Có nhiều loại hoàn thiện bên trong chúng ta. Hoàn thiện không bao giờ là cản trở, nhưng có nhiều loại hoàn thiện mà lại là không hoàn thiện nếu so với những hoàn thiện tiếp sau còn nằm ở phía trước. Tuy nhiên, chúng là hoàn thiện trong mối quan hệ với những cái chưa hoàn thiện trước đó. Những cái chưa hoàn thiện trước đó có thể biến mất, nhưng chúng ta vẫn không có ý tưởng gì về những hoàn thiện lớn hơn còn nằm ở phía trước. Điều này có thể tạo ra trở ngại.

Do đó, nhiều phương pháp đáng ngạc nhiên đã được phát triển trong mật tông mà không thể nào hiểu ngay được. Chẳng hạn, khi có giao hợp giữa người đàn ông trọn vẹn và người đàn bà trọn vẹn, sẽ không có việc mất năng lượng: không thể mất được, bởi vì từng người đã hình thành nên một mạch trọn vẹn bên trong bản thân mình. Sẽ không có việc tiết ra năng lượng từ các tình

nhân; lần đầu tiên họ sẽ kinh nghiệm niềm hoan lạc mà không mất năng lượng.

Hoan lạc được kinh nghiệm trong giao hợp vật lý vào lúc cực thích, bao giờ cũng có theo sau là kinh nghiệm nhọc mệt. Cái tối tăm, cái khổ não, mệt mỏi, ăn năn theo sau với việc mất năng lượng là điều không tránh khỏi. Cực thích trôi qua trong thoáng chốc nhưng việc mất năng lượng lại xảy ra mà phải hai mươi bốn đến bốn mươi tám tiếng hay hơn nữa mới hồi phục lại được. Chừng nào mà năng lượng còn chưa được phục hồi lại, tâm trí vẫn còn tràn đầy bị thảm.

Mật tông đã rút ra những phương pháp kì lạ và phi thường cho việc giao hợp không phóng tinh, và nó đã làm việc rất dũng cảm theo hướng đó. Chúng ta sẽ phải nói riêng về chủ đề này vào một lúc khác nào đó vì thực hành mật tông tạo nên một mạng lưới đầy đủ trong bản thân nó. Và vì mạng lưới này đã bị phá vỡ nên toàn bộ khoa học này dần trở thành bí truyền. Cũng vậy, khó mà nói về thực hành mật tông một cách cởi mở và trực tiếp, bởi vì niềm tin đạo đức của chúng ta đã làm cho điều này thành rất khó khăn. Hơn nữa, những người "khôn ngoan" ngu dốt của chúng ta, những người chẳng biết gì nhưng lại có khả năng nói về bất kì cái gì đã làm cho việc gìn giữ sống động bất kì trí huệ quý giá nào thành không thể được. Việc thực hành của mật tông do vậy đã phải bị từ bỏ hoặc bằng không, nó phải được che giấu và những thực nghiệm mật tông phải đi ngầm. Bởi lí do này mà dòng chảy của tri thức mật tông không còn tuôn chảy rõ ràng trong cuộc sống chúng ta.

Việc giao hợp giữa người đàn ông trọn vẹn và người đàn bà trọn vẹn là một loại rất khác biệt hoàn toàn. Đây là việc giao hợp mà trong đó không có việc mất năng lượng.

Một biến cố hoàn toàn mới xảy ra mà chỉ có thể được hướng dẫn tới. Khi người đàn ông không đầy đủ và người đàn bà không đầy đủ gặp nhau, cả hai cùng trải qua việc mất năng lượng. Phần năng lượng sau việc giao hợp của họ ít hơn rất nhiều so với trước lúc đó.

Hoàn toàn ngược lại là trường hợp hợp nhất của người đàn ông trọn vẹn và người đàn bà trọn vẹn. Phần năng lượng sau khi giao hợp của họ sẽ còn nhiều hơn trước đó. Năng lượng của cả hai đều tăng lên. Năng lượng này nằm bên trong họ, và nó trở nên được thức tỉnh và kích hoạt bởi việc ở gần bạn tình kia. Trong hành động dục thông thường, việc phóng tinh xảy ra bởi việc tới với nhau của đàn ông và đàn bà. Trong cuộc gặp gỡ thứ hai của người đàn ông trọn vẹn và người đàn bà trọn vẹn, năng lượng cá nhân của riêng họ trở nên thức tỉnh và kích hoạt trong sự hiện diện của người khác; bất kì cái gì còn nằm ẩn bên trong cái ta của riêng từng người đều biểu lộ đầy đủ. Từ biến cố này có hướng dẫn về sự hợp nhất của người đàn ông trọn vẹn và người đàn bà trọn vẹn có thể xảy ra ở bên trong. Sự hợp nhất thứ nhất là hợp nhất của hai con người không hoàn chỉnh. Bây giờ giai đoạn thứ hai của công trình bắt đầu đem tới việc gắn các thể thứ ba và thứ tư.

Thể thứ ba của đàn ông là nam tính và thể thứ tư là nữ tính, thể thứ ba của đàn bà là nữ tính và thể thứ tư là nam tính. Bây giờ trong việc hợp nhất của thể thứ ba và thứ tư, chỉ nam tính sẽ còn lại bên trong nam; thể thứ ba của anh ta sẽ trở thành nổi bật. Bên trong nữ, nữ tính sẽ thành nổi bật. Thế thì hai nữ trọn vẹn sẽ gộp thành một, bởi vì bây giờ sẽ không có biên giới giữa hai và phân chia chúng. Thế nam là cần để giữ chúng cách ra. Tương tự, giữa hai thể nam, thể nữ là cần có để giữ một khoảng cách giữa chúng.

Khi nữ tính của các thể thứ nhất và thứ hai gặp nữ tính của các thể thứ ba và thứ tư, tại chính khoảnh khắc gặp gỡ chúng sẽ gộp lại làm một. Thế thì người đàn bà đạt tới nữ tính hoàn hảo gấp đôi. Không một nữ tính nào lớn hơn còn có thể có nữa, bởi vì sau điều này, không còn trưởng thành thêm nữa của nữ tính. Đây sẽ là trạng thái nữ hoàn hảo. Đây là người đàn bà hoàn hảo, người không có ham muốn nào cho dù là để gặp người đàn ông hoàn hảo.

Trong tính trọn vẹn đầu tiên có ca tụng về việc gặp gỡ của người trọn vẹn thứ hai, và gặp gỡ này đã tạo ra nhiều năng lượng hơn. Bây giờ điều đó nữa cũng trôi qua. Bây giờ thậm chí đến việc gặp gỡ với Thượng đế cũng sẽ thành vô nghĩa theo một nghĩa nào đó. Bên trong người đàn ông cả hai nam tính sẽ gộp lại thành một. Khi bốn thể hợp nhất lại, cái còn lại trong nam là nam và cái còn lại trong nữ là nữ. Từ thể thứ năm trở đi, không có nam và không có nữ nữa.

Do đó, biến cố xảy ra trong người đàn ông và người đàn bà sau bình diện thứ tư sẽ khác nhau; nó nhất định là như thế. Biến cố thì là một nhưng thái độ của họ đối với nó là khác nhau. Đàn ông vẫn sẽ năng nổ và đàn bà vẫn sẽ buông xuôi. Sau khi đạt tới thể thứ tư, đàn bà buông bỏ hoàn toàn; thậm chí không có đến một li được giữ lại trong buông xuôi của cô ấy. Buông xuôi này, buông bỏ này, sẽ đưa cô ấy tới cuộc hành trình của bình diện thứ năm nơi đàn bà không còn là đàn bà nữa bởi vì để còn là đàn bà, cần phải giữ lại cái gì đó.

Thực tế, chúng ta là cái chúng ta đang là bởi vì chúng ta giữ lại một chút ít của chính mình. Nếu như chúng ta buông bỏ mình hoàn toàn, chúng ta sẽ trở thành cái gì đó mà chúng ta chưa bao giờ là như thế trước đây. Nhưng có

việc giữ lại trong sự hiện hữu của người ta vào mọi lúc. Nếu người đàn bà chịu nhượng bộ hoàn toàn ngay cả đối với một người đàn ông bình thường, sẽ có kết tinh bên trong cô ấy và cô ấy sẽ vượt ra ngoài thể thứ tư. Đây là lý do tại sao đàn bà có nhiều lần đi qua thể thứ tư với tình yêu của mình với những người đàn ông rất bình thường.

Từ *sati* không có ý nghĩa bí truyền nào khác. Sati không có nghĩa là người đàn bà mà mắt không nhìn vào người đàn ông khác; sati có nghĩa là người đàn bà mà không còn nhận tổ đàn bà bên trong mình để nhìn vào người đàn ông khác.

Nếu người đàn bà trở thành buông xuôi hoàn toàn trong tình yêu thậm chí với người đàn ông bình thường, cô ấy chẳng phải đi qua cuộc hành trình dài này. Tất cả bốn thể của cô ấy sẽ tổ hợp lại và đứng ngay ở ngưỡng cửa của bình diện thứ năm. Do đó, chính những đàn bà trải qua kinh nghiệm này sẽ nói, "Chồng là Thượng đế." Điều này không có nghĩa là họ thực tại nghĩ rằng chồng là Thượng đế; điều đó có nghĩa là cánh cửa của bình diện thứ năm đã mở ra đối với họ qua trung gian người chồng. Không có sai lầm nào trong điều họ nói; điều họ nói tuyệt đối đúng đắn. Điều mà thiên nhân khác thu được qua nỗ lực lớn lao, cô ấy thu được dễ dàng bằng tình yêu của mình. Tình yêu với một người đưa cô ấy tới trạng thái đó.

Ta hãy lấy trường hợp của Sita: cô ấy thuộc về loại những đàn bà mà chúng ta có thể gọi là sati. Bây giờ việc buông xuôi của Sita là duy nhất. Từ quan điểm của việc buông xuôi, cô ấy là hoàn hảo; việc buông xuôi của cô ấy là toàn bộ. Ravana là người đàn ông không đầy đủ trong khi Sita là người đàn bà trọn vẹn. Sự toả sáng của người đàn bà trọn vẹn là ở chỗ người đàn ông không đầy đủ không dám động tới cô ấy. Người đó thậm chí không thể

nhìn thẳng vào cô ấy, và người đó chỉ có thể nhìn người đàn bà không đầy đủ theo con mắt dục tính.

Khi người đàn ông tới người đàn bà về mặt dục, người đàn ông không phải chịu trách nhiệm hoàn toàn. Cái không đầy đủ này của người đàn bà cũng là trách nhiệm không tránh khỏi. Khi người đàn ông chạm có tính dâm dục vào người đàn bà trong đám đông, anh ta cũng chỉ có trách nhiệm một nửa. Người đàn bà mời chào, điều đó cũng có trách nhiệm tương đương. Cô ấy gọi ra điều đó, mời chào điều đó, và bởi vì cô ấy thụ động nên hăm hở của cô ấy chẳng ai để ý tới. Vì người đàn ông là chủ động nên hiển nhiên là anh ta chạm vào cô ấy. Nhưng chúng ta không thể thấy lời mời của phía bên kia cho điều đó.

Ravana thậm chí không thể ngược mắt lên nhìn Sita và Ramana chẳng hiểu ý nghĩa gì về Sita. Vậy mà sau chiến tranh Rama cứ khẳng khẳng đòi thử lửa đối với Sita để xác minh sự thuần khiết của cô. Sita không chống lại. Nếu như cô ấy từ chối trải qua phép thử, cô ấy sẽ mất tư thế là sati. Cô ấy cũng có thể đòi hỏi rằng cả hai người đều phải đi qua phép thử lửa, bởi vì nếu cô ấy có một mình với người đàn ông khác, Rama nữa cũng lang thang trong rừng một mình - và ai biết được anh ta có thể gặp đàn bà nào!

Nhưng câu hỏi này chưa bao giờ nảy sinh trong tâm trí Sita. Cô ấy sẵn sàng đi qua phép thử lửa. Nếu như cô ấy hỏi về uy quyền của Rama dù chỉ một lần, cô ấy đã rơi khỏi vị thế của mình - bởi vì thế thì việc buông xuôi sẽ không còn là toàn bộ nữa; sẽ có cái gì đó hơi thiếu đi trong nó. Và nếu mà cô ấy đưa ra câu hỏi dù chỉ một lần và rồi đi qua lửa, cô ấy sẽ bị thiêu cháy; cô ấy sẽ bị tổn thương. Nhưng buông xuôi của cô ấy là toàn bộ. Với cô

ấy không có người đàn ông khác. Tuy nhiên chúng ta nghĩ đây là phép màu nên cô ấy đi qua lửa mà không hề hấn gì.

Nếu người bình thường cũng đi qua lửa trong khi ở một trạng thái bên trong đặc biệt, người đó sẽ không bị cháy. Nếu trong trạng thái thôi miên một người được bảo rằng lửa sẽ không thiêu cháy anh ta, anh ta có thể bước vào lửa và không bị cháy.

Một thầy tu khổ hạnh bước trên lửa trong một trạng thái tâm trí đặc biệt khi mạch năng lượng là hoàn toàn ở bên trong người đó. Mạch năng lượng này bị ngắt ra bởi hoài nghi. Nếu một ý nghĩ hoài nghi thoáng qua tâm trí ông ta dù chỉ một lần, nếu ông ấy hoài nghi rằng có thể ông ấy sẽ bị cháy, thế thì mạch bị ngắt và ông ấy nhất định sẽ cháy. Nếu hai thầy tu khổ hạnh nhảy vào trong đồng lửa và thấy họ bạn có cảm giác, "Nếu hai người này có thể nhảy vào và không hề hấn gì, làm sao mình có thể cháy được?" thế thì nếu bạn cũng nhảy vào đồng lửa đó, bạn cũng sẽ không bị làm sao cả. Một đoàn người vậy có thể đi qua lửa và không bị cháy. Người mà hoài nghi thì sẽ không dám đi vào trong lửa; người đó sẽ đứng ngoài. "Nếu biết bao nhiêu người chẳng làm sao cả, sao lửa lại làm hại mình được?" Cho nên bởi lý do này mà người đó có thể đi qua đồng lửa và lửa không hề chạm tới anh ta.

Nếu mạch bên trong chúng ta là trọn vẹn, thậm chí lửa cũng chẳng có cách nào chạm vào chúng ta được. Cho nên nếu lửa không ảnh hưởng tới Sita, điều đó hoàn toàn quan niệm được. Sau phép thử lửa, khi Rama đuổi cô ấy ra khỏi vương quốc, ngay cả thế thì cô ấy cũng chẳng hỏi lại Rama. Cô ấy đã đi qua phép thử lửa để chứng minh sự trong sạch của mình. Nhưng buông xuôi của Sita là toàn

bộ, là trọn vẹn đến độ với cô ấy không có lý do gì để hỏi cả.

Nếu người đàn bà trọn vẹn đạt tới sự hoàn thiện của tình yêu với một người, cô ấy sẽ nhảy qua bốn bước đầu của thực hành tâm linh. Với người đàn ông, rất khó bởi vì anh ta không có tâm trí buông xuôi. Nhưng điều thú vị cần biết là ở chỗ ngay cả tính năng nổ cũng có thể là hoàn hảo. Tuy nhiên, với tính năng nổ là hoàn hảo, nhiều điều khác vẫn phải tham gia vào chứ không phải chỉ có một mình bạn. Tuy nhiên trong buông xuôi, bạn một mình chịu trách nhiệm cho sự hoàn hảo của nó và những điều khác chẳng thành vấn đề chút nào. Nếu tôi muốn buông xuôi với ai đó, tôi có thể làm như vậy hoàn toàn mà chẳng cần nói với người đó. Nhưng nếu tôi phải năng nổ hướng tới ai đó, ai đó cũng sẽ phải tham dự vào trong kết quả cuối cùng.

Do đó, trong bài nói của tôi về shaktipat, bạn có thể cảm thấy rằng có điều gì đó hơi thiếu thiếu trong đàn bà, rằng có điều gì đó hơi khó khăn khi có liên quan tới đàn bà. Tôi đã nói với các bạn rằng có những qui tắc bù trừ trong cuộc sống. Trong trường hợp của đàn bà, cái thiếu sót của cô ấy được đền bù bởi khả năng của cô ấy trong buông xuôi. Đàn ông chẳng bao giờ có thể yêu một cách trọn vẹn dù cho người đó yêu ai đó đến đâu. Lý do là ở chỗ anh ta năng nổ và ít có khả năng buông xuôi. Cho nên nếu bốn thể đầu của đàn bà trở nên trọn vẹn và gộp lại trong một đơn vị, cô ấy có thể buông xuôi rất dễ dàng ở bình diện thứ năm. Và khi người đàn bà trong trạng thái thứ tư trải qua hai bước giao hợp bên trong và trở thành hoàn hảo, không sức mạnh nào trên trái đất này có thể ngăn trở con đường của cô ấy. Thế thì không ai ngoại trừ Thượng đế là tồn tại cho cô ấy. Thực tại, người mà cô ấy yêu trong bốn thể đầu của mình cũng đã trở thành

Thượng đế cho cô ấy, nhưng bây giờ, dù bất kì cái gì, cũng là Thượng đế cả.

Có một sự kiện đẹp trong cuộc đời của Meera. Một lần cô ấy tới Vrindavan. Tại đó sư coi ngôi đền lớn không nhìn nhận đàn bà, cho nên đàn bà không được phép vào bên trong đền. Chuông trong tay, chìm ngập trong Krishna của mình, thế là Meera đi thẳng vào bên trong. Những người khác trong đền vội vã bảo cô ấy rằng ngôi đền là đóng với đàn bà vì sư không nhìn nhận đàn bà. Với điều này Meera nói, "Điều ấy thật rất kì lạ. Tôi đang có ấn tượng là chỉ có một người đàn ông trên thế giới này - Krishna. Ai là người đàn ông khác người này? Còn có người đàn ông khác sao? Tôi muốn thấy ông ta."

Người ta chạy xô tới sư và kể cho ông ấy về Meera. Khi ông ấy nghe thấy tất cả những điều họ đã nói, ông ấy chạy lại chỗ Meera, quì xuống dưới chân cô, và nói, "Thật là vô nghĩa để gọi cô là đàn bà, người chỉ có một người đàn ông duy nhất. Vấn đề đàn ông và đàn bà đã chấm dứt cho cô. Tôi xin chạm chân cô và xin được tha thứ. Nhìn người đàn bà bình thường tôi cứ coi mình là đàn ông. Nhưng với người đàn bà có phẩm chất như cô, việc là đàn ông của tôi chẳng có nghĩa gì cả."

Khi đàn ông đạt tới thể thứ tư, người đó trở thành người hoàn chỉnh. Người đó sẽ phải trải qua hai bước đi tới để đạt đến hoàn chỉnh này. Từ đó trở đi, không còn đàn bà cho người đó nữa; từ đàn bà chẳng còn mang ý nghĩa gì cho người đó. Bây giờ người đó chỉ còn là một lực năng nổ, cũng giống như đàn bà đã đạt tới tính đàn bà hoàn chỉnh trong thể thứ tư, trở thành năng lượng buông xuôi duy nhất. Bây giờ họ chỉ còn là năng lượng của năng nổ và năng lượng của buông xuôi tương ứng. Bây giờ họ

không còn ôm giữ cái tên của đàn ông hay đàn bà; họ chỉ còn là năng lượng.

Tính năng nổ của đàn ông đã phát triển trong nhiều công phu yoga khác nhau và buông xuôi của đàn bà nở hoa trong nhiều con đường khác nhau của *bhakti*, sùng kính. Buông xuôi trở thành *bhakti*, năng nổ trở thành yoga. Cả nam và nữ đều là như nhau; không có khác biệt giữa họ bây giờ nữa. Khác biệt giữa đàn ông và đàn bà bây giờ đơn thuần là ở bên ngoài và chỉ áp dụng cho thể vật lí. Bây giờ, dù giọt nước rơi vào trong đại dương hay đại dương rơi vào trong giọt nước, kết quả cuối cùng là một. Giọt của đàn ông sẽ nhảy vào đại dương và hội nhập với nó. Cái giọt của đàn bà sẽ trở thành vực thẳm và gọi toàn bộ đại dương đổ vào cô ấy. Cô ấy sẽ buông xuôi và toàn bộ đại dương sẽ dồn vào trong cô ấy.

Ngay cả bây giờ cô ấy cũng mang tính âm, cô ấy là hoàn toàn âm. Cô ấy là bụng mẹ ôm giữ toàn bộ đại dương bên trong nó. Toàn bộ năng lượng của vũ trụ sẽ đi vào trong cô ấy. Đàn ông, cho dù ở giai đoạn này, cũng không thể nào tiếp nhận được. Người đó vẫn duy trì phẩm chất sức mạnh, cho nên người đó sẽ nhảy và chìm đắm trong đại dương. Trong chiều sâu riêng tư của bản thể mình nhân cách của họ sẽ mang khác biệt nam-nữ - cho đến ngay chính điểm cuối của thể thứ tư.

Tuy nhiên thực tại của bình diện thứ năm hoàn toàn khác biệt. Chỉ linh hồn là còn lại. Không còn bất kì phân biệt gì dựa trên giới tính nữa, và từ đó trở đi cuộc hành trình là như nhau với tất cả mọi người. Cho đến bình diện thứ tư, vẫn còn khác biệt, và điều đó nữa cũng chỉ là vấn đề liệu giọt nước rơi vào trong đại dương hay đại dương rơi vào trong giọt nước. Nhưng kết quả cuối cùng là như nhau. Không có gì khác biệt liệu giọt nước rơi vào trong

đại dương hay đại dương rơi vào trong giọt nước. Tuy nhiên cho tới giới hạn cuối cùng của thể thứ tư, khác biệt là rất rõ ràng. Tại đó nếu người đàn bà muốn nhảy vào trong đại dương, cô ấy sẽ tạo ra khó khăn cho chính mình, và nếu người đàn ông muốn buông xuôi, anh ta sẽ tự mình tiếp đất xuống rắc rối. Cho nên bạn nên nhận biết về khả năng của những lỗi lầm như thế.

Trong một bài nói của Thầy, Thầy đã nói rằng giao hợp được kéo dài dẫn tới việc hình thành một mạch điện giữa đàn ông và đàn bà. Mạch này là gì, làm sao nó được hình thành và ích lợi của nó là gì trong mối quan hệ với bốn thể đầu? Cũng vậy, chừng nào còn có liên quan tới đơn độc của thiên nhân, hình thái của biến cố nói trên là gì?

Như tôi đã nói trước đây, đàn bà là một nửa và đàn ông là một nửa. Cả hai đều là năng lượng, cả hai đều là điện. Đàn bà là cực âm, đàn ông là cực dương. Bất kì khi nào cực âm và cực dương của điện gặp gỡ nhau và tạo nên mạch điện, ánh sáng được tạo ra. Ánh sáng này có nhiều loại khác nhau: nó có thể không thấy được chút nào, nó có thể đôi khi mới thấy được, hay nó cũng có thể là thấy được đối với ai đó và không thấy được với người khác. Nhưng mạch điện được tạo thành là như nhau. Nhưng hợp nhất đàn ông và đàn bà nhất thời đến độ ngay khi mạch này được tạo ra, nó bị ngắt ngay. Do đó có những phương pháp và hệ thống kéo dài việc giao hợp. Nếu việc giao hợp vượt quá một giờ rưỡi, có thể thấy

mạch điện chạy vòng quanh đôi này. Nhiều bức tranh về điều này đã được chụp ảnh. Có nhiều bộ lạc nguyên thủy mà việc hợp nhất dục kéo dài; do đó mạch điện được hình thành.

Thông thường rất khó tìm ra mạch năng lượng này trong thế giới văn minh. Tâm trí càng căng thẳng, giao hợp càng chóng vánh. Xuất tinh xảy ra nhanh hơn khi mà tâm trí căng thẳng. Căng thẳng càng lớn, xuất tinh càng nhanh, bởi vì tâm trí căng thẳng, không tìm kiếm việc giao hợp mà chỉ để tiết xuất. Tại phương Tây dục không có mục đích nào lớn hơn việc hắt hơi. Căng thẳng bị ném đi, tải trọng được dỡ bỏ. Khi năng lượng được tổng đi, tải trọng được dỡ bỏ. Khi năng lượng được tổng đi, bạn cảm thấy được tiêu tan. Thành thoi là một điều, cảm thấy được tiêu tan là điều hoàn toàn khác. Thành thoi nghĩa là năng lượng ở bên trong và bạn đang nghỉ ngơi, còn cảm thấy tiêu tan có nghĩa là năng lượng được ném đi và bạn nằm đấy cạn kiệt. Bạn yếu đi với việc mất năng lượng và bạn nghĩ bạn đang thành thoi.

Cho nên khi căng thẳng tăng lên ở phương Tây, dục trở thành sự tiết xuất khỏi căng thẳng, việc thoát khỏi sức ép của năng lượng bên trong. Có những nhà tư tưởng ở phương Tây không sẵn sàng coi dục có giá trị gì nhiều hơn hắt hơi. Mũi ngứa, bạn hắt hơi, và do vậy tâm trí được làm nhẹ bớt. Tại phương Tây người ta không sẵn sàng dành cho dục cái gì nhiều hơn điều này. Họ cũng là đúng, bởi vì điều họ đang làm với dục, cũng chẳng nhiều hơn điều này.

Tại phương Đông người ta cũng đang dần đi tới điểm này... bởi vì phương Đông cũng đang trở nên căng thẳng. Đâu đó, trong hang động núi non xa xôi, chúng ta có thể bắt gặp một người không căng thẳng. Người đó sống

trong thế giới núi non và suối ngàn, cây cối và rừng rú, cứ như là chưa từng bị nền văn minh động chạm tới. Tại đó, thậm chí bây giờ, mạch năng lượng cũng được hình thành trong giao hợp.

Có những phương pháp mật tông mà với nó bất kì ai cũng có thể tạo ra mạch năng lượng như thế. Kinh nghiệm về mạch này là tuyệt diệu bởi vì chỉ khi mạch năng lượng được hình thành, bạn có được cảm giác về cái một. Cái một này chưa bao giờ được kinh nghiệm tới trước khi hình thành ra mạch này. Ngay khi mạch này được hình thành, đôi lứa tham gia vào giao hợp không còn là hai thực thể tách biệt nữa. Họ trở thành luồng của một năng lượng, một sức mạnh. Cái gì đó được kinh nghiệm khi nó tới rồi đi và xoay vòng; hai thực thể tách biệt biến mất.

Tuỳ theo sự mạnh mẽ của mạch này, ham muốn giao hợp sẽ kém dần và khoảng cách của nó sẽ tăng lên. Có thể xảy ra là một khi mạch này được hình thành, trong một năm tròn người ta có thể không muốn lặp lại giao hợp nữa, bởi vì mãn nguyện đã xảy ra.

Hoặc ta hãy xem xét nó theo cách này: một người ăn thịt rồi nôn ra. Thế thì người này sẽ không có tí gì thoả mãn với bữa ăn cả. Thoả mãn xảy ra không phải bởi ăn thức ăn mà bởi tiêu hoá nó. Nói chung chúng ta cảm thấy rằng hành động ăn đem tới thoả mãn. Nó không phải như vậy; thoả mãn chỉ tới khi thức ăn được tiêu hoá.

Giao hợp có hai kiểu: một kiểu đơn thuần là ăn và kiểu kia là tiêu hoá. Điều nói chung chúng ta vẫn biết như giao hợp, đơn thuần chỉ là ăn và nôn, chẳng có gì được tiêu hoá cả. Nếu cái gì đó được tiêu hoá, thoả mãn của nó sẽ dài và sâu. Tuy nhiên hấp thu xảy ra chỉ khi mạch năng lượng được tạo thành. Mạch năng lượng chỉ ra rằng tâm

trí của cả hai bạn tình đã hợp nhất lại và trở nên bị hấp thu vào lẫn nhau. Bây giờ không có hai; họ trở thành một. Có hai thân thể nhưng năng lượng bên trong mỗi người đã trở thành một; năng lượng đã nhảy qua nhảy lại và trộn lẫn vào nhau.

Điều kiện hấp thu dục này để lại trạng thái thoả mãn sâu sắc: đây là điều tôi muốn nói. Nó là rất có ích cho yoga và cho thiền nhân. Nếu giao hợp bên trong đó là có thể cho thiền nhân, nhu cầu về giao hợp trở nên được giảm đi rất nhiều. Thế thì thời kì xen giữa sẽ để cho người đó tự do đi vào cuộc hành trình bên trong. Một khi cuộc hành trình bên trong bắt đầu và giao hợp bên trong xảy ra với người đàn bà hay đàn ông bên trong, người đàn bà bên ngoài trở thành vô dụng, người đàn ông bên ngoài trở thành vô dụng.

Với người đã có gia đình thuật ngữ brachmacharya, vô dục, có nghĩa là hành động giao hợp phải đã mãn nguyện đến mức nó để lại nhiều năm rông với brachmacharya ở giữa. Một khi thời kì brachmacharya này đã được đạt tới, người tìm kiếm bắt đầu cuộc hành trình bên trong, người ngoài cần cho việc giao hợp phai mờ dần đi.

Tôi đang nói rằng đây là trường hợp cho người có gia đình. Đối với những người đã được điểm đạo thành sanniyas, loại sanniyas truyền thống, đối với những người không chấp nhận cuộc sống gia đình, ý nghĩa của brachmacharya là *antarmaitun*, sự hợp nhất dục giữa nam và nữ bên trong. Với họ có nhu cầu về giao hợp bên trong. Một người như vậy sẽ phải trực tiếp bắt đầu tìm phương tiện cho việc giao hợp bên trong, hoặc nếu không, người đó sẽ tránh xa người đàn bà bên ngoài chỉ trên danh nghĩa trong khi tâm trí người đó vẫn cứ đuổi

theo đàn bà, và người đó sẽ mất nhiều năng lượng trong nỗ lực tránh né người đàn bà bên ngoài hơn là người đó bị mất bởi việc giao hợp.

Cho nên con đường có chút khác biệt đối với sannyasin truyền thống. Khác biệt chỉ là thế này: việc hợp nhất dục với người đàn bà bên ngoài là bước khởi đầu cho người có gia đình; thế rồi người đó gặp người đàn bà bên trong ở bước thứ hai, trong khi sannyasin truyền thống lại hợp nhất trực tiếp với người đàn bà bên trong bản thân mình. Bước thứ nhất không dành cho người đó.

Do đó, khái niệm truyền thống về sannyas làm cho bất kỳ ai và mọi người đều thành sannyasin là điều xuẩn ngốc. Thực tại, việc điếm đạo trong sannyas truyền thống chỉ có thể khi chúng ta có thể nhìn vào bên trong một người để xem liệu thể thứ nhất của người đó có trong trạng thái sẵn sàng gặp gỡ với người đàn bà của thể thứ hai của người đó hay không. Nếu quả là như vậy, chỉ thế thì việc điếm đạo thành brachmacharya mới được ban cho; ngoài ra, điều này sẽ chỉ đem tới điên khùng mà không cái gì khác cả.

Nhưng có những người cứ đi điếm đạo một cách bừa bãi. Vị thầy này có một nghìn sannyasin, vị thầy kia có hai nghìn người, và họ chẳng biết họ đang làm gì. Liệu những người họ điếm đạo có sẵn sàng và thích hợp cho việc giao hợp bên trong khi ở các trạng thái thiền không? Chẳng sẵn sàng chút nào cả - họ thậm chí còn không biết rằng có cái gì giống như giao hợp bên trong nữa. Đây là lý do tại sao, bất kỳ khi nào một sannyasin truyền thống tới tôi, điều rắc rối sâu sắc và sâu kín nhất của người đó là về dục. Những người có gia đình tôi gặp cũng có rắc rối khác, nhưng tôi chưa bắt gặp một sannyasin truyền thống nào mà điều rắc rối của người đó là ngoài dục.

Dục là một trong nhiều nỗi lo nghĩ của người có gia đình, nhưng nó là một và chỉ một nỗi ưu phiền của sannyasin truyền thống. Do đó, toàn bộ tâm trí của người đó đều tập trung vào xung quanh điểm này. Thầy của người đó chỉ ra cho người đó nhiều phương thuốc để tự cứu bản thân mình khỏi người đàn bà bên ngoài, nhưng ông ấy cũng chẳng có ý tưởng nào về cách thiền nhân có thể gặp gỡ người đàn bà bên trong. Do đó, vấn đề trở thành không thể nào loại bỏ được người đàn bà bên ngoài. Người đó chỉ có thể tạo ra những lý do để lãng tránh cô ấy - và điều đó là rất rất khó.

Năng lượng sinh học phải di chuyển đi đâu đó. Nếu nó có thể đi vào trong, chỉ thế thì nó mới có thể được ngăn cản khỏi chảy ra ngoài. Nếu nó không đi vào trong, nó nhất định sẽ chảy ra ngoài. Cũng chẳng có gì khác biệt dù người đàn bà là bằng xương bằng thịt hay trong tưởng tượng; nó có thể chảy ra với sự giúp đỡ của người đàn bà tưởng tượng nữa. Điều tương tự cũng xảy ra cho đàn bà, nhưng ở đây lại có chút ít khác biệt giữa hai loại người mà cần phải ghi nhớ trong tâm.

Dục không phải là vấn đề lớn lắm với người tìm kiếm nữ so với người tìm kiếm nam. Tôi có quen biết nhiều ni cô đạo Jaina, và với họ, dục không đặt ra vấn đề lớn. Lý do là ở chỗ dục của đàn bà là thụ động. Một khi nó được thức tỉnh, nó trở thành vấn đề; nếu nó không được thức tỉnh, cô ấy có thể đi qua suốt cuộc đời mà chẳng bao giờ cảm thấy rằng có vấn đề gì.

Đàn bà đòi hỏi được khởi đầu - ngay cả trong dục. Một khi người đàn ông đưa một người đàn bà vào trong dục, năng lượng dâng lên đột ngột bên trong cô ấy. Nhưng nếu điều này không xảy ra, cô ấy có thể vẫn còn là đồng trình cả đời. Điều này rất dễ dàng với cô ấy bởi vì

bản tính thụ động của cô ấy. Tâm trí riêng của cô ấy không năng nổ; cô ấy có thể chờ đợi và chờ đợi vô hạn định. Bởi lí do này mà tôi cảm thấy rằng thật nguy hiểm khi điếm đạo cho đàn bà đã có chồng chừng nào mà cô ấy còn chưa được dạy để hợp nhất với người đàn ông bên trong mình.

Một cô gái trinh, có thể được điếm đạo. Cô ấy ở vị trí tốt hơn là cậu thanh niên. Cô ấy có thể chờ đợi vô hạn định cho tới khi cô ấy được đưa vào dục, bởi vì cô ấy không năng nổ. Và bằng không có sự năng nổ từ bên ngoài, dần dần người đàn ông bên trong sẽ bắt đầu hợp nhất với người đàn bà bên ngoài. Thể thứ hai của cô ấy là thể nam vốn mang tính năng nổ.

Cho nên việc giao hợp bên trong, dễ dàng đối với đàn bà hơn rất nhiều so với đàn ông. Bạn có hiểu điều tôi muốn nói gì không? Thể thứ hai của đàn bà là nam tính và thể này là năng nổ. Do đó, cho dù nếu người đàn bà không tìm được người đàn ông bên ngoài, cũng chẳng thành vấn đề gì với cô ấy cả. Và nếu cô ấy không kinh nghiệm về dục từ nguồn bên ngoài, người đàn ông bên trong sẽ bắt đầu thành năng nổ. Thể ê te của cô ấy sẽ bắt đầu choán lấy cô ấy; thể thì cô ấy sẽ quay vào trong và trở nên chìm vào trong việc giao hợp bên trong.

Với người đàn ông việc giao hợp bên trong là khó khăn, bởi vì thể năng nổ của người đó là thể thứ nhất trong khi thể thứ hai của người đó lại là nữ tính. Thể này không thể nào tự khẳng định mình đối với thể thứ nhất. Chỉ khi thể thứ nhất đi với nó, nó mới đón nhận.

Đây là tất cả những khác biệt, và một khi chúng được hiểu rõ, chúng ta sẽ phải thay đổi tất cả những thu xếp của mình. Nếu người có gia đình thành công trong việc tạo ra mạch điện trong giao hợp, điều đó sẽ rất có ích cho

người đó. Cùng mạch năng lượng này sẽ được hình thành trong trường hợp giao hợp bên trong nữa. Mạch năng lượng này bao quanh một người bình thường chỉ vào lúc giao hợp bình thường. Cùng năng lượng đó sẽ bao quanh người đã hợp nhất với thể thứ hai của mình trong hai mươi bốn giờ một ngày. Vòng năng lượng này sẽ trở nên ngày một rộng hơn tại mọi bình diện.

Không một hình ảnh nào được tạo ra về Phật trong suốt năm trăm năm sau cái chết của ông ấy, và loại hiện tượng này đã xảy ra nhiều lần trong suốt lịch sử. Thay vào đó là tám ảnh về cây bồ đề đã được khắc và được tôn thờ trong các đền, nhưng chỗ dưới gốc cây nơi người ta cho rằng Phật đã ngồi, bị bỏ trống. Bây giờ những người nghiên cứu lịch sử và huyền học đều rất phải suy nghĩ về việc tại sao ảnh Phật lại không được khắc hoạ: tại sao Phật được tượng trưng bằng một cây? Và tại sao hình ảnh của ông ấy mãi năm trăm năm sau mới được lập nên? Tại sao chỗ dưới gốc cây lại được để trống vào thời đó? Đây là bí ẩn mà cả các nhà lịch sử và các nhà huyền môn chẳng thể giải quyết nổi.

Thực tế, những người đã quan sát Phật rất kĩ lưỡng đều nhận xét rằng khi quan sát ông ấy với sự chú ý tập trung vào một điểm, không thể thấy được Phật: chỉ có cây và hào quang của năng lượng là còn lại. Thể vật lí của ông ấy biến mất. Bây giờ, chẳng hạn, nếu bạn quan sát tôi thật tinh tường, tôi nữa cũng sẽ biến mất và chỉ còn lại cái ghế. Cho nên những người thấy ông ấy một cách sâu sắc đều nói rằng không thể thấy được Phật, nhưng những người không thấy, lại nói rằng có thể thấy được ông ấy. Tuy nhiên, phát biểu của người trước thì xác thực hơn. Trong năm trăm năm lời của những người nói rằng Phật không bao giờ thấy được, và rằng chỉ có cái cây và chỗ trống dưới gốc cây, vẫn được tôn trọng. Nhưng khái niệm

này chỉ có tác dụng chừng nào mà có những người có thể thấy được sâu sắc. Khi phẩm chất của những người này bắt đầu giảm đi, người ta sẽ khó mà tôn thờ một mình cái cây mà không có Phật. Năm trăm năm sau Phật thân tượng của ông ấy đã được thiết lập. Đây là một sự kiện rất thú vị.

Những người đã nhìn sâu sắc vào Jesus cũng đều không thể thấy được ông ấy; họ chỉ có thể thấy ánh sáng. Những người thấy Mahavira sâu sắc cũng chỉ thấy ánh sáng, sự việc cũng tương tự cho Krishna nữa. Nếu người ta quan sát người có phẩm chất này với sự tỉnh táo hoàn toàn, chỉ ánh sáng của năng lượng là thấy được; không người nào như thế lại thấy được ở đó.

Cứ sau mỗi hai thể, năng lượng sống lại tăng lên. Sau thể thứ tư nó đạt tới độ đầy đủ. Tại thể thứ năm, chỉ có năng lượng. Tại thể thứ sáu năng lượng này sẽ xuất hiện không tách biệt mà là một với các ngôi sao và bầu trời. Tại bình diện thứ bảy ngay cả điều này cũng biến mất. Ban đầu vật chất biến mất, rồi đến năng lượng biến mất.

Tại bình diện nào thiên nhân đạt tới trạng thái vô suy nghĩ? Liệu ý nghĩ có thể không đồng nhất tâm thức với các vật hay việc đồng nhất là bản chất của ý nghĩ?

Trạng thái vô suy nghĩ hoàn hảo được đạt tới ở thể thứ năm nhưng những thoáng nhìn nhỏ bắt đầu từ thể thứ tư. Suy nghĩ tiếp tục trong thể thứ tư nhưng người ta bắt

đầu quan sát thấy lỗ hổng giữa hai ý nghĩ. Trước thể thứ tư có toàn những ý nghĩ và chỉ có ý nghĩ; chúng ta không thấy lỗ hổng giữa các ý nghĩ. Trong thể thứ tư các khoảng hở bắt đầu xuất hiện và sự nhấn mạnh đã thay đổi. Nếu bạn quan sát những hình ảnh động thái, bạn sẽ có thể hiểu được sự thay đổi này. Giả sử có một bức tranh các bậc thang, nó có thể được vẽ sao cho nếu bạn nhìn chăm chú bạn sẽ thấy bậc thang đi lên; thế rồi nếu bạn nhìn lại bạn sẽ thấy bậc thang đi xuống. Nhưng phần thú vị nhất là ở chỗ bạn không thể nào quan sát bậc thang đi lên và đi xuống đồng thời. Bạn chỉ có thể thấy một trong hai loại bậc thang này. Khi bạn quan sát bức ảnh thứ hai, bức ảnh thứ nhất sẽ tan biến.

Chúng ta có thể làm một bức ảnh mà trong đó hai khuôn mặt nhìn vào nhau, đối xứng mắt, mũi và râu. Lần đầu tiên nó sẽ có vẻ như hai người đàn ông đang đối mặt với nhau. Bây giờ tô các khuôn mặt đen lại để khoảng trắng chen vào giữa. Bây giờ bạn sẽ thấy rằng có một bình hoa trong khoảng trống ở giữa này, và mũi, mắt trở thành đường viền của bình. Bạn sẽ không thể nào thấy được cái bình và hai khuôn mặt đồng thời. Khi bạn thấy hai khuôn mặt, không thấy cái bình; khi bạn thấy cái bình, các khuôn mặt tan biến. Dù bạn có cố gắng đến đâu để thấy chúng, động thái sẽ thay đổi việc nhấn mạnh của nó. Khi nhấn mạnh của bạn dịch chuyển về phía các khuôn mặt, cái bình sẽ tan biến; khi nhấn mạnh dồn vào cái bình, các khuôn mặt sẽ tan biến.

Cho tới thể thứ ba, động thái của tâm trí chúng ta vẫn còn nhấn mạnh vào ý nghĩ. Rama tới, cho nên Rama là thấy được và việc tới của ông ấy là thấy được. Không gian trống rỗng giữa Rama và việc tới của ông ấy, hay không gian trống rỗng trước việc tới của Rama và sau việc đi của Rama, là không thấy được đối với chúng ta.

Sự nhấn mạnh là vào việc tới của Rama; khoảng trống chen giữa không được quan sát. Sự thay đổi bắt đầu từ thể thứ tư. Bất thành linh sự việc đập vào bạn là việc tới của Rama không còn rất quan trọng nữa. Khi Rama không tới, vẫn có không gian trống rỗng; khi Rama đã đi, vẫn có không gian trống rỗng. Không gian trống rỗng bắt đầu đi vào bên trong hội tụ của tâm trí bạn: khuôn mặt biến mất; cái bình trở thành thấy được. Và khi sự chú ý của bạn dồn vào không gian trống rỗng, bạn không thể nghĩ được.

Bạn chỉ có thể làm một trong hai việc sau: khi mà bạn còn thấy ý nghĩ, bạn sẽ nghĩ, nhưng khi bạn thấy không gian trống rỗng, bạn sẽ là sự trống rỗng bên trong. Tuy nhiên, điều này sẽ thường đan xen trong thể thứ tư. Đôi khi bạn sẽ thấy hai khuôn mặt và đôi khi bạn thấy cái bình: tức là đôi khi bạn sẽ thấy ý nghĩ và đôi khi thấy lỗ hổng. Im lặng sẽ tới và ý nghĩ cũng sẽ tới như thế.

Khác biệt giữa im lặng và trống rỗng chỉ là thể này: im lặng có nghĩa là ý nghĩ còn chưa kết thúc, nhưng nhấn mạnh đã thay đổi. Tâm thức đã dịch chuyển khỏi ý nghĩ và lấy thích thú trong im lặng, nhưng ý nghĩ vẫn còn. Đây chỉ là tâm thức đã dịch chuyển: chú ý đã dịch chuyển khỏi ý nghĩ. Thế thì chú ý là dồn vào im lặng. Nhưng ý nghĩ đôi khi trở lại - và khi nó xoay sở để lôi kéo chú ý của bạn, lần nữa im lặng lại bị mất và ý nghĩ bắt đầu.

Trong những khoảnh khắc cuối của thể thứ tư tâm trí sẽ thay phiên chuyển giữa cả hai điều này. Trên bình diện thứ năm tất cả các ý nghĩ đều sẽ mất và chỉ im lặng là còn lại. Đây không phải là im lặng tối hậu, bởi vì im lặng này là trong so sánh với ý nghĩ và lời nói. Im lặng có nghĩa là không nói; trống rỗng có nghĩa là trạng thái không có im lặng lẫn lời nói. Không có khuôn mặt nào còn lại mà cũng chẳng có bình hoa; chỉ có giấy trắng. Bây giờ nếu bạn

được hỏi liệu các khuôn mặt có đó hay bình hoa có đó, bạn sẽ chẳng nói gì cả.

Trạng thái vô ý nghĩ xuất hiện trong tính toàn bộ của nó ở thể thứ năm. Tại thể thứ tư chúng ta có thoáng nhìn về trạng thái này; nó sẽ được quan sát thấy có rồi mất giữa hai ý nghĩ. Tại thể thứ năm, trạng thái vô ý nghĩ sẽ trở thành hiển nhiên và ý nghĩ sẽ biến mất.

Bây giờ đến phần thứ hai của câu hỏi của bạn là, "Liệu việc đồng nhất có cần thiết cho việc hình thành các ý nghĩ không, hay các ý nghĩ có thể xuất hiện mà không có bất kỳ sự đồng nhất nào?" Cho tới thể thứ ba, việc đồng nhất và ý nghĩ là cùng đến. Có sự đồng nhất của bạn và có việc ý nghĩ tới: không có khoảng hở giữa cả hai. Ý nghĩ của bạn và bạn là một - không phải hai. Bây giờ khi bạn giận dữ, nói rằng *bạn* giận dữ là sai. Đúng hơn phải nói là bạn đã trở nên giận dữ, bởi vì để giận dữ, bạn cũng phải có thể không giận dữ. Chẳng hạn, tôi nói, "Tôi đang di chuyển tay." Thế rồi giả sử bạn nói, "Bây giờ dừng tay lại," còn tôi nói, "Điều đó là không thể được; tay vẫn đang di chuyển" - thế thì bạn có thể nghi vấn điều tôi ngụ ý khi tôi nói, "Tôi đang di chuyển tay." Tôi phải nói, "Tay đang di chuyển," bởi vì nếu tôi đang di chuyển tay, tôi phải có khả năng dừng nó lại. Nếu tôi không thể nào dừng tay tôi lại, tôi không thể nào công bố mình là chủ của nó được. Điều đó không có nghĩa. Bởi vì bạn không thể dừng ý nghĩ của mình nên việc đồng nhất của bạn với chúng là trọn vẹn cho tới thể thứ ba. Cho tới đó bạn là ý nghĩ.

Cho nên tới thể thứ ba, bằng việc huých vào ý nghĩ của ai đó là chúng ta huých vào chính bản thân người đó. Nếu tôi bảo một người "Điều anh nói là sai," thì anh ta sẽ chẳng bao giờ cảm thấy rằng điều mình nói là sai; anh ta

sẽ cảm thấy *anh ta* sai. Cãi nhau và đánh nhau xảy ra không phải bởi vì câu nói mà bởi vì cái tôi - bởi vì có sự đồng nhất hoàn toàn. Công kích vào ý nghĩ của bạn tức là công kích vào bạn. Ngay cả nếu bạn nói, "Thôi cũng được nếu bạn không đồng ý với cách nghĩ của tôi," bên trong bạn sẽ cảm thấy rằng *bạn* đã bị phản đối. Nhiều lần việc xảy ra là ý tưởng đang tranh luận bị gạt sang bên và chúng ta bắt đầu đánh nhau vì đơn thuần chúng ta đưa ra quan điểm chứ chẳng bởi lí do gì khác. Bạn ủng hộ nó đơn thuần bởi vì bạn đã đưa nó ra như quan điểm của mình - bởi vì bạn đã tuyên bố nó là kinh sách của mình, nguyên tắc của mình, luận cứ của mình.

Cho tới thể thứ ba không có khoảng cách nào giữa bạn và ý nghĩ của mình. Bạn là ý nghĩ. Trong thể thứ tư sự nghiêng ngả bắt đầu. Bạn sẽ bắt đầu thoáng thấy sự kiện là bạn là cái gì đó riêng và ý nghĩ của bạn là cái gì đó riêng. Nhưng cho đến lúc này bạn còn chưa thể dừng lại ý nghĩ của mình, bởi vì sâu bên trong gốc rễ mối liên kết vẫn còn tồn tại. Trên các cảnh bạn cảm thấy khác biệt. Bạn ngồi trên một cảnh và ý nghĩ trên cảnh khác và bạn thấy chúng không phải là bạn. Nhưng sâu bên trong bạn và ý nghĩ vẫn là một. Do đó, dường như ý nghĩ là tách biệt, và cũng dường như là nếu mối liên kết của tôi với chúng mà bị phá vỡ, ý nghĩ sẽ dừng. Nhưng chúng lại cứ không dừng. Tại chiều sâu nào đó mối liên kết với ý nghĩ vẫn tiếp tục.

Thay đổi bắt đầu xảy ra trên bình diện thứ tư. Bạn bắt đầu có được khái niệm mơ hồ về ý nghĩ là khác và bạn là khác. Tuy nhiên, bạn vẫn chưa thể nào tuyên bố ra được điều này, và quá trình suy nghĩ vẫn là máy móc. Bạn không thể nào dừng lại ý nghĩ, mà bạn cũng chẳng đem chúng tới được. Nếu tôi có thể nói với bạn, "Dừng giận dữ lại và chứng tỏ bạn là người chủ," thì người ta cũng có

thể nói, "Đem giận dữ tới và chứng tỏ rằng bạn là người chủ." Bạn sẽ hỏi, "Làm sao làm được điều này? Chúng tôi không thể đem giận dữ tới được." Khoảnh khắc bạn có thể làm được điều đó, bạn là người chủ của nó. Thế thì bạn có thể dừng nó lại vào bất kì khoảnh khắc nào. Khi bạn là người chủ, quá trình đem giận dữ tới và chấm dứt nó cả hai đều trong tay bạn. Nếu bạn có thể đem giận dữ tới, bạn cũng có thể dừng nó lại nữa.

Một điều thú vị là để ý rằng việc dừng nó có chút ít khó khăn, nhưng việc đem nó tới lại dễ dàng hơn. Cho nên nếu bạn muốn là người chủ, trước hết bắt đầu với việc đem giận dữ tới, bởi vì điều này dễ dàng hơn. Trong tình huống đem nó tới, bạn đang tỉnh lặng, nhưng trong tình huống phải dừng nó lại, bạn đã giận dữ rồi và do vậy bạn thậm chí không biết đến bản thân mình. Thế thì làm sao bạn dừng nó được? Do đó, bao giờ cũng dễ hơn cả là bắt đầu thực nghiệm này bằng việc đem giận dữ tới thay vì bởi việc dừng nó lại. Chẳng hạn, bạn bắt đầu cười nhưng rồi bạn thấy rằng bạn không thể nào chấm dứt việc cười được; điều ấy là khó. Nhưng nếu bạn đang không cười và bạn muốn đem lại tiếng cười, bạn có thể làm việc đó trong một hoặc hai phút. Thế thì bạn sẽ biết đến bí mật của cái cười - từ đâu nó tới và tới như thế nào - và thế thì bạn sẽ biết cái bí mật của việc dừng nó lại nữa, và nó *có thể* được dừng lại thật.

Tại bình diện thứ tư bạn sẽ bắt đầu thấy rằng bạn là tách biệt và các ý nghĩ là tách biệt; rằng bạn không phải là ý nghĩ của mình. Do đó, bất kì khi nào trạng thái vô ý nghĩ xuất hiện - như tôi đã nói trước đây - việc chứng kiến cũng tới, và bất kì khi nào có ý nghĩ, việc chứng kiến sẽ mất. Trong khoảng giữa các ý nghĩ - tức là trong lỗ hổng giữa các ý nghĩ - bạn sẽ hiểu việc đồng nhất tách biệt của mình với ý nghĩ. Thế thì không có liên hệ nào

giữa bạn và ý nghĩ. Nhưng ngay cả thế thì bạn cũng vẫn là người quan sát vô dụng. Bạn sẽ không thể nào làm được gì nhiều nhận cho lắm, mặc cho tất cả những nỗ lực đã được tiến hành chỉ trong thể thứ tư.

Cho nên tôi đã định nghĩa hai khả năng của thể thứ tư - một là khả năng tự nhiên và hai là khả năng thu được qua thiền. Bạn sẽ luân phiên giữa hai khả năng này. Khả năng thứ nhất là ý nghĩ và khả năng thứ hai là hiểu biết. Khoảnh khắc bạn đạt tới tiềm năng thứ hai của thể thứ tư - *vivek*, hay hiểu biết - thì thể thứ tư sẽ rũ sạch việc đồng nhất tâm thức với tâm trí. Khi bạn đạt tới thể thứ năm, hai điều sẽ bị gạt bỏ: thể thứ tư và sự đồng nhất này.

Trong thể thứ năm bạn có thể đem ý nghĩ tới hay không đem chúng tới, tùy ý bạn. Lần đầu tiên ý nghĩ sẽ là phương tiện và sẽ không phụ thuộc vào sự đồng nhất nữa. Nếu bạn muốn đem giận tới, bạn có thể đem giận tới; nếu bạn muốn đem yêu tới bạn có thể làn điều đó. Nếu bạn không muốn đem bất kì cái gì, bạn được tự do không làm như vậy. Nếu bạn muốn dừng giận mà mới thành hình một nửa, bạn có thể ra lệnh cho nó dừng lại. Bất kì ý nghĩ nào bạn muốn đem tới, sẽ tới với bạn, và cái mà bạn không muốn đem tới sẽ không có bất kì sức mạnh gì để choán ngập tâm trí bạn.

Có nhiều hoàn cảnh như thế trong cuộc đời của Gurdjieff. Người ta coi ông ấy như một người lập dị. Nếu hai người ngồi trước ông ấy, ông ấy sẽ nhìn vào một người với giận dữ nhất và nhìn vào người kia với thương mến nhất. Ông ấy thay đổi cách bày tỏ tình cảm nhanh chóng đến nỗi hai người mang hai báo cáo khác nhau về ông. Mặc dầu cả hai người cùng gặp ông ấy, một người sẽ nói, "Ông ấy trông như một người nguy hiểm," trong khi người kia, nói, "Ông ấy đáng yêu làm sao." Điều này rất

đễ dàng ở bình diện thứ năm. Gurdjieff đã vượt ra ngoài cách hiểu biết của mọi người quanh ông. Ông ấy có thể ngay lập tức đem lại bất kì cách diễn đạt thái độ nào trên vẻ mặt. Chẳng có khó khăn gì đối với ông ấy trong việc này, nhưng lại là khó khăn với người khác.

Lí do nằm sau điều này là ở chỗ trong thể thứ năm, bạn là người chủ của chính mình; bạn có thể đem lại bất kì cảm giác nào bạn thích. Thế thì giận dữ, yêu thương, hận thù, tha thứ, tất cả những ý nghĩ của bạn, đều đơn thuần trở thành trò chơi; do đó, bạn có thể thành thoi khi bạn thích. Thành thoi sau trò chơi là rất dễ dàng nhưng thành thoi trong cuộc sống là khó khăn. Nếu tôi chỉ chơi đùa với giận dữ, tôi sẽ không ở trong giận dữ sau khi bạn đã rời khỏi phòng. Nếu tôi đang chơi trò chơi nói chuyện, tôi sẽ không nói nữa khi bạn đi. Nhưng nếu việc nói là hơi thở cuộc đời của tôi, thế thì tôi sẽ cứ nói ngay cả khi bạn đã bỏ đi. Thậm chí không có ai nghe cả, *tôi* sẽ nghe. Tôi sẽ cứ nói bởi vì đó là chính cuộc đời tôi; nó không phải là trò chơi mà sau đó tôi có thể thành thoi. Nó chính là cuộc đời tôi, nó choán trong tôi. Cho nên một người như vậy sẽ nói thậm chí cả vào ban đêm. Trong giấc mơ người đó cũng tụ tập đám đông và nói. Trong giấc mơ người đó cũng cãi nhau, người đó sẽ đánh nhau và làm tất cả những gì người đó đã làm lúc ban ngày. Người đó sẽ cứ làm điều này cả hai mươi bốn giờ, bởi vì đây là cuộc sống của người đó, đây là chính sự tồn tại của người đó.

Sự đồng nhất của bạn bị phá vỡ ở thể thứ năm. Thế thì lần đầu tiên bạn được an bình, bạn là trống rỗng, bởi ý chí tự do riêng của bạn. Nhưng khi nhu cầu nảy sinh, bạn cũng nghĩ. Cho nên trong thể thứ năm, lần đầu tiên, bạn sẽ đem năng lực suy nghĩ của mình ra dùng. Đúng hơn, nên nói rằng trước thể thứ năm ý nghĩ sử dụng bạn; sau thể thứ năm bạn dùng ý nghĩ. Trước đó nói "tôi nghĩ" là

không đúng. Trong thế thứ năm bạn cũng đi tới nhận ra rằng ý nghĩ của bạn, không phải là của bạn: ý nghĩ của mọi người quanh bạn đi vào tâm trí bạn. Tuy nhiên, bạn thậm chí không biết rằng ý nghĩ mà bạn nghĩ là của riêng mình, có thể là của ai đó khác.

Một Hitler được sinh ra và toàn bộ nước Đức bị thấm đẫm ý nghĩ của ông ta - nhưng từng người Đức lại cảm thấy rằng đây là ý nghĩ của riêng mình. Một người rất năng động, lan truyền ý nghĩ của mình vào tâm trí của những người khác và họ trở thành tiếng vọng của cùng một điều. Thuyết động lực học là nghiêm chỉnh vì nó sâu sắc. Chẳng hạn, đã hai nghìn năm trôi qua kể từ khi Jesus chết. Sóng ý nghĩ mà ông ấy đã để lại trên thế giới này vẫn còn ăn sâu vào tâm trí những người Ki tô giáo, người nghĩ rằng đây là ý nghĩ của riêng mình. Điều tương tự cũng là trường hợp của Mahavira, Phật, Krishna và những người khác. Bất kì loại ý nghĩ nào của người năng động, dù họ là người thiện hay người ác, cũng đều ảnh hưởng vào tâm trí con người. Ảnh hưởng của Tamerlane và Genghis Khan lên tâm trí chúng ta không bớt đi mà ảnh hưởng của Krishna và Rama cũng chẳng kém đi. Sóng ý nghĩ của họ chuyển động mãi mãi quanh chúng ta, và bạn có thể bắt được những sóng ý nghĩ này, cái đưa đến trạng thái tâm trí đặc biệt của chúng ta.

Điều bao giờ cũng xảy ra là một người rất hiền vào buổi sáng lại trở thành ác vào buổi trưa. Vào buổi sáng người đó đi trong sóng của Rama; đến trưa người đó có thể bị sóng của Genghis Khan chụp lấy. Tính tiếp nhận và thời gian tạo ra khác biệt. Những người ăn xin bao giờ cũng đi ăn xin vào buổi sáng, bởi vì tác động của những rung động ác là tối thiểu vào lúc mặt trời lên. Khi ngày qua đi và khi mặt trời mệt mỏi bởi cuộc hành trình dài trên bầu trời, ảnh hưởng của những rung động đó lại thu

được sức mạnh, cho nên người ăn xin chẳng hi vọng vào lòng từ thiện của người khác vào buổi tối. Nếu người ăn xin hỏi xin hai ru pi của một người vào buổi sáng sớm, người đó sẽ không thể từ chối thẳng cánh được; khi ngày qua đi, khó mà nói có cho người ăn xin. Đến tối người này mệt mỏi với cả ngày làm việc cho nên bây giờ người đó được chuẩn bị hoàn toàn để từ chối. Điều kiện tâm trí của người này bây giờ hoàn toàn khác; cho nên đây cũng là do toàn bộ bầu không khí bao quanh người này. Cho nên ý nghĩ mà chúng ta cảm thấy là của chúng ta, cũng chẳng thuộc vào chúng ta.

Điều này bạn sẽ kinh nghiệm thấy chỉ trong thế thứ năm và bạn sẽ ngạc nhiên mà thấy cách thức các ý nghĩ đến và đi. Ý nghĩ đến, rồi lại đi; nó ảnh hưởng lên bạn, rồi nó bỏ lại bạn một mình. Có hàng nghìn loại ý nghĩ - và rất mâu thuẫn với nhau nữa; do đó, có lẫn lộn trong tâm trí chúng ta. Từng người đều lẫn lộn. Nếu ý nghĩ của bạn thuộc về bạn hoàn toàn, không có vấn đề về lẫn lộn. Một tay bạn bị ảnh hưởng bởi Genghis Khan và tay kia, bị ảnh hưởng bởi Krishna, cho nên nhất định là có lẫn lộn. Cả hai luồng ý nghĩ này đều nằm chờ bạn, và ngay khi bạn bộc lộ sự sẵn sàng của mình, chúng sẽ đi vào. Chúng hiện diện khắp xung quanh bạn.

Tất cả những điều này bạn sẽ nhận ra khi sự đồng nhất của bạn với các ý nghĩ bị phá vỡ hoàn toàn. Thay đổi lớn nhất sẽ là ở chỗ từ trước đó cho đến lúc này bạn không có ý nghĩ, nhưng bây giờ bạn sẽ có việc suy nghĩ. Có khác biệt giữa hai điều này. Ý nghĩ là các nguyên tử: chúng tới và đi và chúng bao giờ cũng là xa lạ. Nói rằng ý nghĩ bao giờ cũng xa lạ là hoàn toàn đúng đắn. Việc suy nghĩ là của chúng ta, nhưng ý nghĩ là xa lạ. Việc suy nghĩ này sẽ bắt đầu bên trong bạn sau thế thứ năm. Thế thì bạn sẽ có khả năng suy nghĩ; bạn sẽ không còn đơn thuần là

việc tích tụ ý nghĩ của người khác. Do đó, việc suy nghĩ ở thể thứ năm không bao giờ là gánh nặng lên bạn, bởi vì nó là của riêng bạn. Việc suy nghĩ này được sinh ra trong thể thứ năm có thể được gọi là trí huệ hay hiểu biết hay bất kì cái gì bạn thích gọi nó.

Tại bình diện thứ năm bạn có trực giác riêng của mình, hiểu biết riêng của mình, thông minh riêng của mình. Tại bình diện thứ năm ảnh hưởng của tất cả các ý nghĩ bên ngoài sẽ chấm dứt, và theo nghĩa này bạn sẽ là người chủ của chính mình; bạn sẽ đạt tới bản thể của mình; bạn sẽ trở thành cái ta của mình. Bây giờ bạn sẽ có ý nghĩ riêng của mình, quyền năng suy nghĩ riêng của mình, con mắt riêng của mình và tầm nhìn riêng của mình. Sau điều này, chỉ cái bạn muốn mới tới với bạn; cái bạn không muốn sẽ không bao giờ tới gần bạn. Bạn có thể nghĩ chỉ điều bạn muốn nghĩ; các ý nghĩ khác không thể choán ngập bạn. Bây giờ bạn sẽ là người chủ. Tại đây vấn đề về sự đồng nhất không nảy sinh.

Trong thể thứ sáu việc suy nghĩ cũng là không cần nữa. Ý nghĩ chỉ cần tới thể thứ tư; suy nghĩ và trí huệ là cần trong thể thứ năm. Trên bình diện thứ sáu thậm chí những điều này cũng đã chấm dứt, bởi vì tại đó chúng chẳng cần tới chút nào. Bạn trở thành vũ trụ; bạn trở thành một với Brahman. Bây giờ không có gì khác.

Thực tế, mọi ý nghĩ bao giờ cũng có quan hệ tới người khác. Các ý nghĩ trước thể thứ tư là móc nối vô ý thức với người khác. Các ý nghĩ của thể thứ năm là móc nối có ý thức nhưng chúng vẫn có liên hệ với người khác. Sau rốt, tại sao các ý nghĩ lại là cần thiết? Chúng là cần chỉ để thiết lập mối quan hệ với người khác. Cho tới thể thứ tư chúng là các móc nối vô ý thức; tại thể thứ năm chúng là các móc nối có ý thức. Nhưng tại thể thứ sáu,

không còn có "người khác" để thiết lập móc nối nữa. Tất cả các mối quan hệ đã kết thúc; chỉ còn lại vũ trụ. Tôi và bạn bây giờ là một. Bây giờ không có chỗ nào, không có lí do nào cho ý nghĩ tồn tại.

Thể thứ sáu là Brahman - thực tại vũ trụ, nơi không còn ý nghĩ. Trong Brahman không có ý nghĩ; do đó, có thể nói rằng trong Brahman có việc biết. Thực tại, ý nghĩ mà tồn tại cho tới thể thứ tư là ý nghĩ vô ý thức; chúng chứa dốt nát sâu sắc. Nó biểu lộ rằng chúng ta cần ý nghĩ để đánh nhau với cái tự dốt nát này. Tại thể thứ năm có việc biết tới cái ta bên trong, nhưng chúng ta vẫn còn dốt nát về cái khác với ta; người khác vẫn có đó đối với chúng ta. Do đó, có nhu cầu suy nghĩ trong thể thứ năm. Tại thể thứ sáu, không có bên trong hay bên ngoài nữa, không có tôi hay bạn, không có cái này hay cái kia. Bây giờ không có khoảng cách để biện minh cho ý nghĩ. Bây giờ cái gì có đáy thì có đáy. Do đó, tại thể thứ sáu chỉ có việc biết, không có ý nghĩ.

Tại bình diện thứ bảy, việc biết cũng không tồn tại, bởi vì người biết không còn nữa và cái mà có thể được biết cũng không còn nữa. Cho nên ngay cả việc biết cũng không có trên bình diện thứ bảy. Bình diện thứ bảy không phải là không có việc biết, mà là vượt ra ngoài việc biết. Nếu bạn thích bạn có thể gọi nó là trạng thái của dốt nát nữa. Đó là lí do tại sao bao giờ cũng có trường hợp một người với tâm thức tối thượng và một người hoàn toàn dốt nát dường như là giống hệt nhau - bởi vì hành vi của họ thường là tương tự. Đây là lí do tại sao bao giờ cũng có tương tự lớn giữa trẻ nhỏ và người già người đã đạt tới chứng ngộ: họ thực tế không là một nhưng về bề ngoài, họ dường như giống nhau. Đôi khi một hiền nhân chứng ngộ hành động theo cách thức trẻ thơ; đôi khi trong hành vi của đứa trẻ chúng ta thoáng thấy tính thánh thiện. Đôi

khi người chứng ngộ trông như người dốt nát hoàn toàn, dần dần hoàn toàn, và dường như không ai có thể dần dần như ông ta. Nhưng hiền nhân đã vượt ra ngoài tri thức và trẻ nhỏ vẫn còn ở dưới mức tri thức. Tương tự nằm ở sự kiện rằng họ cả hai đều ở ngoài tri thức.

Tại thể nào, người ta đạt được cái mà Thầy vẫn nói là samadhi?

Thực tại có nhiều kiểu samadhi. Một samadhi sẽ xảy ra giữa thể thứ tư và thứ năm. Nhớ lấy, samadhi không phải là biến cố của một bình diện; nó bao giờ cũng xảy ra giữa hai bình diện, nó là thời kì chuyển tiếp, thời kì tranh tối tranh sáng. Người ta rất có thể hỏi liệu lúc tranh tối tranh sáng là thuộc vào ngày hay đêm. Tranh tối tranh sáng chẳng thuộc vào ngày mà cũng chẳng thuộc vào đêm, nó là biến cố giữa ngày và đêm. Cho nên samadhi cũng vậy.

Samadhi thứ nhất xuất hiện giữa bình diện thứ tư và thứ năm. Samadhi này dẫn tới tự hiểu biết, *atma gyan*. Một samadhi xuất hiện giữa bình diện thứ năm và thứ sáu; lần này dẫn đến *brahma gyan* - hiểu biết vũ trụ. Samadhi xuất hiện giữa bình diện thứ sáu và thứ bảy là samadhi dẫn tới niết bàn. Cho nên nói chung có ba samadhi này xuất hiện giữa ba *sharira* cuối, ba thể cuối.

Có một samadhi giả mà cũng phải nhận ra. Nó xuất hiện trong thể thứ tư, nhưng nó không phải là samadhi mặc dầu nó dường như giống samadhi. Tại Nhật thuật

ngữ của thiền phật giáo cho nó là *satori tở ngộ*. Nó là samadhi giả. Nó là trạng thái mà họa sĩ hay nhà điêu khắc hay nhạc sĩ đạt tới khi người đó hoàn toàn ngập chìm trong tác phẩm của mình; người đó kinh nghiệm phúc lạc lớn. Đây là một biến cố trên bình diện thứ tư - bình diện hồn. Nếu khi ngắm nhìn vào mặt trời buổi sáng hay lắng nghe giai điệu hay ngắm điệu vũ, hay quan sát việc nở hoa, mà tâm trí đắm chìm hoàn toàn trong biến cố đó, một samadhi giả xảy ra. Samadhi giả đó có thể được đem tới bằng rượu và ma túy như thuốc phiện, heroin.

Cho nên có bốn kiểu samadhi. Thực tại có ba samadhi chân thực và chúng xảy ra tuần tự. Samadhi thứ tư hoàn toàn là kinh nghiệm giả xuất hiện tựa như samadhi. Trong samadhi này không có kinh nghiệm thực tại - chỉ có cảm giác của samadhi bị hiểu lầm. Nhiều người bị lầm bởi satori. Samadhi giả này xuất hiện ở thể thứ tư - bình diện hồn. Nó không phải là quá trình chuyển biến giữa bình diện thứ tư và thứ năm; nó xảy ra ngay bên trong thể thứ tư. Ba samadhi chân thực xuất hiện bên ngoài các thể trong thời kì chuyển tiếp khi chúng ta đi từ bình diện này sang bình diện khác. Một samadhi là cánh cửa, một bước chuyển.

Giữa các thể thứ tư và thứ năm xảy ra samadhi chân thực thứ nhất. Người ta đạt tới việc tự thành thạo. Chúng ta có thể bị mắc kẹt ở đây. Thông thường mọi người dừng tại samadhi giả trong thể thứ tư bởi vì nó dễ dàng lắm. Chúng ta hầu như chẳng tốn nỗ lực, chẳng phải cố gắng gì cả, và nó thu được hết như thế. Do đó đại đa số thiền nhân bị trì trệ ở đây. Samadhi thực sự đầu tiên, xảy ra trên cuộc hành trình từ thể thứ tư sang thể thứ năm, là rất khó; và samadhi thứ ba, từ thể thứ sáu sang thể thứ bảy, là khó hơn cả. Tên được chọn cho samadhi thứ ba là *vajrabhed* - xuyên thấu như cú sét. Nó là samadhi khó nhất bởi vì nó

là bước chuyển từ hiện hữu sang không hiện hữu; nó là cái nhảy từ sự sống vào cái chết; nó là việc nhào từ sự tồn tại vào trong cái không tồn tại.

Cho nên thực tại có ba samadhi. Samadhi thứ nhất bạn có thể gọi là *atma samadhi*, samadhi thứ hai gọi là *brahma samadhi*, còn samadhi cuối được gọi là *samadhi niết bàn*. Chính samadhi đầu tiên và giả, bạn có thể gọi là satori. Đây là samadhi mà bạn nên cảnh giác chống lại, bởi vì nó rất dễ đạt tới.

Một phương pháp khác để kiểm tra tính hợp lệ của samadhi là ở chỗ nếu nó xảy ra bên trong một bình diện thì nó là giả; nó phải xảy ra *giữa* các bình diện. Nó là cánh cửa; nó chẳng liên quan gì tới bên trong căn phòng. Nó phải ở bên ngoài căn phòng, kề với phòng tiếp.

Tại sao rắn được chọn làm biểu tượng cho kundalini? Xin thầy giải thích tất cả các lí do. Trong một biểu tượng mà Hội thông thiên học đã dùng, con rắn cuộn xoắn cắn đuôi nó được đưa ra. Trong biểu tượng Súr mênh của Ramakrishna, đuôi rắn chạm tới chòm đầu rắn. Xin Thầy giải thích ý nghĩa của những điều này.

Biểu tượng rắn cho kundalini là rất thích hợp và có nghĩa. Có lẽ không có biểu tượng nào tốt hơn biểu tượng này. Do đó, không chỉ kundalini mà cả rắn cũng đã trải qua nhiều cuộc du hành lớn trong hình dạng biểu tượng này. Không ở đâu trên thế giới này có một tôn giáo mà

trong đó không có mô tả về rắn ở đâu đó. Điều này là bởi vì rắn có nhiều phẩm chất phù hợp với kundalini.

Chính điều đầu tiên xuất hiện trong tâm trí nói tới rắn là việc chuyển động trườn đi - bò đi. Chính kinh nghiệm đầu tiên về kundalini là ở chỗ cái gì đó chuyển động ở bên trong. Bạn cảm thấy dường như cái gì đó đã chuyển động bên trong - giống như rắn bò. Một điều khác cũng tới trong tâm trí với chính việc chuyển động này của rắn là ở chỗ nó không có chân, thế mà nó vẫn di chuyển được. Nó không có phương tiện để chuyển động - nó là năng lượng hoàn toàn - thế mà nó vẫn đi. Điều thứ ba tới trong tâm trí là ở chỗ khi rắn dừng, nó cuộn mình lại. Khi kundalini nằm ngủ bên trong chúng ta, nó nữa cũng nghỉ theo cùng cách thức này.

Khi một vật dài phải dọn chỗ cho nó trong một chỗ nhỏ hẹp, nó phải cuộn lại; không có cách nào khác cho nó cả. Sức mạnh rất lớn ngụ tại một trung tâm rất nhỏ, nó chỉ có thể tự cuộn mình lại. Bây giờ khi rắn tỉnh dậy nó tháo dần từng vòng cuộn ra; nó vươn lên, vòng cuộn cũng tháo ra. Theo cùng cách này chúng ta cảm thấy kundalini đã tháo ra bên trong khi năng lượng kundalini dâng lên trong chúng ta.

Rắn đôi khi cũng chơi đùa bằng việc ngậm đuôi mình. Việc ngậm đuôi này cũng là biểu tượng có ý nghĩa. Đây là biểu tượng có giá trị và nhiều người nhận ra nó như thế. Nó có giá trị bởi vì nó gợi ý rằng khi kundalini đã thức tỉnh hoàn toàn, nó sẽ trở thành tuần hoàn và bắt đầu tạo nên mạch riêng của nó ở bên trong. Bây giờ khi biểu tượng được tạo ra để mô tả sadhana nam, việc thực hành tâm linh nam, sẽ là việc ngậm đuôi; đây sẽ là năng nổ. Nếu biểu tượng này được đạt tới bởi sadhana nữ, việc thực hành tâm linh nữ, cái đuôi sẽ chỉ chạm lên chòm

đầu. Đây là cái đuôi buông xuôi - cái đuôi không bị ngậm trong mồm. Đây là khác biệt duy nhất và không gì hơn nữa.

Chòm đầu của rắn cũng trở thành có mục đích. Đuôi rất hẹp trong khi chòm đầu lại rất rộng. Khi kundalini thức tỉnh hoàn toàn, nó đạt tới *sahasrar*. Nó mở ra và trải dài giống như chòm đầu của rắn; nó mở rộng ra vô cùng. Dường như nhiều hoa nở ra trong nó. Thế thì đuôi của nó trở thành rất nhỏ.

Khi rắn đứng thẳng lên, đây là một cảnh tượng kì diệu; nó đứng thẳng trên chòm đuôi. Điều đó gần như phép màu. Rắn là loại không xương sống, sinh vật không xương, ấy vậy mà thực hiện được hành động này. Điều ấy chỉ có thể được với sự hỗ trợ của năng lượng sống trong nó, bởi vì không có phương tiện chủ chốt nào khác cho nó để đứng thẳng. Nó đứng lên bởi sức mạnh của ý chí riêng của nó; nó không có sức mạnh vật chất nào để dựa vào. Sự việc cũng là như thế khi kundalini thức tỉnh: nó không có sự hỗ trợ vật lí; nó là năng lượng phi vật chất.

Đây là những lí do tại sao rắn lại được chọn như một biểu tượng. Cũng còn nhiều lí do khác nữa. Chẳng hạn, nó là một sinh vật vô tư; do đó, thần Shiva của Hindu - người cũng được gọi là "Shiva vô tư" - đội nó trên đầu. Theo ý riêng của nó, rắn chẳng gây rắc rối cho bất kì ai, nhưng nếu nó bị quấy rối, nó có thể rất nguy hiểm. Cùng điều đó cũng áp dụng cho kundalini. Nó là một năng lượng rất vô tư; nó không gây rắc rối cho bạn theo ý riêng của nó. Nhưng nếu bạn quấy rối nó theo cách sai lầm, bạn sẽ thấy mình bị rắc rối. Nó có thể tỏ ra rất nguy hiểm. Cho nên biểu tượng của rắn nhắc nhở chúng ta rằng việc quấy rối kundalini theo cách sai lầm là nguy hiểm.

Khi nhớ tất cả những điều này trong trí, không có biểu tượng nào thích hợp hơn là rắn.

Trên khắp thế giới rắn đều được lấy làm biểu tượng cho trí huệ. Jesus đã nói, "Nhanh trí và thông minh như rắn và vô tư như bò câu." Rắn là sinh vật rất thông minh - rất tỉnh táo, rất quan sát và rất nhanh nhẹn, sắc sảo. Đó là tất cả phẩm chất của nó. Kundalini cũng giống như thế. Bạn đạt tới đỉnh tối thượng của trí huệ qua nó; nó rất mau lẹ, và cũng rất mạnh mẽ.

Ngày xưa, khi biểu tượng này được chọn cho kundalini, có lẽ chẳng có gì tốt hơn rắn. Ngay cả bây giờ cũng chẳng có gì tốt hơn. Có lẽ trong tương lai có thể có một biểu tượng mới - như tên lửa. Một khái niệm tương lai nào đó có thể thu tóm kundalini như quả tên lửa. Cuộc hành trình là như nhau; nó đi từ bầu trời này sang bầu trời khác, từ hành tinh này sang hành tinh khác, và có hư không ở giữa. Nó có thể trở thành biểu tượng. Thời đại quyết định ra biểu tượng.

Biểu tượng này đã được chọn khi con người còn rất gần với vương quốc loài vật. Tất cả các biểu tượng của chúng ta của những thời này đều lấy từ loài vật, bởi vì đó là tất cả những gì mà tri thức chúng ta có được cho nên chúng ta đã cố gắng tìm ra biểu tượng trong chúng. Rắn vậy đã là biểu tượng thích hợp nhất để định nghĩa kundalini.

Trong những ngày ấy chúng ta không thể nói rằng kundalini giống như điện; khi chúng ta nói tới ngày nay, chúng ta có thể nói như vậy. Năm nghìn năm trước không thể nói về kundalini dưới dạng điện bởi vì không có khái niệm về điện. Nhưng rắn có phẩm chất của điện. Điều này thật khó cho chúng ta tin bởi vì nhiều người trong chúng ta chẳng có kinh nghiệm gì về rắn cả. Chúng ta có thể

không có kinh nghiệm về kundalini so với bất kì cái gì, nhưng chúng ta khó mà có kinh nghiệm về rắn nữa. Rắn là huyền thoại đối với chúng ta.

Gần đây người ta đã tiến hành một cuộc điều tra ở London và người ta thấy rằng bảy trăm nghìn trẻ con chưa bao giờ thấy con bò. Bây giờ những đứa trẻ này, chưa từng thấy con bò, không thể nào có ý tưởng về rắn được. Cho nên toàn bộ cách nghĩ của chúng - và biểu tượng của chúng - sẽ hoàn toàn khác.

Bây giờ rắn đã quá lỗi thời: nó không còn là phần quan trọng trong cuộc sống chúng ta nữa. Ngày xưa nó rất gần gũi chúng ta; nó đã là hàng xóm của chúng ta và cùng chúng ta cả hai mươi bốn giờ một ngày. Thế thì chính con người đã để ý đến nhanh nhẹn của nó, thông minh của nó, chuyển động của nó, và thoải mái mà nó luôn mang theo mình. Chính là con người đã hiểu con vật này nguy hiểm như thế nào. Có những câu chuyện về rắn canh gác cho trẻ con, và nó vô tư làm sao... Có những trường hợp khi nó cắn những người hung dữ nhất và giết chết người đó, cho nên nó có thể nguy hiểm lắm. Cho nên cả hai khả năng này đều có trong nó.

Khi một người ở rất gần với rắn, người đó phải quan sát nó thật chăm chú. Chủ đề về kundalini cũng bắt đầu vào cùng lúc, và cả rắn lẫn kundalini đều tương tự nhau trong phẩm chất của chúng. Nhưng tất cả các biểu tượng đều có nghĩa, và nếu chúng tới với chúng ta qua các thời đại, cũng có phù hợp, nhịp điệu trong chúng. Nhưng bây giờ điều đó nhất định bị phá vỡ. Biểu tượng về rắn không còn kéo dài lâu. Chúng ta sẽ không thể nào gọi là sức mạnh rắn kundalini, bởi vì bây giờ con rắn tội nghiệp ở đâu? Nó không còn là hàng xóm của chúng ta nữa; chúng ta không còn mối liên quan nào với nó. Chúng ta thậm chí

không thấy nó trên đường. Cho nên khi chúng ta không còn liên quan gì tới nó về bất kì cái gì, câu hỏi này nảy sinh. Trước đây nó không thể nảy sinh ra khi nó là biểu tượng duy nhất.

Người ta nói rằng khi kundalini thức tỉnh, nó ăn thịt và uống máu. Điều này có nghĩa là gì?

Có ý nghĩa cho điều này. Mô tả này gần đúng theo từng từ. Thực tại, khi kundalini dâng lên, nhiều biến đổi xảy ra bên trong thân thể. Bất kì khi nào năng lượng mới nảy sinh trong thân thể, những thành phần cũ của nó lại trải qua thay đổi hoàn toàn. Điều đó nhất định thay đổi; thân thể vận hành theo biết bao nhiêu cách thức mà chúng ta không ý thức tới chúng. Chẳng hạn, lấy trường hợp người keo kiệt. Keo kiệt là phẩm chất của tâm trí, nhưng thân thể người keo kiệt cũng trở thành kẻ keo kiệt. Thân thể người đó sẽ bắt đầu thu thập những chất mà có thể nó cần tới trong tương lai. Nó sẽ cứ tích lũy mà chẳng có lí do gì cho tới khi nó đạt tới một điểm mà tại đó nó trở thành quấy rối và bất tiện.

Bây giờ xét người khác, kẻ hèn nhát. Thân thể người đó sẽ thu thập tất cả các phần tử dẫn tới sợ hãi. Giả sử thân thể muốn run rẩy trong sợ hãi và nó không có những yêu cầu cần thiết - nó sẽ làm gì? Bạn yêu cầu sợ hãi từ thân thể và nó không có các tuyến và hóc môn cần thiết: nó sẽ làm gì? Cho nên thân thể giữ một cái kho sẵn sàng vì nó biết yêu cầu của bạn. Thân thể của người sợ hãi thu thập các tuyến sợ để làm thuận tiện cho việc chiều theo nỗi sợ của bạn. Người toát mồ hôi khi sợ sẽ có tuyến mồ hôi rất mạnh; người đó có khả năng toát mồ hôi vô khối. Sự thu xếp này là tuyệt đối cần thiết bởi vì yêu cầu của

người này có thể là nhiều trong quá trình một ngày. Cho nên thân thể trù sẵn những thứ tương ứng với yêu cầu của tâm trí - và còn nữa.

Khi tâm trí thay đổi, thân thể cũng thay đổi. Khi kundalini dâng lên, sẽ có thay đổi hoàn toàn trong thân thể bạn. Trong biến đổi đó da thịt bạn có thể giảm đi và máu bạn cũng vậy, nhưng nó sẽ giảm đúng theo yêu cầu của bạn. Cho nên thân thể sẽ hoàn toàn được biến đổi. Chỉ những da thịt và máu cần thiết cho thân thể mới còn lại; phần thừa sẽ bị thiêu đốt đi. Chỉ thể thì bạn mới cảm thấy nhẹ nhàng; chỉ thể thì bạn mới có thể bay vào bầu trời bên trong. Điều này sẽ là khác biệt.

Điều vừa nói là đúng đắn. Thiền nhân phải có một chế độ ăn uống đặc biệt và sự thu xếp đặc biệt cho việc sống, bằng không, người đó sẽ thấy mình gặp khó khăn. Khi kundalini dâng lên, rất nhiều nhiệt sẽ được tạo ra bên trong bởi vì đây là lực điện; đây là năng lượng có điện thế rất cao. Cũng hệt như tôi đã nói cho các bạn rằng rắn là biểu tượng của kundalini, lửa cũng là biểu tượng của kundalini ở một số nơi. Đây nữa cũng là biểu tượng rất sát.

Cho nên kundalini sẽ thiêu đốt giống như lửa bên trong bạn và ngọn lửa sẽ dâng lên cao. Rất nhiều thứ sẽ cháy trong ngọn lửa này. Khô khan nào đó có thể nảy sinh từ việc thức tỉnh của kundalini. Do đó, nhân cách phải rất hài hoà và một số kênh chất lỏng cần phải phát triển. Chẳng hạn, lấy một người hay giận dữ: nếu kundalini của người này thức tỉnh, người đó sẽ thấy mình gặp khó khăn. Người đó là người khô khan và thô lỗ, cho nên nếu ngọn lửa thiêu đốt bên trong, người đó sẽ gặp rắc rối. Người đáng yêu có hài hoà hoá học sâu sắc. Có hạnh thông về hài hoà hoá chất bên trong người đó. Người đó

sẽ không bị ảnh hưởng bất lợi bởi việc thức tỉnh của kundalini.

Bất kì điều gì đã được nói, cũng đều đã được nói với tất cả những chi tiết này. Mọi thứ đã được đưa ra khá đại khái bởi vì nghệ thuật diễn đạt của thời xưa còn chưa được phát triển cho lắm và cách tiếp cận cũng còn thô sơ. Cho nên điều đã được nói là rất đúng: da thịt sẽ cháy và cả máu và tủy cũng vậy, bởi vì bạn sẽ thay đổi hoàn toàn; bạn đang sắp là một người mới hoàn toàn. Tất cả những mẫu hình của bạn, thành phần của bạn, đều phải trải qua thay đổi. Thiền nhân phải ghi sâu điều này trong trí và chuẩn bị tương ứng cho mình.

9

Chiều sâu huyền bí của kundalini và tâm linh

Ở trại thiền Nargol, Thầy đã nói rằng những thực hành yoga - asanas, pranayamas, mudras và bandhas - đã được phát hiện ra trong trạng thái thiền. Trong những trạng thái khác của thiền, những tư thế khác được thân thể hình thành để từ đó thiền nhân có thể đạt tới chiều sâu của thiền. Đảo lại, liệu cùng trạng thái bên trong đó có thể được đem lại bởi việc hình thành các tư thế cần thiết hay không? Trong trường hợp đó, liệu việc thiền có thể đạt tới được bằng việc dùng các asanas, pranayamas, mudras và bandhas không? Đó là ích lợi và ý nghĩa của chúng?

Điều đầu tiên tới từ kinh nghiệm của thiền. Với kinh nghiệm của thiền người ta đã thấy rằng thân thể lấy nhiều tư thế. Thực tại, bất kì khi nào tâm trí đang ở một trạng

thái đặc biệt, thân thể lấy một tư thế tương ứng thích hợp. Chẳng hạn, khi bạn tràn ngập tình yêu, khuôn mặt bạn, cách bày tỏ của bạn đi theo một cách nào đó, còn khi bạn giận dữ, cách bày tỏ của bạn trở thành khác hoàn toàn. Trong giận dữ bạn nghiền răng và siết chặt nắm đấm và thân thể sẵn sàng để đánh nhau hay bỏ chạy. Khi bạn đang trong tâm trạng khoan dung, đôi mắt mềm dịu và bàn tay dễ mở. Khi một người tràn đầy khoan dung, nắm tay người đó không bao giờ siết lại. Giống như siết chặt nắm tay là việc chuẩn bị để đánh nhau, việc mở nắm tay và trải rộng bàn tay là chỉ dẫn về việc thoát khỏi thôi thúc đánh nhau; nó là sự đảm bảo cho việc bảo vệ. Siết chặt nắm tay là để đe dọa người khác.

Bản chất của thân thể là ở chỗ nó vận hành tương ứng theo trạng thái của tâm trí. Thân thể tuân theo tâm trí: nó bao giờ cũng đi sau. Cho nên thông thường chúng ta biết một người sẽ làm gì trong giận và người đó sẽ làm gì trong yêu - cả việc người đó sẽ làm gì trong trạng thái tin cậy. Nhưng chúng ta không biết cách thức người đó phản ứng lại với những trạng thái sâu sắc hơn của tâm trí.

Khi những trạng thái sâu sắc được tạo ra trong tâm trí, rất nhiều điều cũng xảy ra trong thân thể nữa. Nhiều điệu bộ, cử chỉ, và nhiều tư thế asana xảy ra nói về những thay đổi bên trong. Thực tế, các động thái được hình thành vào lúc chuẩn bị cho những trạng thái bên trong đặc biệt. Các điệu bộ được hình thành về sau và chúng cho thông tin về trạng thái bên trong của người ta.

Khi thay đổi xuất hiện bên trong, thân thể phải tìm một sự điều chỉnh tương đương với những thay đổi bên trong đó. Khi kundalini thức tỉnh bên trong, thân thể sẽ lấy tất cả các tư thế bất thường để tạo đường cho năng lượng. Xương sống tự nó sẽ uốn theo nhiều cách để cho

phép năng lượng đi lên. Đầu cũng lấy những vị trí khác nhau khi kundalini thức tỉnh. Thân thể lấy những tư thế mà chúng ta chưa bao giờ có trước đây. Cũng hết như khi ta tỉnh dậy thân thể lấy vị trí đứng thẳng và khi chúng ta ngủ, thân thể phải nằm ra - nó không thể đứng hay ngồi.

Bây giờ giả sử có một người không biết đến ngủ là gì từ khi sinh: người đó sẽ chẳng bao giờ nằm cả. Nếu sau ba mươi năm người đó muốn ngủ, người đó sẽ nằm xuống lần đầu tiên. Lần đầu tiên điều kiện tâm trí người đó sẽ thay đổi theo khía cạnh này và người đó sẽ đi ngủ. Tuy nhiên, người đó sẽ rất suy nghĩ bởi tư thế mới, vì thân thể người đó chưa bao giờ lấy tư thế đó trước đây. Cho tới nay người đó vẫn quen ngồi, đứng, bước, nhưng chưa bao giờ nằm xuống cả. Bây giờ người đó phải nằm xuống để cho điều kiện cần thiết cho giấc ngủ xảy ra bên trong mình. Khi thân thể nằm dài ra, tâm trí thấy dễ trượt vào điều kiện đặc biệt hơn. Nhưng những người khác nhau có những cách khác nhau để nằm ra bởi vì trạng thái tâm trí của mỗi người mỗi khác.

Chẳng hạn, người ở vùng bộ lạc không dùng gối khi ngủ, nhưng người văn minh lại không thể nào ngủ được nếu thiếu gối. Người bộ lạc ít nghĩ đến mức dòng máu chảy lên đầu cũng ít hơn nhiều. Để ngủ, điều cơ bản là dòng máu lên đầu phải ít nhất có thể được. Nếu quá nhiều máu, bạn sẽ không thể nào ngủ được. Nếu thần kinh trong bộ não không thanh thoi, sẽ khó cho bạn thanh thoi; máu sẽ cứ chảy lên não. Thế thì bạn phải thêm một cái gối nữa rồi gối nữa. Người ta càng văn minh và có giáo dục, người đó càng được mở mang, người đó lại càng cần nhiều gối dưới đầu hơn. Cổ phải gần như thẳng đứng để ngăn cản dòng máu lên đầu.

Tư thế của thân thể tương ứng với trạng thái tâm trí của người ta. Cho nên với thức tỉnh của năng lượng bên trong, những chuyển vận của nó theo nhiều cách bắt đầu hình thành. Các luân xa khác nhau cũng đưa thân thể tới các tư thế asana khác nhau. Vậy, nhiều tư thế được hình thành. Khi một trạng thái đặt biệt bắt đầu hình thành bên trong, cách biểu hiện của tay bạn, mặt bạn và mắt bạn cũng thay đổi. Điều này xảy ra trong thiền. Xem như kết quả, điều ngược lại cũng xuất hiện trong sự chú ý của con người: tức là, khi thực hiện những động tác này, có thể đi vào trong thiền được không? Cần phải hiểu điều này.

Trong thiền những quá trình này xảy ra; ấy thế mà chúng không phải là không tránh khỏi. Nói cách khác, tất cả các thiền nhân không trải qua cùng các quá trình thân thể. Một điều kiện phải được sinh ra trong tâm trí: trạng thái thân tâm của mọi thiền nhân là khác với trạng thái thân tâm của người khác - do đó, tất cả sẽ không trải qua cùng các động tác. Chẳng hạn, nếu dòng máu ít đi lên đầu của một thiền nhân và nếu lại cần dòng máu lớn hơn để thức tỉnh kundalini, người này, mặc dầu không biết, sẽ đi vào tư thế trồng cây chuối, shirshasana. Tất cả các thiền nhân sẽ không đi vào tư thế này bởi vì tỉ lệ dòng máu là khác nhau cho từng người; mỗi người có những yêu cầu khác nhau. Cho nên các động tác sẽ hình thành tương ứng theo nhu cầu của từng thiền nhân.

Khi bản thân chúng ta chọn một động tác và thực hành chúng, thế thì chúng ta không biết động tác đặc biệt nào là có ích hay cần thiết cho chúng ta. Các động tác có thể có hại cũng như có lợi. Nếu không được cần tới trong trường hợp của một thiền nhân đặc biệt, chúng có thể tỏ ra có hại - nếu chúng là cần thiết, chúng sẽ có ích. Một khó khăn là ở chỗ đây là điều bất định. Khó khăn nữa là ở chỗ khi cái gì đó xảy ra bên trong và đồng thời cái gì đó

bắt đầu xảy ra bên ngoài nữa, thế thì năng lượng sẽ chuyển ra ngoài. Khi chúng ta thực hiện một hành động từ bên ngoài, nó có thể vẫn không khác gì việc biểu diễn vật lý.

Bây giờ như tôi đã nói, trong giận dữ, nắm tay siết lại một cách tự động. Nhưng đây không nhất thiết là trường hợp bạn trở nên giận dữ bằng việc nắm tay lại. Chúng ta có thể diễn lại một hành động giận dữ trong khi không có bất kì giận dữ nào bên trong. Vậy mà nếu chúng ta muốn gọi lên cơn giận dữ bên trong, việc siết chặt nắm tay có thể có ích, nhưng chúng ta không thể nói chắc rằng giận dữ sẽ sinh ra. Nếu chúng ta phải chọn giữa siết chặt và không siết chặt nắm đấm, khả năng đem lại giận dữ nhất định sẽ nhiều hơn với việc siết chặt nắm đấm. Chút ít trợ giúp này là có thể.

Khi một người trong trạng thái an bình, tay người đó sẽ ở một điệu bộ cần thiết. Nhưng nếu một người luyện tập hình thành điệu bộ ấy của tay, không thể nói chắc rằng tâm trí người đó có đạt tới an bình không. Vậy mà những trạng thái đặc biệt của thân thể lại giúp cho tâm trí được an bình. Thân thể sẽ biểu lộ tính sẵn sàng của nó để hợp tác; thế thì để cho tâm trí làn điệu cần thiết. Nhưng thay đổi thân thể không có nghĩa là tâm trí sẽ thay đổi, và lí do là ở chỗ trạng thái của tâm trí đi trước trạng thái của thân thể. Đó là lí do tại sao khi tâm trí thay đổi, thân thể thay đổi theo, nhưng việc thay đổi ban đầu trong thân thể nhiều nhất chỉ tạo ra một khả năng cho thay đổi trong tâm trí thôi. Điều đó không phải là điều chắc chắn.

Cho nên bao giờ cũng có nguy cơ lừa dối. Một người có thể thường xuyên thực hiện các động tác và điệu bộ và cho rằng mình đã làm mọi việc; những trường hợp như thế vẫn xảy ra. Trong hàng nghìn năm người ta đã tập các

động tác và điệu bộ trong khi nghĩ rằng mình thực hành yoga. Thế rồi dần dần khái niệm về thiền bị mất đi trong yoga. Với từ yoga sadhana, điều đến trong tâm trí là asanas, pranayamas, vân vân. Nếu bạn hỏi ai đó yoga là gì, người đó sẽ nghĩ về asanas, pranayamas, và cứ như thế mà tiếp. Do đó, tôi bao giờ cũng nhấn mạnh rằng nếu các yêu cầu của một thiền nhân được hiểu đúng, những vị trí thân thể nào đó có thể tỏ ra có ích cho người đó. Nhưng kết quả là bất định. Đó là lí do tại sao tôi bao giờ cũng thiên về làm việc từ bên trong chứ không phải từ bên ngoài.

Nếu cái gì đó bắt đầu từ bên trong, chúng ta có thể hiểu ý nghĩa của nó. Giả sử một thiền nhân ngồi thiền và tôi cảm thấy rằng bên trong người đó muốn bật khóc nhưng người đó phải kìm nó lại. Tôi có thể thấy rằng nếu người đó khóc trong mười phút, người đó sẽ bắt đầu chuyển biến và việc thanh tâm sẽ xảy ra. Tuy nhiên, người đó sợ rằng mình buột khóc cho nên người đó tự chặn mình lại. Bây giờ nếu người đó được phép không tự chặn mình lại mà cứ khóc, người đó ban đầu sẽ giả khóc. Nhưng trong hai hay ba phút, việc khóc đó sẽ trở thành chân thật khi xung động khóc đã vỡ bờ tràn ra từ bên trong. Quá trình khóc sẽ phá vỡ rào chắn và cái phải chảy ra sẽ ào ạt tuôn ra.

Thiền nhân khác cảm thấy muốn nhảy múa nhưng người đó phải kìm mình lại. Nếu chúng ta bảo người đó nhảy múa, ban đầu người đó sẽ chỉ đóng kịch: vì việc nhảy múa sẽ không đến từ bên trong. Một khi người đó bắt đầu nhảy múa, điều đó sẽ đem lại cho việc nhảy múa cơ hội để phá ra. Chẳng mấy chốc điệu này sẽ bắt đầu và điệu vũ bên trong sẽ hội nhập vào với điệu vũ bên ngoài. Nhưng nếu không có lí do gì cho việc nhảy múa bên

trong người đó và chúng ta bảo thiền nhân nhảy múa, người đó sẽ cứ nhảy múa mà chẳng có gì xảy ra cả.

Cho nên nhiều điều cần phải xem xét tới. Có nhiều, nhiều điều kiện cho tất cả mọi người mà tôi đã nói với các bạn. Nếu bạn nhớ những điều này trong tâm trí, bạn sẽ hiểu. Nếu bạn không muốn bị nặng gánh với tất cả những điều này, cách tốt nhất là bắt đầu từ bên trong và để cho mọi thứ xảy ra một cách tự phát. Đừng chặn biến cố bên ngoài, đừng đánh nhau với nó. Thế thì mọi việc sẽ tự nó xảy ra.

Trong những thực nghiệm thiền mà Thầy hiện đang hướng dẫn, đâu là khác biệt về vật lý và tâm lý đưa lại bởi việc ngồi hay đứng cho thực nghiệm đó?

Điều ấy tạo ra khác biệt lớn đấy. Như tôi đã nói với các bạn trước đây, sâu bên trong, mọi trạng thái thân thể đều có gắn với một trạng thái đặc biệt của tâm trí tương ứng với nó. Nếu chúng ta bảo một người thức khi người đó đang nằm, rất khó cho người đó làm như vậy; nếu chúng ta bảo người đó tỉnh táo khi người đó đang đứng, điều này sẽ dễ dàng. Nếu chúng ta bảo người đó ngủ khi người đó đang đứng, điều đó sẽ khó khăn; nếu chúng ta bảo người đó ngủ khi người đó nằm, điều đó sẽ dễ dàng.

Cho nên có quá trình kép trong đó có sợ là thiền nhân có thể rơi vào giấc ngủ hay mê đi. Nếu người đó đứng, việc này sẽ giúp xua đuổi sợ này. Nếu người đó đứng, khả năng mê sẽ kém đi.

Phần thứ hai của thực nghiệm này là thái độ chứng kiến - nhận biết. Ban đầu khó mà duy trì nhận biết khi nằm ra. Về sau điều đó sẽ dễ dàng. Bao giờ cũng dễ dàng duy trì việc chứng kiến khi bạn đứng. Quá trình khởi đầu thoải mái, mà thay vì thế sẽ đưa bạn vào giấc mê, sẽ bị thu hẹp lại rất nhiều bởi việc đứng.

Có hai hay ba điều nữa. Khi bạn đứng, chuyển động của thân thể là tự do; khi bạn nằm chuyển động của bạn sẽ không được tự do như thế. Khi bạn ngồi, nửa thân thể sẽ không thể nào tham gia vào hoạt động. Giả sử chân bạn muốn nhảy múa còn bạn đang ngồi: thế thì chân không thể nhảy múa được. Bạn thậm chí sẽ không biết chúng cần gì bởi vì chân không có cách nào tự bày tỏ được. Có những hướng dẫn tinh tế mà chúng ta không nắm được. Nếu bạn đang đứng, chân sẽ bắt đầu đưa lên và bạn sẽ biết chúng muốn nhảy. Nhưng nếu bạn đang ngồi, hướng dẫn này không thể nào được truyền đạt ra.

Thực tại, truyền thống về ngồi thiền đặc biệt có nghĩa để kìm nén tất cả những chuyển động nảy sinh của thân thể. Siddhanasana, padmasana và sukhasana phải được thực hành mở rộng trước khi việc thiền được dạy để cho chuyển động của thân thể có thể được dừng lại. Cho nên khả năng của việc nâng lượng dâng lên bên trong vẫn có đó từ ban đầu. Rất nhiều điều xảy ra như kết quả. Bạn cảm thấy muốn nhảy múa, ca hát, nhảy nhót, chạy. Những hành động xúc động này bao giờ cũng bị coi như là điên khùng. Người điên kêu khóc, cười nói, nhảy múa, nhảy nhót. Khi thiền nhân làm cùng điều đó, do vậy người đó sẽ bị coi dường như là điên.

Không phải dường như điên khùng trong xã hội, siddhasana, padmasana và những tư thế ngồi khác đã được công phu rất nhiều để cho thân thể được trong kiểm

soát hoàn toàn. Thế thì thiên nhân sẽ không trông như điên khùng đối với thế giới. Bây giờ các tư thế ngồi padmasana, sukhasana và siddhasana là để cho chúng làm cho chân bạn thành cứng nhắc. Trọng lượng của bạn lớn hơn khi gần đất, khi xa đất, nó trở thành nhẹ bớt đi. Phần mông bạn trở nên nặng nề tựa như ngồi đèn hay kim tự tháp: rộng đáy, hẹp trên đỉnh. Thế thì khả năng chuyển động là rất tối thiểu - gần bằng không.

Việc chuyển động tối đa là có thể khi bạn đứng - khi không có gì giữ bạn cố định. Khi bạn xếp chéo chân và ngồi, bạn tạo thành một chân đế không thể di động nổi. Phần lớn thân thể bạn được cố định bởi trọng lực, cái vẫn luôn nắm giữ nó. Thế rồi bạn để tay theo cách mà khả năng chuyển động bị giảm tối thiểu. Xương sống nữa cũng được dựng thẳng và cố định. Trước khi bạn sẽ được phép đi vào trong thiền, kiểu động tác này phải được làm hoàn hảo trước hết qua một thời kì tập luyện dài.

Theo cách tiếp cận của tôi, vấn đề là đối lập lại. Theo quan điểm của tôi, chẳng có mấy khác biệt cơ bản giữa chúng ta và những người điên. Tất cả chúng ta đều là người điên bị kìm nén; cái điên của chúng ta là cái điên bị kìm nén. Bạn có thể nói rằng chúng ta là điên theo cách bình thường hay chúng ta là "điên thông thường." Có nhiều điểm chung giữa chúng ta và điên khùng... Nhưng người tiến thêm chút nữa trong điên khùng của mình, thấy mình gặp rắc rối, nhưng điên khùng vẫn nằm quanh chúng ta và nó cố gắng tìm lối ra của mình.

Khi bạn giận dữ, bạn tạm thời hoá điên. Vào những lúc như thế bạn làm những điều mà bạn sẽ không bao giờ mơ tới việc làm đó khi bạn có ý thức. Bạn sẽ chửi rủa, ném đá, đập phá đồ đạc. Bạn thậm chí còn có thể nhảy từ mái nhà; bạn có thể làm bất cứ điều gì. Nếu một người

điên làm những việc này, chúng ta có thể hiểu được, nhưng khi một người "bình thường" làm điều này, chúng ta đơn thuần nói rằng người đó giận dữ. Bây giờ đây chính là cùng người "bình thường" đó, và nếu những điều này không phải là ở bên trong người đó, chúng phải không ló ra. Tất cả những điều này là ở bên trong chúng ta và tất cả chúng ta đều canh giữ nó. Việc hiểu của tôi là ở chỗ trước khi đi vào thiền, điều cần thiết là tất cả những điều này phải được tổng ra hết từ bên trong. Bạn càng xả bớt cái điên khùng này đi bao nhiêu, tâm trí bạn sẽ càng được nhẹ thêm đi bấy nhiêu.

Do đó, trong khi phương pháp siddhasana cổ phải mất nhiều năm mới cho kết quả, phương pháp mới này thực hiện cùng nhiệm vụ đó chỉ trong trong vài tháng. Phương pháp cổ phải tốn nhiều lần sinh thành để hoàn thành nó; phương pháp mới này có thể chỉ tốn vài tháng. Cái điên khùng bên trong phải được xả ra, nhưng trong phương pháp cổ, thanh tâm được tiến hành trong thể ê te thay vì trong thể vật lí. Bây giờ điều này là cái gì đó khác hẳn, bởi vì cười, khóc, múa, vân vân tất cả đều bên trong bạn, và điều tuyệt đối cần thiết là phải cho chúng ra.

Nếu bạn đã huấn luyện thể vật lí của mình một cách rộng rãi để hoàn toàn tĩnh lặng trong hàng giờ cho đến cuối, thế thì bạn sẽ thực hiện thanh tâm qua thể ê te của mình. Thế thì điều đó sẽ không thấy được đối với người khác ngoài bạn. Bạn bây giờ tự bảo vệ mình đối với xã hội; bây giờ không ai biết khi nào bạn nhảy múa hay ca hát vì bạn sẽ chỉ làm như vậy ở bên trong. Việc nhảy múa và ca hát này sẽ dường như trong mơ. Bạn sẽ nhảy múa bên trong, kêu khóc bên trong, cười bên trong, nhưng thể vật lí của bạn, chẳng lộ ra bằng chứng nào về điều đang xảy ra bên trong bạn. Nó sẽ vẫn ngồi tĩnh lặng mà không có dấu vết nào về việc xảy ra bên trong.

Quan điểm của tôi là ở chỗ không đáng phải trải qua quá nhiều rắc rối để được điều nhỏ bé như thế. Chẳng có gì quan trọng trong việc làm cho người tìm kiếm mất nhiều năm để rèn luyện thể chất trước khi đưa người đó vào thiền. Cũng còn có những khả năng khác nữa. Nếu một người trở nên rất thành thạo trong việc kiểm soát thân thể mình và thành công trong việc kìm nén hoàn toàn thân thể vật lí của mình, có khả năng là không có rung động nào sẽ nảy sinh trong thể ê te và nó có thể trở thành hoàn toàn trống rỗng. Dưới những điều kiện như thế thì có thể là những quá trình không sâu sắc sẽ xảy ra bên trong bạn nhưng bạn sẽ thành công đơn thuần trong việc ngồi im như bức tượng. Bây giờ dưới những điều kiện như thế thì khi tất cả các quá trình đều bị kìm nén bên trong, có nỗi sợ của người này trở thành điên khùng.

Trong quá khứ người ta đã thấy các thiền nhân bị phát điên. Tuy nhiên phương pháp mà tôi đề ra ở đây, nếu được thực hành, ngay cả người điên trong vòng một hay hai tháng, cũng sẽ thoát khỏi điên khùng của mình. Không thể nào có chuyện một người bình thường lại trở thành điên khi thực hành phương pháp này, bởi vì trong phương pháp của tôi, chúng ta không kìm nén cái điên khùng bên trong chúng ta, chúng ta khơi nó ra. Các phương pháp thiền cũ đã biến nhiều người thành điên khùng, và sự kiện này đã bị che đậy bởi những từ ngữ hoa mỹ. Chúng ta sẽ nói về một người như thế là "Ông ấy sợ hãi điên; ông ấy say về Thượng đế; ông ấy đã trở thành thánh." Nhưng sự kiện còn lại là ông ấy đã hoàn toàn phát điên. Ông ấy đã kìm nén đôi điều bên trong mình tới tột mức chúng trở thành hoàn toàn vượt ra ngoài kiểm soát của ông ấy.

Phương pháp này làm hai việc. Nhiệm vụ thứ nhất nó thực hiện là ném đi tất cả những rác rưởi vẫn có bên trong

bạn bằng cách thanh tâm. Trước hết bạn phải trở thành vô trọng lượng - vô trọng lượng đến mức không một dấu vết nhỏ nhất nào của cái điên khùng là còn lại bên trong; thế rồi bạn du hành bên trong. Cho nên điều dường như rõ ràng giống như điên khùng trong phương pháp này, về bản chất là quá trình làm cho bạn thoát khỏi tất cả các cái điên khùng. Tôi ưa thích rằng cái ở bên trong bạn sẽ đi ra, và với nó, gánh nặng, căng thẳng, lo âu cũng đi ra.

Sự kiện thú vị nhất là ở chỗ khi điên khùng tới với bạn, bạn không kiểm soát được nó. Nhưng bạn là người chủ của cái điên khùng mà bạn vẫn thường đem bên mình. Một khi bạn nhận biết về sự kiện này, cái điên khùng sẽ chẳng bao giờ chiếm giữ được bạn.

Xét một người đang nhảy múa, ca hát hay cười nói, hò hét theo ý riêng của mình: người đó đang làm tất cả những cái mà người điên làm. Chỉ có khác biệt này: với người điên, mọi sự tự chúng xảy ra trong khi thiền nhân đem chúng tới. Không có hợp tác hoàn toàn của thiền nhân, cái điên khùng này không thể kéo dài được một khoảnh khắc. Người đó có thể dừng lại vào khoảnh khắc người đó muốn. Bây giờ người đó chẳng bao giờ có thể phát điên, bởi vì người đó đã sống cái điên khùng, thấy cái điên khùng, trở nên quen thuộc với cái điên khùng. Bây giờ điều này đã trở thành một biến cố tự nguyện cho người đó; cái điên khùng bây giờ ở trong phạm vi kiểm soát của người đó.

Nền văn hoá của chúng ta đã đào tạo chúng ta theo cách mà cái điên khùng nằm ngoài sự kiểm soát của ta; nó đã trở thành không tự nguyện. Vậy, khi nó xảy ra cho chúng ta, chúng ta không thể nào làm bất kì cái gì về nó.

Tôi coi phương pháp này là rất có giá trị cho nhân loại tương lai, bởi vì toàn bộ nền văn minh hàng ngày đều

phải đương đầu với cái điên khùng toàn bộ. Mọi người sẽ cần kỹ thuật này để loại bỏ cái điên khùng của mình; không có cách nào khác.

Nếu người ta tổng khứ đi cái điên khùng của mình theo cách này trong một giờ thiền, mọi người sẽ dần dần quen với phương thức thiền này. Mọi người sẽ biết rằng con người này đang thiền. Tuy nhiên, nếu người ta thực hiện hành động tương tự bên hè đường, người ta sẽ bị tổng vào nhà giam. Nếu người đó xả ra sự giận dữ của mình giữa mọi người, tất cả các mối quan hệ của người đó sẽ trở nên xấu và tan vỡ.

Cái điên khùng này phải ra đi theo cách này hay cách khác, nếu không người đó sẽ gặp khó khăn. Nếu người đó không cho phép nó được xả ra một cách tự nguyện, cái điên khùng này sẽ tìm hàng trăm cách để nổ bùng ra. Đôi khi người ta trở thành say khướt để cho cái điên khùng đi ra khỏi mình; đôi khi người đó bộc lộ điên khùng của mình trong nhảy múa điên cuồng. Nhưng tại sao phải đi qua tất cả những rối loạn này? Bây giờ những cách nhảy múa mới, như nhảy múa quay tít, vân vân, không phải là biến cố ngẫu nhiên nữa. Bên trong thân thể muốn chuyển động và chúng ta không dành chỗ nào cho việc chuyển động. Vậy nó sẽ tự thu xếp cho chính nó và thế thì nó lại dẹt thêm mạng nhện bên trong những thu xếp này.

Thiền đang ném đi cái điên khùng mà không cần những thu xếp thay thế này. Trong thiền chúng ta đơn thuần ném đi cái mà ta biết là ở bên trong chúng ta và cái mà chúng ta biết cần phải vứt đi. Nếu chúng ta dạy phương pháp thanh tâm này cho trẻ nhỏ cùng với việc giáo dục, sẽ có sụt giảm hẳn số người điên. Cái điên có thể bị loại bỏ vĩnh viễn. Nhưng thay vì thế chúng ta thấy

nó tăng lên hàng ngày. Khi xã hội chúng ta tiến bộ thêm nữa, nó ngày càng quá khích hơn.

Nền văn hoá dạy chúng ta kìm nén. Qui ước thông thường không cho phép chúng ta khóc to hay cười to; nó không cho phép chúng ta nhảy múa hay gào thét như ta muốn. Nó dồn sức ép lên chúng ta từ mọi phía với kết quả là tất cả những cái cần phải xảy ra bên trong chúng ta đều bị kìm nén lại. Thế rồi một hôm nào đó sức ép bị tích lũy của những xúc động này bùng nổ và tình huống này vượt ra ngoài kiểm soát của chúng ta. Vậy, thanh tâm là bước đầu tiên trong phương pháp thiền của chúng ta, và qua nó chúng ta xả ra tất cả những xúc động bị dồn nén bên trong.

Chính bởi lý do này mà tôi khuyên nên đứng trong khi thực nghiệm, bởi vì thế thì bạn sẽ nhận biết về chuyển động nhỏ bé nhất bên trong và bạn sẽ có khả năng di chuyển tự do. Thiền nhân nên ở trong một phòng đóng kín. Người đó không chỉ nên đứng, mà người đó nên hoàn toàn ở trần để cho không một mảnh quần áo nào có thể gây ra cản trở cho người đó. Người đó nên hoàn toàn được tự do để cho tất cả mọi chuyển động xảy ra. Không nên có chướng ngại dù là nhỏ nhất nhất trong bất kì phần nào của tính cách người đó mà cản trở chuyển động. Thế thì người đó sẽ thu được tiến bộ nhanh chóng và cái mà phải mất nhiều năm hay thậm chí nhiều kiếp để đạt được qua hatha yoga và các yoga khác, sẽ xảy ra trong quá trình vài ngày theo phương pháp này.

Những công phu yoga kéo dài sẽ không có tác dụng cho thể giới; bây giờ người ta không có ngày hay thậm chí giờ rảnh nữa. Chúng ta cần các phương pháp cho kết quả nhanh chóng. Nếu một người cam kết luyện tập trong bảy ngày, đến cuối thời kì đó người đó nên cảm thấy rằng

cái gì đó đã xảy ra cho mình. Người đó nên trở thành con người khác trong thời gian bấy này. Nếu một thực nghiệm cho kết quả chỉ sau bấy lần sinh, chẳng ai sẽ tới gần thực nghiệm ấy nữa. Các phương pháp cũ nói kết quả tới sau nhiều lần sinh. Họ quen nói, "Tiến hành thực nghiệm này trong kiếp này và kết quả nhất định sẽ tới trong kiếp khác." Đây là những người rất kiên nhẫn và bền bỉ. Họ tiến hành thiền cho dù kết quả được hứa hẹn ở những kiếp sau. Bây giờ bạn sẽ không tìm được người như thế. Nếu kết quả không đạt được ngay chính hôm nay, chẳng ai sẵn lòng chờ đợi dù là đến mai.

Và ai có thể tin vào ngày mai được? Kể từ khi bom nguyên tử rơi xuống Hiroshima và Nagasaki, ngày mai của chúng ta đã tan biến rồi. Hàng nghìn thanh niên nam nữ Mỹ từ chối đến trường đại học. Họ nói, "Liệu thế giới có còn nguyên vào lúc chúng ta kết thúc việc học tập không? Người ta chẳng bao giờ biết điều gì có thể xảy ra vào ngày mai cả." Họ cảm thấy đây là lãng phí thời gian. Họ trốn khỏi trường học và trường đại học. Họ biện minh với bố mẹ: "Trong sáu năm chúng con vào đại học, liệu thế giới có tồn tại nữa hay không? Bố mẹ có đảm bảo điều đó không? Tại sao chúng ta không dùng tất cả sáu năm quý giá này trong cuộc sống của mình?"

Khi ngày mai đã trở thành bất định thế, thật là vô nghĩa để nói theo kiểu nhiều lần sinh thành. Không ai sẵn sàng lắng nghe, không ai nghe nữa. Cho nên tôi nói công phu hôm nay và cảm thấy kết quả ngay lập tức. Nếu một người sẵn lòng trao cho tôi một giờ làm thực nghiệm này, người đó nên thu được cảm giác về kết quả sau chính giờ này. Chỉ thế thì người đó mới có thể trao cho tôi một giờ của thời gian ngày mai của người đó; bằng không, chẳng chắc là người đó sẽ thực hiện nó vào ngày mai. Cho nên yêu cầu đã thay đổi cho thời đại này. Trong thế giới của

xe bò kéo mọi thứ đều chuyển động chậm chạp, cho nên thiền cũng chuyển động với nhịp độ rất chậm chạp. Bây giờ là thời đại phản lực; bây giờ thiền không thể nào chịu đựng được chậm trễ. Nó phải tăng tốc lên.

Xin thầy giải thích ý nghĩa và nghĩa của điều sau đây đối với năng lượng của kundalini: nằm phủ phục trên đất trong kính trọng một người linh thiêng, chạm vào chân người đó bằng đầu hay tay, cúng dường tại các chỗ thiêng liêng, ân huệ của một người thiêng liêng được trao bằng việc chạm vào đầu hay lưng người tìm kiếm, người Sikh và người hồi giáo quán đầu khi đi vào trong đền thờ hay gurudwara.

Có nhiều lí do cho những điều này. Như tôi đã nói trước đây, khi chúng ta tràn đầy giận dữ, chúng ta cảm thấy muốn đánh ai đó; chúng ta cảm thấy muốn dẫm lên đầu người đó. Vì điều này quá ư không thực tế nên chúng ta làm điều tiếp sau tốt nhất: ta ném giày vào người đó. Rất khó làm cho người cao mét bảy phải nằm dưới chân ta, cho nên chúng ta ném giày vào đầu người đó như một biểu tượng cho thôi thúc của giận dữ bên trong ta. Nhưng chẳng ai hỏi đâu là lí do nằm sau việc ném giày này. Và đây không phải là hành động do một giáo phái hay một nước ham muốn; nó là phổ quát. Chính sự kiện là bất kì khi nào một người giận dữ với người khác, ham muốn tràn ngập của người đó là dẫm lên đầu của người kia dưới chân mình.

Khi con người vẫn còn nguyên thủy, có lẽ con người chỉ nghỉ sau khi đã dẫm chân lên đầu địch thủ vì con

người còn chưa có giày. Cho nên khi bạn đang trong trạng thái giận dữ, bạn cảm thấy muốn dẫm chân lên đầu ai đó. Tuy nhiên, điều đối lập lại cũng đúng: khi bạn tràn ngập tin cậy và tôn kính, bạn cảm thấy phải đặt đầu dưới chân ai đó. Có nhiều lí do cho điều này cũng như là đã có nhiều lí do cho tình huống trước đây.

Có những khoảnh khắc bạn cảm thấy phải phủ phục xuống, và đây chính là những khoảnh khắc khi bạn cảm thấy năng lượng sống tuôn chảy từ ai đó vào bạn. Thực tế, bất kì khi nào bạn muốn nhận bất kì luồng năng lượng nào bạn đều phải cúi mình xuống. Nếu bạn muốn trút đầy nước sông vào cái bình của mình, bạn phải cúi người xuống. Người ta phải cúi mình để nhận được bất kì luồng nước nào bởi vì tất cả các luồng nước đều chảy xuống. Cho nên nếu bạn cảm thấy rằng cái gì đó đang chảy xuống từ ai đó, đầu bạn càng cúi thấp xuống và khoảnh khắc đó, bạn càng nhận được nó nhiều hơn.

Thứ hai là năng lượng chảy từ các cực điểm của người ta: chẳng hạn, từ các ngón tay, ngón chân. Năng lượng không chảy ra từ mọi chỗ. Năng lượng sinh học, hay năng lượng của shaktipat, hay với vấn đề đó bất kì năng lượng nào chảy ra từ thân thể, đều chảy ra từ đầu ngón tay hay ngón chân. Nó không chảy từ toàn bộ thân thể mà chỉ từ các cực điểm. Cho nên người phải nhận năng lượng sẽ đặt đầu mình xuống dưới chân thầy và người muốn trao năng lượng sẽ đặt tay lên đầu của người nhận.

Những điều này là vấn đề rất huyền bí và khoa học. Cũng tự nhiên mà nhiều người sẽ bắt chước hành động này. Hàng nghìn người đặt đầu dưới chân người khác mà chẳng có mục đích nào cả, và có hàng nghìn người đặt tay lên đầu người khác cũng chẳng có nghĩa lí gì. Vậy một

nguyên lí rất sâu sắc đã dần trở thành một lễ nghi đơn thuần. Khi lễ nghi tiếp tục trong một thời gian dài, người ta nhất định nổi dậy chống lại nó. Họ sẽ nói, "Cái điều vô nghĩa gì thế này? Cái gì tới từ việc đặt đầu dưới chân người khác? Và điều gì xảy ra đơn thuần bởi việc chạm vào đầu?" Chín mươi chín phần trăm số lần điều ấy chỉ là vô nghĩa; tuy nhiên, một phần trăm vẫn còn có nghĩa.

Đã có thời một trăm phần trăm lần đều có nghĩa bởi vì nó là tự phát. Bạn không chạm vào chân ai đó bởi vì bạn nghĩ bạn phải làm như thế. Đôi khi, khi bạn cảm thấy bạn phải sụp xuống dưới chân ai đó, đừng kìm mình lại: cứ sụp xuống! Và đây không phải là người khác phải đặt tay lên đầu người nhận. Việc xảy ra là trong khoảnh khắc nào đó là bàn tay trở nên rất nặng và cái gì đó sẵn sàng chảy ra từ nó. Nếu người khác đã sẵn sàng nhận, chỉ thế thì tay mới được đặt lên đầu. Nhưng qua một thời kì dài mọi thứ biến thành một nghi lễ đơn thuần mà điều này, trở thành vô nghĩa. Và khi nó trở thành vô nghĩa, nó bị phê phán. Những phê phán này mang sức lôi cuốn rất lớn vì khoa học đứng sau truyền thống này đã bị mất. Cho nên điều này là một cử chỉ rất có ý nghĩa, nhưng nó chỉ có nghĩa khi có một bậc thầy sống và một đệ tử tiếp nhận.

Một người sụp mình dưới chân một Phật, một Mahavira, và kinh nghiệm thấy sự say mê duy nhất; người đó cảm thấy ân huệ đổ xuống từ ông ấy. Không ai sẽ có thể thấy điều này từ bên ngoài bởi vì đây là toàn bộ biến cố ở bên trong. Nó là thực tại cho người đã kinh nghiệm nó. Nếu người khác yêu cầu bằng chứng về nó, người này chẳng có gì để đưa ra cả. Thực tế, đây là khó khăn cho mọi hiện tượng huyền bí: cá nhân có kinh nghiệm nhưng người đó không có bằng chứng về nó để đưa ra trước người khác. Thế thì người này dường như là người tin tưởng mù quáng. Người này nói, "Tôi không thể

diễn tả được nó, nhưng cái gì đó đã xảy ra." Những người còn chưa kinh nghiệm, từ chối tin điều này vì họ chẳng cảm thấy gì cả. Thế thì họ cảm thấy rằng con người đáng thương này đang trong ảo tưởng.

Nếu một người như thế sụp mình xuống dưới chân Jesus, chẳng có gì sẽ xảy ra cho người đó và người đó sẽ bắt đầu tuyên bố to rằng tất cả những điều này là vô nghĩa: người đó đã đặt đầu xuống dưới chân Jesus mà chẳng có gì xảy ra cả. Cũng hết như bình nước với miệng bình mở được nhấn xuống nước. Khi được lấy lên nó nói, "Tôi đã được nhấn xuống nước và đã tràn đầy." Bây giờ một cái bình khác có miệng bình đóng kín có thể bắt đầu tự mình thử việc ấy. Nó có thể đi sâu vào trong dòng sông những sẽ trở ra trống rỗng. Thế rồi nó sẽ xác nhận rằng tất cả đều là sai và chẳng ai được mức đầy bởi việc nhúng sâu vào trong dòng sông. Nó sẽ tuyên bố, "Tôi đã cúi mình xuống, tôi đã nhúng mình vào, nhưng tôi trở lại trống rỗng."

Đây là một biến cố hai mặt. Năng lượng chảy từ một người vẫn chưa đủ; điều quan trọng tương đương là bạn phải trống rỗng và cởi mở. Nhiều lần luồng chảy của năng lượng từ ai đó không quan trọng như việc chuẩn bị của bạn, sự cởi mở của bạn để đón nhận nó. Nếu bạn đủ cởi mở, thế thì thậm chí nếu năng lượng không có trong người đứng trước bạn, những nguồn năng lượng cao hơn ở trên người đó sẽ bắt đầu chảy về phía bạn và đạt tới bạn. Cho nên điều đáng ngạc nhiên nhất là ở chỗ nếu bạn để cho bản thân mình sống toàn tâm toàn ý thậm chí ngay trước một người mà chẳng có gì cho bạn, bạn sẽ vẫn cứ nhận được năng lượng từ người đó. Nhưng năng lượng không đến từ người đó; người đó chỉ là trung gian và người đó hoàn toàn không hay biết gì về biến cố đã xảy ra.

Bây giờ đến phần thứ hai trong câu hỏi của bạn về việc đi vào đền thờ hay gurudwara với cái đầu được quấn khăn. Nhiều thầy tu khổ hạnh ưa thích quấn đầu và thế rồi thực hành thiền. Việc đó có ích của nó. Khi năng lượng thức tỉnh, có khả năng đầu trở thành rất nặng. Nếu bạn quấn đầu bằng một tấm vải, năng lượng này không thể chảy đi được. Thế thì năng lượng này sẽ tạo ra một mạch bên trong bạn và do vậy làm mạnh thêm việc thiền của bạn. Cho nên kiểu quấn đầu này tỏ ra rất có ích. Nếu bạn thiền với đầu được quấn khăn, bạn sẽ cảm thấy khác ngay lập tức. Thế thì điều có thể được hoàn thành trong mười lăm ngày cũng có thể được hoàn thành trong năm ngày.

Khi năng lượng đạt tới đầu, cũng có các cơ hội nó trở nên bị phân tán và rải rác đi. Nếu nó có thể bị buộc lại và nếu một mạch như vậy được hình thành, kinh nghiệm của bạn sẽ sâu sắc hơn nhiều. Nhưng hiện tại việc quấn đầu này trong các đền thờ hồi giáo và gurudwara chỉ là nghi lễ đơn thuần; bây giờ nó chẳng có nghĩa gì. Tuy thế thì sự kiện vẫn còn đây là có nhiều ý nghĩa đằng sau tục lệ này.

Bây giờ có thể hiểu được rằng một năng lượng nào đó có thể nhận được bằng việc chạm vào chân ai đó hay qua tay người đó đưa lên ban ân huệ. Nhưng một người cúi mình trước một nắm mồ hay trước hình ảnh trong đền, người đó có thể thu được gì? Có nhiều điều trong việc này cũng cần phải được hiểu. Đằng sau việc tạo ra hình ảnh và thần tượng có thu xếp rất khoa học.

Giả sử rằng tôi sắp chết và có vài người quanh tôi, những người yêu mến tôi, người đã thấy cái gì đó trong tôi, người đã tìm kiếm và đã thấy điều gì đó ở tôi. Bây giờ những người này có thể hỏi tôi họ nên tưởng nhớ tới tôi theo cách nào. Cho nên trước khi tôi chết có thể thiết lập biểu tượng giữa chúng tôi. Nó có thể là bất kì cái gì - thần

tượng, hòn đá, cây, thậm chí cái bực, hay nắm mồ của tôi, samadhi của tôi, hay một mẫu quần áo của tôi, hay đôi dép của tôi - bất kì cái gì. Nhưng vật này phải được quyết định trước giữa chúng tôi; nó là hiểu biết giữa chúng tôi. Nó không thể được quyết định chỉ bởi riêng bất kì một bên nào; tôi phải là một nhân chứng. Sự chấp nhận của tôi, sự chuẩn y của tôi là cần thiết đối với biểu tượng này. Thế thì tôi có thể nói rằng nếu họ ra trước biểu tượng đó và nghĩ về tôi, tôi sẽ hiện diện trong trạng thái vô thân thể. Lời hứa mà tôi đã đưa ra, và tất cả những công việc đều tiến hành tương ứng với lời hứa này. Và điều này là hoàn toàn đúng.

Do đó, có những ngôi đền là ngôi đền sống và những ngôi đền là đền chết. Đền chết là những đền đã được tạo ra chỉ bởi một phía; không có sự đảm bảo từ phía bên kia. Đây là mong ước của chúng ta để làm ra ngôi đền về Phật - nhưng đây sẽ là một ngôi đền chết bởi vì Phật chẳng đưa ra bất kì lời hứa nào đối với nó. Có những ngôi đền sống mà có sự đảm bảo từ phía bên kia nữa, và tại nền tảng của nó có tuyên bố của một người thần thánh nào đó.

Có một nơi ở Tây Tạng mà lời đảm bảo của Phật đã được thực hiện từ hai nghìn năm trăm năm qua. Tuy nhiên, nơi này bây giờ đang trong khó khăn. Có một nhóm, một uỷ ban năm trăm Lạt ma, và khi một trong năm trăm người này chết, sẽ rất khó để thay thế người đó. Số năm trăm này là hằng số; không thể nhiều hơn hay ít hơn được. Khi một trong số họ chết, một người nữa sẽ được chọn, nhưng chỉ với sự chấp thuận của bốn trăm chín mươi chín người. Và nếu dù chỉ một người trong số bốn trăm chín mươi chín người từ chối chấp nhận người đó, người đó cũng không thể được chọn. Uỷ ban năm trăm Lạt ma này họp lại trên một vùng núi đặc biệt vào đêm Phật Poornima - đêm trăng tròn tháng năm để kỉ niệm ngày

sinh Phật - và vào đúng giờ đã xác định, người ta nghe thấy tiếng nói của Phật. Biến cố này không thể xảy ra tại bất kì chỗ nào khác và với bất kì người nào khác. Nó xảy ra đích xác theo sắp xếp đã hứa hẹn.

Cũng hết như nếu bạn quyết tâm trước khi ngủ đêm rằng bạn sẽ dậy buổi sáng vào lúc năm giờ: thế thì bạn không cần chuông báo thức để đánh thức mình. Vào đúng năm giờ bạn sẽ đột nhiên tỉnh dậy. Đây là một điều gì đó khá ngạc nhiên - và bạn có thể kiểm tra điều đó theo đồng hồ. Đồng hồ có thể sai nhưng bạn thì không. Nếu quyết tâm của bạn là vững chắc, bạn sẽ chắc chắn dậy lúc năm giờ.

Nếu bạn kiên quyết nhất định chết vào một ngày nào đó trong năm nào đó, chẳng có sức mạnh nào trên thế giới này có thể dừng được bạn: bạn sẽ chết vào khoảnh khắc đã quyết định đó. Nếu quyết tâm của bạn rất sâu sắc và mạnh mẽ, bạn cũng có thể hoàn thành lời hứa của mình thậm chí sau khi chết. Chẳng hạn, sự xuất hiện của Jesus sau cái chết: đó là một lời hứa được thực hiện. Điều này gây ra nhiều khó khăn cho người Kì tô giáo, bởi vì họ không biết điều đã xảy ra về trước và do vậy họ không chắc liệu Christ có phục sinh hay không. Tuy nhiên, đây là một lời ông ấy đã hứa với một số tông đồ, điều này đã được thực hiện sau cái chết.

Thực tế, những nơi mà lời hứa sống động nào đó vẫn được thực hiện qua hàng nghìn năm đã dần dần biến thành *tirths*, nơi thần thánh cho việc hành hương. Thế rồi dần dần những lời hứa cũng bị lãng quên. Chỉ một điều còn lại trong kí ức mọi người - rằng họ phải tới và viếng thăm những nơi này; có vậy thôi.

Có những lời hứa mà Mohammed đã đưa ra; có những lời hứa mà Shankara đã đưa ra. Rồi cũng những lời

hứa đã được Phật, Mahavira và Krishna đưa ra, và những lời hứa đó gắn với những nơi đặc biệt, những khoảnh khắc đặc biệt và với những thời gian đặc biệt. Nhưng chúng ta vẫn có thể thiết lập mối quan hệ với họ. Cho nên bạn sẽ phải cúi mình tại những nơi này và buông xuôi bản thân mình hoàn toàn; chỉ thế thì bạn mới có thể thiết lập được mối nối này.

Những nơi thần thánh, các đền, samadhi, tất cả đều có ích lợi của chúng, nhưng cũng như với các vật khác, những nơi có ích này chung cuộc đều trở thành tín ngưỡng, và thế thì chúng trở thành chết và vô dụng. Thế thì chúng phải bị giật đổ để cho những lời hứa mới có thể được đưa ra mà sẽ làm phát sinh ra các chỗ hành hương mới, những thần tượng mới, những đền mới. Cái cũ phải bị phá đổ bởi vì nó đã trở thành chết. Chúng ta chẳng có ý tưởng gì về những quá trình vẫn đang vận hành qua chúng.

Có một nhà yoga ở miền Nam Ấn Độ. Một lữ hành người Anh đã tới gặp ông. Vào lúc ra đi, người này nói với nhà yoga, "Tôi sắp đi bây giờ và có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ quay lại Ấn Độ nữa. Nhưng nếu tôi muốn gặp ông, tôi sẽ phải làm gì?"

Nhà yoga lấy tấm ảnh của mình và trao nó cho ông ta nói, "Bất kì khi nào ông tự nhốt mình vào trong một căn phòng và tập trung trong năm phút vào bức ảnh này không chớp mắt, tôi sẽ ở đó."

Bây giờ người đáng thương này không thể nào tìm mình được trong cuộc hành trình. Ông ta bị ám ảnh bởi ý nghĩ: thử thực nghiệm này ngay lập tức. Ông ấy không tin điều như vậy có thể xảy ra - nhưng điều đó đã xảy ra. Lời hứa được nêu ra đã được hoàn thành theo thể vĩa. Chẳng khó khăn gì trong việc này. Người đã thức tỉnh có thể

hoàn thành lời hứa của mình ngay cả khi người đó đã chết. Do đó, những bức ảnh trở thành có ý nghĩa và cả các bức tượng nữa. Lí do cho ý nghĩa của chúng là ở chỗ qua chúng một số lời hứa có thể được thực hiện. Cho nên có khoa học phức tạp đằng sau việc tạo ra các hình ảnh và thần tượng.

Thần tượng không thể nào được làm ra theo bất kì cách nào; có phương pháp đầy đủ đằng sau nó. Bây giờ nếu bạn định quan sát hai mươi bốn tirthankara của người Jaina, bạn sẽ gặp khó khăn bởi vì tất cả họ đều giống nhau; chỉ các biểu tượng của họ là khác nhau. Mahavira có một dấu hiệu, Parshwanath một dấu hiệu khác, Neminath lại một dấu hiệu khác, và cứ thế mãi. Nếu những biểu tượng này bị bỏ đi, không thể nào nói được tirthankara nào là ai từ những người khác. Tuy nhiên, không thể nào có chuyện tất cả họ đều giống nhau được. Do đó, có thể là các tượng tirthankara đã được làm ra tuân theo việc dùng hình ảnh của tirthankara đầu tiên xem như bản mẫu cho họ. Cho nên không cần phải làm ra các hình ảnh khác nhau; chỉ một hình ảnh của tirthankara được dùng cho tất cả.

Nhưng điều này không thoả mãn cho những người sùng kính, người sùng kính với các tirthankara khác, cho nên họ đã gọi tirthankara đặc biệt của mình với ít nhất một dấu hiệu, một hiệu bài để phân biệt ông ấy với những người khác. Vậy, các biểu tượng khác nhau đã được tạo ra cho các tirthankara khác nhau nhưng hình ảnh vẫn còn là một. Người này có con sư tử, người kia có cái gì đó khác, và cứ thế. Cho nên có khác biệt này trong các dấu hiệu của họ - và điều này nữa cũng là một phần của lời hứa đã đưa ra. Chỉ tirthakara đặc biệt có gắn với một biểu tượng mới có thể được tiếp xúc.

Cho nên những điều này đã được thoả thuận về những biểu tượng và chúng vận hành. Chẳng hạn dấu hiệu của Jesus là chữ thập; điều này sẽ vận hành. Nhưng Mohammed đã từ chối làm thần tượng của mình. Thực tế, người ta đã tạo ra nhiều thần tượng trong thời Mohammed đến mức ông ấy muốn cho đồ đệ của mình một loại biểu tượng hoàn toàn khác. Ông ấy bảo họ, "Đừng làm tượng về ta. Ta sẽ thiết lập mối quan hệ với ông không cần tượng. Đừng làm tượng về ta; đừng làm ảnh về ta. Ta sẽ có liên hệ với ông mà không cần ảnh hay tượng." Đây là một phương pháp rất sâu sắc và dũng cảm, nhưng người thường thấy rất khó thiết lập tiếp xúc với Mohammed.

Do đó, sau Mohammed người Mô ha mét giáo đã bắt đầu xây dựng lăng tẩm và mộ cho hàng nghìn vị thánh của họ. Họ không biết cách thiết lập mối nối với Mohammed một cách trực tiếp cho nên họ đã làm điều đó bằng cách làm ra các nắm mộ cho vị thánh Mô ha mét giáo. Không nơi đâu trên thế giới này mà lăng tẩm và mộ mà lại được sùng kính đến thế như ở người Mô ha mét giáo. Lí do duy nhất là ở chỗ họ chẳng giữ lại điều gì về Mohammed để thiết lập tiếp xúc trực tiếp với ông ấy. Họ không thể nào làm ra hình ảnh của ông ấy cho nên họ phải tạo ra hình ảnh khác và họ bắt đầu thiết lập mối quan hệ qua các hình ảnh đó.

Tất cả điều này là một quá trình khoa học hoàn toàn. Nếu điều này được hiểu một cách khoa học, những kết quả có thể là kì diệu, nhưng nếu nó được tuân theo một cách mù quáng, đó lại là tự tử.

Đâu là ý nghĩa huyền bí của quá trình được thực hiện trong prana pratishtha, việc thiết lập thần tượng?

Nó có ý nghĩa lớn. Chính thuật ngữ *prana pratishtha* - hay việc thiết lập huyền bí cho một thần tượng - có nghĩa là chúng ta đã tạo ra hình ảnh mới dựa trên lời hứa cổ. Bây giờ chúng ta phải phát hiện ra qua những chỉ dẫn liệu lời hứa cũ có được thực hiện đúng đắn không. Về phần mình chúng ta phải tuân theo thu xếp cũ một cách trung thành; chúng ta không nên coi thần tượng là thần tượng đơn thuần mà phải là một thực thể sống. Chúng ta nên thực hiện tất cả những thu xếp cho nó như là chúng ta thu xếp cho người sống, và thế thì chúng ta sẽ bắt đầu nhận được hướng dẫn và dấu hiệu mà qua đó chúng ta có thể biết rằng việc thiết lập huyền bí cho thần tượng đã được chấp nhận. Nhưng khía cạnh thứ hai này đã tan biến hoàn toàn khỏi tri thức của chúng ta. Nếu những dấu hiệu như thế không hiện diện, thế thì dù chúng ta đã làm việc thiết lập thần tượng, việc ấy vẫn không thành công. Phải có bằng chứng rằng việc thiết lập thần tượng đã thành công. Cho nên bởi lí do này, một số chỉ dẫn huyền bí đặc biệt đã được ấn định. Nếu những dấu hiệu này được tìm thấy, người ta hiểu rằng việc thiết lập thần tượng đã được chấp nhận bởi các lực huyền bí và rằng bây giờ nó sống và hoạt động.

Bây giờ giả sử rằng bạn đem về nhà một chiếc radio mới... Điều đầu tiên là ở chỗ nó phải trong điều kiện tốt; tất cả các thành phần của nó phải ở đúng chỗ. Thế rồi bạn nối điện vào nó, và thế mà bạn chẳng bắt được đài phát nào cả. Điều đó có nghĩa là nó không làm việc. Nó là một công cụ chết và nó sẽ hoặc phải đem đi sửa hay được thay

thể. Thần tượng nữa cũng là một loại vị trí nhận mà qua đó một người chứng ngộ đã chấm dứt về mặt vật lí hoàn thành lời hứa mà người đó đã đưa ra cho những người khác. Nhưng nếu bạn giữ một hình ảnh và bạn không biết về những chỉ dẫn xác nhận cho việc thiết lập, thể thì bạn sẽ chẳng bao giờ biết liệu hình ảnh ấy là sống hay chết.

Quá trình thiết lập một thần tượng có hai phần. Phần thứ nhất được các tu sĩ thực hiện. Họ biết bao nhiêu mật chú cần phải niệm, bao nhiêu dây cần phải buộc vào, kiểu lễ nào cần phải tiến hành cho việc tôn thờ nó, kiểu tôn thờ nào cần phải được thực hiện, vân vân. Đây mới là một nửa công việc. Phần thứ hai của buổi lễ này chỉ có thể được tiến hành bởi người ở bình diện thứ năm. Khi người này thông báo rằng hình ảnh là sống, chỉ thể thì nó mới trở thành sống. Điều này đã trở nên gần như không thể nào có được trong thời hiện đại; do đó, các đền của chúng ta không phải là các ngôi đền sống mà là những chỗ chết. Những đền mới ngày nay chắc chắn là những chỗ chết.

Không thể nào phá huỷ một ngôi đền sống bởi vì đây không phải là sự kiện bình thường. Nếu nó bị phá huỷ, điều đó chỉ nghĩa là cái bạn cho rằng sống, không còn sống, như trường hợp ngôi đền Somanath. Câu chuyện về việc phá huỷ nó là một chuyện rất kì lạ và đây là một chỉ dẫn về khoa học về tất cả các đền. Có năm trăm pujari - tu sĩ - phục vụ cho ngôi đền, và họ đã chắc chắn rằng hình ảnh bên trong là hình ảnh sống, cho nên họ đã chắc chắn nó không thể nào bị phá huỷ. Các tu sĩ thực thi phần phận sự của mình, nhưng điều này là một phía, bởi vì không có ai có thể thực tế tìm ra liệu hình ảnh này là chết hay sống.

Một hôm, vua và các nhà quý tộc của vùng đó gửi chỉ dụ cho ngôi đền cảnh báo họ về việc bọn xâm lăng Hồi giáo Gajanawi sẽ tới và muốn bảo vệ họ, nhưng các tu sĩ

khước từ sự giúp đỡ, nói rằng thần tượng đã bảo vệ tất cả mọi người cho nên không cần việc bảo vệ của họ. Các quý tộc tạ lỗi và rút đi - nhưng đó là sai lầm: thần tượng này đã là một thần tượng chết. Các tu sĩ vẫn dưới ảo tưởng rằng một sức mạnh vĩ đại đang đứng sau bức ảnh, và khi họ coi nó là sống, thật sai lầm mà nghĩ tới việc bảo vệ nó. Gajanawi đã tới với một nhát kiếm đập vỡ thần tượng ra làm bốn mảnh. Ngay cả thể các tu sĩ vẫn không nghĩ là thần tượng là một vật chết. Điều này không thể xảy ra cho một thần tượng sống; không một viên gạch nào có thể rơi khỏi hình ảnh bên trong mà vẫn còn sống. Nếu ngôi đền vẫn còn là ngôi đền sống, nó không thể bị động chạm tới được.

Nhưng thông thường, đền không phải là đền sống bởi vì có rất nhiều khó khăn trong việc giữ cho nó sống. Một ngôi đền trở nên sống là phép màu vĩ đại. Nó là một phần của một khoa học rất sâu sắc. Tuy nhiên ngày nay chẳng còn người nào sống mà biết tới khoa học này, người có thể tiến hành các yêu cầu khác nhau của nó. Ngày nay tầng lớp người cai quản các đền như cửa hàng đã trở nên lớn đến mức nếu có người nào đó biết được khoa học này, người đó sẽ không được phép ở trong ngôi đền. Đền bây giờ được cai quản theo đường lối kinh doanh, và chính mối quan tâm của các tu sĩ là đền hãy cứ còn chết đấy. Đền sống, không có lợi cho purohit, tu sĩ. Ông ta muốn có vị thần chết trong ngôi đền mà ông ta có thể khoá lại, và thế rồi ông tự mình ấy giữ lấy chìa khoá. Nếu đền được nối với những quyền năng cao hơn, tu sĩ không thể nào còn lại ở đó. Cho nên tu sĩ là công cụ trong việc tạo ra những đền chết này vì điều này đem lại cho họ việc nở hoa kinh doanh. Thực tế, đền sống còn rất ít.

Nỗ lực lớn đã được tiến hành để giữ cho đền còn sống, nhưng số các tu sĩ và học giả trong mọi tôn giáo,

trong mọi đền, lại lớn đến mức làm cho khó mà thực hiện được nỗ lực này. Đây là điều bao giờ cuối cùng cũng xảy ra. Đây là lí do tại sao có nhiều đền thế; bằng không, sẽ chẳng cần nhiều đền thế. Nếu những ngôi đền và những nơi hành hương của thời Upanishad vẫn còn sống cho tới thời đại của Mahavira, đã chẳng cần Mahavira phải xây dựng ra những đền mới. Nhưng đền và nơi thiêng liêng đã hoàn toàn chết bởi đã có một mạng lưới các tu sĩ bao quanh chúng mà không thể nào phá vỡ nổi. Những ngôi đền này đã không thể nào được vào nổi cho nên không còn cách nào khác ngoại trừ việc làm đền mới. Ngay nay ngay cả đền của Mahavira cũng đã chết và cùng loại mạng lưới tu sĩ bao quanh chúng.

Nếu những nguyên lí sống của tôn giáo còn được gìn giữ, biết bao nhiêu tôn giáo như thế đã không đi vào hiện hữu trong thế giới này. Nhưng những nguyên lí này không thể nào được gìn giữ, bởi vì tất cả các loại rối loạn đều tụ hội xung quanh và cuối cùng làm cho chúng mất đi tất cả các tiềm năng. Thế thì, khi các ước định của một phía đã bị phá bỏ, lời hứa của phía bên kia cũng sẽ huỷ bỏ. Chính hiểu biết lẫn nhau đã được đạt tới bởi cả hai phía. Chúng ta phải giữ thoả thuận về phần mình; chỉ thế thì phía bên kia mới đáp ứng lại; bằng không, lời hứa sẽ không được thực hiện và vấn đề chấm dứt ở đây.

Chẳng hạn, nếu trong khi rời khỏi thân thể mình tôi nói với các bạn, "Nhớ đến tôi và tôi sẽ có đây" - nhưng nếu bạn chẳng bao giờ nghĩ đến tôi hay nếu bạn vứt ảnh tôi vào thùng rác và quên hết về nó, thoả thuận của chúng ta kéo dài được bao lâu? Và nếu thoả thuận này bị phá vỡ về phần bạn, cũng chẳng cần để tôi giữ nó làm gì. Cho nên những thoả thuận như vậy bao giờ cũng bị phá vỡ.

Cho nên các quá trình huyền bí của việc thiết lập một thần tượng mang một ý nghĩa, nhưng ý nghĩa của nó lại dựa trên nhiều phép kiểm tra khác nhau và những chỉ dẫn xác định xem liệu việc thiết lập thần tượng có thành công hay không.

Trong một số đền, những giọt nước rơi xuống một cách tự nhiên trên các hình ảnh. Liệu đây có phải là dấu hiệu rằng ngôi đền như thế là ngôi đền còn sống không?

Không. Tính hợp lệ của ngôi đền sống chẳng có quan hệ gì với điều này cả. Nước vẫn rơi xuống dù dưới nó có ảnh hay không. Đây là những bằng chứng sai, và bởi vì chúng nên chúng ta giả sử rằng đền này là ngôi đền sống. Nơi không có một giọt nước rơi, vẫn có những đền mà có thể và đang là đền sống.

Trong truy tìm tâm linh, deeksha, điếm đạo, chiếm vị trí rất quan trọng. Những nghi lễ đặc biệt được tiến hành trong những trạng thái đặc biệt. Phật và Mahavira thường cho điếm đạo. Có bao nhiêu kiểu điếm đạo? Đây là ý nghĩa và cách dùng và tại sao chúng lại cần tới?

Một chút ít nói về điếm đạo sẽ có ích. Điều đầu tiên, *deeksha*, điếm đạo, không bao giờ được cho; điếm đạo xảy ra, nó là sự xảy ra. Chẳng hạn, một người ở với Mahavira và phải mất nhiều năm để cho việc điếm đạo của người đó xảy ra. Mahavira bảo người đó ở lại, ở cùng ông ấy, bước đi cùng ông ấy, đứng theo cùng cách như thế, ngồi theo cùng cách như thế, thiền cùng cách như thế. Thế rồi một thời điểm tới khi người này đã được chuẩn bị đầy đủ. Thế thì Mahavira chỉ là trung gian. Có lẽ thậm chí nói rằng ông ấy là trung gian cũng không hoàn toàn đúng - thay vì thế trong một cảm giác rất sâu sắc ông ấy chỉ là nhân chứng và việc điếm đạo xảy ra trước ông ấy.

Điếm đạo bao giờ cũng là từ điều thiêng liêng, nhưng nó có thể xảy ra trong sự hiện diện của Mahavira. Bây giờ người được điếm đạo thấy Mahavira ngay trước mình, nhưng người đó không thể thấy điều thiêng liêng. Điều đó xảy ra cho người đó ngay trước Mahavira một cách tự nhiên đến mức người đó trở nên biết ơn Mahavira - và điều này đúng là vậy. Nhưng Mahavira không chấp nhận lòng biết ơn của người đó. Ông ấy có thể chỉ chấp nhận lòng biết ơn của người đó nếu ông ấy thừa nhận rằng ông ấy đã điếm đạo cho người đó.

Do vậy có hai kiểu điếm đạo. Một là ở chỗ nó xảy ra và cái đó tôi gọi là điếm đạo "thật", bởi vì trong điều này bạn thiết lập mối quan hệ với điều thiêng liêng. Thế thì cuộc hành trình của bạn qua cuộc sống lấy bước ngoặt mới: bây giờ bạn trở thành ai đó khác; bạn không còn là cùng con người bạn trước đây; mọi thứ bên trong bạn đều được biến đổi. Bạn đã thấy điều gì đó mới. Điều gì đó mới đã xảy ra cho bạn, một tia sáng đã đi vào bạn, và bây giờ mọi thứ bên trong bạn đều khác.

Trong điếm đạo thật, thầy đứng cạnh giống như nhân chứng và thầy có thể xác nhận rằng việc điếm đạo đã xảy ra. Người đó có thể thấy đầy đủ quá trình nhưng bạn chỉ thấy một nửa. Bạn chỉ có thể thấy điều đang xảy ra cho bạn; người đó thấy cái mà từ đó việc điếm đạo xảy ra. Nhưng liệu việc điếm đạo có xảy ra hay không, liệu bạn có được chấp nhận hay không, điều đó bạn không thể nói chắc được. Ngay cả sau khi bạn được điếm đạo, bạn vẫn sẽ tự hỏi, "Mình đã được chấp nhận chưa? Mình đã được chọn chưa? Mình đã được điều thiêng liêng chọn chưa? Bây giờ mình có thể coi là mình là của nó chưa? Về phần mình, mình đã buông xuôi, nhưng ngài đã coi mình là ngài chưa?" Điều này bạn không thể biết ngay được. Bạn sẽ đi tới nhận ra sau một chốc, nhưng khoảng chờ đợi này có thể dài dằng dặc. Cho nên người thứ hai, người mà chúng ta gọi là thầy, có thể biết điều này bởi vì người đó đã quan sát sự việc xảy ra từ cả hai phía.

Điếm đạo thật không thể được cho, mà cũng chẳng thể được lấy. Nó tới từ điều thiêng liêng; bạn đơn thuần là người nhận.

Bây giờ tới kiểu điếm đạo khác, mà chúng ta có thể gọi là điếm đạo giả, có thể được cho mà cũng có thể được nhận. Điều thiêng liêng hoàn toàn vắng bóng ở đây; chỉ có thầy và đệ tử. Thầy cho, đệ tử nhận, nhưng cái thứ ba, nhân tố thực, vắng bóng.

Nơi chỉ có hai hiện diện - thầy và đệ tử - việc điếm đạo là giả. Nơi có ba hiện diện - thầy, đệ tử và ngài từ nơi điều đó xảy ra - mọi thứ đều thay đổi. Việc cho điếm đạo không chỉ là không thật mà còn nguy hiểm nữa, tai hại nữa, bởi vì trong ảo tưởng của điếm đạo, việc điếm đạo thật không thể xảy ra. Bạn sẽ đơn thuần sống dưới ảo tưởng rằng việc điếm đạo đã xảy ra.

Một người tìm kiếm tới tôi, người đã được ai đó điểm đạo. Người đó nói, "Tôi đã được điểm đạo bởi thầy này nọ và tôi phải tới thầy để học thiền."

Tôi hỏi người đó, "Thế thì tại sao bạn nhận điểm đạo? Và nếu bạn không đạt tới thiền, bạn thu được cái gì từ việc điểm đạo của mình? Tất cả những cái bạn nhận được là quần áo và tên tuổi. Nếu bạn vẫn còn đi tìm thiền, thế thì việc điểm đạo của bạn có ý nghĩa gì?"

Chân lí là ở chỗ điểm đạo chỉ có thể xảy ra sau thiền. Thiền sau điểm đạo chẳng có ý nghĩa gì cả. Điều ấy cũng giống như một người tuyên bố rằng mình mạnh khỏe và người đó vẫn đến gõ cửa nhà bác sĩ và hỏi xin thuốc. Điểm đạo là việc chấp nhận thu được sau thiền. Nó là sự phê chuẩn được trao cho sự chấp nhận của bạn - sự đồng ý. Điều thiêng liêng đã được hỏi ý kiến về bạn và lối vào của bạn trong cảnh giới của ngài đã xảy ra. Điểm đạo chỉ là xác nhận cho sự kiện này.

Việc điểm đạo như vậy bây giờ đã mất, và tôi cảm thấy nó nên được làm sống lại: điểm đạo là nơi thầy không phải là người cho và đệ tử không phải là người nhận - còn người cho là Thượng đế. Điều này có thể có; điều này nên có. Nếu tôi là nhân chứng cho việc điểm đạo của ai đó, tôi không trở thành thầy của người đó. Thế thì thầy của người đó là điều thiêng liêng. Nếu người đó biết ơn, đấy là việc của người đó. Nhưng yêu cầu lòng biết ơn là điên rồ còn chấp nhận nó là vô nghĩa.

Gurudom, mạng lưới cái gọi là thầy, đã được tạo ra bằng việc ban phát dạng thức mới cho điểm đạo. Lời nói được thì thầm vào tai, mật chú được trao, và chẳng có ai điểm đạo cho bất kì ai. Liệu bản thân người đó có được điểm đạo hay không cũng không chắc chắn; liệu điều thiêng liêng có chấp nhận người đó hay không cũng

chẳng được biết. Có lẽ ông thầy ấy nữa cũng đã được điểm đạo theo cùng cách ấy. Ai đó đã thì thầm vào tai ông ta, ông ta lại thì thầm vào tai ai đó, và người này đến lượt mình lại sẽ thì thầm vào tai ai đó khác nữa.

Con người tạo ra điều dối trá và lừa dối trong mọi thứ - và một biến cố càng bí ẩn, càng có nhiều lừa dối, bởi vì chẳng có gì thực chất để nêu ra như bằng chứng.

Tôi có ý định tiến hành phương pháp này ở đây nữa. Khoảng mười hay hai mươi người đang chuẩn bị cho nó. Họ sẽ nhận việc điểm đạo từ điều thiêng liêng. Những người khác đang hiện diện sẽ là nhân chứng, và công việc của họ sẽ là xác nhận liệu việc điểm đạo có được chấp nhận bởi điều thiêng liêng hay không; có vậy thôi. Bạn sẽ kinh nghiệm nhưng bạn sẽ không thể nào nhận ra ngay điều gì đã xảy ra. Nó quá không quen thuộc với bạn, làm sao bạn nhận ra rằng sự việc đã xảy ra? Việc xác nhận có thể được tiến hành bởi sự hiện diện của người đã chứng ngộ. Một mình người này này là cơ sở cho việc đánh giá về nó.

Cho nên người thầy tối cao là paramatman - Thượng đế duy nhất. Nếu thầy đứng giữa bước lùi lại, việc điểm đạo sẽ dễ dàng hơn, nhưng ông thầy trung gian lại hay đứng ở đấy. Bản ngã của ông ta đặc chí khi làm mình thành thượng đế và thể hiện bản thân mình. Nhiều loại điểm đạo đã được trao quanh cái bản ngã này. Tuy nhiên chúng chẳng có giá trị gì; theo ngôn ngữ tâm linh, tất cả những việc đó là tội ác. Những người điểm đạo giả sẽ kết thúc việc đi tìm kiếm chân lí, cứ tin rằng đã tới nơi. Nếu một ngày nào đó những dối trá tâm linh bị xét xử, những ông thầy này phải bị trừng phạt.

Người tìm kiếm không hoài nghi coi điều đó là được công nhận rằng mình đã được điểm đạo. Thế rồi người đó

đi đâu cũng tự hào rằng mình đã nhận được điểm đạo, rằng mình đã có mật chú, và rằng tất cả những gì phải xảy ra, đã xảy ra cho mình. Cho nên tất cả việc tìm kiếm của người đó cho biến cố đúng đắn đều dừng lại.

Khi bất kì ai tới Phật ông ấy cũng không bao giờ điểm đạo cho ngay; đôi khi phải mất nhiều năm trời. Phật sẽ cứ trì hoãn bằng việc bảo người đó thực hiện công phu này công phu khác. Thế rồi, khi thời điểm tới, ông ấy sẽ bảo người đó sang phía điểm đạo.

Có ba phần trong việc điểm đạo của Phật. Người tới để xin điểm đạo phải trải qua ba kiểu buông xuôi. Đầu tiên người đó nói, "Tôi buông xuôi theo Phật - Buddham sharanam gachchhami." Bằng việc này người đó không nói tới Phật Gautam; điều này có nghĩa là buông xuôi bản thân mình theo người đã thức tỉnh.

Có một lần, một người tìm kiếm tới Phật và nói, "Tôi buông xuôi theo vị phật." Phật nghe và vẫn cứ lặng thinh.

Thế rồi ai đó hỏi ông ấy, "Người này nói, 'Tôi buông xuôi theo vị phật,' mà thầy chỉ nghe người đó thôi ư?"

Phật đáp, "Người này không buông xuôi theo ta, người này buông xuôi theo người đã thức tỉnh. Ta chỉ đơn thuần là cái cớ. Đã có rất nhiều vị phật trước ta, và sẽ còn rất nhiều vị phật sau ta. Ta chỉ là cái cớ. Ta chỉ là lí do. Người này đang buông xuôi bản thân mình theo người đã thức tỉnh, cho nên ta là ai mà dùng anh ta lại? Nếu anh ta buông xuôi theo ta, ta chắc chắn sẽ dùng anh ta lại, nhưng anh ta đã nói ba lần rằng anh ta đang buông xuôi bản thân mình theo người đã thức tỉnh."

Thế rồi có việc buông xuôi thứ hai mà còn tuyệt diệu hơn. Trong việc này người ta nói, "Tôi buông xuôi theo tập thể những người đã thức tỉnh - Sangham sharanam

gachchhami." Bây giờ tập thể này có nghĩa là gì? Nói chung, những người theo Phật đều coi điều đó nghĩa là nhóm người của Phật, nhưng điều này không phải là ý nghĩa. Tập thể này là tập hợp tất cả những người đã thức tỉnh. Không chỉ có một Phật là người đã trở nên thức tỉnh; còn có nhiều vị phật trước đó và sẽ có nhiều vị phật sau này, người sẽ thức tỉnh. Họ tất cả đều thuộc vào một công xã, một tập thể. Bây giờ các phật tử cứ nghĩ từ này có nghĩa là hội các phật tử, nhưng điều này là sai.

Chính lời khấn cầu thứ nhất, trong đó Phật giải thích rằng người tìm kiếm buông xuôi bản thân mình theo người đã thức tỉnh chứ không phải theo ông ấy như một con người, làm cho mọi việc thành rõ ràng. Lời khấn cầu thứ hai làm cho tất cả điều đó còn rõ ràng hơn. Trong lời này người đó dâng bản thân mình cho công xã những người đã thức tỉnh.

Ban đầu người đó cúi mình trước một người đã thức tỉnh, người đang ở ngay đó ngay trước mình. Vì người đó đang ở ngay đây nên dễ dàng tiếp cận tới người đó, nói với người đó. Thế rồi người đó buông xuôi bản thân mình theo nhóm người đã thức tỉnh mà đã thức tỉnh từ lâu và là những người mà người đó không biết, và những người sẽ thức tỉnh trong tương lai và cũng là những người mà người này không biết. Người này buông xuôi theo tất cả họ và người này tiến thêm một bước tới điều tinh tế.

Việc buông xuôi thứ ba là cho dhamma - tôn giáo. Lần thứ ba người tìm kiếm nói, "Tôi buông xuôi theo pháp - Dhammam sharanam gachchhami." Việc buông xuôi đầu tiên là theo một người đã thức tỉnh, việc buông xuôi thứ hai là theo nhóm những người đã thức tỉnh, và bây giờ việc buông xuôi thứ ba là theo cái chính là trạng thái tối thượng của việc thức tỉnh - theo pháp. Tức là,

theo bản tính của chúng ta, nơi không có cá nhân, không có cộng đồng; nơi chỉ có pháp, có luật. Người này nói, "Tôi buông xuôi theo pháp đó."

Khi ba việc buông xuôi này đã được hoàn tất chỉ thế thì việc điếm đạo mới được thừa nhận. Phật chỉ là nhân chứng cho biến cố này. Điều này không phải là vấn đề lặp lại đơn thuần. Khi ba việc này đã được hoàn tất - và Phật có thể thấy liệu chúng đã được hoàn tất hay chưa - chỉ thế thì cá nhân này mới được điếm đạo. Phật vẫn còn là nhân chứng cho sự kiện này.

Cho nên về sau Phật cũng sẽ nói với người tìm kiếm, "Chớ có tin những gì ta nói chỉ bởi vì ta là một người đã thức tỉnh; đừng tin vào điều ta nói chỉ bởi vì ta nổi tiếng hay bởi vì ta có nhiều đệ tử hay bởi vì kinh sách xác nhận điều đó. Bây giờ hãy chỉ tin vào cái mà hiểu biết bên trong ông mách bảo ông."

Phật chưa bao giờ trở thành thầy. Vào lúc chết của ông ấy, khi được hỏi về thông điệp cuối cùng của mình, ông ấy đã nói, "Là ánh sáng lên bản thân mình đi. Đừng đi theo người khác; đừng theo đuôi kẻ khác. Là ánh sáng lên bản thân mình. Đây là thông điệp cuối cùng của ta."

Một người như Phật không thể là thầy. Một người như vậy là một nhân chứng. Jesus nhiều lần đã nói, "Đến ngày phán xử cuối cùng, ta sẽ là nhân chứng của ông." Nói cách khác, vào ngày cuối cùng Jesus sẽ làm chứng, "Đúng, người này là người đã cố gắng trở thành người thức tỉnh. Người này muốn buông xuôi theo điều thiêng liêng." Đây là việc nói theo biểu tượng. Điều Christ muốn nói cũng là thế này: "Ta là nhân chứng của ông, không phải là thầy ông."

Không có thầy; do đó, nhận biết về việc điếm đạo nơi ai đó trở thành thầy bạn. Việc điếm đạo mà bạn lập tức trở thành và trực tiếp được nối với điều thiêng liêng là việc điếm đạo duy nhất. Nhớ lấy, trong việc điếm đạo này bạn không phải rời bỏ nhà cửa và ra đi, bạn không phải trở thành người Hindu hay người Mô ha mét giáo hay người Ki tô giáo, mà bạn cũng không cần phải bị gắn với ai đó. Bạn vẫn còn ở nơi bạn đang ở trong tự do đầy đủ của mình; việc thay đổi sẽ xảy ra chỉ từ bên trong. Theo kiểu điếm đạo giả bạn sẽ bị cột vào một tôn giáo: bạn sẽ là người Hindu hay Mô ha mét giáo hay Ki tô giáo. Bạn sẽ là một phần của một tổ chức. Một niềm tin nào đó, một phẩm cấp tôn giáo nào đó, học thuyết nào đó, người nào đó, thầy nào đó, sẽ ảnh hưởng lên bạn và họ sẽ giết tự do của bạn.

Điếm đạo không đem đến tự do, không phải là điếm đạo. Điếm đạo đem cho bạn tự do tuyệt đối, duy nhất là việc điếm đạo thật.

Thầy đã nói rằng Phật đã đạt tới mahaparinirvana - niết bàn tối hậu, nhưng thầy cũng nói rằng Phật còn quay lại dạng người và sẽ được biết tới là Di lặc. Liệu có thể lấy lại dạng người sau khi đã đạt tới niết bàn không? Xin Thầy giải thích.

Điều này có đôi chút khó khăn; do đó, tôi đã không nói về nó hôm qua. Nó đòi hỏi giải thích chi tiết; vậy bây giờ tôi sẽ nêu cho các bạn một giải thích ngắn gọn.

Không thể nào quay trở lại sau khi đạt tới bình diện thứ bảy. Không có việc tái sinh sau thế thứ bảy. Đây là

điểm không có quay lại; bạn không thể về lại từ nơi đó. Nhưng cũng đúng là Phật đã nói ông ấy sẽ quay trở lại dưới dạng của Di lặc. Bây giờ cả hai điều này dường như mâu thuẫn: Tôi nói bạn không thể quay lại sau thể thứ bảy còn Phật lại hứa quay lại. Phật đã đạt tới thể thứ bảy và nhập vào trong niết bàn - thể thì làm sao điều này lại có thể được? Còn có cách khác. Bây giờ bạn phải biết và hiểu đôi điều.

Khi chúng ta chết, chỉ thể vật lí bị loại bỏ đi; phần còn lại của sáu thể vẫn còn với chúng ta. Khi một người đạt tới bình diện thứ năm, bốn thể đầu bị loại bỏ đi và chỉ còn lại ba thể - thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. Trong thể thứ năm người ta có thể quyết tâm giữ các thể thứ hai, ba và bốn, và điều này có thể xảy ra nếu quyết tâm đó là rất mạnh mẽ và sâu sắc. Và với một người như Phật, điều này là việc dễ dàng: ông ấy có thể để lại sau vĩnh viễn các thể thứ hai, ba và bốn của mình. Giống như khối lượng năng lượng, những thể này của Phật vẫn di chuyển trong không gian.

Tất cả các tình cảm mà Phật đã tiếp nhận trong suốt vô lượng kiếp sống đều là tính chất của thể thứ hai - thể ê te. Và những dấu ấn của tất cả các nghiệp mà Phật đã có trong các kiếp trước đều được tích lũy trong thể thứ ba - thể vía. Thể thứ tư mang tất cả những thành tựu của tâm trí Phật. Tất cả những thành tựu của ông ấy vượt ra ngoài tâm trí đều đã được ông ấy diễn đạt qua tâm trí như tất cả các cách diễn đạt được cho qua tâm trí. Bất kì khi nào một người muốn nêu ra những thành tựu của mình ở thể thứ năm hay thậm chí thể thứ bảy, người đó phải sử dụng thể thứ tư của mình - bởi vì phương tiện diễn đạt là thể thứ tư. Cho nên người đã nghe Phật nhiều hơn bất kì ai hay bất kì điều gì khác chính là thể thứ tư của riêng ông

ấy. Bất kì điều gì ông ấy đã nghĩ, đã sống và đã biết đều được thu thập trong thể thứ tư của ông ấy.

Ba thể đầu này tan rã rất dễ dàng. Khi một người đi vào thể thứ năm, ba thể này bị phá hủy. Khi một người đi vào thể thứ bảy, tất cả sáu thể trước đều bị phá hủy. Nhưng nếu một người ở bình diện thứ năm ham muốn lắm, người đó có thể để lại tất cả những rung động của ba thể này trong không gian. Cũng giống như bây giờ chúng ta đang làm các trạm không gian: tuyển tập các thể thứ hai, thứ ba và thứ tư của Phật sẽ cứ di chuyển trong không gian cho tới khi chúng tự biểu lộ trong một cá nhân với tên Di lặc.

Cho nên khi một người có trạng thái cần thiết cho Di lặc được sinh ra, ba thể này của Phật sẽ đi vào người đó. Cho tới giờ người ta vẫn chờ đợi việc tới của ông ấy. Khi ba thể này đi vào trong người đó, người đó sẽ đạt tới phẩm chất của Phật, bởi vì chúng là sự tích lũy của tất cả những kinh nghiệm, tất cả những xúc động, ham muốn và hoạt động của Phật.

Bây giờ, chẳng hạn, giả sử tôi bỏ lại thân thể mình ở đây và nó được gìn giữ thật kĩ lưỡng...

Tại Mĩ một người đã chết quãng ba hay bốn năm trước đây. Ông ta đã để lại việc uỷ thác nhiều triệu đô la và ông ta viết di chúc rằng số tiền này được dùng để gìn giữ thân thể mình cho đến lúc khoa học khám phá ra bí mật của việc đưa một cái xác chết trở về với cuộc sống. Hàng triệu đô la đã được tiêu để gìn giữ thân thể người đó sao cho nó không bị huỷ hoại. Thân thể người đó được gìn giữ bằng quá trình khoa học. Nếu đến cuối thế kỉ này mà chúng ta thành công trong việc làm sống lại người chết, cái xác này sẽ được đem lại cuộc sống. Nhưng linh hồn sẽ khác; nó không thể là linh hồn cũ được.

Thân thể sẽ vẫn như cũ: mắt, màu da, nét mặt, cách đi, tất cả các thói quen vật lý của người đó, sẽ vẫn như cũ. Theo một nghĩa nào đó, người đã chết sẽ được biểu thị trong cái xác này. Nếu người này được tập trung quanh thân thể vật lý của mình - mà người đó phải ở đây vì bằng không, ham muốn sắc bén ấy để gìn giữ thân thể sẽ không có đó - mà chẳng có ý tưởng gì về các thể khác, một linh hồn khác cũng có thể hành động như người đó. Nó sẽ hành động đích xác hết theo cùng cách như người chết, và các nhà khoa học vậy sẽ nói rằng đây vẫn là cùng con người cũ đã quay lại cuộc sống. Tất cả kí ức và hồi ức của người đó mà được cất giữ trong bộ não vật lý sẽ thức tỉnh lại một lần nữa: người đó sẽ có thể nhận ra ảnh của mẹ mình và con mình, những người đã chết từ lâu; người đó sẽ nhận ra thành phố nơi mình sinh ra; người đó sẽ chỉ ra nơi mình chết; người đó cũng sẽ gọi tên những người hiện diện khi mình chết. Linh hồn sẽ khác mặc dầu nội dung bộ não vẫn như cũ.

Bây giờ khoa học nói rằng trong ngày gần đây họ sẽ có thể cấy được kí ức. Điều này là có thể. Nếu tôi chết, toàn bộ hồi ức và kí ức của tôi cũng mất đi cùng tôi. Nhưng bây giờ có thể cất giữ toàn bộ cơ chế kí ức của tôi vào lúc tôi chết cũng như chúng ta gìn giữ mắt để cấy ghép. Ngày mai ai đó sẽ có thể thấy bằng mắt tôi. Và không phải là một mình tôi có thể yêu bằng trái tim mình - ngày mai ai đó khác cũng có thể yêu bằng trái tim tôi nữa. Bây giờ không thể nào hứa hẹn rằng "Trái tim anh mãi mãi là của em." Bởi vì chính trái tim này có thể được thể dành cho người khác trong tương lai xa.

Theo cùng cách đó, kí ức cũng sẽ được cấy ghép. Sẽ phải mất thời gian để làm điều này bởi vì nó rất tinh vi và rất tinh tế. Nhưng trong tương lai, như chúng ta đem mắt cho ngân hàng mắt, sẽ có ngân hàng kí ức nữa. Thế thì kí

ức của tôi sẽ được cấy vào một đĩa bé nhỏ và nó vậy sẽ biết tất cả những điều tôi đã phải học. Nó sẽ trưởng thành mà đã biết bao nhiêu điều vì kí ức của tôi sẽ là một phần tạo nên bộ não nó. Thế thì ý nghĩ của tôi sẽ là của nó, hồi ức của tôi sẽ là của nó, và trong một số vấn đề nó sẽ nghĩ theo cùng cách như tôi nghĩ, vì nó sẽ có bộ não của tôi.

Bây giờ Phật đã kinh nghiệm theo một hướng khác - một hướng không phải là khoa học mà là huyền bí. Bằng một số phương pháp, các nỗ lực đã được tiến hành để gìn giữ các thể thứ hai, thứ ba và thứ tư của ông ấy. Phật không tồn tại chút nào nữa; linh hồn đã sống bên trong cũng đã mất tại bình diện thứ bảy. Nhưng trước khi linh hồn nhập vào bình diện thứ bảy, những thu xếp đã được tiến hành để lo liệu rằng ba thể này - thể thứ hai, thứ ba và thứ tư - không chết. Cái đà của quyết tâm và hứa hẹn của Phật vẫn còn thấm đẫm trong chúng. Cũng hết như nếu tôi ném một hòn đá với lực đủ, nó sẽ đi được tám mươi cây số; thế rồi tôi chết ngay sau khi ném hòn đá đi. Nhưng cái chết của tôi không thể gây nhiễu lên chuyển động của hòn đá. Nó có lực mà tôi đã trao cho nó để đi được tám mươi cây số, và nó sẽ đi dù tôi còn hay không còn. Sức mạnh mà tôi đã sử dụng sẽ giữ cho hòn đá đi tiếp.

Phật đã trao đà cho ba thể này và chúng sẽ sống. Ông ấy cũng đã nói chúng có thể tồn tại được bao lâu. Bây giờ thời gian đã chín muồi cho Di lạc sinh thành. Chính thực nghiệm này đã được tiến hành với J. Krishnamurti để cho ông ấy sẽ đạt tới ba thể của Phật. Đầu tiên thực nghiệm này được tiến hành trên Nityananda, anh của Krisnamurti, nhưng ông này đã chết trong quá trình đó. Đây là một quá trình duy nhất - một quá trình khó khăn để trải qua.

Một nỗ lực đã được tiến hành để tách các thể thứ hai, thứ ba và thứ tư của Nityananda và thay chúng bằng các thể của Di lạc. Thế rồi Nityananda chết. Thế rồi cùng thực nghiệm đó lại được thử lên Krishnamurti, việc này cũng không thể thành công được. Thế rồi điều đó lại được thử lên một hay hai người nữa: George Arundale là một trong những người mà thực nghiệm này đã được thử bởi những người biết về bí mật này. Trong số những người biết về bí mật này, bà Blavatsky là người đàn bà sâu sắc nhất của thế kỉ chúng ta với tri thức liên quan tới khoa học huyền bí. Annie Besant là người khác; Leadbeater cũng có nhiều hiểu biết trong vấn đề huyền bí. Rất ít người có hiểu biết này.

Những người này biết rằng bây giờ sức mạnh đang sau ba thể của Phật đang sắp giảm đi. Nếu Di lạc không sinh ra, những thể này sẽ không thể nào giữ được lâu hơn nữa; chúng sẽ phân tán. Bây giờ đà của chúng đang sắp hết. Ai đó bây giờ phải sẵn sàng để hấp thu ba thể này. Bất kì ai hấp thu ba thể này sẽ thành nguyên nhân cho việc tái sinh của Phật. Linh hồn của Phật sẽ không quay lại, nhưng linh hồn của cá nhân đó sẽ lấy ba thể của Phật và hành động tương ứng. Người đó lập tức sẽ đích thân tham gia vào sứ mệnh của Phật.

Không phải mọi người đều có thể ở vào trạng thái này. Dù người đó là ai, người đó cũng phải ít nhất ở mức độ tâm thức cao như mức độ của Phật. Chỉ người như thế mới có khả năng hấp thu ba thân này; bằng không, người đó sẽ chết. Cho nên thực nghiệm này đã không thành công, bởi vì có nhiều khó khăn trong quá trình này. Cố gắng vẫn còn tiếp tục. Thậm chí ngày nay vẫn còn các nhóm bí truyền nhỏ đang cố gắng đem xuống ba thể này của Phật. Nhưng bây giờ không có tuyên truyền rầm rĩ về nó, vì điều đó tỏ ra có hại.

Đã có khả năng ba thể này giáng xuống Krishnamurti. Ông ấy xứng đáng với điều đó và điều này đã được thông báo rộng rãi. Việc tuyên truyền này đã được tiến hành với niềm tin chân thành. Nó đã được tiến hành bởi lí do là khi việc giáng sinh của Phật xảy ra, ông ấy sẽ nhanh chóng được thừa nhận. Điều đó cũng được tiến hành để làm sống lại các kí ức kiếp quá khứ của những người đang sống bây giờ mà đã sống vào thời Phật, để cho họ có thể nhận ra rằng đây là cùng một con người. Nhưng việc tuyên truyền này lại thành bất lợi cho quá trình này. Nó đã tạo ra phản ứng trong tâm trí của Krishnamurti, người có một nhân cách giản dị, kín đáo và nhạy cảm. Thật khó cho ông ấy ở trong đám đông. Nếu thực nghiệm này được tiến hành trong im lặng tại một chỗ hẻo lánh, bằng không ai biết gì về nó cho tới khi biến cố xảy ra, rất có thể là biến cố đó đã xảy ra thật.

Nhưng việc đó đã không xảy ra. Krishnamurti đã từ chối việc buông bỏ các thể thứ hai, thứ ba và thứ tư của mình để được thay thế bằng ba thể của Phật. Đây là một cú khủng khiếp đối với khoa học huyền bí của thời đại chúng ta. Chưa bao giờ một thực nghiệm rộng lớn và phức tạp như thế được thực hiện trên thế giới này ở bất kì đâu ngoại trừ tại Tây Tạng. Quá trình này đã được tiến hành ở Tây Tạng trong thời gian lâu dài, và nhiều linh hồn làm việc thông qua trung gian của các thể khác.

Tôi hi vọng rằng bạn đã hiểu điều tôi nói. Không có mâu thuẫn trong nó cho dù đôi khi bạn có thể cảm thấy rằng có. Có thể là bạn cảm thấy cái gì đó là mâu thuẫn bởi vì tôi đã nói từ một góc độ khác, nhưng nó không phải là như thế.

Về Osho

Osho sinh ra tại Kuchwada, Madhya Pradesh, Ấn Độ, vào ngày 11 tháng 12 năm 1931. Từ thiếu thời ông đã là một tinh thần độc lập và nổi dậy, nhấn mạnh tới chứng nghiệm chân lý cho chính mình thay vì thu nhận tri thức và niềm tin do người khác trao lại.

Sau khi chứng ngộ ở tuổi hai mươi mốt, Osho hoàn thành học tập hàn lâm và dành nhiều năm giảng dạy triết học tại Đại học Jabalpur. Đồng thời, ông đã du hành trong toàn Ấn Độ để nói chuyện, thách thức các nhà lãnh đạo tôn giáo chính thống trong các cuộc tranh luận công khai, đặt câu hỏi về những niềm tin truyền thống và gặp gỡ mọi người từ mọi nẻo đường cuộc sống. Ông đọc rất nhiều, mọi thứ ông có thể tìm thấy để mở rộng hiểu biết của mình về hệ thống niềm tin và tâm lý của con người hiện đại.

Đến cuối những năm 1960 Osho đã bắt đầu phát triển các kỹ thuật thiền động duy nhất của mình. Con người hiện đại, ông nói, bị quá nặng gánh với những truyền thống lạc hậu của quá khứ và những lo âu của cuộc sống hiện đại đến mức người đó phải trải qua quá trình tẩy rửa sâu sắc trước khi người đó có thể hi vọng khám phá ra trạng thái thanh thoi, vô suy nghĩ của thiền.

Trong quá trình làm việc của mình, Osho đã nói về mọi khía cạnh thực của việc phát triển tâm thức con người. Ông đã cô đọng tinh hoa của điều có ý nghĩa cho việc truy tìm tâm linh của con người hiện đại, dựa trên

không chỉ hiểu biết trí tuệ mà được kiểm nghiệm lại theo kinh nghiệm sống của riêng ông.

Ông không thuộc về tín ngưỡng nào cả - “Tôi là người bắt đầu cho tâm thức tôn giáo hoàn toàn mới,” ông nói. “Xin đừng gắn tôi với quá khứ - điều đó thậm chí chẳng đáng nhớ.”

Bài nói của ông cho các đệ tử và người tìm kiếm tâm linh đã được xuất bản trong hơn sáu trăm năm mươi tập, và đã được dịch sang hơn bốn mươi ba thứ tiếng. Và ông nói, “Thông điệp của tôi không phải là học thuyết, không phải là triết lý. Thông điệp của tôi là giả kim thuật nào đó, khoa học về biến đổi, cho nên chỉ những ai sẵn sàng chết như họ hiện tại và được sinh ra lần nữa trong cái gì đó mới đến mức họ không thể nào hình dung ra được điều đó ngay bây giờ... chỉ vài người dũng cảm mới sẵn sàng lắng nghe, vì lắng nghe là sắp nguy hiểm.

“Lắng nghe, bạn đã bước đi bước đầu tiên hướng tới tái sinh. Cho nên đây không phải là triết lý mà bạn có thể chỉ choàng vào người và đi khoác lác về nó. Đây không phải là học thuyết mà bạn có thể tìm ra khuây khoả cho những câu hỏi phiền nhiễu. Không, thông điệp của tôi không phải là truyền giao bằng lời nào đó. Nó còn nguy hiểm hơn thế nhiều. Nó không gì khác hơn là chết và tái sinh.”

Osho rời khỏi thân thể ngày 19 tháng 01 năm 1990. Công xã khổng lồ của ông ở Ấn Độ tiếp tục là trung tâm trường thành tâm linh lớn nhất trên thế giới hấp dẫn hàng nghìn khách thăm quốc tế, người tới để tham dự vào thiền, trị liệu, các chương trình sáng tạo, hay chỉ để chứng nghiệm bản thể trong phật trường.

Công xã Osho quốc tế

Pune, Ấn Độ

Công xã này là trường phái kì diệu cho việc thám hiểm bên trong. Đó là phiêu lưu lớn lao nhất có đó, và cũng là lễ hội lớn nhất.

Con đường bạn phải đi qua, bạn sẽ phải đi một mình; nhưng biết rằng bao nhiêu người cũng đang du hành một mình sẽ đem lại cho bạn động viên lớn lao.

Một ốc đảo nhỏ mà trong đó cuộc sống đang diễn ra với tầm nhìn hoàn toàn khác; nơi cuộc sống diễn ra có mục đích, ý nghĩa, nơi cuộc sống diễn ra có phương pháp, nơi cuộc sống diễn ra trong tỉnh táo, nhận biết, tỉnh thức; nơi cuộc sống không phải chỉ là điều ngẫu nhiên, nơi cuộc sống bắt đầu trở thành ngày một trưởng thành hơn theo chiều hướng nào đó.

Và đây không phải là tu viện Ấn Độ; đây là công xã quốc tế, nơi gặp gỡ của Đông và Tây. Công xã này đại diện cho toàn bộ loài người, không phải về quá khứ mà là về tương lai.

Nỗ lực của chúng tôi là để làm cho thiền trở thành có sẵn cho từng người và mọi người; bất kì ai muốn thiền, thiền đều sẵn có tương ứng với kiểu của người đó. Nếu người đó cần nghỉ ngơi, nghỉ ngơi cũng nên là thiền của người đó. “Ngồi im lặng không làm gì, rồi xuân tới và cỏ tự nó mọc lên” - đó sẽ là thiền của người đó. Chúng ta phải tìm ra thật nhiều chiều hướng cho thiền, nhiều như số người trên thế gian này. Và khuôn mẫu phải đừng quá cứng nhắc, vì chẳng có hai cá nhân nào giống nhau cả.

Đây là cuộc cách mạng. Cá nhân phải không bị gò khít vào khuôn mẫu; nhưng khuôn mẫu thì phải vừa vặn với cá nhân. Đó là lí do tại sao bạn thấy có nhiều cách thiền thể đang diễn ra ở đây. Cách thức thì có thể là tích cực hay thụ động, cũng chẳng thành vấn đề gì, mục tiêu là một: làm sao làm cho bạn thành im lặng đến mức tất cả mọi suy nghĩ đều biến mất và bạn chỉ còn là tấm gương, phản chiếu cái đang đấy.

Đa đại học Osho

Trong công xã này có ít nhất năm mươi nhóm trị liệu đang tiến hành, bởi những lí do nào đó. Đây chỉ là cách làm cân bằng lại hàng nghìn năm kìm nén. Đây chỉ là để đem lại nhẹ nhàng cho tất cả những cái bạn đã kìm nén - như người Ki tô giáo, người Hindu giáo, Phật tử. Nó chỉ hoàn tác lại cái hại của hàng thế kỉ cũ kĩ đã gây cho bạn. Các nhóm trị liệu này không phải là cứu cánh; chúng chỉ chuẩn bị cho bạn để thiền, chúng kiến thụ động về các ý nghĩ, tình cảm và hành động mà không đánh giá hay đồng nhất.

Sự bùng sáng của mỗi ngày là việc gặp gỡ vào buổi tối: một buổi lễ hai giờ với âm nhạc, nhảy múa và thiền im lặng theo dõi một trong những bài nói của Osho.

“Đây không phải là bài học; đây chỉ đơn thuần là phương tiện để làm cho bạn thành im lặng, vì nếu yêu cầu bạn phải im lặng không nỗ lực gì, bạn sẽ thấy rất khó khăn. Tôi đang làm cho bạn im lặng mà không phải nỗ lực gì về phần bạn cả. Việc nói của tôi trước hết là để dùng như một chiến lược tạo ra im lặng trong bạn.”

Để biết thêm thông tin

<http://www.osho.com>

Osho Commune International

17 Koregaon Park

Pune 411 011 (MS) India

Tel: + 91 (212) 628 562

Fax: + 91 (212) 624 181

Email: osho-commune@osho.com

Osho International

37 Upper Brook Street,

London W1K 7PR

United Kingdom

Tel. +44. (0) 207 493 5001

Fax. +44. (0) 207 493 1203

Office email:

oshointernational@oshointernational.com

<http://www.osho.com/oshointernational>

Để xem một số bản dịch tiếng Việt của sách Osho, các bạn có thể vào trang web:

<http://oshovietnam.wordpress.com/>

Để xem các trích đoạn bài nói của Osho, các bạn có thể ghé thăm trang web

<http://www.thiencungyoga.edu.vn/forum>

“Lời thầy hàm chứa im lặng quanh đó, lời thầy không phải là tiếng động. Lời thầy có giai điệu, có nhịp điệu, có âm nhạc và tại chính cốt lõi của lời thầy là im lặng hoàn toàn. Nếu bạn có thể hiểu thấu lời thầy, bạn sẽ đi xuyên vào im lặng vô hạn này. Nhưng để hiểu thấu lời của Phật, cách thức không phải là phân tích, cách thức không phải là biện luận, cách thức không phải là tranh luận. Cách thức là chìm vào quan hệ với thầy, trở thành hoà hợp với thầy, đồng bộ với thầy. Trong hoà hợp đó, trong sự chân thành đó, người ta đi vào trong chính cốt lõi lời thầy. Và ở đó bạn sẽ không tìm thấy bất kì âm thanh nào, bất kì tiếng động nào; ở đó bạn sẽ thấy im lặng tuyệt đối. Và ném trái nó là hiểu thầy.”

Osho, *Dhammapada: Con đường của Phật*, 5

“Từ lời tôi bạn có thể bùng cháy, nhưng bạn sẽ không thể nào tìm ra bất kì lí thuyết, học thuyết nào. Bạn có thể tìm ra cách sống, nhưng không tìm ra được giáo lí để thuyết giáo. Bạn có thể tìm ra tính cách nổi dậy hay tiêm nhiễm nhưng bạn sẽ không tìm thấy chủ đề cách mạng nào được tổ chức.

“Lời tôi không chỉ là ngọn lửa. Tôi đang đặt thuốc nổ đây đó, chúng sẽ nổ tung trong nhiều thế kỉ. Tôi đang đặt nhiều hơn là sự cần thiết - tôi chưa bao giờ tính hết cơ hội. Gần như từng câu đều dự định để tạo ra rắc rối cho bất kì ai muốn tổ chức tôn giáo quanh tôi.”

Osho, *Từ cá tính tới cá nhân*

Sách Osho đã dịch sang tiếng Việt

1. Con đường tôi con đường của mây trắng
1997
2. Biển chuyển Mật tông
1997
3. Ngón tay chỉ trăng
1997
4. Thiền là gì?
1997
5. Đi tìm điều huyền bí, tập 2
1998
6. Thiền: Tự do đầu tiên và cuối cùng
1998
7. Kinh Kim Cương
1998
8. Tôi là lối cổng
1998
9. Nhịp đập của tuyệt đối
1998
10. Tâm Kinh
1998
11. Mưa rào không mây
1999
12. Nhạc cổ trong rừng thông
1999
13. Dhammapada: Con đường của Phật, t. 1
1999
14. Con thuyền rồng
1999
15. Tín Tâm Minh: Sách về cái không
1999

16. Từ đục tới Siêu tâm thức
1999
17. Từ Thuốc tới Thiền
1999
18. Cương lĩnh Thiền: Tự do với chính mình
2000
19. Vô trí: Hoa của vĩnh hằng
2000
20. Bồ đề đạt ma: Thiền sư vĩ đại nhất
2000
21. Và hoa đã mưa xuống
2000
22. Đạo: Ba kho báu, tập 1
2001
23. Kinh nghiệm Mật tông
2001
24. Bản kinh cuối cùng, tập 6
2001
25. Chiều bên kia cái biết
2001
26. Kỉ luật của siêu việt, tập 3
2002
27. Con đường bên ngoài mọi con đường
2002
28. Không nước không trăng
2002
29. Om Mani Padme Hum
2002
30. Nansen: Điểm khởi hành
2003
31. Joshu: Tiếng gầm của sư tử
2003
32. Mã Tổ: Tấm gương trống rỗng
2003
33. Rinzai: Bậc thầy của điều phi lý
2003
34. Hyakujo: Đỉnh Everest của Thiền
2003
35. Isan: Không dấu chân trên trời xanh
2003

36. Kyozan: Con người thực của Thiền	2004
37. Dogen Thiền sư: Tìm kiếm và hoàn thành	2004
38. Yakusan: Thẳng tới điểm chứng ngộ	2004
39. Đi tìm điều huyền bí, tập 1	2004
40. Dhammapada: Con đường của Phật, t. 2	2004
41. Từ Thuộc tới Thiền (chỉnh lý)	2004
42. Trưởng thành: Trách nhiệm là chính mình	2005
43. Sáng tạo: Khơi nguồn sức mạnh bên trong	2005
44. Dũng cảm: Vui sống hiểm nguy	2005
45. Dược khoa cho linh hồn	2005
46. Cân bằng thân tâm	2005
47. Ta là cái đó	2006
48. Tình yêu, tự do, một mình	2006
49. Dhammapada: Con đường của Phật, t.3	2006
50. Kỉ luật của siêu việt - tập 1	2006
51. Kỉ luật của siêu việt - tập 2	2006
52. Kỉ luật của siêu việt - tập 4	2007
53. Vui vẻ: Hạnh phúc từ bên trong	2007
54. Chuyển bay của một mình tới một mình	2007
55. Nhận biết: Chìa khoá sống trong cân bằng	2007
56. Tự do: Dũng cảm là bản thân mình	2007
57. Dhammapada: Con đường của Phật, t.4	2007
58. Trực giác: Việc biết bên ngoài logic	2007
59. Dhammapada: Con đường của Phật, t.5	2008
60. Dhammapada: Con đường của Phật, t.6	2008
61. Thân thiết: Tin cậy bản thân mình và người khác	2008
62. Dhammapada: Con đường của Phật, t.7	2008
63. Từ bi: Việc nở hoa tới thượng của tình yêu	2008
64. Đạo: lịch sử và giáo huấn	2008
65. Dhammapada: Con đường của Phật, t.8	2009
66. Dhammapada: Con đường của Phật, t.9	2009
67. Cuộc sống, tình yêu, tiếng cười	2009

68. Dhammapada: Con đường của Phật, t.10	2009
69. Dhammapada: Con đường của Phật, t.11	2009
70. Dhammapada: Con đường của Phật, t.12	2009
71. Đạo - Ba kho báu - tập 2	2010
72. Đạo - Ba kho báu - tập 3	2010
73. Đạo - Ba kho báu - tập 4	2010